A. ĐẠI DIỄN GIẢI (Mahāniddesapāḷi)

Kinh Tiểu Bộ - Tập 4 (VNC PHVN, 2021)

ĐẠI DIỄN GIẢI (MAHẢNIDDESAPẪLI)

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ

Niddesa là tưa đề của tập kinh thứ 11 trong 15 tập1 thuộc Khuddakanikâya (Tiểu bộ) - bộ thứ năm của Suttantapitaka (tạng Kinh) sau Dĩghanikãya (Trường bộ), Mcyjhimanikāya (Trung),Samyuttanikāya (Tương ưng bộ) và Añguttaranikāya (Tăng chi bộ). Việc xác định Khuddakanikãya gom có 15 tập (pannarasappabhedo ĩdiuddakanikãyò) được căn cứ vào một so văn bản Chú giải do công soạn thảo của Ngài Buddhaghosa với thứ tự như được trình bày dưới đây: 1. Khuddakapãtha (Tiêu tụng) 2. Dhammapada (Pháp cú) 3. Udâna (Phật tự thuyết) r 4. Itỉvuttaka (Phật thuyết như vậy) 5. Suttanipâta (Kinh tập) 6. Vìmãnavatthu (Chuyện Thiên cung) 7. Petavatthu (Chuyện Nga quỹ) 8. Theragãthã (Trưởng lão kệ) 9. Therĩgãthã (Trưởng lão Ni kệ) 10. Jātaka (Bổn sanh) 11. Niddesa (Diễn giải) 12. Patisambhidãmagga (Phân tích đạo) 13. Apadãna (Thánh nhân kỷ sự) 14. Buddhavarnsa (Phật sử) 15. Cariyāpitaka (Hạnh tạngỷ Niddesa là danh từ nam tánh, có ý nghĩa là "sụ* chỉ ra, sự phân tích" và được phát xuất từ động từ niddisati (ni+/dis+a) có ý nghĩa là "chi ra, giải ra, định rõ." Chúng tôi chọn tựa đề tiếng Việt cho tập Kinh Niddesa là "Diễn giảiy Kỉnh Niddesa được trình bày thành 2 cuôn: Mahãniddesa (Đại diên giải) và Cullaniddesa / CũỊaniddesa (Tiểu diễn giải). Từ PãỊi được gan thêm sau mỗi tựa đề Mahāniddesapāli và Cullaniddesapāli, để khẳng đinh rằng1 2

1 Tiểu bô thuộc Tam tạng Thánh điển PGVNcó 16 tập. (BBT) 2DAA. 17; VỉnAA. X^DhsA. 18.

4 KINH TIÊU Bộ

văn bản này thuộc vê Chánh tạng của Tam tạng (Tipitaka), Theo quan diêm cá nhân, chúng tôi hiên răng hai tính từ ^mahẩ' và "cullcT (hoặc ^cūlc^ do sự khác biệt về cách phát âm) được thêm vào trước tựa đề của các tập sách hoặc bài kinh có thể hiểu theo nghĩa "dại" và "ti&u" (lớn và nhỏ), hoặc "thượng" và (trên và dưới), hay đơn giản hơn chỉ là utập l" và "tập 2" (trước và sau). Nội dung MahãnỉddesapãỊi và CullaniddesapâỊỈ được ghi nhận như sau: -Mahāniddesapāli giải thích về 210 câu kệ (gāthā) của 16 bài kinh (sutto) thuộc Atthakavagga (Phẩm Nhóm tám) của tập SuttanỉpãtapâỊi (Kinh tập) thuộc Tiểu bộ, tạng Kinh. -CuỉlaniddesapâỊi giải thích về 119 câu kệ thuộc Pārâyanavagga (Phầm Đường đi đen bờ kia), cộng thêm vào 41 câu kệ của bài Khaggavisānasutta (Kinh Sừng tê ngưu) thuộc Uragavagga (Phẩm Ran) cũng của tập SuttanipãtapãỊi thuộc Tiểu bộ, tạng Kinh. Tác giả của Niddesa được ghi nhận là Ngài Sāriputta, vi Thượng thủ Thinh văn của đức Phật. Điều này được thấy ghi lại ở phần mở đầu (ganthārambhakathã) của tài liệu Chủ giải Saddhammapajjotikā của tập kinh này.3 Phần cuối của tập sách cho biết: Chủ giải này4 còn có tên gọi khác nữa là Niddesavannanā và đã được thực hiện bởi vi Đại Trưởng lão Upasena lúc vị ấy cư ngụ

ở một gian phòng được xây dựng bởi Kittisena tại phía Tây của Mahāthūpa thuộc Mahāvihāra (Đại tự), ở khu vực phía Nam của kinh thành Anurãdhapura vào năm thứ 26 thuộc triều đại của đức Vua Sirinivãsa Sùisaốghabodhi.5 Cũng có thể gọi tập Chủ giải này với tên Niddesa-atthakathā. hoặc có thể gọi thẹo tên gọi riêng của tưng tập là Mahāniddesa-atthakathā và Cullaniddesa-atthakathā theo sự phân chia thành hai tập như đã được đề cập ở trên. về thời điểm của tập Niddesa như đã được xác định bởi vị Đại Trưởng lão upasena, tác giả của tài liệu Chú giải Saddhammapajjotikā, thì tập này đã có từ thời đức Phật còn tại tiền. Căn cứ vào những chứng cứ cụ thể qua văn tự được báo hiệu bởi cụm từ: ^Vuttam hetam bhagavati (bởi vì điều này đã được đức ĩ * r e f 9

Thê Tôn nói đên) và không có ghi thêm xuât xứ nào khác, chúng ta có thê đưa ra nhận xét rằng tập Niddesa được hình thành rất sớm, lúc lời dạy đức Phật đã được liru truyền trong chúng đệ tử của Ngài, nhimg còn chưa được phân chia thành Tam tạng như cách trình bày hiện tại. Ngày nay, chúng ta có thể sử dụng máy vi tính để tìm thấy những trích dẫn ấy ở các văn bản Pali thuộc tạng Kinh như là: Dĩghanỉkãya, Majjhimanikāya. Samyuttanikāya, Añguttaranikāya^ và các tập kinh thuộc Khuddakanikãya như là: Dhammapadaṃ Jātaka, Udānaṃ Itỉvuttaka^ Theragāthā. v.v... Bên cạnh đó, còn có một số câu trích dẫn được tìm thấy ở tạng

3 MNidA.1.1 4CNidA. 151. 5 Vị vua này được xác định là Aggabodhi (564-598) (Encyclopaedia of Buddhism, vol. VII, The Department of Buddhist Affairs, Ministry of Buddhasāsana, Sri Lanka, 2003, trang 170).

Abhỉdhamma (Vì diệu pháp) nữa. Một yếu tố về thời gian khác nữa là Chú giải Samantapāsādikā ve tạng Luật có ghi lại câu chuyện rang: Có một thời kỳ chỉ còn lại chỉ một vị thuộc lòng tập Niddesa? và điều này làm tiền đề cho việc kết tập Tam tạng lần thứ IV tại Sn Lanka, rồi được ghi xuống bằng chữ viết trên lá buông vào thế kỷ ITTL. Như vậy, có thể kết luận rằng tập Kinh Niddesa vốn đã được lưu truyền trước thời kỳ kết tập ấy. Xét về thể loại, Giáo sư Oliver Abeynayake nhận xét ở sách A Textual and Historical Analysis of the Khuddaka Nikāya như sau: "Niddesa được xép vào thể loại Sutta trong chín thể loại (navañga) bởi Chú giải sư Buddhaghosa. ở tập Chú giải của Nettipakarana. Chú giải sư Dhammapāla công nhận quan điểm của Ngài Buddhaghosa. về vấn đề này, vị upasena, tác giả của tập Chủ giải Niddesa có quan điểm khác biệt. Vị ấy có ý kiến là Niddesa nên được xếp vào thể loại A

Gāthā và Veyyākarana (gāthāveyyākaranañgaddvaya sañgahīto). Điêu đáng lưu ý ở đây là ý kiến cùa vị upasena đã bị phê phán ở Sāratthadīpañī (Sớ giải của Chú giải Samantapāsādika) được viêt bởi vị Sāriputta ở thời kỳ Polonnaruwa (thê kỷ XII). Tác giả của Sāratthadīpañī có vẻ tán thành quan điểm của Buddhaghosa và Dhammapāla, mặc dầu vị ấy thừa nhận việc sắp xếp Niddesa vào thể loại Veyyākarana là hợp lý, dựa trên nên tảng là các câu hỏi và các câu trả lời (pucchāvissajjanā) được tìm thấy ở Niddesa. Vị ấy hướng sự chú ý của chúng ta đên câu hỏi là Niddesa có nên hay không nên được xép vào thê loại Gāthā. Phần trình bày ở Sāratthadīpanī dẫu sao cũng có ý

nghĩa quan trọng trong việc trình bày về sự tranh luận phổ biến có tính chất truyền thống liên quan đến tập Niddesa của chúng ta,9 (160-161). Vê nội dung, Niddesa được xem là một tài liệu chú giải cô. Cách thức giải thích của Nỉddesa có nhiều khác biệt so với các văn bản chú giải của các Chú giải sư Buddhadatta, Buddhaghosa, Dhammapāla, v.v... từ thế kỷ V Tây lịch trở về sau. Cách thức giải thích được thấy ở Niddesa thường là một danh sách dài các từ đong nghĩa, và sự giải thích như vậy được lặp lại mỗi khi từ cần giải thích xuất hiện. Một điểm được ghi nhận khác nữa là Niddesa chú trọng đến việc giải thích từng từ, nhóm từ hoặc một phần của kệ ngôn; qua việc làm đó, ý nghĩa của câu kệ được phô bày, chứ không có phần giải thích ý nghĩa tổng thể của toàn bộ câu kệ. Nhiều chỗ, việc giải thích được thực hiện bằng cách trích dẫn các lời dạy của đức Phật. Niddesa cũng không trình bày các giai thoại, các tích truyện có liên quan đến vấn đề đang được giải thích. Các thuật ngữ về văn phạm không được tìm thấy, nhưng lại có định nghĩa của một số từ vựng, ví dụ như: iti. addhaṃ āyasmā, na, v.v... Hoặc một số thuật ngữ hầu như chỉ có riêng ở Niddesa mà không thấy ở các tập kinh khác, ví dụ như việc phân tích và giải nghĩa về 6 hạng Muni: Agāramuni (Hiên trí tại gia), Anagāramuni (Hiên trí xuất gia), Seldiamuni (Hiên

6 VinA. m. 695.

, ,T 7 1 X , •, trí Hữu học), Asekhamuni (Hiên trí Vô học), Paccekamuni (Hiên trí Độc giác), Munỉmuni (Hiên trí của các bậc Hiên trí, Hiên trí Toàn Giác); 2 loại kāmā (dục): vatthukāma (vật dục) và kilesakāma (ô nhiễm dục); 5 loại con mắt đã được khai mở (vivatacakkhu) của đức Phật: marnsacakkhu (nhục nhãn), dibbacakkhu (thiên nhãn), paññācakkhu (tuệ nhãn), Buddhacakkhu (Phật nhãn), samantacakkhu (toàn nhãn), v.v... Tuy nội dung của Niddesa có tính chất chú giải, nhưng vẫn là văn bản được xếp vào Tiểu bộ. tạng Kinh, thuộc Chảnh tạng như đã được ghi lại bởi Chú giải sư Buddhaghosa. Nội dung của tập thứ nhát, Mahāniddesapāli. được chia thành 16 phân dựa theo 16 bài kinh (sutto) ở văn bản gốc (Suttanipātapāḷi. Kinh tập) cụ thể như sau: /ĩ T x 1. Kāmasuttaniddeso (Diên giải kinh vê dục) 2. Guhatthakasuttaniddeso (Diên giải kinh nhóm tám vê hang) 3. Dutthatthakasuttaniddeso (Diễn giải kinh nhóm tám về xấu xa) 4. Suddhatthakasuttaniddeso (Diễn giải kỉnh nhóm tám về trong sạch) 5. Paramatthakasuttaniddeso (Diễn giải kinh nhóm tám về tối thắng) 6. Jarāsuttaniddeso (Diên giải kinh vê sự già) 7. Tissametteyyasuttaniddeso (Diên giải kinh vê Tissametteyyă) K 9 1 l /ĩ 8. Pasũrasuttaniddeso (Diên giải kinh vê Pasũră) 9. Māgandỉyasuttaniddeso (Diên giải kinh vê Mâgandiyă) 10. Purãbhedasuttanỉddeso (Diễn giải kinh trước khi hoại rã) 11. Kalahavỉvãdasuttaniddeso (Diễn giải kỉnh cãi cọ và tranh cãi) 12. Cūlaviyūhasuttaniddeso (Diễn giải kinh sự dàn trận nhỏ) 13. Mahãviyũhasuttaniddeso (Diễn giải kinh sự dàn trận lớn) 14. Tuvatakasuttaniddeso (Diễn giải kinh một cách nhanh chỏng) 15. Attadandasuttaniddeso (Diễn giải kinh uế hạnh của bản thân) 16. Sãriputtasuttaniddeso (Diên giải kinh vê Sãriputta) Các kệ ngôn trong tổng số 210 kệ ngôn của 16 phần trên được giải thích tuần tự đúng theo thứ tự ở tập Suttanipãtapãḷi và được trình bày theo chữ nghiêng hay tô đậm để tiện việc phân

biệt. Một cách tóm tát, tập MahãniddesapâḶi giúp cho người học Phật củng cô vê mặt tri kiến, cũng như về lãnh vực tu tập với lời giải thích chi tiết phần giáo lý về các dục và sự đắm nhiễm tham ái của bản thân, từ đó dẫn đến các trạng thái Ô nhiêm và chấp thủ tà kiên khiên con người không năm được bản thê thật của thế gian, sanh-già-bệnh-chết, rồi lao vào các cuộc tranh cãi, sanh khởi ngã mạn, chìm đăm vào trạng thái mê muội và xa lìa sự giác ngộ.

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU 7

về phương diện dịch thuật và trình bày văn bản tiếng Việt, chúng tôi đã ghi nghĩa Việt của các kệ ngôn bằng văn xuôi nhằm diễn tả trọn vẹn ý nghĩa của văn bản góc. Trong phân nhiêu các trường hợp, hai dòng kệ ngôn gôm bôn pâda là được hoàn chỉnh về ý nghĩa. Nhưng có một vài trường hợp, ý nghĩa được nối từ kệ ngôn này sang kệ ngôn khác, thì chúng tôi dịch gom chung các kệ ngôn có liên quan lại với nhau. Trong trường hợp một sô các kệ ngôn PãḶi gôm 3 hoặc 4 dòng có ý nghĩa được tách biệt theo từng dòng một, chúng tôi ngắt câu dịch Việt thành từng dòng riêng biệt tương ứng với từng câu PâḶi để tiện việc đối chiếu, so sánh, tìm hiểu và học hỏi. về văn phong của lời dịch, chúng tôi chủ trương ghi lại lời tiếng Việt sát theo văn bản gốc và cố gắng không bỏ sót từ nào không dịch. Lời văn tiếng Việt của chúng tôi có chứa đựng những mâu chót giúp cho những ai có ý thích nghiên cứu PâḶi thấy ra được cấu trúc của loại ngôn ngữ này, đồng thời tạo sự thuận tiện cho công việc hiệu đính trong tương lai. Việc làm này của chúng tôi không hẳn đã được hoàn hảo, dẫu sao cũng là bước khởi đầu nhằm thúc đẩy phong trào nghiên cứu cổ ngữ Phật học của người Việt Nam. Tuy nhiên, một số sai sót trong quá trình phiên dịch đương nhiên không thể tránh khỏi, chúng tôi xin chiu hoàn toàn trách nhiệm về trình độ có hạn. Cuối cùng, ngưỡng mong phước báu phát sanh trong công việc soạn thảo tập kinh này được thành tựu đến Thầy Tổ, song thân và tất cả chúng sanh trong tam giới. Nguyện cho hết thảy đều được an vui, sức khỏe, có trí tuệ và tinh tấn tu tập ngõ hâu thành đạt cứu cánh giải thoát, châm dứt khô đau.

Kính bút, Ngày 16 tháng 4 năm 2018 Tỳ-khiru Indacanda (Trương Đình Dũng)

1. DIỄN GIÃI KINH VÈ DỤC (KĀMASUTTANIDDESO)

1.1. Đôi với người ham muôn vê dục, nêu điêu ây thành tựu đên người ây, đương nhiên [người ấy] có ỷ vui mừng sau khi đã đạt được điều mà con người ước muốn. Đối với người ham muốn về dục. Dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. Các loại nào là vật dục? Các sắc hợp ý, các thinh hợp ý, các hương hợp ý, các vị hợp ý, các xúc hợp v, các vật trải lót, các vật đắp, các tôi trai và tớ gái, dê, cừu, gà, heo, voi, bò, ngựa, lừa, ruộng, đất, vàng, bạc, làng mạc, thi trấn, kinh thành, quôc độ, xứ sở, khu trại và nhà kho; bát cứ vật gì đưa đên sự luyên ái là vật dục. Thêm nữa là các dục quá khứ, các dục vi lai, các dục hiện tại, các dục nội phần, các dục ngoại phần, các dục nội và ngoại phần, các dục hạ liệt, các dục trung bình, các dục cao quý; các dục thuộc địa ngục, các dục thuộc loài người, các dục thuộc cõi trời; các dục hiện tiền, các dục được tạo ra, các dục được người khác tạo ra, các dục không được tạo ra, các dục thuộc sở hữu, các dục không thuộc sở hữu, các dục được chấp là của ta, các dục không được

chấp là của ta; tính luôn tất cả các pháp dục giới, tất cả các pháp sắc giới, tất cả các pháp vô sắc giới; các dục có nền tảng là tham ái, có cảnh giới là tham ải9 với ý nghĩa đưa đến sự ham muốn, với ý nghĩa đưa đến sự luyến ái, với ý nghĩa đưa đến sự say đắm. Các điều này được gọi là vật dục. Các loại nào là ô nhiễm dục? Mong muốn là dục, luyến ái là dục, mong muôn và luyên ái là dục, tư duy là dục, luyên ái là dục, tư duy và luyên ái là dục; [ô nhiễm dục] là sự mong muốn về dục, sự luyến ái về dục, niềm vui về dục, sự tham ái về dục, sự yêu mến về dục, sự nồng nhiệt về dục, sự mê mẩn về dục, sự bám chặt vào dục, sự lôi cuốn của dục, sự gắn bó với dục, sự chấp thủ ở dục, sự che lấp do mong muốn về dục liên quan đến ngũ dục. "Này dục, ta đã nhìn thấy gốc rễ của ngươi. Này dục, ngươi sanh lên từ sự tư duy. Ta sẽ không tư duy về ngươi nữa. Này dục, như vậy ngươi sẽ không hình thành?51 Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

1 Bổn sanh uThợ cạo Gañgamāla^, (Gañgamālafātakarñ), số 421, TTPV, tập 32, trang 311, câu kệ 1185. (ND)

10 KINH TIÊU Bộ

Đối với người ham muốn: Đối với người đang ham muốn, đối với người đang ước muốn, đối với người đang ung thuận, đối với người đang ước nguyện, đối với người đang mong cầu, đối với người đang nguyện cầu. "Đối với người ham muốn về dqc" là như thế. Nếu điều ấy thành tựu đến người ấy. Đen người ấy: Đen người ấy tức là đến vị Sát-đế-ly, hoặc đến vị Bà-la- môn, hoặc đến thương nhân, hoặc đến kẻ nô lệ, hoặc đến người tại gia, hoặc đến vị xuất gia, hoặc đến vị trời, hoặc đen loài người. Điều ấy: Tức là nói đến các vật dục: Các sắc hợp ý, các thinh hợp ý, các hương hợp ý, các vị hợp ý, các xúc hợp ý. Thành tựu: Tức là có kết quả, thành tựu, đạt được, tiếp nhận, đạt đến, tìm thấy. "Nếu điều ấy thành tựu đến người ấy" là như thế. Đương nhiên [người ấy] có ý vui mừng. Đương nhiên: Từ "đương nhiên" này là lời nói nhất định, lời nói không ngờ vực, lời nói không nghi ngờ, lời nói không hai nghĩa, lời nói không gây ra sự lưỡng lự, lời nói bảo đảm, lời nói không sai trái, lời nói khẳng đinh. Vui mừng: Vui mừng là sự hân hoan, sự tùy hỷ, sự vui thích, sự cười đùa, sự hài hước, sự vui lòng, sự vui sướng, sự phấn khởi, sự hoan hỷ, sự sung sướng của tâm có liên quan đến năm loại dục. Ý: Tức là tâm, ý? ý thức, trói tim, chất xám; ý9 ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, từ đó ý thức giới sanh lên; điều này được gọi là ý. Y này với sự vui mừng này là đồng hành, đồng sanh, được gắn bó, được gắn liền, cùng sanh, cùng diệt, chung một nền tảng, chung một đối tượng. Có ý vui mừng: Có ý vui mừng là có ý vui vẻ, có ý vui thích, có ý thh thú, có ý hoan hỷ, có ý phấn khởi, có ý hài lòng, có ý mừng rỡ. "Đương nhiên [người ấy] có ý vui mừng" là như thế. Sau khi đã đạt được điều mà con người ước muốn. Sau khi đã đạt được: Là sau khi nhận được, sau khi đạt đến, sau khi tìm thấy, sau khi tiếp nhận. Con người: Là chúng sanh, đàn ông, thanh niên, người nam, cá nhân, mạng sống, người còn sanh tử, loài người, người đi theo nghiệp, nhân loại. Điều mà con ngỉrời ước muốn: Điều mà con người ước muốn là điều mà con người ưng thuận, điều mà con người ước nguyện, điều mà con người mong cầu, điều mà con người nguyện cầu: Hoặc là sác, hoặc là thinh, hoặc là hương, hoặc là vị, hoặc là xúc. “Sau khi đã đạt được điều mà con người ước mu6n" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

ĐẠI DIỄN GIẢI 11

, Ằ 1 Ẩ -í /í Á 1 y 1 Í(ĐÔỈ với người ham muôn vê dục, nêu điêu ây thành tựu đên người âyf đương nhiên [người ấy] có ỷ vui mừng sau khi đã đạt được điều mà con người ước muốn.

1.2. Nếu đổi với người ấy, [tức là] đối với người đang ham muốn, đối với người có sự mong muốn đã sanh khởi; các dục ấy bị suy giảm thì [người ấy] bi kho sở như là bị đâm xuyên bởi mũi tên. Nếu đối với người ấy, [tức là] đối với người đang ham muốn. Nếu đối với người ấy: Tức là đối với vị Sát-đế-lỵ, hoặc đối với vị Bà- la-môn, hoặc đối với thương nhân, hoặc đối với kẻ nô lệ, hoặc đối với người tại gia, hoặc đối với vị xuất gia, hoặc đối với vị trời, hoặc đối với người nhân loại ấy. Đối với người đang ham muốn: Là đối với người dang ước muốn, đối với người đang ưng thuận, đối với người đang ước nguyện, đoi với người đang mong cầu, đối với người đang nguyện cầu các dục; hoặc là người bị đưa di, bi dẫn đi, bị lôi di, bị mang đi bởi sự tham ái về dục. Giống như người bi đưa di, bị dẫn đi, bị lôi di, bị mang đi bằng xe voi kéo, bằng xe na kéo? bằng xe bò kéo, bằng xe dê kéo, bằng xe cừu kéo, bằng xe lạc đà kéo, bang xe lừa kéo; tương tự như vậy là người bị đưa di, bị dẫn di, bi lôi đi, bi mang đi bởi sự tham ái về dục. "Nếu đối với người ấy, [tức là] đối với người đang ham muốn^, là như thế. Đối với người có sự mong muốn đã sanh khỏi. Mong muốn: Là sự mong muốn về dục, sự luyến ái về dục, niềm vui về dục, sự tham ái về dục, sự yêu mến về dục, sự nồng nhiệt về dục, sự mê mẩn về dục, sự bám chặt vào dục, sự lôi cuốn của dục, sự gắn bó với dục, sự chấp thủ ở dục, sự che lấp do mong muốn ở các dục. Đối với người ấy, sự mong muốn về dục đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện. Đôi với người: Là đôi với chúng sanh, đôi với đàn ồnệ, đôi với thanh niên, đối với người nam, đối với cá nhân, đối với mạng sốnẹ, đoi với người còn sanh tử, đối với con người, đối với người đi theo nghiệp, đoi với nhân loại. "Đối với người có sự mong muốn đã sanh kh&i" là như thế. Các dục ấy bi suy giảm: Hoặc là các dục ấy bị suy giảm, hoặc là người ấy bị suy ệiảm vê các dục. Các dục ây bị suy giảm băng cách nào? Ngay trong khi người áy đang gìn giữ, các vị vua lấy đi các tài sản của người ấy, hoặc các kẻ trộm lấy di, hoặc lửa thiêu đốt, hoặc nước cuốn trôi, hoặc những nguồi thừa tự không được yêu mến lấy đi, hoặc không đạt được vật đã chôn giau, hoặc các công việc bị đổ vỡ do xử lý kém, hoặc kẻ phá gia xuất hiện ở gia đình làm phân tán, tàn phá, hủy hoại các tài sản ấy, tính luôn tính chất vô thường là thứ tám.2 Các dục ấy bị giảm thiểu, bị suy giảm, bị mất mát, đổ vỡ, biến mất, tiêu hoại ỉa như vậy.

2 ở đây, có đến 9 yếu tố đã được trình bày. Lẽ ra phải ghi: "Tính chất vô thường là thứ chín". (ND)

12 KINH TIÊU Bộ

Người ấy bi suy giảm về các dục bằng cách nào? Ngay trong khi các tài sản ấy còn đang tồn tại thì người ấy từ trần, chết di, biến mât? tiêu hoại. Như vậy, nệười ấy bị giảm thiểu, bị suy giảm, bị thiếu thốn, thất bại, mất mát, bị tiêu hoại ve các dục. 1. "Cdc kẻ trộm, các vi vua lấy đi, lửa đốt, bi mất mát, rồi cuối cùng thì người cũng phải từ bỏ thân

mạng cùng với vật sở hữu. 2. Hiểu thông được điều này, các bậc thông minh nên thọ dụng và nên bổ thỉ. Sau khi bô thỉ và thọ dụng tùy theo khả năng thì không bi chê trách và đi đen coi trời. Các dục ấy bi suy giảm, thì [người ấy] bỉ khổ sở như là bi đâm xuyên bời mũi tên: Giống như bị đâm xuyên bởi mũi tên làm bằng sắt, hoặc bị đâm xuyên bởi mũi tên làm bằng xương, hay bởi mũi tên làm bằng ngà, hay bởi mũi tên làm bằng sừng, hay bởi mũi tên làm bằng gỗ thì bị khổ sở, bi bực tức, bị đụng chạm, bi hành hạ, bị bệnh hoạn, bi ưu phiên, tương tự y như thế, do trạng thái biến hoại và đoi khác của các vật dục, sầu-bi-khổ-iru-não sanh lên. Bi đâm xuyên bởi mũi tên [ngũ] dục và mũi tên sâu muộn, người áy bị khô sở, bi bực tức, bị đụng chạm, bi hành hạ, bị bệnh hoạn, bi ưu phiền. “Bj khổ sở như là bị đâm xuyên bởi mũi ten" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: “Nêu đôi với người áy, [tức là] đôi với người đang ham muôn, đôi với người có sự mong muốn đã sanh khởi. Các dục ấy bi suy giảm, thì [người ấy] bị kho sở như là bỉ đâm xuyên bởi mũi tên.

1.3. Người nào lánh xa các dục tựa như các bàn chân [lánh xa] đầu của con rắn, người ấy có niệm, vượt qua hẳn sự vướng mắc này ở thế gian. Người nào lánh xa các dục. Người nào: Người nào là nẹười như thế, được gắn bó như thế, được đinh đặt như thế, có biểu hiện như the, đã đạt đến địa vi ay, đã thành tựu phẩm chất ấy; hoặc là vị Sát-đế-ly, hoặc là vị Bà-la-môn? hoặc là thương nhân, hoặc là kẻ nô lệ, hoặc là người tại gia, hoặc là vị xuất gia, hoặc là vị thiên, hoặc là người nhân loại. Lánh xa các dục. Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt) ... Các điều này được gọi là vật dục.... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục. Lánh xa các dục: Lánh xa các dục bởi hai lý do: Bởi sự đè nén hoặc bởi sự đoạn trừ. Thế nào là bởi sự đè nén mà lánh xa các dục? Trong khi nhìn thấy "các dục như là đống xương [không còn thịt] với ý nghĩa chút ít hứng thii" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn

thấy ucác dục như là miếng thịt [bị diều hâu tha đi] với ý nghĩa vật chung của số d6ng" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy "các dục như là cây đuôc cỏ với ý nghĩa thiêu d6t" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy "các dục như là hố than hừng với ý nghĩa nóng bức dữ dQi” thi bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy ucác dục như là giấc mơ với ý nghĩa hiện diện ngắn nghi" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy ucác dục như là vật vay mượn với ý nghĩa tạm th&i" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy "các dục như là trái trên cây với ý nghĩa gãy đố" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thay "các dục như là lò sát sanh với ý nghĩa chặt chém,, thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy "các dục như là mũi lao nhọn với ý nghĩa đâm thủng" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy ucác dục như là đâu rắn độc với ý nghĩa có sự sợ hi" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy "các dục như là đống lửa với ý nghĩa nóng bức dữ doi" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Ngay cả trong khi tu tập tùy niệm Phật thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục, ngay cả trong khi tu tập tùy niệm Pháp,...(nt)... ngay cả trong khi tu tập tùy niệm Tăng, ngay cả trong khi tu tập tùy niệm giới, ngay cả trong khi tu tập tùy niệm xả thí,

ngay cả trong khi tu tập tùy niệm thiên, ngay cả trong khi tu tập niệm hơi thở vào hơi thở ra, ngay cả trong khi tu tập niệm sự chét? ngay cả trong khi tu tập niệm đặt ở thân, ngay cả trong khi tu tập tùy niệm Niết-bàn thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Ngay cả trong khi tu tập Sơ thiên thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục, ngay cả trong khi tu tập Nhị thiên, ngay cả trong khi tu tập Tam thiền, ngay cả trong khi tu tập Tứ thiền, ngay cả trong khi tu tập sự chứng đạt Không vô biên xứ, ngay cả trong khi tu tập sự chứng đạt Thức vô biên xứ, ngay cả ttong khi tu tập sự chứng đạt Vô sở hữu xứ, ngay cả trong khi tu tập sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Bởi sự đè nén mà lánh xa các dục là như vậy. Thế nào là bởi sự đoạn trừ mà lánh xa các dục? Ngay cả trong khi tu tập đạo Nhập lưu thì bởi sự đoạn trừ mà lánh xa các dục đưa đến khổ cảnh. Ngay cả trong khi tu tập đạo Nhất lai thì bởi sự đoạn trừ mà lánh xa các dục thô thiển. Ngay cả tronẹ khi tu tập đạo Bất lai thì bởi sự đoạn trừ mà lánh xa các dục có tính chát vi tê. Ngay cả trong khi tu tập đạo A-la-hán thì bởi sự đoạn trừ mà lánh xa các dục, tát cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót. "Người nào lánh xa các due" là như thê. Tựa như các bàn chân [lánh xa] đầu của con rắn. Con rắn: [Sappa] được gọi là ahi. Con rắn với ý nghía gì? Sappo là vì "ii6 di chuyển theo lối bò trườn", bhụiago là vì "n6 di chuyên ngoằn ngoèo'? urago là vì unó di chuyển bằng ngụrc", pannago là vì "ĩi6 di chuyển với cái đầu ở tư

thế nằm,59 sirimsapo là vì unó ngủ bằng cái dầu", bỉlãsayo là vì "n6 nằm trong độnq9\ gụhâsayo là vì "n6 nằm trong hang"dãthāvudho là vì "răng nanh của nó là vũ khí", ghoraviso là vì "chất độc của nó là dữ d0i", dvịịivho là vì Tuốd của nó c6 hai phấp", dvirasañño là vì unó nếm vị bằng hai cái lưỡi.953 Người đàn ông ham muôn sống, ham muốn không bị chết, ham muốn lạc, chán ghét khổ nên tránh né, nên lánh xa, nên tránh thật xa cái đâu con rắn bằng bàn chân như thế nào thì người ham muốn lạc, chán ghét khổ nên tránh né, nên tránh xa, nên lánh xa, nên ưánh thật xa các dục y như thế ấy. "Tựa như các bàn chân [lánh xa] đầu của con rắn" là như thế. Người ấy có niệm, vượt qua hẳn sự vướng mắc này ờ thế gian. Người ấy: Là người lánh xa các dục. Sư vướng mắc: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ải, luyến ái mãnh liệt, sự say đăm, sự chiều chuộng, niềm vui, niềm vui và luyến ái, sự luyến ái mãnh liệt của tâm, ước muốn, mê mẩn, bám chặt, thèm khát, thèm thuồng, quyến luyến, đắm nhiễm, dục vọng, xảo trá, liên quan tái sanh, sự tạo ra khổ, người thợ may, cái lưới bẫy, sự cuốn trôi, sự vướng mắc, sợi chỉ trói, sự lan rộng, có sự ra sức, bạn đời, nguyện vọng, lối dẫn đến hữu, rừng cây, bụi rậm, sự thân thiết, sự thương yêu, sự trông mong, sự thân mật, sự mong mỏi, sự mong ước, trạng thái mong ước, sự mong mỏi vê sắc, mong mỏi về thinh, mong mỏi về hương, mong mỏi về vị, mong mỏi về xúc, mong mỏi về lợi lộc, mong mỏi về tài sản, mong mỏi về con trai, mong mỏi về mạng sống, tham muốn, khởi tham muốn, nguyện cầu, biểu hiện tham muốn, trạng thái tham muốn, tham lam, biểu hiện tham lam, trạng thái tham lam, xao xuyến, ham muốn vật vừa ý, luyến ái sai pháp, tham sai trái, đeo đuổi, khao khát, ước nguyện, mong cầu, ước nguyện tốt đẹp, dục ái, hữu ái, phi hữu ái, ái cối sắc, ái cõi vô sắc, ái Niết-bàn, ái cảnh sắc, ái cảnh thinh, ái cảnh khí, ái cảnh vị, ái cảnh xúc, ái cảnh pháp, dòng nước lũ, sự ràng buộc, ướí buộc,

chấp thủ, ngăn trở, ngăn che, che đậy, cột ướI, làm ô nhiễm, tiềm ẩn, thâm nhập, quấn lấy, sự keo kiệt, cội nguồn của khổ, căn nguyên của khổ, nguồn sanh khổ, cạm bẫy của Ma vương, lưỡi câu của Ma vương, lãnh địa của Ma vương, ái ví như dòng sông, ái ví như tấm lưới, ái ví như dây xích, ái ví như biển, tham đam, tham, cội nguồn của bất thiện. Sự vướng mắc: Sự vướng mắc với ý nghĩa gì? "Được trải rộng^ là vướng mắc, “bao quaf là vướng mắc, "được lan rộng" là vướng mắc, "n6 lôi kéo theo" là vướng mắc, "n6 mang lại chất độc" là vướng mắc, "truyền bá chất độc" là vướng mắc, ugốc rễ của chất độc'9 là vướng mắc, “kết quả của chất độc,5 là vướng mắc, “sịt thọ dụng độc hại" là vướng mắc. Hoặc hơn nữa, “tham ái ấy là bao quát ở sắc, ở thinh, ở hương, ở vi, ở xúc, ở gia tộc, ở đồ chúng, ở chỗ ngụ, ở lợi lộc, ở danh vọng, ở lời khen, ở hạnh phúc; ở y phục, ở đồ ăn khất thực, ở chỗ nằm ngồi, ở vật dụng là thuốc men chữa bệnh; ở dục giới, ở sắc giới, ở vô

3 ở PâỊi các từ sappo, ahi, bhụịọgo, urago, pannago, sirimsapo, bilãsayo, guhāsayo, dãthãvudho, ghoravỉso, dvijivho, dvirasañññū đều là tên gọi của loai ran.

ĐẠI DIỄN GIẢI 15

Sắc giới; ở cõi dục, ở cõi sắc, ở cõi vô sắc, ở cõi hữu tưởng, ở cõi vô tưởng, ở cõi phi tưởng phi phi tưởng; ở cõi một uẩn, ở cõi bốn uẩn, ở cõi năm uẩn; ở quá khứ, ở vị lai, ở hiện tại; ở các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, được trải rộng, được lan rộng59 là vướng mắc. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ. Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,... (nt)... trên các thọ,... (nt)... trên tâm, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát pháp trên các pháp. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do lánh xa thất niệm, có niệm do trạng thái đã thực hành các pháp cần phải thực hành đối với niệm, có niệm do trạng thái đã tiêu diệt các pháp đối nghịch với niệm, có niệm do trạng thái không lơ là đối với các pháp an chứng của niệm. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do trạng thái đã thành tựu về niệm, có niệm do trạng thái đã trú ở niệm, có niệm do trạng thái quen thuộc với niệm, có niệm do trạng thái không thối thất đối với niệm. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do trạng thái tự tại, có niệm do trạng thái được an tinh, có niệm do trạng thái được yên lặng, có niệm do trạng thái đã thành tựu pháp của bậc chân nhân. Có niệm do tùy niệm Phật, có niệm do tùy niệm Pháp, có niệm do tùy niệm Tăng, có niệm do tùy niệm giới, có niệm do tùy niệm xả thí, có niệm do tủy niệm thiên, có niệm do niệm hơi thở vào hơi thở ra, có niệm do tùy niệm sự chết, có niệm do niệm đặt ở thân, có niệm do tùy niệm Niết-bàn. Niệm là sự tùy niệm, niệm hiện tiền; niệm là trạng thái ghi nhớ, trạng thái ghi nhận, trạng thái không lơ là, trạng thái không quên lãng; niệm là niệm quyền, niệm lực, chánh niệm, niệm giác chi, con đường độc đạo;4 điều này được gọi là niệm. Người đã tiến đến, đã tiên gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu niệm này, người ấy được gọi là có niệm. Người ấy có niệm, vượt qua hẳn sự vướng mắc này ờ thế gian: Sự vướng mắc này là ở ngay tại thê gian. Người có niệm vượt qua, vượt lên, vượt khỏi, vượt qua hẳn, vượt qua khỏi sự vướng mắc này ở ngay

tại thế gian. "Người ấy có niệm, vượt qua hẳn sự vướng mắc này ở thế gian" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "'Người nào lảnh xa các dục tựa như các bàn chân [lảnh xa] đau của con rắn, người ấy có niệm, vượt qua hẳn sự vướng mắc này ở thế gian." r ĩ 1.4. Người nam nào thèm muôn ruộng, đất, hoặc vàng, gia súc, ngựa, tôi tớ, người hầu, người nữ, thân quyến, vô số các dục. Ruộng, đất, hoặc vàng.

4 "Con đường độc dap59 hiểu theo nghĩa "con đường chỉ có một lối đi duy nhất, không rẽ thành hai nhanh", không hiểu theo nghĩa "con đường duy nhất, con đường độc nhất." Ekãyanamaggo ti ekamaggo; ayam maggo na dvedhãpathabhũto tỉ evam attho datthabbo(NỉdA. L 52).

16 KINH TIÊU Bộ

Ruộng: Là ruộng lúa sāli, ruộng lúa mùa, ruộng đậu xanh, ruộng đậu māsā, ruộng lúa mạch, ruộng lúa mì, ruộng mè. Đát: Là đát nhà, đát công ra vào, đát phía trước nhà, đát phía sau nhà, đát vườn, đất thổ cư. Vàng: Vàng nói đến tiền vàng. "Ruộng, đất, hoặc vàng,5 là như thế. Gia súc, ngựa, tôi tớ, người hầu. Gia súc: Là nói đến trâu bò. Ngựa: Là nói đến các con thú như là dê, v.v... Tôi tớ: Có bốn loại tôi tớ: Tôi tớ bẩm sinh, tôi tớ được mua bằng tài sản, hoặc tự nguyện trở thành tôi tớ, hoặc trở thành tôi tớ do sự ép buộc. "Nhiều người trở thành tôi tớ do mẹ là tôi tớ, Thậm chí do được mua bởi tài sản mà trở thành tôi tớ, Và nhiều người tự nguyện trở thành tôi tớ, Cũng có những ngườd do sự sợ hãi mà bị bắt đi trở thành tôi tÓL" Người hầu: Có ba hạng người hàu: Người làm thuê, người làm công, người sống nhờ. "Gia súc, ngựa, tôi tớ, người hầu" là như thế. Ngườ nữ, thân quyến, vô số các dục. r Người nữ: Là nói đên sự sở hữu thân người nữ. Thân quyến: Có bốn loại thân quyến: Thân quyến của cha mẹ là thân quyến, thân quyến của dòng tộc là thân quyến, thân quyến do [cùng học] chú thuật, thân quyến do [cùng học] nghề nghiệp. Vô số các dục: Là nhiều loại dục. Vô số các dục này là các sắc hợp ý?... (nt)... các xúc hợp ý. "Nguòd nữ, thân quyến, vô số các due" là như thế. Người nam nào thèm muốn. Người nào: Người nào là người như thê, được găn bó như thê, được đinh đặt như thế, có biểu hiện như thế, đã đạt đến địa vị áy, đã thành tựu phẩm chất ấy, hoặc là vị Sát-đế-lỵ, hoặc là vi Bà-la-môn9 hoặc là thương nhân, hoặc là kẻ nô le, hoặc là người tại gia, hoặc là vị xuất gia, hoặc là vi thiên, hoặc là người nhân loại. Người nam: Là chúng sanh, đàn ông, thanh niên, nam nhân, cá nhân, mạng sống, người còn sanh tử, loài người, người đi theo nghiệp, nhân loại. Thèm muốn: Là thèm khát, thèm muốn, thèm thuồng về ô nhiễm dục, về các vật dục. "Người nam nào thèm mu6íì" là như thế.

ĐẠI DIỄN GIẢI 17

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Người nam nào thèm muôn ru0ng, đâtf hoặc vàng, gia súc, ngựa, tôi tớ, người hâu, người nữf thân quyên, vô sô các dục."

L5. Các [ô nhiễm] yếu ớt khuất phục người ấy, các hiểm họa chà đạp người ấy; do việc ấy, khổ đau đi theo người ấy tựa như nước [tràn vào] chiếc thuyên đã bi vỡ. Các [ô nhiễm] yếu ớt khuất phục người ấy. Yếu ớt: Các ô nhiễm la yếu ớt, yếu sức, thiếu lực, thiếu dõng mãnh, thấp hèn, hèn kém, hèn mọn, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi.

Các ô nhiễm ấy khống chế, áp chế, ngự tri, đè bẹp, trấn áp, chà đạp cá nhân ấy. "Các [ô nhiễm] yếu ớt khuất phục người ấy" là như vậy. Hoặc là [đề cập đến] nhân vật yếu ớt, yếu sức, thiêu lực, thiếu dõng mãnh, thấp hèn, hèn kém, hèn mọn, thấp kém, tháp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi, là người không có tín lực? tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, tàm lực, quý lực; các ô nhiễm ấy khống chế, áp chế, ngự trị, đè bẹp, trấn áp, chà đạp cá nhan ấy. uCác [ô nhiễm] yếu ớt khuất phục người ấy" còn là như vậy. Các hiểm họa chà đạp người ấy. Các hiểm họa: Có hai loại hiểm họa: Hiểm họa hiển hiện và hiểm họa khuất lấp. Các điều nào là hiểm họa hiển hiện? Các con sư tử, hổ, báo, gấu, chó rừng, chó sói, trâu rừng, voi, rắn, bò cạp, rết, hoặc có thể là các kẻ cướp hay những kẻ tàn bạo có hành động gây sự hoặc chưa có hành động gây sự; bệnh ở mắt, bệnh ở tai trong, bệnh ở mũi, bệnh ở lưỡi, bệnh ở thân, bệnh ở đầu, bệnh ở lỗ tai, bệnh ở miệng, bệnh ở răng, ho, suyễn, sổ mũi, nhiệt, cảm sốt, đau bụng, xây xẩm, kiết ly, đau bụng bão, dịch tả5 phong cùi, khối u, bệnh chàm, lao phổi, động kinh, mụt, nhọt, ghẻ ngứa, sảy, loét tay chân, máu và mật, bệnh tiểu đường, bệnh trĩ, ghẻ lở, loét hậu môn^bệnh phát khởi từ mật, bệnh phát khởi từ dám, bệnh phát khởi từ gió, [bệnh tổng hợp do mật-đàm-gió] bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều, bệnh thuộc dạng cấp tính, bệnh sanh lên vì quả của nghiệp; lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiêu tiện, các xúc chạm vơi ruôi, muôi, gio, năng va các loai bo sát, hoặc la như thế; các điều này được gọi là hiểm họa hiển hiện. Các điều nào là hiểm họa khuất lấp? uế hạnh về thân, lie hạnh về khẩu, uế hạnh về ý; pháp che lấp "mong muốn về dục”, pháp che lấp "sân hận,\ pháp che lấp "dãi dượi buồn ngỉT, pháp che lấp "phóng dật và hối han", pháp che lấp "hoài nghi"; sự luyến ái, sân hận, si mê, giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bon xẻn, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng; tất cả o nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, [mọi sự nóng nảy] tất cả các pháp tạo tác bất thiện; các điêu này được gọi là hiểm họa khuất lap.

18 KINH TIỀU Bộ

Các hiểm họa: Các hiểm họa với ý nghĩa gì? Các hiểm họa bởi vì "chúng áp chế các hiểm họa bởi vì Cíchúng đưa đến sự suy gim", các hiểm họa bởi vì "noi ấy là chỗ trú." Các hiểm họa bởi vì "chúng áp ghế" nghĩa là thế nào? Các hiểm họa ấy khống chế, áp chế, ngự trị, đè bẹp, trấn áp? chà đạp cá nhân ấy. Các hiểm họa bởi vì "chúng áp chế” nghĩa là như vậy. Các hiêm họa bởi vì "chúng đưa đên sự suy giảm” nghĩa là thê nào? Các hiểm họa ấy đưa đến sự nguy hiêm? đến sự suy giảm đối với các thiện pháp. Đối với các thiện pháp nào? Đối với sự thực hành đúng đắn, đối với sự thực hành phù hợp, đối với sự thực hành không trái ngược, đối với sự thực hành không đối chọi, đối với sự thực hành đưa đên lợi ích, đối với sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, đôi với việc làm đây đủ các giới, đôi với việc phòng vệ các giác quan, đối với việc biết chừng mực về vật thực, đối với sự luyện tập về tỉnh thức, đối với niệm và sự nhận biết rõ, đối với sự chuyên cần tu tập bon sự thiết lập niệm, đối với sự chuyên cần tu tập bốn chánh cần, đối với sự chuyên cần tu tập bốn nền tảriệ của thần thông, đối với sự chuyên cần tu tập năm quyền, đối với sự chuyên cân tu tập năm lực, đôi với sự chuyên cân tu tập bảy yếu tố đưa đến giác ng, đối với sự chuyên cần tu tập đạo lộ Thánh thiện tám chi phần; chúng đưa đên sự nguy hiểm, đến sự suy giảm đối với các thiện pháp này. Các hiểm

họa bởi vì "chúng đưa đến sự suy giảm" nghĩa là như vậy. Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú" nghĩa là thế nào? "Các ác bất thiện pháp này sanh lên ở nơi ấy thì có bản ngã [của người ấy] là nơi nương tựa. Giống như các sinh vật 'có hang là chỗ trú' thì ngụ ở hang, các sinh vật có 'nước là chỗ trú' thì nệụ ở nước, các sinh vật 'có rừng là chỗ trú9 thì ngụ ở rừng, các sinh vật 'có cây coi là chỗ trú' thì ngụ ở cây cối, tương tự y như thế, các ác bất thiện pháp này sanh lên ở nơi ấy thì có bản ngã [của người ấy] là nơi nương tựa." Các hiểm họa bởi vì "noi ấy là chỗ trú" còn là như vậy. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khiru có học trò, có thầy dạy học, sống khổ sở không thoải mái. Và này các Tỳ-khưu, the nào là vị Tỳ-khưu có học trò, có thầy dạy học, sống khổ sở không thoải mái? Này các Tỳ-khưu, ở đây, đối với vị Tỳ- khưu, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, các ác bất thiện pháp nào có sự di chuyển [ở các đối tượng] và có sự tư duy đưa đến sự ràng buộc sanh khởi đến vị ấy, các ác bất thiện pháp ấy trú ngụ, chiếm ngự bên trong vị ấy; vì thế, được gọi là 'có học trò5. Chiíng chi phối vị ấy, 'các ác bất thiện pháp chi phối vi ấy'; vì thế, được gọi là 'có thầy dạy học9. Và thêm nữa, này các Tỳ-khiru9 đối với vị Tỳ-khiru, sau khi nghe âm thanh bằng tai,...(nt)...sau khi ngửi hương bằng mũi,... (nt)... sau khi nếm vị bằng lưỡi,... (nt).. sau khi xúc chạm bằng thân,... (nt)... sau khi nhận thức pháp bằng ý, các ác bất thiện pháp nào có sự di chuyển [ở các đối tượng] và có sự tư duy đưa đến sự ràng buộc sanh khởi đến vị ấy, các ác bất thiện pháp ấy trú ngụ, chiếm ngự bên trong vị ấy; vì thế, được gọi là

'có học trò9. Chúng chi phối vị ấy, 'các ác bất thiện pháp chi phối vị ấy l vì thế, được gọi là 'có thây dạy học9. Này các Tỳ-khưu, quả là như vậy, vi Tỳ-khưu có học trò, có thầy dạy học, sống khổ sở không thoải Các hiểm họa bởi vì "noi ấy là chỗ tru^, còn là như vậy. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, có ba pháp này là các vết nhơ bên trong, các kẻ thù bên trong, các đối thủ bên trong, các kẻ giết chóc bên trong, các kẻ đối nghịch bên trong. Ba pháp nào? Này các Tỳ-khưu, tham là vết nhơ bên trong, kẻ thù bên trong, đối thủ bên trong, kẻ giết chóc bên trong, kẻ đối nghịch bên trong. Này các Tỳ-khưu, sân... (nt)... Này các Tỳ-khmi, si là vết nhơ bên trong, kẻ thù bên trong, đối thủ bên trong, kẻ giết chóc bên trong, kẻ đối nghịch bên trong. Thật vậy, này các Tỳ-khiru, ba pháp này là các vét nhơ bên trong, các kẻ thù bên trong, các đối thủ bên trong, các kẻ giết chóc bên trong, các kẻ đối nghịch bên trong." 1. "Tham là sự sanh ra điều không lợi ích, tham là sự rối loạn của tâm. Người đời không thâu hỉêu sự nguy hiêm ây đã được sanh ra từ bên trong. r 5 2. Người bị khởi tham khônệ biêt được điêu lợi ích, người bị khởi tham không nhìn thây ly lẽ. Tham không chê người nào, lúc ây có sự mù quáng tôi tăm hiện diện. 3. Sân là sự sanh ra điều không lợi ích, sân là sự rổi loạn của tâm. Người đời không thau hiếu sự nguy hiếm ấy đã được sanh ra từ bên trong. 4. Người bỉ nóng giận không biêt được điêu lợi ích, người bi nóng giận không nhìn thấy lý lẽ. Sự nóng giận khống chế người nào, lúc ấy có sự mù quáng tối tăm hiện diện, 5. Si là sự sanh ra điều không lợi ích, Sỉ là sự rối loạn của tâm. Người đời không thâu hiêu sự nguy hỉêm ây đã được sanh ra từ bên trong. 6. Người bi si mê không biết được điều lợi ích, người bị si mê không nhìn thấy ly lẽ. Sỉ khổng chế người nào, lúc ẩy có sự mù quáng tối tăm hiện diện." Các hiểm họa bởi vì "noi ấy là chỗ trú" còn là như

vậy. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Tâu Đại vương, quả thật có ba pháp được sanh lên thuộc nội phan; chúng sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Ba pháp nào? Tham, tâu Đại vương, quả thật là pháp được sanh lên thuộc nội phần; nó sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Sân, tâu Đại vương, quả thật là pháp được sanh lên thuộc nội phần; nó sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Si, tâu Đại vương, quả thật là pháp được sanh lên thuộc nội phần; nó sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Tâu Đại vương, quả thật ba pháp này được sanh lên thuộc nội phần, chúng sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khô đau, sự sống không thoải mái cho con người.^,

20 KINH TIÊU Bộ

7. “Tham, sân và si hiện hữu ở bản thân, hãm hại người có tâm ỷ xấu xa; tựa như việc kết trải hãm hại cây tre." Các hiểm họa bởi vì "noi ấy là chỗ trú" còn là như vậy. Bởi vì điêu này đã được đức The Ton noi đen: 8. “Luyến ái và sân hận có căn nguyên từ nơi [bản ngã] này. Ghét, thương, sự rởn lông sanh lên từ nơi [bản ngã] này. Sự suy tư của tâm có nguồn sanh khởi từ nơi [bản ngã] này, Tựa như những bé trai buông lơi con quạ [bỉ cột chân bởi sợi chỉ dài]." Các hiểm họa bởi vì "noi ấy là chỗ trú,, còn là như vậy. Ẫ y y 9 Ẩ r l •Â k r Các hiêm họa chà đạp người ây: Các hiêm họa ây không chê, áp chê, ngự trị, đè bẹp, trấn áp, chà đạp cá nhân ấy. “Các hiểm họa chà đạp người ấy" là như thế. Do việc ấy khổ đau đi theo người ấy. Do việc ấy: Là do hiểm họa từ việc ấy, khổ đau đi theo, đi đến gần, đạt đến được cá nhân ấy; khổ sanh đi theo, đi đến gần, đạt đến được; khổ già đi theo, đi đên gân, đạt đên được; khô bệnh đi theo, đi đên gân, đạt đên được; khô chét đi theo, đi đên gân, đạt đên được; khô do sâu-bi-khô-ưu-não đi theo, đi đên gân, đạt đen được; kho ở địa ngục... (nt)... kho ở loài thú... (nt)... kho ở thân phận ngạ quỷ... (nt)... khổ của loài người... (nt).. khổ bắt nguồn từ việc nhập thai... (nt)... khổ bắt nguồn từ việc trụ thai...(lít).. khổ bắt nguồn từ việc ra khỏi thai... (nt)... khổ gắn liền sau khi sanh ra... (nt)... khổ do kẻ khác áp đặt sau khi sanh ra... (nt)... khổ do sự ra sức của bản thân... (nt)... khổ do sự ra sức của kẻ khác... (nt)... khô do [thọ] khô đi theo, đi đên gân, đạt đên được; khô do pháp tạo tác... (nt)... khổ do sự biến đổi... (nt)... bệnh ở mắt, bệnh ở tai trong, bệnh ở mũi, bệnh ở lưỡi, bệnh ở thân, bệnh ở lỗ tai, bệnh ở miệng, bệnh ở răng, ho, suyễn, sổ mũi, nhiệt, cảm sốt, đau bụng, xây xẩm, kiết lỵ, đau bụng bão, dịch tả, phong cùi, khối u, bệnh chàm, lao phổi, động kinh, mụt, nhọt, ghẻ ngứa, sảy, loét tay chân, máu và mật, bệnh tiểu đường, bệnh trĩ, ghẻ lở, loét hậu môn, bệnh phát khởi từ mật, bệnh phát khởi từ dám, bệnh phát khởi từ gió, bệnh tổng hợp do mật-đàm-gió, bệnh sanh lên vì thay đôi thời tiết, bệnh sanh lên vì bôn oai nghi không đồng đều, bệnh thuộc dạng cấp tính, bệnh sanh lên vì quả của nghiệp, lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiêu tiện, các xúc chạm với môi, muôi, gió, năng và các loài bò sát là khổ... (nt)... cái chết của mẹ là khổ... (nt)... cái chết của cha là khổ... (nt)... cái chết của anh [em] trai là khổ... (nt)... cái chết của chị [em] gái là khổ... (nt)... cái chết của con trai là khổ... (nt)... cái chết của con gái là khổ... (nt).. sự tổn hại về thân quyến là khổ... (nt)... sự tổn hại về của cải là khổ... (nt).. sự tổn hại vì bệnh tật là khổ... (nt)... sự tổn hại về giới là khổ... (nt)... sự 2 . 5 e r 9 £ "r r * tôn hại vê kiên thức là khô đi theo, đi đên

gân, đạt đên được cá nhân ây. “Do việc ấy khổ đau đi theo người ấy" là như thế.

ĐẠI DIỄN GIẢI 21

Tựa như nước [tràn vào] chiếc thuyền đã bi vỡ: Giống như do sự xâm nhập của nước, nước từ chỗ này chỗ khác đi theo, đi đến gần, đạt đến được; nước từ bên trên đi theo, đi đến gần, đạt đến được; nước từ bên dưới đi theo, đi đến gn, đạt đến được; nước từ bên hông đi theo, đi đến gần, đạt đến được chiếc thuyên đã bị vỡ; tương tự y như thế, do hiểm họa từ việc này, từ việc khác, khổ đau đi theo, đi đến gần, đạt đến được... (nt)... sự tổn hại về kiến thức là khổ đi theo, đi đến gần, đạt đến được cá nhân ấy. "Tựa như nước [tràn vào] chiếc thuyền đã bị võf là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng: "Các [ô nhiêm] yêu ớt thông tri người ây, các hiêm họa chà đạp người ây; do việc ây khô đau đi theo người ây tựa như nước [tràn vào] chiếc thuyên đã bi vỡ."

1.6 Do đó, người luôn luôn có niệm cỏ thê lảnh xa các dục, sau khỉ dứt bỏ chủnệ thì có the vượt qua dòng nước lũ; tựa như sau khi tát cạn chiếc thuyền, là người đi đen bờ kia. Do đó, người luôn luôn có nỉệm. Do đó: Là do điều ấy, bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ây, trong khi nhìn thây rõ sự bát lợi này ở các dqc. "Do đó,9 là như thê. Người: Là chúng sanh, đàn ông, thanh niên, người nam, cá nhân, mạng sống, người còn sanh tử, loài người, người đi theo nghiệp, nhân loại. Luôn luôn: Luôn luôn là mọi lúc, mọi thời, thường khi, luôn khi, thường xuyên, liên tục, không gián đoạn, tiếp nối liên tục, sanh lên tuần tự [như sóng nước], không lưa thưa, không đứt khoảng, không ngừng lại, được liền lặn, trước bữa ăn, sau bữa ăn, vào canh đầu, vào canh giữa, vào canh cuối, vào hậu bán nguyệt, vào tiền bán nguyệt, vào mùa mưa, vào mùa lạnh, vào mùa nóng, ở chặng đầu của tuổi thọ, ở chặng giữa của tuổi thọ, ở chặng cuối của tuổi thọ. Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,... (nt)... trên các thọ,... (nt)... trên tâm, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát pháp trên các pháp. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: ... (nt)... người ấy được gọi là có niệm. "Do đó, người luôn luôn có niêm” là như thế. Có thể lánh xa các dục. Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục. Có thể lánh xa các dục: Có thể lánh xa các dục bởi hai lý do: Bởi sự đè nén hoặc bởi sự đoạn trừ. The nào là bởi sự đè nén mà lánh xa các dục? Trong khi nhìn thấy "các dục như là đống xương [không còn thịt] với ý nghĩa chút ít hứng thú99 thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy “các dục như là

22 KINH TIỂU Bộ

miêng thịt [bi diêu hâu tha đi] với ý nghĩa vật chung của sô d6ng" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy “các dục như là cây đuốc cỏ với ý nghĩa thiêu đốt" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. ... (nt).. Ngay cả trong khi tu tập sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Bởi sự đè nén mà lánh xa các dục là như vậy.... (nt)... Bởi sự đoạn trừ mà lánh xa các đục là như vậy. Sau khi dứt bỏ chúng thì có thể vượt qua dòng nước lũ. Chúng: Sau khi biết toàn diện về các vật dục, sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua di, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm

cho không còn hiện hữu các ô nhiễm dục; sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu pháp che lấp "mong muốn về dvc",... (nt)... pháp che lấp "sân hận,\... (nt)... pháp che lâp "dã dượi buồn (nt).. pháp che lấp "ph6ng dật và hối hān,9; sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua di, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu pháp che lấp "hoài nghi" thì có thể vượt qua, có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có thể vượt qua hẳn, có thể vượt qua khỏi dòng lũ [ngũ] dục, [dòng lũ của hữu] dòng lũ ta kiên, dòng lũ vô minh. “Sau khi dứt bỏ chúng thì có thể vượt qua dòng nước lũ" là như thế. Tựa như sau khi tát cạn chiếc thuyền, là người đi đến bờ kia: Giống như sau khi tát cạn, sau khi tát sạch, sau khi đổ bỏ nước ra khỏi chiếc thuyền nặng nề chứa đầy nước thì cỏ thể tức thời nhanh chóng đi đến bờ kia bằnệ chiếc thuyền nhẹ nhàng chỉ với chút ít khó nhọc; tương tự như vậy, sau khi biêt toàn diện về các vật dục, sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm dục, sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu pháp che lâp "mong muôn vê dục9\... (nt)... pháp che lâp "sân han",... (nt)... pháp che lấp “ddượi buồn ngỉT,... (nt).. Ị)háp che lấp "phóng dật và hối hận9\... pháp che lấp "hoài nghi" thì có thể tức thời nhanh chóng đi đến bờ kia chỉ với chút ít khó nhọc. Bờ kia: Noi đến bất tử, Niết-bàn, là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tạn? Niết-bàn. Có thể đi đến bờ kia: Có thể chứng đắc bờ kia, có thể chạm đến bờ kia, có thể chứng ngộ bờ kia. Pāragū (người đĩ đến bờ kia): Luôn cả người nào có ý muốn đi đến bờ kia, người ấy cũng là pāragū', luôn cả người nào đang đi đến bờ kia, người ấy cũng là pāragū; luôn cả người nào đã đi đến bờ kia, người ấy cũng là pāragū. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khim, quả vậy, 'người đã vượt qua, đã đi đến bờ kia, đứng ở đát liên là Bà-la-môn\ tên gọi này là dành cho vị A-la-hán. Vị ấy là pāragū (người đi đến bờ kia) do việc biết rõ? pāragū do việc biết toàn diện, pāragū do

việc dứt bỏ, pāragū do việc tu tập, pāragū do viêc chứng ngộ, pāragū do việc chứng đạt [các thiền]; là pāragū do việc biết rõ tất cả các pháp, pāragū do việc biêt toàn diện tất cả các khổ, pāragū do việc dứt bỏ tất cả các ô nhiễm, pāragū do việc tu tập bốn Thánh đạo, pāragū do việc chứng ngộ sự Tịch diệt, pāragū do việc chứng đạt mọi sự chứng đạt. Vị ấy đã đạt được năng lực, đã đạt được sự toàn hảo ở Thánh giới; đã đạt được năng lực, đã đạt được sự toàn hảo ở Thánh định; đã đạt được năng lực, đã đạt được sự toàn hảo ở Thánh tuệ; đã đạt được năng lực, đã đạt được sự toàn hảo ở Thánh giải thoát. Vị ấy đã đi đến bờ kia, đã đạt đến bờ kia, đã đi đến điểm cuối, đã đạt đến điểm cuối, đã đi đến đỉnh, đã đạt đến đỉnh, đã đi đến tận cùng, đã đạt đến tận cùng, đã đi đến sự hoàn tất, đã đát đến sự hoàn tất, đã đi đến nơi nương náu, đã đạt đến nơi nương náu, đã đi đến nơi tru ẩn, đã đạt đến nơi trú ẩn, đã đi đến nơi nương nhờ, đã đạt đến nơi nương nhờ, đã đi đến nơi không sợ hãi, đã đạt đến nơi không sợ hãi, đã đi đến bất hoại, đã đạt đến bất hoại, đã đi đến bất tử, đã đạt đến bất tử, đã đi đến Niet-ban, đã đạt đến Niết-bàn. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,

đã hoàn mãn cuộc hành trình, đã hoàn mãn hướng di, đã đi đến điểm cuối cùng, đã hộ trì Phạm hạnh, đã đạt đến kiến tối thượng, đã tu tập đạo lộ, đã dứt bỏ ô nhiễm, đã thấu triệt sự không chuyển đổi, đã chứng ngộ diệt đế. Đối với vị ấy, khổ đã được biết toàn diện, tập đã được dứt bỏ, đao đã được tu tập, diệt đã được chứng ngộ. Điều cần được biết rõ đã được biết rõ, điều cần được biết toàn diện đã được biết toàn diện. điều cần được dứt bỏ đã được dứt bỏ, điêu cân được tu tập đã được tu tập, điêu cân được chứng ngộ đã được chứng ngộ. Vị ấy đã hất tung rào chắn [vô minh], đã san lấp mương rãnh [luân hồi tái sanh], đã nhổ lên cột trụ [tham ái], không còn chốt cửa, là thánh thiện, đã hạ xuống ngọn cờ [ngã mạn], đã đặt xuông gánh nặng, đã tháo khỏi ách, đã dứt bỏ hẳn ngũ dục, đã thành tựu sáu căn, có một sự bảo hộ [niệm], có bốn sự nâng đỡ,5 đã xua đi sự độc đoán, có sự tầm câu đã được hoàn toàn cởi bỏ, có tâm tư không bị xáo trộn, có thân hành đã được an tịnh, có tâm khéo được giải thoát, có tuệ khéo được giải thoát, có sự toàn hảo, đã được hoàn mãn, là con người tối thượng, con người tột đỉnh, đã đạt được sự thành đạt tột đỉnh. Vi ấy không tích lũy [nghiệp] cũng không loại trừ, tồn tại sau khi đã loại trừ [ô nhiễm]; không dứt bỏ [ô nhiễm] cũng không chấp thủ, tồn tại sau khi đã dứt bỏ; không tư kết nối [tham ái] cũng không tháo 5 Bốn sự nâng đỡ (caturāpasseno): Tỳ-khưu sau khi suy xét rồi thọ dụng, sau khi suy xét rồi chiu đựng, sau khi suy xét rồi tránh xa, sau ỉdií suy xét rồi xua d&6i" (D. 33, Sañgitisuttani). 6 Vimuttiñānadassana được chúng tôi ghi nghĩa là "tri kiến về giải thoSt" hoặc "sự biết và thấy về giải thoát.,^ Trường hợp liên kết với từ khandha n, khối, đống) như ở trên, vimwttiñanadassanakkhandha (tập hợp sự biêt và thấy về giải thoát) được ghi nghĩa là "gi thoát tri kiến uẩn,9. (ND)

vọng; tôn tại sau khi đã trân áp lửa phiên não; tôn tại do không xoay vòng [ở luân hồi]; tồn tại sau khi đã thọ trì

2. DIỄN GIẢI KINH NHÓM TÁM VỀ HANG (GUHA TTHAKASUTTANIDDESO)

Giờ phần "Diễn giải kinh nhóm tám về hang" được nói đến: 2.1. Bdính mác ở hang [thân xác]f bị che đậy bởi nhiêu [ô nhiêư],

"Satto" là từ đinh đặt cho sự vướng vào. dính mắc ở hang [thân xác]" là như thế. Bị che đậy bồi nhiều [ô nhiễm] là bị che đậy bởi nhiều loại ô nhiễm: Bị che đậy bởi luyến ái, bị che đậy bởi sân hận, bị che đậy bởi si mê? bi che đậy bởi giận dữ, bị che đậy bởi thù hằn, bi che đậy bởi gièm pha, bị che đậy bởi ác ý? bị che đậy bởi ganh tỵ, bị che đậy bởi bon xẻn, bị che đậy bởi xảo trá, bi che đậy bởi lừa gạt, bị che đậy bởi bướng bỉnh, bị che đậy bởi hung hăng, bị che đậy bởi ngã mạn, bị che đậy bởi cao ngạo, bị che đậy bởi đam mê5 bị che đậy bởi xao lãng, bị che đậy bởi tất cả ô nhiễm, bởi tất cả uế hạnh, bởi mọi sự lo lắng, bởi mọi sự bực bội, bởi mọi sự nóng nảy, bởi tất cả các pháp tạo tác bất thiện, bị che đậy lên, bi bao bọc, bị bao trùm, bi bao kín, bị che lại, bi che kín, bi đậy kín. "Bj dính mắc ở hang [thân xác], bi che đậy bởi nhiều [ô nhiễm]" là như thế. Con

người trong khỉ tồn tại, bỉ đắm chìm trong sự say mê [ngũ dục]. Con người trong khi tồn tại: Trong lúc đang tồn tại, kẻ bị luyến ái tồn tại do tác động của luyên ái, kẻ bị sân hận tồn tại do tác động của sân hận, kẻ bi si mê tồn tại do tác động của si mê, kẻ bị trói buộc tồn tại do tác động của ngã mạn, kẻ bi bám víu tồn tại do tác động của tà kiến, kẻ bi tán loạn tồn tại do tác động của phóng dật, kẻ không dứt khoát tồn tại do tác động của hoài nghi, kẻ cứng cỏi tôn tại do tác động của pháp tiềm ẩn. "Con người trong khi tồn tại" là như vậy. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, có các sắc được nhận thức bởi mắt là đáng mong, đáng muốn, đáng mến, đáng yêu, liên hệ đến dục, gợi tình; nếu vị Tỳ-khiru thích thú điều ấy, tán thưởng, bám chặt rồi tồn tại. Này các Tỳ-khưu, có các thinh được nhận thức bởi tai... (nt).. các hương được nhận thức bởi mũi... (nt)... các vị được nhận thức bởi lưỡi... (nt) các xúc được nhận thức bởi thân... (nt)... các pháp được nhận thức bởi ý là đáng mong, đáng muốn, đáng mến, đáng yêu, liên hệ đến dục, gợi tình; nếu vi Tỳ-khưu thích thú điều ấy, tán thưởng, bám chặt rồi tồn tại." "Con người trong khi tồn tại" còn là như vậy. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khưu, có sự vướng bận với sắc thì thức, trong khi tồn tại, [sẽ] tồn tại có đối tượng là sắc, có chỗ nâng đỡ là sắc, có sự rải rắc niềm vui, và [sẽ] đạt đến sự phát triển, sự tăng trưởng, sự lớn mạnh. Này các Tỳ-khưu, hoặc là có sự vướng bận với thọ,... (nt)... Này các Tỳ-khưu, hoặc là có sự vướng bận với tưởng,..(nt).. Này các Tỳ-khưu, hoặc là có sự vướng bận với các hành, thì thức, trong khi tồn tại, [sẽ] tồn tại có đối tượng là các hành, có chỗ nâng đỡ là các hành, có sự rải rắc niêm vui, và [sẽ] đạt đên sự phát triển, sự tăng trưởng, sự lớn mạnh.^, "Con người trong khi tồn tại" còn là như vậy. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khiru, nêu ở đoàn thực mà có sự luyên ái, có sự vui mừng, có

ĐẠI DIỄN GIẢI 27

Sự tham ái thì ở nơi ấy thức được thiết lập, được tăng trưởng, ở nơi nào thức được thiết lập, được tăng trưởng; ở nơi ấy có sự hạ sanh của danh sắc. ở nơi nào có sự hạ sanh của danh sắc, ở nơi ấy có sự phát triển của các hành, ở nơi nào có sự phát triển của các hành, ở nơi ấy có sự sanh ra và hiện hữu lần nữa trong tương lai. ở nơi nào có sự sanh ra và hiện hữu lần nữa trong tương lai, ở nơi ấy có sanh-già-chết trong tương lai. ở nơi nào có sanh-già-chết trong tương lai, này các Tỳ-khưu, ta nói rằng việc ấy có sầu muộn, có phiền muộn, có lo “Con người trong khi tồn tại” còn là như vậy. "Này các Tỳ-khưu, nếu ở xúc thực... (nt)... "Này các Tỳ-khưu, nếu ở tư niệm thực... (nt)... "Này các Tỳ-khưu, nếu ở thức thực mà có sự luyến ái, có sự vui mừng, có sự tham ái thì ở nơi ấy thức được thiết lập, được tăng trưởng, ở nơi nào thức được thiêt lập, được tăng trưởng; ở nơi ây có sự hạ sanh của danh sắc. ở nơi nào có sự hạ sanh của danh sắc, ở nơi ấy có sự phát triển của các hành. ơ nơi nào có sự phát triên của các hành, ở nơi ây có sự sanh ra và hiện hữu lần nữa trong tương lai. ở nơi nào có sự sanh ra và hiện hữu lần nữa trong tương lai, ở nơi ấy có sanh-già-chết trong tương lai. ở nơi nào có sanh-già-chết trong tương lai, này các Tỳ-khưu, ta nói răng việc ây có sâu muộn, có

28 KINH TIỂU Bộ

thực hành, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng một mình. Đay là viễn ly ve thân. Thế nào là viễn ly về tâm? Đối với vị thể nhập Sơ thiền, tâm được tách biệt khỏi các pháp che lấp. Đối với vị thể nhập Nhị thiền, tâm được tách biệt khỏi tầm và tứ. Đoi với vi thể nhập Tam thiền, tâm được tách biệt khỏi hỷ. Đối với vị thể nhập Tứ thiền, tâm được tách biệt khỏi lạc và khổ. Đối với vị thể nhập Không vô biên xứ, tâm được tách biệt khỏi sắc tưởng, bất bình tưởng, dị biệt tưởng. Đối với vị thể nhập Thức vô biên xứ, tâm được tách biệt khỏi Không vô biên xứ tưởng. Đối vơi vi thể nhập Vô sở hữu xứ, tâm được tách biệt khỏi Thức vô biên xứ tưởng. Đối với vị thể nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tâm được tách biệt khỏi Vô sở hữu xứ tưởng. Đối với vị Nhập lưu, tâm được tách biệt khỏi sự nhận thức sai trái về thân, sự hoài nghi, sự bám víu vào giới và phận sự, tà kiên tiêm ân, hoài nghi tiêm ân, và các phiên não cộng trú với môi pháp ây. Đối với vị Nhất lai, tâm được tách biệt khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất thô thiển, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đối với vị Bất lai, tâm được tách biệt khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất vi tế, và các phiền não cộng tru với mỗi pháp ấy. Đối với vị A-la-hán, tâm được tách biệt khỏi ái săc, ái vô săc9 ngã mạn, phóng dật, vô minh, ngã mạn tiêm ân, [hữu ái tiềm ẩn] vô minh tiềm ẩn, các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy, và mọi hiện tướng ở bên ngoài. Đây là viễn ly về tâm. Thế nào là viễn ly về mầm tái sanh? Mầm tái sanh nói đến các ô nhiễm, các uẩn và các hành. Viễn ly về mầm tái sanh nói đến bất tử, Niết-bàn; là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Đây là viễn ly về mầm tái sanh. Viễn ly về thân là đối với các vị có thân đã lui về nơi ẩn dật, đã thích thú trong việc xuất ly; viên ly vê tâm là đôi với các vị có tâm hoàn toàn trong sạch, đã đạt đến sự trong trắng tuyệt đối; và viễn ly về mầm tái sanh là đối với các cá nhân không còn mầm tái sanh, đã đạt đến việc lìa khỏi các pháp tạo tác. Quả thật cách xa sự viễn ly: Người nào bị dính mắc ở hang [thân xác], như vậy, và bị che đậy bởi nhiều ô nhiễm như vậy, bi đắm chìm trong sự say mê [ngũ dục] như vậy; người ấy là cách xa sự viễn ly về thân, cách xa sự viễn ly về tâm, cách xa sự viễn ly về mầm tái sanh, cách xa hẳn, cách xa lắm, không ở gần, không ở bên cạnh, không ở kề cận, ở nơi tách biệt. Thuộc hạng như thế: Là giống như thế ấy, được tồn tại thế ấy, có kiểu cách ấy, có biểu hiện ấy; người ấy bị đắm chìm trong sự say mê [ngũ dục]. "Người thuộc hạng như thế ấy quả thật cách xa sự viễn ly" là như thế. Bởĩ vì các dục ờ thế gian thật không dễ gì dứt bỏ.

ĐẠI DIÊN GIẢI 29

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. Các loại nào là vật dục? Các sắc hợp ý, các thinh hợp ý, các hương hợp y, các vị hợp ý, các xúc hợp ý9 các vật trải lót, các vật đắp, các tôi trai và tớ gái, dê, cừu, gà, heo, voi, bò, ngựa, lừa, ruộng, đất, vàng, bạc, làng mạc, thị trấn, kinh thành, quốc độ, xứ sở, khu trại, nhà kho, và bất cứ vật gì đưa đến sự luyến ái là vật dục. Thêm nữa là các dục quá khứ, các dục vị lai, các dục hiện tại, các dục nội phần, các dục ngoại phần, các dục nội và ngoại phàn, các dục hạ liệt, các dục trung bình, các dục cao quý, các dục thuộc địa ngục, các dục

thuộc loài người, các dục thuộc cõi trời, các dục hiện tiên, các dục được tạo ra, các dục được người khác tạo ra, các dục không được tạo ra, các dục thuộc sở hữu, các dục không thuộc sở hữu, các dục được chấp là của ta, các dục không được chấp là của ta, tính luôn tất cả các pháp dục giới, tất cả các pháp sắc giới, tất cả các pháp vô sắc giới, các dục có nền tảng là tham ái, có cảnh giới là tham ái? với ý nghĩa đưa đến sự ham muốn, với ý nghĩa đưa đến sự luyến ái, với ý nghĩa đưa đến sự say đắm. Các điều này được gọi là vật dục. Ô nhiễm dục là các loại nào? Mong muốn là dục, luyến ái là dục, mong muốn và luyến ái là dục, tư duy là dục, luyến ái là dục, tư duy và luyến ái là dục, là sự mong muôn vê dục, sự luyên ái vê dục, niêm vui vê dục, sự tham ái về dục, sự yêu mến về dục, sự nồng nhiệt về dục, sự mê mẩn về dục, sự bám chặt vào dục, sự lôi cuồn của dục, sự găn bó với dục, sự châp thủ ở dục, sự che lấp do mong muốn về dục ở các dục. uNày dục, ta đã nhìn thấy gốc rễ của ngươi. Này dục, ngươi sanh lên từ sự tư duy. Ta sẽ không tư duy về ngươi nữa. Này dục, như vậy ngươi sẽ không hình thành?93 ” “ Các điều này được gọi là ô nhiễm dục. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ. Bởi vì các dục ờ thế gian thật không dễ gì dứt bỏ: Bởi vì các dục ở thế gian là khó dứt bỏ, khó từ bỏ, khó từ bỏ hẳn, khó đè nén, khó tháo gỡ, khó tháo bỏ, khó vượt lên, khó vượt khỏi, khó vượt qua hẳn, khó vượt qua khỏi. "Bỏi vì các dục ở thế gian thật không dễ gì dứt b6" là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng: “Bdính mac ở hang [thân xác], bị che đậy bởi nhiêu [ô nhiem], con người trong khi ton tại, bỉ đam chìm trong sự say mê [ngũ dục]. Người thuộc hạng như thế ấy quả thật cách xa sự viễn ly, bởi vì các dục ở thế gian thật không dễ gì dứt b6.”

3 Bổn sanh 4tThợ cạo Gahgamla" (Gañgamālajātakam), số 421, TTP v, tập 32, trang 3ll, câu kệ 1185.

30 KINH TIỂU Bộ

2.2. Có ước muôn là căn nguyên, bỉ trói buộc vào lạc thú ở hiện hữu, đang trông mong vê sau này hoặc luôn cả trước đây, đang tham muôn chính các dục này đây hoặc vào thời trước đây, những kẻ ấy là khó giải thoát, đương nhiên không the giúp

ĐẠI DIỄNGIẢK 31

XÚC hợp ý, bị trói buộc vào sự thỏa mãn của mắt, bị trói buộc vào sự thỏa mãn của tai, bi trói buộc vào sự thỏa mãn của mũi... lưỡi... thân... ý, bị trói chặt, bị trói vào, bi máng vào, bị vướng vào, bi giữ lại. "C6 ước muốn là căn nguyên, bị trói buộc vào lạc thú ở hiện hữu" là như thế. Những kẻ ấy là khó giải thoát, đương nhiên không thể giúp cho những người khác giải thoát: Các sự việc lạc thú ở hiện hữu ấy là khó giải thoát, hoắc là chúng sanh khó được giải thoát khỏi sự việc ấy.4 Các sự việc lạc thú ở hiện hữu ấy là khó giải thoát nghĩa là thế nào? Cảm thọ lạc là khó giải thoát, sự việc được ước muốn là khó giải thoát, tuổi trẻ là khó giải thoát, sức khỏe là khó giải thoát, mạng sống là khó giải thoát, lợi lộc là khó giải thoát, danh vọng là khó giải thoát, lời khen là khó giải thoát, hạnh phúc là khó giải thoát, các sắc hợp ý là khó giải thoát, các thinh... các hương... các vị... các xúc hợp ý là khó giải thoát, sự thỏa mãn của mắt là khó giải thoát,

sự thỏa mãn của tai, mũi, lưỡi, thân, ý là khó giải thoát, khó được giải thoát, khó được phónẹ thích, khó tháo gỡ, khó tháo bỏ, khó vượt lên, khó vượt khỏi, khó vượt qua han, khó vượt qua khỏi. Các sự việc lạc thú ở hiện hữu ấy là khó giải thoát nghĩa là như vậy. Chúng sanh khó được giải thoát khỏi sự việc ấy nghĩa là thế nào? Chúng sanh là khó được giải thoát khỏi cảm thọ lạc, khó được giải thoát khỏi sự việc được ước muốn, khó được giải thoát khỏi tuổi trẻ, khó được giải thoát khỏi sức khỏe, khó được giải thoát khỏi mạng sống, khó được giải thoát khỏi lợi lộc, khó được giải thoát khỏi danh vọng, khó được giải thoát khỏi lời khen, khó được giải thoát khỏi hạnh phúc, khó được giải thoát khỏi các sắc hợp ý, khó được giải thoát khỏi các thinh... các hương... các vị... các xúc hợp ý, khó được giải thoát khỏi sự thỏa mãn của mắt, khó được giải thoát khỏi sự thỏa mãn của tai, mũi, lưỡi, thân, ý, khó được phóng thích, khó nâng lên, khó nâng bổng, khó nhấc lên, khó nhấc bổng, khó tháo gỡ, khó tháo bỏ, khó vượt lên, khó vượt khỏi, khó vượt qua hẳn, khó vượt qua khỏi. Chúng sanh khó được giải thoát khỏi sự việc ấy nghĩa là như vậy. "Những kẻ ấy là khó giải thoáf45 là như thế. Đương nhiên không thể giúp cho những người khác giai thoát: Những kẻ ấy, tự thân đã bi lún ở bãi lầy, không thể nâng lên kẻ khác đã bị lún ở bãi lầy. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này Cunda, thật vậy, kẻ ấy tự thân đã bị lún ở bãi lầy, sẽ nâng lên kẻ khác đã bị lún ở bãi lầy, sự kiện này không thể có được. Này Cunda, thật vậy, kẻ ấy tự thân không được thuần phục, không được huấn luyện, không được hoàn toàn tịch diệt, sẽ thuần phục, sẽ huấn luyện, sẽ giúp cho kẻ khác hoàn toàn tịch diệt; sự kiện này không thể có đượcy "Đương nhiên không thể giúp cho những người khác giải thoaf9 là như vậy.

4 Te duppamuñcā'. Cụm từ này được giải thích theo hai cách như văn bản đã trình bày ở trên, chúng tôi ghi nghía theo cách thứ hai. (ND)

Hoặc là, không có kẻ nào khác là người giúp cho giải thoát.56 7Nếu họ có thể giải thoát, thì có thể giải thoát bằng sức mạnh của mình, bằng năng lực của mình, bằng tinh tấn của mình, bằng nỗ lực của mình, bằng sức mạnh con người của mình, bằng năng lực con người của mình, bằng tinh tấn con người của mình, bằng nỗ lực con người của mình, trong khi tự thân thực hành sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp. "Đương nhiên không thể giúp cho những người khác giải thoaf9 còn là như vậy. Bởi vi, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: 1. ífTa sẽ không có khả năng về việc giúp cho giải thoát bất cứ người nào có nỗi nghi hoặc ở thế gỉanf này Dhotaka. Nhưng trong khi biết rõ giáo pháp tối thượng, như vây ngươi có the vượt qua dòng lũ này. "6 "Đương nhiên không thể giúp cho những người khác giải thoát" còn là như vậy. Bởi vi, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: 2. ^Việc ác đã được làm bởi chính bản thân, trở thành ô nhiễm bởi bản thân, Việc ác đã không được làm bởi bản thân, trở thành trong sạch bởi chính bản thân. Trong sạch [hay] không trong sạch tùy thuộc vào bản thân, khôn^ ai có the làm cho người khác trở thành trong sạch. "7 "Đương nhiên không the giúp cho những người khác giải thoát" còn là như vậy. Bởi vi,

điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này Bà-la-môn, tương tự y như thế, Niết-bàn quả là có thật, con đường đưa đến Niết-bàn là có thật, Ta là người chỉ dẫn là có thật, và hơn nữa các đệ tử của Ta, trong khi được Ta giáo huấn như vậy, trong khi được chỉ dạy như vậy, một số đệ tử đạt đến mục đích tột cùng là Niết-bàn, một số không đạt đến. Này Bà-la-môn, ở đây Ta làm được điều gì? Này Bà-la-môn, Như Lai là người chỉ đường. Đức Phật chỉ ra con đường. Chúng sanh, trong khi tự thân thực hành, thì có thể giải thoát.^ "Đương nhiên không thể giúp cho những người khác giải thoát" còn là như vậy. "Những kẻ ấy là khó giải thoát, đương nhiên không thể giúp cho những người khác giải thoát" là như thế. Đang trông mong về sau này hoặc luôn cả trước đây: Sau này nói đến tương lai. Trước đây nói đến quá khứ. Thêm nữa, so sánh với quá khứ, tương lai và hiện tại là sau này; so sánh với tương lai, quá khứ và hiện tại là trước đây. Thế nào là "tiến hành sự trông mong về trước dây"? [Nghi rằnệ] "Ta đã có sắc như vầy vào thời quá khứ", rồi tự lấy làm vui mừng ve điều áy; “Ta đã có thọ như vầy... (nt).. "Ta đã có tưởng như vầy... (nt)..."Ta đã có hành như vầy... (nt)... “Ta đã có thức như vầy vào thời quá khứ", rồi tự lấy làm vui mừng

5 Na hỉ aññamokkhā'. Cụm từ này cũng được giải thích theo 2 cách như văn bản đã trình bày ở trên, chúng tôi ghi nghĩa theo cách thư nhất. (ND) 6 SuttanỉpãtapâỊi (Kỉnh tập), TTPV, tập 29, trang 327, câu kệ 1068. (ND) 7 DhammapadapâỊỈ (Pháp cu), TTPV, tập 28, trang 67, câu kệ 165. (ND)

vê điêu ây; như vậy là "tiên hành sự uông mong vê trước âầyy Hoặc là [nghĩ rằng:] "Mắt của ta đã là như vầy vào thời quá khứ, các sắc đã là như vầy", thức bi trói buộc vào sự mong muốn và luyến ái về điều ấy. Do trạng thái bị trói buộc vào sự mong muốn và luyến ái của thức, roi thích thú điều ây; trong khi thích thú điều ấy, như vậy cũng là "tiến hành sự trông mong về trước dây.” Hoặc là [nghĩ rằng:] “Tai của ta đã là như vầy vào thời quá khứ, các thinh đã là nhu v*y",...(ĩìt).. uMũi của ta đã là như vầy vào thời quá khứ, các hương đã là như vầy",... (nt)... "Lưỡi của ta đã là như vầy vào thời quá khứ, các vị đã là như (nt).. "Thân của ta đã là như vầy vào thời quá khứ, các xúc đã là như v(nt).. "v của ta đã là như vay vào thời quá khứ, các pháp đã là như vy", thức bi trói buộc vào sự mong muôn và luyến ái vê điều ấy. Do trạng thái bị trói buộc vào sự mong muốn và luyến ái của thức, rồi thích thú điều ấy; trong khi thích thú điều ấy, như vậy cũng là "tiến hành sự trông mong về trước dây." Hoặc là, người ấy có các viec cười hớt, chuyện trò, đùa giỡn với người nữ lúc trước dây, roi hứng thú điều ấy, khao khát điều ấy, và do điều ấy đạt được sự vui lòng; như vậy cũng là "tiến hành sự trông mong về trước dây." Thế nao là "tiến hành sự trông mong về sau này”? [Nghi rằng:] "Ta sẽ có sắc như vầy vào thời vị lai”, rồi tự lấy làm vui mừng về điều ấy. “Ta sẽ có thọ như vây... (nt)... "Ta sẽ có tưởng như vây... (nt).. "Ta sẽ có hành như vây... (nt).. "Ta sẽ có thức như vây vào thời vị lai", roi tự lây làm vui mừng vê điêu ấy; như vậy là "tiến hành sự trông mong về sau này." Hoặc là [nghĩ rằng:] "Mắt của ta sẽ là như vầy vào thời vị lai, các sắc sẽ là như vy", rồi chuyên chú tâm vào việc đạt được điêu chưa đạt được. Do duyên chuyên chú của tâm, roi thích thú điều ấy; trong khi thích thú điều

ấy, như vậy cũng là "tiến hành sự trông mong vê sau nay?9 Hoặc là [nghĩ răng:] "Tai của ta sẽ là như vây vào thời vi lai, các thinh sẽ là như v*y",... (nt)... uMũi của ta sẽ là như vầy vào thời vị lai, các hương sẽ là như vầy,\... (nt)... "Lưỡi của ta sẽ là như vầy vào thời vị lai, các vị sẽ là như v(nt).. "Thân của ta sẽ là như vầy vào thời vị lai, các xúc sẽ là như vầy",...(nt).. "V của ta sẽ là như vầy vào thời vị laỉ5 các pháp sẽ là như vầy", rồi chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được. Do duyên chuyên chú của tâm, rồi thích thú điều ấy; trong khi thích thú điều ấy, như vậy cũng là "tiến hành sự trông mong về sau này." Hoặc là [nghĩ rằng:] “Vói giới này, hay với phận sự này, hay với sự khắc khổ này, hay với Phạm hạnh này, ta sẽ trở thành Thiên vương hoặc một thiên nhân nào đó9\ roi chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được. Do duyên chuyên chú của tâm, rồi thích thú điều ấy; trong khi thích thú điều ấy, như vậy cũng là "tiến hành sự trông mong về sau nSy.” “Bang trông mong về sau này hoặc luôn cả trước dây" là như thế. Đang tham muốn chính các dục này đây hoặc vào thời trước đây. Chính các dục này đây: Trong khi ước muốn, trong khi ưng thuận, trong khi ước nguyện, trong khi nguyện cầu năm loại dục trong hiện tại.

Đang tham muốn [các dục] vào thời trước đây: Trong khi tham muốn, trong khi khởi tham muốn, trong khi nguyện cầu năm loại dục ở quá khứ. “Dang tham muốn chính các dục này đây hoặc vào thời trước dây" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: “C6 ước muốn là căn nguyên, bi trói buộc vào lạc thú ở hiện hữu, đang trông mong về sau này hoặc luôn cả trước đâyf đang tham muốn chỉnh các dục này đây hoặc vào thời trước đây, những kẻ ấy là khó giải thoát, đương nhiên không the giúp cho những người khác giải thoát. ‘‘

2.3. Bi thèm khát ở các dục, bị đeo níu, bị mê đắm, ỉa những người thấp kém, họ đã lủn sâu vào [sở hành] sai trái, Bỉ dân dát đên khô đau, họ than vãn: "'Vậy chủng ta sẽ trở thành cái gì sau khỉ đã chết từ nơi đây? ” Bi k,êũể+ậụểậụọĩvớỗờởfv33ớọĩấ"v:;699vý"ĩvýểậìBìy6y6vựvựvựB777.;:vì7Bâv66.BâTv thèm khát ờ các dục, bi đeo níu, bi mê đắm. Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục....(nt).. Các điều này được gọi là ô nhiễm dục. Thèm khát: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Bi luyến ái, bi thèm khát, bị buộc trói, bị

trọng nó, nghiêng theo nó, chiều theo nó, xuôi theo n6, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo; những kẻ ấy là bi đeo níu ở các dục. Những kẻ nào, do tác động của tham ái, tìm kiếm, tìm tòi, tầm cầu các sắc... (nt)... các thinh... (nt)... các hương... (nt)... các vị... (nt)... tìm kiêm, tìm tòi, tâm câu các xúc, roi đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, nghiêng theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến n6, xem nó là chủ đạo; những kẻ ấy là bị đeo níu ở các dục. Những kẻ nào, do tác động của tham ái, tiếp nhận các sắc... (nt)... các thinh... (nt)... các hương... (nt)... các vị... (nt).. tiếp nhận các xúc, rồi đi

theo nó, phát triển theo nỏ, xem trọng nó, nghiêng theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến n6, xem nó là chủ đạo; những kẻ ấy là bị đeo níu ở các dục. Những kẻ nào, do tác động của tham ái, thọ hưởng các sắc... (nt)... các thinh... (nt)... các hương... (nt)... các vi... (nt)... thọ hưởng các xúc, rồi đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, nghiêng theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo; những kẻ ấy là bị đeo níu ở các dục. Bi mê đăm: Phân nhiêu chư thiên và loài người mê mân, mê đăm, mê muội, mê mệt, bị mê mẩn, bị mê đắm, bị mê muội, bi mê mệt, bị vô minh làm mù, bị bao bọc, bị bao trùm, bị bao kín, bi che lại, bị che kín, bị đậy kín trong năm loại dục. "Bj thèm khát ở các dục, bị đeo níu, bị mê m" là như thế. Là những người thấp kém, họ đã lún sâu vào [sở hành] sai trái. Những người thấp kém: "Những người đi xuống^ là những người thấp kém, những người bon xẻn được gọi là những người thấp kém, "những người không nắm giữ lời nói, lời giải bày, lời chỉ bảo, lời khuyên bảo của chư Phật, của chư Thinh văn của đức Phát" là những người thấp kém. "Những người đi xu6ng" là những người thấp kém nghĩa là thế nào? "Những người đi xu6ng" là những người đi đến địa ngục, [đi đến loài thú] đi đến thân phận nga quỷ, "những người đi xuống59 là những người thấp kém nghĩa là như vậy. Những người bon xẻn được gọi là những người thấp kém nghĩa là thế nào? Có năm loại bon xẻn: Bon xẻn về chỗ ở? bon xẻn về gia tộc, bon xẻn về lợi lộc, bon xẻn về danh tiếng, bon xẻn về pháp; bon xẻn nào có hình thức như vậy là biểu hiện của bon xẻn, trạng thái của bon xẻn, sự hám lợi, keo kiệt, tính chất bủn xỉn, trạng thái bị nắm giữ của tâm; điều này được gọi là bon xẻn. Còn nữa, bôn xẻn vê uân cũng là bon xẻn, bon xẻn vê giới cũng là bon xẻn, bon xẻn vê xứ cũng là bon xẻn, sự nắm lấy, điều này được gọi là bon xẻn.8 Do sự bon xẻn này, những người không có sự hào phóng trở nên xao lãng, “những người bon xẻn được gọi là những người thấp kém,5 nghĩa là như vậy.

8 ở các trang 114, 205, 315, 347 trong tập này được thấy ghi: ^Gãho vuccati macchariyāni (sự nắm lấy được gọi là bon xẻn), thay vì: ^Gaho, idarn vuccati rnacchariyam" (sự nắm lấy, điều nẩy được gọi làbỏnxẻn)nhưởđây vaởtrang 186. (ND)

“Những người không nắm giữ lời nói, lời giải bày, lời chỉ bảo, lời giáo huấn của chư Phật, của chư Thinh văn của đức Phát" là những người thấp kém nghĩa là thế nào? "Những người không nắm giữ, không lắng nghe, không để tai, không lập tâm để hiểu lời nói, lời giải bày, lời chỉ bảo, lời giáo huấn của chư Phật, của chư Thinh văn của đức Phát" là những nguồi không nghe theo, không làm theo lời dạy, có hành vi nghịch lại, quay mặt vê hướng khác. "Những người không nắm giữ lời nói, lời giải bày, lời chỉ bảo, lời giáo huấn của chư Phật, của chư Thinh văn của đức Phát" là những người thấp kém nghĩa là như vậy. "Những người thấp kém,, là như thế. Họ đã lún sâu vào [sở hành] sai trái. [Sở hành] sai trái: Họ đã lún sâu vào thân nghiệp sai trái, đã lún sâu vào khẩu nghiệp sai trái, đã lún sâu vào ý nghiệp sai trái, đã lún sâu vào việc giết hại sinh mạng sai trái, đã lún sâu vào việc trộm cáp sai trái, đã lún sâu vào tà hạnh trong các dục sai trái, đã lún sâu vào việc nói dối sai trái, đã lún sâu vào việc nói đâm thọc sai trái, đã lún sâu vào việc nói thô lỗ sai trái, đã lún sâu vào việc nói nhảm nhí sai trái, đã lún sâu

vào tham đắm sai trái, đã lún sâu vào sân hận sai trái, đã lún sâu vào tà kiên sai trái, đã lún sâu vào các pháp tạo tác sai trái, đã lún sâu vào năm loại dục sai trái, đã lún sâu vào năm pháp che lấp sai trái, đã đi theo vào, đã thiết lập, đã bám vào, đã đến gần, đã bám chặt, đã hướng đến, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại. “Là những người thấp kém, họ đã lún sâu vào [sở hành] sai trái" là như thế. Bi dẫn dắt đến khổ đau, họ than vãn. Bi dẫn dắt đến khổ đau: Đã đi đến khổ đau, đã đạt đến khổ đau, đã đến gần khổ đau, đã đi đến Ma vương, đã đạt đến Ma vương, đã đến gần Ma vương, đã đi đến sự chết, đã đạt đến sự chết, đa đến gàn sự chét. Họ than vãn: Họ rên rỉ, lảm nhảm, sầu muộn, mệt mỏi, than vãn, đấm ngực khóc lóc, đi đên sự mê muội. dẫn dắt đến khổ đau, họ than van99 là như thế. Vậy chúng ta sẽ trở thành cái gì sau khi đã chết từ nơi đây? Họ bị rơi vào ngờ vực, bị rơi vào nhầm lẫn, bị sanh lên sự lưỡng lự rằng: “Sau khi chết từ nơi đây, chúng ta sẽ trở thành cái gì? Chúng ta sẽ trở thành người địa ngục? Sẽ trở thành loài thú? Sẽ trở thành thân phận ngạ quỷ? Sẽ trở thành loài người? Sẽ trở thành chư thiên? Sẽ trở thành hữu sắc? Sẽ trở thành vô sắc? Sẽ trở thành hữu tưởng? Sẽ trở thành vô tưởng? Sẽ trở thành phi tưởng phi phi tưởng? Phải chăng chúng ta sẽ hiện hữu trong thời vi lai? Phải chăng chúng ta sẽ không hiện hữu trong thời vị lai? Chúng ta sẽ trở thành cái gì trong thời vị lai? Chúng ta sẽ hiện hữu trong thời vị lai như thê nào? Chúng ta sẽ trở thành cái gì rồi sẽ trở thành cái gì trong

gì

ĐẠI DIỄN GIẢI 37

“Bthèm khát ở các dục, bị đeo níu, bị mê đắm, là những người thấp kém, họ đã lủn sâu vào [sở hành] sai trái. Bị dan dắt đen kho đau, họ than vãn: 'Vậy chủng ta sẽ trở thành cái gì sau khỉ đa chết từ nơi đây? 3 5 r 2.4 Chỉnh vì điêu âyf con người ở ngay tại đây nên học tập, Nên biết bất cứ điều gì là "sai trảiở the gian, Không nên thực hành điều sai trải do nhân của điều ấy, Bởi vì các bậc sáng tri đã nói mạng sổng này là ngắn ngủi. Chính vì điều ấy, con người ờ ngay tại đây nên học tập. Vì điều ấy: Vì điều ấy là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, trong khi nhìn thấy điều bất lợi này ở các dục. "Vi điều ấy” là như thế. Nên học tập: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắn^ tuệ. Việc nào là sự học tập về thắng giới? ở đây, vị Tỳ-khiru là vị có giới, sống thu thúc với sự thu thúc của Giới bổn (Pātimokkhaṃ, thành tựu về hạnh kiểm và hành xứ, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành trong các điều học. Nhóm giới nhỏ, nhóm giới lớn, giới là nền tảng, phần khởi đầu, sự thực hành, sự ngăn giữ, sự thu thúc, sự mở đầu, sự dẫn đầu nhằm chứng đạt các thiện pháp; việc này là sự học tập ve thắng giới. Việc nào là sự học tập về thắng tâm? ở đây, vi Tỳ-khưu ngay sau khi tách ly khỏi các dục, tách ly khỏi các bất thiện pháp, đạt đến và trú thiền thứ nhất, có tầm, có tứ, có hỷ lạc sanh lên do sự tách ly; do sự vắng lặng của tầm và tứ, đạt đến và trú thiền thứ nhì, có sự tĩnh lặng thuộc nội phần, có trạng thái chuyên nhất của tâm, không tầm không tứ, có hỷ lạc sanh lên do định; do sự không còn luyên ai ơ hỷ5 an tru xa, co niệm va co sự nhạn biêt rõ, và cam nhạn lạc băng thân, đó là điều mà các bậc Thánh gọi là: “C6 xả, có niệm, có sự trú vào lạc”, đạt đến và tru thiền thứ ba; và do sự từ bỏ lạc, do sự từ bỏ khổ [ở thân], do sự biến

mất của hỷ tâm và ưu phiền [đã có] ngay trước đó, đạt đến và trú thiền thứ tư, có sự thanh tịnh của xả và niệm, không kho không lạc; việc này là sự học tập về thắng tâm Việc nào là sự học tập về thắng tuệ? ở đây, vị Tỳ-khxru là vị có tuệ, thành tựu về tuệ hướng đến sự sanh diệt, góp phần vào sự thấu triệt cao thượng, dẫn đến việc cạn kiệt hoàn toàn của khổ. Vị ấy nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là kh6", nhận biết đúng theo thực the rằng: "Đây là nhân sanh kh6", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Dây là sự diệt tận kh6", nhận biết đúng theo thực thể rằnẹ: '6Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận kh6", nhận biết đúng theo thực the ràng: "Bây là các lậu hoặc^ nhận biết đúng theo thực thể ràng: "Dây là nhân sanh các lậu hoc nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Bây là sự diệt tận các lậu hoặc", nhận biết đúng theo thực thể rằng: 6'Đây là sự thực hành đưa đen sự diệt tận các lậu ho/c"; việc này là sự học tập ve thắng tuệ.

Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này, thì nên học tập; trong khi biết, thì nên học tập; trong khi thấy, thì nên học tập; trong khi quán xét lại, thì nên học tập; trong khi quyết định tâm, thì nên học tập; trong khi hướng đến đức tin, thì nên học tập; trong khi ra sức tinh tấn, thì nên học tập; trong khi thiết lập niệm, thì nên học tập; trong khi tập trung tâm, thì nên học tập; trong khi nhận biết bằng tuệ, thì nên học tập; trong khi biết rõ pháp cần được biết rõ, thì nên học tập; trong khi biết toàn diện pháp cần được biết toàn diện, thì nên học tập; trong khi dứt bỏ pháp cần được dứt bỏ, thì nên học tập; trong khi tu tập pháp cân được tu tập, thì nên học tập; trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ, thì nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng. ở tại đây: ở quan điểm này, ở sự chấp nhận này, ở sự ưa thích này, ở sự nắm giữ này, ở Pháp này, ở Luật này, ở Pháp và Luật này, ở giáo lý này, ở Phạm hạnh này, ở lời dạy này của bậc Đạo sư, ở bản ngã này, ở thế giới loài người nảy; vì thế được gọi là uở tại day?9 Con người là chúng sanh, đàn ông,... (nt)... nhân loại. "Chính vì điều ấy, con người ở ngay tại đây nên học tap" là như thế. Nên biết bất cứ điều gì là "sai tMi" ờ thế gian. Bất cứ điều gì: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ "yam kiñcī' này là lối nói của sự bao gồm. Nên biết ỉa ÍÉsai tráp Nên biết than nghiệp sai trái là "sai trai9\ nên biết khẩu nghiệp sai trái là "sai trái", nên biết ý nghiệp sai trái là "sai trái,95 nên biết việc giet hại sinh mạng sai trái là "sai trái", nên biêt việc trộm cắp sai trái là "sai trái", nên biết tà hạnh trong các dục sai trái là "sai tiÉi", nên biết việc nói dối sai trái là "sai nên biết việc nói đâm thọc sai trái là "sai trái5\ nên biết việc nói tho lỗ sai trái là "sai trâi", nên biết việc nói nhảm nhí sai trái là "sai trái", nên biết tham đắm sai trái là "sai trái", nên biết sân hận sai trái là "sai trAi", nen biết tà kiến sai trái là "sai tiẤi", nên biết các hành sai trái là "sai trái", nên biết năm loại dục sai trái là "sai trái", nên biết năm pháp che lấp sai ưái là "sai trái9\ nên biết, nên hiểu, nên nhận thức, nên thừa nhận, nên thấu triệt. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ. "Nên biết bất cứ điều gì là 'sai trái9 ở thế gian" là như thế. Không nên thực hành điều sai trái do nhân của điều ấy: Không nên thực hành điều sai trái do nhân của thân nghiệp sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của khẩu nghiệp sai trái, không nên thực hành điều sai trái do

nhân của ý nghiệp sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của việc giết hại sinh mạng sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của việc trộm cắp sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của tà hạnh trong các dục sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của việc nói dối sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của việc nói đâm thọc sai trái, không nên

hành điêu sai trái do nhân của việc nói nhảm nhí sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của tham đắm sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của sân hận sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của tà kiến sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của các pháp tạo tác sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của năm loại dục sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của năm pháp che lấp sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của ý định sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của ước nguyện sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của nguyện vọng sai trái, không nên hành xử, không nên hành theo, không nên thọ trì và vận dụng. "Không nên thực hành điều sai trái do nhân của điều ấy" là như thế. Bởi vì các bậc sáng trí đã nói mạng sống này là ngắn ngủi. Mạng sống: Là tuổi thọ, sự tồn tại, sự di chuyển, sự làm cho di chuyển, sự thay đổi oai nghi, sự vận hành, sự hộ trì, mạng sống, mạng quyền. Và hơn nữa, mạng sống là ngắn ngủi bởi hai lý do: Mạng sống là ngắn ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của sự tồn tại, hoặc là mạng sống là ngắn ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của phẩm chất. Mạng sống là ngắn ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của sự tồn tại nghĩa là thế nào? Đã sống ở sát-na tâm quá khứ thì không sống [ở hiện tại], thì sẽ không sống [ở vi lai]; sẽ sống ở sát-na tâm vi lai thì không sống [ở hiện tại], thì đã không sông [ở quá khứ]; đang sông ở sát-na tâm hiện tại thì đã không sông [ở quá

x r y 7. Cdc uân không đi đên việc tôn trữ, chúng bi tan rã. Không có sự tích lũy của các uẩn ở tương lai. Chủng tồn tại ngay khi vừa được sanh lênf tương tự như hạt cải ở đau mũi kim. 8. Và đổi với các pháp đã được sanh lênf sự tan rã của chủng là ở phía trước. Các uẩn có trạng thái tiêu hoại, chúng tồn tại không bị trộn lẫn với các uẩn trước đó. 9. Chúng đi đến không được nhìn thấy; bi tan ra, chúng ra đi không được nhìn thây. Chúng sanh lên và diệt đi tựa như sự xuất hiện của tia chớp ở không trung." Mạng sống là ngắn ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của sự tồn tại nghĩa là như vậy. Mạng sống là ngắn ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của phẩm chất nghĩa là thế nào? Mạng sống được gắn liền với hơi thở ra, mạng sống được gắn liền với hơi thở vào, mạng sống được gắn liền với hơi thở ra và hơi thở vào, mạng sống được gắn liền với bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió], mạng sống được gắn liền với vật thực ăn uống, mạng sống được gắn liền với hơi nóng, mạng sống được gắn liền với thức; nguồn gốc của các pháp này là yếu ớt, nhân quá khứ của các pháp nay cũng la yêu ớt, các pháp nao la duyên các pháp áy cũng la yêu ớt, pháp nào là nguồn sanh khởi pháp ấy cũng là yếu ớt, các pháp cùng hiện hữu của các pháp này cũng là yếu ớt, các pháp kết hợp với các pháp này cũng là yếu ớt, các pháp đồng sanh của các pháp này cũng là yếu ớt, pháp nào nối tiếp pháp ấy cũng là

yếu ớt, các pháp này luôn yếu ớt giống như nhau, các pháp này không trụ lại cùng với nhau, các pháp này tiêu hoại giống như nhau, không có sự bảo vệ giữa chúng với nhau, và các pháp này cũng không củng cố lẫn nhau; pháp nào sản sinh ra [pháp khác] thì nó không còn hiện hữu. 10. i(Và không có cái nào bi loại bỏ bởi cái nào, bởi vì toàn bộ những cái này đều đạt đen sự tan rã, Do những cái trước mà những cải này được tạo ra, những cái là nguồn phát sanh trước đó rồi cũng bị chết đi, thậm chỉ những cải trước và luôn cả những cái sau không bao giờ nhìn thấy lẫn nhau," Mạng sông là ngăn ngủi vì tính chát nhỏ nhoi của phàm chát nghĩa là như vậy. Và hơn nữa, so sánh với mạng sống của chư thiên cõi Tứ Đại Thiên Vương thì loài người có mạng sông ngăn ngủi, có mạng sông nhỏ nhoi, có mạng sông chút ít, có mạng sống chớp nhoáng, có mạng sống mau lẹ? có mạng sống chóng qua, có mạng sống không lâu dài, có mạng sống không tồn lại lâu. So sánh với mạng sống của chư thiên cõi Đạo-lợi... (nt)... của chư thiên cõi Dạ-ma... (nt)... của chư thiên cõi Đẩu-suất... (nt)... của chư thiên cõi Hóa Lạc... (nt)... của chư thiên cõi Tha Hóa Tự Tại... (nt)... của chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên thì loài người có mạng sống ngắn ngủi, có mạng sống nhỏ nhoi, có mạng sống chút ít, có mạng sống chớp nhoáng, có mạng sống mau lẹ, có mạng sống chóng qua, có mạng sống không lâu dài, có mạng sống không tồn lại lâu. Và điều này cũng đã được đức Thế Ton nói đen: "Này các Tỳ-khưu, tuổi thọ này của loài người là ngăn ngủi, kiêp sau roi sẽ

được đi đến, nên làm cho giác ngộ nhờ vào trí tuệ, nên làm việc thiện, nên thực hành Phạm hạnh, đã được sanh ra không có việc không chết. Này các Tỳ-khưu, người nào sống lâu, người ấy sống một trăm năm, ít hơn hoặc nhiều hơn. 11. Tuôi thọ của loài người là ngăn ngủi, bậc thiện nhân nên xem thường nó, nên thực hành tựa như người có cái đau đã bỉ cháy rực, việc không xảy đen cải chết là không có. 12. Ngày và đêm trôi qua, mạng sông bỉ hoại diệt, tuổi thọ của loài người bi cạn kiệt, tựa như nước của những con rạch nhỏ." Bởi vì các bậc sáng trí đã nói mạng song này là ngăn ngủi. Các bậc sáng trí: "C6 trí hiểu biết" là các bậc sáng trí, "thành tựu trí hiểu biết" là các bậc sáng trí, “nhơm gớm việc ac,5 là các bậc sáng trí. Sáng trí nói đến tuệ. Tuệ là sự nhận biết, sự chọn lựa, sự khám phá, sự chọn lựa pháp, sự quan sát, sự suy xét5 sự phân biệt, sự thông thái, sự thông thạo, sự khôn khéo, sự thông suốt, sự cân nhắc, sự có trí, sự khảo sát, sự hiểu biết rộng rãi, sự thông minh, pháp dẫn đầu, sự thấy rõ, sự nhận biết rõ, vật xuyên thủng; tuệ là tuệ quyền, tuệ lực, tuệ là vũ khí, tuệ là lâu đài, tuệ là ánh sáng, tuệ là hào quang, tuệ là cây đèn, tuệ là báu vật; sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến, trạng thái thành tựu với tuệ ây là sáng trí. Thêm nữa, sáng trí vê uân, sáng trí vê giới, sáng trí về xứ, sáng trí về tùy thuận duyên khởi, sáng trí về việc thiết lập niệm, sáng trí về chánh cần, [sáng trí về nền tảng của thần thông] sáng trí về quyền, [sáng trí về lực] sáng trí về yếu tố đưa đến giác ngộ, sáng trí về Đạo, sáng trí về Quả, sáng trí ve Niet-bàn. Các bậc sáng trí ấy đã nói như vầy: "Loài người có mạng sống ngắn nghi, có mạng sống nhỏ nhoi, có mạng sống chút ít, có mạng sống mau lẹ, có mạng sống chóng qua, có mạng sống không lâu dài, có mạng sống không tồn lại lâu." Các vị đã nói như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy. "Bởi vì các bậc sáng trí đã nói mạng sống này là ngắn ngiỉi” là như thế. Vì thế,

đức Thế Tôn đã nói rằng: "Chính vì điều ấy, con người ở ngay tại đây nên học tậpf Nên biết bất cứ điều gì là 'sai trái9 ở thế gian, Không nên thực hành điều sai trái do nhân của điều ấy, Bởi vì các bậc sáng trí đã nói mạng sống này là ngắn ngủi."

2.5. Ta nhìn thấy con người này, bỉ nhiễm tham ải trong các cõi, đang chao đảo ở thế gian. Những người thấp hèn, chưa xa lìa tham ái ở hữu và phỉ hữu, rên rỉ ở cửa miệng tử than, Ta nhìn thấy [người] đang chao đảo ờ thế gian. Ta nhìn thấy: Ta nhìn thấy bằng nhục nhãn, Ta nhìn thấy bằng thiên nhãn,

Ta nhìn thấy bằng tuệ nhãn, Ta nhìn thấy bằng Phật nhãn, Ta nhìn thấy bằng toàn nhãn, Ta nhận thấy, Ta quan sát, Ta suy xét, Ta khảo sát. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giói, ở thế gian của các xứ. [Người] đang chao đảo: Đang chao d0ng với sự chao động bởi tham ái, đang chao động với sự chao động bởi tà kiên, đang chao động với sự chao động bởi ô nhiễm, đang chao động với sự chao động bởi sự kết noi, đang chao động với sự chao động bởi nghiệp quả, đang chao động với sự chao động bởi uế hạnh; kẻ bi luyến ái đang chao động bởi luyến ái; kẻ bi sân hận đang chao động bởi sân hận; kẻ bị si mê đang chao động bởi si mê; kẻ bị trói buộc đang chao động bởi ngã mạn; kẻ bị bám víu đang chao động bởi tà kiến; kẻ bị tán loạn đang chao động bởi sự phóng dật; kẻ không dứt khoát đang chao động bởi hoài nghi; kẻ cứng cỏi đang chao động bởi các pháp tiềm ẩn, đang chao động bởi lợi lộc, đang chao động bởi không lợi lộc? đang chao động bởi danh vọng, đang chao động bởi không danh vọng, đang chao động bởi lời khen, đang chao động bởi tiếng chê, đang chao động bởi hạnh phúc, đang chao động bởi khổ đau, đang chao động bởi sanh, đang chao động bởi già, đang chao động bởi bệnh, đang chao động bởi chết, đang chao động bởi sầu-bi-khổ-ưu-não9 đang chao động bởi khổ ở địa ngục, đang chao động bởi khổ ở loài thú, đang chao động bởi khổ ở thân phận nga quy, đang chao động bởi khổ của loài người, đang chao động bởi khổ bắt nguồn từ việc nhập thai, đang chao động bởi khổ bắt nguồn từ việc trụ thai, dang chao động bởi khổ bắt nguồn từ việc ra khỏi thai, đang chao động bởi khổ gan liền sau khi sanh ra, đang chao động bởi khổ do kẻ khác áp đặt sau khi sanh ra, đang chao động bởi khổ do sự ra sức của bản thân, đang chao động bởi khổ do sự ra sức của kẻ khác, đang chao động bởi khổ do [thọ] khổ, đang chao động bởi khổ do pháp tạo tác, đang chao động bởi khổ do sự biến đổi, đang chao động bởi khổ do bệnh ở mắt, đang chao động bởi khổ do bệnh ở tai trong, bởi khổ do bệnh ở mũi, bởi khổ do bệnh ở lưỡi, bởi khổ do bệnh ở thân, [bởi khổ do bệnh ở đầu] bởi khổ do bệnh ở lỗ tai, bởi khổ do bệnh ở miệng, bởi khổ do bệnh ở răng, bởi ho, bởi suyễn, bởi sổ mũi, bởi nhiệt, bởi cảm sốt, bởi đau bụnệ, bởi xây xẩm, bởi kiết ly, bởi đau bụng bão, bởi dịch tả, bởi phong cùi, bởi khối u, bởi bệnh chàm, bởi lao phổi, bởi động kinh, bởi mụt, bởi nhọt, bởi ghẻ ngứa, bởi sảy, bởi loét tay chân, bởi máu, bởi mật, bởi bệnh tiểu đường, bởi bệnh trĩ, bởi ghẻ lở, bởi loét hậu môn, bởi bệnh phát khởi từ mật, bởi bệnh phát khởi từ đàm, bởi bệnh phát khởi từ gió, bởi bệnh tổng hợp do mật-đàm-gió, bởi bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, bởi bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều, bởi bệnh thuộc dạng cấp tính, bởi

bệnh sanh lên vì quả của nghiệp, lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, bởi khổ do sự xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, bởi kho do cái chết của mẹ, bởi khổ do cái chết của cha, bỏd khổ do cái chết của anh [em] trai, bởi khổ do cái chết của chị [em] gái, bởi khổ do cái chết của con trai, bởi khổ do cái chết

của con gái, bởi khô do sự tôn hại vê thân quyên, bởi khô do sự tôn hại vê của cải, bởi khổ do sự tổn hại vì bệnh tật, bởi khổ do sự tổn hại về giới, bởi khổ do sự tổn hại về kiến thức; Ta nhìn thấy, Ta nhận thấy, Ta quan sát, Ta suy xét, Ta khảo sát người đang chao động, đang lay động, đang xáo động, đang run rẩy, đang chấn động, đang rúng động. “Ta nhìn thấy [người] đang chao đảo ở thế gian" là như thế. Con nguòĩ này bi nhiễm tham ái trong các cõi. Con người: Là tên gọi cho chúng sanh. Tham ái: Là ái cảnh sắc, ái cảnh thinh, ái cảnh khí, ái cảnh vị, ái cảnh xúc, ái cảnh pháp, hữu ái, phi hữu ái? đi theo tham ái, di chuyên theo tham ái, đạt đên tham ái, bị rơi vào tham ái, bị ngự tri, có tâm bi khuất phục. Trong các cõi: ở dục giới, ở sắc giới, ở vô sắc giới. “Con người này, bị nhiễm tham ái trong các c6i" là như thế. Những người thấp hèn rên rỉ ờ cửa miệng tử thần. Những người thấp hèn: "Người có thân nghiệp thấp h§ĩi” là những người thấp hèn, "người có khẩu nghiệp thấp hèn” là những người thấp hèn, ungười có ý nghiệp thấp h©n“ là những người thấp hèn, "người có việc giết hại sinh mạng thấp hèn” là những người thấp hèn, ^người có việc trộm cắp thấp hèn... tà hạnh thấp hèn trong các dục... việc nói dối thấp hèn... việc nói đâm thọc thấp hèn.. việc nói thô lo thấp hèn... việc nói nhảm nhí thấp hèn... tham đắm thấp hèn... sân hận thấp hèn... tà kiến thấp hèn... các pháp tạo tác thấp hèn... năm loại dục thấp hèn... năm pháp che lấp thấp hèn... ý đinh thấp hèn... ước nguyện thấp hèn... nguyện vọng thấp hèn,5 là thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi. "Những ngươi thấp hen^ là như thế. Rên rỉ ờ cửa miệng tử thần. ở cửa miệng tử thần: ở cửa miệng Ma vương, ở cửa miệng sự chết. Đã đi đến tử thần, đã đạt đến tử thần, đã đến gần tử tìiần, đã đi đến Ma vương, đã đạt đến Ma vương, đã đến gần Ma vương, đã đi đến sự chết, đã đạt đến sự chết, đã đến Ệần sự chét; họ rên rỉ, họ lảm nhảm, họ sầu muộn, họ mệt mỏi, họ than vãn, họ đam ngực khóc lóc, họ đi đến sự mê muội. “Những người thấp hèn rên rỉ ở cửa miệng tử thần” là như thế. Chưa xa lìa tham ái ờ hữu và phi hữu. Tham ái: Ái cảnh sắc,... (nt)... ái cảnh pháp. ở hữu và phi hữu: ở dục giới, sắc giới, vô sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp, ở sự hiện hữu lần nữa; ở sự hiện hữu của nghiệp là dục giới, ở sự hiện hữu lân nữa là

chưa được tách lìa, có tham ái chưa được từ bỏ, có tham ái chưa được tẩy trừ, có tham ái chưa được giải thoát, có tham ái chưa được dứt bỏ, có tham ái chưa được buông bỏ. “Chua xa lìa tham ái ở hữu và phi hữu" là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng: “Ta nhìn thấy con người này, bỉ nhiễm tham ải trong các cõi, đang chao đảo ở thế gian. Những người thấp hèn, chưa xa lìa tham ải ở hữu và phỉ hữu, rên rỉ ở cửa miệng tử than."

2.6. Hãy nhìn xem những kẻ đang chao động vê vật đã được chắp là của ta tựa như những con cá ở chỗ ít nước, ở dòng chảy bỉ cạn kiệt. Và sau khỉ nhìn thấy điều ấy, nên sống không chấp là của ta, không tạo nên sự dính mắc ở các hữu. Hãy nhìn xem những kẻ đang chao động về vật đã được chấp là của ta. Trạng thái chấp là của ta: Có hai trạng thái chấp là của ta: Trạng thái chấp là của ta do tham ái và trạng thái chấp là của ta do tà kiến. Trạng thái chấp là của ta do tham ái là điều nào? Cho

đổi họ cũng chao động, họ lay động, họ xáo động, họ run rẩy, họ chấn động, họ rúng động. Trong khi họ đang chao động, đang lay động, đang xáo động, đang run rẩy, đang chấn động, đang rúng động như vậy; các ngươi hãy nhìn xem, hãy nhận thấy, hãy quan sát, hãy suy xét, hãy khảo sát họ. A r

"Hy nhìn xem những kẻ đang chao động vê vật đã được chập là của ta" là như thế. Tựa như những con cá ờ chỗ ít nước, ờ dòng chảy bỉ cạn kiệt: Giống như những con cá ở chỗ ít nước, ở chỗ cạn nước, ở chỗ kiệt nước, đang bị tấn công, đang bị gắp lên, đang bi ngấu nghiến bởi những con quạ, bởi những con diều hâu, bởi những con hạc nâu, chúng chao động, chúng lay động, chúng xáo động, chúng run rây, chún^ chấn đông, chúng rúng động; tương tự như vậy, những người có sự lo âu về việc chiếm đoạt vật đã được chấp là của ta nên họ chao động, trong khi đang bị chiếm đoạt họ cũng chao động, khi đã bị chiếm đoạt họ cũng chao động; [những người] có sự lo âu về việc biến đổi của vật đã được chập là của ta nên họ chao động, trong khi vật đang biên đôi họ cũng chao động, khi vật đã bị biến đổi họ cũng chao động, họ lay động, họ xáo động, họ run rẩy, họ chấn động, họ rúng động. uTựa như những con cá ở chỗ ít nước, ở dòng chảy bị cạn kiệt59 là như thế. Và sau khi nhìn thấy điều ấy, nên sống không chấp là của ta: Sau khi nhìn thấy, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh đinh, sau khi làm rõ rệt điều bất lợi ấy ở các trạng thái chấp là của ta. "Và sau khi nhìn thấy điều ấy' là như thế. Nên sống không chấp là của ta. Trạng thái chập là của ta: Có hai trạng thái chấp là của ta: Trạng thái chập là của ta do tham ái và trạng thái chấp là của ta do tà kiến. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tham ái.... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tà kiến. Sau khi dứt bỏ trạng thái chấp là của ta do tham ái, sau khi buông bỏ trạng thái chấp là của ta do tà kiến, trong khi không chấp mắt là của ta, trong khi không chấp tai là của ta, trong khi không chấp mũi là của ta, trong khi không chấp lưỡi là của ta, trong khi không chấp thân là của ta, trong khi không chấp ý là của ta, trong khi không châg các sác, các thinh, các hương, các vi, các xúc, các pháp, gia tộc, đồ chúng, chỗ ngụ, lợi lộc, danh VỌĨ1Ẹ, lời khen, hạnh phúc, y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuoc men chữa bệnh, dục giới, sắc giới, vô sắc giới, cõi dục, cõi sác, cõi vô săc9 cõi hữu tưởng, cõi vô tưởng, cõi phi tưởng phi phi tưởng, cõi một uẩn, cõi bốn uẩn, cõi năm uẩn, quá khứ, vị lai, hiện tại, các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, trong khi không nắm lấy, trong khi không bám víu, trong khi không chấp chặt, nên thực hành, nên trú ngụ, nên sinh hoạt, nên vận hành, nên bảo họ, nên hộ trì, nên bao dưỡng. "Và sau khi nhìn thấy điều ấy, nên sống không chấp là của ta" là như thế. ../c,.—

Không tạo nên sự dính măc ờ các hữu.

46 KINH TIỂU Bộ _____

ở các hữu: ở dục hữu, ở sắc hữu, ở vô sắc hữu. Sự dính mắc: Nói đến tham ái, tức là sự luyên ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đăm, tham, cội nguôn của bất thiện. Không tạo nên sự dính mắc ờ các hữu: Không tạo nên, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh sự mong muốn, sự yêu thương, sự luyến ái, sự chấp nhận. "Không tạo nên sự dính mắc ở các hữu" là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng: (iHãy nhìn xem những kẻ đang chao động về vật đã được chấp là của ta tựa như những con cá ở chỗ ít nước, ở dòng chảy bỉ cạn kiệt. Và sau khi nhìn thấy điều ấy, nên sống không chấp là của ta, không tạo nên sự dính mắc ở các hữu,"

2.7. Sau khi dẹp bỏ sự mong muốn ở cả hai thải cực, sau khỉ biết toàn diện về xúc, không còn thèm khátf có sự chê trách bản thân về điều nào thì không làm điều ấy, người sáng trí không bỉ lấm nhơ ở những điều đã được thấy, đã được nghe, Sau khi dẹp bỏ sự mong muốn ờ cả hai thái cực. Thái cực: Có hai thái cực: Xúc là một thái cực, nhân sanh ra xúc là thái cực thứ hai. Quá khứ là một thái cực, vị lai là thái cực thứ hai. Cảm thọ lạc là một thái cực, cảm thọ khổ là thái cực thứ hai. Danh là một thái cực, sắc là thái cực thứ hai. Sáu nội xứ là một thái cực, sáu ngoại xứ là thái cực thứ hai. Sự chấp thân này là một thái cực, nhân sanh ra sự chấp thân này là thái cực thứ hai. Mong muốn: Là sự mong muốn về dục, sự luyến ái về dục, niềm vui về dục, sự tham ái vê dục, sự yêu mên vê dục, sự nông nhiệt vê dục, sự mê mân vê dục, sự bám chặt vào dục, sự lôi cuốn của dục, sự gắn bó với dục, sự chấp thủ ở dục, sự che lấp do mong muốn về dục ở các dục. Sau khỉ dẹp bỏ sự mong muốn ờ cả hai thái cực: Là sau khi dẹp bỏ, sau khi dẹp hẳn, sau khi dứt bỏ, sau khi xua di, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu sự mong muốn ở cả hai thái cực. "Sau khi dẹp bỏ sự mong muốn ở cả hai thái cực" là như thế. Sau khi biết toàn diện về xúc, không còn thèm khát Xúc: Là nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc, xúc do diễn đạt [xúc thông qua ý môn], xúc do va chạm [xúc thông qua ngũ môn], xúc tạo ra thọ lạc, xúc tạo ra thọ khổ, xúc tạo ra thọ không khổ không lạc, xúc [ở tâm] thiện, xúc [ở tâm] bất thiện, xúc [ở tâm] vô ký, xúc thuộc dục giới, xúc thuộc sắc giới, xúc thuộc vô sắc giới, xúc [do quán xét] không tánh, xúc [do quán xét] vô tướng, xúc [do quán xét] vô nguyện, xúc hiệp thế, xúc xuất thế, xúc quá khứ, xúc vị lai, xúc hiện tại, xúc nào có hình thức như vậy là sự chạm vào, biểu hiện chạm vào, trạng thái chạm vào; điều này được gọi là xúc.

ĐẠI DIỄN GIẢI 47

Sau khi biêt toàn diện vê xúc: Sau khi biêt toàn diện vê xúc với ba trường hợp biết toàn diện: Biết toàn diện về điều đã được biết, biết toàn diện về sự xét đoán và biết toàn diện về sự dứt bỏ. Biết toàn diện về điều đã được biết là những gì? Biết về xúc. Biết rằng, thấy rằng: “Cái này là nhãn xúc, cái này là nhĩ xúc, cái này là tỷ xúc, cái này là thiệt xúc, cái này là thân xúc, cái này là ý xúc, cái này là xúc do diễn đạt [xúc thông qua ý môn], cái này là xúc do va chạm [xúc thông qua ngũ môn], cái này là xúc tạo ra thọ lạc, cái này là xúc tạo ra thọ khô, cái này là xúc tạo ra thọ không khô không lạc, cái này

là xúc [ở tâm] thiện, cái này là xúc [ở tâm] bất thiện, cái này là xúc [ở tâm] vô ký, cái này là xúc thuộc dục giới, cái này là xúc thuộc sắc giới, cái này là xúc thuộc vô sắc giới, cái này là xúc [do quán xét] không tánh, cái này là xúc [do quán xét] vô tướng, cái này là xúc [do quán xét] vô nguyện, cái này là xúc hiệp the, cai nay la xúc xuat the, cai nay la xúc qua khư, cai này la xúc vi lai, cái này là xúc hiện lại"; điều này là sự biêt toàn diện về điều đã được biết. Biết toàn điện về sự xét đoán là những gì? Sau khi thực hiện điều đã được biết như thế thì xét đoán về xúc, xét đoán là vô thường, là khổ, là cơn bệnh, là mụt ghẻ, là mũi tên, là tai ương, là tật nguyền, là không sai khiến được, là biến hoại, là tai họa, là bất hạnh, là sợ hãi, là nguy cơ, là thay đổi, là mảnh mai, là không bền, là không nơi nương náu, là không nơi tru ẩn, là không nơi nương nhờ, là trạng thái không có nơi nương nhờ, là trống rỗng, là rỗng không, là trống không, là vô ngã, là bất lợi, là có bản chất biến đổi, là không có cốt lõi, là gốc ệác của tai ương, là kẻ giết hại, là vật hư hỏng, là có sự rò rỉ, là bị tạo tác, là moi nhử của Ma vương, là có bản chất sanh ra, là có bản chất già, là có bản chất bệnh, là có bản chất chết, là có bản chất sầu-bi-khổ-ưu-não, là có bản chất ô nhiễm, là nhân sanh khởi, là sự tiêu hoại, là sự hứng thú, là sự bất lợi5 là sự thoát ra; điều này là sự biết toàn diện về sự xét đoán. Biết toàn diện về sự dứt bỏ là những gì? Sau khi xét đoán như vậy thì dứt bỏ, xua di, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự mong muốn và luyến ái ở xúc. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, cái gì là sự mong muốn và luyến ái ở các xúc, các ngươi hãy dứt bỏ cái ây. Như vậy, xúc ây sẽ được dứt bỏ, có rê đã được cát lìa, như cây thót nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai” điều này là sự biết toàn diện về sự dứt bỏ. Sau khi biết toàn diện về xúc: Sau khi biết toàn diện về xúc với ba trường hợp biết toàn diện này. Không còn thèm khát. Thèm khát: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với người nào, sự thèm khát ấy là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi

là không còn thèm khát. Người ấy không thèm khát ở sắc, không thèm khát ở thinh, không thèm khát ở hương, không thèm khát ở vị, không thèm khát ở xúc, không thèm khát ở gia tộc, ở đô chúng, ở chỗ ngụ, ở lợi lộc, ở danh vọng, ở lời khen, ở hạnh phúc, ở y phục, ở đồ ăn khất thực, ở chỗ nằm ngồi, ở vật dụng là thuốc men chữa bệnh, ở dục giới, ở sắc giới, ở vô sắc giới, ở cõi dục, ở cõi sắc, ở cõi vô sắc, ở cõi hữu tưởng, ở cõi vô tưởng, ở cối phi tưởng phi phi tưởng, ở cõi một uẩn, ở cõi bốn uẩn, ở cõi năm uẩn, ở quá khứ, ở vi lai, ở hiện tại, ở các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không bị buộc trói, không bị mê mẩn, không bị gần gũi, có sự thèm khát đã được xa lìa, có sự thèm khát đã được tách lìa, có sự thèm khát đã được từ bỏ, có sự thèm khát đã được tẩy trừ, có sự thèm khát đã được giải thoát, có sự thèm khát đã được dứt bỏ, có sự thèm khát đã được buông bỏ, có sự luyến ái đã được xa lìa, có sự luyến ái đã được tách lìa, có sự luyến ái đã được từ bỏ, có sự luyến ái đã được tây trừ, có sự luyến ái đã được giải thoát, có sự luyến ái đã được dứt bỏ, có sự luyến ái đã được

buông bỏ, không còn khao khát, được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân. "Sau khi biết toàn diện về xúc, không còn thèm khát" là như thế. Có sự chê trách bản thân về điều nào thì không làm điều ấy. Điêu nao: La việc nao. Có sự chê trách bản thân: Chê trách bản thân bởi hai lý do: Do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm. Chê trách bản thân do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm [nghĩa] là thế nào? Chê trách bản thân rằng: "Ta đã làm uế hạnh về thân, ta đã không làm thiện hạnh về than?9 Che ưách bản thân rằng: "Ta đã làm uế hạnh về khẩu, ta đã không làm thiện hạnh về khẩu. Chê trách bản thân rằng: "Ta đã làm uế hạnh về ý, ta đã không làm thiện hạnh về y." Chê trách bản thân rằng: "Ta đã giết hại sinh mạng, ta đã không tránh xa sự giết hại sinh mạng.,^ Chê trách bản thân rằng: “Ta đã trộm cắp, ta đã không tránh xa sự trộm cắp." Chê trách bản thân rằng: "Ta đã làm tà hạnh trong các dục, ta đã không franh xa sự tà hạnh trong các dạc." Chê trách bản thân rằng: “Ta đã nói dối, ta đã không tránh xa việc nói d6i." Chê trách bản thân rằng: “Ta đã nói đâm thọc, ta đã không tránh xa việc nói đâm thQC.” Chê trách bản thân rằng: "Ta đã nói thô lỗ, ta đã không tránh xa việc nói thô lỗ?9 Chê trách bản thân rằng: “Ta đã nói nhảm nhí, ta đã không tránh xa việc nói nhảm nhí.” Chê trách bản thân rằng: "Ta đã hành động tham đắm, ta đã không hành động không tham đắm." Chê trách bản thân lẳng: “Ta đã hành động sân hận, ta đã không hành động không sân han." Chê trách bản thân rằng: “Ta đã thực hành tà kiến, ta đã không thực hành chánh kiến." Chê ưách bản thân do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm [nghĩa] là như vậy. Hoặc là, chê trách bản thân rằng: uTa không phải là người thực hành đầy đủ các giới.” Chê trách bản thân rằng: “Ta là người có các giác quan không được gìn giữ.” Chê trách bản thân răng: “Ta là người không biêt chừng mực vê vật thực?5 Chê trách bản thân răng:

ĐẠI DIỄN GIẢI 49

"Ta không luyện tập về tỉnh thức." Chê trách bản thân rằng: "Ta không có niệm và sự nhận biết r6." Chê trách bản than rằng: "Bốn sự thiết lập niệm chưa được ta tu tập." Chê trách bản thân rằng: uBốn chánh cần chưa được ta tu tập." Chê trách bản thân rằng: "Bốn nền tảng của thần thông chưa được ta tu tập?5 Chê trách bản thân rằng: “Năm quyền chưa được ta tu lập." Chê trách bản thân rằng: "Năm lực chưa được ta tu tập.” Chê trách bản thân rằng: "Bảy yếu tố đưa đến giác nẹộ chưa được ta tu tap." Chê trách bản thân rằng: "Đạo lộ Thánh thiện tám chi phan chưa được ta tu tap.95 Chê trách bản thân rằng: "Khổ chưa được ta biết toàn diện?5 Chê trách bản thân rằng: "Tập chưa được ta dứt b6.” Chê trách bản thân rằng: "Đạo chưa được ta tu tap." Chê trách bản thân rằng: "Diet chưa được ta chứng ng0.” Chê trách bản thân do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm [nghĩa] là như vậy. Không tạo ra, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh ra nghiệp khiến cho có sự chê trách bản thân [nghĩa] là như vậy. "C6 sự chê trách bản thân về điều nào thì không làm điều ấy" là như thế. Người sáng trí không bỉ lấm nhơ ờ những điều đã được thấy, đã được nghe. Lấm nhơ: Có hai sự lấm nhơ: Lấm nhơ do tham ái và lấm nhơ do tà kiến. ... (nt)... điều này là lấm nhơ do tham ái.... (nt)... điều này là lấm nhơ do tà kiến. Người sáng trí: Người sáng trí là người sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự

rành rẽ, có sự thông minh. Người sáng trí sau khi dứt bỏ lấm nhơ do tham ái, sau khi buông bỏ lấm nhơ do tà kiến, không bi lấm nhơ ở điều đã được thấy, không bị lấm nhơ ở điều đã được nghe, không bi lấm nhơ ở điều đã được cảm giác, không bị lấm nhơ ở điều đã được nhận thức, không bi nhiễm bẩn, không bi vấy bẩn, [là người] đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Người sárìệ trí không bi lấm nhơ ở những điều đã được thấy, đã được nghe" là như the. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: (íSau khỉ dẹp bỏ sự mong muốn ở cả hai thải cực, sau khi biết toàn diện về xúc, không còn thèm khát, cỏ sự chê trách bản thân về điều nào thì không làm điều ấyf người sáng trí không bị lấm nhơ ở những điều đã được thấy, đã được nghe."

2.8. Sau khi biết toàn diện về tưởng, có thể vượt khỏi dòng lũ, Bậc Hiền trí không bỉ vay ban ở các sự sở hữu, Có mũi tên đã được lấy ra, không bỉ xao lãng trong khi sống, Không mong ước đời này và đời khác. Sau khi biết toàn diện về tưởng, có thể vượt khỏi dòng lũ.

50 KINH TIỂU Bộ

Tưởng: Dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng, xuất ly tưởng, vô sân tưởng, vô hại tưởng, sắc tưởng, thinh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng; tưởng nào có hình thức như vậy là biểu hiện của tưởng, trạng thái của tưởng; điều này được gọi là tưởng. Sau khi biết toàn diện về tưởng: Sau khi biết toàn diện về tưởng với ba trường hợp biết toàn diện: Biết toàn diện về điều đã được biết, biết toàn diện về sự xét đoán và biết toàn diện về sự dứt bỏ. Biết toàn diện về điều đã được biết là những gì? Biết về tưởng là biết rằng, thấy rằng: "Cái này là dục tưởng, cái này là sân tưởng, cái này là hại tưởng, cái này là xuất ly tưởng, cái này là vô sân tưởng, cái này là vô hại tưởng, cái này là sắc tưởng, cái này là thinh tưởng, cái này là hương tưởng, cái nay là vị tưởng? cái này là xúc tưởng, cái này là pháp tưởng"; điêu này là sự biêt toàn diện về điều đa được biết. Biết toàn diện về sự xét đoán là những gì? Sau khi thực hiện điều đã được biết như thế thì xét đoán về tưởng, xét đoán là vô thường, là khổ, là cơn bệnh, là mụt ghẻ, là mũi tên, là tai ương, là tật nguyền, là không sai khiến được, là sự biến hoại, là tai họa, là bất hạnh, là sợ hãi? là nguy cơ, là thay đổi, là mảnh mai,... (nt)... là nhân sanh khởi, là sự tiêu hoại, là sự hứng thú, là sự bất lợi, là sự thoát ra; điều này là sự biết toàn diện về sự xét đoán. Biết toàn diện về sự dứt bỏ là những gì? Sau khi thực hiện điều đã được biết như vậy, sau khi xét đoán như vậy thì dứt bỏ, xua đi, làm cham dứt, làm cho không còn hiện hữu sự mong muốn và luyến ái ở tưởng. Bởi vì, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỵ-khưu, cái gì là sự mong muôn và luyên ái ở tưởng, các ngươi hãy dứt bỏ cái ây. Như vậy? tưởng ây sẽ được dứt bỏ9 có rê đã được căt lìa, như cây thốt nốt đã bi cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai" điều này là sự biết toàn diện về sự dứt bỏ. Sau khi biết toàn diện về tưởng: Sau khi biết toàn diện về tưởng với ba trường hợp biết toàn diện. Có thể vượt khỏi dòng lũ: Có thể vượt qua, có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có thể vượt(jua hẳn, có thể vượt qua khỏi dòng lũ [ngũ] dục, dòng lũ của hữu, dòng lũ tà kiên, dòng lũ vô minh.

"Sau khi biết toàn diện về tưởng, có thể vượt khỏi dòng 1R" là như thế. Bậc Hiền trí không bi vấy bẩn ờ các sự sử hữu. Các sự sở hữu: Có hai sự sở hữu: Sự sở hữu do tham ái và sự sở hữu do tà kiến. ... (nt)... điều này là sở hữu do tham ái. ... (nt)... điều này là sở hữu do tà kiến. Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến; được thành tựu với trí ấy bậc Hiền trí có sự đạt đến bản thể hiền trí.

ĐẠI DIỄN GIẢI 51

Ba hiền trí hạnh: Hiền trí hạnh về thân, hiền trí hạnh về khẩu, hiền trí hạnh __Ặ r ve y. Hiền trí hạnh về thân là điều nào? Sự dứt bỏ ba loại uế hạnh về thân là hiền trí hạnh về thân, ba loại thiện hạnh về than là hiền trí hạnh về thân, trí ở đối tượng thân là hiền trí hạnh về than, sự biết toàn diện về thân là hiền trí hạnh về thân, đạo đồng hành với sự biết toàn diện là hiền trí hạnh về thân, sự dứt bỏ mong muốn và luyến ái ở thân là hiền trí hạnh ve thân, sự chứng đạt tứ thiền có sự diệt của thân hành là hiền trí hạnh về thân; điều này là hiền trí hạnh về thân. Hiền trí hạnh về khẩu là điều nào? Sự dứt bỏ bốn loại uế hạnh về khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, bốn loại thiện hạnh về khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, trí ở đối tượn^ khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, sự biết toàn diện về khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, đạo đồng hành với sự biết toàn diện là hiền trí hạnh về khẩu, sự dứt bỏ mong muôn và luyên ái ở khâu là hiên trí hạnh vê khâu, sự chứng đạt nhi thiền có sự diệt của khẩu hành là hiền trí hạnh về khẩu; điều này là hiên trí hạnh về khẩu. Hiền trí hạnh về ý là điều nào? Sự dứt bỏ ba loại uế hạnh về ý là hiền trí hạnh về ý, ba loại thiện hạnh về ý là hiền trí hạnh về ý, trí ở đối tượng tâm là hiền trí hạnh về ý, sự biết toàn diện về tâm là hiền trí hạnh về ý, đạo đồnẸ hành với sự biêt toàn diện là hiên trí hạnh vê ý, sự dứt bỏ mong muôn và luyên ái ở tâm là hiền trí hạnh về y, sự chứng đạt Diệt thọ tưởng có sự diệt của tâm hành là hiền trí hạnh về ý; điêu này là hiền trí hạnh về ý. l . 7 hư Phật] đã nói về bậc Hiền tri về thân, bậc Hiền trí về khẩu, bậc Hiền trí về ỷ, bậc không còn lậu hoặc, bậc Hiền tri thành tựu hiền trí hạnh là bậc có sự dứt bỏ tất cả. 2. [Chư Phật] đã nói về bậc Hiền trí về thân, bậc Hiền trí về khẩu, bậc Hiền trí về ỷ, bậc không còn lậu hoặc, bậc Hiền trí thành tựu hiền trí hạnh là bậc có điều ác đã được rửa sạch," Được thành tựu ba pháp hiền trí hạnh này là sáu hạng hiền trí: Các bậc Hiền trí tại gia, các bậc Hiền trí xuất gia, các bậc Hiền trí Hữu học, các bậc Hiền trí Vô học, các bậc Hiền trí Độc Giác, các bậc Hiền trí của các bậc Hiền trí. Các bậc Hiên trí tại gia là các hạng nào? Những người tại gia đã thây Niêt-bàn, đã nhận thức giáo pháp, là các bậc Hiền trí tại gia. Các bậc Hiền trí xuất gia là các hạng nào? Những vị xuất gia đã thấy Niết-bàn, đã nhận thức giáo pháp, là các bậc Hiền trí xuất gia. Bảy hạng Hữu học là các bậc Hiền trí Hữu học. Các vị A-la-hán là các bậc Hiền trí Vô học. Các vị Phạt Độc Giác là các bậc Hiền trí Độc Giác. Các đức Như Lai, A-la-hán Chánh Đang Giác là các bậc Hiền trí của các bậc Hiền trí. 3. "Khôngphải do trạng thái im lặng mà kẻ có bộ dạng khờ khạo, ngu dot trở thành bậc Hiền trí Nhưng người nào, tựa như người cầm lấy cái cân rồi chọn lấy vật quỷ giá, là người sáng suốt. 4. Người lánh xa han các điêu ác, người ây là bậc Hiên trí; do việc ầyf

52 KINH TIÊU BÔ

r ; 9 ỉ người ầy trở thành bậc Hiên trí. Người nào hiểu rõ cả hai thê giới [nội tâm và ngoại cảnh], do việc ấy được gọi là bậc Hiền trí. 5. VỊ biêt được bản chát của những kẻ xâu và của những người tót, nội phăn và ngoại phần, ở tất cả thế gian, vi được tôn vinh bởi chư thiên và nhân loại, vỉ đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ải và tà kiến], vị ấy là bậc Hiền trí. ” Lấm nhơ. Có hai sự lấm nhơ: Lấm nhơ do tham ái và lấm nhơ do tà kiến.... y , . r e r

(nt)... điêu này là lâm nhơ do tham ái. ... (nt)... điêu này là lâm nhơ do tà kiên. Bậc Hiền trí sau khi dứt bỏ lấm nhơ do tham ái, sau khi buông bỏ lấm nhơ do tà kiến, không bi lấm nhơ ở các sự sở hữu, không bị nhiễm bẩn, không bi vấy bẩn, [là người] đã không bi lấm nhơ, đã không bi nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bi ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Bậc Hiền trí không bị vấy bẩn ở các sự sở hữu" là như thế. Có mũi tên đã được lấy ra, không bi xao lãng trong khỉ sống. Mũi tên: Có bảy mũi tên: Mũi tên luyến ái, mũi tên sân hận, mũi tên si mê, mũi tên ngã mạn, mũi tên tà kiến, mũi tên sầu muộn, mũi tên uế hạnh. Đối với nguôi nào, những mũi tên này là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vang lặng, đã được tịch tịnh, không the sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là có mũi tên đã được lấy lên, có mũi tên đã được lấy ra, có mũi tên đã được nhổ lên, có mũi tên đã được nhổ ra, có mũi tên đã được rút lên, có mũi tên đã được rút ra, có mũi tên đã được từ bỏ5 có mũi tên đã được tẩy trừ, có mũi tên đã được giải thoát, có mũi tên đã được dứt bỏ, có mũi tên đã được buông bỏ, không còn khao khát, được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sông với trạng thái cao thượng tự thân, "C6 mũi tên đã được lấy ra" là như thế. Trong khi sống: Là trong khi thực hành, trong khi trú ngụ, trong khi sinh hoạt, trong khi vận hành, trong khi bảo hộ, trong khi hộ trì, trong khi bảo dưỡng. Không bi xao lãng: Là có sự thực hành nghiêm trang, có sự thực hành liên tục, có sự thực hành không ngừng nghí, có thói quen không biếng nhác, không buông bỏ mong muốn, không buông bỏ bổn phận trong các thiện pháp. [Nghĩ rằng:] "Bằng cách nào ta có thể làm đầy đủ giới uẩn chưa được đầy đủ9 hoặc có thể bảo vệ giới uẩn đã được đầy đủ tại chỗ kia tại chỗ nọ bằng trí tue?” Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự cần cù, sự gắng sức, sự rang sức, sự không thoi chí, niêm, sự nhạn biêt rõ, sự nhiệt tam, sự cân mân, sự quyết tâm, sự chuyên cần, sự không xao lãng trong các thiện pháp. [Nghĩ rằng:] "Băng cách nào ta có thê làm đây đủ định uân chưa được đây đủ, hoặc có thê bảo vệ định uẩn đã được đầy đủ tại chỗ kia tại chỗ nọ bằng trí tụe?"...(nt)... trong các thiện pháp. [Nghĩ rằng:] “Bằng cách nào ta có thể làm đầy đủ tuệ uẩn chưa được đầy đủ,... (nt)... có thể làm đầy đủ giải thoát uẩn... (nt)... giải thoát tri kiến uẩn chưa được đày đủ, hoặc có thể bảo vệ giải thoát tri kiến uẩn đã được

đầy đủ tại chỗ kia tại chỗ nọ bằng trí tue?" Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự cần cù? sự gắng sức, sự ráng sức, sự không thối chí, niệm, sự nhận biêt rõ, sự nhiệt tâm, sự cân mân, sự quyêt tâm, sự chuyên cần, sự không xao lãng trong các thiện pháp. [Nghĩ rằng:] "Bằng cách nào ta có thể biết toàn diện ve Kho

3. DIỄN GIẢI KINH NHÓM TÁMVỀXẤUXA (DUTTHA TTHAKASUTTANIDDESO)

Giờ sẽ nói đến "Diễn giải kinh nhóm tám về xấu xa” 3.1. Thật vậy, một sô người nói [bôi nhọ] với tâm ỷ xâu xa. Quả vậyf một sổ người có tâm ỷ chân thật cũng nói [bôi nhọ]. Bậc Hiền tri không tiếp cận lời nói [bôi nhọ] đã khởi lên, Bởi vầy, bậc Hiên trí không có sự cứng cỏi ở bát cứ đau. Thật vay, một số người nói [bôi nhọ] với tam ý xấu xa: Một số ngoại đạo, với tâm y xấu xa, với tâm ý tồi bại, với tâm ý chống đối, với tâm ý đối chọi, với tâm ý han học5 với tâm ý thù hằn, với tâm ý căm hờn, với tâm ý thù hận, nói [bôi nhọ], gièm pha đức Thế Tôn và hội chúng Tỳ-khưu với việc không có thật. "Thật vậy, một số người nói [bôi nhọ] với tâm ý xấu xa” là như thế. Quả vậy, một số người có tâm ý chân thật cũng nói [bôi nhọ]: Là những người đang tin tưởng, đang tin cậy, đang hướng đến, có tâm ý chân thật, có suy nghĩ chân thật, có tâm ý ngay thật, có suy nghĩ ngay thật, có tâm ý đúng đan, có suy nghĩ đúng đắn, có tâm ý xác đáng, có suy nghĩ xác đáng, có tâm ý không sái quấy, có suy nghĩ không sái quấy đối với những kẻ ngoại đạo ấy; họ nói [bôi nhọ], gièm pha đức Thế Tôn và hội chúng Tỳ-khưu với việc không có thật. "Quả vậy, một số người có tâm ý chân thật cũng nói [bôi ĩlhọ],^ là như thế. Bác Hiền trí không tiếp cận lời nói [bôi nhọ] đã khỏi lên: Lời nói [bôi nhọ] ây là đã được sanh ra, đã được sanh khởi, đã được hạ sanh, đã được phát sanh, đã được xuất hiện, là tiếng nói từ những người khác, là sự sỉ vả, sự gièm pha về đức Thế Tôn và hội chúng Tỳ-khưu với việc không có thật. "Lời nói [bôi nhọ] đã khởi lên,5 là như thế. Bậc Hiền trí không tiếp cận. Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến; được thành tựu với trí ấy bậc Hiền trí đạt đến bản thể hiền trí. ... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là Hiền trí. Người nào tiếp cận lời nói [bôi nhọ], người ấy tiếp cận lời nói [bôi nhọ] bởi hai lý do: Người đã làm tiếp cận lời nói [bôi nhọ] do tình trạng [vi ấy] là người đã làm; hoặc là, trong khi bi nói [bôi nhọ], trong khi bị gièm pha, [vi áy] bị bực tức, tức giận, phản kháng, rồi bày tỏ sự bực tức, sự sân hận, sự không băng lòng răng: "Tôi không có lam/9 Người nào tiếp cận lời nói [bôi nhọ], người ấy tiếp cận lời nói [bôi nhọ] bởi hai lý do

này. Bậc Hiền trí không tiếp cận lời nói [bôi nhọ] bởi hai lý do: Không phải là người đã làm, bậc Hiền trí không tiếp cận lời nói [bôi nhọ] do tình trạng không phải là người đã làm; hoặc là? trong khi bi nói [bôi nhọ], trong khi bị gièm pha, [vị ấy] không bi bực tức, khônệ tức giận, không phản kháng, không bày tỏ sự bực tức, sự sân hận, sự không bang lòng rằng: 'Tôi không có làm.” Bậc Hiền trí không tiếp cận, không đi đến gần, không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt lơi noi [bòi nhọ] bởi hai ly do này. uBậc Hiền trí không tiếp cận lời nói [bôi nhọ] đã khởi len,9 là như thế. Bỏi vậy, bậc Hiền trí không có sự cứng cỏi ờ bất cứ đâu. Bởi vậy: Là do điều ấy, bởi lý do ấy, bởi nhan ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, đối với bậc Hiên trí, trạng thái tâm han học? bản tánh cứng cỏi là không có và năm sự cứng cỏi của tâm1 cũng là không có. Ba sự cứng cỏi cũng là không có: Sự cứng cỏi của luyến ái, sự cứng cỏi của sân hận, sự cứng cỏi của si mê là

không c6, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. ở bất cứ đâu: ở bất cứ đâu, về bất cứ điều gì? ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần. "Bởi vậy, bậc Hiền trí không có sự cứng cỏi ở bất cứ dâu" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: fiThat vây, môt sô người nói [bôi nhọ] với tâm ỷ xâu xa. Quả vầy, một so người có tam ỷ chân thật cũng nói [bôi nhọ]. Bậc Hiền trí không tiếp cận lời nói [bôi nhọ] đã khởi lênf Bởi vây, bậc Hiền tri không có sự cứng cỏi ở bất cứ đâu."

3.2. Bỉ dẫn dắt bởi lòng mong muốn, đã đi theo sự ưa thích, Trong khỉ tự mình làm cho [các quan điểm trở nên] đầy đủ, Làm the nào có the vượt trội quan điếm của chỉnh mình? Bởi vì người biết thế nào thì sẽ nói thế ấy. Làm thế nào có thể vượt trội quan điểm của chính mình: Những kẻ ngoại đạo sau khi giết chết nữ du sĩ Sundarĩ rồi vu khống cho các vị Sa-môn, những người con trai dòng Sakyā [nghĩ rang]: "Nhu vậy chúng ta sẽ đoạt lại lợi lộc, danh vọng, sự trọng vọng, sự kính nể nay?9 Với quan điểm như vậy, với sự chấp nhận như vậy, với sự ưa thích như vậy, với quan niệm như vậy, với ý định như vậy, với chủ tâm như vậy; họ đã không có thể bước qua quan điểm của mình, sự chấp nhận của mình, sự ưa thích của mình, quan niệm của mình, ý1

1 Năm sự cứng cỏi của tâm: Dịch theo sự hiệu đính của Tam tạng Miến Điện, Thái Lan và PTS. Năm sự cứng cỏi của tam (cetokhilā)'. Là 5 bản tánh cứng cỏi của tâm đoi với đức Phật, Giáo pháp, Tăng chúng, việc học tập, và các vị đồng Phạm hạnh (NỉdA. n. 469). Năm sự cứng cỏi của tâm là: Nghi ngờ bậc Đạo sư; nghi ngơ Giáo pháp; nghi ngờ Hội chung; nghi ngơ việc học tập; bị bực tức, không hoan hy, co trạng thai Ổm han học, có ban tanh cưng cỏi đối vơi các VỊ đồng Phạm hạnh (M. 16, Cetokhilasuttani). (ND)

định của mình, chủ tâm của mình. Sau đó, chính sự mất danh vọng đã quay trở về với họ. "Làm thế nào có thể vượt trội quan điểm của chính minh" là như vậy. Hoặc là, người nào có học thuyết như vày: "Thế giới là thuơng còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại9\ người ấy làm thế nào có the vượt trội, có thê vượt quá, có thê vượt qua han, có thê vượt qua khỏi quan điểm của mình, sự chấp nhận của mình, sự ưa thích của mình, quan niệm của mình, ý định của mình, chủ tâm của mình? Điều ấy có nguyên nhân là gì? Đối với người ấy, quan điểm ấy như thế là được đầy đủ, được thọ trì, được nắm lấy, được bám víu, được chấp chặt, được bám chặt, được hướng đến. "Làm thế nào có thể vượt trội quan điểm của chính minh" còn là như vậy. Hoặc là5 người nào có học thuyêt như vây: "Thê giới là không thường còn, thế giới là có giới hạn, thế giới là không có giới hạn, mạng sống và thân thể là một, mạng sống và thân thể là khác, chúng sanh2 hiện hữu ở nơi khác sau khi chét, chúng sanh không hiện hữu ở nơi khác sau khi chét, chúng sanh hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại", người ấy làm thế nào có thể vượt trội, có thể vượt quá, có thể vượt qua hẳn, có thể vượt qua khỏi quan điểm của mình, sự chấp nhận của mình, sự ưa thích của minh, quan niệm của mình, ý định của mình, chủ tâm

của mình? Điều ấy có nguyên nhân là gì? Đối với người ấy, quan điểm ấy như thế là được đầy đủ, được thọ trì, được nắm lấy, được bám víu, được chấp chặt, được bám chặt, được hướng đên. "Làm thê nào có thê vượt trội quan diêm của chính mình^, còn là như vậy. Bỉ dẫn dắt bồi lòng mong muốn, đã đi theo sự ưa thích. Bi dẫn dắt bởi lòng mong muốn: Bị đưa di, bị dẫn đi, bị lôi di, bi mang đi bởi quan điểm của mình, bởi sự chấp nhận của mình, bởi sự ưa thích của minh, bởi quan niệm của mình. Giống như người bị đưa di, bị dẫn di, bị lôi đi, bị mang đi bang phương tiện voi, bằng phương tiện ngựa, bằng phương tiện bò9 bằng phương tiện cừu, bằng phương tiện lạc đà; tương tự như vậy, là người bi đưa đi, bị dân đi, bị lôi đi, bị mang đi bởi quan diêm của mình, bởi sự chấp nhận của mình, bởi sự ưa thích của mình, bởi quan niệm của mình. dẫn dắt bởi lòng mong muốn,9 là như thế. Đã đi theo sự ưa thích: Đã đi theo, đã thiết lập, đã bám vào, đã đến gần, đã bám chặt, đã hướng đến quan điểm của mình, sự chấp nhận của mình, sự ưa thích của mình, quan niệm của mình. uBị dẫn dắt bởi lòng mong muốn, đã đi theo sự ưa thích" là như thế. Trong khi tự mình làm cho [các quan điểm trở nên] đầy đủ: Tự mình làm cho đủ, làm cho hoàn hảo, làm cho không thiếu sót, làm cho cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý. [Nghĩ rằng:] "Bậc Đạo sư này là

2 Từ tathāgatā ở đây được Chú giải giải thích là satta, nghĩa là "chúng sanh, sinh vật, loài hữu tinh" (NỉdA. L 194), chứ không phải la danh hiệu "Nhu Lai,? cua đức Thế Tôn. (ND)

đang Toàn tri" roi tự mình làm cho đủ, làm cho hoàn hảo, làm cho không thiêu sót, làm cho cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý. [Nghĩ rằng:] "Giáo pháp này khéo được thuyết giảng, tập thể này đã thực hành tốt đẹp, quan diêm này là tót lành, lôi thực hành này đã khéo được quy định, đạo lộ này dẫn dắt ra kh6i"; rồi tự mình làm cho đủ, làm cho hoàn hảo? làm cho không thiếu sót, làm cho cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý, làm sanh ra, làm sanh khởi, làm hạ sanh, làm phát sanh. "Trong khi tự mình làm cho [các quan diêm trở nên] đây đủ" là như thê. Bởi vì người biết thế nào thì sẽ nói thế ấy: N^ười biết thế nào thì sẽ nói, sẽ thuyết, sẽ phát ngôn, sẽ giảng giải, sẽ diễn tả the ấy. Người biết thế nào về: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ d?i" thì sẽ nói, sẽ thuyết, sẽ phát ngôn, sẽ giảng giải, sẽ diễn tả thế ấy. Người biết thế nào về: "Thế giới là không thường còn,... (nt)... chiing sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại" thi sẽ nói, sẽ thuyết, sẽ phát ngôn, sẽ giảng giải, sẽ diễn tả thế ấy. uBởi vì người biết thế nào thì sẽ nói thế ấy" là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi rang: 'B dẫn dắt bởi lòng mong muốn, đã đi theo sự ưa thích, Trong khỉ tự mình làm cho [các quan điếm trở nên] đay đủ, Làm thê nào có thê vượt trội quan diêm của chính mình? Bởi vì người biết thế nào thì sẽ nói thế ấy."

3.3. Người nào, dâu không được hỏi đên, mà nói với những người khác vê giới và phận sự của bản thân, người nào tự chính mình nói về bản thân, các bậc thiện xảo đã nói kẻ ấy là không có Thảnh pháp. Người nào... về giói và phận sự của bản thân. Người nào:

Người nào là người như thế, được gắn bó như thế, được định đặt như thế, có biểu hiện như thế, đã đạt đến địa vị áy, đã thành tựu phẩm chất ấy; hoặc là vị Sát-đế-lỵ, hoặc là vi Bà-la-môn5 hoặc là thương nhân, hoặc là kẻ nô lệ, hoặc là người tại gia, hoặc là vị xuất gia, hoặc là vị thiên nhân, hoặc là người nhân loại. Giới và phận sự: Có việc là giới và còn là phận sự, có việc là phận sự mà không phải la giới. Việc nào là giới và còn là phận sự? ở dây, vị Tỳ-khưu là người có giới, sống thu thúc với sự thu thúc trong Giới bổn (Pãtimokkhă), thành tựu về hạnh kiểm và hành xứ, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành trong các điều học. Việc nào, trong trường hợp ấy, là sự tự chế ngự, sự thu thúc, sự không vi phạm; cái này là giới. Cái nào là sự thọ trì, cái ấy là phận sự. Giới với ý nghĩa thu thúc, phận sự với ý nghĩa thọ trì. Việc này được gọi là giới và còn là phận sự.

58 KINH TIÊU Bộ

Việc nào là phận sự mà không phải là giới? Tám pháp từ khước: Pháp của vị ngụ ở rưng, pháp của vị chuyên đi khất thực, pháp của vi chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, pháp của vị chỉ sử dụng ba y, pháp của vi đi khất thực tuần tự theo tưng nhà, pháp của vị không ăn vật thực dâng sau, pháp của vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm), pháp của vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định; việc này được gọi là phận sự mà không phải là giới. Việc thọ trì sự tinh tấn được gọi là phận sự mà không phải là giới. Vị ra sức và xác định tâm rang: uHãy sẵn lòng để cho còn lại chỉ da, gân, xương; hãy để cho thịt và máu ở thân xác khô cạn. Việc nào có thể đạt được với sức mạnh của người nam, với sức lực của người nam, với tinh tấn của người nam, với nỗ lực của người nam; khi còn chưa đạt được việc ấy thì sẽ không ngừng lại sự tinh tấn.” Việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy được gọi là phận sự mà không phải là giới. Vị ra sức và xác định tâm rằng: "Khi mũi tên tham ái chưa được nhổ lên, ta sẽ không ăn, ta sẽ không uông, ta không đi ra khỏi trú xá, ta cũng sẽ không năm xuống một bên h6ng"; việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy cũng được gọi là phận sự mà không phải là giới. Vị ra sức và xác định tâm rằng: "Ta sẽ không lìa khỏi tư thế kiết-già này cho đến khi nào tâm của ta còn chưa giải thoát khỏi các lậu hoặc không còn chấp thỉT; việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy được gọi là phận sự mà không phải là giới. Vi ra sức và xác định tâm rang: "Ta sẽ không đứng dậy khỏi chỗ ngồi này, ta sẽ không bước khỏi đường kinh hành, ta sẽ không rời khỏi trú xá, ta sẽ không rời khỏi nhà một mái, ta sẽ không rời khỏi tòa lâu đài, ta sẽ không rời khỏi tòa nhà dài, ta sẽ không rời khỏi hang động, ta sẽ không rời khỏi thạch thất, ta sẽ không rời khỏi cốc liêu, ta sẽ không rời khỏi nhà mái nhọn, ta sẽ không rời khỏi chòi canh, ta sẽ không rời khỏi ngôi nhà tròn, ta sẽ không rời khỏi căn lều, ta sẽ không rời khỏi hội trường, ta sẽ không rời khỏi mái che, ta sẽ không rời khỏi gốc cây này cho đến khi nào tâm của ta còn chưa giải thoát khỏi các lậu hoặc không còn chấp thủ"; việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy được gọi là phận sự mà không phải là giới. Vị ra sức và xác đinh tâm rằng: "Ta sẽ đem lại, ta sẽ hoàn tất, ta sẽ chứng đác, ta sẽ chạm đến, ta sẽ chứng ngộ Thánh pháp ngay trong buổi sáng này"; việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy được gọi là phận sự mà không phải là gi&i Vị ra sức và xác định tâm răng: "Ta sẽ đem lại, ta sẽ hoàn tát, ta sẽ chứng đăc9 ta sẽ chạm đến, ta sẽ chứng ngộ Thánh pháp ngay trong buổi trưa này..(nt)... trong buổi

chiều... trước bữa ăn... sau bữa ăn... vào canh đau... vào canh giữa... vào canh cuối... vào hậu bán nguyệt... vào tiền bán nguyệt... vào mùa mưa... vào mùa lạnh... vào mùa nóng.. ở chặng đâu của tuôi thọ... ở chặng giữa của tuổi thọ... ở chặng cuối của tuổi th" việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy cũng được gọi là phận sự mà không phải là giới. Người: Là chúng sanh, đàn ông, thanh niên, người nam, cá nhân, mạng sống, người còn sanh tử, loài người, người đi theo nghiệp, sinh vật, nhân loại. "Người nào... về giới và phận sự của bản than" là như thế.

ĐẠI DIỄN GIẢI 59

Dầu không được hỏi đến, mà nói với những người khác. Với những người khác: Với các vi Sát-đế-lỵ5 với các vị Bà-la-môn, với các thương buôn, với các kẻ nô lệ, với các người tại gia, với các vị xuất gia, với chư thiên, với loài người. Không được hỏi đến: Không được hỏi, không được vấn, không được yêu cầu, không được thỉnh cầu, không được đặt niềm tin. Mà nói: Phát biểu về giới, hoặc về phận sự, hoặc về giới và phận sự của bản thân rằng: 'Tôi thành tựu về gi&i", hoác "tôi thành tựu về phận sự", hoặc "tôi thành tựu về giói và phận SỊT"; phát biêu, thuyêt giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả về xuất thân, về dòng dõi, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, về công việc, về tài nghệ, ve kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác rằng: "Tôi xuất gia từ gia tộc thượng lưu", hoặc "tôi xuât gia từ gia tộc lớn", hoặc "tôi xuất gia từ gia tộc có nhiêu của cải9\ hoặc "tôi xuất gia từ gia tộc có của cải quý giá", hoặc "tôi được biết tiếng, có danh vọng trong sô các hàng tại gia và xuât gia", hoặc "tôi có lợi lộc vê y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bênh"? hoặc "tôi là vi trì Luậf\ hoặc "tôi là vị chuyên về Kinh", hoặc "tôi là vị thuyết Pháp", hoặc "toi là vị ngụ ở rừng", hoặc "tôi là vi ngụ ở gốc cây5\ hoặc "tôi là vị chuyên đi khất thực", hoặc "tôi là vị chỉ mặc y mayj bằng vải bi quăng b6", hoặc "tôi là vị chỉ sử dụng ba y", hoặc "tôi là vi đi khất thực tuần tự theo từng nhà", hoặc "tôi là vị không ăn vật thực dâng sau", hoặc "tôi là vị chuyên về oai nghi ngồi^, (không nằm), "tôi là vị ở chỗ đã được chỉ dinh", hoặc "tôi đạt Sơ]hiền", hoặc "tôi đạt Nhi thiền99, hoặc "tôi đạt Tam thiền", hoặc "tôi đạt Tứ thiền,\ hoặc "tôi đạt sự thể nhập Không vô biên xứ", hoặc "tôi đạt sự thể nhập Thức vô biên xứ", hoặc "tôi đạt sự thể nhập Vô sở hữu xứ", hoặc "tôi đạt sự thể nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ." "Dầu không được hỏi đến, mà nói với những người khác" là như thế. Các bậc thiện xảo đã nói kẻ ấy là không có Thánh pháp. Các bậc thiện xảo: Là các bậc thiện xảo về uẩn, thiện xảo về giới. thiện xảo vê xứ, thiện xảo vê pháp tùy thuận sanh khởi, thiện xảo vê sự thiêt lập niệm, thiện xảo về chánh cần, thiện xảo về nền tảng của thần thông, thiện xảo về quyền, thiện xảo về lực, thiện xảo về giác chi, thiện xảo về Đạo, thiện xảo về Quả, thiện xảo về Niết-bàn. Các bậc thiện xảo ấy đã nói như vầy: "Việc ấy là pháp của các kẻ không phải Thánh, việc ấy không phải là pháp của các bậc Thánh, việc ấy là pháp của các kẻ ngu, việc ây không phải là pháp của các bậc sáng suốt, việc ấy là pháp của các kẻ phi chân nhân, việc ấy không phải là pháp của các bậc chân nhân" các vị đã nói như vậy, các vi thuyêt như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy. "Các bậc thiện xảo đã nói kẻ ấy là không có Thánh pháp" là như thế. Người nào tự chính mình nói về bản thân. Bản thân: Nói đến tự ngã.

Tư chính mình nói: Tự chính mình phát biểu về bản thân rằng: 'Tôi thành tựu về giới", hoặc "tôi thanh tựu về phận sụ*'', hoặc "tôi thành tựu về giới và phận sự"; phát biểu, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả về xuất thân, về dòng dõi, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, [về công việc] về tài nghệ, về kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải; hoặc về sự việc này khác rằng: "Tôi xuất gia từ gia tộc thượng hm", hoặc "tôi xuất gia từ gia tộc lớn", hoặc "tôi xuất gia từ gia tộc có nhiều của cảr\ hoặc "tôi xuất gia từ gia tộc có của cải quý giá", hoặc "tôi được biêt tiêng, có danh vọng trong sô các hàng tại gia và xuất gia", hoặc "tôi có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ tru ngụ5 và vật dụng là thuốc men chữa bệnh,\ hoặc "tôi là vị chuyên về Kinh", hoặc "tôi là vị trì Luậf\ hoặc "tôi là vị thuyết Pháp", hoặc "tôi là vị ngu ở rừng", hoặc "tôi là vị chuyên đi khất thực", hoặc "tôi là vị chỉ mặc y may bang vải bị quăng b6", hoặc "tôi là vị chỉ sử dụng ba y"hoặc "tôi là vị đi khát thực tuần tự theo từng nha", hoặc "tôi là vi ỉdiông ăn vật thực dâng sau", hoặc "T6i là vị chuyên về oai nghi ngồi95 (không nằm), hoặc "tôi là vị ở chỗ đã được chỉ định,55 hoặc "tôi đạt Sơ thiền,\ hoặc "t6i dạt Nhi thi3n", hoặc "tôi đạt Tam thiền", hoặc "tôi đạt Tứ thi", hoặc utôi đạt sự thể nhập Không vô biên xứ", hoặc utôi đạt sự thể nhập Thức vô biên xứ", hoặc "t6i đạt sự thể nhập Vô sở hữu xứ", hoặc "tôi đạt sự thể nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ." "Người nào tự chính mình nói về bản thân" là như thế. Vì thê, đức The Tôn đã noi răng: ^Người nào, dầu không được hỏi đến, mà nói với những người khác về giới và phận sự của bản thân, người nào tự chính mình nói ve bản thân, các bậc thiện xảo đã nói kẻ ấy là không có Thảnh pháp,"

3.4. Và vỉ Tỳ-khưu an tỉnh, có trạng thái đã được hoàn toàn diệt tắt, Không khoe khoang về các giới rằng: "T6i là thế này ", Đoi với vỉ nào không có các sự kiêu ngạo ở bất cứ đâu ở the gian, Các bậc thiện xảo nói vi ấy là có Thảnh pháp. Và vị Tỳ-khưu an tinh, có trạng thái đã được hoàn toàn diệt tắt. An tinh: Trạng thái được yên lặng của luyên ái là an tinh, trạng thái được yên lặng của sân hận là an tịnh, trạng thái được yên lặng của si mê là an tịnh, trạng thái được an tịnh, trạng thái được yên lặng, trạng thái được vắng lặng, trạng thái được thiêu hủy, trạng thái được tịch diệt, trạng thái được tách lìa, trạng thái được tịch tịnh của giận dữ, của thù hằn, của gièm pha, của ác ý, của ganh tỵ, của bon xẻn, của xảo trá, của lừa gạt, của bướng bính, của hung hăng, của ngã mạn, của cao ngạo, của đam mê, của xao lãng, của tất cả ô nhiễm, của tất cả uế hạnh, của mọi sự lo lắng, của mọi sự bực bội, của mọi sự nóng nảy? của tất cả các pháp tạo tác bất thiện là an tịnh, yên tịnh, vắng lặng, tịch diệt, tịch tinh. "An tjnh' là như thế. Vi Tỳ-khưu: Tỳ-khưu do trạng thái đã phá vỡ bảy pháp: Thân kiến được

phá vỡ5 hoài nghi được phá vỡ, sự bám víu vào giới và phận sự được phá vỡ, luyến ái được phá vỡ, sân hận được phá vỡ, si mê được phá vỡ, ngã mạn được phá vỡ; các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai của vi này được phá vỡ. [Đức Thế Tôn nói: "Này Sabhiya] vị đã tự mình thực hành theo đường lối, đã đi đến sự tịch diệt hoàn toàn [ô nhiễm], đã

vượt khỏi sự nghi ngờ, đã lìa bỏ [hai thái cực] phi hữu và hữu, đã được hoàn mãn, có sự tái sanh đã được cạn kiệt; vị ấy là V-khmT ."3 Và vị Tỳ-khưu an tinh, có trạng thái đã được hoàn toàn diệt tắt: Do trạng thái đã được tịch diệt luyến ái, vi ấy có trạng thái đã được hoàn toàn diệt tắt; do trạng thái đã được tịch diệt sân hận, vị ây có trạng thái đã được hoàn toàn diệt tắt; do trạng thái đã được tịch diệt si mê, vị ấy có trạng thái đã được hoàn toàn diệt tắt; do trạng thái đã được tịch diệt sự giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bon xẻn, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện, vị ấy có trạng thái đã được hoàn toàn diệt tăt. “va vị Tỳ-khưu an tịnh, có trạng thái đã được hoàn toàn diệt tắt" là như thế. Không khoe khoang về các giới rằng: "T6i ỉa thế này.” Tôi là thế nàỵ: Từ "ỉtỉhan " này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đay đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.34 Không khoe khoang về các giới: ở đây, một vi [Tỳ-khưu] nào đó là có sự khoe khoang, có sự phô trương; vị ấy khoe khoang rằng: "Tôi thành tựu về giới", hoặc "Tôi thành tựu về phận sụ*”, hoặc "Tôi thành tựu về giới vàj)hận SỊT”; khoe khoang, phô trương về xuất thân, về dòng dõi, về con nhà gia the, về vẻ đẹp của làn da,... (nt).. "T6i đạt sự thể nhập Phi tường phi phi tưởng xứ.” Vị không khoe khoang, không phô trương như vậy là đã tránh khỏi sự khoe khoang, đã xa lánh, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Không khoe khoang về các giới rằng: Tôi là thế nSy” là như thế. Các bậc thiện xảo nói vi ấy là có Thánh pháp. Các bậc thiện xảo: Là các bậc thiện xảo về uẩn, thiện xảo về giới, thiện xảo về xứ, thiện xảo về pháp tùy thuận sanh khởi, thiện xảo về sự thiết lập niệm, thiện xảo về chánh cần, thiện xảo về nền tảng của thần thông, thiện xảo về quyền, thiện xảo về lực, thiện xảo về giác chi, thiện xảo về Đạo, thiện xảo về Quả, thiện xảo về Niết-bàii, các bậc thiện xảo ấy nói như vầy: "Việc ấy là pháp của các bậc Thánh, việc ấy không phải là pháp của các kẻ không phải Thánh;

3 Suttanỉpãtapãịi (Kinh tập), TTPV, tập 29, trang 157, câu kệ 517. (ND) 4 ở đây, ỉtihantỉ được hiểu là "iti aham tr và tương đương với nghĩa Việt là: "T6i là thế này". (ND)

việc ây là pháp của các bậc sáng suôt, việc ây không phải là pháp của các kẻ ngu; việc ây là pháp của bậc chân nhân, việc ấy không phải là pháp của các các kẻ phi chân nhân,^; các vị nói như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy. uCác bậc thiện xảo nói vị ấy là có Thánh ph"là như thế. Đôi vói vi nào không có các sự kiêu ngạo ờ bát cứ đâu ờ thê gian. Đối vái vi nào: Đối với vi A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt. Các sự kiêu ngạo. Có bảy sự kiêu ngạo: Kiêu ngạo do luyên ái, kiêu ngạo do sân hận, kiêu ngạo do si mê? kiêu ngạo do ngã mạn, kiêu ngạo do tà kiến, kiêu ngạo do ô nhiễm, kiêu ngạo do nghiệp. Đối với vị ấy, các sự kiêu ngạo này là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lưa tn tuệ. ở bất cứ đâu: ở bất cứ dâu, về bất cứ điều gì, ở bất cứ chỗ nào,

thuộc nội phần, hoặc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần. ơ thê gian: ơ thê gian của khô cảnh, ở thê gian của loài người, ở thê gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ. ĩ 9 9 r r "Đôi với vị nào không có các sự kiêu ngạo ở bát cứ đâu ở thê gian" là như thê. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: ifVa vi Tỳ-khim an tỉnh, có trạng thái đã được hoàn toàn diệt tắt, Không khoe khoang về các giới rằng: 'Tôi là thế này r r r Đôi với vi nào không có các sự kiêu ngạo ở bát cứ đâu ở thê gian, Các bậc thiện xảo nói vi ấy là cỏ Thảnh pháp."

3.5. Các quan điểm của người nào là được xếp đặt, được tạo tảcf Được chú trọng, [thì các quan diêm áy] là không trong sạch, [Người ấy] nhìn thấy điều nào có lợi ích cho bản thân, Thì nương vào điều ấy, vào sự an tinh bị thay đối, thuận theo điều kiện. Các quan điểm của người nào là được xếp đặt, được tạo tác. Sự xếp đặt: Có hai sự xếp đặt: xếp đặt do tham ái và xếp đặt do tà kiến.... (nt)... điều này là xếp đặt do tham ái. ... (nt)... điều này là xếp đặt do tà kiến. Đây là hai sự xếp đặt. Được tạo tác: Được tạo tác là được tạo lập, được tác thành, được thành lập. "Được tạo tác" là như thế; hoặc là, không thường còn, được tạo tác, được sanh lên thuận theo điều kiện, có sự hoại, có sự diệt, có sự suy giảm, có sự chấm dứt. "Được tạo tác" còn là như thể. Của người nào: Của người có tà kiến. Các quan diêm: Nói đên sáu mươi hai tà kiên.

ĐẠI DIỄN GIẢI 63

"Các quan điểm của người nào là được xếp đặt, được tạo tác" là như thế. Được chú trọng, [thì các quan diêm áy] là không trong sạch. Được chú trọng: Có hai sự chú trọng: Chú trọng do tham ái và chú trọng do tà kiên.... (nt).. điêu này là chú trọng do tham ái. ... (nt)... điêu này là chú trọng do tà kiên. Đôi với vị ây, sự chú trọng do tham ái chưa được dứt bỏ, sự chú trọng do tà kiến chưa được buông bỏ. Đối với vi ấy, do trạng thái chưa được dứt bỏ đối với sự chú trọng do tham ái, do trạng thái chưa được buông bỏ đối với sự chú trọng do tà kiến; vị ấy sống, chú trọng tham ái hoặc tà kiến. Có tham ái là ngọn cờ? có tham ái là biểu hiện, có tham ái là chủ đạo, có tà kiến là ngọn cờ9 có tà kiến là biểu hiện, có tà kiến là chủ đạo; vị ấy sống, bi vây quanh bởi tham ái hoặc bởi tà kiến. "Được chú trQíìg" là như thế. Là: Hiện hữu, được tìm thấy, c6, được tồn tại. Không trong sạch: Không trong sạch là không trong trắng, không thanh tịnh, bị ô nhiễm, liên quan phiền não. "Được chú trọng, [thì các quan diêm áy] là không trong sạch" là như thê. [Người ấy] nhìn thấy điều nào có lợi ích cho bản thân. Điều nào... cho bản thân: Điều nào... liên quan đến bản thân. Bản thân: Nói đến việc đi theo tà kiến [của bản thân]. Do quan điểm của bản thân, [người ấy] nhìn thấy hai sự lợi ích: Lợi ích ở đời hiện tại và lợi ích ở đời vị lai. Lợi ích ở đời hiện tại do quan điểm là lợi ích nào? Vị thầy có quan điểm nào thì các đệ tử có cùng quan điểm ấy. Các đệ tử trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, nể nang vị thầy có quan điểm ấy. Và do điều đó, [vị thầy] nhận được y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Điều này là lợi ích ở đời hiện tại do quan điểm. Lợi ích ở đời vị lai do quan điểm là lợi ích nào? Là người có sự mong đợi két quả ở vị lai răng: "Quan diêm này đủ đê đưa đên bản thê loài rông, hoặc đưa đên bản thê nhân điêu, hoặc đưa đên bản thê dạ-xoa? hoặc đưa đên bản thê a-tu- la, hoặc đưa đến bản thể càn-thát-bà, hoặc đưa đến bản thể Đại Thiên

vương, hoặc đưa đến bản thể Thiên chủ, hoặc đưa đến bản thể Phạm thiên, hoặc đưa đến bản thể thiên nhân. Quan điểm này đủ để đưa đến sự trong sạch, đưa đến sự . r r " r thanh tinh, đưa đên sự hoàn toàn trong sạch, đưa đên sự thoát khỏi, đưa đên sự giải thoát, đưa đến sự hoàn toàn thoát khỏi. Do quan điểm này? họ trở nên trong sạch, họ trở nên thanh tịnh, họ trở nên hoàn toàn trong sạch, họ được thoát khỏi, họ được giải thoát, họ được hoàn toàn thoát khỏi. Do quan điểm này, ta sẽ trở nên trong sạch, ta sẽ trở nên thanh tinh, ta sẽ trở nên hoàn toàn trong sạch, ta sẽ được thoát khỏi, ta sẽ được giải thoát, ta sẽ được hoàn toàn thoát kh6i." Điều này là lợi ích ở đời vi lai do quan điểm. Do quan điểm của bản thân, [người ấy] nhìn thay, nhận thay, quan sát, suy xét, khảo sát hai sự lợi ích này. "[Người ấy] nhìn thấy điều nào có lợi ích cho bản thân" là như thế.

Thì nương vào điều ấy, vào sự an tinh bỉ thay đổi, thuận theo điều kiện. Có ba sự an tịnh: Sự an tinh tột cùng, sự an tịnh tạm thời, sự an tịnh theo quy ước. Sự an tinh tột cimg là điều nào? Sự an tịnh tột cùng nói đến bất tử, Niết-bàn, là sự yên lăng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyên ái, sự diệt tận, Niêt-bàn. Đây là sự an tịnh tột cùng. Sự an tịnh tạm thời là điều nào? Đối với vị đã thể nhập Sơ thiền, các pháp che lấp [thiền định] được an tịnh, Đối với vị thể nhập Nhị thiền, tầm và tứ được an tịnh. Đối với vi thể nhập Tam thiền, hỷ được an tinh. Đối với vi thể nhập Tứ thiền, lạc và khổ được an tịnh. Đối với vi thể nhập Không vô biên xứ, sắc tưởng, bất bình tưởng, dị biệt tưởng được an tịnh. Đôi với vi thê nhập Thức vô biên xứ, Không vô biên xứ tưởng được an tinh. Đối với vi thể nhập Vô sở hữu xứ, Thức vô biên xứ tưởng được an tịnh. Đối với vi thể nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Vô sở hữu xứ tưởng được an tịnh. Đây là sự an tịnh tạm thời. Sự an tịnh theo quy ước là điều nào? Sự an tinh theo quy ước nói đến sáu mươi hai tà kiến, các điều này là sự an tịnh của tà kiến. Thêm nữa, sự an tinh theo quy ước là sự an tịnh được đề cập ở ý nghĩa này. Thì nương vào điều ấy, vào sự an tỉnh bi thay đổi, thuận theo điều kiện: Thì [người ấy] nương tựa, dựa dẫm, bám vào, đến gần, bám chặt, hướng đến sự an tinh bị thay đổi, sự an tinh bị khuấy động, sự an tinh bi di động5 sự an tịnh bị chuyển động, sự an tịnh bi dao động, sự an tịnh bị đụng chạm, sự an tịnh được sắp dặt, sự an tịnh được xếp đặt, không thường còn, bi tạo tác, được sanh lên thuận theo điều kiện, có sự hoại, có sự diệt, có sự suy giảm, có sự chấm dứt. "Thi nương vào điều ấy, vào sự an tịnh bị thay đổi, thuận theo điều kiên" là như thế. y Tỵ J l ẠJLỉ ry^-1 Ar T"'A
_ 4 > - Vì the, đức The Ton đã noi rang: "Cdc quan diêm của người nào là được xép đặt, được tạo tác, Được chủ trọng, [thì các quan điếm ấy] là không trong sạch, [Người ấy] nhìn thay điều nào có lợi ích cho bản thân, Thì nương vào điêu āyf vào sự an tịnh bị thay đôi, thuận theo điêu kiện."

3.6. Các sự chấp chặt vào tà kiến quả thật không dễ vượt qua Sau khỉ suy xét ve điều đã được nam bắt trong so các pháp [tà kiến]. Vì thế, trong số các sự chấp chặt ẩy, loài người Rời bỏ và nam giữ tà kiến [này đến tà kiến khác]. Các sự chấp chặt vào tà kiến quả thật không dễ vượt qua. Các sự chấp chặt vào tà kiến: Sự chấp chặt và bám víu

rằng: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý5 điều khác là rồ dại” là sự chấp chặt vào tà kiến. Sự chấp chặt và bám víu rằng: "Thế giới là không thường còn, thế giới là có giới hạn, thê giới là không có giới hạn, mạng sông và thân thê là một, mạng

Sống và thân thể là khác, chúng sanh hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại" là sự chấp chặt vào tà kiến. “Các sự chấp chặt vào tà kiến” là như thế. Quả thật không dễ vượt qua: Các sự chấp chặt vào tà kiến quả thật không dễ vượt qua, khó vượt qua, khó vượt lên, khó vượt khỏi, khó vượt qua hẳn, khó vượt qua khỏi. uCác sự chấp chặt vào tà kiến quả thật không dễ vượt qua” là như thế. Sau khỉ suy xét về điều đã được nắm bắt trong sổ các pháp. Trong số các pháp: Trong số sáu mươi hai tà kiến. Sau khi suy xét: Sau khi đã suy xét, sau khi đã suy cứu, sau khi đã suy gẫm, sau khi đã suy nghiệm, sau khi đã cân nhăc9 sau khi đã xác định, sau khi đã minh định, sau khi đã làm rõ rệt. Điều đã được nắm bắt: Là sự nắm lấy có giới hạn, sự nắm lấy từng phần, sự nắm lấy phần quan trọng nhất, sự nắm lấy một khối, sự nắm lấy theo số lượng, sự năm lấy tổng thể ở các sự chấp chặt răng: "Điều này là sự thật, là đúng đắn, là thực thể, là đang xảy ra, có bản thể thật, không bị sai lech", được nắm lấy, được bám víu, được chấp chặt, được bám chặt, được hướng đến. "Sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp" là như thế. Vì thế, trong số các sự chấp chặt ấy, loài người. Vì thế: Bởi điều ấy, bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy. Loài người: Là chúng sanh, đàn ông, thanh niên, người nam, cá nhân, mạng sống, người còn sanh tử, con người, người đi theo nghiệp, sinh vật, nhân loại. Trong số các sự chấp chặt ấy: Trong số các sự chấp chặt vào tà kiến ấy. "Vi thế, trong số các sự chấp chặt ấy, loài nguôi" là như thế. Rời bỏ và nắm giữ tà kiến. Rời bỏ: Rời bỏ bởi hai lý do: Rời bỏ do sự can ngăn của người khác, hoặc là trong khi không thành tựu rồi rời bỏ. Rời bỏ do sự can ngăn của người khác là thế nào? Người khác can ngăn rằng: Đạo sư ấy không phải là đấng Toàn tri, pháp không khéo được thuyết giảng, tập thể không thực hành tốt đẹp, quan điểm không tốt lành, lối thực hành không khéo được quy định, đạo lộ không dẫn dắt ra khỏi; ở đây không có sự trong sạch, hay sự thanh tịnh, hay sự hoàn toàn trong sạch, hay sự thoát khỏi, hay sự giải thoát, hay sự hoàn toàn thoát khỏi; ở đây không có những người được trong sạch, hay được thanh tịnh, hay được hoàn toàn trong sạch, hay được thoát khỏi, hay được giải thoát, hay được hoàn toàn thoát khỏi; họ thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi." "Người khác can ngn" là như

vậy. Trong khi bị can ngăn như vậy rồi rời bỏ vị Đạo sư, rời bỏ giáo lý, rời bỏ tập thể, rời bỏ quan điểm, rời bỏ lối thực hành, rời bỏ đạo lộ. "Rời bỏ do sự can ngăn của người khác” là như vậy. Trong khi không thành tựu rồi rời bỏ là thế nào? Trong khi không thành tựu giới rồi rời bỏ giới, trong khi không thành tựu phận sự rồi rời bỏ phận sự, trong khi không thành tựu giới và phận sự roi rời bỏ giới và phận sự. Và nắm giữ tà

kiến: Nắm lấy vi thầy, nắm lấy giáo lý, nắm lấy tập thể, nắm lấy quan điểm, nắm lấy lối thực hành, nắm lấy đạo lộ, roi bám víu, chấp chặt. "Rời bỏ và nắm giữ tà kiến" là như thế. Vì thê, đức Thê Ton đã noi răng: “Cẻic sự chấp chặt vào tà kiến quả thật không dễ vượt qua Sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp [tà kiến]. Vì thếf trong sổ các sự chấp chặt ấyf loài người Rời bỏ và nam giữ tà kiến [này đen tà kiến khác].ĩ9

3.7. Quả thật, đối với vị đã rũ sạch thì không có quan điểm được xếp đặt liên quan đen hữu và phỉ hữu ở bất cứ đâu ở the gian. Vị đã rũ sạch sau khỉ dứt bỏ xảo trá và ngã mạn, thì bởi điều gì mà vi ấy có the đi [tái sanh] khỉ vi ấy không có sự vướng bận? Quả thật, đối với vi đã rũ sạch thì không có quan điểm được xếp đặt liên quan đến hữu và phi hữu ờ bất cứ đâu ờ thế gian. Vi đã rũ sạch: Việc rũ sạch được gọi là tuệ. Tuệ là sự nhận biết sự chọn lựa, sự khám phá, sự chọn lựa pháp, sự quan sát, sự suy xét, sự phân biệt, sự thông thái, sự thông thạo, sự khôn khéo, sự thông suôt, sự cân nhác, sự khảo sát, sự hiểu biết rộng rãi, sự thông minh, pháp dân đầu, sự thấy rõ, sự nhận biết rõ, vật xuyên thủng; tuệ là tuệ quyền, tuệ lực, tuệ là vũ khí, tuệ là lâu dài, tuệ là ánh sáng, tuệ là hào quang, tuệ là báu vật, là sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Vì lý do gì mà việc rũ sạch được gọi là tuệ? Nhờ vào tuệ ây, uê hạnh vê thân được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; uế hạnh về khẩu được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; uế hạnh về ý được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; sự luyên ái được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; sân hận... si mê... giận dữ... thù hằn... gièm pha... ác ý được rũ bỏ, được rũ sạch, được tây sạch, được gột sạch; ganh tỵ được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; lừa gạt được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; bướng bỉnh được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; hung hăng.. ngã mạn... cao ngạo... đam mê... xao lãng được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; tất cả ô nhiễm... tất cả uế hạnh... mọi sự lo lắng... mọi sự bực bội... mọi sự nóng nảy... tất cả các pháp tạo tác bất thiện được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch. Vì lý do ấy mà việc rũ sạch được gọi là tuệ.

ĐẠI DIỄN GIẢI 67

Hoặc là, nhờ vào chánh kiến, tà kiến được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; nhờ vào chánh tư duy, tà tư duy được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; nhờ vào chánh ngữ, tà ngữ được rũ bỏ...; nhờ vào chánh nghiệp, tà nghiệp được rũ bỏ...; nhờ vào chánh mạng, tà mạng được rũ bỏ...; nhờ vào chánh tinh tấn, tà tinh tấn được rũ bỏ...; nhờ vào chánh niệm, tà niệm được rũ bỏ...; nhờ vào chánh định, tà đinh được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; nhờ vào chánh trí, tà trí được rũ bỏ...; nhờ vào chánh giải thoát, tà giải thoát được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch. Hoặc là, nhờ vào đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được g* sạch. Bậc A-la-hán đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đen, đã tròn đủ, đã thành tựu các pháp cần được rũ sạch này; vì thế, bậc A-la-hán là vi đã được rũ sạch. Vị ấy có luyến ái đã

được rũ b6, có điều ác đã được rũ bỏ, có ô nhiễm đã được rũ bỏ, có sự bực bội đã được rũ bỏ. uVị đã rũ SQch" là như thế. ở bất cứ đâu: ở bất cứ đâu, về bất cứ điều gi, ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần. ơ thê gian: ơ thê gian của khô cảnh, ở thê gian của loài người, ở thê gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ. Được xếp đặt: Có hai sự xếp đặt: xếp đặt do tham ái và xếp đặt do tà kiến. ... (nt)... điều này là xếp đặt do tham ái.... (nt)... điều này là xếp đặt do tà kiến. ở hữu và phi hữu: ở dục giới, sắc giới, vô sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp, ở sự hiện hữu lần nữa; ở sự hiện hữu của nghiệp là dục giới, ở sự hiện hữu lan nữa là dục giới, ở sự hiện hữu của nghiệp là sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp là vô sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là vô sắc giới; ở sự hiện hữu được lặp đi lặp lại, ở cảnh giới tái sanh được lặp đi lặp lại, ở sự tiếp nối tái sanh được lặp đi lặp lại, ở sự sanh ra của bản ngã được lạp đi lặp lại. Quả that, đối vói vi đã rũ sạđi thì không có quan ểm được xếp đặt liên quan đến hữu và phi hữu ờ bất cứ đâu ờ thế gian: Đối với vị đã rũ sạch, quan điểm đã được sắp đặt, [đã được xếp đặt] đã được tác thành, đã được thành lập liên quan đến hữu và phi hữu ở bất cứ đâu ở thế gian thì không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thê sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. "Quả thật, đối với vị đã lỹ sạch thì không có quan điểm được xếp đặt liên quan đến hữu và phi hữu ở bất cứ đâu ở thế gian" là như thế. Vi đã rũ sạch sau khi dứt bỏ xảo trá và ngã mạn. Xảo trá: Nói đến hành vi fráo trở. ở đây, một vi [Tỳ-khưu] nào đó, sau khi làm uế hạnh bằng thân, sau khi làm uế hạnh bằng lời nói, sau khi làm uế hạnh

bằng ý, vì nguyên nhân che đây việc ấy mà hoạch định ước muốn xấu xa; [vị ấy] ước muốn rằng: "'Chớ ai biêt về ta", tư duy rằng: "Chớ ai biết về ta", nói lời rang: "Chớ ai biết về ta", nỗ lực bằng thân rằng: "Chớ ai biết về ta.” Sự xảo trá nào có hình thức như vậy là trạng thái xảo trá, sự cô tình không nhớ, sự tráo trở, gian lận, thay đổi, tránh né, cất giấu, che giấu, che đậy, che lấp, không phơi bày, không làm rõ, khéo che đậy việc làm ác; điều này được gọi là xảo trá. Ngã mạn: Ngã mạn theo một loại: Là sự kiêu hãnh của tâm. Ngã mạn theo hai loại: Ngã mạn do tâng bốc bản thân và ngã mạn do khinh bỉ người khác. Ngã mạn theo ba loại: [Nghĩ rằng:] "Ta là tốt hơn,, là ngã mạn, [nghĩ rằng:] "Ta là ngang bằng" là ngã mạn, [nghĩ rằng:] "Ta là thua k&n" là ngã mạn. Ngã mạn theo bốn loại: Do lợi lộc rồi sanh khởi ngã mạn, do danh vọng rồi sanh khởi ngã mạn, do khen ngợi rồi sanh khởi ngã mạn, do sung sướng rồi sanh khởi ngã mạn. Ngã mạn theo năm loại: [Nghĩ răng:] '4Ta đạt được các sác hợp V" roi sanh khởi ngã mạn, [nghĩrằng:] "Ta đạt được các thinh.. các hương... các vị... các xúc hợp Y' rồi sanh khởi ngã mạn. Ngã mạn theo sáu loại: Do sự thành tựu của măt roi sanh khởi ngã mạn, do sự thành tựu của tai... do sự thành tựu của mũi... do sự thành tựu của lưỡi... do sự thành tựu của thân... do sự thành tựu của ý rồi sanh khởi ngã mạn. Ngã mạn theo bảy loại: Ngã mạn, cao ngạo, cao ngạo dựa trên ngã mạn, tự ti, tăng thượng mạn, ngã mạn vê bản thân, ngã mạn do hiêu biết sai trái. Ngã mạn theo tám loại: Do lợi lộc roi sanh khởi ngã mạn, do không có lợi lộc rồi sanh khởi tự ti, do danh vọng roi sanh khởi ngã mạn, do không

có danh vọng rồi sanh khởi tự ti, do lời khen rồi sanh khởi ngã mạn, do lời chê rồi sanh khởi tự ti, do sung sướng rồi sanh khởi ngã mạn, do khổ rồi sanh khởi tự ti. Ngã mạn theo chín loại: [Nghĩ rằng:] "Ta là tót hơn so với người tốt hơn" là ngã mạn, "ta là ngang bằng so với người tốt hơn" là ngã mạn, “ta là thua kém so với người tốt hơn” là ngã mạn, "ta là tốt hơn so với người ngang bằng" là ngã mạn, “ta là ngang bằng so với người ngang bang99 là ngã mạn, "ta là thua kém so với người ngang bằng” là ngã mạn, "ta là tốt hơn so với người thua k6m" là ngã mạn, "ta là ngang bang so với người thua kém,, là ngã mạn, "ta là thua kém so với người thua kém,^ là n^ã mạn. Ngã mạn theo mười loại: ơ đây một người nào đó sanh khởi ngã mạn vê xuât thân, hoặc vê dòng dõi, hoác vê con nhà gia thế; hoặc về vẻ đẹp của làn da; hoặc về tài sản; hoặc ve học vấn; hoặc về công việc; hoặc về tài nghệ; hoặc về kiến thức; hoặc về sự học hỏi; hoặc về tài biện giải; hoặc về sự việc này khác. Ngã mạn nào có hình thức như vậy là biểu hiện của ngã mạn, trạng thái của ngã mạn, sự kiêu hãnh, sự hãnh diện, sự giương lên [như ngọn cờ], sự tự nâng lên, sự mong muốn nôi bật của tâm; điều này được gọi là ngã mạn. Vi đã rũ sạch sau khi dứt bỏ xảo trá và ngã mạn: Vi đã rũ sạch sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu xảo trá và ngã mạn. "Vị đã rũ sạch sau khi dứt bỏ xảo trá và ngã mạn,, là như thế. Bởi điều gì mà vi ấy có thể đi [tái sanh] khi vi ấy không có sự vướng bận?

ĐẠI DIỄN GIẢI 69

Sự vướng bận: Có hai sự vướng bận: Sự vướng bận do tham ái và sự vướng bận do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự vướng bận do tham ái. ... (nt).. điều này là sự vướng bận do tà kiến. Đoi với vị ấy, sự vướng bận do tham ái đã được dứt bỏ? sự vướng bận do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự vướng bận do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự vướng bận do tà kiến, thì vị không có sự vướng bận có thể đi [tái sanh] bởi sự luyến ái gì, có thể đi [tái sanh] bởi sự sân hận gì? có thể đi [tái sanh] bởi sự si mê gi, có thể đi [tái sanh] bởi sự ngã mạn gì, có thể đi [tái sanh] bởi tà kiến gì, có thể đi [tái sanh] bởi sự phóng dật gi, có thể đi [tái sanh] bởi hoài nghi gi, có thể đi [tái sanh] bởi các pháp tiềm ẩn gì; [làm thế nào có the là] "kbi luyến ái”, hoặc là "kẻ bị sân han", hoặc là "kẻ bị si m", hoặc là "kẻ bị trói bu0c9\ hoặc là "kẻ bị bám víu", hoặc là "kẻ bi tán loạn9\ [hoặc là không dứt khoát"] hoặc là "kẻ cứng c6i"? [Đối với vị ấy] các pháp tạo tác ấy là đã được dứt bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các pháp tạo tác, thì bởi điều gì vị ấy có thể đi đến cảnh giới tái sanh [trở thành] "người địa ngúc”, hoặc là Toài thú”, hoặc là "thân phận ngạ quy”, hoặc là Toài ngiròi", hoặc là "thiên nhân,\ hoặc là "người hữu sc”hoặc là "người vô sắc”hoặc là "nguôi hữu tưởng", hoặc là "người vô tưởng", hoặc là "người phi tưởng phi phi tưởng"? Không có nhân, không có duyên, không có lý do, mà bởi điều ây vị ấy có thể đi [tái sanh]. "Bởi điều gì mà vị ấy có thể đi [tái sanh] khi vị ấy không có sự vướng ban?99 là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: r ọ r '"Quả thật, đôi với vỉ đã rũ sạch thì không có quan diêm được xép đặt liên quan đen hữu và phỉ hữu ở bất cứ đâu ở thế gian, Vi đã rũ sạch sau khỉ dứt bỏ xảo trá và ngã mạn, thì bởi điều gì mà vi ấy có the đi [tải sanh] khỉ vi ẩy không có sự vướng bận?"

3.8. Quả thật, kẻ có sự vướng bận tiếp cận sự tranh luận về các pháp, Bởi điêu gi, băng cách nào, cỏ thê nói vê vi không có sự vướng bận? Bởi vì điêu năm giữ và được rời bỏ là không có đôi với vị ây; Vị ấy đã rũ bỏ mọi tà kiến ở ngay tại nơi đây. Quả thật, kẻ có sự vướng bận tiếp cận sự tranh luận về các pháp. Vướng bận: Có hai sự vướng bận: Sự vướng bận do tham ái và sự vướng bận do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự vướng bận do tham ái. ... (nt)... điều này là sự vướng bận do tà kiến. Đối với kẻ ấy, sự vướng bận do tham ái chưa được dứt bỏ, sự vướng bận do tà kiến chưa được buông bỏ. Do trạng thái chưa được dứt bỏ đối với sự vướng bận do tham ái, do trạng thái chưa được buông bỏ đoi với sự vướng bận do tà kiến, kẻ ấy tiếp cận sự tranh luận về các pháp [nói rằng]: "[Ngươi là] 'kẻ bị luyến ái\ hoặc là 'kẻ bị sân hận\ hoặc là 'kẻ bị si mê\ hoặc là 'kẻ bị trói buộc55 hoặc là 'kẻ bị bám víu\ hoặc là 'kẻ bi tán loạn, hoặc là 'kẻ không dứt khoát9, hoặc là 'kẻ cứng cỏi5?9 [Đối với kẻ ấy] các pháp tạo

tác ây chưa được dứt bỏ. Do trạng thái chưa được dứt bỏ đôi với các pháp tạo tác, kẻ ấy tiếp cận sự tranh luận ve cảnh giới tái sanh [nói rằng]: "[Ngươi sẽ trở thành] 'người địa ngục', hoặc là 'loài thú\ hoặc là 'thân phận ngạ quỷ\ hoặc la 'loài người\ hoặc là 'thiên nhânhoặc là 'người hữu sắc, hoặc là 'người vô sắc\ hoặc là 'người hữu tưởng\ hoặc là 'người vô tưởng', hoặc là 'người phi tưởng phi phi tưởng"', kẻ ấy tiếp cận sự tranh luận, đi đến gần, nắm lấy, bám víu, chấp chặt. 4íQuả thật, kẻ có sự vướng bận tiêp cận sự tranh luận vê các pháp" là như thê. Bởi điều gì, bằng cách nào có thể nói về vi không có sự vướng bận? Vướng bận: Có hai sự vướng bận: Sự vướng bận do tham ái và sự vướng bận do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự vướng bận do tham ái. ... (nt)... điều này là sự vướng bận do tà kiến. Đoi với vị ấy, sự vướng bận do tham ái đã được dứt bỏ, sự vướng bận do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự vướng bận do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự vướng bận do tà kiên, thì [kẻ có sự vướng bận] có thể nói bởi sự luyến ái gi, có thể nói bởi sự sân hận gcó thể nói bởi sự si mê gi, có thể nói bởi sự ngã mạn gi, có thể nói bởi tà kiên gì, có thể nói bởi sư phóng dật gì, có thể nói bởi hoài nghi gì, có thể nói bởi các pháp tiềm ẩn gì về vị không có sự vướng bận [rằng]: "[Ngươi là] 'kẻ bị luyến ái\ hoặc là 'kẻ bị sân hận\ hoặc là 'kẻ bị si mê\ hoặc là 'kẻ bị trói buộc9, hoặc là 'kẻ bị bám víuhoặc là 'kẻ bị tán loạn\ hoặc là 'kẻ không dứt khoát\ hoặc là 'kẻ cứng c6i'?" [Đối với vị ấy] các pháp tạo tác ấy là đã được dứt bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các pháp tạo tác, thì bởi điều gì có thể nói về cảnh giới tái sanh [của vị ấy] là: "[Ngươi sẽ trở thành] 'người địa ngục5,... (nt)... hoặc là 'người phi tưởngJ)hi phi tưởng9?,9 Không có nhân, không có duyên, không có lý do mà bởi điêu ây có thê nói, có thể thuyết, có thể phát ngôn, có thể giảng giải, có thể diễn tả [ve vị ấy]. "B&i điều gì, bằng cách nào có thể nói về vị không có sự vướng ban?" là như thế. Bởi vì điều nắm giữ và được rời bỏ là không có đối với vi ấy: Không có thường kiến rằng: "C6 tự ngâL" Không có đoạn kiến rằng: "Không có tự ngâL”5 Không có điêu đã được nắm lấy rằng: "C6 tự nga/9 Không có điều cần được giải thoát rằng: "Không có tự ngỗL” Người nào có điều đã được nắm lấy thì người ấy có điều cần được giải thoát, người nào có điều cần được giải thoát thì người ấy có điều đã được nam lấy. Trong khi vượt qua hẳn việc nắm giữ và việc giải thoát, bậc A-la-hán vượt qua khỏi sư tiến tu và

sự thối thất. Vị ấy đã trải qua cuộc sống Ịcủa bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành, đã đi qua cuộc hành trình, đã đi đên nơi. Việc sanh tử luân hôi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vi ấy.

5 ở đây có trường hợp chơi chữ giữa attain, nirattam (điều nắm giữ, được rời bỏ) và attā, nirattã (có tự ngã, không có tự ngã). Có thể phân tích hai từ attani và nirattam như sau: 1. Attā là quá khứ phân từ của ãdadãtỉ, còn niratta (nir-atta) là từ phản nghĩa; 2. Attā là quá khứ phân từ của ādiyati, còn nỉratta là quá khứ phân từ của nìrassatỉ. (ND)

ĐẠI DIỄN GIẢI 71

"Bởi VÌ điều nắm giữ và được rời bỏ là không có đối với vị ấy" là như thế. Vi ấy đã rũ bỏ mọi tà kiến ờ ngay tại nơi đây. Đối với vị ấy, sáu mươi hai tà kiến là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được văng lặng, đã được tịch tinh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. Vị ấy đã rũ bỏ, đã giũ bỏ? đã giũ đi, đã giũ sạch, đã từ bỏ? đã dứt bỏ, đã xua di, đã làm chấm dứt, đã làm cho không còn hiện hữu mọi tà kiến ở ngay tại nơi đây. “Vi ấy đã rũ bỏ mọi tà kiến ở ngay tại nơi dây" là như thế. Vì thê, đức The Tôn đã noi răng: r A

ífQuả thật, kẻ có sự vướng bận tiêp cận sự tranh luận vê các pháp, Bởi điều gì, bằng cách nào, có thể nói về vỉ không có sự vướng bận? Bởi vì điêu năm giữ và được rời bỏ là không có đôi với vi ây; Vỉ ây đã rũ bỏ mọi tà kiên ở ngay tại nơi đây." 6Diễn giải kỉnh nhóm tám về xấu xa” Phần thứ ba.

72 KINH TIÊU BÔ

4. DIỄN GIẢI KINH NHÓM TÁM VÈ TRONG SẠCH (SUDDHĀ TTHAKASUTTANIDDESO)

Giờ phần "Diễn giải kinh nhóm tám về trong sạch" được nói đến: 4.1. “TLi nhìn thấy đối tượng trong sạch là tối thắng, không bệnh. Do việc nhìn thay, con người có được sự thanh khiết", Trong khi biết rõ như thế, sau khi biết [việc ẩy] là ^tổi thắngĩff Kẻ có sự quan sát đối tượng trong sạch tin rằng [điều ấy] là trí tuệ. Tôi nhìn thấy đối tượng trong sạch là tối thắng, không bệnh. Tôi nhìn thấy đối tượng trong sạch: Tôi nhìn thấy đối tượng trong sạch là tôi nhận thấy đối tượng trong sạch, tôi quan sát đối tượng trong sạch, tôi suy xét đối tượng trong sạch, tôi khảo sát đối tượng trong sạch. Tối thắng, không bệnh: Là tối thắng, đạt đến sự không bệnh, đạt đến sự an toàn, đạt đến nơi nương náu, đạt đến nơi trú ẩn, đạt đến nơi nương nhờ, đạt đến nơi không sợ hãi, đạt đến bất hoại, đạt đến bất tử, đạt đến Niết-bàn. "Tôi nhìn thấy đối tượng trong sạch là tối thắng, không benh,9 là như thế. Do việc nhìn thấy, con người có được sự thanh khiết: Do sự nhận thức của mắt, do việc nhìn thay sắc, sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi thành tựu đến con người; con người được trong sạch, được thanh tinh, được hoàn toàn trong sạch, được thoát khỏi, được giải thoát, được hoàn toàn thoát khỏi. "Do việc nhìn thây, con người có được sự thanh khiet" là như thê. Trong khỉ biết rõ như thế, sau khi biết [việc ấy] là 4ítối thắng^: Trong khi biết rõ, trong khi hiểu, trong khi nhận thức, trong khi thừa nhận, trong khi thau triệt như vậy; sau khi biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Việc này là tối

thắng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quy." "Trong khi biết rõ như thế, sau khi biết [việc ấy] là tối thắng" là như thế. Kẻ có sự quan sát đối tượng trong sạch tin rằng [điều ấy] là trí tuệ: Người nào nhìn thấy đối tượng trong sạch, người ấy có sự quan sát đối tượng trong sạch. Tin rằng [điều ấy] là trí tuệ: Do sự nhận thức của mắt, do việc nhìn thấy sắc, [kẻ ấy] tin rằng [điều ấy] là "trí tue", tin rằng [điều ấy] là "dạo l", tin rằng [điều ấy] là "con đuờng", tin rằng [điều ấy] là "lối dẫn dắt ra kh6i."

"Kẻ CÓ Sự quan sát đối tượng trong sạch tin rằng [điều ấy] là trí tuệ,5 là như thế. -T Ty ji Á 4. r rpi Ấ FT1 A s W Vì the, đức The Ton đã noi răng: ° 'Tôi nhìn thấy đối tượng trong sạch là tối thắng, không bệnh. Do việc nhìn thấy, con người có được sự thanh khiết Trong khỉ biết rõ như thế, sau khỉ biết [việc ấy] là 'tối thắng, Kẻ có sự quan sát đổi tượng trong sạch tin rằng [điều ấy] là trí tuệ.

4.2. Nêu do nhìn thấy mà con người có được sự trong sạch, hoặc do nhận biết mà người ấy dứt bỏ khổ, thì người ấy (người còn mầm mống tải sanh) được trong sạch do [đạo lộ] khác [so với Thảnh đạo], chính quan điểm [the ấy] phát biểu về người ẩy trong khi người ấy nói như thế. Nếu do nhìn thấy mà con người có được sự trong sạch: Nếu do sự nhận thức của mắt, do việc nhìn thấy sắc, mà sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi thành tựu đen con người; con người được trong sạch, được thanh tịnh, được hoàn toàn trong sạch, được thoát khỏi, được giải thoát, được hoàn toàn thoát khỏi. "Nếu do nhìn thấy mà con người có được sự trong sạch" là như thế. Hoặc do nhận biết mà người ấy dứt bỏ khổ: Nếu do sự nhận thức của mắt, do việc nhìn thấy sắc, mà con người dứt bỏ khổ sanh, dứt bỏ khổ già, dứt bỏ khổ bệnh, dứt bỏ khổ chết, dứt bỏ khổ do sầu-bi-khổ-iru-não. “Hoặc do nhận biết mà người ấy dứt bỏ kh6“ là như thế. Thì người ấy (người còn mầm mống tái sanh) được trong sạch do [đạo lộ] khác [so với Thánh đạo]: Do [đạo lộ] khác là do đạo lộ không trong sạch, do cách thực hành sai trái, do đường lối không dẫn dắt ra khỏi, ngoại trừ các sự thiết lập niệm, ngoại trừ các chánh cần, ngoại trừ các nền tảng của thần thông, ngoại trừ các quyền, ngoại trừ các lực, ngoại trừ các yếu tố đưa đến giác ngộ, ngoại trừ đạo lộ Thánh thiện tám chi phân; con người được trong sạch, được thanh tịnh, được hoàn toàn trong sạch, được thoát khỏi, được giải thoát, được hoàn toàn thoát khỏi. Còn mâm m6ng tái sanh: Là có luyên ái, có sân hận, có si mê, có ngã mạn, có tham ái, có tà kiên, có ô nhiễm, có chập thủ. "Thi người ấy người còn mầm mống tái sanh được trong sạch do [đạo lộ] khác [so với Thánh dao]99 là như thế. Chmh quan điểm [thế ấy] phát biểu về người ấy trong khi người ấy nói như thế: Và quan điểm ấy phát biểu về nhân vật ấy rằng: "Và như vậy thì người này là người có tà kiến, có cái nhìn sai lệch.95 Trong khỉ người ấy nói như thế: Là trong khi đang nói, đang thuyết, đang phát ngôn, đang giảng giải, đang diễn tả như thế; trong khi đang nói5 đang thuyết, đang phát ngôn, đang giảng giải, đang diễn tả như thế này: "Thế giới là

thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ d@i"; trong khi đang nói; đang thuyết, đang phát ngôn, đang giảng giải, đang diễn tả như thế này: "Thế giới là không thường còn, thế giới là có giới hạn, thế giới là không có giới hạn, mạng sống và thân thể là một, mạng sống và thân thể là khác, chúng sanh hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý9 điều khác là rồ dgi." “Chính quan điểm [thế ấy] phát biểu về người ấy trong khi người ấy nói như thế” là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: “Nếu do nhìn thấy mà con người có được sự trong sạch, hoặc do nhận biết mà người ấy dứt bỏ khổ, thì người ấy (người còn mầm mống tái sanh) được trong sạch do [đạo lộ] khác [so với Thảnh đạo], chính quan điểm [the ấy] đã phát biểu về người ấy trong khi người ấy nói như thế.”

4.3. Vị Bà-la-môn đã nói rằng sự trong sạch là không do [đạo lộ] khác, không liên quan đến điều đã được thấy, đến điều đã được nghe, đến ỊÌỚi và phận sự, hoặc đên điêu đã được cảm giác, là người không bi vây bân bởi phước và tội, buông bỏ điều đã được nam giữ, không tạo ra [nghiệp gì] ở nơi đây, Vi Bà-la-môn đã nói rằng sự trong sạch là không do [đạo lộ] khác, không liên quan đến điều đã được thấy, đến điều đã được nghe, đến giới và phận s hoặc đến điều đã được cảm giác. Không: Là sự phủ đinh. Bà-la-môn: Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ bảy pháp: Sự nhận thức sai trái về thân được loại trừ, sự hoài nghi được loại trừ, sự bám víu vào giới và phận sự được loại trừ, luyến ái được loại trừ, sân hận được loại trừ, si mê được loại trừ, ngã mạn được loại trừ; các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khô, đưa đên sanh-già-chết ở vị lai của vị này là đã được loại trừ. [Đức Thế Tôn nói: "Nàỵ Sabhiya] sau khi loại trừ tất cả các điều ác, là người không còn vết nhơ, tốt lành, định tĩnh, có bản thân vững chãi, vi ấy đã vượt qua luân hồi, có sự toàn hảo9 không nương nhờ, tự tại; vị ấy được gọi là Ba-la-mon?9 Vi Bà-la-môn đã nói rằng sự trong sạch là không do [đạo lộ] khác: Vị Bà-la-môn đã không nói, không thuyết, không phát ngôn, không giảng giải, không diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi do [đạo lộ] khác, do đạo lộ không trong sạch, do cách thực hành sai trái, do đường lối không dẫn dắt ra khỏi, ngoại trừ các sự thiết lập niệm, ngoại trừ các chánh cần, ngoại trừ các nền

tảng của thần thông, ngoại trừ các quyền, ngoại trừ các lực, ngoại trừ các yếu tố đưa đến giác ngộ, ngoại trừ đạo lộ Thánh thiện tám chi phần; uVị Bà-la-môn đã nói rằng sự trong sạch là không do [đạo lộ] khác" là như thế. Liên quan đến điều đã được thấy, đến điều đã được nghe, đến giới và phân sự, hoặc đến điều đã được cảm giác: Có một số Sa-môn và Bà-la-môn theo quan điểm trong sạch do điều đã được thấy. Các vi ấy tin rằng việc nhìn thấy một số cảnh sắc là điềm lành, tin rằng việc nhìn thấy một số cảnh sắc là điềm gơ. Họ tin rằng việc nhìn thấy các cảnh sắc nào là điềm lành? Các vị ấy, sau khi thức dậy vào lúc sáng sớm, nhìn thấy các cảnh sắc đem lại điều tốt lành: Nhìn thấy chim bồ cắt, nhìn thấy chồi măng vào mùa lễ hội Phussa, nhìn thấy phụ nữ mang thai,

nhìn thấy người dang đi có đứa bé trai được đặt ở vai, nhìn thấy cái chậu đầy [nước], nhìn thấy cá hồng, nhìn thấy ngựa nòi, nhìn thấy cỗ xe kéo bởi ngựa nòi, nhìn thay bò mộng, nhìn thấy bò cái màu hung; họ tin rang việc nhìn thấy các cảnh sắc có hình thức như thê là điềm lành. Họ tin rằng việc nhìn thấy các cảnh sắc nào là điềm gở? Họ nhìn thấy đống vỏ trấu, nhìn thấy chậu bơ sữa, nhìn thấy chậu trống rỗng, nhìn thấy vũ công, nhìn thấy vị Sa-môn lõa thể, nhìn thấy con lừa, nhìn thấy xe lừa kéo, nhìn thấy xe do một con thú kéo, nhìn thấy người chột, nhìn thấy người cụt tay, nhìn thấy người (Ịuè, nhìn thấy người bại liệt, nhìn thấy người già, nhìn thấy người bệnh, nhìn thây người chết; họ tin rằng việc nhìn thấy các cảnh sắc có hình thức như thế là điếm gở. 9 X

Các vị Sa-môn và Bà-la-môn này đây theo quan diêm trong sạch do điêu đã được thấy. Các vị ấy tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi do điều đã được thấy. Có một số Sa-môn và Bà-la-môn theo quan điểm trong sạch do điều đã được nghe. Các vị ấy tin rằng việc nghe được một số âm thanh là điềm lành, tin rằng việc nghe được một số âm thanh là điềm gở. Họ tin răng việc nghe các âm thanh nào là diêm lành? Các vị ây, sau khi thức dậy vào lúc sáng sớm, nghe các âm thanh đem lại điều tốt lành: "Tăng tnrởng\ "đang tăng trưởng", “tràn y”, “may mắn”, uvô ưu”, "thiện v”, “sao tốf\ "diềm rất lanh”"thịnh vượng”, hoặc "thịnh vượng và phát triển,,; họ tin rằng việc nghe các âm thanh có hình thức như thế là điềm lành. Họ tin rằng việc nghe các âm thanh nào là điềm gở? [Nghe rằng:] uChộf\ "cụt ta/\ "qu,"bại \ "gia", “b§nh”, “chết”, "bị dứt',i v&", "bị chấy9 mất", hoặc "không c6" họ tin rằng việc nghe các âm thanh có hình thức như thế là điềm gở. 9 y Các vị Sa-môn và Bà-la-môn này đây theo quan diêm trong sạch do điêu đã được nghe. Các vi ấy tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi do điều đã được nghe.

76 KINH TIÊU BÔ

CÓ một số Sa-môn và Bà-la-môn theo quan điểm trong sạch do giới. Các vị ấy tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi chỉ với giới, chỉ với sự ngăn giữ, chỉ với sự thu thúc, chỉ với sự không vi phạm. Sa-môn Mandikāputta đã nói như vây: “Này ông thợ mộc, ta tuyên bô răng một người nam được thành tựu bốn pháp là người có thiện pháp đầy đủ9 có thiện pháp tối thắng, là vị Sa-môn đã đạt được sự chứng đạt toi thượng, không bị đánh bại. Với bon pháp nào? Này ông thợ mộc, ở đây là không làm việc ác bằng thân, kh6ng nói lời nói ác, không tư duy ý nghĩ ác, không sống theo lối nuôi mạng ác xâu. Này ông thợ mộc, ta tuyên bô răng một người nam được thành tựu bốn pháp này là người có thiện pháp đầy đủ, có thiện pháp tối thắng, là vị Sa-môn đã đạt được sự chứng đạt tối thượng, không bị đánh bại.” Tương tự y như thế, có một số Sa-môn và Bà-la-môn theo quan điểm trong sạch do giới. Các vị ấy tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi chỉ với giới, chỉ với sự ngăn giữ, chỉ với sự thu thúc, chỉ với sự không vi phạm. Có một sô Sa-môn và Bà-la-môn theo quan diêm trong sạch do phận sự. Các vị ấy là người hành trì hạnh loài voi, là người hành trì hạnh loài ngựa, là người hành trì hạnh loài bò, là người hành trì

hạnh loài chó, là người hành trì hạnh loài quạ, là người hành trì hạnh thần tài, là người hành trì hạnh thần sức mạnh, là người hành trì hạnh thần Punnabhaddā, là người hành trì hạnh thần Manibhaddā, là người hành trì hạnh của lửa, là người hành trì hạnh loài rồng, là người hành trì hạnh linh điểu, là người hành trì hạnh dạ-xoa, là người hành trì hạnh a-tu-la, là người hành trì hạnh càn-thát-bà, là người hành trì hạnh đại vương, là người hành trì hạnh mặt trăng, là người hành trì hạnh mặt trời, là người hành trì hạnh Thiên vương, là người hành trì hạnh Phạm thiên, là người hành trì hạnh thiên nhân, là người hành trì hạnh [lễ bái theo] phương hướng. Các vi Sa-môn và Bà-la-môn này đây theo quan điểm trong sạch do phận sự. Các vị ấy tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi do phận sự. Có một số Sa-môn và Bà-la-môn theo quan điểm trong sạch do điều đã được cảm giác. Các vị ấy, sau khi thức dậy vào lúc sáng sớm, chạm vào mặt đất, chạm vào cây xanh, chạm vào phân bò, chạm vào con rùa, đạp lên lưỡi cày, chạm vào xe chở hạt mè, nhai hạt mè trắng, thoa dầu mè trắng, nhai tăm xỉa răng màu trắng, tăm đất sét trắng, mặc vải trăng, quân khăn trăng. Các vị Sa-môn và Bà-la-môn này đây theo quan điểm trong sạch do điều đã được cảm giác. Các vi ấy tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi do điều đã được cảm giác. Vị Bà-la-môn đã nói rằng sự trong sạch là không do [đạo lộ] khác, không liên quan đến điều đã được thấy, đến điều đã được nghe, đến giới và phận sự, hoặc đến điều đã được cảm giác: Vi Bà-la-môn đã không nói rằng

ĐẠI DIỄN GIẢI € 77

Sự trong sạch nhờ vào sự trong sạch do điều đã được thấy, đã không nói rằng sự trong sạch nhờ vào sự trong sạch do điều đã được nghe, đã không nói rằng sự trong sạch nhờ vào sự trong sạch do giới, đã không nói rang sự trong sạch nhờ vào sự trong sạch do phận sự, đã không nói rằng sự trong sạch nhờ vào sự trong sạch do điều đã được cảm giác, không thuyết, không phát ngôn, không giang giai, không diên ta. Bà-la-môn đã nói răng sự trong sạch là không do [đạo lộ] khác, không liên quan đên điêu đã được thây, đên điêu đã được nghe, đên giới và phận sự, hoặc đến điều đã được cảm giac99 là như thế. Là người không bi vấy bẩn bởi phước và tội: Phước nói đến bất cứ pháp tạo tác thiện nào thuộc tam giới, vô phước nói đến tất cả các pháp bất thiện. Khi nào phúc hành, phi phúc hành và bất động hành1 được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lia, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã đi đến sự không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai, cho đến như thế thì [vị ấy] không bi lấm nhơ ở phước và tội, không bi nhiễm bẩn, không bị vấy bẩn, [là người] đã không bi lâm nhơ, đã không bị nhiêm bân, đã không bi vây bân, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Là người không bị vấy bẩn bởi phước và t0i" là như thế. Buông bỏ điều đã được nắm giữ, không tạo ra [nghiệp gì] ở nơi đây. Buông bỏ điêu đã được năm giữ: Là buông bỏ tà kiên đã được năm giữ; "buông bỏ điều đã được nắm giũ*” là buông bỏ sự nắm lấy; "buông bỏ điều đã được nắm giữ" là điều [nào] đã bị nắm lấy, đã bi bám víu, đã bị chấp chặt, đã bị bám chặt, đã bị hướng đến do tác động của tham ái, do tác động của tà kiến, toàn bộ điêu ây là đã được từ bỏ9 đã được tây trừ, đã được giải thoát, đã được dứt bỏ, đã được

buông bỏ. Không tạo ra [nghiệp gì] ờ n(ri đây: Trong khi không tạo nên, trong khi không làm sanh ra, trong khi không làm sanh khởi, trong khi không làm hạ sanh, trong khi không làm phát sanh ra phúc hành, phi phúc hành, hoặc bất động hành. "Buông bỏ điều đã được nắm lấy, không tạo ra [nghiệp gì] ở nơi đây,9 là như thế. •T TA ji Á ^4- r rpl Ấ rp A no s u W

Vì the, đức The Ton đã noi răng: m Bà-la-môn đã nói rằng sự trong sạch là không do [đạo lộ] khác, không liên quan đến điều đã được thấy, đến điều đã được nghe, đến giới và phận sự, hoặc đến điều đã được cảm giác, là người không bỉ vấy bẩn bởi phước và tội, buông bỏ điều đã được nắm lấy, không tạo ra [nghiệp gì] ở nơi đây."

1 Phúc hành, phi phúc hành, bất động hành: Phúc hành là hành vi tạo tác thiện^có quả đưa đi tái sanh ở cõi người, các côi trời dục giới và sác giới. Phi phúc hành là hành vi tạo tác bất thiện pô quả đưa đi tái sanh ơ 4 cõi khổ. Bất động hành là hành vi tạo tác thiện có quả đưa đi tái sanh ở vô sắc giới.

, , r 1 1 r -J Ả 4.4. Dứt bỏ cái trước roi nươnệ vào cái khác, đeo đuôi dục vọng, những người ấy không vượt qua sự quyên luyến. Họ nắm bắt rồi rời bỏf tựa như con khỉ với việc năm lây cành cây trước mặt. Dứt bỏ cái trước rồi nương vào cái khác: Dứt bỏ bậc Đạo sư trước rồi nương tựa bậc Đạo sư khác, dứt bỏ giáo lý trước rồi nương tựa giáo lý khác, dứt bỏ tập thể trước rồi nương tựa tập thể khác, dứt bỏ quan điểm trước rồi nương tựa quan điểm khác, dứt bỏ lối thực hành trước rồi nương tựa lối thực hành khác, dứt bỏ đạo lộ trước rồi nương tựa đạo lộ khác, nương tựa vào, bám vào, đến gần, bám chặt, hướng đến. “Dứt bỏ cái trước rồi nương vào cái khSc" là như thế. Đeo đuổi dục vọng, những người ấy không vượt qua sự quyến luyến. Dục vọng: Nói đên tham ái, tức là sự luyên ái? luyên ái mãnh liệt,... (nt).. tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đeo đuổi due vọng: Đeo đuổi dục vọng là đi theo dục vọng, di chuyển theo dục vọng, đạt đến dục vọng, bi rơi vào, bi ngự trị, có tâm bị khuất phục. Những người ấy không vượt qua sự quyến luyến: Khônệ vượt qua, không vượt lên, không vượt qua hăn? không vượt qua khỏi sự quyên luyến bởi luyến ái? sự quyên luyến bởi sân hận, sự quyên luyên bởi si mê, sự quyến luyến bởi ngã mạn, sự quyên luyến bởi tà kiên, sự quyên luyên bởi ô nhiễm, sự quyến luyến bởi uế hạnh. "Beo đuổi dục vọng, những người ấy không vượt qua sự quyến luyến" là như thế. Họ nắm bắt rồi ròi bỏ: Họ nắm lấy bậc Đạo sư, rồi buông vị ấy ra và nắm lấy bậc Đạo sư khác; họ nắm lấy giáo lý, rồi buông giáo lỵ ấy ra và nắm lấy giáo lỵ khác; họ nắm lấy tập thể, rồi buông tập thể ấy ra và nấm lấy tập thể khác; họ nắm lấy quan điểm, rồi buông quan điểm ấy ra và nắm lấy quan điểm khác; họ nắm lấy lối thực hành, rồi buông lối thực hành ấy ra và nắm lấy lối thực hành khác; họ nắm lấy đạo lộ? rồi buông đạo lộ ấy ra và nắm lấy đạo lộ khác; họ nắm lấy và buông ra, họ nắm giữ và rời bỏ. "Hq nắm bắt rồi rời b6" là như thế. Tựa như con khỉ vói việc nắm lấy cành cây trước mặt: Giống như con khỉ trong khi di chuyển ở khu rừng nhỏ, ở khu rừnẹ lớn thì nắm lấy cành cây, rồi buông cành cây ây ra và năm lây cành cây khác, roi lại buông cành cây khác ấy ra và nắm lấy cành cây khác nữa; tương tự y như thế, các vị Sa-môn và Bà-la- môn khác nhau nắm lay và buông ra, nam

giữ và rời bỏ các tà kiến khác nhau. "Tựa như con khỉ với việc nắm lấy cành cây trước mát" là như thế. Vì the, đức The Tôn đã noi răng: __ \ _ 9 “Dứt bỏ cái trước roi nương vào cái khác, đeo đuôi dục vọng, những người ấy không vượt qua sự quyến luyến. Họ nắm bắt rồi rời bỏ, tựa như con khỉ với việc nam lấy cành cây trước mặt.īf

4.5. Sau khi tự mình thọ trì các phân sự, con người Đi đen cho cao cho thấp, ,r bi dính mắc vào tưởng; 9 O' 9 , Còn người có sự hiếu biêt, sau khi thông hiêu pháp nhờ các sự hiêu biêt, Không đi đến chỗ cao chỗ thấp, là người có tuệ bao la. Sau khỉ tự mình thọ trì các phận sự, con người. Sau khỉ tự mình thọ trì: Là sau khi thọ trì cho mình. Các phận sư: Là sau khi nhận lấy, sau khi thọ trì, sau khi nắm giữ, sau khi nắm giữ đúng đan, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt hạnh loài voi, hoặc hạnh loài ngựa, hoặc hạnh loài bò, hoặc hạnh loài chó, hoặc hạnh loài quạ. hoặc hạnh thần tài. hoặc hạnh thần sức mạnh, hoặc hạnh thần Punnabhaddā, hoặc hạnh thần Manibhaddā, hoặc hạnh của lửa, hoặc hạnh loài rồng, hoặc hạnh linh điểu, hoặc hạnh dạ-xoa, hoặc hạnh a-tu-la?... (nt)... hoặc hạnh [lễ bái theo] phương hướng. Con người: Là chúng sanh, đàn ông,... (nt)... nhân loại. "Người sau khi tự mình thọ trì các phận sụ*" là như thế. Đi đến chỗ cao chỗ thấp, bị dính mắc vào tưởng: Là từ bậc Đạo sư [này] đi đến bậc Đạo sư [khác], từ giáo lý [này] đi đến giáo lý [khác], từ tập thể [này] đi đến tập thể [khác], từ quan điểm [này] đi đến quan điểm [khác], từ lối thực hành [này] đi đến lối thực hành [khác], từ đạo lộ [này] đi đến đạo lộ [khác]. Bi dính mắc vào tưởng: Là bị dính mắc, bi dính liền, bị dính vào, bị máng vào, bị vướng vào, bi giữ lại dục tưởng, ở sân tưởng, ở hại tưởng, ở tà kiến tưởng. Giống như gói hàng bi dính mắc, bị dính liền, bị dính vào, bị máng vào, bi vướng vào, bị giữ lại ở chốt gắn trên tường hoặc ở móc ngà voi, tương tự y như thế, là bị dính mắc, bị dính liền, bị dính vào, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở dục tưởng, ở sân tưởng, ở hại tưởng, ở tà kiến tưởng. "Di đến chỗ cao chỗ thấp, bị dính mắc vào tưởng” là như thế. Còn người có sự hiểu biết, sau khi thông hiểu pháp nhờ các sự hiểu biết Người có sự hiên biêt: Người có sự hiêu biêt là người đã đạt đên kiên thức, có trí, [có sự giác ngộ] có sự rành rẽ, có sự thông minh. Nhờ các sự hiểu biết: Các sự hiểu biết nói đến trí ở bốn đạo, tuệ, tuệ quyền, tuệ lực, trạch pháp giác chi, sự thẩm xét, sự thấy rõ, chánh kiến. Với các sự hiểu biết ấy, [vị ấy] đã đi đến điểm cuối đối với sanh-già-chết, đã đạt đến điểm cuối, đã đi đến đỉnh, đã đạt đến đỉnh, đã đi đến tận cùng, đã đạt đến tận cùng, đã đi đến sự hoàn tất, đã đạt đến sự hoàn tất, đã đi đến nơi nương náu, đã đạt đến nơi nương náu, đã đi đên nơi trú ân, đã đạt đên nơi trú ân, đã đi đên nơi nương nhờ, đã đạt đến nơi nương nhờ, đã đi đến nơi không sợ hãi, đã đạt đến nơi không sợ hãi, đã đi đến bất hoại, đã đạt đến bất hoại, đã đi đến bất tử, đã đạt đến bất tử, đã đi đến Niết-bàn, đã đạt đến Niết-ban. "Người đã đi đến điểm cuối của các sự hiểu biết" là bậc đã đạt được sự hiểu biết, hoặc "người đã đi đến điểm cuối nhờ vào các sự hiên biêt" là bậc đã đạt được sự hiên biêt, hoặc “do trạng thái đã

hiểu biết về bayphapj Sự nhận thức sai trái về thân đã được hiểu biết, sự hoài nghi đã được hiếu biết, sự bám víu vào giới và phận sự đã được hiểu biết, sự luyến ái đã được

hiểu biết, sân hận đã được hiểu biết, si mê đã được hiểu biết, ngã mạn đã được hiểu biết" là bậc đã đạt được sự hiểu biết; đối với người này, các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai là đã được hiểu biết. [Đức Thế Tôn nói: "Này Sabhiya] vị đã suy gẫm toàn bộ các loại kiến thức thuộc về các Sa-môn, thuộc về các Bà-la-môn? vị đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các cảm thọ, vị đã vượt qua mọi kiến thức, vị ấy là bậc đã đạt được sự hiểu biết." Còn người có sự hiểu biết, sau khi thông hiểu pháp nhờ các sự hiểu biết: Sau khi th6ng hiểu, sau khi thấu hiểu pháp; sau khi th6ng hiểu, sau khi thấu hiểu pháỊ) cả các hành là vô thương"; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: "Tất cả các hành là khổ99; sau khi thong hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: "Tất cả các pháp là vô ngâT; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: "Vô minh duyên cho các hành"; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: "Các hành duyên cho thức"; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: "Thức duyên cho danh sắc";.."Danh sắc duyên cho sáu xứ";..."Sáu xứ duyên cho xúc";. "Xúc duyên cho thẹ)".. "Thq duyên cho ái". "Ai duyên cho thỉT".. "Thiỉ duyên cho hữu";.."Hữu duyên cho sanh";."Sanh duyên cho lão, tử"; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: "Do sự diệt tận của vô minh [đưa đến] sự diệt tận của các hành^,; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: "Do sự diệt tận của các hành [đưa đến] sự diệt tận của thức95; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: "Do sự diệt tận của thức [đưa đến] sự diệt tận của danh sắc";... "Do sự diệt tận của danh sắc [đưa đen] sự diệt tận của sáu xứ".. "Do sự diệt tận của sáu xứ [đưa đến] sự diệt tận của xúc";.. "Do sự diệt tận của xúc [đưa đến] sự diệt tận của th9".. "Do sự diệt tận của thọ [đưa đến] sự diệt tận của ái.."Do sự diệt tận của ái [đưa đến] sự diệt tận của thỉT.. "Do sự diệt tận của thủ [đưa đến] sự diệt tận của hữu";..."Do sự diệt tận của hữu [đưa đến] sự diệt tận của sanh;..."Do sự diệt tận của sanh [đưa đến] sự diệt tận của lão, tử,9; sau khi thong hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: "Đây là khổ,9; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: "Bây là nhân sanh khổ,5;... "Dây là sự diệt tận kh6"... "Đây là sự thực hành đưa đen sự diệt tận kh6"; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: "Đây là các lậu hoāc,9; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: "Đây là nhân sanh các lậu hoặc";."Dây là sự diệt tận các lậu hoāc,5... "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc,5; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: "Các pháp này cần được biết sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: "Các pháp này cần được biết toàn diên";..."Các pháp này cần được dứt b6"... "Các pháp này cần được tu tap". "Các pháp này càn được chứng ng" sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp là nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi, và sự thoát ra đối với sáu xúc xứ; sau khi th6ng hiểu, sau khi thấu hiểu pháp là nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bát lợi, và sự thoát ra đối với năm thủ uẩn; sau khi thông hiểu, sau khi thấu

hiểu pháp là nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi, và

4. Này Namucī, chúng là đạo binh của ngươi, là quân xung kích của Hắc ảm. Kẻ khiếp nhược không chiến thắng nó, và vi đã chiến thang thì đạt được sự an lạc." Khi nào tất

cả các đạo binh của Ma vương và tất cả các ô nhiễm có hành động đoi kháng đã bị đánh bại và đã bị khuất phục, đã bị đo vỡ, đã bi tan rã, không còn hiện diện nhờ vào bốn Thánh đạo; vi ấy được gọi là người diệt đạo binh; vi ấy là người diệt đạo binh ở điều đã được thấy, người diệt đạo binh ở điều đã được nghe, người diệt đạo binh ở điều đã được cảm giác, người diệt đạo binh ở điều đã được nhận thức. "Vj ấy là người diệt đạo binh [ô nhiễm] ở tất cả các pháp, ở bất cứ điều gì đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác" là như thế. Vi ấy, người có nhãn quan, đang hành xử một cách minh bạch: Vị ấy có nhãn quan trong sạch, có nhãn quan thanh tịnh, có nhãn quan hoàn toàn trong sạch, có nhãn quan tinh khiết, có nhãn quan hoàn toàn tinh khiết; hoặc là có cái nhìn trong sạch, có cái nhìn thanh tịnh, có cái nhìn hoàn toàn trong sạch, có cái nhìn tinh khiết, có cái nhìn hoàn toàn tinh khiết. Một cách minh bạch: Sự che đậy do tham ái, sự che đậy do tà kiến, sự che đậy do ô nhiễm, sự che đậy do uế hạnh, các sự che đậy ấy được mở ra, được hủy hoại, được mở rộng, được mở toang, được dứt bỏ, được trừ tuyệt, được vắng lặng, được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuẹ. Đang hành xử: Là đang thực hành, đang cư xử, [đang trú ngụ] đang sinh hoạt, đang vận hành, đang bảo hộ, đang hộ trì, đang bảo dưỡng. uVị ấy, người có nhãn quan, đang hành xử một cách minh bạch" là như thế. Bởi điều gì có thể sắp xếp vi ấy ờ thế gian này đây. Sắp đặt: Có hai sự sắp đặt: Sự sắp đặt do tham ái và sự sắp đặt do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tham ái.... (nt).. điều này là sự sắp đặt do tà kiến. Đối với vi ấy, sự sắp đặt do tham ái đã được dứt bỏ? sự sắp đặt do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự sắp đặt do tham ái5 do trạnạ thái đã được buông bỏ đối với sự sắp đặt do tà kiến thì có thể sắp đặt bởi luyen ái gi, có thể sắp đạt bởi sân hận gi, có thể sắp đặt bởi si mê gi, có thể sắp đạt bởi ngã mạn gì, có thể sắp đặt bởi tà kiến gì, có thể sắp đặt bởi phóng dật gi, có thể sắp đặt bởi hoài nghi gì, có thể sắp đặt bởi các pháp tiềm ẩn gì [nghĩ rằng]: u[Vị này là] 'kẻ bị luyến ái\ hoặc là 'kẻ bi sân hận\ hoặc là 'kẻ bị si mê\ hoặc là 'kẻ bị trói buộc9, hoặc là 'kẻ bi bám víu', hoặc là 'kẻ bị tán loạn', hoặc là 'kẻ không dứt khoát\ hoặc là 'kẻ cứng c6T"? [Đối với vị ấy] các phắp tạo tác ấy là đã được dứt bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các pháp tạo tác thì bởi điều gì có thể sắp đặt về cảnh giới tái sanh [của vi ấy rằng]: "[Vi này sẽ trở thành] 'người địa ngục\ hoặc là 'loài thú\ hoặc là 'thân phận nga quỷ\ hoặc là 'loài người\ hoặc là 'thiên nhân\ hoặc là 'người hữu sắc', hoặc là 'người vô

Sắc', hoặc là 'người hữu tưởng', hoặc là 'người vô tưởng\ hoặc là 'người phi tưởng phi phi tưởng'"? Không có nhân, không có duyên, không có lý do, mà bởi điều ấy có thể sắp đặt, có thể sắp xếp, có thể đạt đến việc sắp xếp. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ. "Bởi điều gì có thể sắp xếp vi ấy ở thế gian này dây" là như thế. Ị TA jiA Ấ Á rps M W Vì thê, đức Thê Ton đã noi răng: "Vị ây là người diệt đạo bỉnh [ô nhiêm] ở tát cả các pháp, 9^ :, F -í *

ơ bát cứ điêu gì đã được thây, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác. Vị ấy, người có nhãn quan, đang hành xử một cách minh bạch, Bởi điều gì có thể sắp xếp vỉ ấy ở thế

gian này đây?"

4.7. Các vi ấy không sắp đặt, không chủ trọng, Không nói ve 'sự trong sạch tột cùng Sau khỉ tháo gỡ sự trói buộc vào chấp thủ đã bỉ buộc tróif Các vị không tạo lập sự mong mỏi ở bất cứ đâu ở the gian. Không sắp đặt, không chú trọng. Sắp đặt: Có hai sự sắp đặt: Sự sắp đặt do tham ái và sự sắp đặt do tà kiến. ... (nt)...điều này là sự sắp đặt do tham ái.... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tà kiến. Đối với các vi ấy, sự sắp đặt do tham ái đã được dứt bỏ, sự sắp đặt do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự sắp đặt do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự sắp đặt do tà kiến; các vị không sắp đặt, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh ra sự sắp đặt do tham ái hoặc sự sắp đặt do tà kiến. "'Không sắp dãf là như thế. Không chú trọng. Chú trọng: Có hai sự chú trọng: Chú trọng do tham ái và chú trọng do tà kiến.... (nt)... điều này là chú trọng do tham ái.... (nt)... điều này là chú trọng do tà kiến. Đối với các vị ấy, sự chú trọng do tham ái đã được dứt bỏ, sự chú trọng do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự chú trọng do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự chú trọng do tà kiến, các vị sống, chú trọng không phải là tham ái hoặc không phải là tà kiến, không có tham ái là ngọn cờ, không có tham ái là biểu hiện, không có tham ái là chủ đạo, không có tà kiến là ngọn cờ, không có tà kiến là biểu hiện, không có tà kiến là chủ đạo; các vị sống, được vây quanh không bởi tham ái hoặc không bởi tà kiến. "Không sắp đặt, không chú trọng^, là như thế. Các vi ấy không nói về í4sự trong sạch tột cùng55: Các vi không nói, không thuyết, không phát ngôn, không giảng giải, không diễn tả về sự trong

sạch tột cùng, vê sự trong sạch do luân hôi, vê quan diêm không hành động, vê học thuyêt thường còn. "Các vị ấy không nói về 6sự trong sạch tột cting'" là như thế. Sau khỉ tháo gỡ sự trối buộc vào chấp thủ đã bi buộc trói. Sự trói buộc: Có bốn sự trói buộc: Tham đắm là sự trói buộc về thân, sân hận là sự trói buộc về thân, sự bám víu vào giới và phận sự là sự trói buộc về thân, sự chấp chặt "chí điều này là chân ly" là sự trói buộc về thân. Sự luyến ái, tham đắm vào quan điểm của bản thân là sự trói buộc về thân. Sự tức tối, sự không bằng lòng, sự sân hận đối với các học thuyết của những người khác là sự trói buộc vê thân. Sự bám víu vào giới và phận sự răng: uHọ bám víu vào giới, hoặc phận sự, hoặc giới và phận sự của bản than99 là sự trói buộc về thân. Quan điểm của bản thân có sự chấp chặt "chi điều này là chân ly" là sự trói buộc về thân. Vì lý do gì được gọi là sự trói buộc vào chấp thủ? Bởi vì các sự trói buộc ấy, họ nắm giữ, họ chấp thủ, họ nắm lấy, họ bám víu, họ chấp chặt về sắc; họ nắm giữ, họ chấp thủ? họ nắm lấy, họ bám víu, họ chấp chặt về thọ, tưởng, các hành, thức, cảnh giới tái sanh, sự tái sinh, sự nối liền tái sanh, sự hiện hữu, sự luân hồi và sự luân chuyển. Vì lý do ấy được gọi là sự trói buộc r vào châp thủ. Sau khi tháo gỡ: Sau khi cởi bỏ hoặc sau khi tháo gỡ các sự trói buộc; hoặc là sau khi tháo rời hay sau khi tháo gỡ các sự trói buộc, các vật bi buộc trói, các vật bị buộc ràng, các vật bị cột chặt, các vật bi cột kỹ, các vật bi cột chằng chịt, các vật bị máng vào, các vật bị vướng vào, các vật bi giữ lại, các sự trói chặt. Giống như những người thực hiện sự tháo gỡ, phá vỡ cái kiệu khiêng, hoặc cỗ xe, hoặc xe tải, hoặc

cỗ xe kéo liền lặn, tương tự như vậy, sau khi cởi bỏ hoặc sau khi tháo gỡ các sự trói buộc; hoặc là sau khi tháo rời, hay sau khi tháo gỡ các sự trói buộc, các vật bị buộc trói, các vật bi buộc ràng, các vật bị cột chặt, các vật bị cột kỹ, các vật bi cột chằng chịt, các vật bị máng vào, các vật bi vướng vào, các vật bi giữ lại, các sự trói chặt. “Sau khi tháo gỡ sự trói buộc vào chấp thủ đã bị buộc tr6i" là như thế. Các vi không tạo lập sự mong mỏi ờ bất cứ đâu ờ thế gian. Sự mong mỏi: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Không tạo lập sự mong mỏi: Không tạo lập, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh niềm mong mỏi. ở bất cứ đâu: ở bất cứ đâu, về bất cứ điều gi, ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phan, hoặc ngoại phan, hoặc thuộc nội phan và ngoại phan. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh,...(nt)... ở thế gian của các xứ. "Các vị không tạo lập sự mong mỏi ở bất cứ đâu ở thế gian" là như thế. 'Ỹ T\ J-í Á 4. A rpl Ấ rp jT • w Vì the, đức The Ton đã noi răng:

ĐẠI DIỄN GIẢI 85

I r ^Các vỉ ây không sáp đặt, không chú trọng, Không nói ve 'sự trong sạch tột cùng , 1 X T 2 -X A Sau khi thảo gỡ sự trói buộc vào châp thủ đã bi cột trói, Các vị không tạo lập sự mong mỏi ở bát cứ đâu ở thê gian." r 1 r T/í ỉ Ả l 7 /ĩ > 4.8 Vi Bà-la-mônf có sự vượt quá ranh giới, đôi với vi ây không có điêu gì được nam bắt, sau khi đã biết và sau khi đã thay, Không có sự luyến ái với ái dục, không bi ỉuyển ải ở pháp ly ải dục; Đôi với vi ây, không có điêu đã được năm bát là tôi thăng ở nơi đây, Vi Bà-ỉa-môn, có sự vượt quá ranh giới, đối với vi ấy không có điều gì được nắm bắt, sau khi đã biết và sau khi đã thấy. Ranh giới: Có bốn ranh giới: Sự nhận thức sai trái về thân, sự hoài nghi, sự bám víu vào giới và phận sự, tà kiến tiềm ẩn, hoài nghi tiềm ẩn, và các phiền nao cộnẸ tru vơi moi pháp áy; đay la ranh giới thư nhát. Sự rang bupc cua ai dục [luyến ái vê dục] và sự ràng buộc của bát bình có tính chát thô thiển, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất thô thiển, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy; đây là ranh giới thứ nhì. Sự rang buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất vi tế, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy; đây là ranh giới thứ ba. Ái sắc, ái vo sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, ngã mạn tiêm ẩn, hữu ái tiềm ẩn, vô minh tiềm ẩn, các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy; đây là ranh giới thứ tư. Và khi nào bốn ranh giới này đã được vượt ạuá? đã được vượt qua hẳn, đã được vượt qua khỏi nhờ vào bốn Thánh đạo; vị áy được gọi là có sự vượt quá ranh giới. Vị Bà-la-môn: Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ bảy pháp: Sự nhận thức sai trái về thân được loại trừ, sự hoài nghi được loại trừ, sự bám víu vào giới và phận sự được loại trừ,...(nt).. Không nương nhờ, tự tại; vị ấy được gọi là Bà-la-môn. Đối với vi ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã cạn kiệt. Sau khi đã biết: Sau khi đã biết bằng trí biết tâm người khác hoặc sau khi đã biết bằng trí nhớ về các kiếp sống trước. Sau khi đã thấy: Sau khi đã thấy bằng nhục nhãn hoặc sau khi đã thấy bằng thiên nhãn. Vi Bà-ỉa-môn9 có sự vượt quá ranh giói, đối với vi ấy không có điều gì được nắm bắt, sau khỉ đã biết và sau khỉ đã thấy: Đối với vị ấy, điều đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã dược hướng đến [rằng]: "Cái này là tối thắng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quy” là không c6, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại,

đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lưa tn tuệ. Bà-la-môn, có sự vượt quá ranh giới, đối với vi ấy không có điều gì được nắm bắt, sau khi đã biết và sau khi đã th*y" là như thê.

86 KINH TIỂU BÔ

Không có sự luyến ái với ái dục, không bỉ luyến ái ờ pháp ly ái dục: Bị luyến ái ở ái dục nói đến những người nào bị luyến ái, bị thèm khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bi gần gũi, bị máng vào, bi vướng vào, bị giữ lại ở năm loại dục. Bị luyến ái ở pháp ly ái dục nói đến những người nào bị luyến ái, bị thèm khát, bị buộc trói, bi mê mẩn, bị gần gũi, bi máng vào, bị vướng vào, bi giữ lại ở các sự thê nhập vào sác giới và vô sác giới. Không có sự luyến ái vói ái dục, không bi luyến ái ờ pháp ly ái dục: Khi nào sự luyến ái ở dục giới, sự luyến ái ở sắc giới và sự luyến ái ở vô sắc giới được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bi cụt ngọn, đã bi làm cho không còn hiện hữu, không còn điêu kiện sanh khởi trong tương lai, cho đến như thế thì "không có sự luyến ái với ái dục, không bị luyến ái ở pháp ly ái dục." Đối vơi vị ấy, không có điều đã được nắm bắt là tối thắng ờ nơi đây. Đối với vi ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã cạn kiệt. Đối với vị ấy, điêu đã được năm lây, đã được bám víu, đã được châp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến [rằng]: "Cái này là tối thắng, cao c,nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quy" là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thê sanh khởi nữa, đã được thiêu đót bởi ngọn lửa trí tuệ. "Đối với vị ấy, không có điều đã được nắm bắt là tối thắng ở nơi dây" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: '"Vị Bà-lạ-môнf có sự vượt quá ranh giới, đôi với vỉ ây không cỏ điêu gì được nam bát, sau khỉ đã biết va sau khi đã thấy, Không có sự luyến ải với ải dục, không bi luyên ái ở pháp ly ái dục; Đối với vị ấy, không có điều đã được nắm bắt là tối thắng ở nơi đây," "Diễn giải kinh nhóm tám về trong sạch55 Phần thứ tư.

ĐẠI DIỄN GIẢI 87

5. DIỄN GIẢI KINH NHÓM TÁM VỀ TỐI THẮNG (PARANIA TTHAKASUTTANIDDESO)

Giờ phần "Diễn giải kinh nhóm tám về tối thắng" được nói đến: 5.1. Trong khi sống theo các tà kiến, [nghĩrằng:] ^[Điều này] là tối thắng,,f Con người làm nổi trội điều ấy ở thế gian, Rồi đã nói tất cả những điều khác là "thấp hèn " so với điều ấy, Vì thê không vượt qua khỏi các sự tranh cãi. Trong khỉ sống theo các tà kiến, [nghỉ rằng:] 6í[Điều này] là tối thắngw: Có một sô Sa-môn và Bà-la-môn là những người theo tà kiến. Các vị ấy chấp nhận, tiếp thu, nắm lấy, bám víu, chấp chặt rằng: "Điều này là tối thắng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý" rồi trú, cư trú, lưu trú theo tà kiến của riêng mình. Giống như những người tại gia tru trong các ngôi nhà, những người có tội lỗi trú trong các tội lỗi, những người có ô nhiễm trú trong các ô nhiễm; tương tự y như thế, có một số Sa-môn và Bà-la-môn là những người theo tà kiến. Các vi ấy chấp nhận, tiếp thu, nắm lấy, bám víu, chấp chặt rằng: uĐiều này là tối thắng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn dầu, tối thượng, cao quV" rồi trú, cư trú, lưu trú theo tà kiến của

riêng mình. 'Trong khi sống theo các tà kiến, [nghĩ rằng:] '[Điều này] là tối thắng'" là như thế. Con người làm nổi trội điều ấy ờ thế gian. Điều ấy: Là điều nào đó. Làm nôi troi: Là làm cho nôi trội, làm thành tôi thăng, cao cả, nhát hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao ạuý. Làm cho nổi trội, làm thành tối thắng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn dầu, tối thượng, cao quỷ rằng: uBậc Đạo sư này là đấng Toàn tri." Làm cho nổi trội, làm thành tối thăng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý, làm sanh khởi, làm phát sanh ra rằng: "Giáo pháp này khéo được thuyết giảng, tập thể này đã thực hành tốt đẹp, quan điểm này là tốt lành, lối thực hành này đã khéo được quy định, đạo lộ này dẫn dắt ra khoi?9 Con người: Là chúng sanh, đàn ông,... (nt)... nhân loại. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ. "Con người làm nổi trội điều ấy ở thế gian" là như thế. Rồi đã nói tất cả những điều khác là "thấp hèn95 so với điều ấy: Quăng bỏ? ném bỏ, vất bỏ tất cả các học thuyết khác ngoại trừ bậc Đạo sư, giáo lý, tập

thể, quan điểm, lối thực hành, đạo lộ của bản thân, rồi đã nói như vầy: Đạo sư ấy không là đấng Toàn tri, pháp không khéo được thuyết giảng, tập thể đã thực hành không tốt đẹp, quan điểm không tốt lành, lối thực hành không khéo được quy định, đạo lộ không dẫn dắt ra khỏi; ở nơi ấy không có sự trong sạch, hay sự thanh tịnh, hay sự hoàn toàn trong sạch, hay sự thoát khỏi, hay sự giải thoát, hay sự hoàn toàn thoát khỏi; ở đây không có những người được trong sạch, hay được thanh tinh, hay được hoàn toàn trong sạch, hay được thoát khỏi, hay được giải thoát, hay được hoàn toàn thoát khỏi; họ thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi." Họ thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy. "Rồi đã nói tất cả những điều khác là 'thấp hèn9 so với điều ấy" là như thế. Vì thế không vượt qua khỏi các sự tranh cãi. Vì thế: Là do điều ấy, bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy. Các sự tranh cãi: Các sự cãi cọ về quan điểm, các sự cãi lộn về quan d[ể các sự cãi vã về quan điểm, các sự tranh cãi về quan điểm, các sự gây gổ về quan điểm. Không vượt qua khỏi: Trong khi không vượt quá, không vượt qua hẳn, không vượt qua khỏi. "Vi thế không vượt qua khỏi các sự tranh cãi95 là như thế. Vì the, đức The Tôn đã noi răng: "Trong khỉ sống theo các tà kiến, [nghĩrằng:] '[Điều này] là tối thắng', Con người làm nổi trội điều ẩy ở thế gian, Rồi đã nói tất cả những điều khác là 'thấp hèn 'so với điều ấy, Vì the không vượt qua khỏi các sự tranh cãi.

5.2. [Người áy] nhìn thây điêu nào có lợi ích cho bản thân ở điêu đã được thây, ở điều đã được nghe, ở ệiới vàphận sự, hoặc ở điều đã được cảm giác, sau khi nắm bắt chỉnh cái áy ở điêu ẩy; người ấy nhìn thấy mọi điều khác đều là hèn kém. [Người ấy] nhìn thấy điều nào có lợi ích cho bản thân ở điều đã được thấy, ờ điều đã được nghe, ờ giới và phận sự, hoặc ờ điều đã được cảm giác. Điều nào... cho băn thân: Điều nào... liên quan đến bản thân. Bản thân: Nói đến việc đi theo tà kiến [của bản thân]. Do quan điểm của bản thân, [người ấy] nhìn thấy hai sự lợi ích: Lợi ích ở đời hiện tại và lợi ích ở đời vị lai. Lợi ích ở đời hiện tại do quan điểm là lợi ích nào? Vị thày có quan điểm nào thì các đệ tử có cùng quan điểm ấy. Các đệ tử trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng

dường vị thầy có quan điểm ấy. Và do điều d6, [vị thầy] nhận được y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Điều này là lợi ích ở đời hiện tại do quan điểm.

ĐẠI DIỄN GIẢI 89

Lợi ích ở đời vị lai do quan điểm là lợi ích nào? Là người có sự mong đợi két quả ở vị lai răng: "Quan diêm này đủ đê đưa đên bản thê loài rông, hoặc đưa đên bản thê nhân điêu, hoặc đưa đên bản thê dạ-xoa, hoặc đưa đên bản thê a-tu- la, hoặc đưa đến bản thể càn-thát-bà9 hoặc đưa đến bản thể Đại Thiên vương, hoặc đưa đến bản thể Thiên chủ, hoặc đưa đến bản thể Phạm thiên, hoặc đưa đên bản thê thiên nhân. Quan diêm này đủ đê đưa đên sự trong sạch, đưa đên sự thanh tinh, đưa đến sự hoàn toàn trong sạch, đưa đến sự thoát khỏi, đưa đến sự giải thoát, đưa đen sự hoàn toàn thoát khỏi. Do quan điểm này, họ trở nên trong sạch, họ trở nên thanh tịnh, họ trở nên hoàn toàn Ương sạch, họ được thoát khỏi, họ được giải thoát, họ được hoàn toàn thoát khỏi. Do quan điểm này, ta sẽ trở nên trong sạch, ta sẽ trở nên thanh tịnh, ta sẽ trở nên hoàn toàn trong sạch, ta sẽ được thoát khỏi, ta sẽ được giải thoát, ta sẽ được hoàn toàn thoát kh6i." Điều này là lợi ích ở đời vi lai do quan điểm. Do quan điểm của bản thân, [người ấy] nhìn thấy hai sự lợi ích này. Cũng nhờ vào sự trong sạch do điều đã được thấy, [người ấy] nhìn thấy hai sự lợi ích... Cũng nhờ vào sự trong sạch do điều đã được nghe, [người ấy] nhìn thay hai sự lợi ích... Cũng nhờ vào sự trong sạch do giới, [người ấy] nhìn thấy hai sự lợi ích... Cũng nhờ vào sự trong sạch do phận SỊT, [người ấy] nhìn thấy hai sự lợi ích... Cũng nhờ vào sự trong sạch do điều đã được cảm giác, [người ấy] nhìn thấy hai sự lợi ích: Lợi ích ở đời hiện tại và lợi ích ở đời vị lai. Lợi ích ở đời hiện tại nhờ vào sự trong sạch do điều đã được cảm giác là lợi ích nào? Vị thầy có quan điểm nào thì các đệ tử có cùng quan điểm ấy. ... (nt)... Điều này là lợi ích ở đời hiện tại nhờ vào sự trong sạch do điều đã được cảm giác. Lợi ích ở đời vị lai nhờ vào sự trong sạch do điều đã được cảm giác là lợi ích nào? [Là người có sự mong đợi kết quả ở vị lai rằng:] "Quan điểm này đủ để đưa đến bản thể loài rồng,... (nt)..Điều này lả lợi ích ở đời vị lai nhờ vào sự trong sạch do điều đã được cảm giác. Cũng nhờ vào sự trong sạch do điều đã được cảm giác, [người ấy] nhìn thấy, nhận thấy, quan sát, suy xét, khảo sát hai sự lợi ích này. "[Người ấy] nhìn thấy điều nào có lợi ích cho bản thân ở điều đã được thấy, ở điều đã được nghe, ở giới và phận sự, hoặc ở điều đã được cảm giác" là như thế. Người ấy sau khỉ nắm bắt chính cái ấy ờ điều ấy. Chính cái ấy: Là việc đi đến tà kiến ấy. ở điều ấy: Là ở quan điểm của mình, ở sự chấp nhận của mình, ở sự ưa thích của mình, ở quan niệm của mình. Sau khi nắm bắt: Sau khi chấp nhận, sau khi tiếp thu, sau khi nắm]ấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt rằng: "Biều này là tối thắng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quy." "Người ấy sau khi nắm bắt chính cái ấy ở điều ấy" là như thế.

90 KINH TIÊU Bộ

Nhìn thấy mọi điều khác đều là hèn kém: Là nhìn xem, nhìn thấy, nhận thấy, quan sát, suy xét, khảo sát bậc Đạo sư, giáo lý; tập thể, quan điểm, lối thực hành, đạo lộ khác đều là thấp hèn, hèn kém, thấp kém, tháp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi. "Nhìn thấy mọi điều khác

đều là hèn kém,5 là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng: (í[Người ấy] nhìn thấy điều nào có lợi ích cho bản thân ở điều đã được thấy, ở điều đã được nghe, ở giới và phận sự, hoặc ở điều đã được cảm giác, sau khi nắm bắt chỉnh cải ấy ở điêu ây; người ây nhìn thây mọi điêu khác đều là hèn kém/'

5.3. Hơn nữa, các bậc thiện xảo gọi điêu ây là sự trói buộc, người nương tựa vào điều ấy nhìn thấy điều khác là thấp hèn. Chỉnh vì thế, vi Tỳ-khưu không nên nương tựa vào điều đã được thay, đã được nghe, đã được cảm giác, hoặc vào giới và phận sự. Hơn nữa, các bậc thiện xảo gọi điều ấy là sự trói buộc. Các bậc thiện xảo: Các bậc thiện xảo về uẩn, thiện xảo về giới, thiện xảo vê xứ, thiện xảo vê tùy thuận sanh khởi, thiện xảo vê việc thiêt lập niệm, thiện xảo về chánh cần, thiện xảo về nền tảng của thần thông, thiện xảo về quyền, thiện xảo về lực, thiện xảo về yếu tố đưa đến giác ngộ, thiện xảo về Đạo, thiện xảo về Quả, thiện xảo về Niết-bàn; các bậc thiện xảo ấy nói như vầy: "Điều này là sự trói buộc, điêu này là sự vướng mác, điêu này là sự cột trói, điêu này là sự vướng bān^; các vi nói như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy. "Hơn nữa, các bậc thiện xảo gọi điều ấy là sự trói bu0c" là như thế. Người nương tựa vào điều ấy nhìn thấy điều khác là thấp hèn. Nương tựa vào điều ấy: Là nương tựa, nương tựa vào, bám vào, đến gần, bám chặt, hướng đến bậc Đạo su, giáo lý, tập thể, quan điểm, lối thực hành, đạo lộ ấy. Nhìn thấy điều khác là thấp hèn: Là nhìn xem, nhìn thấy, nhận thấy, quan sát, suy xét, nhận xét, khảo sát bậc Đạo sư, giáo lý? tập thể, quan điểm, lối thực hành, đạo lộ khác là thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi. "Người nương tựa vào điều ấy nhìn thấy điều khác là thấp hèn” là như thế. Chính vì thế, vị Tỳ-khưu không nên nư(mg tựa vào điều đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, hoặc vào giới và phận sự. Vì thế: Là do điều ấy, bởi lý do ấy, bởi nhan ấy? bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, không nên nương tựa, không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên châp chặt vào điêu đã được thây hoặc sự trong sạch do điêu đã được thây, vào điêu đã được nghe hoặc sự trong sạch do điêu đã được nghe, vào điêu

đã được cảm giác hoặc sự trong sạch do điều đã được cảm giác, vào giới hoặc sự trong sạch do giói, vào phận sự hoặc sự trong sạch do phận sự. "Chính vì thế, vị Tỳ-khưu không nên nương tựa vào điều đã được thấy, vào điều đã được nghe, vào điều đã được cảm giác, hoặc vào giới và phận su" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: “Hơn nữa, các bậc thiện xảo gọi điêu ây là sự trói buộc, người nương tựa vào điêu ầy nhìn thây điêu khác ỉa tháp hèn. Chính vì thê, vị Tỳ-khim không nên nương tựa vào điều đã được thấy, vào điều đã được nghe, vào điều đã được cảm giác, hoặc vào giới và phận sựy 9 _ ĩ 5.4. Cũng không nên hình thành quan diêm [nào nữa] ở thê gian dựa vào trí [chứng đắc] hoặc dựa vào giới và phận sự. Không nên tự nhủ bản thân là "ngang bằng”, Không nên nghĩ mình là thấp hèn hoặc là có sự đặc biệt. Cũng không nên hình thành quan điểm [nào nữa] ờ thế gian dựa vào trí [chúng đắc] hoặc dựa vào giới và phận sự: Không nên hình thành, không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh ra quan điểm [nào nữa] dựa vào trí của tám sự

chứng đạt [về thiên], hoặc dựa vào trí của năm thăng trí, hoặc dựa vào trí sái quây, hoặc dựa vào giới, hoặc dựa vào phận sự, hoặc dựa vào giới và phận sự. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ. "Cũng không nên hình thành quan điểm [nào nữa] ở thế gian dựa vào trí [chứng đắc] hoặc dựa vào giới và phận su" là như thế. Không nên tự nhủ bản thân là 6íngang bằng.59 Không nên tự nhủ bản thân rằng: "Ta là ngang bằng" dựa vào sự xuất thân, dựa vào dòng dõi, dựa vào con nhà gia thế, dựa vào vẻ đẹp của làn da, dựa vào tài sản, dựa vào học vấn, dựa vào công việc, dựa vào tài nghệ, dựa vào kiến thức, dựa vào sự học hỏi, dựa vào tài biện giải, hoặc dựa vào sự việc này khác. "Không nên tự nhủ bản thân là 'ngang bằng9,9 là như thế. Không nên nghĩ mình là thấp hèn hoặc là có sự đặc biệt. Không nên tự nhủ bản thân rằng: "Ta là thua k$m" dựa vào sự xuất thân, dựa vào dòng dõi,... (nt). .. hoặc dựa vào sự việc này khác. Không nên tự nhủ bản thân rằng: "Ta là tốt hơn" dựa vào sự xuất thân, dựa vào dòng d6i,...(nt)... hoặc dựa vào sự việc này khác. "Không nên nghĩ mình là thấp hèn hoặc là có sự đặc biêt" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: 9 -tĩ '"Cũng không nên hình thành quan diêm [nào nữa] ở thê gian dựa vào trí [chứng đắc] hoặc dựa vào giới và phận sự.

Không nên tự nhủ bản thân là 'ngang băng Không nên nghĩ mình là thấp hèn hoặc là có sự đặc biệt.fĩ

5.5. Sau khỉ dứt bỏ điêu đã năm giữ, không còn châp thủ, Vị ấy không tạo lập sự nương tựa dầu là ở trí. Quả vậy, giữa những người đã bị phân ly, vi ấy không theo phe nhóm, Vị ấy không quay trở lại bất cứ tà kiến nào nữa. Sau khỉ dứt bỏ điều đã nắm giữ, không còn chấp thủ. Sau khi dứt bỏ điều đã nắm giữ: Sau khi dứt bỏ ta kiến đã nắm giữ. Sau khi dứt bỏ điều đã nắm giữ là sau khi dứt bỏ sự nắm lấy đã nắm giữ. Sau khi dứt bỏ điều đã nam giữ là sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm châm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu điêu đã bị năm lây, đã bị bám víu, đã bị chấp chặt, đã bi bám chặt, đã bị hướng đến do tác động của tham ái, do tác động của tà kiến. "Sau khi dứt bỏ điều đã nắm giữ" là như thế. Không còn chấp thủ: Trong khi không còn chấp thủ, không còn nắm lấy, không còn bám víu, không còn chấp chặt vào bôn điêu chấp thủ. “Sau khi dứt bỏ điều đã nắm giữ, không còn chấp thiỉ" là như thế. Vi ấy không tạo lập sự nương tựa dầu là ờ trí: Là không tạo lập, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh ra sự nương tựa vào tham ái hoặc sự nương tựa vào tà kiến dựa vào trí của tám sự chứng đạt [về thiền], hoặc dựa vào trí của năm thắng trí, hoặc dựa vào trí sái quấy. "Vị ấy không tạo lập sự nương tựa dầu là ở trí" là như thế. Quả vậy, giữa những người đã bi phân ly, vị ấy không theo phe nhóm: Quả vậy, giữa những người đã bi phân ly, đã bi chia rẽ, đã bị phân thành hai, đã bị sanh làm hai, có quan điểm khác biệt, có sự chấp nhận khác biệt, có sự ưa thích khác biệt, có quan niệm khác biệt, đã nương tựa vào những quan điểm khác biệt; giữa những người đi đến sự thiên vi vì mong muốn, đi đến sự thiên vị vì sân hận, đi đến sự thiên vị vì si mê, đi đến sự thiên vị vì sợ hãi, vị ấy không đi đến sự thiên vị vì mong muốn, không đi đến sự thiên vị vì sân hận, không đi đến sự thiên vị vì si mê, kh6ng đi

đến sự thiên vi vì sợ hãi; không đi đến do tác động của luyến ái? không đi đen do tác động của sân hận? không đi đến do tác động của si mê, không đi đến do tác động của ngã mạn, không đi đến do tác động của tà kiến, không đi đến do tác động của phóng dật, không đi đến do tác động của hoài nghi, không đi đến do tác động của pháp tiềm ẩn, không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi di, không bi mang đi bởi các pháp có tính chất phe nhóm. “Quả vậy, giữa những người đã bị phân ly, vị ây không theo phe nhóm95 là như thế. Vị ấy không quay trở lại bất cứ tà kiến nào nữa: Đối với vị ấy, sáu mươi hai tà kiến là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được

tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. Vị ấy không quay trở lại, không quay về lại bất cứ tà kiến nào nữa. ấy không quay trở lại bất cứ tà kiến nào nữa" là như thế. _ _ r A

Vì the, đức The Ton đã noi răng: "Sau khi dứt bỏ điêu đã năm giữ, không còn chap thủ, Vị áy không tạo lập sự nương tựa dầu là ở trí, Quả vậy, giữa những người đã bỉ phân ly, vi ấy không theo phe nhóm, Vị áy không quay trở lại bát cứ tà kiên nào nữa."

5.6. Đôi với vị nào, ở đây, không có nguyện vọng vê cả hai thái cực, vê hữu và phỉ hữu, ve đời này hay đời khác, Đoi với vỉ ấy, không có bất cứ các sự chấp chặt nào Sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp [tà kiến]. Đối với vi nào, ờ đây, không có nguyện vọng về cả hai thái cực, về hữu và phỉ hữu, về đời này hay đời khác. Đối với vị nào: Đối với vi A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt. Thái cực: Xúc là một thái cực, nhân sanh ra xúc là thái cực thứ hai. Quá khứ là một thái cực, vị lai là thái cực thứ hai. Cảm thọ lạc là một thái cực, cảm thọ khổ là thái cực thứ hai. Danh là một thái cực? sắc là thái cực thứ hai. Sáu nội xứ là một thái cực, sáu ngoại xứ là thái cực thứ hai. Sự chấp thân này là một thái cực, nhân sanh ra sự châp thân này là thái cực thứ hai. r r ỉ Nguyện vọng: Nói đên tham ái, tức là sự luyên ái, luyên ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Vê hữu và phỉ hữu: Vê dục giới, săc giới, vô sác giới, vê sự hiện hữu của nghiệp, về sự hiện hữu lần nữa; về sự hiện hữu của nghiệp là dục giới, về sự hiện hữu lan nữa là dục giói, ve sự hiện hữu của nghiệp là sắc giới, ve sự hiện hữu lần nữa là sắc giới, ve sự hiện hữu của nghiệp là vô sắc gi&i, về sự hiện hữu lần nữa là vô săc giới; về sự hiện hữu được lặp đi lặp lại, vê cảnh giới tái sanh được lặp đi lặp lại, về sự tiếp nối tái sanh được lặp đi lặp lại, về sự sanh ra của bản nga được lặp đi lặp lại. Đời này: Là bản ngã của bản thân. Đòi khác: Là bản ngã của người khác. Đời này là sắc-thọ-tưởng-hành-thức của bản thân; đời khác là sắc-thọ-tưởng- hành-thức của người khác. Đời này là sáu nội xứ; đời khác là sáu ngoại xứ. Đời này là thế giới loài người; đời khác là thế giới chư thiên. Đời này là dục giới; đời khác là sắc giới, vô sắc giới. Đời này là dục giói, sắc giới; đời khác là vô sắc giới. Đối với vi nào, ờ đây, không có nguyện vọng về cả hai thái cực, về hữu và phi hữu, về dời này hay đời khác: Đôi với vị nào, nguyện vọng, tham ái về cả hai thái cực, về hữu và phi hữu, về đời này và đời khác là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã

được Vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. "Đối với vi nào, ở đây, không có nguyện vọng về cả hai thái cực, về hữu và phi hữu, về đời này hay dơi khalà như thế. Đối với vị ấy, không có bất cứ các sự chấp chặt nào. Các sự chấp chặt: Có hai sự chấp chặt: Sự chấp chặt do tham ái và sự chấp chặt do tà kiến.... (nt)... điều này là sự chấp chặt do tham ái.... (nt)... điều này là sự chấp chặt do tà kiến. Đối vối vi ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt. Đối vói vi ấy, không có bất cứ các sự chấp chặt nào: Đối với vị ấy, bất cứ các sự chấp chặt nào là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được văng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. atĐối với vi ấy, không có bất cứ các sự chấp chặt nào" là như thế. Sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp. Trong sổ các pháp: Là trong số sáu mươi hai tà kiến. Sau khỉ suy xét: Sau khi đã suy xét, sau khi đã suy gẫm, sau khi đã suy nghiệm, sau khi đã cân nhắc, sau khi đã xác đinh, sau khi đã minh đinh, sau khi đã lam rõ rệt. Điều đã được nắm bắt: Là sự nắm lấy co giới hạn, sự nắm lấy từng phần, sự nắm lấy phần quan trọnậ nhất, sự nắm lấy một khối, sự nắm lấy theo số lượng, sự năm lấy tông thê răng: "Biêu này là sự thật, là đúng đắn, là thực thể, là đang xảy ra, là xác đáng, là không bi sai lech"; điều đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến như thế là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lưa tn tuệ. “Sau khi suy xét vê điêu đã được năm băt trong sô các pháp" là như thê. Vì thê, đức Thê Tôn đã noi răng: với vi nào, ở đây, không có nguyện vọng vê cả hai thải cực, vê hữu và phi hữu, về đời này hay đời khác, Đôi với vị ây, không có bát cứ các sự chắp chặt nào Sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong sổ các pháp [tà kiến],"

5.7. Tưởng được xép đặt liên quan đên điêu đã được thây, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác ở nơi đây, dầu là nhỏ nhoi, cũng không có đoi với vi ấy; vỉ Bà-la-môn ấy không nam giữ tà kiến, bởi điều gì có thể sắp xếp vị ấy ở the gian này đây? Tưởng được xếp đặt liên quan đến điều đã được thấy, đã được nghe,

hoặc đã được cảm giác ờ nơi dây, dầu là nhỏ nhoi, cũng không có đối với vị áy. Đối vói vi ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt. Đối với vị ây, tà kiên liên quan đên điêu đã được thây hoặc sự trong sạch do điêu đã được thấy, liên quan đến điều đã được nghe hoặc sự trong sạch do điều đã được nghe, liên quan đến điều đã được cảm giác hoặc sự trong sạch do điều đã được cảm giác, có sự dẫn đầu của tưởng, có sự sắp xếp của tưởng, đã được lập nên, đã được thiết lập, đã được sắp đặt, đã được xếp đặt, đã được tạo tác, đã được tác thành, đã được thành lập do tưởng, do sự chiếm lấy của tưởng; [tà kiến ấy] là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tinh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. "Tưởng được xếp đặt liên quan đến điều đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác ở nơi dây, dâu là nhỏ nhoi, cũng

không có đối với vị ấy" là như thế. Vi Bà-la-môn ấy không nắm giữ tà kiến. Bà-la-môn: Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ bảy pháp: Sự nhận thức sai trái về thân được loại trừ,... (nt).. Không nương nhờ, tự tại; vị ấy được gọi là Bà-la-môn. Vi Bà-ỉa-môn ấy không nắm giữ tà kiến: Vị Bà-la-môn ấy trong khi không nắm giữ, trong khi không nắm lấy, trong khi không bám víu, trong khi không chấp chặt tà kiên. Bà-la-môn ấy không nắm giữ tà kiến" là như thế. Bởi điều gì có thể sắp xếp vị ấy ờ thế gian này đây. Sắp đặt: Có hai sự sắp đặt: Sự sắp đặt do tham ái và sự sắp đặt do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tham ái.... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tà kiến. Đối với vị ấy, sự sắp đặt do tham ái đã được dứt bỏ, sự sắp đặt do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự sắp đặt do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự sắp đặt do tà kiến, thì có thể sắp đặt bởi luyen ái gi, có thể sắp đặt bởi sân hận gì, có thể sắp đặt bởi si mê gì, có thể sắp đặt bởi ngã mạn gì, có thể sắp đặt bởi tà kiến gi, có thể sắp đặt bởi phóng dật gi, có thể sắp đặt bởi hoài nghi gi, có thể sắp đặt bởi các pháp tiềm ẩn gì [nghĩ rằng]: "[Vj này là] akẻ bi luyến ái\ hoặc là 'kẻ bị sân hận\ hoặc là 'kẻ bị si mê9, hoặc là 'kẻ bị trói buộc\ hoặc là 'kẻ bị bám víu', hoặc là 'kẻ bị tán loạn\ hoặc là 'kẻ không dứt khoát hoặc là 'kẻ cứng c6i'"? [Đối với vị ấy], các pháp tạo tác ấy là đã được dứt bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các pháp tạo tác, thì bởi điều gì có thể sắp đặt về cảnh giới tái sanh [của vi ấy rằng]: "[Vị này sẽ trở thành] 'người địa ngục\ hoặc là 'loài thú\ hoặc là 'thân phận nga quỷ\ hoặc là 'loài người\ hoặc là 'thiên nhân', hoặc là 'người hữu sắc\ hoặc là 'người vô sắc\ hoặc là 'người hữu tưởng', hoặc là 'người vô tưởng', hoặc là

'người phi tưởng phi phi tưởng'" Không có nhân, không có duyên, không có lý do, mà bởi điều ấy có thể sắp đặt, có thể sắp xếp, có thể đạt đến việc sắp xếp. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ. "Bởi điều gì có thể sắp xếp vi ấy ở thế gian này đầy" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Tưởng được xếp đặt liên quan đến điều đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác ở nơi đãy, dầu la nhỏ nhoi, cũng khôriẸ có đoi với vi ấy; vỉ Bà-la-môn ấy không nắm giữ tà kiến, bởi điều gì có thể sắp xếp vỉ ấy ở thế gian này đay ?

5.8. [Các bậc A-la-hán] không sắp đặt, không chú trọng Luôn cả các pháp [tà kiến] đoi với các vỉ ấy đều không được chấp nhận. Vị Bà-la-môn không bỉ dẫn dắt đi bởi giới và phận sự, Là bậc Tự tại, đã đi đen bờ kia, không quay trở lại. [Các bậc A-la-hán] không sắp đặt, không chú trọng. Sắp đặt: Có hai sự sắp đặt: Sự sắp đặt do tham ái và sự sắp đặt do tà kiến. Điều nào là sự sắp đặt do tham ái? Cho đến vật đã được tạo lập ranh giới, đã được tạo lập biên giới, đã được tạo lập giới hạn, đã được tạo lập hạn đinh, đã thuộc sở hữu, đã chấp là của ta bởi cái gọi là tham ái rằng: Cái này là của tôi, cái ấy là của tôi, chừng này là của tôi, cho đến chừng này là của tôi; các sắc, các thinh, các hương, các vị, các xúc, các vật trải, các vật đắp, các tôi trai, tớ gái, các con dê, cừu, các con gà, heo, voi, bí), ngựa, lừa, ruộng, đất, vàng, bạc, làng mạc, thi tran, kinh thành, quốc độ, xứ sở, khu trại, nhà kho của tôi, và luôn cả toàn thê đại địa câu, đêu được chập

là của ta do tác động của tham ái, được giải rộng ra cho đến một trăm lẻ tám ái; điều này là sự sắp đặt do tham ái. Điều nào là sự sắp đặt do tà kiến? Thân kiến có hai mươi nền tảng, tà kiến có mười nền tảng, hữu biên kiến có mười nền tảng, quan điểm nào có hình thức như vậy là sự đi đến tà kiến, có sự nắm giữ của tà kiến, có sự hiểm trở của tà kiến, có sự bóp méo của tà kiến, có sự xáo động của tà kiến, có sự ràng buộc của tà kiến, là sự nắm lấy, sự chấp nhận, sự chấp chặt, sự bám víu, con đường xâu, con đường sai trái, bản thê sai trái, ngoại ậiáo, sự năm lây đường lôi trái nghịch, sự nắm lấy điều sai lệch, sự nắm lấy điều trái khuấy, sự nắm lấy điều sai trái, sự nắm lấy điều không xác đáng cho là xác đáng, cho đến sáu mươi hai tà kiến; điều này là sự sắp đặt do tà kiến. Đôi với các vị ây, sự sáp đặt do tham ái đã được dứt bỏ, sự sáp đặt do tà kiên đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự sắp đặt do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự sắp đặt do tà kiến, các vị ấy không sắp đặt, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không

làm phát sanh ra sự sắp đặt do tham ái hoặc sự sắp đặt do tà kiến. "Không sắp dặt" là như thế. Không chú trọng. Chú trọng: Có hai sự chú trọng: Chú trọng do tham ái và chú trọng do tà kiến.... (nt)... điều này là chú trọng do tham ái.... (nt).. điều này là chú trọng do tà kiến. Đối với các vị ấy, sự chú trọng do tham ái đã được dứt bỏ, sự chú trọng do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự chú trọng do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự chú trọng do tà kiến; các vi sống, chú trọng không phải là tham ái hoặc không phải là tà kiến; không có tham ái là ngọn cờ, không có tham ái là biểu hiện, không có tham ái là chủ đạo, không có tà kiến là ngọn cờ, không có tà kiến là biểu hiện, không có tà kiến là chủ đạo; các vị sống, được vây quanh không bởi tham ái hoặc không bởi tà kiến. "Không sắp dặt, không chú trong^ là như thế. Luôn cả các pháp [tà kiến] đối vói các vị ấy đều không được chấp nhận. Các pháp: Nói đến sáu mươi hai tà kiến. Đối với các vi ấy: Đối với các vi A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt ấy. Không được chấp nhận: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại" là không được chấp nhận. uThế giới là không thường còn, thế giới là có giới hạn, thế ệiới là không có giới hạn, mạng sống và thân thể là một, mạng sống và thân thể là khác, chúng sanh hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại,9 là Idiông được chấp nhận. "Luôn cả các pháp [tà kiến] đối với các vị ấy đều không được chấp nhan" là như thế. Vi Bà-la-môn không bi dẫn dắt đi bởi giới và phận sự. Không: Là sự phủ định. Bà-la-môn: Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ bảy pháp: ... (nt)... Không nương nhờ, tự tại, vị ấy được gọi là Bà-la-môn. Vi Bà-la-môn không bị dẫn dắt đi bỏi giói và phận sự: Vị Bà-la-môn không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi giói, hoặc bởi phận sự, hoặc bởi giới và phận sự. "Vi Bà-la-môn không bị dẫn dắt đi bởi giới và phận sự" là như thế. Là bậc Tự tại, đã đi đến bờ kia, không quay trở lại. Bờ kia: Nói đến bất tử, Niết-bàn, là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Vị ấy

đã đi đến bờ kia, đã đạt đến bờ kia, đã đi đến điểm

r r 7 r r ỉ cuôi, đã đạt đên diêm cu6i, đã đi đên đỉnh, đã đạt đên đỉnh [có sự giảng rộng], việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy. "Dãi đi đến bơ kia" là như thế. Không quay trử lại: Các ô nhiễm nào được dứt bỏ do đạo Nhập lưu, vị ấy không đi đến nữa, không quay trở lại, không quay về lại các ô nhiễm ấy. Các ô nhiễm nào được dứt bỏ do đạo Nhất lai, vị ấy không đi đến nữa, không quay trở lại, không quay về lại các ô nhiễm ấy. Các ô nhiễm nào được dứt bỏ do đạo Bất lai, vị ấy không đi đến nữa, không quay trở lại, không quay về lại các ô nhiễm ấy. Các ô nhiễm nào được dứt bỏ do đạo A-la-hán, vị ấy không đi đến nữa, không quay trở lại, không quay về lại các ô nhiễm ấy. "Đã đi đến bờ kia, không quay trở l@i“ là như thế. Bậc Tự tại: Bậc A-la-hán tự tại với năm biểu hiện: Tự tại về đối tượng ước muốn và không ước muốn, tự tại với ý nghĩa "đã từ tự tại với ý nghía "đã vượt qua", tự tại với ý nghĩa uđã giải thoaf\ tự tại với việc diễn giải điêu ấy. Bậc A-la-hán tự tại về đối tượng ước muốn và không ước muốn nệhĩa là thế nào? Bậc A-la-hán là tự tại về lợi lộc, tự tại về không lợi lộc, tự tại ve danh vọng, tự tại về không danh vọng, tự tại về lời khen, tự tại về lời chê, tự tại về hạnh phúc, tự tại về khổ đau; nếu người ta thoa một cánh tay với dầu thơm, nếu người ta đẽo một cánh tay với cái rìu, thì không có sự luyến ái về việc ấy, không có sự bất bình về việc ấy; vị đã lìa bỏ sự ưa chuộng và bất binh, đã vượt qua khỏi sự hưng phấn và chán nản, đã vượt qua hẳn sự chiều chuộng và chống đối; bậc A-la-hán tự tại về đối tượng ước muốn và không ước muôn nghĩa là như vậy. Bậc A-la-hán tự tại với ý nghĩa "đã từ b" nghĩa là thế nào? Đối với bậc A-la-hán, sự luyến ái đã được từ bỏ? đã được tẩy trừ, đã được giải thoát, đã được dứt bỏ, đã được buông bỏ; sự sân hận, si mê, giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bon xẻn, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện đã được từ bỏ, đã được tẩy trừ, đã được giải thoát, đã được dứt bỏ, đã được buông bỏ; bậc A-la-hán tự tại với ý nghĩa uđã từ bỏ" nghĩa la như vậy. Bậc A-la-hán tự tại với ý nghĩa C6đã vượt qua" nghĩa là thế nào? Bậc A-la- hán đã vượt ạua dòng lũ [ngũ] dục, đã vượt qua dòng lũ của hữu, đã vượt qua dòng lũ tà kiên, đã vượt qua dòng lũ vô minh, đã vượt qua mọi nẻo đường luân hồi, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành, việc sanh tử luân hoi, việc sanh ra lần nữa không có đoi với vị ấy; bậc A-la-hán tự tại với ý nghĩa uđã vượt qua" nghĩa là như vậy. Bậc A-la-hán tự tại với ý nghĩa 66đã giải thoát" nghĩa là thế nào? Đối với bậc A-la-hán, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi sự luyến ái; tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi sự sân

hận; tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi sự si mê; tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi sự giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bon xẻn, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam

mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự D ,• . y7 • -t • • J ĩ lo lăng, mọi sự bực bội? mọi sự nóng nảy, tát cả các pháp tạo tác bát thiện; bậc A-la-hán tự tại vơi ý nghĩa "đá giải thoat59 nghĩa là như vậy. Bậc A-la-hán tự tại với việc diễn giải điều ấy nghĩa là thế nào? Bậc A-la- hán, khi giới hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: "Ta có gi°i"; khi tín hiện diện, tự tại với việc diễn ẹiải điều ấy rằng "Ta có tín"; khi tấn hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều áy rằng: "Ta có tấn"; khi niệm hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: "Ta có niêm"; khi định hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: “Ta được định tinh”; khi tuệ hiện diện, tự tại với việc diễn ^iải điều ấy rằng: "Ta có tue” khi minh hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều áy rằng: "Ta có ba minh,,; khi thắng trí hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: “Ta có sáu thắng trí"; bậc A-la-hán tự tại với việc diễn giải điều ấy nghĩa là như vậy. “Là bậc Tự tại, đã đi đến bờ kia, không quay trở lại" là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng: ác bậc A-la-hán] không sắp đặt, không chú trọng Luôn cả các pháp [tà kiến] đoi với các vi ấy đều không được chấp nhận. Vị Bà-la-môn không bir dân dát đi bởi giới và phận * sự, : Là bậc Tự tại, đã đi đên bờ kia, không quay trở lạu " 6'Diễn giải kỉnh nhóm tám về tối thắng” - Phần thứ năm.

100 KINH TIỂU Bộ

6. DIỄN GIẢI KINH VÈ Sự GIÀ ỰARÂSUTTANIDDESÒ)

Giờ phần "Diễn giải kinh về sự già" được nói đến: 6.1. Quả thật, mạng sông này là ngăn ngủi, Thậm chí kém hơn trăm tuổi cũng chết rồù Nêu người nào vượt qua [hạn tuôi ẩy] vân còn sông, Người ấy rồi cũng chết vì già. Quả thật, mạng sống này là ngắn ngủi. Mạng sống: Là tuổi thọ? sự tồn tại, sự di chuyển, sự làm cho di chuyển, sự thay đổi oai nghi, sự vận hành, sự hộ trì, mạng sống, mạng quyền. Và hơn nữa, mạng sống là ngắn ngủi, mạng sốnệ là chút ít bởi hai lý do: Mạng sống là ngắn ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của sự ton tại, hoặc mạng sống là ngan ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của phẩm chất. Mạng sông là ngăn ngủi vì tính chát nhỏ nhoi của sự tôn tại nghĩa là thê nào? Đã sống ở sát-na tâm quá khứ thì không sống [ở hiện tại], sẽ không sống [ở vị lai]; sẽ sống ở sát-na tâm vi lai thì không sống [ở hiện tại], đã không sống [ở quá khứ]; đang sống ở sát-na tâm hiện tại thì đã không sống [ở quá khứ], sẽ không sống [ở vị lai]. 1. "'Mạng sông, bản ngã, toàn bộ hạnh phúc và khô đau được găn liên với một [sát-na] tâm; và sát-na [tâm] trôi qua một cách nhanh chóng.1 2. Ngay cả những vị thiên nhân tôn tại tám mươi bôn ngàn kiếp cũng không có trường hợp các vỉ ấy sinh tồn với hai tâm đã được kết hợp chung lại [trong cùng một sảt-na]. 9 r A r

3. Các uẩn nào của người đang chét, hoặc đang tôn tại ở thê gian này, mà đã bi diệt tận, hét thảy tát cả các uân ây là tương tự nhau, chủng đã ra di, không tiếp nổi sanh lên nữa. 4. Và các uân đã bỉ tan rã liên trước đóf các uân sẽ bi tan rã ở tương lai, đôi với các uẩn [đang] bỉ diệt tận vào khoảng giữa của chúng [ở hiện tại], không có trạng thải khác nhau ve tướng trạng, 5. Với uẩn chưa hạ sanh thì chưa được sanh ra, con người sống với uẩn hiện tại, thân này bi chết đi do sự tan rã của tâm thức, [đây là] đinh luật theo ỷ nghĩa tuyệt đổi.*

Một số trong các câu kệ ở đây được ghi nghĩa Việt dựa theo Chủ giải. (ND)

6. Nước dỉ chuyển đến các chỗ thấp như thế nào, thì con người bị thay đổi vì sự mong muốn như thế ấy. Các dòng chảy không bi đứt đoạn [của tâm] vận hành do duyên của sáu xứ. 7. Các uân không đi đên việc tôn trữ, chúng bỉ tan ra. Không có sự tích lũy của các uẩn ở tương lai. Chủng tồn tại chỉ trong khi vừa được sanh lên, tương tự như hạt cải ở đau mũi kim. 8. Và đối với các pháp đã được sanh lên, sự tan rã của chủng là ở phía trước. Các uẩn có trạng thái tiêu hoại, chúng tồn tại không bi trộn lẫn với các uẩn trước đó. 9. Chủng đi đến không được nhìn thấy; bi tan rã, chúng ra đi không được nhìn thấy. Chúng sanh lên và diệt đi tựa như sự xuất hiện của tỉa chớp ở không trung.fĩ Mạng sống là ngắn ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của sự tồn tại nghĩa là như vậy. Mạng sống là ngắn ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của phẩm chất nghĩa là thế nào? Mạng sông được găn liên với hơi thở ra, mạng sông được găn liên với hơi thở vào, mạng sống được gắn liền với hơi thở ra và hơi thở vào, mạng sống được găn liên với bôn yêu tô chính [đát, nước, lửa, gió], mạng sông được găn liền với vật thực ăn uống, mạng sống được gắn liền với hơi nóng, mạng sống được gắn liền với thức. Nguồn gốc của các pháp này là yếu ớt, nhân quá khứ của các pháp này cũng là yêu ớt, các pháp nào là duyên các pháp ây cũng là yêu ớt, pháp nào là nguồn sanh khởi pháp ấy cũng là yếu ớt, các pháp cùng hiện hữu của các pháp này cũng là yếu ớt, các pháp kết hợp với các pháp này cũng là yếu ớt, các pháp đồng sanh của các pháp này cũng là yếu ớt, pháp nào chỉ huy thì pháp ấy cũng là yếu ớt, các pháp này luôn yếu ớt giống như nhau, các pháp này không trụ lại cùng với nhau, các pháp này tiêu hoại giống như nhau, không có sự bảo vệ giữa chúng với nhau, các pháp này cũng không củng cố lẫn nhau. Pháp nào sản sinh ra [pháp khác] thì nó không còn hiện hữu. 10. i(Va không có cái nào bi loại trừ bởi cái nào, bởi vì toàn bộ những cải này đều đạt đen sự tan rã. Do những cải trước mà những cái này được tạo ra, những cải là nguôn phát sanh trước đó roi cũng bỉ chét đi, thậm chí những cải trước và luôn cả những cải sau không bao giờ nhìn thấy lẫn nhau. " Mạng sống là ngắn ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của phẩm chất nghĩa là như vậy. Và hơn nữa, so sánh với mạng sống của chư thiên cõi Tứ Đại Thiên Vương thì loài người có mạng sống ngắn ngủi, có mạng sống nhỏ nhoi, có mạng sống chút ít, có mạng sông chớp nhoáng, có mạng sông mau lẹ, có mạng sông chóng qua, có mạng sống không lâu dài, có mạng sống không tồn lại lâu. So sánh với mạng sống của chư thiên cõi Đạo-lợi... (nt)... của chư thiên cõi Dạ-ma... (nt).. của chư thiên cõi Đâu-suất... (nt)... của chư thiên cõi Hóa Lạc... (nt)... của chư thiên cõi Tha Hóa Tự Tại... (nt)... của chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên thì loai ngươi co mạng song ngan ngủi, co mạng song nho nhoi, co mạng

Sống chút ít, có mạng sống chớp nhoáng, có mạng sống mau lẹ, có mạng sống chóng qua, có mạng sống không lâu dài, có mạng sống không tồn lại lâu. Và điều này cung đã được đúc Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khưu, tuổi thọ này của loài người là ngắn ngủi, kiếp sau rồi sẽ được đi đến, nên làm cho giác ngộ nhờ vào trí tuệ, nên làm việc thiện, nên thực hành Phạm hạnh, đã được sanh ra không có việc không chết. Này các

Tỳ-khưu, người nào sông lâu, người ây sông một trăm năm, ít hơn hoặc nhiêu hơn. 11. Tuổi thọ của loài người là ngăn ngủi, bậc thiện nhân nên xem thường nó, nên thực hành tựa như người có cải đâu đã bi cháy rực, việc không xảy đên cái chết là không có. 12. Ngày và đêm trôi qua, mạng sông bị hoại diệt, tuôi thọ của loài người bi cạn kiệt, tựa như nước của những con rạch nhỏ." "Quả thật, mạng sống này là ngắn ngủi,, là như thế. Thậm chí kém hơn trăm tuổi cũng chết rồi: Có người từ trần, chết đi, quá vãng, lìa đời ở giai đoạn thai một tuần tuổi; từ trần, chết di, quá vãng, lìa đời ở giai đoạn thai hai tuần tuổi; từ trần, chết di, quá vãng, lìa đời ở giai đoạn thai ba tuần tuổi; từ trần, chết di, quá vãng, lìa đời ở giai đoạn thai bốn tuần tuổi; từ trần, chết di, quá vãng, lìa đời ở giai đoạn thai hai tháng tuổi; từ trần, chết di, quá vãng, lìa đời ngay khi vừa được sanh ra; từ trần, chết đi, quá vãng, lìa đời ở tại nhà bảo sanh; từ trần, chết di, quá vãng, lìa đời lúc nửa tháng tuổi; từ trần, chét di, quá vãng, lìa đời lúc một tháng tuôi; từ trân, chét đi, quá vãng, lìa đời lúc hai tháng tuổi, lúc ba tháng tuổi, lúc bốn tháng tuổi, lúc năm tháng tuổi; từ trần, chết đi, quá vãng, lìa đời lúc sáu tháng tuổi, lúc bảy tháng tuổi, lúc tám tháng tuổi, lúc chín tháng tuổi, lúc mười tháng tuổi, lúc tròn một năm; từ trần, chết di, quá vãng, lìa đời lúc hai năm, lúc ba năm, lúc bốn năm, lúc năm năm, lúc sáu năm, lúc bảy năm, lúc tám năm, lúc chín năm, lúc mười năm, lúc hai mươi năm, lúc ba mươi năm, lúc bốn mươi năm, lúc năm mươi năm, lúc sáu mươi năm, lúc bảy mươi năm, lúc tám mươi năm, lúc chín mươi năm. "Thậm chí kém hơn trăm tuổi cũng chết r8i" là như thế. Nếu người nào vượt qua [hạn tuổi ấy] vẫn còn sống: Người nào còn sống sau khi vượt qua một trăm tuôi, người ây hoặc là sông thêm một năm, hoặc sông thêm hai năm, hoặc sống thêm ba năm, hoặc sống thêm bốn năm, hoặc sống thêm năm năm, hoặc sông thêm mười năm, hoặc sông thêm hai mươi năm, hoặc sống thêm ba mươi năm, hoặc sống thêm bốn mươi năm. “Nếu người nào vượt qua [hạn tuổi ấy] vẫn còn s6ng" là như thế. Người ấy rồi cũng chết vì già: Vào lúc già yếu, lớn tuổi, trưởng thượng, đã trải qua cuộc đời, đã đạt đến tuổi thọ, răng rụng, tóc bạc, lua thưa, đầu sói, nhăn nheo, thân thể điểm đồi mồi, limg còng, lọm khọm, chống gậy; người ấy từ trần, chết di, quá vãng, lìa đời cũng vì tuổi già, không có việc thoát khỏi sự chết.

ĐẠI DIỄN GIẢI 103

13. Giông như nôi sợ hãi vê sự rơi rụng vào buổi sảng của những trái cây đã chín, nôi sợ hãi thường xuyên vê sự chét của những con người đã được sanh ra là như vậy. 14. Cũng giống như bát đĩa bằng đất sét đã được làm ra bởi người thợ gốm, /í Ả 1\ Ắ Ả Ỷ 1 \ y 1y tát cả có sự bê vỡ là chặng cuôi, mạng sông của loài người là như vậy, 15. Những ai ngu sỉ và những ai sáng suốt, các trẻ con và những người lớnf tất cả đều sa vào quyền lực của thần chết, tất cả đều cỏ sự chết là nơi cuối cùng. 16. với những người ấy, đã bị chế ngự bởi thần chết và đang đi đến thế giới khác, người cha khống the bảo vệ con trai, hoặc ngay cả thân nhân không thê bảo vệ các quyên thuộc. 17. Hãy xem, trong sô các thân quyên thật sự đang nhìn, đang than khóc thê thảm, và từng người một trong sô loài người bỉ đưa đi, ví như loài bò là đê giêt thịt; thế gian bị hành hạ như vậy bởi cái chết và sự già. "Người ấy rồi cũng chết vì già" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: ^Qụả thật, mạng song này là ngan ngủi, Thậm chỉ kém hơn trăm tuổi cũng chết rồi. Nêu người nào vượt qua [hạn tuổi áy] vân còn sông, Người ấy rồi cũng chết vì già."

6.2. Loài người sầu muộn về vật đã được chấp là của taf Bởi vì các sự sở hữu được trường ton là không có, Sự chia lìa này thát sự đang hiện diện, Sau khi nhìn thấy như thế thì không nên sống đời tại gia. Loài người sầu muộn về vật đã được chấp là của ta. Loài người: Là các Sát-đế-lỵ, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người. Trạng thái chấp là của ta: Có hai trạng thái chấp là của ta: Trạng thái chấp là của ta do tham ái và trạng thái chấp là của ta do tà kiến.... (nt)... điều này là trạng thái châp là của ta do tham ái. ... (nt).. điêu này là trạng thái châp là của ta do tà kiến. Có sự lo âu về việc chiếm đoạt vật đã được chấp là của ta nên họ sầu muộn, trong khi đang bi chiếm đoạt họ cũn^ sầu muộn, khi đã bị chiếm đoạt họ cũng sầu muộn. Có sự lo âu về việc biến đôi của vật đã được chấp là của ta nên họ sầu muộn; trong khi vật đang biến đổi, họ cũng sầu muộn; khi vật đã bị biến đổi, họ cũng sầu muộn, mệt mỏi, than vãn, đấm ngực khóc lóc, đi đến sự mê muội. "Loài người sầu muộn về vật đã được chấp là của ta" là như thế. Bởi vì các sự sở hữu được trường tồn là không có. Các sự sở hữu: Có hai sự sở hữu: Sự sở hữu do tham ái và sự sở hữu do tà

kiên. ... (nt)... điêu này là sở hữu do tham ái.... (nt)... điêu này là sở hữu do tà kiến. Sự sở hữu do tham ái là không thường còn, bị tạo tác, được sanh lên thuận theo điều kiện, có sự hoại, có sự diệt, có sự suy giảm, có sự chấm dứt, có sự biến đổi. Sự sở hữu do tà kiến là không thường còn, bị tạo tác, được sanh lên thuận theo điều kiện, có sự hoại, có sự diệt, có sự suy giảm, có sự chấm dứt, có sự biến đổi. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, các ngươi có thấy sự sở hữu nào là thường còn, bền vững, trường tồn, không có sự biến đổi, sẽ tồn tại y như thế một cách vĩnh viễn?^ "Bạch Ngài, điều ấy không diing." "Này các Tỳ-khiru, tốt lắm! Này các Tỳ-khưu, Ta cũng không nhìn thấy sự sở hữu nào là thường còn, bên vững, trường tôn5 không có sự biên đôi, sẽ tôn tại y như the một cách vĩnh viễn.,, Các sự sở hữu thường còn, bên vững, trường tôn, không có sự biên đôi là không c6, không hiện hữu, không tìm thay, không tồn tại. uBởi vì các sự sở hữu được trường tồn là không c6" là như thế. Sự chia lìa này thật sự đang hiện diện: Trong khi bản tánh thay đổi, bản tánh chia lìa, bản tánh đoi khác đang hiện hữu, đang được tìm thấy, đang được tồn tại. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này Ānanda, thôi đi! Chớ sầu muộn, chớ than vãn. Này Ānanda, chẳng phải điều này đã được Ta nói ngay từ trước rằng: 'Với tất cả các vật đáng yêu đáng mến, thì đều có bản tánh thay đổi, bản tánh chia lìa, bản tánh đổi khác9? Này Ānanda, ở đây làm sao có thể đạt được sự kiện ấy? Là sự kiện vật được sanh ra, được hiện hữu, bị tạo tác, có pháp tiêu hoại, nhưng mà vật ấy chớ có tiêu hoại, sự kiện này không được biết đến." Do bản tánh biến hoại và đổi khác của các uẩn, của các giới, của các xứ ngay trước đây mà các uẩn, các giới và các xứ kế liền đó vận hành. "Sự chia lìa này thật sự đang hiện diện,^ là như thế. Sau khi nhìn thấy như thế thì không nên sống đời tại gia. Như thế: Từ W' này gọi là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn. Sau khi nhìn thấy như thế: Sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt về các trạng thái chấp là của ta. "Sau khi nhìn

thấy như thế" là như thế. Không nên sống đời tại gia: Sau khi cắt đứt mọi sự vướng bận của đời sống tại gia; sau khi cắt đứt sự vướng bận về vợ con; sau khi cắt đứt sự vướng bận về thân quyến; sau khi cắt đứt sự vướng bận về bạn bè và thân hữu; sau khi cắt đứt sự vướng bận về việc tích trữ; sau khi cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa, rời nhà xuất gia sống không nhà; sau khi đi đến trạng thái không

CÓ gì, một mình sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng. "Không nên sống dơi tại gi là như thể. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Loài người sâu muộn vê vật đã được châp là của ta, Bởi vì các sự sở hữu được trường tôn là không có, Sự chia lìa này thật sự đang hiện diện, Sau khỉ nhìn thây như thê thì không nên sông đời tại gia."

6.3. Cái nào mà người suy nghĩ rằng: "Cái này là của tôi Cái ây bị dứt bỏ cũrĩệ bởi sự chét. Sau khi nhìn thấy điều này, vị sáng suốt, Là người [đệ tử] thành tin, không nên thiên ve trạng thải chấp là của ta. Cái ấy bị dứt bỏ cũng bởi sự chết. Sự chết: Là sự quá vãng, trạng thái hủy diệt, sự tan rã, sự biến mất, sự tử vong, sự chết, sự qua đời, sự tan rã của các uẩn, sự quăng bỏ thân xác, sự bẻ gãy mạng quyền khỏi từng chủng loại này khác của các chúng sanh này khác. Cái ấy: Liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức. Bi dứt bỏ: Bi dứt bỏ là bi từ bỏ, bị lìa bỏ, bị biến mất, bị tiêu hoại. Bởi vì, điều này cũng đã được nói đến: 1. Các của cải rời bỏ con người trước [của cải bỉ mất mát lúc còn song], Hoặc con người lìa bỏ các của cải trước [chết không đem theo của cải]. Này kẻ mong muốn ngũ dục, các của cải không được trường tồn, Vì thế, Ta không sầu muộn ở thời điểm của sầu muộn. 2. Mặt trăng mọc lên, tròn dần rồi lại khuyết. Mặt: trời sau khi lặn xuốngr thì biên mát. r Này Sattuka, các pháp thê gian đã được Ta nhận biêt; Vỉ thê, Ta không sâu muộn ở thời diêm của sâu muộn. “Cái ấy bi dứt bỏ cũng bởi sự chết" là như thế. Cái nào mà người suy nghĩ rằng: uCái này là của t6i.” Cái nào: Liên quan đên sác, liên quan đên thọ, liên quan đên tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức. Người: Là sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả, tên gọi, sự đặt tên, sự định danh, từ mô tả, tên hiệu, từ kêu gọi. Suy nghĩ rằng: é4Cái này là của tôi.55 Là suy nghĩ với sự suy nghĩ bởi tham ái, suy nghĩ với sự suy nghĩ bởi tà kiến, suy nghĩ với sự suy nghĩ bởi ngã mạn, suy nghĩ với sự suy nghĩ bởi ô nhiễm, suy nghĩ với sự suy nghĩ bởi

2 Bổn sanh t4Bông tai ngọc mani" (Manikundalajātakani), số 351, TTP v, tập 32, trang 207, câu kệ 709, 710. (ND) -

uê hạnh, suy nghĩ với sự suy nghĩ bởi thực dụng, suy nghĩ với sự suy nghĩ bởi kết quả. "Cái nào mà người suy nghĩ răng: 'Cái này là của là như thê. Sau khi nhìn thấy điều này, vi sáng suốt: Sau khi nhận biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác đinh, sau khi minh đinh, sau khi làm rõ rệt điều bất lợi này ở các trạng thái chấp là của ta. “Sau khi nhìn thấy điều này" là như thế. Vi sáng suốt: Là người sáng trí, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ? có sự thông minh. "Sau khi nhìn thấy điều này, vị sáng

su6t" là như thế. Là người thành tín, không nên thiên về trạng thái chấp là của ta. Trạng thái chấp là của ta: Có hai trạng thái chấp là của ta: Trạng thái chấp là của ta do tham ái và trạng thái chấp là của ta do tà kiến.... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tham ái.... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tà kiên. Là người thành tín: Người thành tín là người thành tín với đức Phật, người thành tín với giáo pháp, người thành tín với Tăngệ chúng; người ấy thành tín với đức Thế Tôn áy, đúc Thế Tôn thừa nhận người áy. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, những vị Tỳ-khiru nào là gạt gẫm, ương ngạnh, nói nhiều, lừa đảo, khoác lác, không định tinh, này các Tỳ-khưu, đối với Ta, các vị Tỳ-khiru ấy không phải là những người đệ tử thành tín. Và này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khiru ấy là đã lìa khỏi Pháp và Luật này; hơn nữa, các vị Tỳ-khưu ấy không đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Và này các Tỳ-khưu, những vị Tỳ-khiru nào là không gạt gẫm, không nói nhiều, thông minh, không ương ngạnh, khéo định tinh, này các Tỳ-khưu, đối với Ta, các vị Tỳ-khưu ấy là những người đệ tử thành tín. Và này các Tỳ-khưu9 các vị Tỳ-khưu ấy là không lìa khỏi Pháp và Luật này; các vị Tỳ-khưu ây đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này." ~ Ạ 3. “Những kẻ gạt gâm, ương ngạnh, nói nhiêu, lừa đảo, khoác lác, không định tinh, những người ấy không tiến triến trong giáo pháp đã được đang Chánh Đang Giác chỉ bảo. 4. Các vi không gạt gâm, không nói nhiêu, sáng trí, không ương ngạnh, khéo định tĩnh, thật vây các vị ây tiên triền trong giảo pháp đã được đang Chảnh Đẳng Giác chỉ bảo." Là ngươi [đệ tử] thành tín, không nên thiên về trạng thái chấp là của ta: Người [đệ tử] thành tín sau khi dứt bỏ trạng thái chấp là của ta do tham ái, sau khi buông bỏ trạng thái chấp là của ta do tà kiến, không nên thiên về, không nên nghiêng xuống, không nên nghiêng theo nó, không chiều theo nó, không xuôi theo nó, không hướng đến nó, không xem nó là chủ đạo.

ĐẠI DIỄN GIẢI 107

"Là người [đệ tử] thành tín, không nên thiên về trạng thái chấp là của ta" là như th£ Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: “Cái nào mà người suy nghĩ rang: 'Cái này là của tôV, Cải ấy bị dứt bỏ cũng bởi sự chết. Sau khỉ nhìn thấy điều này, Vỉ sáng suốt, Là người [đệ tử] thành tín, không nên thiên về trạng thải chấp là của ta."

6.4. Cũng giôngr như sự việc đã được gặp gỡ r qua giác chiêm bao, Khi thức giác, người không còn nhìn thây, Tương tự như vậy, với người được yêu men Đã từ trân, đã qua đời, thì không nhìn thây nữa. Cũng giống như sự việc đã được gặp gỡ qua giấc chiêm bao: Sự việc đã được gặp gỡ, đã được hợp lại, đã được tập trung, đã được tụ hội. “Cũng giống như sự việc đã được gặp gỡ qua giấc chiêm bao" là như thế. Khi thức giấc, người không còn nhìn thấy: Giống như người ở trong giấc chiêm bao nhìn thấy mặt trăng, nhìn thấy mặt trời, nhìn thấy đại dương, nhìn thấy núi chúa Sineru, nhìn thấy voi, nhìn thấy ngựa, nhìn thấy cỗ xe, nhìn thấy người lính, nhìn thấy đoàn quân, nhìn thấy khu vườn đáng yêu, nhìn thấy cánh rừng đáng yêu, nhìn thấy vùng đất đáng yêu, nhìn thấy hồ nước đáng yêu; khi thức giấc thì không còn nhìn ứiấy bất cư thứ gì. "Khi thức giấc, người không còn nhìn thấy" là như thế. Tương tự như vậy, với người được yêu

mến. Tương tự như vậy: Là phương thức của sự so sánh. Vái người được yêu mến: Với người được yêu mến, đã được chấp là của ta, là mẹ, hoặc cha, hoặc anh [em] trai, hoặc chị [em] gái, hoặc con trai, hoặc con gái, hoặc bạn bè, hoặc thân hữu, hoặc thân quyến và những người cùng huyết thống. "Tương tự như vậy, với người được yêu mến,, là như thế. Đã từ trần, đã qua dời, thì không nhìn thấy nữa: Đã từ trần nói đến đã chết, đã qua đời, với người đã từ trần ấy thì không nhìn thấy nữa, không trông thấy nữa, không đạt đến nữa, không tìm thấy nữa, không đạt được nữa. "Đã từ trần, đã qua đời, thì không nhìn thấy nua95 là như thế. VÌ thê, đức The Ton đã noi răng: ^Cũng giông như sự việc đã được gặp gỡ qua giác chiêm bao, Khi thức giấc, người không còn nhìn thay, Tương tự như vây, với người được yêu mến Đã từ trân, đã qua đời, thì không nhìn thây nữa."

6.5. Những người ây dâu đã được thây, dâu đã được nghe, Đe cập đen họ, tên gọi này được nói ra. Chỉ moi tên gọi sẽ còn ở lại, Sẽ được nhác đến đoi với người đã từ tran. Những người ấy dầu đã được thấy, dầu đã được nghe. Đã được thấy: Những gì được hình thành nhờ vào nhãn thức. Đã được nghe: Những gì được hình thành nhờ vào nhĩ thức. Những người ấy: Là các Sát-đế-lỵ, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ? các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người. "Những người ấy dầu đã được thấy, dầu đã được nghe" là như thế. Đe cập đến họ, tên gọi này được nói ra. Đe cập đến họ: Đe cập đến các Sát-đế-lỵ, đề cập đến các Bà-la-môn? đề cập đến các thương buôn, đề cập đến các nô lệ, đề cập đến các người tại gia, đề cập đến các vị xuất gia, đề cập đến chư thiên, đề cập đến loài người. Tên gọi: Là sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả, tên gọi, sự đặt tên, sự đinh danh, từ mô tả, tên hiệu, từ kêu gọi. Được nói ra: Được gọi là9 được nói ra, được thuyết giảng, được phát ngôn, được giảng giải, được diễn tả. "Đề cập đến họ, tên gọi này được nói ra" là như thế. Chỉ mỗi tên gọi sẽ còn ờ lại, sẽ được nhắc đến: Cái liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức [đã được sanh lên đều] bị dứt bỏ, bị từ bỏ, bị rời bỏ, bị biến mất, bị tiêu hoại. "Chi mỗi tên gọi sẽ còn ở iại" là như thế. Sẽ được nhắc đến: Đe nhắc đến, để thuyết, để phát ngôn, để giảng giải, để diễn tả. “Chí mỗi tên gọi sẽ còn ở lại, sẽ được nhắc đến" là như thế. Đối với người đã từ trần. Đã từ trần: Đã từ trần là đã qua đời. Đôi với người: Là đôi với chúng sanh, đôi với đàn 6ng, đôi với thanh niên, đối với người nam, đối với cá nhân, đối với mạng sống, đoi với người còn sanh tử, đối với con người, đối với người đi theo nghiệp, đối với sinh vật, đối với nhân loại. "Sẽ được nhắc đến đối với người đã từ trần" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: “Những người ấy dầu đã được thay, dầu đã được nghe, Đê cập đên họ, tên gọi này được nói ra. Chỉ moi tên gọi sẽ còn ở lại, Sẽ được nhác đên đôi với người đã từ trân.

6.6. Những người bi thèm khát ở vật đã được chấp là của ta, không từ bỏ sâu muộn, than vãn và bon xẻn. Do đó, các bậc Hiền trí, với việc nhìn thấy sự an toàn, sau khi từ bỏ sự sở hữu, đã du hành. Những người bi thèm khát ờ vật đã được chấp là của ta không từ bỏ sầu muộn, than vãn và bon xẻn. Sâu muộn: Sâu muộn là sự buôn râu, trạng thái buôn râu, sự sâu muộn ở nội tâm, sự buồn thảm ở nội tâm, sự nóng nảy ở

nội tâm, sự bực tức ở nội tâm, nỗi ưu phiền do trạng thái bực bội của tâm, mũi tên sầu muộn của người bị tác động bởi sự tổn hại về thân quyến, bị tác động bởi sự tổn hại về của cải, bị tác động bởi sự tổn hại vì bệnh tật, bị tác động bởi sự suy giảm về giới hạnh, bị tác động bởi sự suy giảm về kiến thức, bị gặp phải sự rủi ro này hoặc sự rủi ro khác, hoặc bị tác động bởi sự khổ này hoặc sự khổ khác. Than vãn: Sự than van, sự than trách, sự than thở, sự than vãn, trạng thái than van, trạng thái than trách, lời nói, nói lảm nhảm, nói huyên thuyên, nói kể lể, lối nói kể le, trạng thái nói kể lể của người bị tác động bởi sự tổn hại về thân quyên, bị tác động bởi sự tôn hại vê của cải, bị tác động bởi sự tôn hại vì bệnh tật, bị tác động bởi sự suy giảm về giới hạnh, bi tác động bởi sự suy giảm về kiến thức, bi gặp phải sự rủi ro này hoặc sự rủi ro khác, hoặc bi tác động bởi sự khổ này hoặc sự khổ khác. Bon xẻn: Có năm sự bon xẻn: Bon xẻn về chỗ ở, bon xẻn về gia tộc, bon • *5 ĩ y J •r Xẻn vê lợi lộc, bon xẻn vê danh tiêng, bon xẻn vê pháp; bon xẻn nào có hình thức như vậy là biểu hiện của bon xẻn, trạng thái của bon xẻn, sự hám lợi, keo kiệt, tính chất bủn xỉn, trạng thái bị nắm giữ của tâm; điều này được gọi là bon xẻn. Còn nữa, bon xẻn về uẩn cũng là bon xẻn, bon xẻn về giới cũng là bon xẻn, bon xẻn về xứ cũng là bon xẻn, sự nắm lấy; điều này được gọi là bon xẻn. Thèm khát: Nói đên tham ải, tức là sự luyên ái, luyên ái mãnh liệt,... (nt).. tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Trạng thái chấp là của ta: Có hai trạng thái chấp là của ta: Trạng thái chấp là của ta do tham ái và trạng thái chấp là của ta do tà kiến.... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tham ái.... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tà kiến. Có sự lo âu về việc chiếm đoạt vật đã được chấp là của ta nên họ sau muộn, trong khi đang bị chiếm đoạt họ cũng sau muộn, khi đã bi chiếm đoạt họ cũng sầu muộn. Có sự lo âu về việc biến đổi của vật đã được chấp là của ta nên họ sầu muộn, trong khi vật đang bị biến đôi họ cũng sầu muộn, [khi vật đã bi biến đôi họ cũng sâu muộn.] Có sự lo âu vê việc chiêm đoạt vật đã được chấp là của ta nên họ than vãn, trong khi đang bị chiếm đoạt họ cũng than vãn, khi đã bị chiếm đoạt họ cũng than vãn. Có sự lo âu về việc biến đổi của vật đã được châp là của ta nên họ than vãn, trong khi vật đang bị biên đôi họ cũng than vãn, khi vật đã bi biến đổi họ cũng than vãn. Họ bảo vệ, gìn giữ, bám giữ, sở hữu, bon xẻn vật đã được chấp là của ta. Họ [sau muộn] không từ bỏ sự sầu muộn liên quan đen vật đã được chấp là của ta, không từ bỏ sự than vãn, không từ bỏ

Sự bổn Xẻn, không từ bỏ sự thèm khát, không dứt bỏ, không xua di, không làm chấm dứt, không làm cho không còn hiện hữu. "Những người bi thèm khát ở vật đã được chấp là của ta không từ bỏ sầu muộn, than vãn và bon xẻn,5 là như the. Do đó, các bậc Hiền trí, với việc nhìn thấy sự an toàn, sau khi từ bỏ sự sở hữu, đã du hanh. Do đó: Do đó là bởi lý do áy, bởi nhân áy, bởi duyên áy, bởi căn nguyên áy, trong khi nhìn thấy điều bất lợi này ở các trạng thái chấp là của ta. "Do d6" là như thế. Các bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí, tức là tuệ, sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiên; được thành tựu với trí ay5 các bậc Hiền trí đạt đến bản thể hiền trí. Ba hiền trí hạnh: Hiền trí hạnh về thân, hiền trí hạnh về khẩu, hiền trí hạnh về ý... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến]; vị ấy là Hiền trí. Sự sở hữu: Có hai sự sở hữu: Sự sở hữu do tham ái và sự sở hữu do tà kiến. ... (nt)... điêu

này là sở hữu do tham ái.... (nt)... điêu này là sở hữu do tà kiên. Sau khi từ bỏ hoàn toàn sự sở hữu do tham ái, sau khi buông bỏ sự sở hữu do tà kiến, sau khi từ bỏ, sau khi từ bỏ hoàntoàn, sau khi dứt bỏ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm chokhông còn hiện hữu; cácbậc Hiền trí đã sống, đã cư XÍT, đã sinh hoạt, đã vận hành, đã bảo hộ, đã hộ trì, đã bảo dưỡng. Với việc nhìn thấy sự an toàn. ỉ r z r Sự an toàn: Nói đên bát tử, Niêt-bàn, là sự yên lặng của tát cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Vói việc nhìn thấy sự an toàn: Nhìn thấy sự an toàn là nhìn thấy nơi nương náu, nhìn thấy nơi trú ẩn, nhìn thấy nơi nương nhờ, nhìn thấy nơi không sợ hãi, nhìn thấy bất hoại, nhìn thấy bất tò, nhìn thấy Niet-ban. "Do đó, các bậc Hiền trí, với việc nhìn thấy sự an toàn, sau khi từ bỏ sự sở hữu, đã du hanh,9 là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: r \ “Những người bị thèm khát ở vật đã được chap là của taf không từ bỏ sâu muộn, than vãn và bon xẻn. Do đó, các bậc Hiên trí, với việc nhìn thây sự an toàn, sau khỉ từ bỏ sự sở hữu, đã du hành.

6.7. Đỏi với vị Ty-khīm có hạnh sông tách ly,
Đang thân cận chỗ ngồi tách biệt,
Các vi đã nói rang có sự hợp nhất này dành cho vi ấy,
Vi ấy sẽ không thi hiện bản thân ở cảnh giới [tái sanh nào nữa].
Đối với vi Tỳ-khưu có hạnh sống tách ly.
ĐẠI DIỄN GIẢI e 111

Có hạnh sông tách ly: Được gọi là bảy hạng Hữu học; bậc A-la-hán là bậc đã tách ly. Vì lý do gì có hạnh sống tách ly được gọi là bảy hạng Hữu học? Các vi ấy5 trong khi thâu hẹp tâm, co rút tâm, cuốn tròn lại, kiềm chế, khống chế, ngăn chặn, bảo vệ, gìn giữ tâm đối với cảnh này, cảnh khác, sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng [bản thân]. Trong khi thâu hẹp tâm, co rút tâm, cuốn tròn lại, kiềm chế, khống chế, ngăn chặn, bảo vệ, gìn giữ tâm ở nhãn môn; các vị sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng [bản thân]. Trong khi thâu hẹp tâm, co rút tâm, cuốn tròn lại, kiềm chế, khống che, ngăn chặn, bảo vệ, gìn giữ tâm ở nhĩ môn.. tâm ở tỷ môn... tâm ở thiệt môn... tâm ở thân môn... tâm ở ý môn, các vị sống, tru ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng [bản thân]. Giống như cọng lông gà, hoặc sợi dây gân, bi ném vào ngọn lửa thì bị thâu hẹp, bị co rút, bi cuốn tròn lại, không được duỗi ra; tương tự như vậy, các vị ấy, trong khi thâu hẹp tâm, co rút tâm, cuốn tròn lại, kiềm chế, khống chế, ngăn chặn, bảo vệ, gìn giữ tâm đối với cảnh này, cảnh khác, sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng [bản thân]. Trong khi thâu hẹp tâm, co rút tâm, cuốn tròn lại, kiềm chế, khống chế, ngăn chặn, bảo vệ, gìn giữ tâm ở nhãn môn... tâm ở nhĩ môn... tâm ở tỷ môn... tâm ở thiệt môn... tâm ở thân môn... tâm ở ý môn; các vị sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng [bản thân]. Vì lý do ấy, có hạnh sống tách ly được gọi là bảy hạng Hữu học. Đối với vi Tỳ-khưu: Đối với vị Tỳ-khưu phàm nhân tốt lành hoặc đối với vị Tỳ-khưu là bậL Hữu học. uĐối với vị Tỳ-khưu có hạnh sống tách ly" là như thế. Đang thân cận chỗ ngồi tách biệt. Chỗ ngồi: Nói đến nơi nào các vị ngồi xuống, là cái giường, cái ghế, nệm, thảm dan, tấm da thú,

thảm cỏ? thảm lá, thảm rơm. Chỗ ngồi ấy là trống vắng, tách biệt, tách rời với việc thấy các cảnh sắc không thích hợp; là ữống vắng, tách biệt, tách rời với việc nghe các âm thanh không thích hợp... với việc ngửi các hương không thích hợp... với việc nếm các vi không thích hợp... với việc đụng chạm các xúc không thích hợp... với năm loại dục không thích hợp; đối với vị đang thân cận, đang gần gũi, đang phục vụ, đang phục dịch, đang kề cận, đang sử dụng chỗ ngoi tách biệt ấy. "Bang thân cận chỗ ngồi tách biêt" là như thế. Các vi đã nói rằng có sự hợp nhất này dành cho vi ấy, vi ấy sẽ không thi hiện bản thân ờ cảnh giới [tái sanh nào nữa]. Sự hợp nhất: Có ba sự hợp nhất: Sự hợp nhất của nhóm, sự hợp nhất của pháp, sự hợp nhất ở việc vô sanh. Sự hợp nhát của nhóm là việc nào? Nêu nhiêu vị Tỳ-khưu sông có sự hợp nhất, thân thiện, không tranh cãi, có trạng thái như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt yêu mến; đây là sự hợp nhất của nhóm.

Sự hợp nhát của pháp là việc nào? Bôn sự thiêt lập niệm, bôn chánh cân, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần; các pháp ấy tiến vào, có niềm tin, tự thiết lập vững chắc, được giải thoát đồng nhau. Không có sự tranh cãi, sự tranh chấp giữa các pháp ấy; đây là sự hợp nhất của pháp. Sự hợp nhất ở việc vô sanh là việc nào? Nếu nhiều vi Tỳ-khưu vô dư Niet-bàn ở cảnh giới Niết-bằn không còn dư sót, không vì điều ấy mà cảnh giới Niết- bàn được xem là vơi hay đầy; đây là sự hợp nhất ở việc vô sanh. ở cảnh giới [tái sanh nào nữa]: Đối với các người ở địa ngục, địa ngục là cảnh giới; đôi với các loài thú, loài thú là cảnh giới; đối với các thân phận nga quỷ, thân phận nga quỷ là cảnh giới; đối với loài người, thế giới loài người là cảnh giới; đối với chư thiên, thế giới chư thiên là cảnh giới. Các vi đã nói rằng có sự hợp nhất này dành cho vi ấy, vi ấy sẽ không thi hiện bản thân ờ cảnh giới [tái sanh nào nữa]: Sự hợp nhát ây là dành cho vị ấy, điều này là thích đáng, điều này là phù hợp, điều này là đúng đắn, điều này là hợp lẽ; là vị khi đã thực hành như vậy thì sẽ không thị hiện bản thân ở địa ngục, sẽ không thị hiện bản thân ở loài thú, sẽ không thị hiện bản thân ở thân phận nga quỷ, sẽ không thị hiện bản thân ở thế giới loài người, sẽ không thị hiện bản thân ở thế giới chư thiên. Các vi đã nói như vậy, đã thốt ra như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy. "Các vị đã nói rằng có sự hợp nhất này dành cho vị ấy, vị ấy sẽ không thị hiện bản thân ở cảnh giai [tái sanh nào nữ]" là như thế* Vi the, đức The Ton đa noi rang:
"Đôi với vị Tỳ-khưu có hạnh sông tách ly, Đang thân cận cho ngoi tách biệt, Các vỉ đã nói rằng có sự hợp nhất này dành cho vị ấy, Vỉ ấy sẽ không thỉ hiện bản thân ở cảnh giới [tải sanh nào nữa]."

6.8. Bậc Hiên trí không nương tựa vào tát cả các nơi, Không tạo ra vật yêu mến cũng không tạo ra vật không yêu mến, Than vãn và bản xẻn không làm lấm nhơ ở vị ấyf Giong như nước không làm lam nhơ ở lá sen.3 Bậc Hiền trí không nương tựa vào tất cả các noi: Tất cả nói đến mười hai xứ: Mắt và các sắc, tai và các thinh, mũi và các hương, lưỡi và các vị, thân và các xúc, ý và các pháp. Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (ní)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là Hiền trí.

3Lỉppqti là động từ thụ động, 4tbị lấm nho." Tam tạng Miến Điện, Thái Lan, PTS hiệu đính là limpatỉ, ulàm lấm nhơ.,, Pãlỉ - English Dictionary của PTS giới thiệu nghĩa trừu tượng là "bi dính vào" và "dính vao." Trong tnrờng hợp nay, chúng tôi chọn cách hiếu đính limpati của ba bộ Tam tạng kia và ghi nghĩa Việt là "làm lấm ẤĨ1O". (NÓ)

ĐẠI DIỄN GIẢI 113

Không nương tựa: Có hai sự nương tựa: Sự nương tựa vào tham ái và sự nương tựa vào tà kiến.... (nt)... điều này là sự nương tựa vào tham ái.... (nt)... điều này là sự nương tựa vào tà kiến. Bậc Hiền trí sau khi dứt bỏ sự nương tựa vào tham ái, sau khi buông bỏ sự nương tựa vào tà kiến; không nương tựa vào mắt, không nương tựa vào tai, không nương tựa vào mũi, không nương tựa vào lưỡi, không nương tựa vào thân, không nương tựa vào ý; không nương tựa vào các sắc, các thinh, các hương, các vi, các xúc, các pháp, gia tộc, đồ chúng, chỗ ngụ, lợi lộc, danh vọng, lời khen, hạnh phúc, y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, dục giới, sắc giới, vô sắc giới, cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, cõi hữu tưởng, cõi vô tưởng, cõi phi tưởng phi phi tưởng, cõi mọt uan, cõi bon uan, CÕI nam uan, qua khư, vi lai, hiện tại, điêu đa được thay, điều đã được nghe, điều đã được cảm giác, điều đã được nhận thức; [bậc Hiền trí] không nương tựa vào tất cả các pháp, không bám vào, không đến gân, không bám chặt, không hướng đến, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bi ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Bậc Hiền trí, không nương tựa vào tất cả các noi" là như thế. Không tạo ra vật yêu mến cũng không tạo ra vật không yêu mến. Vật yêu mến: Có hai đối tượng được yêu mến: Các chúng sanh hoặc các pháp tạo tác. Những người nào là các chúng sanh được yêu mến? ở dây, đối với người nào mà những người ấy có lòng mong muốn điều tốt đẹp, có lòng mong muốn điều lợi ích, có lòng mong muốn sự thoải mái, có lòng mong muốn sự an toàn trong mối ràng buộc: Là người mẹ, hoặc người cha, hoặc anh [em] trai, hoặc chị [em] gái, hoặc con trai, hoặc con gái, hoặc các bạn bè, hoặc các thân hữu, hoặc các thân quyến, hoặc những người cùng huyết thống; những người này là các chúng sanh được yêu mến. Các pháp nào là các pháp tạo tác được yêu mên? Các sác hợp ý? các thinh hợp v, các hương hợp ý, các vị hợp ý, các xúc hợp ý; các pháp này là các pháp tạo tác được yêu mến. Vật không yêu mến: Có hai đối tượng không được yêu mến: Các chúng sanh hoặc các pháp tạo tác. Những người nào là các chúng sanh không được yêu mến? ở đây, đối với người nào mà những người ấy không có lòng mong muốn sự tấn hóa, không có lòng mong muốn điều lợi ích, không có lòng mong muốn sự thoải mái, không có lòng mong muốn sự an toàn trong mối ràng buộc, có lòng mong muốn đoạt lấy mạng sống; những người này là các chúng sanh không được yêu mến. Các pháp nào là các pháp tạo tác không được yêu mến? Các sắc không hợp ý5 các thinh không hợp ý? các hương không hợp ý, các vị không hợp ý, các xúc không hợp ý; các pháp này là các pháp tạo tác không được yêu mến. Không tạo ra vật yêu mến cũng không tạo ra vật không yêu mến: Không tạo ra vật yêu mến do tác động của luyến ái rằng: "Người này được tôi yêu mến, và các pháp tạo tác này hợp ý t6i." Không tạo ra vật không yêu mến do tác động của bất bình rằng: "Nguồi này không được tôi yêu mến, các pháp tạo tác này

không hợp ý t6i", không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh. "Không tạo ra vật yêu mến cũng không tạo ra vật không yêu mến" là như thế. Than vãn và bon xẻn không làm lấm nhơ ờ vi ấy, giống như nước không làm lấm nhơ ờ lá sen. ở vi ấy: ở cá nhân vị A-la-hán không còn lậu hoặc ấy. Than vãn: Sự than van, sự than trách, sự than thở, sự than vãn, trạng thái than van, trạng thái than trách, lời nói, nói lảm nhảm, nói huyên thuyên, nói kể lể, lối nói kể lể, trạng thái noi kể lể của người bi tác động bởi sự tổn hại về thân quyến, bi tác động bởi sự tổn hại về của cải, bi tác động bởi sự tổn hại vì bệnh tật, bị tác động bởi sự suy giảm về giới hạnh, bị tác động bởi sự suy giảm về kiến thức, bi gặp phải sự rủi ro này hoặc sự rủi ro khác, hoặc bị tác động bởi sự khổ này hoặc sự khổ khác. Bon xẻn: Có năm sự bon xẻn: Bon xẻn vê chô ở, bon xẻn vê gia tộc, bon Xẻn vê lợi lộc, bon xẻn vê danh tiêng, bon xẻn vê pháp; bon xẻn nào có hình thức như vậy là biểu hiện của bon xẻn, trạng thái của bon xẻn, sự hám lợi, keo kiệt, tính chất bủn xỉn, trạng thái bi nắm giữ của tâm, điều này được gọi là bon xẻn. Còn nữa, bon xẻn về uẩn cũng là bon xẻn, bon xẻn về giới cũng là bon xẻn, bon xẻn về xứ cũng là bon xẻn, sự nắm lấy được gọi là bon xẻn. Giống như nước không làm lấm nhơ ờ lá cây. Lá cây: Nói đến cánh hoa sen trắng. Nước: Nói đến nước [thông thường]. Giống như nước không làm lấm nhơ, không làm nhiễm bẩn, kh6ng làm vấy bẩn, [là] đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn ở cánh hoa sen trắng; tương tự như vậy, than vãn và bon xẻn không làm lấm nhơ, không làm nhiễm bẩn, không làm vấy bẩn, [là] đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn ở cá nhân vị A-la-hán không còn lậu hoặc ấy; và cá nhân vị ấy không bị lấm nhơ, không bị nhiễm bẩn, không bi vấy bẩn bởi các ô nhiễm ấy, [là] đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bi vấy bẩn, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Than vãn và bon xẻn không làm lấm nhơ ở vị ấy, giống như nước không làm lấm nhơ ở lá sen" là như the. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: fiBac Hiên trí không nương tựa vào tát cả các nơi, Không tạo ra vật yêu mên cũng không tạo ra vật không yêu mên, Than vãn và bon xẻn không làm lâm nhơ ở vi ây, Giong như nước không làm lam nhơ ở lá sen."

6.9. Cũng giong như giọt nước ở lá sen, Giong như nước không làm lam nhơ ở hoa sen, Tương tự như vây, bậc Hiên trí không bỉ vây bân ơ những điêu đã được thây, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác. Cũng giống như giọt nước ờ lá sen. Giọt nước: Nói đến một giọt nước. Lá sen: Nói đên cánh hoa sen trăng. Giông như giọt nước không làm lâm nhơ, không làm nhiễm bẩn, không làm vấy bẩn, [là] đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn ở cánh hoa sen trắng. “Cũng giống như giọt nước ở lá sen" là như thế. Giống như nước không làm lấm nhơ ở hoa sen. Hoa sen: Nói đến bông sen trắng. Nước: Nói đến nước [thông thường]. Giống như nước không làm lấm nhơ, không làm nhiễm bẩn, không làm vấy bẩn, đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn ở bông sen trắng. "Giống như nước không làm lấm nhơ ở hoa

sen" là như thế. Tương tự như vậy, bậc Hiền trí không bị vấy bẩn ờ những điều đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác. Tương tự như vậy: Là phương thức của sự so sánh. Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyến M r • y y t • /i T • Ấ t y TT*À ỉ . luyên và mạng lưới [tham ái và tà kiên], vị ây là Hiên trí. Lấm nhơ: Có hai sự lấm nhơ: Lấm nhơ do tham ái và lấm nhơ do tà kiến.... (nt)... điều này là lấm nhơ do tham ái.... (nt)... điều này là lấm nhơ do tà kiến. Bậc Hiền trí, sau khi dứt bỏ sự lấm nhơ do tham ái, sau khi buông bỏ sự lấm nhơ do tà kiên, không bi lâm nhơ ở điêu đã được thây, không bị lâm nhơ ở điêu đã được nghe, không bị lấm nhơ ở điều đã được cảm giác, không bi lấm nhơ ở điều đã được nhận thức, không bi nhiễm bẩn, không bị vấy bẩn; [là người] đã không bị lấm nho, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Tương tự như vậy, bậc Hiền trí không bị vấy bẩn ở những điều đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "'Cũng giống như giọt nước ở lá sen, Giông như nước không làm lâm nhơ ở hoa sen, Tương tự như vậy, bậc Hiên trí không bi vây bân ở những điều đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác. °

6.10. Thật vậy, vị đã rũ sạch không suy nghĩ theo lối ấy, tức là về những điều đã được thay, đã được nghe, hoặc đã được cảm ệiácf [cũng] không ước muôn sự thanh tinh theo cách nào khác, bởi vì vỉ ây không luyến ải, [cũng] không lìa luyến ái. Thật vậy, vi đã rũ sạch không suy nghĩ theo lối ấy, tức là về những điều đã được thay, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác. Vỉ đã rũ sạch: Việc rũ sạch được gọi là tuệ. Tuệ là sự nhận biết,...(nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Vì lý do gì mà việc rũ sạch được gọi là tuệ? Nhờ vào tuệ ây, uê hạnh vê thân được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; uế hạnh về khẩu được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; uế hạnh về ý được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; sự luyến ái được rũ bỏ? được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; sân hận... si mê... giận dữ... thù hằn... gièm pha... ác ý... ganh tỵ... bon xẻn... xảo trá... lừa gạt... bướng bỉnh... hung hăng... ngã mạn.. cao ngạo... đam mê... xao lãng... tất cả ô nhiễm... tất cả uế hạnh... mọi sự lo lắng.. mọi sự bực bội... mọi sự nóng nảy... tất cả các pháp tạo tác bất thiện được rũ bỏ9 được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch. Vì lý do ấy mà việc rũ sạch được gọi là tuệ. Hoặc là, nhờ vào chánh kiên, tà kiên được rũ bỏ, được rũ sạch, được tây sạch, được gột sạch; nhờ vào chánh tư duy, tà tư duy được rũ bỏ5 được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; nhờ vào chánh ngữ, tà ngữ được rũ bỏ, được rũ sạch... nhờ vào chánh nghiệp, tà nghiệp được rũ bỏ, được rũ sạch... nhờ vào chánh mạng, tà mạng được rũ bỏ, được rũ sạch... nhờ vào chánh tinh tấn, tà tinh tấn được rũ bỏ, được rũ sạch... nhờ vào chánh niệm, tà niệm được rũ bỏ, được rũ sạch... nhờ vào chánh định, tà đinh được rũ bỏ, được rũ sạch... nhờ vào chánh trí, tà trí được rũ bỏ, được rũ sạch... nhờ vào chánh giải thoát, tà giải thoát được rũ bỏ5 được rũ sạch, được tay sạch, được gột sạch. Hoặc là, nhờ vào đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch. Bậc A-la-hán đã tiến đến, đã

tiến gần, đã đi đến gần, đã tiên đến gần, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu các pháp cần được rũ sạch này; vì thế, bậc A-la-hán là vị đã rũ sạch. Vị ấy có luyến ái đã được rũ bỏ, có điều ác đã được rũ bỏ, có ô nhiễm đã được rũ bỏ, có sự bực bội đã được rũ bỏ. đã rũ sạch" là như thế. Thật vậy, vi đã rũ sạch không suy nghĩ theo lối ấy, tức là về những điều đã được thây, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác: Vị đã rũ sạch không suy nghĩ đến điều đã được thấy, không suy nghĩ về điều đã được thấy, không suy nghĩ theo điều đã được thấy; không suy nghĩ đến điều đã được nghe, không suy nghĩ ve điều đã được nghe, không suy nghĩ theo điều đã được nghe; không suy nghĩ đến điều đã được cảm giác, không suy nghĩ về điều đã được cảm giác, không suy nghĩ theo điều đã được cảm giác; không suy nghĩ đen điều đã được

nhận thức, không suy nghĩ vê điêu đã được nhận thức, không suy nghĩ theo điêu đã được nhận thức, không suy nghĩ rằng: "Điều đã được nhận thức của t6i." Bởi vi, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khim, 'tôi là' điều này là sự suy nghĩ; 'tôi là cái nay9 điều này là sự suy nghĩ; 'tôi sẽ là' điều này là sự suy nghĩ; 'tôi sẽ không là5 điều này là sự suy nghĩ; 'tôi sẽ là có sắc' điều này là sự suy nghĩ; 'tôi sẽ là vô sắc' điều này là sự suy nghĩ; 'tôi sẽ là có tưởng' điều này là sự suy nghĩ; 'tôi sẽ là vô tưởng' điều này là sự suy nghĩ; 'tôi sẽ là phi tưởng phi phi tưởng' điều này là sự suy nghĩ. Này các Tỳ-khưu, sự suy nghĩ là bệnh tật, sự suy nghĩ là mụt ghẻ, sự suy nghĩ là mũi tên, sự suy nghĩ là sự bất hạnh. Này các Tỳ-khưu, vì thế ở đây chúng ta sẽ sống với tâm ý không suy nghĩ. Này các Tỳ-khưu, các ngươi nên học tập đúng như vậy.M "Thật vậy, vị đã rũ sạch không suy nghĩ theo lối ấy, tức là về những điều đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giAc” là như thế. Không ước muốn sự thanh tinh theo cách nào khác: Vi đã rũ sạch không ước muốn, không ưng thuận, không ước nguyện, không mong cau, không nguyện cầu sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi theo đạo lộ không trong sạch khác, theo sự thực hành sai trái, theo đường lối không dẫn dắt ra khỏi, ngoại trừ bốn sự thiết lập niệm, ngoại trừ bốn chánh cần, ngoại trừ bốn nền tảng của thần thông, ngoại trừ năm quyền, ngoại trừ năm lực, ngoại trừ bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, ngoại trừ đạo lộ Thánh thiện tám chi phan. "Không ước muốn sự thanh tinh theo cách nào khác" là như thế. Bởi vì vi ấy không luyến ái, [cũng] không lìa luyến ái: Tất cả phàm nhân ngu si đều luyến ái. Bảy hạng Thánh Hữu học tính luôn phàm nhân tốt lành lìa luyến ái. Bậc A-la-hán chẳng những không luyến ái mà cũng không lìa luyến ái. Vị ấy đã lìa luyến ái, do sự cạn kiệt của luyến ái có trạng thái luyến ái đã được xa lìa, do sự cạn kiệt của sân hận có trạng thái sân hận đã được xa lìa, do sự cạn kiệt của si mê có trạng thái si mê đã được xa lìa. Vị ấy đã trải qua cuộc song [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành... (nt)... việc sanh-lão-tử luân hồi, việc hiện hữu lần nữa không có đối với vi ấy. "Bởi vì vị ấy không luyến ái, [cũng] không lìa luyến ấi" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: ^Thật vậy, vị đã rũ sạch không suy nghĩ theo lôi ây, tức là vê những điêu đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác, [cũng] không ước muốn sự thanh tịnh theo cách nào khác, bởi vì vị ấy không luyến ải, [cũng] không lìa luyến di.' “Diễn giải kỉnh về sự già” Phần thứ sáu.4

4 Xem S. IV. 173, Ãsĩvisavagga (Phẩm Rắn độc).

7. DIỄN GIẢI KINH VÈ TISSA METTEYYA (TISSAMETTEYỴASUTTANIDDESƠ)

Giờ phần "Diễn giải kinh về Tissa Metteyya" được nói đến: 7.1. í(Thưa Ngài, xin Ngài hãy nói về sự tàn hại dành cho kẻ đeo bám việc đôi lứa. Sau khỉ lăng nghe lời dạy của Ngài, chung con sẽ học tập vê hạnh viễn ly fĩ[vi Đại đức Tissa Metteyya đã nói thế ấy]. Dành cho kẻ đeo bám việc đôi lứa. Pháp đôi lứa: Nghĩa là việc làm không tốt đẹp, việc làm của các dân làng, việc làm của những người thấp kém, là xấu xa, có kết cuộc phải dùng nước tẩy rửa, là việc bí mật, là việc kết hợp của hai người, theo từng cặp. Vì lý do gì được gọi là pháp đôi lứa? Khi cả hai bị luyến ái, bị luyến ái nặng, bị nhiễm dục, bị khởi dục, có tâm bị khuất phục, cả hai là tương tự nhau về bản thể; vì lý do ấy được gọi là pháp đôi lứa. Giống như hai người gây nên sự cãi cọ được gọi là tay đôi, hai người gây nên sự cãi lộn được gọi là tay đôi, hai người gây nên cuộc nói chuyện nhảm nhí được gọi là tay đôi, hai người gây nên sự tranh cãi được gọi là tay đôi, hai người gây nên sự tranh tụng được gọi là tay đôi, hai người tranh luận được gọi là tay đôi, hai người chuyện trò được gọi là tay đôi; tương tự như vậy, khi cả hai bị luyến ái, bị luyến ái nặng, bị nhiễm dục, bị khởi dục, có tâm bị khuất phục, cả hai là tương tự nhau về bản thể; vì lý do ấy được gọi là pháp đôi lứa. Dành cho kẻ đeo bám việc đôi lứa: Dành cho kẻ găn bó, găn vào, găn chặt, gắn liền ở pháp đôi lứa, đi theo nó, phát triển theo nó? xem ượng Ĩ16, nghiêng theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đen nó, xem nó là chủ đạo. "Dành cho kẻ đeo bám việc đôi lứa" là như thế. Đại đức Tissa Metteyya đã nói thế ấy. Thế ấy: Từ "icccT này gọi là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn. Đại đức: Từ "āyasmā này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng. Tissa: Là tên của vị Trưởng lão ây, là sự ân đinh, sự chỉ đinh, sự quy định, sự diễn tả, tên gọi, sự đặt tên, sự định danh, từ mô tả, tên hiệu, từ kêu gọi. Metteyya: Là họ của vị Trưởng lão ây, là sự ân định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả.

uVị Tissa Metteyya đã nói thế ấy" là như thế. Thưa Ngài, xin Ngài hãy nói về sự tàn hại. Sự tàn hại: Sự tàn hại là sự phá hại, sự hành hạ, sự đụng chạm, sự bất hạnh, sự nguy cơ. Xin Ngài hãy nói: Xin Ngài hãy nêu ra, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở? hãy chia sẻ, hãy làm rõ9 hãy bày tỏ. Thưa Ngài: Từ "mārisā"' này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng. "Thua Ngài, xin Ngài hãy nói về sự tàn hai" là như thế. Sau khỉ lắng nghe lòi dạy của Ngài: Sau khi lắng nghe, sau khi nghe được, sau khi tiếp thu, sau khi tiếp nhận, sau khi suy xét lời nói, lời giải bày, lời chỉ bảo, lời chỉ dạy, lời khuyên bảo của Ngài. "Sau khi lắng nghe lời dạy của Ngài" là như thế. Chúng con sẽ học tập về hạnh viễn ly. Hạnh viễn ly: Có ba hạnh viễn ly: Viễn ly về thân, viễn ly về tâm, viễn ly về mầm tái sanh. Thế nào là viễn lỵ về thân? ở đây, vị Tỳ-khưu thân cận chỗ trú ngụ tách biệt, khu rừng rậm, gốc cây, sườn núi,

thung lũng, khe núi, bãi tha ma, khu rừng thưa, đồng trống, đống rơm, và sống tách biệt về thân. Vị ấy đi một minh, đứng một mình, ngồi một mình, nằm một mình, đi vào làng để khất thực một mình, đi trở về một mình, ngồi nơi vắng vẻ một mình, quyết định kinh hành một mình, sông, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ tri, bảo dưỡng một mình. Đây là viễn ly về thân. Thế nào là viễn ly về tâm? Đối với vị thể nhập Sơ thiền, tâm được tách biệt khỏi các pháp che lấp. Đối với vị thể nhập Nhị thiền, tâm được tách biệt khỏi tầm và tứ. Đối với vi thể nhập Tam thiền, tâm được tách biệt khỏi hỷ. Đối với vị thể nhập Tứ thiền, tâm được tách biệt khỏi lạc và khổ. Đối với vị thể nhập Không vo biên xứ, tâm được tách biệt khỏi sắc tưởng, bất bình tưởng, dị biệt tưởng. Đối với vị thể nhập thức Vô biên xứ, tâm được tách biệt khỏi Không vô biên xứ tưởng. Đối với vị thể nhập Vô sở hữu xứ, tâm được tách biệt khỏi Thức vô biên xứ tưởng. Đôi với vị thê nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tâm được tách biệt khỏi Vô sở hữu xứ tưởng. Đối với vị Nhập lưu, tâm được tách biệt khỏi sự nhận thức sai trái ve thân, sự hoài nghi, sự bám víu vào giới và phận sự, tà kiến tiềm ẩn, hoài nghi tiềm ẩn, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đoi với vi Nhất lai, tâm được tách biệt khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bìiủi có tính chất thô thiển, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất thô thiển, và các phiền não đồng hành theo với mỗi pháp ấy. Đối với vi Bất lai, tâm được tách biệt khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất vi tế,

và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đối với vi A-la-hán, tâm được tách biệt khỏi ái sac9 ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, ngã mạn tiềm ẩn, hữu ải tiêm ân, vô minh tiêm ân, các phiên não cộng trú với môi pháp ây9 và mọi hiện tướng ở bên ngoài. Đây là viễn ly về tâm. Thế nào là viễn ly về mầm tái sanh? Mầm tái sanh nói đến các ô nhiễm, các uân và các hành. Viên ly vê mâm tái sanh nói đên bát tử, Niêt-bàn, là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Đây là viễn ly về mầm tái sanh. Viễn ly về thân là đối với các vị có thân đã lui về nơi ẩn dật, đã thích thú trong việc xuất ly; viễn ly về tâm là đối với các vi có tâm hoàn toàn trong sạch, đã đạt đến sự trong trắng tuyệt đối; và viễn ly về mầm tái sanh là đối với các cá nhân không còn mầm tái sanh, đã đạt đen việc lìa khỏi các pháp tạo tác. Chúng con sẽ học tập về hạnh viễn ly: Vị Trưởng lão ấy có việc học tập đã được học tập bình thường. Và thêm nữa, liên quan đến việc chỉ bảo giáo pháp, trong khi thỉnh cầu sự chỉ bảo giáo pháp, vị Trưởng lão ấy đã nói như vầy: "'Chúng con sẽ học tập về hạnh viễn ly." Vì thế, [Trưởng lão] Tissa Metteyya đã nói rằng: ífThưa Ngài, xỉn Ngài hãy nói về sự tàn hại dành cho kẻ đeo bám việc đôi lứa, Sau khi lăng nghe lời dạy của Ngài, chủng con sẽ học tập vê hạnh viên ly '"[vị Đại đức Tissa Metteyya đã nói thế ấy],

7.2. [Đức Thế Tôn đã nói rằng: “Này Metteyya] đổi với kẻ đeo bám việc đôi lứa, lời giảng dạy thậm chỉ còn bỉ quên lãng và là kẻ thực hành sai trải; điều này ở kẻ ấy là không Thảnh thiện. Đối với kẻ đeo bám việc • đôi lứa. Pháp đôi lứa: Nghĩa là việc làm không tốt đẹp, việc làm của các dân làng, việc làm của những người thấp kém, là xấu xa, có

kết cuộc phải dùng nước tẩy rửa, là việc bí mật, là việc kết hợp của hai người, theo từng cặp. Vì lý do gì mà được gọi là pháp đôi lứa? Khi cả hai bị luyến ái, bị luyến ái nặng, bị nhiễm dục, bị khởi dục, có tâm bị khuất phục, cả hai là tương tự nhau về bản thể; vì lý do ấy mà được gọi là pháp đôi lứa. Giống như hai người gây nên sự cãi cọ được gọi là tay đôi, hai người gây nên sự cãi lộn được gọi là tay đôi, hai người gây nên cuộc nói chuyện nhảm nhí được gọi là tay đôi, hai người gây nên sự tranh luận được gọi là tay đôi, hai người gây nên sự tranh tụng được gọi là tay đôi, hai người tranh luận được gọi là tay đôi, hai người chuyện trò được gọi là tay đôi; tương tự như vậy, khi cả hai bi luyến ái, bị luyến ải nặng, bị nhiễm dục, bi khởi dục, có tâm bị khuất phục, cả hai là tương tự nhau về bản thể; vì lý do ấy mà được gọi là pháp đôi lứa.

ĐẠI DIỄN GIẢI 121

Đối với kẻ đeo bám việc đôi lứa: Đối với kẻ gắn bó, gắn vào, gắn chặt, gắn liền ở pháp đôi lứa, đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó? nghiêng theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo. uĐối với kẻ đeo bám việc d6i lứa" là như thế. Metteyya: Đức Thế Tôn ximg hô với vị Trưởng lão ấy bằng họ. Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. Thêm nữa, “vj có luyến ái đã được phá vỡ95 là đức Thế Tôn; có sân hận đã được phá là đức Thế Tôn; "vj có si mê đã được phá v&" là đức Thế Tôn; "vi có ngã mạn đã được phá là đức Thế Tôn; "vj có tà kiến đã được phá là đức Thế Tôn; "vj có cây gai đã được phá v&" là đức Thế Tôn; “vi có ô nhiễm đã được phá v" là đức Thế Tôn; “vj đã phân phát, đã phân chia, đã phân phối Pháp b2o” là đức Thế Tôn; “vj thực hiện sự chấm dứt các hữu" là đức Thế Tôn; "vị có thân đã được tu tập, có giới đã được tu tập, có tâm đã được tu tập, có tuệ đã được tu tap" là đức Thế Tôn; "vj đã thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ5 tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tjnh” là đức Thế Tôn; “vj có dự phần hoặc sở hữu về y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh,, là đức Thế Tôn; "vj có dự phần hoặc sở hữu về vị của mục đích, về vi của Pháp, về vị của giải thoát, về thắng giới, về thắng tâm, về thắng tue” là đức Thế Tôn; c6 dự phần hoặc sở hữu về bốn thiền, về bốn vô lượng [tâm], về bốn sự thể nhập vô sắc" là đức Thế Tôn; có dự phần hoặc sở hữu về tám giải thoát, về tám thắng xứ [của thiền], về chín sự thể nhập và an trú theo tuần tự59 là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về mười sự tu tập về tưởng, về mười sự thể nhập các đề mục kasina. về định niệm hơi thở vào hơi thở ra, về sự thể nhập các đề mục tử thi” là đức Thế Tôn; có dự phần hoặc sở hữu về bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phgn" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về mười Như Lai lực, về bốn pháp tự tin, về bốn tuệ phân tích, về sáu thắng trí, về sáu pháp của đức Phát" là đức Thế Tôn. Tên gọi "Thế T6n” này không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh [em] trai tạo ra, không do chị [em] gái tạo ra, không do bạn bè hoặc thân hữu tạo ra, không do các thân quyên và những người cùng huyêt thông tạo ra, không do các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra, sự tận cùng của giải thoát này là sự quy đinh thuộc vê chư Phật Thê Tôn do sự đạt được, do sự chứng ngộ trí Toàn tri ơ cội cây Bồ-đề, tức là uđức Thế T6n." “Bức Thế Tôn đã nói rằng: Này Metteyya” là

như thế. Lòi giảng dạy thậm chí còn bi quên lãng: Lời giảng dạy bi quên lãng bởi hai lý do: Lời giảng dạy về pháp học bị quên lãng, lời giảng dạy về pháp hành bị quên lãng. Lời giảng dạy vê pháp học ây là lời giảng dạy nào? Điêu nào đã

được học bởi vi ây, là Sutta, Geyya, Veyyākarana, Gāthā, Udãnaf Itivuttaka, Jātaka, Abbhutadhammā, Vedalla,1 đây là lời giảng dạy về pháp học; điều ấy cũng bị quên lãng, bị quên hẳn, bị quên lửng, bị quên bẵng, là hoàn toàn xa lạ. "Lòi giảng dạy thậm chí còn bi quên lâng" là như vậy. Lời giảng dạy về pháp hành là lời giảng dạy nào? Là sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, việc làm đầy đủ các giới, việc phòng vệ các giác quan, việc biêt chừng mực vê vật thực, sự luyện tập vê tỉnh thức, niệm và sự nhận biêt rõ, bôn sự thiêt lập niệm, bôn chánh cân, bôn nên tảng của thân thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, đây là lời giảng dạy về pháp hành; điều ấy cũng bị quên lãng, bị quên hẳn, bi quên lửng, bi quên bẵng, là hoàn toàn xa lạ. “Lời giảng dạy thậm chí còn bi quên lng” là như vậy. Và là kẻ thực hành sai trái: Giết hại sanh mạng, lấy vật không được cho, đột nhập gia cư, mang đi vật cướp được, làm kẻ đạo tặc, đứng cướp dọc đường, đi đến với vợ người khác, nói lời dối trá. "Và là kẻ thực hành sai trái” là như thế. Điều này ờ kẻ ấy là không Thánh thiện: Điều này ở kẻ ấy là pháp không Thánh thiện, là pháp ngu dốt, là pháp lầm lạc, là pháp vô trí, là pháp trườn uốn như con lươn [không thể nắm bắt], tức là lối thực hành sai trái. "Điều này ở kẻ ấy là không Thánh thiện^, là như thế. x T\ ji Á 4-Ay npi Ẅ XX s U W Vì the, đức The Tôn đã noi răng: [Đức Thể Tôn đã nói rằng: “Này Metteyya] đối với kẻ đeo bám việc đôi lứa, lời giảng dạy thậm chỉ còn bi quên lãng, và là kẻ thực hành sai trái; điều này ở kẻ ấy là không Thánh thiện."*

Chín thể loại giáo pháp: ở tài liệu Saddhammasañgaha (DiệuJ)háp yếu lược) có lời giải thích chi tiết ề 9 thể loại nay như sau: t4Thế liào là có 9 phần khi nói về the (anga)? Bơi vì toàn bọ gồm có 9 hình thức khác biệt, đó là Sutta, Geyya, Veyyãkarana, Gāthā, Udãna, Itivuttaka, Jātaka, A bbhutadhamma, Vedalla. Trong trường hợp này, Ubhatovibhañga, Nỉddesa, Khandhaka, Parivārā, các bài kinh MaỲỉgạlasutta, Ratanasutta^ Nalakasutta, Tuvatakasuttar trong Suttanỉpãta (Kỉnh tập) và các lời dạy của đang Như Lai có tưa đe là Kỉnh (suttarn) thì được xếp vào thể Suita. Các bài kinh có xen các bai kệ vào được biết là the Geyya; đặc biệt toàn bộ Thiên co kệ (Sagãthãvagga) trong Kinh Tương ưng bộ là thể Geyya. Toàn bộ tạng Vỉ diệu pháp, các bài kinh không co xen các bai kệ, va các lời dạy khác của đức Phạt không thuọc 8 loại trên được xếp vào thể Veyyākarana. Kinh Pháp củ, Trưởng lao Tăng kê, Trưởng lão Ni ke, các bài có tên là kinh nhưng chỉ là kệ trong Suttanỉpâta (Kỉnh tập) thi được xếp vào thể Gāthā. Tám mươi hai bài kinh liên quan đến các bài kệ do tuệ giác hoan hỷ được xếp vào thể Ụdãna. Một trăm mười hai bài kinh được giới thiệu bằng: ^Vuttam h "etāni Bhagavatā tr (Đức Thế Tôn thuyết về điều ấy như vầy) thì được xếp vào thể Itivuttaka. Năm trăm năm mươi câu chuyện Bôn sanh bắt đâu băng Bôn sanh Apannaka được xép vào thê Jātaka. Tát cả các bài kinh liên quan đến pháp kỳ diệu phi thường và được giới thiệu

như sau: téNày các Tỳ-khưu, có bốn pháp kỳ diệu phi thường ở Ananda”được xếp vào thê Abbhutadhammā. Tất cả các bài kinh được hỏi và được liên tục ghi nhận trong sự hiểu biêt và hoan hỷ như các bài kinh Cullavedạlla, Mahāvedalla, Sammāditthi, Sakkapqñhā,0 Sañkhāra-bhājqniya, Mahāpunnama, v.v... được xếp vào thể Vedalla. Như thế, khi đề cập đến thể loại thì có 9 phan^ {Saddhammasañgaha - Diệu pháp yếu lược, chương I, câu 28).

7.3. Sau khi sống một mình trước đây, Kẻ nào [giờ] phục dịch việc đôi lứa, Kẻ ây ở thê gian, tựa như chiếc xe bi chao đảo, Người ta đã gọi là kẻ phàm phu thấp hèn. Sau khi sông một mình trước đây: Đã sông một mình trước đây bởi hai lý do: Với việc đã chấp nhận đời sống xuất gia hoặc với ý nghĩa rời xa tập thể. Thế nào là đã sống một mình trước đây với việc đã chấp nhận đời sống xuất gia? Sau khi cắt đứt mọi sự vướng bận của đời sống tại gia, sau khi cắt đứt sự vướng bận về vợ con, sau khi cắt đứt sự vướng bận về thân quyến, sau khi cắt đứt sự vướng bận vê bạn bè và thân hữu, sau khi căt đứt sự vướng bận vê việc tích trữ, sau khi cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa, rời nhà xuất gia sống không nhà, sau khi đi đến trạng thái không có gì? một mình sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ? hộ trì, bảo dưỡng. Như vậy là đã sống một mình trước đây với việc đã chấp nhận đời sống xuất gia. Thế nào là đã sống một mình trước đây với ý nghĩa rời xa tập thể? Trong khi đã được xuất gia như vậy, vị ấy một mình thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không giai! vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh. Vi ấy đi một mình, đứng một mình, ngồi một mình, nằm một mình, đi vào làng để khất thực một mình, đi trở về một mình, ngồi nơi vắng vẻ một mình, quyết định kinh hành một mình, sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng một mình. Như vậy là đã sống một mình trước đây với ý nghĩa rời xa tập thể. Kẻ nào [giờ] phục dịch việc đôi lứa. Pháp đôi lứa: Nghĩa là việc làm không tốt đẹp,... (nt)... việc kết hợp của hai người, theo từng cặp.... (nt)... vì lý do ấy mà được gọi là pháp đôi lứa. Kẻ nào [giờ*] phục dịch việc đôi lứa: Kẻ nào, vào lúc khác, sau khi lìa bỏ đức Phật, Giáo pháp, Tăng chúng và việc học tập, đã quay trở lại cuộc sống thấp hèn rồi phục vụ, phục dịch, kề cận, thực hiện việc đôi lứa. uKẻ nào [giờ] phục dịch việc d6i lứa" là như thế. Kẻ ấy ở thế gian, tựa như chiếc xe bi chao đảo. Chiếc xe: Là xe voi kéo, xe ngựa kéo, xe bò kéo, xe dê kéo, xe cừu kéo, xe lạc đà kéo, xe lừa kéo, đã bi chao đảo, không được kiềm chế, không được xử lý, không được điều khiển, chọn lấy lối đi sai trái, va vào chỗ gập ghềnh, gốc cây, tảng đá, làm bể vỡ chiếc xe luôn cả người cỡi xe và rơi xuống vực thẳm. Giống như chiếc xe đã bị chao đảo ấy không được kiềm chế, không được xử lý, không được điều khiển, chọn lấy lối đi sai trái, tương tự như vậy, kẻ hoàn tục ấy, tựa như chiếc xe đã bị chao đảo, chọn lấy lối đi sai trái, chọn lấy tà kiến,... (nt)... chọn lay tà định. Giống như chiếc xe đã bị chao đảo ấy không được kiềm chế, không được

xử lý, không được điều khiển, va vào chỗ gập ghềnh, gốc cây, tảng đá, tương tự như vậy, kẻ hoàn tục ấy, tựa như chiếc xe đã bị chao đảo, phạm vào thân nghiệp sai trái,

phạm vào khẩu nghiệp sai trái, phạm vào ý nghiệp sai trái, phạm vào việc sát sanh sai trái, phạm vào việc trộm cắp sai trái, phạm vào việc tà hạnh trong các dục sai trái, phạm vào việc nói dối sai trái, phạm vào việc nói đâm thọc sai trái, phạm vào việc nói thô lỗ sai trái, phạm vào việc nói nhảm nhí sai trái, phạm vào việc tham đam sai trái, phạm vào việc sân hận sai trái, phạm vào tà kiến sai trái, phạm vào các hành sai trái, phạm vào năm loại dục sai trái, phạm vào năm pháp che lấp sai trái. Giống như chiếc xe đã bị chao đảo ấy không được kiềm chế, không được xử lý, không được điều khiển, làm bể vỡ chiếc xe luôn cả người cỡi xe; tương tự như vậy, kẻ hoàn tục ấy, tựa như chiếc xe đã bi chao đảo, làm đổ vỡ bản thân ở địa ngục, làm đổ vỡ bản thân ở loài thú, làm đổ vỡ bản thân ở thân phận ngạ quỷ, làm đổ vỡ bản thân ở thế giới loài người, làm đổ vỡ bản thân ở thế giới chư thiên. Giống như chiếc xe đã bị chao đảo ấy không được kiềm chế, không được xử lý, không được điều khiển, rơi xuống vực thẳm; tương tự như vậy, kẻ hoàn tục ấy, tựa như chiếc xe đã bị chao đảo, rơi xuống vực thẳm của sự sinh, rơi xuống vực thăm của sự già, rơi xuồng vực thăm của bệnh tật, rơi xuông vực thăm của sự chết, rơi xuống vực thẳm của sầu-bi-khổ-ưu-não. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh... (nt)... ở thế gian của loài người. "Tựa như chiếc xe bi chao đảo, kẻ ấy ở thế gian" là như thế. Người ta đã gọi là kẻ phàm phu thấp hèn. Phàm phu: Phàm phu với ý nghĩa gì? "Những người sản sanh ra các ô nhiễm khác nhau" là phàm phu. "Những người có sự nhận thức sai trái về thân khác nhau chưa được phá tan" là phàm phu. "Những người tin theo nhiều vị thầy khác nhaiT là phàm phu. "Những người chưa được ra khỏi mọi cảnh giới tái sanh khác nhau" là phàm phu. "Những người tạo ra các sự tạo tác khác nhau" là phàm phu. "Những người bị cuốn trôi bởi nhiều dòng lũ khác nhau" là phàm phu. "Những người bi nónệ nảy bởi nhiều sự nóng nảy khác nhau" là phàm phu. "Những người bị thiêu đót bởi nhiêu sự bực bội khác nhau" là phàm phu. "Những người bị luyến ái, bị thèm khát, bi buộc trói, bị mê mẩn, bị gần gũi, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở năm loại dục đa dạng" là phàm phu. "Những người bị bao bọc, bi bao trùm, bị bao kín, bi che lại, bị che kín, bị đậy kín bởi năm pháp che lấp đa dạng" là phàm phu. Người ta đã gói là kẻ phàm phu thấp hèn: 'Thàm phu là thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, toi te, nhỏ nhoi", các vị đã nói như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy. "Người ta đã gọi là kẻ phàm phu thấp hèn,, là như thế. Vì thê, đức The Tôn đã noi răng:

ĐẠI DIỄN GIẢI 125

i(Sau khi sống một mình trước dây,
Kẻ nào [giờ] phục dịch việc đôi lứa,
Kẻ ấy ở thế gian, tựa như chiếc xe bị chao đảo,
Người ta đã gọi là kẻ phàm phu tháp hèn."

7.4. Danh vọng và tiếng tăm nào [đã có] trước đây, Điều ấy của kẻ ấy [giờ] hiển nhiên cũng bị giảm thiểu, Sau khi nhìn thấy điều này, nên học tập Nhăm dứt bỏ han việc đôi lứa. Danh vọng và tiếng tăm nào [đã có] trước đây, điều ấy của kẻ ấy [giờ] hiển nhiên cũng bi giảm thiểu: Danh vọng nào? ở đây, một vi [Tỳ-khưu] nào đó trước đây được trọng vọng, được cung kính, được sùng bái, được cúng dường, được nể nang, có nhận

được y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và vật dụng là thuốc men chữa bệnh; điều này là danh vọng. Tiếng tăm nào? ở đây, một người nào đó trước đây trong bản thể Sa-môn đã duy trì tiếng tăm và đức hạnh: Là vị sáng suốt, kinh nghiệm, thông minh, nghe nhiều, có tài nói năng uyên bác, có tài ứng đối nhanh nhạy, là chuyên về Kinh", hoặc là trì Luậf\ hoặc là thuyết giảng Pháp", hoặc là :vj ngu ở rừng", hoặc là chuyên đi khất thực9\ hoặc là uvị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng hoặc là uvị chỉ sử dụng ba y", hoặc là "vị đi khất thực tuần tự theo từng nhà", hoặc là không ăn vật thực dâng sau"hoặc là "vị chuyên về oai nghi ngồi,5 (không nằm), hoặc là uvị ngụ ở chỗ đã được chỉ hoặc là "vi có đạt Sơ thiền", hoặc là có đạt Nhị thiền", hoặc là có đạt Tam thiền", hoặc là có đạt Tứ thic", hoặc là có đạt Không vô biên xứ", hoặc là có đạt Thức vô biên xứ", hoặc là "vj có đạt Vô sở hữu xứ", hoặc là "vj có đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ." Điêu này là tiêng tầm. "Danh vọng và tiêng tăm trước đà/5 là như thế. Điều ấy của kẻ ấy [giờ] hiển nhiên cũng bi giảm thiểu: Đối với vị ấy, vào lúc khác, sau khi lìa bỏ đức Phật, Giáo pháp, Tăng chúng và việc học tập, danh vọng ấy và tiếng tăm ấy của vị đã quay trở lại cuộc sống thấp hèn bi giảm thiểu, bị suy giảm, bị mất mat, đổ vỡ, biên mất, tiêu hoại. "Danh vọng và tiêng tăm nào [đã có] trước đây, điêu ây của kẻ ây [giờ] hiên nhiên cũng bị giảm thiểu" là như thế. Sau khỉ nhìn thấy điều này, nên học tập nhằm dứt bỏ hẳn việc đôi lứa. Điêu này: Trước đây ở bản thê Sa-môn có tiêng tăm và đức hạnh, vào lúc khác, sau khi lìa bỏ đức Phật, Giáo pháp, Tăng chúng và việc học tập, vị đã quay trở lại cuộc sống thấp hèn có sự mất danh vọng và mất tiếng tăm; điều này là sự hư hỏng ve thành đạt. Sau khi nhìn thây: Là sau khi nhìn xem, sau khi cân nhác, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt. "Sau khi nhìn thấy điều này" là như thế.

126 KINH TIÊU Bộ

Nên học tập: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắn^ tuệ. Việc nào là sự học tập về thắng ệiới? ở đây, vi Tỳ-khmi là vị có giới, sống thu thúc với sự thu thúc của Giới bổn (Pãtỉmokkhd). thành tựu về hạnh kiểm và hành xứ, thay sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành trong các điều học. Nhóm giới nh6, nhóm giới lớn, giới là nền tảng, phần khởi đầu, sự thực hành, sự ngăn giữ, sự thu thúc, sự mở đầu, sự dẫn đầu nhằm chứng đạt các thiện pháp; việc này là sự học tập ve thắng giới. Việc nào là sự học tập về thắng tâm? ở đây, vị Tỳ-khưu ngay sau khi tách ly khỏi các dục, tách ly khỏi các bất thiện pháp, đạt đến và trú thiền thứ nhất, có tầm có tứ, có hỷ lạc sanh lên do sự tách ly;... (nt)... đạt đến và trú thiền thứ nhì... (nt).. thiền thứ ba... (nt)... thiền thứ tư; việc này là sự học tập về thắng tâm. Việc nào là sự học tập về thắng tuệ? ở đây, vi Tỳ-khưu là vi có tuệ, thành tựu về tuệ hướng đến sự sanh diệt, g6p phần vào sự thấu triệt cao thượng, dẫn đến việc cạn kiệt hoàn toàn của kho. Vị ấy nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là khổ", nhận biết đúng theo thực the rằng: "Đây là nhân sanh kh6", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là sự diệt tận kh6", nhận biết đúng theo thực thể rằng: '"Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ5\ nhận biết đúng theo thực the rằng: "Bây là các lậu hoặc^? nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Dây là nhân sanh các lậu hoặc nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là sự diệt tận các lậu hoặc,\ nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Bây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc"; việc này là sự học tập về thắng tuệ. Pháp đôi lứa: Nghĩa là

việc làm kh6ngtốt đẹp,... (nt)... việc kết hợp của hai người, theo từng cặp.... (nt)... vì lý do ây mà được gọi là pháp đôi lứa. Sau khi nhìn thấy điều này, nên học tập nhằm dứt bỏ hẳn việc đôi lứa: Nhằm dứt bỏ, nhằm làm vắng lặng, nhăm buônệ bỏ5 nhằm tịch tịnh pháp đôi lứa, nên học tập về thắng giới, nên học tập vê thăng tâm, nên học tập về thắng tuệ. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này, thì nên học tập; trong khi biết, thì nên học tập; trong khi thấy, thì nên học tập; trong khi quán xét lại, thì nên học tập; trong khi quyết định tâm, thì nên học tập; trong khi hướng đến đức tin, thì nên học tập; trong khi ra sức tinh tấn, thì nên học tập; trong khi thiết lập niệm, thì nên học tập; trong khi tập trung tâm, thì nên học tập; trong khi nhận biết bằng tuệ, thì nên học tập; trong khi biết rõ pháp cần được biết rõ, thì nên học tập; trong khi biết toàn diện pháp cần được biết toàn diện, thì nên học tập; trong khi dứt bỏ pháp cần được dứt bỏ, thì nên học tập; trong khi tu tập pháp cẫn được tu tập, thì nên học tập; trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ, thì nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng. "Sau khi nhìn thấy điều này, nên học tập nhằm dứt bỏ hẳn việc đôi lứa” là như thế. y r\ ri Ắ 4. rp-l Á ryt A nu s M W Vì the, đức The Ton đã noi răng:

ĐẠI DIỄN GIẢI 127

“Danh vọng và tiếng tăm nào [đã có] trước đây,
Điêu ây của kẻ ây [giờ] r y hiên nhiên cũng bỉ giảm thiêu.
Sau khi nhìn thây điêu này, nên học tập
Nhằm dứt bỏ hẳn việc đôi lứa.”

7.5. Kẻ ấy bị chế ngự bởi các tư duy, Tram tư như là kẻ khổn kho. Sau khi lang nghe lời tuyên bo của những người khác, Kẻ thuộc hạng như thê trở nên tủi hô. Kẻ ấy bi chế ngự bởi các tư duy, trầm tu* như là kẻ khốn khổ: Bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu, bị bao trùm bởi các tư duy về dục, bởi các tư duy về sân hận, bởi các tư duy về hãm hại, bởi các tư duy về tà kiến; như là kẻ khốn khổ, như là kẻ ngu khờ, như là kẻ ngớ ngẩn trầm tư, suy gẫm, suy xét, suy tưởng. Giống như con chim cú ở cành cây đang rình bắt chuột, trầm tư, suy gẫm, suy xét, suy tưởng; giống như con chó rừng ở bờ sông đang rình bắt những con cá, tram tư, suy gẫm, suy xét, suy tưởng; giống như con mèo đang rình bắt chuột ở cống rãnh, ở đống rác dơ bẩn, ở bờ sông, trầm tư, suy gẫm, suy xét, suy tưởng; giống như con lừa được trút bỏ gánh nặng, trầm tư, suy gẫm, suy xét, suy tưởng ở cống rãnh, ở đống rác dơ bẩn, ở bờ sông; tương tự như vậy, kẻ hoàn tục ấy, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bi sở hữu, bị bao trùm bởi các tư duy về dục, bởi các tư duy về sân hận, bởi các tư duy về hãm hại, bởi các tư duy về tà kiến; như là kẻ khốn khổ, như là kẻ ngu khờ, như là kẻ ngớ ngẩn trầm tư, suy gẫm, suy xét, suy tưởng. “Kẻ ấy bi chế ngự bởi các tư duy, trầm tư như là kẻ khốn kh là như thế. Sau khi lắng nghe lời quở trách của những người khác, kẻ thuộc hạng như thế trở nên tin hổ. Của những người khác: Các vị thầy tế độ, hoặc các vị thầy dạy học, hoặc các vị đông thây tê độ, hoặc các vị đông thây dạy học, hoặc các bạn bè, hoặc các vị đồng quan điểm, hoặc các vị thân thiêt5 hoặc các đồng đạo khiển trách rằng: uNày Đại dức, ngươi đây có sự bất lợi, ngươi đây đã nhận lãnh điều tệ hại, là việc sau khi đạt được bậc Đạo sư cao quý như vậy, sau khi đã xuất gia ở Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vậy, thậm chí

sau khi đạt được hội chúng Thánh nhân như vậy, vì lý do của pháp đôi lứa ấy, ngươi đã lìa bỏ đức Phật, Giáo pháp, Tăng chúng và việc học tập, rồi quay trở lại cuộc sống thấp hèn. Luôn cả cái gọi là đức tin trong các thiện pháp đã không có ở ngươi. Luôn cả cái gọi là tàm ở các thiện pháp đã không có ở ngươi. Luôn cả cái gọi là quý trong các thiện pháp đã không có ở ngươi. Luôn cả cái gọi là tinh tấn trong các thiện pháp đã không có ở ngươi. Luôn cả cái gọi là niệm trong các thiện pháp đã không có ở ngươi. Luôn cả cái gọi là tuệ trong các thiện pháp đã không có ở ngươi/9 Sau khỉ lắng nghe: Sau khi nghe được, sau khi tiếp thu, sau khi tiếp nhận,

sau khi suy xét lời n6i, lòi phát biểu, lời chỉ bảo, lời chỉ dạy, lời khuyên bảo của các vi ấy, thì trở nên tủi ho: Bị dằn vặt, bị đụng chạm, bị bệnh hoạn, bi ưu phiền. Kẻ thuộc hang như thế: Thuộc hạng như thế là giống như thế ấy, được tồn tại thê ây, có kiêu cách ây? có biêu hiện ây, là kẻ hoàn tục. “Sau khi lắng nghe lời quở trách của những người khác, kẻ thuộc hạng như thế trở nên tủi h la như thế. . _ Vì the, đức
The Ton đã noi răng: “Kẻ ẩy bị chế ngự bởi các tư duy, Tram tư như là kẻ khốn kho. ĩ Sau khi lăng nghe lời quở trách của những người khác, Kẻ thuộc hạng như the trở nên tủi ho,"

7.6. Roi [kẻ áy] tự tạo ra các vũ khí [các uê hạnh vê thân, khâu, ỷjf [Khi] bị khiển trách bởi các lời nói của những người khác. Điều ấy, đối với kẻ này, quả là sự vướng víu lớn lao; [Kẻ ấy] lún sâu vào việc nói lời doi trá, Rồi [kẻ ấy] tự tạo ra các vũ khí, [khi] bi khiển trách bỏi các IM nói của những người khác. Roi: Từ "atha" này gọi là sự nôi liên các câu văn, sự két hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn. Các vũ khí: Có ba loại vũ khí: Vũ khí bằng thân, vũ khí bằng khẩu, vũ khí băng ý. Ba loại uê hạnh vê thân là vũ khí băng thân, bôn loại uê hạnh vê khâu là vũ khí bằng khẩu, ba loại uế hạnh về ý là vũ khí bằng ý. Bi: khiển trách bỏi các lời nói của những người khác: Bị khiển trách bởi r \ y \ ĩ các vị thây tê độ, hoặc bởi các vi thây dạy học, hoặc bởi các vi đông thây tê độ, hoặc bởi các vị đong thầy dạy học, hoặc bởi các bạn bè, hoặc bởi các vi đong quan điểm, hoặc bởi các vị thân thiết, hoặc bởi các đồng đạo, rồi cố tình nói điều dối trá rằng: "Thua ngài, tôi đã được thỏa thích trong việc xuất gia. Mẹ cần được tôi nuôi; vì the tôi hoàn tục" nói rang: "Cha cần được tôi nuôi; vì the tôi hoàn tục,,; nói răng: "Anh [em] trai cân được tôi nuôi; vì thê tôi hoàn tục,,; nói rằng: "Chj [em] gái cần được tôi nuôi; vì the tôi hoàn tục"; nói rằng: "Con trai càn được tôi nuôi, thân quyến cần được tôi nuôi, những người cùng huyết thống can được tôi nuôi; vì the tôi hoàn tục." [Kẻ ấy] tạo ra, tự làm ra, làm sanh ra, làm sanh khởi, làm hạ sanh, làm phát sanh ra vũ khí bằng khẩu. "Rồi [kẻ ấy] tự tạo ra các vũ khí [các uế hạnh về thân, khẩu, ý], [khi] bị khiển trách bởi các lời nói của những người khác" là như thế. Điều ấy, đối với kẻ này, quả là sự vướng víu lớn lao: Điều ấy quả là sự vướng víu lớn lao của kẻ ấy, là khu rừng lớn lao, khu rừng rậm lớn lao, bãi sa mạc lớn lao, khu vực gập ghềnh lớn lao, khúc quanh co lớn lao, bãi lay lớn

lao, ao hô lớn lao, sự vướng bận lớn lao, sự trói buộc lớn lao; tức là việc cô tình nói doi. "Điều ấy, đối với kẻ này, quả là sự vướng víu lớn lao" là như thế. [Kẻ áy] lún sâu vào việc noi lời doi tráe Việc nói lời dối trá: Nói đến việc nói dối. ở đây, một người nào đó đi đến đoàn thể, hoặc đi đến hội chúng, hoặc đi đến giữa thân quyến, hoặc đi đến giữa đoàn thê, hoặc đi đên giữa các vương tộc, roi bi mời đên, bị tra hỏi răng: "Thua ông, hãy đến. Ông biết điều nào thì ông hãy nói điều ấy." Kẻ ấy trong khi không biết đã nói là: "T6i biết", hoặc trong khi biết đã nói là: "Tôi không biết", hoặc trong khi không thấy đã nói là: "T6i thấy", hoặc trong khi thấy đã nói là: "Tôi không thấy." Như thế, vì nguyên nhân bản thân, hoặc vì nguyên nhân người khác, hoặc vì nguyên nhân tài sản, hoặc vì nguyên nhân vật chất nhỏ nhen rồi cố tình nói dối; việc này được gọi là việc nói lời dối trá. Thêm nữa, việc nói dối là với ba yếu tố: Ngay trước đó, vị này khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối đã nói xong [biết rằng]: "Biều dối trá đã được ta n6i." Thêm nữa, việc nói dối là với bốn yếu tố: Ngay trước đó, vị này khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều (tói trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối tra5\ đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nóf\ đã che giấu quan điểm. Thêm nữa, việc nói dối là với năm yếu tố ... với sáu yếu tố ... với bảy yếu tố ... với tám yểu tố: Ngay trước đó, vi này khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trâ", đã nói xong [biết rằng]: "Biều dối trá đã được ta nóf\ đã che giấu quan diêm, đã che giâu điêu châp nhận, đã che giâu điêu ưa thích, đã che giâu ý tưởng, đã che giấu sự việc. Việc nói dối là với tám yếu tố này. Lún sâu vào việc nói lỉri dối trá: Lún sâu, chìm xuống, chìm sâu xuống, đi vào việc nói lời doi trá. "[Kẻ ấy] lún sâu vào việc nói lời dối trá^ là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: [kẻ ấy] tự tạo ra các vũ khỉ [các uế hạnh ve thân, khau, ỷ]f [Khi] bỉ khiển trách bởi các lời nói của những người khác. Điều ấy, đối với kẻ này, quả là sự vướng víu lớn lao, [Kẻ ấy] lủn sâu vào việc nói lời dối trá."

7.7. Đã được công nhận là ifbac sáng s t", đã phát nguyện hạnh sống một ĩ r 2 mình, nêu cũng găn bó vào việc đôi lứa, tựa như gã ngu khờf bị sâu muộn. Đã được công nhận là 6íbậc sáng suốt^: ở đây, một người nào đó, trước đây ở bản thể Sa-môn5 đã duy trì tiếng tăm và đức hạnh: Là vị sáng suốt, kinh nghiệm, thông minh, nghe nhiều, có tài nói năng uyên bác, có tài ứng đối nhanh nhạy, là chuyên về Kinh", hoặc là trì Luāf\ hoặc là uvị thuyết giảng

Pháp95,... (nt)... hoặc là có đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ", đã được biết đên, đã được nhận biêt, đã được công nhận như vậy. "Đã được công nhận là bậc sáng suốt" là như thế. Đã phát nguyện hạnh sống một mình: Đã phát nguyện hạnh sống một mình bởi hai lý do: Với việc đã chấp nhận đời sống xuất gia hoặc với ý nghĩa rời xa tập thể. Thế nào là đã phát nguyện hạnh song một mình với việc đã chấp nhận đời sống xuất gia? Sau khi cắt đứt mọi sự vướng bận của đời sống tại gia,... (nt).. Như vậy là đã phát nguyện hạnh sông một mình với việc đã chấp nhận đời sống xuất gia. Thê nào là đã phát nguyện hạnh sônệ một mình với ý nghĩa rời xa tập thê? Trong khi đã được xuât gia như vậy, vị ây một mình thân cận các khu rừng, các khu rừng thưa,... (nt)... Như vậy là

đã phát nguyện hạnh sống một mình với ý nghĩa rời xa tập thể. "Đã phát nguyện hạnh sống một mình^, là như thế. Nếu cũng gắn bó vào việc đôi lứa. Pháp đôi lứa: Nghĩa là việc làm không tốt đẹp, việc làm của các dân làng, việc làm của những người thấp kém,... (nt)... vì lý do ấy mà được gọi là pháp đôi lứa. Nêu cũng găn bó vào việc đôi lứa: Kẻ ây, vào lúc khác, sau khi lìa bỏ đức Phật, Giáo pháp, Tăng chúng và việc học tập, đã quay trở lại cuộc sống thấp hèn, rồi gắn bó, gần gũi, gắn vào, ệăn chặt, găn liền ở pháp đôi lứa. "Nếu cũng gắn bó vào việc đôi lứa" là như the. Tựa như gã ngu khờ, bỉ sầu muộn: Tựa như kẻ khốn khổ, tựa như kẻ ngu khờ, tựa như kẻ ngớ ngẩn bi phiền muộn, bị sầu muộn, bị sầu khổ rồi giết hại sanh mạng, lấy vật không được cho, đột nhập gia cư, mang đi vật cướp được, làm kẻ đạo tặc, dứng cướp dọc đường, đi đên với vợ người khác, nói lời dối trá. Bị phiên muộn, bị sâu muộn, bi sâu khô là như vậy. Các vị vua sau khi bắt giữ chính kẻ ấy rồi cho áp dụng các hình phạt nhiều loại: Họ đánh đập bằng những cây roi, họ đánh đập bằng các dây mây, họ đánh đập bằng các gậy ngắn, họ chặt bàn tay, họ chặt bàn chân, họ chặt bàn tay và bàn chân, họ căt tai, họ xẻo mũi, họ căt tai và xẻo mũi, họ [đập vỡ đầu] làm thành như hũ cháo chua, họ lột da đầu, họ đốt lửa ở miệng, họ thiêu sống, họ đốt cháy ở bàn tay, họ lột da thành sợi, họ lột da thành đống để ở chân, họ kéo căng thân người ở trên đất, họ xiên da thịt bằng lưỡi câu, họ khoét thịt thành đồng tiền, họ chà xát với chất kiềm, họ quay tròn ở trên thập tự giá, họ đánh cho nhừ tử, họ rưới bằng dầu sôi, họ cho những con chó gặm, họ đặt trên giáo nhọn lúc còn sống, họ chặt đầu bằng gươm. Bi phiền muộn, bị sầu muộn, bị sầu khổ còn là như vậy. Hoặc là, kẻ ấy bị ngự trị bởi tham ái về dục, có tâm bị khuất phục, dùng tàu thuyền lao vào đại dương tầm cầu các của cải, đối diện sự lạnh, đối diện sự nóng, trong khi bi khổ sở bởi ruồi, muỗi, gió, nắng, bi chết bởi đói khát,

đi đến Tigumba, đi đến Takkola, đi đến Takkasilâ, đi đến Kālamukha, đi đến Parammukha, đi đến Vesuñga, đi đến Verāpatha, đi đến Java, đi đến Tāmalī, đi đến Vañga, đi đến EỊavaddhana, đi đến Suvannakūta, đi đến Suvannabhūmi, đi đến Tambapannī, đi đến Suppâraka, đi đến Bharukaccha, đi đến Surattha, đi đến Añgaloka, đi đến Gañgana, đi đến Paramagañgana, đi đến Yona, đi đến Paramayona, đi đến Allasanda, đi đến Navaka, đi đến Mũlapada, đi đến sa mạc cát, đi đến lối đi phải bò gối, đi đến lối đi của dê, đi đến lối đi của cừu, đi đến lối đi phải chống gậy, đi đến lối đi bằng dù, đi đến lối đi phía trên lùm tre, đi đến lối đi của loài chim, đi đến lối đi của loài chuột, đi đến lối đi khe núi, đi đến lối đi vịn vào lau sậy. Bị phiền muộn, bị sầu muộn, bị sầu khổ còn là như vậy. Trong khi tìm kiếm nhưng không đạt được, rồi cảm thọ khổ ưu phát xuất từ việc không có lợi lộc. Bị phiền muộn, bị sầu muộn, bị sầu khổ còn là như vậy. Trong khi tìm kiếm mà đạt được, và do đã đạt được mà cảm thọ khổ ưu phát xuất từ việc bảo vệ [nghĩ răng]: "Làm cách nào đê các vi vua không có thê lấy di, các kẻ trộm cướp không the mang đi, lửa không thể thiêu cháy, nước không thê cuốn di, những kẻ thừa tự không được yêu mên không thể lấy đi các của cải của Ja?" Trong khi được kẻ ấy bảo vệ, gìn giữ như vậy, các của cải ấy bị hư hoại. Kẻ ấy cảm thọ khổ ưu phát xuất từ việc xa lìa. Bị phiền muộn, bị sầu muộn, bị sầu khổ còn là như vậy. “Nếu cũng gắn bó vào việc đôi lứa, tựa như gã ngu khờ, bị sầu muộn,, là như thế. Vì thế, đức

Thế Tôn đã nói rằng: “Dd được c6ng nhận là 'bậc sáng suốtđã phát nguyện hạnh sổng một mình, nêu cung gan bo vao việc đoi lứa, tựa như gã ngu khơ, bi sau muộn.

78. Sau khi biêt được điêu bát lợi này, ở đây bậc Hiên trí trước đó và sau này nên thực hành vững chãi hạnh sống một mình, không nên phục dịch việc đôi lứa. Sau khi biết được điều bất lợi này, ờ đây bậc Hiền trí trước đó và sau này. Điều này: Trước đây ở bản thể Sa-môn có tiếng tăm và đức hạnh, vào lúc khác, sau khi lìa bỏ đức Phật, Giáo pháp, Tăng chúng va viec học tập, vị đã quay trở lại cuộc sống thấp hèn có sự mất danh vọng và mất tiếng tăm; điều này là sự hư hỏng về thành đạt. Sau khi nhận biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh đinh, sau khi làm rõ rệt. Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết,... (nt).. đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vi ấy là Hiên trí. ở đây: ở quan điểm này, ở sự chấp nhận này, ở sự ưa thích này, ở sự nắm giữ này, ở Pháp này, ở Luật này, ở Pháp và Luật này, ở giáo lý này, ở lời dạy này của bậc Đạo sư, ở Phạm hạnh này, ở bản ngã này, ở thê giới loài người này.

132 KINH TIÊU BÔ

"Sau khi biết được điều bất lợi này, ở đây bậc Hiền trí trước đó và sau này" là như thế. Nên thực hành vững chãi hạnh sống một mình: Nên thực hành vững chãi hạnh sống một mình bởi hai lý do: Với việc đã chấp nhận đời sống xuat gia hoặc với ý nghĩa rời xa tập thể. Thê nào là nên thực hành vững chãi hạnh sông một mình với viec đã chap nhận đời sống xuất gia? Sau khi cat đứt mọi sự vướng bận của đời sông tại gia, sau khi cắt đứt sự vướng bận vê vợ con, sau khi cat đứt sự vướng bận về thân quyến, sau khi cắt đứt sự vướng bận về bạn bè và thân hữu, sau khi cắt đứt sự vướng bận về việc tích trữ, sau khi cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tâm vải màu ca-sa, rời nhà xuất gia sống không nhà, sau khi đi đên trạng thái không có gì, một mình nên thực hành, nên trú ngụ, nên sinh hoạt, nên vận hành, nên bảo hộ, nên hộ trì, nên bảo dưỡng. Như vây là nen thực hành vững chãi hạnh sống một mình với việc đã chấp nhận đời sống xuất gia. Thê nào là nên thực hành vững chãi hạnh sonjg một mình với ý nghĩa rời xa tập thê? Trong khi đã được xuat gia như vậy, vị áy một mình thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh. Vị ấy nên đi một mình, nên đứng một mình, nên ngồi một mình, nên nằm môt minh^ nên đi vào làng để khất thực một mình, nên đi trở về một mình, nên ngoi nơi vắng vẻ một mình, nên quyêt đinh kinh hành một mình, nên thực hành, nên trú ngụ, nên sinh hoạt, nên vận hành, nên bảo hộ, nên hộ trì, nên bảo dưỡng một mình. Như vậy là nên thực hành vững chãi hạnh sông một mình với ý nghĩa rời xa tập thê, nên thực hành chắc chăn, nên thực hành tinh tấn, nên có sự thọ trì vững chãi, nên có sự thọ trì kiên định trong các thiện pháp. 66Nen thực hành vững chãi hạnh sống một mình^, là như thế. Không nên phục dịch việc đôi lứa. Pháp đôi lứa: Nghĩa là việc làm không tót dẹp, việc làm của các dân làng,... (nt)... vì lý do ấy mà được gọi là pháp đôi lứa. Không nên phục vụ, không nên phục dịch, không nên kê cận, không nên thực hiện, không nên thực hành, không nên hành theo, không nên thọ trì và vận dụng pháp đôi lứa. "Không nên phục dịch việc đôi lứa" là như thế. Vì

the, đức The Ton đã noi răng: "Sau khi biêt được điêu bát lợi này, ở đây bậc Hiên trí trước đó và sau này, nên thực hành vững chãi hạnh sông một mình, không nên phục dịch việc đôi lứa."

7.9. Nên học tập chỉ mỗi hạnh viễn ly, điều này đối với các bậc Thánh là tối thượng, với điều ấy không nên nghĩ [bản thân] là hạng nhất; vi ấy quả nhiên ở gân Nỉêt-bàn. Nên học tập chỉ mỗi hạnh viễn ly.

ĐẠI DIỄN GIẢI 133

Sự viễn ly: Có ba sự viễn ly: Viễn ly về thân, viễn ly về tâm, viễn ly về mầm tái sanh. Thế nào là viễn ly về thân? ... (nt)... đay là viễn ly về mầm tái sanh. Viễn ly về thân là đối với các vị có thân đã lui về nơi ẩn dật, đã thích thú trong việc xuất ly. Viễn ly về tâm là đối với các vị có tâm hoàn toàn trong sạch, đã đạt đến sự trong trắng tuyệt đối. Và viễn ly về mầm tái sanh là đối với các cá nhân không còn mầm tái sanh, đã đạt đến việc lìa khỏi các pháp tạo tác. Sự học tập: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập ve thắng tuệ. ... (nt)... việc này là sự học tập ve thắng tuệ. Nên học tập chỉ mỗi hạnh viễn ly: Nên học tập, nên thực hành, nên hành theo, nên tiếp nhận và duy trì chỉ mỗi hạnh viễn ly. "Nên học tập chỉ mỗi hạnh viễn ly" là như thế. Điều này đối vói các bậc Thánh là tối thượng. Các bậc Thánh: Nói đến chư Phật, các vị đệ tử của đức Phật và các vị Phật Độc Giác. Đối với các bậc Thánh, điều này là cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý, tức là sự thực hành hạnh viễn ly. "Điều này đối với các bậc Thánh là t6i thượng" là như thế. Với điều ấy không nên nghĩ [bản thân] là hạng nhất: Với sự thực hành hạnh viễn ly ấy, không nên tạo sự kiêu hãnh, không nên tạo sự hãnh diện, không nên tạo sự ngã mạn, không nên tạo sự mạnh bạo, không nên tạo sự bướng bỉnh, không do điều ấy mà sanh ra nẹã mạn, không do điều ấy mà trở nên ương ngạnh, ương bướng, ngẩng cao đau. uVới điều ấy không nên nghĩ [bản thân] là hạng nhất" là như thế. Vi ấy quả nhiên ờ gần Niết-bàn: Vị ấy ở gần, ở xung quanh, ở tại chỗ ngồi, ơ Idiong xa, ở kế ben Niết-bàn. ấy quả nhiên ở gần Niết-bàn^, là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng: í(Nên học tập chỉ môi hạnh viên ly, điêu này đôi với các bậc Thảnh là tôi thượng, với điều ấy không nên nghĩ [bản thân] là hạng nhất; vỉ ấy quả nhiên ở gần Niết-bàn."

7.10. Đổi với bậc Hiền trí đang sống, trổng vắng ^mọi ô nhiễm], không có sự trông mong các dục, đoi với vị đã vượt qua [bon] dòng nước lũ, người đời, bị buộc trói ở các dục, mong cầu [được như vi ấy]. Đối với bậc Hiền trí đang sống, trống vắng [mọi ô nhiễm]. Trống vắng: Trống vắng, tách biệt, tách rời là trống vắng, tách biệt, tách rời với uế hạnh về thân; trống vắng, tách biệt, tách rời với uế hạnh về khẩu; trống vắng, tách biệt, tách rời với uế hạnh về ý; trống vắng, tách biệt, tách rời với sự luyến ái, sân hận, si mê, giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bon xẻn, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất

cả ô nhiễm, tát cả uê hạnh, mọi sự lo lăng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy? tát cả các pháp tạo tác bất thiện. Đối với bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt

qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là Hiền trí. Đang sống: Là đang thực hành, đang tru ngụ, đang sinh hoạt, đang vận hành, đang bảo hộ, đang hộ trì, đang bảo dưỡng. uĐối với bậc Hiền trí đang sống, trống vắng [mọi ô nhiễm]" là như thế. Không có sự trông mong các dục. Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục.... (nt).. Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt).. Các điều này được gọi là ô nhiễm dục. Sau khi biết toàn diện về các vật dục, sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua di, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm dục; trong khi không trông mong các dục, dục được từ bỏ, dục được tẩy trừ, dục được giải thoát, dục được dứt bỏ, dục được buông bỏ, luyến ái được xa lìa, luyến ái được từ bỏ, luyến ái được tẩy trừ, luyến ái được giải thoát, luyến ái được dứt bỏ5 luyến ái được buông bỏ, không còn khao khát, được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ? có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân. r

"Không có sự trông mong các dục^ là như thê. Đối với vi đã vượt qua [bốn] dòng nước 1% người đời bị buộc trói ờ các dục, mong cầu [được như vi ấy]. Người đời: Là từ ngữ đê cập đên chúng sanh; người đời bị luyên ái9 bị thèm khát, bi buộc trói, bị mê mẩn, bị gần gũi, bị máng vào, bi vướng vào, bị giữ lại ở các dục. Những người ấy ước muốn, img thuận, ước nguyện, mong cầu, nguyện cầu đối với vị đã vượt qua dòng lũ [ngũ] dục, đã vượt qua dòng lũ của hữu, đã vượt qua dòng lũ tà kiên, đã vượt qua dòng lũ vô minh, đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi mọi nẻo đường luân hồi, đã đi đến bờ kia, đã đạt đến bờ kia, đã đi đến điểm cuối, đã đạt đến điểm cuối, đã đi đến đỉnh, đã đạt đến đỉnh, đã đi đến tận cùng, đã đạt đến tận cùng, đã đi đến sự hoàn tất, đã đạt đến sự hoàn tất, đã đi đến nơi nương náu, đã đạt đến nơi nương náu, đã đi đến nơi trú ẩn, đã đạt đến nơi trú ẩn, đã đi đến nơi nương nhờ, đã đạt đến nơi nương nhờ, đã đi đến nơi không sợ hãi, đã đạt đến nơi không sợ hãi, đã đi đến bất hoại, đã đạt đến sự bất hoại, đã đi đến bất tử, đã đạt đến bất tử, đã đi đến Niết-bàn, đã đạt đến Niết-bàn. Giống như những người thiếu nợ ước nguyện, mong cầu việc thoát khỏi nợ; giống như những người bệnh ước nguyện, mong càu việc hết bệnh; giống như những người bị trói buộc vào sự cột trói ước nguyện, mong cầu việc thoát khỏi sự cột trói; giống như những người nô lệ ước nguyện, mong cầu sự tự do, giống như những người lao vào đường xa hiểm trở ước nguyện, mong cầu vùng đất an toàn; tương tự như vậy, người đời bị luyến ái, bị thèm khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bi gần gũi, bi máng vào, bi vướng vào, bị giữ lại ở các dục. Những người

ấy ước muốn, ưng thuận, ước nguyện, mong cầu, nguyện cầu đối với vị đã vượt dòng lũ [ngũ] dục, đã vượt dòng lũ của hữu... (nt)... đã đi đếnNiết-bàn, đã đạt đếnNiết-ban. uĐối với vị đã vượt qua ị^bốn] dòng nước lũ, người đời, bi buộc trói ở các dục, mong cầu [được như vị "là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: với bậc Hiên trí đang sông, trông văng [mọi ô nhiem], không có sự trông mong các dục, đoi với vi đã vượt qua [bon] dòng nước lũ, người đời, bỉ buộc trói ở các dục, mong cầu [được như vi ấy]." “Diễn giải kỉnh về Tissametteyya" - Phần thứ bảy.

8. DIỄN GIẢI KINH VỀ PASŪRA (PASŪRASUTTANIDDESO)

Giờ phần "Diễn giải kinh về Pasūra" được nói đến: r 5

8.1. Họ [những kẻ theo tà kiên] nói răng: "Chính ở đây là trong sạch." Họ đã nói sự thanh tịnh không có ở các giảo pháp khác. Nương tựa vào nơi nào, họ nói sự tốt đẹp ve nơi ấy, Phan đông đã đi theo những chân ly riêng biệt. Họ nói rằng: "Chính ờ đây là trong sạchw: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả về sự trong sạch, về sự thanh tinh, về sự hoàn toàn trong sạch, về sự thoát khỏi, về sự giải thoát, về sự hoàn toàn thoát khỏi ở chính nơi đây. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả về sự trong sạch, về sự thanh tịnh, về sự hoàn toàn trong sạch, về sự thoát khỏi, về sự giải thoát, về sự hoàn toàn thoát khỏi rằng: "Thế giới là thường còn, thế giới là không thường còn, thế giới là có giới hạn, thế giới là không có giới hạn, mạng sống và thân thể là một, mạng sống và thân thể là khác, chúng sanh hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại.” uHọ nói rằng: 'Chính ở đây là trong sạch"' là như thế. Họ đã nói sự thanh tinh không có ờ các giáo pháp khác: Họ quăng bỏ, ném bỏ, vất bỏ tất cả các học thuyết khác, ngoại trừ bậc Đạo su, giáo lý, tập thể, quan điểm, lối thực hành, đạo lộ của bản thân. Họ đã nói như vầy: "Bậc Đạo sư ấy không là đấng Toàn tri, giáo pháp ấy không khéo được thuyết giảng, tập thể ấy đã không thực hành tốt đẹp, quan điểm ấy không tốt đẹp, lối thực hành áy đã không khéo được quy định, đạo lộ ấy không dẫn dắt ra khỏi, ở nơi ấy không có sự trong sạch, hay sự thanh tịnh, hay sự hoàn toàn trong sạch, hay sự thoát khỏi, hay sự giải thoát, hay sự hoàn toàn thoát khỏi; ở nơi ấy không có những người được trong sạch, hay được thanh tịnh, hay được hoàn toàn trong sạch, hay được thoát khỏi, hay được giải thoát, hay được hoàn toàn thoát khỏi, họ là thấp hèn, hèn kém? thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi”, họ nói như vậy, họ thuyết như vậy, họ phát ngôn như vậy, họ giảng giải như vậy, họ diễn tả như vậy. "Hq đã nói sự thanh tịnh không có ở các giáo pháp khác" là như thế. Nương tựa vào noi nào, họ nói sự tốt đẹp về nơi ấy.

ĐẠI DIỄN GIẢI 137

Nương tựa vào n(ri nào: Vào bậc Đạo sư, vào giáo lý, vào tập thể, vào quan điểm, vào lối thực hành, vào đạo lộ nào mà họ đã nương tựa, đã nương nhờ, đã bám vào, đã đến gần, đã bám chặt, đã hướng đến. Vê noi ây: Là vê quan diêm của mình, vê sự chập nhận của mình, vê sự ưa thích của mình, về quan niệm của mình. Họ nói sự tốt đẹp: Là có học thuyết tốt đẹp, có học thuyết lịch sự, có học thuyết sáng suốt, có học thuyết vững chắc, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyêt rõ rệt, có học thuyêt gương mâu, có học thuyêt giá trị dựa theo quan niệm của mình. "Nương tựa vào nơi nào, họ nói sự tót đẹp vê nơi ây" là như thê. Phần đông đã đi theo những chân lý riêng biệt: Phần đông các Sa-môn và Bà-la-môn đã đi theo, đã thiết lập, đã bám vào, đã đến gần5 đã bám chặt, đã hướng đến những chân lý riêng biệt của cá nhan. Họ đã đi theo, đã thiết lập, đã bám vào, đã đến gần, đã bám chặt, đã hướng đến rằng: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý? điều khác là rồ dại'; họ đã đi theo, đã thiết lập,

đã bám vào, đã đến gần, đã bám chặt, đã hướng đến rằng: "Thế giới là không thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại." 'Thần đông đã đi theo những chân lý riêng biêt" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: “Hẹ)[những kẻ theo tà kiến] nói rằng: 'Chỉnh ở đây là trong sạch.' Họ đã nói sự thanh tinh không có ở các giáo pháp khác. Nương tựa vào nơi nào, họ nói sự tót đẹp vê nơi ây. Phần đông đã đi theo những chân ly riêng biệt."

8.2 Mong muốn tranh luận, những kẻ ấy sau khỉ chen vào hội chúng, Từng đôi, chủng đảnh giá lan nhau là ngu dốt. Dựa dam vào người khác, chúng nói lời bàn cãi, Mong muốn lời ca ngợi, chúng nói [học thuyết] là thiện xảo. Mong muốn tranh luận, những kẻ ấy sau khi chen vào hội chúng. Mong muốn tranh luận, những kẻ ấy: Những kẻ ấy có sự mong muốn tranh luận, có mục đích tranh luận, có chủ tâm tranh luận, có sự chú trọng tranh luận, có sự tầm cầu tranh luận trong khi đi đến. Sau khi chen vào hội chúng: Là sau khi chen vào, sau khi xen vào, sau khi lặn sâu vào, sau khi đi vào hội chúng Sát-dế-ly, hội chúng Bà-la-môn, hội chúng gia chủ, hội chúng Sa-môn.1 "Mong muốn tranh luận, những kẻ ấy sau khi chen vào hội chúng^, là như thế. Từng đôi, chúng đánh giá lẫn nhau là ngu dốt

1 Đã dịch theo sự hiệu đính của Tam tạng Miến Điện, Thái Lan và PTS. (ND)

Từng đôi: Là hai người, hai người gây nên sự cãi cọ? hai người gây nên sự cãi lộn, hai người gây nên cuộc nói chuyện nhảm nhí, hai người gây nên sự tranh cãi, hai người gây nên sự tranh tụng, hai người tranh luận, hai người chuyện trò. Chúng đánh giá, nhìn thấy, nhận thấy, quan sát, suy xét, khảo sát lẫn nhau là thấp hèn, là hèn kém, là thấp kém, là thấp thỏi, là tồi tệ, là nhỏ nhoi. "Từng đôi, chúng đánh giá lẫn nhau là ngu d6f' là như thế. Dựa dẫm vào người khác, chúng nói lời bàn cãi: Những người ấy nương tựa, dựa dẫm, bám vào, đến gần, bám chặt, hướng đến bậc Đạo sư, giáo lý, tập thể, quan điểm, lối thực hành, đạo lộ khác. Lời bàn cãi: Nói đến sự cãi cọ, sự cãi lộn, sự cãi vã? sự tranh cãi, sự gây gổ. Hoặc là, lời bàn cãi: Lời nói ấy là vô bổ. Chúng nói lời bàn cãi, nói lời cãi cọ, nói lời cãi lộn, nói lời cãi vã, nói lời tranh cãi, nói lời gây gổ, chúng thuyết, chúng phát ngôn, chúng giảng giải, chúng diễn tả. 4íDựa dẫm vào người khác, chúng nói lời bàn cỗd" là như thế. Mong muốn lòi ca ngợi, chúng nói [học thuyết] là thiện xảo. Mong muốn IM ca ngợi: Là có sự mong muốn lời ca ngợi, có mục đích về lời ca ngợi, có chủ tâm về lời ca ngợi, có sự chú trọng về lời ca ngợi, có sự tầm cầu về lời ca ngợi trong khi đi đến. Chúng nói là thiện xảo: Là có học thuyết thiện xảo, có học thuyết sáng suốt, có học thuyết vững chắc, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá trị dựa theo quan niệm của mình. "Mong muốn lời ca ngợi, chúng nói [học thuyết] là thiện xo" là như thế. Vì the, đức The Tôn đã noi răng: “Mong muốn tranh luận, những kẻ ấy sau khỉ chen vào hội chủng, Từng đôi, chúng đảnh giá lẫn nhau là ngu dốt. Dựa dẫm vào người khác, chủng nói lời bàn cãi, Mong muôn lời ca ngợi, chủng nói [học thuyêt] là thiện xảo.

8.3. Kẻ găn bó với sự phát biêu ở giữa hội chúng, Trong khi ước muốn lời ca ngợi, thì trở nên lo lắng, Hơn nữa, khi bỉ bác bỏ thì trở nên xâu hô, Vỉ sự chê bai, kẻ ấy bỉ bực tức, có sự tìm kiếm điểm thiếu sót, Kẻ gắn bó với sự phát biểu ờ giữa hội chúng: Kẻ gắn bó, gắn vào, gắn chặt, gắn liền, kết gắn với sự phát biểu của bản thân ở hội chúng Sát-đế-lỵ? hoặc ở hội chúng Bà-la-môn, hoặc ở hội chúng gia chủ, hoặc ở hội chúng Sa-môn để phát biểu. "Kẻ gắn bó với sự phát biểu ở giữa hội chiing" là như thế. Trong khi ước muốn lời ca ngợi, thỉ trở nên lo lắng.

ĐẠI DIÊN GIẢI 139

Trong khi ước muôn IM ca ngợi: Trong khi ước muôn là trong khi ước nguyện, trong khi mong cầu, trong khi nguyện cầu lời ca ngợi, sự tán dương, sự 2 . .k t . nôi tiêng, sự rạng danh. Thì trở nên lo lắng: Ngay trước cuộc nói chuyện thì có nỗi nghi hoặc, có sự lo lắng rằng: "Phải chăng sẽ có sự chiến thắng cho ta? Phải chăng sẽ có sự thất bại cho ta? Ta sẽ thực hiện việc chỉ trích như thế nào? Ta sẽ thực hiện việc bào chữa như thể nào? Ta sẽ tạo sự đề cao như thế nào? Ta sẽ tạo sự gây ấn tượng như thê nào? Ta sẽ tạo sự gút mác như thê nào? Ta sẽ tạo sự gở roi như thế nào? Ta sẽ tạo sự cắt ngang như thế nào? Ta sẽ tạo sự kết nối như thế nào?" Ngay trước cuộc nói chuyện thì có nỗi nghi hoặc, có sự lo lắng là như vậy. "Trong khi ước muốn lời ca ngợi, thì trở nên lo lắng" là như thế. Hơn nữa9 khi bi bác bỏ thì trở nên xấu hỗ: Những người nào là các vị xem xét câu hỏi, các hội đoàn, các thành viên, các kiểm tra viên, những người ấy bác bỏ. Họ bác bỏ vì ý nghĩa: "Biều đã nói xa rời ý nghia." Họ bác bỏ vì văn tự: "Điều đã nói xa rời văn tự." Họ bác bỏ vì ý nghĩa và văn tự: "Điều đã nói xa rời ý nghĩa và văn tự." Họ bác bỏ rằng: "Ý nghĩa đã được ông trình bày sai, văn tự đã được ông trích dẫn tồi, nghĩa và văn tự đã được ông trình bày sai và trích dẫn tồi, ông đã không thực hiện việc chỉ trích, ông đã thực hiện tồi việc bào chữa, ông đã không tạo sự đề cao, ông đã làm dở việc gây ấn tượng, ông đã không tạo sự gút mắc, ông đã làm dở việc gỡ rối, ông đã không tạo sự cắt ngang, ông đã làm dở việc kết nối. Điều đã thuyết là không suông sẻ? đã được thuyết dở5 đã được phát ngôn dở, đã được đối đáp tồi, đã được thốt ra tồi, đã bi nói vụng về." Hơn nữa, khi bị bác bỏ thì trở nên xấu hổ: Khi bị chối từ thì trở nên xấu hổ, bị dằn vặt, bị đụng chạm, bị bệnh hoạn, bi ưu phiền. "Hơn nữa? khi bi bác bỏ thì trở nên xấu h6” là như thế. Vì sự chê bai, kẻ ấy bi bực tức, có sự tìm kiếm điểm thiếu sót: Vì sự chê bai, vì sự chê trách, vì sự không nôi tiêng, vì sự không ca tụng, nên bị bực tức, tức giận, phản kháng bày tỏ sự bực tức, sự sân hận, sự không bằng lòng. Í4VÌ sự chê bai, kẻ ấy bi bực tức" là như thế. Có sự tìm kiếm điểm thiếu sót: Có sự tìm kiếm điểm thiếu sót là có sự tìm kiếm chỗ thủng, có sự tìm kiếm khuyết điểm, có sự tìm kiếm sự lầm lỡ, có sự tìm kiếm sự vấp ngã, có sự tìm kiếm sự đụng chạm, có sự tìm kiếm kẽ hở. “Vi sự chê bai, kẻ ấy bi bực tức, có sự tìm kiếm điểm thiếu s6t” là như thế. Vì thê, đức The Ton đã noi răng: “Kẻ găn bó với sự phát biêu ở giữa hội chủng, Trong khi ước muốn lời ca ngợi, thì trở nên lo lang. Hơn nữa, khi bị bác bỏ thì trở nên xấu hổ, Vĩ sự chê bai, kẻ ây bi bực tức, có sự tìm kiêm diêm thiêu sót."

140 KINH TIỂU BÔ

8.4. Họ đã nói rằng cuộc tranh luận của người này là hèn mọn, Những vỉ xem xét câu hỏi đã bác bỏ. Người có cuộc tranh luận thấp hèn than vãn, sầu muộn, Phàn nàn rằng: “Kẻ ấy đã vượt hẳn tôi." Họ đã nói rằng cuộc tranh luận của người này là hèn mọn: Cho rằng cuộc tranh luận của người này là thấp hèn, hèn kém, hèn mọn, bi bỏ qua, không được hoàn hảo; các vi đã nói như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn nhu vậy? giảng giải như vậy, diễn tả như vậy. uHọ đã nói rằng cuộc tranh luận của người này là hèn mẹm" là như thế. Những vi xem xét câu hỏi đã bác bỏ: Những người nào là các vị xem xét câu hỏi, các hội đoàn, các thành viên, các kiểm tra viên, những người ấy bác bỏ. Họ bác bỏ vì ý nghĩa: "Biều đã nói xa rời ý nghía." Họ bác bỏ vì văn tự: "Điều đã nói xa rời văn tự.” Họ bác bỏ vì ý nghĩa và văn tự: "Điều đã nói xa rời ý nghĩa và văn tự." Họ bác bỏ rằng: CCÝ nghĩa của ông được trình bày sai, văn tự của ông được trích dẫn tồi, ý nghĩa và văn tự của ông được trình bày sai và được trích dẫn tồi, ông đã không thực hiện việc chỉ trích, ông đã thực hiện tồi việc bào chữa, ông đã không tạo sự đề cao, ông đã làm dở việc gây ấn tượng, ông đã không tạo sự gút mắc, ông đã làm dở việc gỡ rối, ông đã không tạo sự cắt ngang, ông đã làm dở việc kết nối. Điều đã thuyết là không suông sẻ, đã được thuyêt dở, đã được phát ngôn dở, đã được đôi đáp tôi, đã được thót ra tôi, đã bị nói vụng “Những vị xem xét câu hỏi đã bác b6” là như thế. Người có cuộc tranh luận thấp hèn than vãn, sầu muộn. Than vãn [rằng]: "Ta đã suy tính cách khác, đã suy nghĩ cách khác, đã suy luận cách khác, đã học tập cách khác, đã suy xét cách khác. Kẻ ấy có phe cánh đông hơn, có hội chúng đông hơn, có tùy tùng đông hơn. Hội chúng này là phe nhóm, không hợp nhất. Hãy có cuộc thuyết giảng và nói chuyện ở hội chúng hợp nhất, ta sẽ bẻ gãy lại", lời nói nào có hình thức như vậy là nói lảm nhảm, nói huyên thuyên, nói kể lể, lối nói kể lể, trạng thái nói kể lể. "Than vãn,, là như the. Sầu muộn: Sầu muộn rằng: “Chiến thắng thuộc về kẻ ấy9\ sầu muộn rằng: "Thất bại thuộc về sầu muộn rằng: "Lợi lộc thuộc về kẻ ấy', sầu muộn rằng: “Thất lợi thuộc về ta”, sầu muộn rằng: 'Danh vọng thuộc về kẻ ấy”, sầu muộn rằng: uKhông danh vọng thuộc về ta", sầu muộn rằng: "Khen ngợi thuộc về kẻ ấy, sầu muộn rằng: "Chê bai thuộc về ta", sầu muộn rằng: "Hạnh phúc thuộc về kẻ ấy”sầu muộn rằng: "Bau khổ thuộc về ta." sầu muộn rằng: "Kẻ ấy được trọng vọng, được cung kính, được sùng bái, được cúng dường, được nể nang, có nhận được y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và vật dụng là thuốc men chữa bệnh; ta không được trọng vọng, không được cung kính, không được sùng bái, không được cúng dường, không được nể nang, không nhận được y phục,

vật thực, chô trú ngụ và vật dụng là thuôc men chữa bênh” roi mệt mỏi, than vãn, đấm ngực khóc lóc, đi đến sự mê muội. "Than vãn, sầu mu!!” là như thế. Cuộc tranh luận thấp hèn: Cuộc tranh luận thấp hèn là cuộc tranh luận hèn mọn, cuộc tranh luận bị bỏ qua, cuộc tranh luận không được hoàn hảo. "Người có cuộc tranh luận thấp hèn than vãn, sầu muộn^ là như thế. Phàn nàn rằng: uKẻ ấy đã vượt hẳn tôi.w "Kẻ ấy đã vượt trội, đã vượt khỏi, là đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi tôi trong lúc tranh luận với tôi bằng cuộc tranh luận.y "Kẻ ấy đã vượt hẳn t6i" là như vậy. Hoặc là, "Trong lúc tranh luận với tôi bang cuộc tranh luận, sau khi ngự trị, sau khi đè bẹp, sau khi trấn áp, sau khi chà đạp tôi, kẻ ấy sống, tru ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì,

bảo dưỡng.,, "Kẻ ấy đã vượt hẳn t6i” còn là như vậy. Phàn nàn: Đe cập đến lời nói, việc nói lảm nhảm, việc nói huyên thuyên, việc nói ke le, lôi nói ke le, trạng thái noi ke le. 'Than nàn rằng: 'Kẻ ấy đã vượt hẳn tồi'" là như thế. Vì thê, đức The Tôn đã noi răng: “Hđã nói rang cuộc tranh luận của người này là hèn mọn, Những vi xem xét câu hỏi đã bác bỏ. Người có cuộc tranh luận thấp hèn than vãn, sầu muộn, Phàn nàn rằng: 'Kẻ ấy đã vượt hẳn tôi.'‘

8.5. Những sự tranh cãi này đã sanh khởi giữa các vị Sa-môn. ở những việc này có sự hưng phấn và chán nản. Sau khi nhìn thay luôn cả điều này, nên xa lánh sự bàn cãi, Bởi vì không có lợi ích nào khác ngoài việc đạt được lời ca ngợi. Những sự tranh cãi này đã sanh khởi giữa các vi Sa-môn. Các vi Sa-môn: Bất cứ những vị nào đã đi đến hạnh du si, đã thành tựu hạnh du sĩ bên ngoài giáo pháp này. Các sự cãi cọ về quan điểm, các sự cãi lộn về quan điểm, các sự cãi vã vê quan diêm, các sự tranh cãi về quan điểm, các sự gâyổ về quan điểm này đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện giữa các vị Sa-môn. "Những sự tranh cãi này đã sanh khởi giữa các vi Sa-m6n" là như thế. ở những việc này có sự hưng phấn và chán nản: Là có chiến thắng và thất bại, có lợi lộc và không lợi lộc5 có danh vọng và không danh vọng, có ca ngợi và chê bai, có hạnh phúc và khô đau, có hỷ tâm và ưu tâm, có ưa thích và không ưa thích, có ưa chuộng và bất bình, có hưng phấn và chán nản, có chiều chuộng và chống đối; do chiến thắng tâm được hưng phấn, do thất bại tâm bi chán nản; do có lợi lộc tâm được hưng phấn, do không có lợi lộc tâm bi chán nản; do có danh vọng tâm được hung phân, do không có danh vọng tâm bị chán nản; do lời ca ngợi tâm được himg phân, do lời chê bai tâm bị chán nản; do hạnh phúc tâm được hưng phân, do khô đau tâm bi chán nản; do hỷ tâm tâm được

hưng phấn, do ưu tâm tâm bị chán nản; do kiêu hãnh tâm được hưng phấn, do mặc cảm tâm bị chán nản. "d những việc này có sự hưng phấn và chán nan^ là như thế. Sau khi nhìn thấy luôn cả điều này, nên xa lánh sự bàn cãi. Sau khỉ nhìn thấy luôn cả điều này: Sau khi nhìn thấy, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt điều bất lợi này ở các sự cãi cọ về quan điểm, ở các sự cãi lộn về quan điểm, ở các sự cãi vã về quan điểm, ở các sự tranh cãi về quan điểm, ở các sự gâyổ về quan điểm. "Sau khi nhìn thấy luôn cả điều này59 là như the. Nên xa lánh sự bàn cãi: Sự bàn cãi nói đến sự cãi cọ, sự cãi lộn, sự cãi vã? sự tranh cãi, sự gâyổ. Hoặc là, sự bàn cãi: Lời nói ấy là vô bổ. Không nên tạo ra sự bàn cãi, không nên tạo ra sự cãi cọ, không nên tạo ra sự cãi lộn5 không nên tạo ra sự cãi vã? không nên tạo ra sự tranh cãi, không nên tạo ra sự gâyổ; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm châm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự cãi cọ, cãi lộn, cãi vã, tranh cãi, gâyổ; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bi ràng buộc với sự cãi cọ, cãi lộn, tranh luận, tranh cãi, gâyổ? nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Sau khi nhìn thấy luôn cả điều này, nên xa lánh sự bàn ci" là như thế. Bởi vì không có lợi ích nào khác ngoài việc đạt được lời ca ngợi: Ngoài việc đạt được lời ca ngợi, không có lợi ích nào khác, lợi ích cho bản thân hay lợi ích cho người khác hoặc lợi

ích cho cả hai, lợi ích liên quan đời này hay lợi ích liên quan đời sau, lợi ích hời hợt hay lợi ích thâm sâu, lợi ích được giấu kín hay lợi ích được che đậy, lợi ích tiềm tàng hoặc lợi ích hiển hiện, lợi ích có tội lỗi hay lợi ích không ô nhiễm, lợi ích trong trắng hay lợi ích tối thượng là không c6, không hiện hữukhông tìm thấy, không tồn tại. "Bởi vì không có lợi ích nào khác ngoài việc đạt được lời ca ngợi^^ là như thế. Vì thê, đức Thê Tôn đã noi răng: “Những sự tranh cãi này đã sanh khởi giữa các vỉ Sa-môn. ở những việc này có sự hưng phấn và chán nản. Sau khi nhìn thấy luôn cả điều này, nên xa lánh sự bàn cãi, Bởi vì không có lợi ích nào khác ngoài việc đạt được lời ca ngợi."

8.6. Hoặc hơn nữa, kẻ được ca ngợi ở nơi âyf Sau khi đã nói lên lời tranh luận ở giữa hội chúng, g/ A 7/5 1 Ằ Ắ 3 Kẻ ây cười vê điêu ây, kiêu hãnh vì điêu ây, Sau khi đã đạt được mục đích ấy theo như ỷ đinh đã có. Hoặc hơn nữa, kẻ được ca ngợi ờ nơi ấy. ở noi ấy: Được ca ngợi, được tán dương, được nổi tiếng, được rạng danh bởi quan điểm của mình, bởi sự chấp nhận của mình, bởi sự ưa thích của mình, bởi quan niệm của mình.

ĐẠI DIỄN GIẢI 143

"Hoặc hơn nữa, kẻ được ca ngợi ở nơi ấy" là như thế. Sau khỉ đã nói lên lời tranh luận ờ giữa hội chúng: Sau khi đã nói lên, sau khi đã nêu ra lời tranh luận; sau khi đã nói lên, sau khi đã nêu ra, sau khi đã kiện toàn, sau khi đã tăng cường, sau khi đã giảng giải, sau khi đã làm rõ, sau khi đã diễn tả, sau khi đã nắm vững lời biện luận của mình ở giữa hội chúng Sát-đế-lỵ, hội chúng Bà-la-môn, hội chúng gia chủ, hội chúng Sa-môn. “Sau khi đã nói lên lời tranh luận ở giữa hội chứng" là như thế. Kẻ ấy cười về điều ấy, kiêu hãnh vì điều ấy: Kẻ ấy với thắng lợi ấy trở nên vui sướng, vui vẻ? thích thú, hoan hỷ, có tâm tư được trọn vẹn; hoặc là trong lúc cười nhe răng, kẻ ấy cười. Kiêu hãnh vì điều ấy: Kẻ ấy được kiêu hãnh với thắng lợi ấy. Sự kiêu hãnh, sự giương lên [như ngọn cờ], sự tự nâng lên, sự mong muốn nổi bật của tâm. "Kẻ ấy cười về điều ấy, kiêu hãnh vì điều ấy" là như thể. Sau khi đã đạt được mục đích ấy theo như ý đinh đã có: Sau khi đã đạt được, sau khi đã đến nơi, sau khi đã đạt đến, sau khi đã tìm thấy, sau khi đã tiếp nhận thắng lợi ấy. Theo như ý đinh đã có: Theo như ý định đã có là theo như tâm ý đã có, theo như tâm tư đã có, theo như tâm thức đã có. "Sau khi đã đạt được mục đích ấy theo như ý định đã c6” là như thế. Vì the, đức The Tôn đã noi răng: ^Hoặc hơn nữa, kẻ được ca ngợi ở nơi ẩy, Sau khi đã nói lên lời tranh luận ở giữa hội chủng, Kẻ ấy cười về điều ấy, kiêu hãnh vì điều ấy, Sau khỉ đã đạt được mục đích ấy theo như ỷ định đã c6' r r z f 8.7. Cái nào là sự kiêu hãnh, cái áy đôi với kẻ áy là vùng đát tiêu diệt Hơn nữa, kẻ ấy nói một cách ngã mạn và cao ngạo. Sau khi nhìn thấy luôn cả điều này, không nên tranh cãi, Bởi vì các bậc thiện xảo nói sự trong sạch là không do việc ấy. Cái nào là sự kiêu hãnh, cái ấy đối với kẻ ấy là vùng đất tiêu diệt. Cái nào: Cái nào là sự hãnh diện, sự giương lên [như ngọn cờ], sự tự nâng lên, sự mong muốn nổi bật của tâm; "cái nào là sự kiêu hãnh99 là như thế. Cái ấy đối vói kẻ ấy là vùng đất tiêu diệt: Cái ấy là vùng đất tiêu diệt, vùng đất phá hại, vùng đất hành hạ, vùng đất đụng chạm, vùng đất bất hạnh, vùng đất nguy cơ đối với kẻ ấy. “Cái nào là sự kiêu hãnh, cái ấy đối với kẻ ấy là vùng đất tiêu diet” là như thế. Hơn nữa, kẻ ấy nói một cách ngã mạn và cao ngạo: Nhân vật ấy nói một cách ngã mạn và nói một cách cao ngạo. "Hơn nữa, kẻ ấy nói một cách ngã

mạn và cao ngạo” là như thế.

144 KINH TIỂU Bộ

Sau khi nhìn thấy luôn cả điều này, không nên tranh cãi: Sau khi nhìn thấy, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt điêu bát lợi này ở các sự cãi cọ vê quan diêm, ở các sự cãi lộn về quan điểm, ở các sự cãi vã về quan điểm, ở các sự tranh cãi về quan điểm, ở các sự gây gổ về quan điểm. "Sau khi nhìn thấy luôn cả điều này" là như thế. Không nên tranh cãi: Không nên tạo ra sự cãi cọ, không nên tạo ra sự cãi lộn, không nên tạo ra sự cãi vã, không nên tạo ra sự tranh cãi, không nên tạo ra sự gây gổ; nên dứt bỏ, nên xua di, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự cãi cọ, cãi lộn, cãi vã, tranh cãi, gây gổ; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự cãi cọ, cãi lộn, cãi vã, tranh cãi, gây gổ, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Sau khi nhìn thấy luôn cả điều này, không nên tranh câd” là như thế. Bởi vì các bậc• thiện • xảo nói sự• trong sạch là không Oe O do việc e ấy. v

Các bậc thiện xảo: Những bậc thiện xảo vê uân, thiện xảo vê giới, thiện xảo về xứ, thiện xảo về tùy thuận duyên khởi, thiện xảo về việc thiết lập niệm, thiện xảo vê chánh cần, thiện xảo vê nên tảng của thân thông, thiện xảo về quyền, thiện xảo về lực, thiện xảo về yếu tố đưa đến giác ngộ, thiện xảo về Đạo, thiện xảo về Quả, thiện xảo về Ni&t-bàn, [các bậc thiện xảo ấy] không nói, không thuyết, không phát ngôn, không giảng giải, không diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khôi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do sự cãi cọ về quan điểm, do sự cãi lộn về quan điểm, do sự cãi vã vê quan diêm, do sự tranh cãi vê quan diêm, do sự gây gô vê quan diêm. "Bởi vì các bậc thiện xảo nói sự trong sạch là không do việc ấy” là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: “Cải nào là sự kiêu hãnh, cái ây đôi với kẻ ây là vùng đát tiêu diệt. Hơn nữa, kẻ ây nói một cách ngã mạn và cao ngạo. Sau khỉ nhìn thấy luôn cả điều này, không nên tranh cãi, Bởi vì các bậc thiện xảo nói sự trong sạch là không do việc ấy."

8.8. Giàng như vị dũng sĩ, được chu cáp với thức ăn của nhà vua, Đi dèn, la hét, ước muốn có dũng sĩ đối địch. Này dũng sĩf ngươi hãy đi đen nơi kẻ [dũng sĩ đoi địch] ấy, Quả thật trước đây đã không còn [ô nhiêm] gì đê mà chiên đâu. Giống như vi dũng sĩ, được chu cấp với thức ăn của vua. Vi dũng sĩ: Vị dũng sĩ là vị anh hùng, quả cảm, không nhút nhát, không kinh hãi, không sợ sệt, không trốn chạy. Được chu cấp với thức ăn của vua: Được chu cấp, được nuôi dưỡng, được cung cấp, được tăng trưởng nhờ vào vật thực cứng của nhà vua, nhờ vào vật thực mem của nhà vua.

ĐẠI DIỄN GIẢI 145

"Giông như vị dũng sĩ, được chu cáp với thức ăn của nhà vua" là như thê. Đi đến, la hét, ước muốn có dũng sĩ đối địch: Vị ấy đi đến, tiếp cận, đi đến gần, vừa kêu la, vừa la lên, vừa la hét, trong khi ước muốn, trong khi ưng thuận, trong khi ước nguyện, trong khi mong cầu, trong khi nguyện cầu có dũng sĩ đối địch, có người nam đối địch, có kẻ thù đối địch, có võ sĩ đối địch. "Bi đến, la hét, ước muốn có dũng sĩ đối djch” là như thế. Này

dũng sĩ, ngươi hãy đi đến noi kẻ [dũng sĩ đối địch] ấy: Kẻ theo tà kiến ấy hiện ở nơi nào, thì ngươi hãy đi đến nơi ấy, hãy tiến đến nơi ấy, hãy đến gần nơi ấy, hãy tiến về nơi ấy. Kẻ ấy là dũng sĩ đôi địch, người nam đối địch, kẻ điu đối địch, võ sĩ đối địch của ngươi. "Này dũng sĩ, ngươi hãy đi đến nơi kẻ [dũng sĩ đối địch] ấy" là như thế. Quả thật trước đây đã không còn [ô nhiễm] gì để mà chiến đấu: Quả thật trước đay ở gốc cây Bồ-đề? những ô nhiễm có hành động đối kháng, có hành động đoi nghịch, có hành động chống đối, có hành động đối lập là không có, không hiện hữu, không tìm thay, không ton tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lăng, đã được tịch tinh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa tn tuệ. Đe mà chiến đấu: Tức là nhằm mục đích chiến đấu, nhằm mục đích cãi cọ, nham mục đích cãi lộn, nham mục đích cãi vã, nham mục đích tranh cãi, nham mục đích gây gổ. "Quả thật trước đây đã không còn [ô nhiễm] gì để mà chiến dấu" là như thế. y Tỵ ji Á A Á rpi A jF • w Vì thê, đức The Tôn đã noi răng: ^Giông như vị dũng sĩ, được chu cáp với thức ăn của nhà vua, Đi đến, la hét, ước muốn có dũng sĩ đổi địch. Này dũng sĩ, ngươi hãy đi đến nơi kẻ [dũng sĩ đối địch] ấy, Quả thật trước đây đã không còn [ô nhiễm] gì đe mà chiến đau. “

8.9. Những kẻ nào sau khỉ tiếp thu tà kiên, roi tranh cãi và nói răng: “Chi môi điều này là chân ly.Ngươi hãy nói với những kẻ ẩy rằng: “Khi cuộc tranh luận sanh khởi, người đôi kháng với ngươi ở đây thật sự không c6." Những kẻ nào sau khi tiếp thu tà kiến, rồi tranh cãi: Những kẻ nào sau khi chấp nhận, sau khi nắm lấy9 sau khi tiếp thu, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt bất cứ tà kiến nào thuộc về sáu mươi hai tà kiến rồi tranh cãi, rồi gây ra sự cãi cọ, gây ra sự cãi lộn, gây ra sự cãi vã, gây ra sự tranh cãi, gây ra sự gây gổ rằng: "Ngươi không biết Pháp và Luật này, ta biết Pháp và Luật này, ngươi sẽ biết gì về Pháp và Luật này? Ngươi thực hành sai trái, ta thực hành đúng đắn, có lợi ích cho ta, không có lợi ích cho ngươi, điêu nên nói trước đã nói sau, điều nên nói sau đã nói trước, lề thói của ngươi đã bị đảo lộn, học thuyết của ngươi đã bị lên án, ngươi bị phản đối, nguôi hãy hành xử cho việc thoát ra khỏi lời nói [của mình], hoặc ngươi hãy gỡ roi nêu ngươi có khả năng?5

"Những kẻ nào sau khi tiếp thu tà kiến, rồi tranh cãtì" là như thế. Và nói rằng: 6Chí mỗi điều này là chân lýw: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ di"; họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng: "Thế giới là không thường còn,... (nt). chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chét; chỉ điêu này là chân lý, điều khác là rồ dại. “Và nói rằng: Chỉ mỗi điều này là chân y là như thế. Ngươi hãy nói với những kẻ ấy rằng: “Khi cuộc tranh luận sanh khỏi, người đối kháng với ngươi ờ đây thật sư không c6” Ngươi hãy nói với những kẻ theo tà kiến ấy về sự tranh luận bằng sự tranh luận, về sự chỉ trích bằng sự chỉ trích, về sự bào chữa bằng sự bào chữa, về sự đề cao bằng sự đề cao, về sự gây ấn tượng bằng sư gây ấn tượng, về sự gút mắc bằng sự gút mắc, về sự gỡ roi bằng sự gỡ rối, về sự cắt ngang bằnệ sự cắt ngang, về sự kết nối băng sự kết nối. Ngươi hãy nói với những kẻ ây răng: "Những người ấy là các dũng sĩ đôi địch, các người nam đôi địch, các kẻ thù đôi

địch, các võ sĩ đôi địch đối với ngươi.,, 6Khi cuộc tranh luận sanh khởi, người đối kháng với ngươi ờ đây thật sự không c6” Khi cuộc tranh luận đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện, những người nào that sự là những người đối kháng, những người đối nghịch, những người chống đối, những người đối lập có thể tạo ra sự cãi cọ, có thể tạo ra sự cãi lộn, có thể tạo ra sự cãi v có thể tạo ra sự tranh cãi, có the tạo ra sự gây go; những người ấy là không c6, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thê sanh khởi nữa, đã được thiêu đót bởi ngọn lửa trí tuệ. "Ngươi hãy nói với những kẻ ây răng: 'Khi cuộc tranh luận sanh khởi, người đối kháng với ngươi ở đây thật sự không c6‘" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: r r \ y ~ “Những kẻ nào sau khỉ tỉếp thu tà kiên, roi tranh cãi và nói răng: 'Chí môi điều này là chân lỷ. 'Ngươi hãy nói với những kẻ ấy rang: 'Khi cuộc tranh luận sanh khởi, người đôi kháng với ngươi ở đây thật sự không

8.10. Hơn nữa, sau khỉ tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm], những vi nào sống không chống đối quan điểm [này] bằnệ các quan điếm [khác], này Pasũra, ngươi có the đạt được gì ở những vi ấy, là những Vỉ ở đây không có điều gì được nam bắt là toi thắng. Hơn nữa, sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm], những vi nào sống: Đạo binh nói đến đạo binh của Ma vương; uế hạnh về thân là đạo binh của Ma vương; uê hạnh vê khâu là đạo binh của Ma vương; uê hạnh vê ý là đạo binh của Ma vương; tham lam là đạo binh của Ma vương; sân hận là đạo binh của Ma vương; si mê là đạo binh của Ma vương; giận dữ là đạo binh của Ma vương;

thù hằn là đạo binh của Ma vương; gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bon xẻn, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, nệã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lang, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bát thiện là đạo binh của Ma vương. Bơi vì điêu nay đã được đức The Ton noi đen: "Các dục là đạo binh thứ nhất của ngươi, thứ nhì nói đến sự không thích thú,... (nt)... và vị đã chiến thắng thì đạt được sự an lạc?52 Vào lúc tất cả các đạo binh của Ma vương và tất cả các ô nhiễm có hành động đối kháng đã bị đánh bại và đã bi khuất phục, đã bi đổ vỡ, đã bị tan rã5 không còn hiện diện, nhờ vào bốn Thánh đạo; vì thế, được gọi là "sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm]. Những vi nào: Là các bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt. Sống: Các vị sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng. "Hơn nữa, sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm], những vi nào sống” là như thế. Không chống đối quan điểm [này] bằng các quan điểm [khác]: Đối với những vi nào, sáu mươi hai tà kiến đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tinh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, những vị ấy không chống đối, không chống báng, không đụng chạm, không công kích, không phản công quan diêm [này] băng các quan điểm [khác]. "Không chống đối quan điểm [này] bằng các quan điểm [khácj,9 là như thế. Này Pasũra, ngươi có thể đạt được gì ờ nhũng vi ấy: Ngươi có thể đạt được dũng sĩ đối địch, người nam đối địch, kẻ thù đoi địch, võ sĩ đối địch gì ở các bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt ấy? "Này Pasũra, ngươi có thể đạt được gì

ở những vị ấy" là như thế. Là những vi ờ đây không có điều gì được nắm bắt là tối thắng: Đối với các bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt, điều được nắm lấy, được bám víu, được chấp chặt, được bám chặt, được hướng đến rằng: "Biều này là tối thắng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quy" thì không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa tn tuệ. "Là những vị ở đây không có điều gì được nắm bắt là tối thng" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Hơn nữa, sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm], những vi nào sổng không chống đổi quan điểm [này] bang các quan điểm [khác], này Pasũra, ngươi có thê đạt được gì ở những vỉ ây, là những vi ở đây không có điêu gì được năm bát là tối thẳng.

2 Xem đầy đủ ở câu kệ 4.6, trang 81. (ND)

8.11. Giờ ngươi đã đi đến sự suy xétf Trong khi dùng ỷ suy nghĩ ve các tà kiến. Ngươi đã gặp gỡ đôi đâu với vị đã rũ sạch, Ngươi quả không có khả năng đe đi cùng. Giờ ngươi đã đi đến sự suy xét. Giờ: Từ "atha" này gọi là sự nôi liên các câu văn, sự két hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn. Đã đi đến sự suy xét: Trong khi suy nghĩ, trong khi suy tư, trong khi tư duy rằng: 'Thải chăng sẽ có sự chiến thắng cho ta? Phải chăng sẽ có sự thất bại cho ta? Ta sẽ thực hiện việc chỉ trích như thế nào? Ta sẽ thực hiện việc bào chữa như thế nào? Ta sẽ tạo sự đề cao như thế nào? Ta sẽ tạo việc gây ấn tượng như thể nào? Ta sẽ tạo sự gút mắc như thế nào? Ta sẽ tạo sự gỡ rối như thế nào? Ta sẽ tạo sự cắt ngang như thế nào? Ta sẽ tạo sự kết nối như thế no?" Trong khi suy nghĩ, trong khi suy tư, trong khi tư duy như vậy, ngươi đã đi đến, ngươi đã đi đến gần, ngươi đã đạt đến, ngươi đã đi đến gặp gỡ ta. "Giờ ngươi đã đi đến sự suy xét" là như thế. Trong khỉ dùng ý suy nghĩ về các tà kiến. Ý: Tức là tâm, ý? ý thức, trái tim, chất xám; v, ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, từ đó ý thức giới sanh lên. Trong khi nghĩ đến, trong khi nghĩ về tà kiến bằng tâm rằng: "Thế giới là thường còn,\ hoặc "thế giới là không thường cbn",... (nt).. hoặc "'chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết." "Trong khi dùng ý suy nghĩ về các tà kiến^, là như thế. Ngươi đã gặp gỡ đối đầu với vi đã rũ sạch, ngươi quả không có khả năng để đĩ cùng. Việc rũ sạch: Được gọi là tuệ. Tuệ là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Vì lý do gì mà việc rũ sạch được gọi là tuệ? Nhờ vào tue ấy, uế hạnh về thân được rũ bỏ? được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; uế hạnh về khẩu... (nt)... tất cả các pháp tạo tác bất thiện được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch. Hoặc là, nhờ vào chánh kiến, tà kiến được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; nhờ vào chánh tư duy, tà tư duy... (nt).. nhờ vào chánh giải thoát, tà giải thoát được rũ bỏ9 được rũ sạch, được tây sạch, được gột sạch. Hoặc là, nhờ vào đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện được rũ bỏ, được rũ sách, được tẩy sạch, được gột sạch. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã đi đến gần, đã tiến đên gân, đã đạt đên,

đã tròn đủ, đã thành tưa các pháp cần được rũ sạch này, vì thế đức Thế Tôn là vị đã được rũ sạch. Vị ấy có luyến ái đã được rũ bỏ, có điều ác đã được rũ bỏ? có o nhiễm đã được rũ bỏ, có sự bực bội đã được rũ bỏ. "Vị đã rũ sach,5 là như thế.

ĐẠI DIỄN GIẢI 149

Ngươi đã gặp gỡ đổi đầu với vi đã rũ sạch, ngươi quả kh6ng có khả năng để dỉ cùng: Du sĩ ngoại đạo Pasūra không có khả năng để đi đen gặp gỡ đối đầu, để nắm lấy sự cạnh tranh, để đàm luận, để thảo luận, để đạt đến sự đàm luận cùng với đức Phật, với đức Thế Tôn. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Du sĩ ngoại đạo Pasūra là thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ? nhỏ nhoi; còn đức Thế Tôn ấy là cao cả5 nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng và cao quý. Giông như con thỏ không có khả năng đê đi đên gặp gỡ đôi đâu, đê năm lây sự cạnh tranh cùng với con voi về khối lượng; giống như con chó rừng không có khả năng để đi đến gặp gỡ đối đầu, để nắm lấy sự cạnh tranh cùng với con sư tử, vua của loài thú; giống như con bê còn nhỏ đang bú mẹ không có khả năng để đi đến gặp gỡ đối đầu, để nắm lấy sự cạnh tranh cùng với con bò đực về mức độ di chuyển; giống như con quạ không có khả năng để đi đến gặp gỡ đối đầu, đê năm lây sự cạnh tranh cùng với con nhơn điêu là loài linh thú; giống như hạng người hạ tiện không có khả năng để đi đến gặp gỡ đối đầu, để nắm lấy sự cạnh tranh cùng với đức vua là vị Chuyên Luân Vuông; giông như loài địa tinh không có khả năng để đi đến gặp gỡ đoi đầu, để nắm lay sự cạnh tranh cùng với vị Inda, vua của chư thiên; tương tự như vậy, du sĩ ngoại đạo Pasūra không có khả năng đê đi đên gặp gỡ đôi dâu, đê năm lây sự cạnh tranh, đê đàm luận, đê thảo luận, để đạt đến sự đàm luận cùng với đức Phật, với đức Thế Tôn, bậc đã rũ sạch. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Du sĩ ngoại đạo Pasūra là có tuệ thấp hèn, có tuệ hèn kém, có tuệ thấp kém, có tuệ thấp thỏi, có tuệ tồi tệ, có tuệ nhỏ nhoi; còn đức Thế Tôn ấy có tuệ vĩ đại, có tuệ rộng lớn, có tuệ vi tiếu, có tuệ tốc hành, có tuệ sắc bén, có tuệ thấu suốt, bậc thiện xảo trong việc chia chẻ bằng tuệ, có trí đã được phát triên, đã đạt đên tuệ phân tích, đã đạt được bôn pháp tự tin, có sự duy trì mười lực, là bậc Nhân Ngưu, bậc Nhân Sư, bậc Nhân Tượng, bậc Nhân Kiệt, bậc Nhân Đạo, bậc có trí vô biên, có oai lực vô biên, có danh vọng vô biên, giàu có [về trí tuệ], có tài sản lớn [về trí tuệ], sở hữu tài sản [về trí tuệ], là bậc Hướng Đạo, bậc Hướng Dan, bậc Đoạn Nghi, bậc Truyền Đạt, bậc Truyền Thụ, bậc Khơi Mơ, bậc Khởi Tín. Chính đức Thế Tôn ấy là vị làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi, là vị làm sanh ra đạo lộ chưa được sanh ra, là vi tuyên thuyết đạo lộ chưa được tuyên thuyết, là vị biết về đạo lộ, là vị hiểu rõ về đạo lộ, là vị rành rẽ về đạo lộ. Và hơn nữa, những người đi theo đạo lộ, là các đệ tử của Ngài, hiện nay đang an trú và sau này sẽ thành tựu [đạo lộ ấy]. Chính đức Thế Tôn ấy biết [đúng bản thể] điều cần phải biết, thấy [đúng bản thể] điều cần phải thay, là bậc có bản thể của mắt, có bản thể của trí, có bản thể của pháp, có bản thể của Phạm thiên, là vị công bố, là vị tuyên thuyết, là vị chỉ dẫn mục đích, là vị ban cho bất tử, là bậc Pháp Chủ, là đức Như Lai. Đối với đức Thế Tôn ấy, không có việc không biết, không thấy, không hiểu rõ, không chứng ngộ, không chạm đến bằng tuệ. Tất cả các pháp liên quan đến quá khứ, tương lai, hiện tại với mọi biểu hiện đều đi đến phạm vi ở trong tầm trí tuệ của đức Phật Thế Tôn. Bất cứ điều gì có thể biết, nghĩa là có pháp cần phải

biết, CÓ lợi ích cho mình, hoặc có lợi ích cho người khác, hoặc có lợi ích cho cả hai, hoặc có lợi ích liên quan đời này, hoặc có lợi ích liên quan đời sau, hoặc có lợi ích hời hợt, hoặc có lợi ích sâu sắc, hoặc có lợi ích được giấu kín, hoặc có lợi ích được che đậy, hoặc có lợi ích tiềm tàng, hoặc có lợi ích hiển hiện, hoặc có lợi ích không tội lỗi, hoặc có lợi ích không ô nhiễm, hoặc có lợi ích trong sạch, hoặc có lợi ích là lợi ích tối thượng; tất cả [các] điều ấy đều vận hành ở bên trong trí của đức Phật. Tất cả thân nghiệp của đức Phật Thế Tôn đều vận hành theo trí. Tất cả khẩu nghiệp đều vận hành theo trí. Tất cả ý nghiệp đều vận hành theo trí. Đức Phật Thế Tôn có trí không bị chướng ngại về quá khứ, có trí không bị chướng ngại về vị lai, có trí không bị chướng ngại về hiện tại. Điều-có-thể-biết là chừng nào thì trí là chung ấy, trí là chừng nào thì điều-có-thể-biết là chừng ấy. Trí có điều-có-thể-biết là giới hạn, điều-có-thê-biết có trí là giới hạn; vượt qua điều-có-thể-biết thì trí không vận hành, vượt qua trí thì không có hành trình của điều-có-thể-biết; các pháp áy có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau. Giống như hai nắp đậy của cái hộp được gắn liên đúng đắn, nắp đậy bên dưới không lệch nắp trên, nắp đậy bên trên không lệch nắp dưới, chúng có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau; tương tự như vậy, điêu-có-thê-biêt và trí của đức Phật Thế Tôn có sự xác lậI) giới hạn tương xứng với nhau. Điều-có-thể-biết là chừng nào thì trí là chừng ấy, trí là chừng nào thì điều-có-thể-biết là chừng ấy. Trí có điều-có-thể-biết là giới hạn, điều-có-thể-biết có trí là giới hạn; vượt qua điều-có-thể-biết thì trí kh6ng vận hành, vượt qua trí thì không có hành trình của điều-có-thể-biết; các pháp ấy có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau. Trí của đức Phật The Tôn vận hanh ở tất cả các pháp. Tất cả các pháp được gắn liền với sự hướnệ tâm, được gắn liền với sự mong muốn, được găn liền với sự chú tâm, được găn liền với sự khởi tâm của đức Phật Thế Ton. Trí của đức Phật Thế Tôn vận hanh ở tất cả chúng sanh. Và đức Thế Tôn biết tính tình, biết tiềm năng, biết nết hạnh, biết khuynh hướng của tất cả chúng sanh. Ngài nhận biết các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh ch6ng và có thể hiểu được một cách khó khăn, có khả năng và không có khả năng. Thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người, chuyển vận ở bên trong trí của đức Phật. Giống như bất cứ những loài cá và rùa nào, thậm chí luôn cả cá ông và cá voi, chuyển vận ở bên trong đại dương; tương tự như vậy, thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn? các hạng chư thiên và loài người, chuyển vận ở bên trong trí của đức Phật. Giống như bất cứ những loài có cánh nào, thậm chí luôn cả loài nhân điểu là loài linh thú, chuyển vận ở phạm vi thuộc bầu trởri; tương tự như vậy, những vị nào tương đương với vị Sāriputta về tuệ, những vị ấy cũng chuyển vận ở phạm vi thuộc Phật trí.

ĐẠI DIỄN GIẢI 151

Phật trí thâm nhập tuệ của chư thiên và loài người, ngự trị và còn trụ lại. Những vị Sát-đế-lỵ sáng suốt, những vị Bà-la-môn sáng suốt, những gia chủ sáng suốt, những vị

Sa-môn sáng sướt, tinh tế, quen thuộc với học thuyết của những người khác như người cung thủ có thể bắn trúng cọng tóc, nghĩ rằng họ hành xử với sự thành tựu của tuệ trong khi bẻ đôi các tà kiến. Sau khi chuẩn bị các câu hỏi, họ đi đến gặp đức Như Lai rồi hỏi các điều bí mật và đã được che giấu. Được đức Thế Tôn giảng giải và trả lời, các câu hỏi ấy trở nên rõ ràng. Những người ấy đều quy thuận với đức Thế Tôn. Khi ấy, chính đức Thế Tôn, trong trường hợp ấy, chói sáng rực rỡ; điều ấy là nhờ vào tuệ. "Nguôi đã gặp gỡ đối đầu với vị đã rũ sạch, ngươi quả không có khả năng để đi cjng" là như thế. x Tẹ J Á _ rTM_ Ặ rin _ g* L \ g _ „ Vì the, đức The Ton đã noi răng: r ngươi đã đi đên sự suy xét, Trong khỉ dùng ỷ suy nghĩ về các tà kiến. Ngươi đã gặp gỡ đôi đâu với vị đã rũ sạch, Ngươi quả không có khả năng đe đi cìmg." “Diễn giải kỉnh về Pasũra59 - Phần thứ tám.

9. DIỄN GIẢI KINH VỀ MẢGANDIYA (MĀGANDIY4SUTTANIDDESO)

Giờ phần "Diễn giải kinh về Mgandiya" được nói đến: 9.1. Sau khi nhìn thây tham ải, bát mãn và luyến ải, Ngay cả sự mong muốn về việc đôi lứa đã không có, Vật được chứa đay nước tiếu và phân này là cái gì đây? Ta không muốn chạm đến nó dầu là bàn chân. Sau khi nhìn thấy tham áỉ9 bất mãn và luyến ái9 ngay cả sự mong muốn về việc đôi lứa đã không có: Sau khi nhìn thấy ba người con gái của Ma vương là Tanhâ, Arati và Rāgā (tham ái, bất mãn và luyến ái), sự mong muốn về việc đôi lứa, hoặc luyến ải, hoặc yêu thương đã không hiện hữu. "Sau khi nhìn thấy tham ái, bất mãn và luyến ái, ngay cả sự mong muốn về việc đôi lứa đã không c6" là như thế. Vật được chứa đầy nước tiểu và phân này là cái gì đây? Ta không muốn chạm đến nó dầu là bàn chân: Thân xác này được chứa đầy nước tiểu, được chứa đầy phân, được chứa đầy mủ, được chứa đầy máu, được kết nối bởi những khúc xương, được buộc chung lại bằng những sợi gân, được bôi trét với máu và thịt, được bao bọc bởi lớp da trong, được che đậy bởi lớp da ngoài, được đục thủng ở nhiều lỗ đang rò ri bên trên, đang rò rỉ bên dưới, được lai vãng bởi tập thể dòi bọ, được tràn đầy bởi những thứ xấu xa dơ bẩn nhiều loại, là cái gì đây? Ta không muốn đặt bàn chân lên nó9 vậy thì làm sao có được sự sống chung hay sự kết hợp với nhau? 66Vật được chứa đầy nước tiểu và phân này là cái gì đây? Ta không muốn chạm đến nổ dầu là bàn chân,9 là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "'Sau khỉ nhìn thấy tham ái, bất mãn và luyến ái, Ngay cả sự mong muốn về việc đôi lứa đã không có. Vật được chứa đầy nước tiểu và phân này là cái gì đây? Ta không muốn chạm đến nỏ dầu là bàn chân."

9.2. Nêu Ngài không ước muôn báu vật như thê này, một người nữ được ước nguyện bởi nhiều vị vua chúa, vây Ngài nói về quan điểm, về giới, về phận sự, về cuộc sổng, và về sự sanh lên của hiện hữu [của bản thân] thuộc loại như the nào? Mâgandiya hỏi rằng: "Con người trong khi ước nguyện các dục ở cõi trời

thì không ước muốn các dục thuộc loài người, hoặc là trong khi ước nguyện các dục thuộc loài người thì không ước muốn các dục ở cõi trời, điều này không kỳ lạ chút nào;

còn Ngài lại không ước muốn, không ưng thuận, không ước nguyện, không mong cầu, không nguyện cầu luôn cả hai điều này, vậy quan điểm của Ngài là gì? Ngài có quan điểm thuộc loại nào?" “Nêu Ngài không ước muôn bảu vật như thê này, một người nữ được ước nguyện bởi nhiều vi vua chua, vậy Ngài nói về quan điểm, về giới, về phận sự, ve cuộc song, và ve sự sanh lên của hiện hữu [của bản thân] thuộc loại như thê nào?ĩf

9.3. [Đức Thế Tôn nói: “Này Māgandiya] việc: 'Ta nói điều này'là không có đối với Ta đây, sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp [tà kiến]. Và trong khỉ nhìn thay mà không bám níu vào các tà kiến, trong khỉ khảo xét, Ta đã nhìn thấy sự an tịnh ở nội phần." Việc: "Ta nói điều này55 là không có đối với Ta đây. Ta nói điều này: Ta nói điều này, Ta nói điều ấy, Ta nói chừng này, Ta nói bấy nhiêu, Ta nói tà kiến này: "Thế giới là thường còn”,...(nt).. hoặc "Chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết." Là không có đối với Ta đây: Là không thuộc về Ta; việc “Ta nói bấy nhiêu” là khòng có đối với Ta đây. "Việc: 'Ta nói điều này9 là không có đối với Ta d2y" là như thế. Mãgandiya: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên. Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính.... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "dức Thế l^n.” "Đức Thế Tôn nói: Này Mgandiya” là như thế. Sau khỉ suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp. Trông số các pháp: Trong số sáu mươi hai tà kiến. Sau khi suy xét: Sau khi đã suy xét, sau khi đa suy cứu, sau khi đã suy gẫm, sau khi đã suy nghiệm, sau khi đã cân nhắc, sau khi đã xác định, sau khi đã minh đinh, sau khi đã làm rõ rệt, sự nắm lấy có giới hạn, sự nắm lấy từng phần, sự nắm lấy phần quan trọng nhất, sự nắm lấy một khối, sự nắm lấy theo số lượng, sự nắm lấy tổng thể rằng: "Biểu này là sự thật, là đúng đắn, là thực thể, là đang xảy ra, là xác đáng, là không bị sai lech", điều đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến như thế là không c6, không hiện diện, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. "Sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp" là như thế. Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến: Trong khi

nhìn thây sự bát lợi ở các tà kiên, Ta kh6ng năm lây, không bám víu, không châp chặt các tà kiên; hoặc là, không nên năm lây, không nên bám víu, không nên chấp chặt. "Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến^, là như vậy. Hoặc là *thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại', điều này là sự đi đến tà kiến, có sự nắm giữ của tà kiến, có sự hiểm trở của tà kiến, có sự bóp méo của tà kiến, có sự xáo động của tà kiến, có sự ràng buộc của tà kiến, có sự khổ, có sự tàn hại, có sự lo âu, có sự bực bội, không đưa đến nhàm chán, không đưa đến việc xa lìa luyến ái, không đưa đến sự tịch diệt, không đưa đến sự yên tinh, không đưa đến thắng trí, không đưa đến sự giác ngộ, không đưa đến Niết-bàn,\ trong khi nhìn thấy sự bất lợi ở các tà kiến như thế, Ta không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt các tà kiến; hoặc là không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt. uVà trong khi nhìn thấy mà

không bám níu vào các tà kiến55 là như vậy. Hoặc là 66 6thế giới là không thường còn, thế giới là có giới hạn, thế giới là không có giới hạn, mạng sống và thân thể là một, mạng sống và thân thể là khác, chúng sanh hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại', điều này là sự đi đên tà kiên, có sự năm giữ của tà kiên, có sự hiêm trở của tà kiên, có sự bóp méo của ta kiên, co sự xao đọng của ta kiên, co sự rang buộc cua ta kiên, co sự khô, có sự tàn hại, có sự lo âu, có sự bực bội, không đưa đến nhàm chán, không đưa đên việc xa lìa luyên ái, không đưa đên sự tịch diệt, không đưa đên sự yên tinh, không đưa đến thắng trí, không đưa đến sự giác ngộ, không đưa đến Niết-bàïT, trong khi nhìn thấy sự bất lợi ở các tà kiến như thế, Ta không nắm lấy, không bám víu, không châp chặt các tà kiên; hoặc là không nên năm lây, không nên bám víu, không nên chấp chặt. uVà trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiOn" còn là như vậy. Hoặc là "các tà kiên này được năm lây như vậy, được bám víu như vậy sẽ có cảnh giới tái sanh như vậy, có đời sống sau như vay”trong khi nhìn thấy sự bất lợi ở các tà kiến như thế, Ta không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt các tà kiên; hoặc là không nên năm lây, không nên bám víu, không nên chấp chặt. "Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến" còn là như vậy. Hoặc là "các tà kiến này dẫn đến địa ngục, dẫn đến loài thú, dẫn đến thân phận nga quy”, trong khi nhìn thấy sự bất lợi ở các tà kiến như thế, Ta không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt các tà kiến; hoặc là không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt. "Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kien,9 còn là như vậy.

ĐẠI DIỄN GIẢI 155

Hoặc là "các tà kiên này là không thường còn, bị tạo tác, được sanh lên thuận theo điều kiện, có sự hoại, có sự diệt, có sự suy giảm, có sự chấm dứt”, trong khi nhìn thấy sự bất lợi ở các tà kiến như thế, Ta không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt các tà kiến; hoặc là, không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt. "Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến” còn là như vậy. Trong khi khảo xét, Ta đã nhìn thấy sự an tinh ở nội phần. Sự an tịnh ờ nội phân: Là sự an tịnh của luyên ải, sự an tinh của sân hận, sự an tịnh của si mê; sự an tinh, sự yên tinh, sự vắng lặng, sự tịch diệt, sự tịch tịnh của giận dữ;... của thù hằn;. của gièm pha;... của ác ý;... của ganh ty;... của bon xẻn;... của xảo trá;... của lừa gạt;... của bướng bỉnh;... của hung hăng;... của ngã mạn;... của cao ngạo;... của đam mê;... của xao lãng;... của tát cả ô nhiêm;... của tát cả uê hạnh;..của mọi sự lo lăng;... của mọi sự bực bội;... của mọi sự nóng nảy;... của tất cả các pháp tạo tác bất thiện thuộc nội phần. Trong khi khảo xét: Là đang khảo xét, đang suy gẫm, đang suy nghiệm, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh định, đang làm rõ rệt; đang khảo xét, đang suy gẫm, đang suy nghiệm, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh đinh, đang làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là vô thương"; đang khảo xét, đang suy gẫm, đang suy nghiệm, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh đinh, đang làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là kh8”;...nt.. "Tất cả các pháp là vô ngâT; đang khảo xét, đang suy gẫm, đang suy nghiệm, đang cân nhắc,

đang xác định, đang minh định, đang làm rõ rệt rằng: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điêu ấy đểu co bản tánh hoại diệt" Ta đã nhìn thấy: Ta đã nhìn thấy là Ta đã nhận thấy, Ta đã nhìn xem, Ta đã thấu triệt. "Trong khi khảo xét, Ta đã nhìn thấy sự an tịnh ở nội phn" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: [Đức Thế Tôn nói: "Này Māgandiya] việc: 'Ta nói điều này' là không có đổi với Ta đây, sau khỉ suy xét về điều đã được nắm bắt trong sổ các pháp [tà kiến]. Và trong khỉ nhìn thay mà không bám níu vào các tà kiến, trong khi khảo xét, Ta đã nhìn thây sự an tịnh ở nội phân."

9.4. [Māgandiya nói rằng:] "Cdc phán đoán nào đã được xếp đặt, này bậc Hiền trí, Ngài nói về chính chúng mà không bám niu. Điều nào có ỷ nghĩa là 'sự an tinh ở nội phân : điêu ây đã được tuyên bô thê nào bởi các bậc sáng trí? Các phán đoán nào đã được xếp đặt Các phán đoán: Nói đến sáu mươi hai tà kiến.

Đã được xếp đặt: Đã được sắp đặt, đã được xếp đặt, đã được tác thành, đã được thành lập. "Đã được xếp dát" là như thế. Hoặc là, không thường còn, bị tạo tác, được sanh lên thuận theo điều kiện, có sự hoại, có sự diệt, có sự suy giảm, có sự chấm dứt, có sự biến đổi. uĐã được xếp dãf còn là như thế. "Các phán đoán nào đã được xếp dặt" là như thế. Māgandiya nói rằng. Rằng: Từ "iti" này gọi là sự nối liền các câu văn? sự kết hợp các câu văn, sự làm đây đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuôt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn. Mâgandiya: Là tên gọi, sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả về người Bà-la-môn ấy. "Māgandsya nói rằng" là như thế. Này bậc Hiền trí, ngài nói về chính chúng mà không bám níu. Điều nào có ý nghĩa là 6ốsự an tinh ờ nội phần." Chính chúng: Là sáu mươi hai tà kiến. Này bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến vạ mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là Hiền trí. Mà không bám níu: Ngài nói rằng: "Trong khi nhìn thấy sự bất lợi ở các tà kiến, Ta không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt các tà kiến", và Ngài nói rằng: í6Sự an tịnh ơ nội phăn." Điều nào có ý nghĩa: Điều nào có ý nghĩa tuyệt đối. "Này bậc Hiên trí, Ngài nói vê chính chúng mà không bám níu. Điêu nào có ý nghĩa là 'sự an tịnh ở nội phlà như thế. Điều ấy đã được tuyên bố thế nào bởi các bậc sáng trí? The nào? Các cụm . từ> "evannu x kho", "na nu kho' "kinmi kho' ^kathannu kho" là câu hỏi do ngờ vực, câu hỏi do nhâm lân, câu hỏi vì hai nghĩa, câu hỏi do không dứt khoát. 'Thế no?" là như thế. Bởi các bậc sáng trí: Do các bậc sáng trí, bởi các bậc sáng suốt, bởi các bậc có tuệ, bởi các bậc có sự giác ngộ, bởi các bậc có trí, bởi các bậc rành rẽ, bởi các bậc thông minh. Đã được tuyên bố: Đã được cho biết, đã được tuyên bố, đã được nêu ra, đã được chỉ bảo, đã được quy định, đã được thiết lập, đã được giải bày, đã được phơi bày, đã được tuyên thuyết. "Điều ấy đã được tuyên bố thế nào bởi các bậc sáng trí?" là như thế. Vì thế, vi Bà-la-môn đã nói rằng: [Māgandiya nói răng:] "Cdcphán đoản nào đã được xép đặt, này bậc Hiên trí, Ngài nói ve chỉnh chúng mà không bám níu. Điều nào có ỷ nghĩa là 'sự an tịnh ở nội phanđiều ấy đã được tuyên bo the nào bởi các bậc sảng trí?"

r 5

9.5. [Đức Thê Tôn nói: “Này Māgandiya] người ta đã nói răng sự trong sạch không phải do thay, không phải do nghe, không phải do trí, không phải do giới và phận sự, cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phận sự. Và sau khỉ đã xả bỏ, không bám níu vào các điều này, được an tinh, không nương tựa, thì không còn tham muốn hữu." Không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí: Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả1 sự trong sạch, sự thanh tinh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do thấy. Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tinh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do nghe. Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do thấy và chỉ do nghe. Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do trí. "Không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí” là như thế. Đức Thế Tôn nói: Này Mâgandiya. Mãgandiya: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên. Đức Thế Tôn: Là từ ximg hô với sự tôn kính.... (nt)... sự quy đinh do việc chứng ngộ, tức là "dức Thế T6n." "Bức Thế Tôn nói: Này Mgandiya” là như thế. Người ta đã nói rằng sự trong sạch không phải do giới và phận sự: Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tinh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do giới. Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do phận sự. Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tinh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do giới và phận sự. "Người ta đã nói răng sự trong sạch không phải do giới và phận sự" là như the. Cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không

1 Các động từ này đã được dịch theo văn bản của Miến Điện, Thái Lan và PTS. (ND)

nghe, do không trí, do không giới, do không phận sự: Thấy cũng cần được mong muốn là việc thấy đúng [chánh kiến] về mười sự việc: Có bố thí, có dâng hiến, có cúng tế, có kết quả và sự thành tựu quả của các nghiệp đã được làm tốt hoặc được làm xấu, có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các chúng sanh thuộc loại hóa sanh, có ở thế gian các vi Sa-môn và Bà-la-môn sống chân chánh, thực hành đúng đắn là những vị với thắng trí của mình chứng ngO và công bố vê thê giới này và thê giới khác. Nghe cũng cân được mong muôn là âm thanh từ người khác: [Gôm chín thê loại] Suttaf Geyya,

Veyyãkarana, Gãthã, Udãnaf Itỉvuttaka, Jãtaka, A bbhutadhamma, Vedaỉỉaĩ Trí cũng cần được mong muốn là trí về nghiệp của mình đã tạo, trí thuận theo chân lý, trí nhờ vào thắng trí và trí do sự chứng đạt. Giới cũng cần được mong muốn là sự thu thúc theo Giới bổn (Pãtimokkhă). Phận sự cũng cần được mong muốn là tám pháp từ khước: Pháp của vị ngụ ở rưng, pháp của vi chuyên đi khất thực, pháp của vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, pháp của vi chỉ sử dụng ba y, pháp của vị đi khất thực tuần tự theo từng nhà? pháp của vị không ăn vật thực dâng sau, pháp của vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm), pháp của vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định. “Do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phận SỊT” là như thế. Cũng không phải do [không có] điều ấy: Người đã đạt được sự an tịnh ở nội phân không phải chỉ nhờ vào việc thây đúng [chánh kiên], không phải chỉ nhờ vào nghe, không phải chỉ nhờ vào trí, không phải chỉ nhờ vào giới, không phải chỉ nhờ vào phận sự. Tuy nhiên, thiếu vắng các pháp ấy thì cũng không đạt đến sự an tịnh ở nội phần. Và hơn nữa, các pháp này là cần thiết để đạt đến, để chứng đắc, để chạm đến, để chứng ngộ sự an tịnh ở nội phần. "Cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phận su" là như thế. Và sau khi đã xả bỏ, không bám níu vào các điều này. Các điêu này: Sự dứt bỏ do việc thủ tiêu đôi với các pháp thuộc phân đen là cần được mong muốn, trạng thái không còn tham ái ở các pháp thiện thuộc tam giới là cân được mong muôn. Khi nào các pháp thuộc phân đen được dứt bỏ nhờ vào sự dứt bỏ do việc thủ tiêu, có rê đã được căt lìa, như cây thót nót đã bị cụt ngọn, đã bi làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai, và có trạng thái không còn tham ái ở các pháp thiện thuộc tam giới, cho đến như thế thì [vị ấy] không còn nắm lấy, không còn bám víu, không còn châp chặt [các pháp ây]; hoặc là [các pháp áy] sẽ không được nắm lấy, sẽ không được bám víu, sẽ không được chấp chặt. "Và sau khi đã xả bỏ, không bám níu vào các điều nCy" là như vậy. Khi nào tham ái, tà kiến và ngã mạn được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bi cụt ngọn, đã bi làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong

2 Xem chú thích về 'Chín thể loại giáo pháp' ở trang 122. (ND)

tương lai, cho đến như thế thì [vị ấy] không còn nắm lấy, không còn bám víu, không còn châp chặt [các pháp ây]. "Và sau khi đã xả bỏ, không bám níu vào các điều này" còn là như vậy. Khi nào phúc hành, phi phúc hành, và bất động hành3 được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bi cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai, cho đến như thế thì [vi ấy] không còn nắm lay, không còn bám víu5 không r còn châp chặt. “Và sau khi đã xả bỏ, không bám níu vào các điêu này" còn là như vậy. Được an tịnh, không nương tựa, thì không còn tham muốn hữu. Được an tịnh: Trạng thái được yên lặng của luyến ái là an tịnh, trạng thái được yên lặng của sân hận là an tinh, trạng thái được yên lặng của si mê là an tịnh; trạng thái được an tịnh, trạng thái được yên lặng, trạng thái được vắng lặng, trạng thái được thiêu hủy, trạng thái được tịch diệt, trạng thái được tách lìa, trạng thái được tịch tinh của giận dữ;... của thù hằn;... của gièm pha;... của ác ý;... của ganh tỵ;... của bon

xẻn;... của xảo trá;..của lừa gạt;... của bướng bỉnh;..của hung hăng;..của ngã mạn;.. của cao ngạo;... của đam mê;.. của xao lãng;... của tất cả ô nhiễm;... của tất cả uế hạnh;.. của mọi sự lo lăng;... của mọi sự bực bội;... của mọi sự nóng nảy;.. của tát cả các pháp tạo tác bất thiện là an tịnh, yên tịnh, vắng lặng, tịch diệt, tịch tịnh. "Được an tjnh" là như thế. Không nương tựa: Có hai sự nương tựa: Nương tựa vào tham ái và nương tựa vào tà kiên.... (nt)... điêu này là sự nương tựa vào tham ái.... (nt)... điêu này là sự nương tựa vào tà kiến. Sau khi dứt bỏ sự nương tựa vào tham ái? sau khi buông bỏ sự nương tựa vào tà kiên, không nương tựa vào mat, không nương tựa vào tai, không nương tựa vào mũi, không nương tựa vào lưỡi, không nương tựa vào thân, không nương tựa vào ,không nương tựa vào các sắc, các thinh, các hương, các vị, các xúc, các pháp, gia tộc, đồ chúng, chỗ ngụ, lợi lộc, danh vọng, lời khen, hạnh phúc, y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, dục giới, sắc giới, vô sắc giới, cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, cõi hữu tưởng, cõi vô tưởng, cõi phi tưởng phi phi tưởng, cõi một uẩn, cõi bốn uẩn, cõi năm uẩn, quá khứ, vị lai, hiện tại, các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không năm lây, không bám víu, không chấp chặt. "Được an tịnh, không nương tựa" la như the. Thì không còn tham muốn hữu: Sẽ không tham muốn dục hữu, sẽ không tham muôn sác hữu, sẽ không tham muôn vô sác hữu, sẽ không khởi tham M /K A muôn, sẽ không nguyện câu. "Được an tịnh, không nương tựa, thì không còn tham muốn hữu" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

3 Xem chú thích về "phúc hành, phi phúc hành, bất động hành" ở trang 77. (ND)

_ r [Đức Thê Tôn nói: “Này Mãgandiya] người ta đã nói răng sự trong sạch không phải do thây, không phải do nghe, không phải do trí, không phải do giới và phận sự, cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phận sự. Và sau khi đã xả bỏ, không bám níu vào các điều này, được an tinh, không nương tựa, thì không còn tham muốn hữu."

9.6. [Mâgandiya nói răng:] "Nêu nói răng sự trong sạch không phải do thây, không phải do nghe, không phải do trí, không phải do giới và phận sự, cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phận sự, tôi nghĩ rằng giáo ly [ấy] thật mù mờ; một số người tin rằng trong sạch là do thấy." Nếu nói rằng sự trong sạch không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí: Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do thấy; người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do nghe;... sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do thấy và chỉ do nghe; ...sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát Iđiỏi la chỉ do trí. “Nếu nói rằng sự trong sạch không phải do thấy, không phải do

nghe, không phải do trí" là như thế. Mâgandiya nói rằng: Răng: Là sự nôi liên các câu văn,... (nt). Mâgandiya: Tên của vi Bà-la-môn ấy... (nt). "Mãgandiya nói lẳng" là như thế. Người ta đã nói rằng sự trong sạch không phải do giới và phận sự: Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do giới;... (nt).. sự trong sạch, sự thanh tinh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do phận sự;... (nt)... sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do giới và phận sự. "Ngu&i ta đã nói rằng sự trong sạch không phải do giới và phận sự" là như thei Cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phận sự: Người ta đã nói như

vây: "Thây cũng cân được mong muôn.,, Người ta đã nói như vây: "Nghe cũng cần được mong muốn.,, Người ta đã nói như vầy: "Trí cũng cân được mong muốn.,, Người ta đã nói như vầy: "Giới cũng cân được mong muốn.^, Người ta đã nói như vầy: 'Thận sự cũng cần được mong muốn.,, Người ta đã không thể chấp thuận một cách dứt khoát, người ta đã không thể phủ nhận một cách dứt khoát. "cang không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phận sự" là như thế. Tôi nghĩ rằng giáo lý [ấy] thật mù mờ: "Giáo lý mù mờ này của Ngài là giáo lý ngu dốt, là giáo lý lầm lạc, là giáo lý vô lý trí, là giáo lý trườn uốn như con lươn [không thể nắm bắt]"; tôi nghĩ như vậy, tôi biết như vậy, tôi hiểu như vậy, tôi nhận thức như vậy, tôi thừa nhận như vậy, tôi thấu triệt như vậy. "T6i nghĩ rằng giáo lý [ấy] thật mù mờ" là như thế. Một số người tin rằng trong sạch là do thấy: Một số Sa-môn và Bà-la- môn tin rang sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do thấy. Một số Sa-môn và Bà-la-môn tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do thấy [rằng]: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại." Một số Sa-môn và Bà-la-môn tin rằng sự trong sạch, sự thanh tinh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do thấy [rằng]: "Thế giới là không thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý5 điều khác là rồ dại.,, uMột sô người tin răng trong sạch là do thây,9 là như thê. Vì thế, vi Bà-la-môn đã nói rằng: \ r y r [Mãgandiya nói răng:] fiNeu nói răng sự trong sạch không phải do thây, không phải do nghe, không phải do trí, không phải do giới và phận sựf cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không nghe, do không tri, do không giới, do không phận sự, tôi nghĩ rang giáo ly [ấy] thật mù mờ; một so người tin rằng trong sạch là do thay.

9.7. [Đức Thê Tôn nói: "Này Mãgandỉya] sau khỉ nương tựa vào việc thây, trong khi tìm hiểu, ngươi đã đi đen sự mê muội ở những điều đã được nam bắt. Và từ đây ngươi đã không tiếp thâu sự nhận thức dầu là nhỏ nhoi; do đó, ngươi ghi nhận [điều ấy] là mù

mờ. “ Sau khi nương tựa vào việc thây, trong khi tìm hiêu: Bà-la-môn Mâgandiya nương tựa vào việc thấy rồi hỏi về việc thấy, nương tựa vào sự dính mắc rồi hỏi về sự dính mắc, nương tựa vào sự cột trói rồi hỏi về sự cột trói, nương tựa vào sự vướng bận rồi hỏi về sự vướng bận. Trong khi tìm hiểu: Là hỏi đi hỏi lại.

“Sau khi nương tựa vào việc thấy, trong khi tìm hiểu” là như thế. Mâgandiya: Đức Thế Tôn xưng hô với vi Bà-la-môn ấy bằng tên. Đức Thế Tôn: Là tư xưng hô với sự tôn kính.... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "dức Thế Ion.^, “Bức Thế Tôn nói: Này Magandiya^ là như thế. Ngươi đã đi đến sự mê muội ờ những điều đã được nắm bắt: Việc thấy nào đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướĩìệ đến bởi ngươi; chính do bởi việc thấy ấy ngươi bị mê mẩn, nguôi bị mê đăm, ngươi bị me muội, ngươi đã đi đên sự mê mân, ngươi đã đi đen sự mê đắm, ngươi đã đi đến sự mê muội, ngươi đã lao vào bóng tối. "Nguôi đã đi đến sự mê muội ở những điều đã được nắm bắt" là như thế. Và từ đây nginri đã không tiếp thâu sự nhận thức dầu là nhỏ nhoi: Từ đây là từ sự an tịnh ở nội phần, hoặc từ sự thực hành, hoặc từ sự chỉ bảo pháp, [nêu] ngươi không đạt được sự nhận thức đúng đắn, hoặc sự nhận thức chính xác, hoặc sự nhận thức về tướng trạng, hoặc sự nhận thức về nguyên nhân, hoặc sự nhận thức vê sự việc, thì từ đâu mà ngươi đạt được trí? uVà từ đây ngươi đã không tiếp thâu sự nhận thức dầu là nhỏ nhoi" là như vậy. Hoặc là [nếu] ngươi không đạt được vô thường, hoặc sự phù hợp với nhận thức về vô thường, hoặc khổ não, hoặc sự phù hợp với nhận thức về khổ não, hoặc vô ngã9 hoặc sự phù hợp với nhận thức về vô ngã, hoặc hiện tượng sanh khởi của tưởng, hoặc ấn chứng về tưởng, thì từ đâu mà ngươi đạt được trí? "Và từ đây ngươi đã không tiếp thâu sự nhận thức dầu là nhỏ nhoi" còn là như vậy. Do đó, ngươi ghi nhận [điều ấy] là mù mờ. Do đó: Là do điều ấy, bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy. Ngươi ghi nhận, ngươi nhìn thấy, ngươi nhận thấy, ngươi quan sát, ngươi suy xét, ngươi khảo sát là giáo lý ngu dốt, là giáo lý lầm lạc, là giáo lý vô trí, là giáo lý trườn uốn như con lươn [không thê năm bát]. "Do đó, ngươi ghi nhận [điều ấy] là mù H1&" là như thế. 'T TA ji Á rpl Á rpr • w Vì the, đức The Ton đa noi rang: [Đức Thế Tôn nói: “Này Māgandiya] sau khi nương tựa vào việc thấyf trong khi tìm hiểu, ngươi đã đi đen sự mê muội ở những điều đã được nắm bắt. Và từ đây ngươi đã không tiếp thâu sự nhận thức dầu là nhỏ nhoi; do đó, ngươi ghì nhận [điều ấy] là mù mờ."

9.8. Bằng nhau, đặc biệt, hoặc thấp kém, Kẻ nào nghĩ vậy, kẻ ấy sẽ tranh cãi vì điều ấy. Người không lay động ở ba trạng thái kiêu mạn, Đối với người ấy không có [ỷ nghĩ]: “Bằng nhau " hay ^đặc biệt." Bằng nhau, đặc biệt, hoặc thấp kém, kẻ nào nghĩ vậy, kẻ ấy sẽ tranh cãi

VÌ điều ấy: Kẻ nào nghĩ rằng: “Ta là ngang bằpg", hoặc "ta là tốt hơn”, hoặc "ta là thua kém", do ngã mạn áy, do quan điểm ấy, kẻ ấy gây ra sự cãi cọ5 gây ra sự cãi lộn, gây ra sự cãi vã? gây ra sự tranh cãi, gây ra sự gây gô với người kia rằng: "Ngươi không biết

Pháp và Luật này, ta biết Pháp và Luật này, ngươi sẽ biết gì về Pháp và Luật này? Ngươi thực hành sai trái, ta thực hành đúng đắn, có lợi ích cho ta, không có lợi ích cho ngươi, điều nên nói trước đã nói sau, điều nên nói sau đã nói trước, lề thói của ngươi đã bi đảo lộn, học thuyết của ngươi đã bi lên án, ngươi bị phản đôi, nguôi hãy hành xử cho việc thoát ra khỏi lời nói [của mình], hoặc ngươi hãy gỡ roi nêu ngươi có khả nang/9 "Bằng nhau, đặc biệt, hoặc thấp kém, kẻ nào nghĩ vậy, kẻ ấy sẽ tranh cãi vì điều ấy" la như thế. Người khônẸ lay động ở ba trạng thái kiêu mạn, đối với người ấy không có [ý nghĩ]: 6'Băng nhau" hay 46đặc biệp Đôi với người nào, ba trạng thái kiêu mạn này là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vang lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy không rung động, không lay động ở ba trạng thái kiêu mạn. Đối với người không lay động [ý nghĩ]: "Ta là ngang bằng", hoặc "ta là tốt hơn"hoặc "ta là thua kém." Đối với người ấy không có: Đối với ta không có. "Người không lay động ở ba trạng thái kiêu mạn, đối với người ấy không có [ý nghĩ]: 'Bằng nhau9 hay 'đặc bet"' là như thế. y TA w ji Á rpi mu s L Á rp/X W Vì the, đức The Ton đã noi rang: "Băng nhau, đặc biệt, hoặc tháp kémf Kẻ nào nghĩ vậy, kẻ ây sẽ tranh cãi vì điêu ây. Người không lay động ở ba trạng thái kiêu mạn, Đối với người ấy không có [ỷ nghĩ]: 'Bằng nhau'hay 'đặc biêt'."

9.9. Vị Bà-la-môn ấy có thể nói gì [cho rằng]: "Đây là chân ỉýĩf? Hoặc vi ấy có the tranh cãi với ai rằng: ftDay là sai trái^? ở vị nào [ỷ niệm so sánh] bằng nhau hay không bằng nhau là không có, Vi ấy có thể vướng víu vào sự tranh luận với ai đây? Vi Bà-la-môn ấy có thể nói gì [cho rằng]: uĐây là chân lýw? Bà-la-môn: Do trạng thái đã loại trừ bảy pháp:4 ...(nt)... Không nương nhờ, tự tại, vị ấy được gọi là Bà-la-môn. Vi Bà-la-môn ấy có thể nói gì [cho rằng]: 66Đây là chan ly" Vi Bà-la- môn có thể nói gì, có thể thuyết gi, có thể phát ngôn gì, có thể giảng giải gì, có thể diễn tả gì [cho rằng]: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân ly, điều khác là rồ dại" Và vị Bà-la-môn có thể nói gì, có thể thuyết gì, có thể phát

4 Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ 7 pháp: Sự nhận thức sai trái về thân được loại trừ, sự hoài nghi được loại trừ, v.v... (xem 7 pháp ở trang 74). (ND)

ngôn gì, có thể giảng giải gì5 có thể diễn tả gì [cho rằng]: "Thế giới là không thường còn,... (nt)... chúnẹ sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chét; chỉ điều này là chân lý5 điều khác là rồ dại?9 Bà-la-môn ấy có thể nói gì [cho rằng]: Đây là chân ly?" là như thế. Hoặc vi ấy có thể tranh cãi với ai rằng: "Dây là sai trái95? Do ngã mạn gì, do quan diêm gì mà vị Bà-la-môn [nghĩ răng]: "Chân lý thuộc về chính ta, sai trái thuộc về ngươi9\ rồi gây ra sự cãi cọ, gây ra sự cãi lộn, gây ra sự cãi vã, gây ra sự tranh cãi, gây ra sự gây gổ với ngiròi nào rằng: "Ngươi không biết Pháp và Luật này... (nt)... hoặc ngươi hãy gỡ rối nếu ngươi có khả nang^? "Hoặc vị ấy có thể tranh cãi với ai rằng: Đây là sai trai?" là như thế. ở vi nào [ý niệm so sánh] bằng nhau hay không bằng nhau là không có. ở vi nào: ở người nào là bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt, sự ngã mạn [với ý nghĩ]: "Ta là ngang bằng" là không có, sự cao ngạo [với ý nghĩ]: "Ta là tốt hơn" là không có, sự tự ti [với ý nghĩ]: "Ta là thua k6m" là không có,

không hiện hữu, không tìm thây, không tôn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tinh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa tn tuệ. “d vị nào [ý niệm so sánh] bằng nhau hay không bang nhau là không c6" là như thề. Vi ấy có thể vướng víu vào sự tranh luận với ai đây? Do ngã mạn gì5 do quan điểm gì, vị ấy có the vướng víu vào sự tranh luận, có the công kích, có thể gây ra sự cãi cọ5 có thể gây ra sự cãi lộn, có thể gây ra sự cãi vã, có thể gây ra sự tranh cãi, có thể gây ra sự gây gổ với người nào rằng: "Ngươi không biết Pháp và Luật này...(Dt).. hoặc ngươi hãy gỡ roi nêu ngươi có khả lưng"? ấy có thể vướng víu vào sự tranh luận với ai day?99 là như thế. Vì thê, đức The Tôn đã noi răng: Bà-la-môn ấy có thể nói gì [cho rằng]: 'Dây là chân ly ? Hoặc vị ây có thê tranh cãi với ai răng: 'Đây là sai trái ? ở vỉ nào [ỷ niệm so sảnh] bằng nhau hay không bằng nhau là không cóf Vỉ ây có thê vướng víu vào sự tranh luận với ai đây?"

9.10. Sau khỉ từ bỏ chô ngụ, không có sự vương vân nhà ở, Vi Hiền trí không tạo ra các sự thân thiết ở trong làng, [Vị ẩy] là trống vang đoi với các dục, không ước vọng, Không tạo ra cuộc nói chuyện cãi vã với người [khác]. Khi ấy, gia chủ Haliddakānī đã đi đến gặp Đại đức Mahākaccāna, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Mahākaccāna rồi ngoi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, gia chủ Haliddakānī đã nói với Đại đức Mahākaccāna điều này: "Thưa Ngài Kaccāna, điều này đã được nói đến bởi đức Thế Tôn ở câu hỏi của Mâgandiya thuộc Phẩm Nhóm tám\

ĐẠI DIỄN GIẢI 165

"Sau khi từ bỏ chỗ ngụ, không có sự vương vấn nhà ở, Vị Hiên trí không tạo ra các sự thân thiêt ở trong làng, [Vị áy] là trông văng đôi với các dục, không ước vọng, Không tạo ra cuộc nói chuyện cãi vã với người [khác].”5 “Thua ngài Kaccāna, ý nghĩa của lời đã được đức Thế Tôn nói một cách vắn tắt này nên được hiểu một cách rộng rãi như thế nào?" 6 là chỗ ngụ của thức. Hơn nữa, thức bị trói buộc bởi "Này gia chủ, sắc giới5 sự luyến ái ở sắc giới được gọi là 'có sự vương vấn chỗ ngụ\ Này gia chủ, thọ giới... Này gia chủ, tưởng giới... Này gia chủ, hành giới là chỗ ngụ của thức. Hơn nữa, thức bi trói buộc bởi sự luyến ái ở hành giới được gọi là 'có sự vương vấn chỗ ngụ\ Này gia chủ, 'có sự vương vấn chỗ ngụ9 là như vậy.,, Và này gia chủ, thế nào là không có sự vương vấn chỗ ngụ? Này gia chủ, mong muốn nào, luyến ái nào, niềm vui nào, tham ái nào, các sự vướng bận và chấp thủ nào là sự quyết định, sự chấp chặt, và sự tiềm ẩn của tâm ở sắc giới, đối với đức Như Lai các việc ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lia, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bi làm cho không còn hiện hữu, không còn các điêu kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế đức Như Lai được gọi là "không có sự vương vấn chỗ ngu.” Này gia chủ, mong muốn nào, luyến ái nào, niềm vui nào, tham ái nào, các sự vướng bận và chấp thủ nào là sự quyết định, sự chấp chặt, và sự tiềm ẩn của tâm ở thọ giới... Này gia chil,...ở tưởng giới... Này gia chủ,... ở hành giới... Này gia chủ,... ở thức giới, đối với đức Như Lai các việc ấy đã được dứt bỏ9 có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế đức Như Lai được gọi là "không có sự vương vấn chỗ ngụ.,, Này gia chủ, "không có sự vương vấn chỗ ngỊi" là như vậy. Và này gia chủ, thế nào là có sự

vương vấn nhà ở? Này gia chủ, các sự vương vấn và trói buộc vào nét đặc trưng của sắc tướng được gọi là "c6 sự vương vấn nhà Này gia chủ, các sự vương vấn và trói buộc vào nét đặc trưng của thinh tướng... của hương tướng... của vị tướng... của xúc tướng... của pháp tướng được gọi là "c6 sự vương vấn nhà Này gia chủ, "c6 sự vương vấn nhà là như vậy. Và này gia chủ, thê nào là không có sự vương vân nhà ở? Này gia chủ, đoi với đức Như Lai, các sự vương van và trói buộc vào nét đặc trưng của sắc tướng đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế đức Như Lai được gọi là "không có sự vương vấn nhà ỎƯ" Này gia chủ, đối với đức Như Lai, các sự vương vấn và trói buộc vào nét đặc trưng của thinh tướng... của hương tướng... của vị tướng... của xúc tướng... của pháp

5 Suttanipãtapãḷi (Kỉnh tập), TTPV, tập 29, trang 269. (ND) 6 Theo Chủ giải, sắc giới có nghĩa là sắc uẩn, (irūpadhātūti rūpakkhandho adhippeto^ (NidA. II. 310).

tướng đã được dứt bỏ, có rê đã được cát lìa, như cây thót nót đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế đức Như Lai được gọi là "không có sự vương vấn nhà Này gia chủ5 "không có sự vương vấn nhà là như vậy. Và này gia chủ, thế nào là đã sanh ra các sự thân thiết ờ trong làng? Này gia chủ, ở đây có vị Tỳ-khmi sống gắn bó với hàng tại gia: Cùng vui, cùng buôn, hạnh phúc khi họ hạnh phúc, đau khổ khi họ đau khô, tự mình tham gia hợp tác khi có các công việc cân phải làm. Này gia chủ, đã sanh ra các sự thân thiết ở trong làng là như vậy. Và này gia chủ, thế nào là đã không sanh ra các sự thân thiết ờ trong làng? Này gia chủ, ở đây có vi Tỳ-khưu sống không gắn bó với hàng tại gia: Không cùng vui, khônệ cùng buồn, không hạnh phúc khi họ hạnh phúc, không đau khổ khi họ đau khô, không tự mình tham gia hợp tác khi có các công việc cần phải làm. Này gia chủ, đã không sanh ra các sự thân thiết ở trong làng là như vậy. Và này gia chủ, thế nào là không trốn^ vắng đổi với các dục? Này gia chủ5 ở đây có vị Tỳ-khưu không xa lìa sự luyên ái, không xa lìa sự mong muôn, không xa lìa sự yêu mến, không xa lìa sự khát khao, không xa lìa sự nồng nhiệt, không xa lìa tham ái ở các dục. Này gia chủ, không trống vắng đối với các dục là như vậy. Và này gia chủ, thế nào là trống vắng đối với các dục? Này gia chủ, ở đây có vị Tỳ-khưu xa lìa sự luyến ái, xa lìa sự mong muốn, xa lìa sự yêu mến, xa lìa sự khát khao, xa lìa sự nồng nhiệt, xa lìa tham ái ở các dục. Này gia chủ, trống vắng đối với các dục là như vậy. Và này gia chủ, thế nào là có ước vọn^? Này gia chủ, ở đây có vi Tỳ-khưu khởi ý như vầy: “Mong sao có sác như vây ở thời vi lai", rồi tự lấy làm vui mừng về điều ẩy; "Mong sao có thọ như vầy... "Mong sao có tưởng như vầy... “Mong sao có hành như vầy..."Mong sao có thức như vầy ở thời v j lai”rồi tự lấy làm vui mừng về điều ấy. Này gia chủ, có ước vọng là như vậy. Và này gia chủ, thế nào là không ước vọng? Này gia chủ, ở đây có vị Tỳ- khưu khởi ý như vầy: "Mong sao có săc như vầy ở thời vị \ rồi không tự lây làm vui mừng về điều ấy; "Mong sao có thọ như vầy... "Mong sao có tưởng như vầy... "Mong sao có hành như vầy... "Mong sao có thức như vầy ở thời vị lai", rồi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy. Này gia chủ, không

ước vọng là như vậy. Và này gia chủ, thế nào là người tạo ra cuộc nói chuyện cãi vã vối người [khác]? Này gia chủ, ở đây có vị Tỳ-khưu là người tạo ra cuộc nói chuyện có hình thức như vây: "Ngươi không biết Pháp và Luật này,... (nt)... hoặc ngươi hãy gỡ roi nêu ngươi có khả năng.^, Này gia chủ, người tạo ra cuộc nói chuyện cãi vã với người [khác] là như vậy. Và này gia chủ, thế nào là người tạo ra cuộc nói chuyện không cãi vã

với người [khác]? Này gia chủ, ở đây có vị Tỳ-khưu là người tạo ra cuộc nói chuyện không có hình thức như vầy: "Ngươi không biết Pháp và Luật này,... (nt)... hoặc ngươi hãy gỡ rối nêu ngươi có khả lưng." Này gia chủ, người tạo ra cuộc nói chuyện không cãi vã với người [khác] là như vậy. Này gia chủ, như thế là điều đã được nói đến bởi đức Thế Tôn ở câu hỏi của Mâgandiya thuộc Phăm Nhóm tám: "Sau khi từ bỏ chô ngụ, không có sự vương vân nhà ở, Vị Hiên trí không tạo ra các sự thân thiêt ở trong làng, [Vi ấy] là trống vắng đối với các dục, không ước vọng, Không tạo ra cuộc nói chuyện cãi vã với người [khác]." Này gia chủ, ý nghĩa của lời đã được đức Thế Tôn nói một cách vắn tắt này nên được hiểu một cách rộng rãi như vậy. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Sau khỉ từ bỏ chỗ ngụ, không có sự vương vấn nhà ở, Vị Hiên trí không tạo ra các sự thân thỉêt ở trong làng, [Vị ầy] là trông văng đôi với các dục, không ước vọng, Không tạo ra cuộc nói chuyện cãi vã với người [khác]. “

9.11. Sống ở thế gian, [bản thân] đã được tách biệt với những điều nào, r y y r

Bậc Long Tượng sẽ không tỉêp thu và sẽ không nói vê những điêu ây. Giong như cây sen có gai [ở cuống], được sanh ra ở trong nước, không bị vấy ban bởi nước và bùn, Tương tự như vậy, bậc Hiền tri nói về sự an tỉnh, không bỉ thèm khát, không bi vấy bẩn ở dục và ở thế gian. Sống ờ thế gian, [bản thân] đã được tách biệt vói những điều nào. Vói những điều nào: Là với những tà kiến nào. Đã được tách biệt: Là đã được trống vắng, đã được tách biệt, đã được tách rời với uê hạnh vê thân; đã được trông văng, đã được tách biệt, đã được tách rời với uê hạnh vê khâu... với uê hạnh vê ý... với luyên ái... (nt)... với tát cả các pháp tạo tác bất thiện. Sống: Là thực hành, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ? hộ trì, bảo dưỡng. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ. "Sống ở thế gian, [bản thân] đã được tách biệt với những điều nào” là như thế. Bậc Long Tượng sẽ không tiếp thu và sẽ không nói về những điều ấy. Bậc Long Tượng: không làm điều tội l§i" là bậc Long Tượng, không đi đến" là bậc Long Tượng, không trở về” là bậc Long Tượng. không làm điều tội 16i" là bậc Long Tượng, nghĩa là thế nào? Điều tội

lỗi nói đến các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vi lai. không làm bất cứ điều tội lỗi nào ở thế gian, sau khi tháo gỡ tất cả các sự ràng buộc [và] các sự trói buộc, không bám víu vào bất cứ nơi đâu, đã được giải thoát, vị tự tại, có bản thể như thế, được gọi là 'bậc Long Tượng.99,7 không làm điều tội 16i" là bậc Long Tượng, nghĩa là như vậy. không đi đến95 là bậc Long Tượng, nghĩa là thế nào? Vị không đi đến sự thiên vị vì mong muôn,

không đi đên sự thiên vị vì sân hận, không đi đên sự thiên vị vì si mê, không đi đến sự thiên vi vì sợ hãi, không đi đến do tác động của luyến ái, không đi đến do tác động của sân hận, không đi đến do tác động của si mê, không đi đến do tác động của ngã mạn, không đi đến do tác động của tà kiến, không đi đến do tác động của phóng dật, không đi đến do tác động của hoài nghi, không đi đến do tác động của pháp tiềm ẩn, không bi đưa đi, không bi dẫn đi, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi các pháp có tính chất phe nhóm. không đi đến,, là bậc Long Tượng, nghĩa là như vậy. không trở về" là bậc Long Tượng, nghĩa là thế nào? Các ô nhiễm nào đã được dứt bỏ bởi đạo Nhập lưu, các ô nhiễm ấy không đi ve lại, không quay trở lại, không quay vê lại. Các ô nhiễm nào đã được dứt bỏ bởi đạo Nhát lai... bởi đạo Bất lai... bởi đạo A-la-hán, các ô nhiễm ấy không đi về lại, không quay trở lại, không quay vê lại. “Vj không quay v" là bậc Long Tượng, nghĩa là như vậy. Bậc Long Tượng sẽ không tiếp thu và sẽ không nói về những điều ấy: Không có trường hợp bậc Long Tượng sẽ chấp nhận, sẽ tiếp thu, sẽ nắm lấy, sẽ bám víu, sẽ chấp chặt; rồi sẽ nói, sẽ thuyết, sẽ phát ngôn, sẽ giảng giải, sẽ diễn tả các tà kiên áy răng: "Thê giới là thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại.^, "Bậc Long Tượng sẽ không tiếp thu và sẽ không nói về những điều ấy" là như thể. Giống như cây sen có gai [ờ cuống], được sanh ra ờ trong nước, không bi vấy bẩn bởi nước và bùn. Elam: Nói đến nước. Ambujam: Nói đến cây sen. CÓ gai [ờ cuông]: Nói đên có cuông sân sùi. Vāri: Nói đến nước. Được sanh ra ờ trong nước: Nói đến cây sen có nguồn sanh khởi từ nước. Jalam: Nói đến nước.

7 Suttanỉpãtapãlỉ (Kỉnh tập), TTP v, tập 29, trang 159, câu kệ 525. (ND)

ĐẠI DIỄN GIẢI 169

ĩ r \ 9 r

Bùn: Nói đên đát lây. Giông như hoa sen được sanh ra ở trong nước, có nẸuồn sanh khởi từ nước, không bị lấm nhơ, không bị nhiễm bẩn, không bi vấy ban, [là] đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn bởi nước và bùn. "Giống như cây sen có gai [ở cuống], được sanh ra ở trong nước, không bi vấy bẩn bởi nước và btin" là như thế. Tương tự như vậy, bậc Hiền trí nói về sự an tinh, không bỉ thèm khát, không bỉ vấy bẩn ờ dục và ờ thế gian. Tương tự như vậy: Là phương thức của sự so sánh. Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vi ấy là Hiền trí. Nói về sự an tinh: Bậc Hiền trí nói về sự an tinh, nói về nơi nương náu, nói vê nơi tru ân, nói vê nơi nương nhờ, nói vê nơi không sợ hãi, nói vê bát hoại, nói về bất tử, nói về Niết-bàn. "Tương tự như vậy, bậc Hiền trí nói về sự an tjnh“ là như thế. Không bi thèm khát: Thèm khát nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt).. tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với vi nào, thèm khát ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là không bi thèm khát. Vi ấy không bi thèm khát ở sắc, không bi thèm khát ở thinh... ở hương... ở vị... ở xúc... ở gia tộc... ở đồ chúng... ở chỗ ngụ... ở lợi lộc... ở danh vọng... ở lời khen... ở hạnh phúc... ở y phục... ở đồ ăn khất thực.. ở chỗ nằm ngồi và ở

vật dụng là thuốc men chữa bệnh... ở dục giới... ở sắc giới... ở vô sắc giới... ở cõi dục... ở cõi sắc... ở cõi vô sắc... ở cõi hữu tưởng... ở cõi vô tưởng... ở cõi phi tưởng phi phi tưởng... ở cõi một uẩn... ở cõi bốn uẩn... ở cõi năm uẩn... ở quá khứ... ở vị lai... ở hiện tại... ở các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không bị buộc trói, không bi mê mẩn, không bi gần gũi, có sự thèm khát đã được xa lìa, có sự thèm khát đã được tách lia, có sự thèm khát đã được từ b6, có sự thèm khát đã được tẩy trừ, có sự thèm khát đã được giải thoát, có sự thèm khát đã được dứt bỏ, có sự thèm khát đã được buông bỏ, có sự luyến ái đã được xa lia, CÓ sự luyên ái đã được tách lia, có sự luyên ái đã được từ bỏ, có sự luyên ái đã được tẩy trừ, có sự luyến ái đã được giải thoát, có sự luyến ái đã được dứt bỏ, có sự luyến ái đã được buông bỏ, không còn khao khát, được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân. "Tương tự như vậy, bậc Hiền trí nói về sự an tịnh, không bị thèm khát" là như thế. Không bi vấy bẩn ờ dục và ờ thế gian. Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt).. Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

170 KINH TIÊU BÔ

ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ. Lấm nhơ: Có hai sự lấm nhơ: Lấm nhơ do tham ái và lấm nhơ do tà kiến. ... (nt)... điêu này là lâm nhơ do tham ái.... (nt)... điêu này là lâm nhơ do tà kiên. Bậc Hiền trí sau khi dứt bỏ lấm nhơ do tham ái, sau khi buông bỏ lấm nhơ do tà kiến, không bi lấm nhơ ở dục và ở thế gian, không bị nhiễm bẩn, không bị vấy bẩn, [là người] đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vay bẩn, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Tương tự như vậy, bậc Hiên trí nói vê sự an tinh, không bị thèm khát, không bi vay bẩn ở dục và ở thế gian" là như thế. T\ 'T Á J. r rpi Ay s Á rp w Vì thê, đức Thê Tôn đã noi răng:
"'Song ở thế gian, [bản thân] đã được tách biệt với những điều nào, Bậc Long Tượng sẽ không tiếp thu và sẽ không nói về những điều ấy. ,Giong như cây sen có gai [ở cuống], được sanh ra ở trong nước, không bi vây bân bởi nước và bìm, Tươn^ tự như vậy, bậc Hiền trí nói ve sự an tỉnh, không bỉ thèm khát, không bỉ vay ban ở dục và ở the gian. “

9.12. Bậc đã đạt được sự hiểu biết không do tà kiến, không do cảm giác mà vi r * r > r -t 1 ơ • ây đi đên ngã mạn, bởi vì vị ây không có điêu ây là bản tỉnh. Không do hành động, cũng không do điều đã được nghe mà vị ấy có the bỉ dan đi; vỉ ấy không bị dân dát vào trong các sự chấp chặt. Bậc đã đạt được sự hiêu biêt không do tà kiên, không do cảm giác mà vi ấy đĩ đến ngã mạn. Không: Là sự phủ định. Bậc đã đạt được sự hiểu biết: Sự hiểu biết nói đến trí [ở bốn đạo], tuệ, tuệ quyền, tuệ lực, trạch pháp giác chi, sự thẩm xét, sự thấy rõ, chánh kiến ở bốn đạo. Với các sự hiêu biêt ây, [vị áy] đã đi đên diêm cuôi đôi với sanh-già-chêt5 đã đạt đến điểm cuối, đã đi đến đỉnh, đã đạt đến đỉnh, đã đi đến tận cùng, đã đạt đến tận cùng, đã đi đến sự hoàn tất, đã đạt đến sự hoàn tất, đã đi đến nơi nương náu, đã đạt đến nơi nương náu, đã đi đến nơi tru ẩn, đã đạt đến nơi trú ẩn, đã đi đến nơi nương nhờ, đã đạt đến nơi nương nhờ, đã đi đến nơi không sợ hãi, đã

đạt đến nơi không sợ hãi, đã đi đến bất hoại, đã đạt đến bất hoại, đã đi đến bất tử? đã đạt đến bất tử, đã đi đến Niết-bàn5 đã đạt đến Niết-bàn đối với sanh-già- chết. "Nguồi đã đi đến điểm cuối của các sự hiểu biết" là bậc đã đạt được sự hiểu biết, hoặc "người đã đi đến điểm cuối nhờ vào các sự hiểu biết" là bậc đã đạt được sự hiêu biêt, hoặc bậc đã đạt được sự hiêu biêt là người có trạng thái đã hiểu biết ve bảy pháp: Sự nhận thức sai trái ve thân đã được hiểu biết, sự hoài

nghi đã được hiểu biết, sự bám víu vào giới và phận sự đã được hiểu biết, sự luyến ái đã được hiểu biết, sân hận đã được hiểu biết, si mê đã được hiểu biết, ngã.mạn đãĩ được hiêu biêt; đôi với người này, Zcác ác bát9 thiện pháp, O các điêu ô nhiêm đưa đên tái sanh, có sự phiên muộn, có két quả khô, đưa đên sanh-già- chết ở vị lai là đã được hiểu biết. [Đức Thế Tôn nói: "Này Sabhiya] vị đã suy gẫm toàn bộ các loại kiến thức thuộc về các Sa-môn, thuộc về các Bà-la-môn, vị đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các cảm thọ, vi đã vượt qua mọi kiến thức, vị ấy là 'bậc đã đạt được sự hiểu biết.9,98 Không do tà kiên: Đôi với vi ây, sáu mươi hai tà kiên là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. Vị ấy không bị đưa đi, khônậ bị dẫn di, không bi lôi di, không bị mang đi bởi tà kiên, cũng không xem tà kiên ấy là có cốt lõi và cũng không quay ve lại. "Bậc đã đạt được sự hiểu biết không do tà kiến" là như thế. Không do cảm giác mà vi ấy đi đến ngã mạn: Vị ấy không đi đến ngã mạn do [hương, vi, xúc] đã được cảm giác, hoặc do thinh từ người khác, hoặc do quy ước của số đông người, không tiếp cận, không đi đến gần, không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt. "Bậc đã đạt được sự hiêu biêt không do tà kiên, không do cảm giác mà vị ấy đi đền ngã mạn,, là như thế. Bởi vì vi ấy không có điều ấy là bản tính: Không do tác động của tham ái, không do tác động của tà kiến mà [vị ấy] có điều ấy là bản tính, có điều ấy là tối hậu, có điều ấy là cứu cánh. Khi nào tham ái, tà kiến và ngã mạn của vị này là được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; cho đến như thế thì [vị ấy] không có điều ấy là bản tính, không có điều ấy là tối hậu, không có điều ấy là cứu cánh. “Bởi vì vị ấy không có điều ấy là bản tính,, là như thế. Không do hành động, cũng không do điều đã được nghe mà vi ấy có thể bị dẫn di. J Không do hành động: Vi ấy không bị đưa đi, không bị dẫn di, kh6ng bi lôi di, không bị mang đi bởi phúc hành, hoặc bởi phi phúc hành, hoặc bởi bát động hanh.89 "Không do hành d0ng,9 là như thế. Cũng không do điều đã được nghe mà vi ấy có thể bi dẫn đi: Vị ấy không bi đưa đi, không bi dẫn di, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi sự trong sạch do điều đã được nghe, hoặc do nghe từ người khác, hoặc do quy ước của sô đông người.

8 SuttanipãtapâỊỉ (Kinh tập), TTPV, tập 29, trang 161, câu kệ 532. (ND) 9 Xem chú thích về 4tphúc hành, phi phúc hành, bất động hnh” & trang 77. (ND)

"Không do hành động, cũng không do điều đã được nghe mà vi ấy có thể bị dẫn di" la như thế. Vị ấy không bi dẫn dắt vào trong các sự chấp chặt. Sự vướng bận: Có hai sự vướng bận: Sự vướng bận do tham ái và sự vướng bận do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự vướng bận do tham ái. ... (nt)... điêu này là sự vướng bận do tà kiên. Đôi với vị ây9 sự vướng bận do tham ái đã được dứt bỏ, sự vướng bận do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đoi với sự vướng bận do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đoi với sự vướng bận do tà kiến, vị ấy không bị dẫn dắt vào các sự chấp chặt, không bi vấy bẩn, không tiến vào, không bám chặt, không hướng đến, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. ấy không bị dẫn dắt vào trong các sự chấp chát" là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng: i(Bac đã đạt được sự hỉêu biêt không do tà kiên, không do cảm giác mà vị ấy đi đến ngã mạn, bởi vì vi ẩy không có điều ấy là bản tỉnh. Không do hành động, cũng không do điều đã được nghe mà vỉ ấy có thể bỉ dẫn đi; vỉ ấy không bỉ dẫn dắt vào trong các sự chấp chặt.

9.13. Đôi với vi đã xa lìa tưởng, các trói buộc không hiện hữu, Đổi với vi đã được giải thoát do tuệ, các si mê không hiện hữu. Và những người nào nam giữ tưởng và tà kiến, Những người ấy sổng, gây đụng chạm ở thế gian. Đối với vi đã xa lìa tưởng, các trói buộc không hiện hữu: Vị nào tu tập Thánh đạo có thiền chỉ tịnh là yếu tố đi trước, các trói buộc liên quan đến giai đoạn đầu của vị ấy được đè nén; khi đạt đến quả vị A-la-hán, các trói buộc, các si mê, các pháp che lấp, và các dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng, tà kiến tưởng được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nót đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai. "Đối với vị đã xa lìa tưởng, các trói buộc không hiện hữu" là như thế. Đổi với vi đã được giải thoát do tuệ, các si mê không hiện hữu: Vị nao tu tập Thánh đạo có thiền minh sát là yếu tố đi trước, các si mê liên quan đến giai đoạn đàu của Vị ấy được đè nén; khi đạt đến quả vị A-la-hán, các si mê9 các trói buộc, các pháp che lấp, và các dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng, tà kiến tưởng được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bi làm cho không còn hiện hữu, không còn điêu kiện sanh khởi trong tương lai. uĐối với vi đã được giải thoát do tuệ, các si mê không hiện hữu" là như thế. Và những người nào nắm giữ tưởng và tà kiến, những người ấy sống, gây đụng chạm ờ thế gian: Những kẻ nào nắm lấy tưởng, dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng; do tác động của tưởng, những kẻ ấy gây đụng chạm, gây xung

đột. Các vị vua tranh cãi với các vi vua, các Sát-đê-lỵ tranh cãi với các Sát-đê- ly, các Bà-la-môn tranh cãi với các Bà-la-môn, các gia chủ tranh cãi với các gia chủ, mẹ tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với mẹ, cha tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với cha, anh [em] trai tranh cãi với anh [em] trai, chị [em] gái tranh cãi với chị [em] gái, anh [em] trai tranh cãi với chị [em] gái, chị [em] gái tranh cãi với anh [em] trai, bạn bè tranh cãi với bạn bè. Tại nơi ấy, chúng đạt đến sự cãi cọ, sự cãi vã, sự tranh cãi, rồi công kích lẫn nhau bằng những bàn tay, công kích lẫn nhau bằng những cục đất, công kích lẫn nhau bằng những gậy gộc, công kích lẫn nhau bằng những gươm đao. Tại

nơi ấy, chúng đi đến cái chết, thậm chí sự khổ đau kề cận cái chết. Những kẻ nào nắm lấy tà kiến rằng: “Thế giới là thường cbn",...(nt)... hoặc: "Chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết"; do tác động của tà kiến, những kẻ ấy gây đụng chạm, gây xung đột; chúng gây đụng chạm bậc Đạo sư [này] với bậc Đạo sư [khác], chúng gây đụng chạm ệiáo lý [này] với giáo lý [khác], chúng gây đụng chạm tập thể [này] với tập thê [khác], chúng gây đụng chạm quan điểm [này] với quan điểm [khác], chúng gây đụng chạm lối thực hành [này] với lối thực hành [khác], gây đụng chạm đạo lộ [này] với đạo lộ [khác]. Hoặc là, chúng tranh cãi, rồi gây ra sự cãi cọ, gây ra sự cãi lộn, gây ra sự cãi vã, gây ra sự tranh cãi, gây ra sự g2y gô răng: "Ngươi không biết Pháp và Luật này... (nt)... hoặc ngươi hãy gỡ roi nêu ngươi có khả nang.^ Các sự tạo tác của chúng chưa được dứt bỏ; do trạng thái chưa được dứt bỏ của các sự tạo tác, chúng gây đụng chạm ở địa ngục, chúng gây đụng chạm ở loài thú, chúng gây đụng chạm ở thân phận nga quỷ, chúng gây đụng chạm ở nhân giới, chúng gây đụng chạm ở thiên giới, chúng gây đụng chạm, chúng gây xung đột cảnh giới tái sanh [này] với cảnh giới tái sanh [khácj, sự tái sanh [này] với sự tái sanh [khác], sự nối liền tái sanh [này] với sự nôi liên tái sanh [khác], sự hiện hữu [này] với sự hiện hữu [khác], sự luân hồi [này] với sự luân hồi [khác], sự luân chuyển [này] với sự luân chuyển [khác]. Trong khi gây đụng chạm, chúng sống, cư xử, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh... (nt)... ở thế gian của loài người. “Và những người nào năm giữ tưởng và tà kiên, những người ây sông, gây đụng chạm ở thế gian” là như thế. Vì thê, đức The Ton đã noi răng: "'Đoi với vị đã xa lìa tưởng, các trói buộc không hiện hữu, Đoi với vị đã được giải thoát do tuệf các sỉ mê không hiện hữu. Và những người nào nắm giữ tưởng và tà kiến, Những người ây sông, gây đụng chạm ở thê gian," ^Diễn giải kỉnh về Mâgandiyaw - Phần thứ chín.

174 KINH TIỂU BÔ

10. DIỄN GIẢI KINH TRƯỚC KHI HOẠI RÃ (PURĀBHEDASUTTANIDDESO)

Giờ phần "Diễn giải kinh trước khi hoại rã,9 được nói đến: 10.1. Có sự hiểu biết thế nào, cỏ giới thế nào, được gọi là í(yên tinh "? Thưa Ngài Gotama, được hỏi về con người tối thượng, xỉn Ngài hãy nói cho tôi về vị ấy. Có sự hiểu biết thế nào, có giới thế nào, được gọi là "yn tịnh^? Có sự hiểu biết thế nào: Được thành tựu sự hiểu biết như thế nào, được hình thành thế nào, có kiểu cách gì, có biểu hiện gì. "Có sự hiểu biết thế nào,9 là như thế. Có giới thế nào: Được thành tựu giới như thế nào, được hình thành thế nào, có kiểu cách gì, có biểu hiện gì. "C6 sự hiểu biết thế nào, có giới thế nào" là như thế. Được gọi là "yên tinh": Được gọi là, được nói ra, được thuyết giảng, được phát ngôn, được giảng giải, được diễn tả là an tịnh, yên tinh, vắng lặng, không còn khao khát, tịch diệt, tịch tịnh. "Có sự hiểu biết thế nào" là hỏi về thắng tuệ; “c6 giới thế nào” là hỏi về thắng giới; "yên tịnh,, là hỏi về thắng tâm. “C6 sự hiểu biết thế nào, có giới thế nào, được gọi là 'yên tinh,?,, là như thế. Thưa Ngài Gotama, xin Ngài hãy nói cho tôi về vị ấy. Vi ấy: Là vi tôi hỏi, vị tôi yêu cầu, vị tôi thỉnh cầu, vị tôi đặt niềm tin. Thưa Ngài Gotama: Vị [Phật] đã được hóa hiện ấy xưng hô với đức Phật Thế Tôn bằng họ. Xin Ngài hãy nói về: Xin Ngài hãy nói, hãy nêu ra, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở? hãy

chia sẻ5 hãy làm rõ? hãy bày tỏ. “Thua Ngài Gotama, xin Ngài hãy nói cho tôi về vi ấy" là như thế. Được hỏi về con người tối thượng. Được hỏi vê: Được vân, được hỏi, được yêu câu, được thỉnh câu, được đặt niềm tin. Con người tối thượng: Là con người cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn dầu, tối thượng, cao quý. "Được hỏi vê con người tôi thượng" là như thê.

ĐẠI DIỄN GIẢI 175

Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra1 đã hỏi rằng: “C6 sự hiểu biết the nào, có giới the nào, được gọi là yên tịnh'? Thưa Ngài Gotama, được hỏi về con người tối thượng, xỉn Ngài hãy nói cho tôi về vị ấy."

10.2. [Đức Thế Tôn nói:] “Vi có tham ái đã được xa lìa trước khỉ hoại rã [thân xác] thỉ không nương tựa vào thời gièm trước [quả khứ], không thể phân hạng vào khoảng giữa [hiện tại]; đôi với vi ây, việc chủ trọng [vị lai] là không có." Vi có tham ái đã được xa lìa trước khỉ hoại rã [thân xác]: Trước khi hoại rã thân thể, trước khi hoại rã bản thân, trước khi quăng bỏ thân xác, trước khi cắt đứt mạng quyền, vi có tham ái đã được xa lìa, có tham ái đã được tách lìa, có tham ái đã được từ bỏ, có tham ái đã được tẩy trừ, có tham ái đã được giải thoát, có tham ái đã được dứt bỏ, có tham ái đã được buông bỏ, có luyến ái đã được xa lìa, có luyến ái đã được tách lìa, có luyến ái đã được tò bỏ, có luyến ái đã được tẩy trừ, có luyến ái đã được giải thoát, có luyến ái đã được dứt bỏ, có luyến ái đã được buông bỏ, không còn khao khát, được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân. Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. Thêm nữa, "vj có luyến ái đã được phá vỡ55 là đức Thế Tôn; "vj có sân hận đã được phá là đức Thế Tôn; "vj có si mê đã được phá vỡy là đức Thế Tôn; “vj có ngã mạn đã được phá v&” là đức Thế Tôn; “vj có tà kiến đã được phá v&" là đức Thế Tôn; “vj có cây gai đã được phá v&" là đức Thế Tôn; "vj có ô nhiễm đã được phá v&" là đức Thế Tôn; “vj đã phân phát, đã phân chia, đã phânj)hối Pháp b*o" là đức Thế Tôn; thực hiện sự chấm dứt các hữu" là đức The Tôn; "vj có thân đã được tu tập, có giới đã được tu tập, có tâm đã được tu tập, có tuệ đã được tu tập55 là đức Thế Tôn; "vj đã thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu khôn̨ gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiên tịnh,9 là đức The Tôn; "vi có dự phần hoặc sở hữu về y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bênh” là đức Thế Tôn; "vj có dự phần hoặc sở hữu về vị của mục đích, về vi của pháp, về vi của giải thoát, về thắng ệiới, về thắng tâm, về thắng tue” là đức Thế Tôn; “vj có dự phần hoặc sở hữu ve bốn thiền, về bốn vô lượng [tâm], về bốn sự thể nhập vô sắc" là đức Thế Tôn; "vi có dự phần hoặc sở hữu về tám giải thoát, về tám thắng xứ [của thiền], về chín sự thể nhập và an tru theo tuần tự” là đức Thế Tôn; "vj CÓ dự phân hoặc sở hữu vê mười sự tu tập vê tưởng, vê mười sự thê nhập các đê mục kasiụa. về định niệm hơi thở vào hơi thở ra, về sự thể nhập các đề mục tử thi” là đức Thế Ton; "vi có dự phần hoặc sở hữu về bốn sự thiết lập ĩựe bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa

1 Nhằm tế độ chư thiên và nhân loại thuộc 6 tánh khác nhau (tánh tham, tánh sân, tánh si, tánh tầm, tánh tín, tánhzgiác), đức Phật đã dùng thần thông hóa hiện ra một vi

Phật thứ hai cùng với 1.250 vị Tỳ-khưu đi đến nơi ấy bằng đường không trung, và vị Phật đã được hóa hiện ra ấy đã hỏi câu hỏi trên. Đức Phật đã hướng tâm đến các chúng sanh có tánh giác ương lúc thuyết bài Kinh PŨrãbheda này (NidA. II. 316).

đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần,, là đức Thế Tôn; có dự phần hoặc sở hữu về mười Như Lai lực, về bốn pháp tự tin, về bốn tuệ phân tích, về sáu thắng trí, về sáu pháp của đưc Phát" là đức Thế Ton. Thê Tôn: Tên gọi này không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh [em] trai tạo ra, không do chị [em] gái tạo ra, không do bạn bè hoặc thân hữu tạo ra, không do các thân quyến và những người cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra, sự tận cùng của giải thoát này là sự quy định thuộc ve chư Phật The Tôn do sự đạt được, do sự chứng ngộ trí Toàn tri ở cội cây Bồ-đề, tức là "đức Thế Tôn?5 "Vị có tham ái đã được xa lìa trước khi hoại rã [thân xác]" là như thế. Không nương tựa vào thời gian trước: Thời gian trước nói đến thời quá khứ. Liên quan đên thời quá khứ, tham ái là đã được dứt bỏ, tà kiên là đã được buông bỏ; do trạng thái đã được dứt bỏ đối với tham ái5 do trạng thái đã được buông bỏ đối với tà kiến. Như vậy là "không nương tựa vào thời gian trước.,, Hoặc là [nghĩ rằng]: 'Ta đã có sắc như vầy vào thời quá khứ", rồi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy. "Ta đã có thọ như vầy... "Ta đã có tưởng như vầy... "Tadā có hành như vầy... ^Ta đã có thức như vày vào thời quá khúr", rồi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy. Như vậy cũng là "không nương tựa vào thời gian trước.,, Hoặc là [nghĩ rằng]: "Mắt của ta đã là như vầy vào thời quá khứ, các sắc đã là như vy", thức không bị trói buộc vào sự mong muốn và luyến ái về điều ấy; do không có trạng thái bị trói buộc vào sự mong muốn và luyến ái của thức, nên không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy. Như vậy cũng là "không nương tựa vào thời gian trước.,, "Tai của ta đã là như vầy vào thời quá khứ, các thinh đã là như vây",... "Mũi của ta đã là như vầy vào thời quá khứ, các hương đã là như vầy\... "Lưỡi của ta đã là như vầy vào thời quá khứ, các vị đã là như v*y",. "Th2n của ta đã là như vầy vào thời quá khứ, các xúc đã là như vầy",... "V của ta đã là như vầy vào thời quá khứ, các pháp đã là như vy", thức không bị trói buộc vào sự mong muốn và luyến ái về điều ấy; do trạng thái không bị trói buộc vào sự mong muốn và luyến ái của thức, nên không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy. Như vậy cũng là "không nương tựa vào thời gian trước.,5 Hoặc là các việc cười hớt, chuyện trò, đùa giỡn nào với người nữ đã có trước đây, thì không hứng thú điều ấy, không khao khát điều ấy, và không do điều ấy mà đạt được sự vui lòng. Như vậy cũng là "không nương tựa vào thời gian trư&c." Không thể phân hạng vào khoảng giữa: Khoảng giữa nói đến thời hiện tại. Liên quan đến thời hiện tại, tham ái là đã được dứt bỏ5 tà kiến là đã được buông bỏ; do trạng thái đã được dứt bỏ đối với tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với tà kiến, không thể phân hạng là "bị luyến ái", không thể phân hạng là sân hận,\ không thể phân hạng là si mê,\ khônẹ thể phân hạng là "bị trói bu0c", kh6ng thể phân hạng là bám víu", không the phân hạng là "bj tán loạn", không the phân hạng là "không dứt khoát", không thể phân hạng là

r

"cứng c6i"; các pháp tạo tác ây là đã được dứt bỏ; do trạng thái đã được dứt bỏ đôi với các pháp tạo tác, không thê phân hạng theo cảnh giới tái sanh là "người địa ngục", hoặc Toài thú", hoặc "thân phận nga quỷ9\ hoặc Toi người,\ hoặc "thiên nhan", hoặc "người hữu sắc", hoặc "người vô sắc", hoặc "người hữu tưởng", hoặc "người vô tưởng", hoặc "người phi tưởng phi phi tưởng"? Không có nhân, không có duyên, không có lý do, mà bởi điều ấy vị ấy có thê đi đến sự phân hạng. "Không thể phân hạng vào khoảng giữa" là như thế. Đối với vi ấy, việc chú trọng là không có. Đối với vi ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt. Việc chú trọnẹ: Có hai sự chú trọng: Chú trọng do tham ái và chú trọng do tà kiến... (nt)... điêu này là chú ương do tham ái... (nt)... điều này là chú Ượng do tà kiến. Đối với vi ấy, sự chú trọng do tham ái đã được dứt bỏ, sự chú trọng do tà kiến đã được buông bỏ; do trạng thái đã được dứt bỏ đoi với sự chú trọng do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự chú trọng do tà kiến, vị ấy sống không chú trọng tham ái hoặc tà kiến, không có tham ái là ngọn cờ, không có tham ái là biểu hiện, không có tham ái là chủ đạo, không có tà kiến là ngọn cờ, không có tà kiến là biểu hiện, không có tà kiến là chủ đạo, vi ấy sống không bị vây quanh bởi tham ái hoặc bởi tà kiến. "Đối với vị ấy, việc chú trọng là không c6" là như vậy. Hoặc là [nghĩ rằng]: "Ta sẽ có sắc như vầy vào thời vi lai", rồi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy. Như vậy là "(tói với vị ấy, việc chú trọng là không cQ." "Ta sẽ có thọ như vầy... "Ta sẽ có tưởng như vầy... "Ta sẽ có hành như vây... "Ta sẽ có thức như vây vào thời v j lai", roi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy. Như vậy cũng là "đối với vị ấy, việc chú trọng là không c6." Hoặc là [nghĩ rằng]: "Mắt của ta sẽ là như vầy vào thời vi lai, các sắc sẽ là như vầy", rồi không chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được; do duyên không chuyên chú của tâm nên không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy. Như vậy cũng là "đối với vị ấy, việc chú trọng là không c6"; "Tai của ta sẽ là như vầy vào thời vị lai, các thinh sẽ là như vầy\... "Mũi của ta sẽ là như vầy vào thời vi lai, các hương sẽ là như vầy",.."Lưỡi của ta sẽ là như vầy vào thời vị lai, các vị sẽ là như vầy",..."Than của ta sẽ là như vầy vào thời vị lai, các xúc sẽ là như vầy9\.."V của ta sẽ là như vầy vào thời vi lai, các pháp sẽ là như vầy", rồi không chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được; do duyên không chuyên chú của tâm nên không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy. Như vậy cũng là "(tói với vi ấy, việc chú trọng là không c6." Hoặc là: "Với giới này, hay với phận sự này, hay với sự khắc kho này, hay với Phạm hạnh này, ta sẽ trở thành Thiên vương hoặc một thiên nhân nào d6", rồi không chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được; do duyên không chuyên chú của tâm nên không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy. Như vậy cũng là "(tói với vị ấy, việc chú trọng là không c6." r y

Vì the, đức The Ton đã noi răng:

[Đức Thế Tôn nói:] c/ tham ái đã được xa lìa trước khi hoại rã [thân xác] thì không nương tựa vào thời gian trước [quá khứ]; không the phân hạng vào khoảng giữa [hiện tại]; đoi với vỉ ấy, việc chú trọng [vị lai] là không có."

10.3. Không có sự giận dữ, không có sự kỉnh sợf không có sự phô trương, không có sự hối hậnf có lời nói khôn khẻo, không bị phóng túng; vị ấy quả thật là bậc Hiền trí đã kiềm chế về khẩu. Không có sự giận dữ, không có sự kỉnh sợ. Bởi vì "sụ* không giận dũ*" được nói đến, như thế sự giận dữ cũng nên được nói đến. Sự giận dữ sanh khởi theo mười biểu hiện: [Nghĩ rằng:] "Nó đã làm điều bất lợi cho ta", giận dữ sanh khởi; [nghĩ rằng:] "N6 đang làm điều bất lợi cho ta", giận dữ sanh khởi; [nghĩ rằng:] "Nó sẽ làm điều bất lợi cho t?", giận dữ sanh khởi; [nghĩ rằng:] “N6 đã làm điều bất lợi... đang làm điều bất lợi... sẽ làm điều bất lợi cho người yêu quý, hợp ý của ta", giận dữ sanh khởi; [nghĩ rằng:] “N6 đã làm điều có lợi... đang làm điều có lợi... sẽ làm điều có lợi cho người không yêu quý, không hợp ý của ta", giận dữ sanh khởi; thêm nữa là sự giận dữ sanh khởi vô cớ. Sự tức tối nào của tâm có hình thức như vậy là sự tức giận, sự thù hận, sự đối chọi, sự căm giận, sự căm hờn, sự căm ghét, sự sân hận, sự khởi sân, sự sân nộ, sự độc ác của tâm, sự khởi sân của ý9 sự giận dữ, biểu hiện giận dữ, trạng thái giận dữ, sự sân hận, biểu hiện sân hận, trạng thái sân hận, sự tức giận, biểu hiện tức giận, trạng thái tức giận, sự chống đối, sự đối chọi, sự tàn nhẫn, sự lỗ mãng, trạng thái không hoan hỷ của tâm; điều này được gọi là sự giận dữ. Thêm nữa, trạng thái nhiều ít của sự giận dữ nên được biết đến: Có lúc sự giận dữ là ở mức độ làm xáo trộn tâm, nhưng chưa nhíu mày nhăn mặt; có lúc sự giận dữ là ở mức độ nhíu mày nhăn mặt, nhưng chưa nghiến hai hàm răng; có lúc sự giận dữ là ở mức độ nghiến hai hàm răng, nhưng chưa thốt ra lời nói thô lỗ; có lúc sự giận dữ là ở mức độ thốt ra lời nói thô lỗ, nhưng chưa nhìn quanh các hướng [tìm vũ khí]; có lúc sự giận dữ là ở mức độ nhìn quanh các hướng [tìm vũ khí], nhưng chưa nắm lấy gậy gộc gươm đao; có lúc sự giận dữ là ở mức độ nắm lấy gậy gộc gươm đao, nhưng chưa giơ gậy gộc gươm đao lên; có lúc sự giận dữ là ở mức độ giơ gậy gộc gươm đao lên, nhưng chưa giáng gậy gộc gươm đao xuống; có lúc sự giận dữ là ở mức độ giáng gậy gộc gươm đao xuống, nhimg chưa làm việc băm chém; có lúc sự giận dữ là ở mức độ làm việc băm chém, nhưng chưa có sự tổn thương gãy vỡ; có lúc sự giận dữ là ở mức độ có sự tổn thương gãy vỡ, nhimg chưa có sự đứt lìa các phần cơ thể; có lúc sự giận dữ là ở mức độ có sự đứt lìa các phần cơ thể, nhưng chưa có sự đoạt lấy mạng sống; có lúc sự ^iận dữ là ở mức độ có sự đoạt lấy mạng sống, nhưng chưa đến mức buông bỏ tát cả5 luôn cả việc tự sát. Khi nào sự giận dữ khiến cho ệiêt chét người khác roi giêt chét mình, đên chừng ây thì sự giận dữ [của người áy] đã đạt đến mức quá lo, đã đạt đến mức tận cung.

ĐẠI DIỄN GIẢI 179

Đôi với người nào, sự giận dữ ây đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tinh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy được gọi là không có sự giận dữ. Trạng thái đã dứt bỏ đối với sự giận dữ là "không có sự giận dữ.59 Trạng thái đã biết toàn diện về nền tảng của sự giận dữ là "không có sự giận dữ" Trạng thái đã chặt đứt nhân của sự giận dữ là "không có sự

giận dữ.” "Không có sự giận dữ" là như thế. Không có sự kinh sợ: ở dây, một vi [Tỳ-khưu] nào đó có sự run sợ? có sự khiếp sợ, có sự hoảng sợ, vị ây run sợ, khiếp sợ, hoảng sợ, sợ hãi, rơi vào sự kinh sợ [nghĩ rằng]: "Tôi không đạt được gia đình, tôi không đạt được đồ chúng, tôi không đạt được chỗ ngụ, tôi không đạt được lợi lộc, tôi không đạt được danh vọng, tôi không đạt được sự khen ngợi, tôi không đạt được hạnh phúc, tôi không đạt được y phục, tôi không đạt được vật thực, tôi không đạt được chỗ ở, tôi không đạt được vật dụng là thuốc men chữa bệnh, hoặc tôi không đạt được người chăm sóc bệnh, tôi không được biết đến”; như thế là run sợ, khiếp sợ, hoảng sợ, sợ hãi, rơi vào sự kinh sợ. ở đây, vị Tỳ-khưu là không có sự kinh sợ? không có sự khiếp sợ, không có sự hoảng sợ, vị ấy không run sợ, không khiếp sợ, không hoảng sợ, không sợ hãi, không rơi vào sự kinh sợ [nghĩ rằng]: "Tôi không đạt được gia đình, tôi không đạt được đồ chúng, tôi không đạt được chỗ ngụ, tôi không đạt được lợi lộc, tôi không đạt được danh vọng, tôi không đạt được sự khen ngợi, tôi không đạt được hạnh phúc, tôi không đạt được y phục, tôi không đạt được vật thực, tôi không đạt được chỗ ở? tôi không đạt được vật dụng là thuốc men chữa bệnh, hoặc tôi không đạt được người chăm sóc bệnh, tôi không được biết đến”; như thế là không run sợ, không khiếp sợ, không hoảng sợ, không sợ hãi, không rơi vào sự kinh sợ. "Không có sự giận dữ, không có sự kinh sợ" là như thế. Không có sự phô trương, không có sự hối hận: ở dây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó có sự khoe khoang, có sự phô trương, vị ấy khoe khoang, phô trương rằng: "Tôi thành tựu về giớf\ hoặc "tôi thành tựu về phận SỊT”, hoặc utôi thành tựu vê giới và phận SỊT” khoe khoang, phô trương vê xuất thân, vê dòng họ, vê con nhà gia thê, vê vẻ đẹp của làn da, vê tài sản, vê học vân, vê công việc, vê tài nghệ, về kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác răng: "Tôi xuất gia từ gia tộc thượng lưu", hoặc "tồi xuất gia từ gia tộc lớn", hoặc "tôi xuất gia từ gia tộc có nhiêu của cải", hoặc utôi xuất gia từ gia tộc có của cải quý giá", hoặc utôi được biêt tiêng, có danh vọng trong sô các hàng tại gia và xuất gia", hoặc "tôi có lợi lộc vê y phục, vật thực, chô trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bênh", hoặc utôi là vị chuyên về kinh”, hoặc "tôi là vị trì luật5\ hoặc "tôi là vị thuyết pháp", hoặc utoi là vị ngụ ở rừng”, hoặc "tôi là vị ngụ ở gốc cây", hoặc utôi là vi chuyên đi khất thực9\ hoặc "t6i là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ5\ hoặc "tôi là vị chỉ sử dụng ba y”, hoặc "tôi là vị đi

khất thực tuần tự theo từng nh*', hoặc "tôi là vị không ăn vật thực dâng sau”, hoặc "t6i là vị chuyên về oai nghi ng8i” (không nằm), utôi là vị ở chỗ đã được chi djnh”, hoặc "tôi đạt Sơ thiền,\ hoặc "tôi đạt Nhi thiền,\ hoặc "tôi đạt Tam thiền^, hoặc "tôi đạt Tứ thin”, hoặc "t6i đạt sự thể nhập Không vô biến xứ”, hoặc "tôi đạt sự thể nhập Thức vô biên xứ", hoặc "tôi đạt sự thể nhập Vô sở hữu xứ", hoặc "tôi đạt sự thể nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ." Vị không khoe khoang, không phô trương như vậy là vi đã tránh khỏi sự khoe khoang, khỏi sự phô trương, đã xa lánh, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Không có sự phô trương,, là như thế. Không có sự hối hận. Hối hận: Vẻ bối rối ở bàn tay cũng là hối hận, vẻ bối rối ở bàn chân cũng là hối hận, vẻ bối rối ở bàn tay và bàn chân cũng là hối hận, lầm tưởng là được phép trong việc không được phép,

làm tưởng là không được phép trong việc được phép, lầm tưởng là đúng thời vào lúc phi thời, lầm tưởng là phi thời vào lúc đúng thời, lầm tưởng là có tội ở việc vo tội, lầm tưởng là vô tội ở việc có tội. Sự hối hận nào có hình thức như vậy là biểu hiện hối hận, trạng thái hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý, việc này gọi là hối hận. Thêm nữa, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do hai nệuyên nhân: Do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm. Thế nào là sự hôi hận, sự ăn năn của tâm, sự bôi roi của ý sanh lên do trạng thái đã làm và do trạng thái không làm? Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: "Ta đã làm uế hạnh về thân, ta đã không làm thiện hạnh về than?9 Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: "Ta đã làm uế hạnh về khẩu, ta đã không làm thiện hạnh về khẩu.^, Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ỵ sanh lên rằng: "Ta đã làm uế hạnh về ý5 ta đã khôn^ làm thiện hạnh về y.” Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: "Ta đã giết hại sinh mạng, ta đã không tránh xa sự giết hại sinh mạng." Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: "Ta đã trộm cắp, ta đã không tránh xa sự trộm cắp." Sự hoi hận, sự ăn năn của tâm, sự bối roi của ý sanh lên rang: "Ta đã tà hạnh trong các dục, ta đã không tránh xa sự tà hạnh trong các dpc." Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: "Ta đã nói dối, ta đã không tránh xa việc nói d6i."."Ta đã nói đâm thọc, ta đã không tránh xa việc nói đâm thQC.."."Ta đã nói thô lỗ, ta đã không tránh xa việc nói thô 16."."Ta đã nói nhảm nhí, ta đã không tránh xa việc nói nhảm nhí.”.."Ta đã hành động tham đắm, ta đã không hành động không tham dắm."."Ta đã hành động sân hận, ta đã không hành động không sân hận.,\.. "Ta đã thực hành tà kiến, ta đã không thực hành chánh kiến." Như vậy là sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm. Hoặc là sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: “Ta không phải là người thực hành đay đủ các gi&i." Sự hoi hận, sự ăn năn của tâm,

ĐẠI DIỄN GIẢI 181

Sự bối rối của ý sanh lên rằng: "Ta là người có các giác quan không được gìn g[ữ."."Ta là người không biết chừng mực về vật thqc"Ta chưa luyện tập về tỉnh thiic."... "Ta chưa đầy đủ niệm và sự nhận biết rố?5... "Bốn sự thiết lập niệm chưa được ta tu tập."."B6n chánh cân chưa được ta tu tap.”."Bôn nen tảng của thần thông chưa được ta tu tập.59... "Nm quyền chưa được ta tu tập/9... uNăm lực chưa được ta tu tap?9... uBảy yếu tố đưa đến giác ngộ chưa được ta tu tập?\.. "Đạo lộ Thánh thiện tám chi phan chưa được ta tu tập?5... "Khổ chưa được ta biết toàn diên."..."Tập chưa được ta dứt bỏ.95... “Bạo chưa được ta tu tập/5... "Diệt chưa được ta chứng ngậy Đối với người nào, sự hối hận ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tinh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy được gọi là không có sự hối hận. "Không có sự phô trương, không có sự hối hận,^ là như thế. Có lời nói khôn khéo, không bi phóng túng. Khôn khéo được gọi là tuệ. Tuệ là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Sau khi nắm vững sự khôn khéo rồi nói lời nói, dầu thuyết nhiều, dầu phát ngôn nhiều, dầu giảng giải nhiều, dầu diễn tả nhiều, cũng không nói lời nói được thuyết vụng về, được phát ngôn vụng về,

được đối đáp vụng về, được thốt ra vụng về, được nói vụng về. “C6 lời nỏi khôn khéo^ là như thế. Không bi phóng túng: ở nơi ấy, sự phóng dật là việc nào? Sự phóng dật nào của tâm là sự không vắng lặng, là sự tán loạn của ý5 là trạng thái bị rối loạn của tâm, việc này là sự phóng dật của tâm. Đôi với người nào, sự phóng dật ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tinh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là không bị phóng túng. "C6 lời nói khôn khéo, không bị phóng túng" là như thế. Vi ấy quả thật là bậc Hiền trí đã kiềm chế về khẩu: ở đây, vị Tỳ-khưu sau khi dứt bỏ việc nói dối, là người tránh xa việc nói dối, có lời nói chân thật, liên quan đến sự thật, chắc chắn, đáng tin, không lường gạt thế gian. Sau khi dứt bỏ lời nói đâm thọc, là người tránh xa lời nói đâm thọc; sau khi nghe ở chỗ này, không là người nói lại ở chỗ kia nhằm chia rẽ những người này, hoặc là sau khi nghe ở chỗ kia, không là người nói lại cho những người này nhằm chia rẽ những người kia; như vậy là người kết hợp những kẻ đã bi chia rẽ, là người khuyến khích những kẻ hòa hợp, là ngiròi thỏa thích việc hợp nhất, thích thú việc hợp nhất, hân hoan việc hợp nhất, là người nói lời tạo ra sự hợp nhất. Sau khi dứt bỏ lời nói thô lỗ, là người tránh xa lời nói thô l lời nói nào là dịu ngọt, êm tai, đáng yêu, đi vào tim, tao nhã, làm đẹp lòng nhiều người, làm hợp ý nhiều người, là người nói lời có hình thức như thế. Sau khi dứt bỏ việc nói nhảm nhí, là người tránh xa việc nói nhảm nhí, là người nói đúng thời, nói về sự thật, nói về mục đích, nói về Pháp, nói về Luật, là người nói lời có giá trị, hợp thời, có lý lẽ? có chủ đề, liên quan đến mục đích. Là người được thành tựu

bốn thiện hạnh về khẩu, [vị ấy] nói lời nói tránh xa bốn sự sai trái, là vi đã tránh khỏi ba mươi hai việc nói phù phiếm, đã xa lánh, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. Là người nói về mười đề tài nói chuyện, như là nói về ít ham muốn, nói về sự tự biết đủ, nói về viễn ly, nói về không giao du, nói về sự ra sức tinh tấn, nói về giới, nói về định, nói về tuệ, nói về giải thoát, nói về sự biết và thấy về giải thoát,2 nói về sự thiết lập niệm, nói về chánh cần, nói về nền tảng của thần thông, nói về quyền, nói về lực, nói về yếu tố đưa đến giác nẹộ, nói ve Đạo, nói về Quả, nói về Niết-bàn; là người đã kiềm chế ở lời nói, đã cố sức, đã kiềm giữ, đã bảo vệ, đã gìn giữ, đa hộ ,đã vắng lặng.
Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến,...(nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là Hiền trí. ấy quả thật là bậc Hiền trí đã kiềm chế về khẩu" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: ^Không có sự giận dữ, không có sự kinh sợ, không có sựphô trương, không cỏ sự hoi hận, có lời nói khôn khẻo, không bi phỏng tủng; vi ấy quả thật là bậc Hiền trí đã kiềm chế về khẩu."

10.4. Vị không có sự dính mắc ở tương lai, không sầu muộn về quá khứ, nhìn thấy sự viễn ly ở các xúc, và không bỉ dẫn đi bởi các tà kiến. Vi không có sự dính mắc ờ tương lai: Sự dính mắc nói đến tham ái? tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với người nào, sự dính mắc, tham ái ấy đã

được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. Như vậy là "vị không có sự dính mắc ở tương lai." Hoặc là [nghĩ rằng:] "Ta sẽ có sắc như vầy vào thời vj lai", rồi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy; "Ta sẽ có thọ như vầy... "Ta sẽ có tưởng như vầy... 'Ta sẽ có hành như vầy... "Ta sẽ có thức như vay vào thời vị lai", rồi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy. Như vậy cũng là không có sự dính mắc ở tương lai." Hoặc là [nghĩ rằng:] "Mắt của ta sẽ là như vầy vào thơi vị lai, các sắc sẽ là như v*y", rồi không chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được. Do duyên không chuyên chú của tâm, rồi không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy. Như vậy cũng là "vị không có sự dính mắc ở tương lai." "Tai của ta sẽ là như vầy vào thời vị lai, các thinh sẽ là như vầy",... UÝ của ta sẽ là như vầy vào thời vi lai, các pháp sẽ là như vầy", rồi không chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được. Do duyên không chuyên chú của tâm, rồi không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy. Như vậy cũng là "vị

2 Xem chú thích 6 ở trang 23. (ND)

không có sự dính mắc ở tương lai." Hoặc là [nghĩ rằng:] "Với giới này, hay với phận sự này, hay với sự khắc khổ này, hay với Phạm hạnh này, ta sẽ trở thành Thiên vương hoặc một thiên nhân nào đó5\ rồi không chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được. Do duyên không chuyên chú của tâm, rồi không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điêu ấy. e r

Như vậy cũng là "vj không có sự dính mác ở tương lai." Không sầu muộn về quá khứ: Không sầu muộn về vật đã bị biến đổi; hoặc không sầu muộn khi vật bị biến đổi; [nghĩ rằng:] "Mắt của ta bị biến(tói" mà không sầu muộn; [nghĩ rằng:] "Tai của ta... Mũi của ta... Lưỡi của ta... Thân của ta... Các sắc của ta... Các thinh của ta... Các hương của ta... Các vị của ta... Các xúc của ta... Gia tộc của ta... Đo chúng của ta... Chỗ ngụ của ta.. Lợi lộc của ta... Danh vqng của ta... Lời khen của ta... Hạnh phúc của ta... Y phục của ta... Đồ ăn khát thực của ta... Chỗ nằm ngồi của ta... Vật dụng là thuốc men chữa bệnh của ta... Mẹ của ta... Cha của ta... Anh [em] trai của ta... Chị [em] gái của ta.. Con trai của ta... Con gái của ta... Bạn bè của ta... Thân hữu của ta... Thân quyến của ta... Những người cùng huyết thống của ta bị biến d6i" mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đấm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội. "Không sầu muộn về quá khứ" là như thế. Nhìn thấy sự viễn ly ờ các xúc. Xúc: Là nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc, xúc do diễn đạt [xúc thông qua ý môn], xúc do va chạm [xúc thôn̤e qua ngũ môn], xúc tạo ra thọ lạc, xúc tạo ra thọ kho, xúc tạo ra thọ không kho không lạc, xúc [ở tâm] thiện, xúc [ở tâm] bất thiện, xúc [ở tâm] vô ký, xúc thuộc dục giới, xúc thuộc sắc giới, xúc thuộc vô sắc giới, xúc [do quán xét] không tánh, xúc [do quán xét] vô tướng, xúc [do quán xét] vô nguyện, xúc hiệp thế, xúc xuất thế, xúc quá khứ, xúc vị lai, xúc hiện tại, xúc nào có hình thức như vậy là sự chạm vào, biểu hiện chạm vào, trạng thái chạm vào; điều này được gọi là xúc. Nhìn thấy sự viễn ly ờ các xúc: Nhìn thấy nhãn xúc được tách biệt với tự nệã? hoặc với vật thuộc về tự ngã, hoặc với nghĩa

thường còn, hoặc với nghĩa bên vững, hoặc với nghĩa trường tồn, hoặc với tình trạng không bị biến đổi; nhìn thay nhĩ xúc được tách biệt... nhìn thấy tỷ xúc được tách biệt... nhìn thấy thiệt xúc được tách biệt... nhìn thấy thân xúc được tách biệt... nhìn thấy ý xúc được tách biệt... nhìn thấy xúc do diễn đạt [xúc thông qua ý môn] được tách biệt... nhìn thấy xúc do va chạm [xúc thông qua ngũ môn] được tách biệt... nhìn thấy xúc tạo ra thọ lạc... xúc tạo ra thọ khổ... xúc tạo ra thọ không khổ không lạc... xúc [ở tâm] thiện... xúc [ở tâm] bất thiện... xúc [ở tâm] vô ký... xúc thuộc dục giới... xúc thuộc sắc giới... xúc thuộc vô sắc giới... xúc hiệp thế được tách biệt với tự ngã, hoặc với vật thuộc về tự ngã, hoặc với nghĩa thường còn, hoặc với nghía bền vững, hoặc với nghĩa trường tồn, hoặc với tình trạng không bị biến đôi. Hoặc là nhìn thấy xúc quá khứ được tách biệt với các xúc vị

lai và hiện tại, nhìn thấy xúc vị lai được tách biệt với các xúc quá khứ và hiện tại, nhìn thấy xúc hiện tại được tách biệt với các xúc quá khứ và vị lai. Hoặc là những xúc nào thuộc bậc Thánh, không có lậu hoặc, thuộc siêu thế, liên hệ với không tánh, thì nhìn thấy những xúc ấy được tách biệt với luyến ái, với sân hận, với si mê, với giận dữ, với thù hằn, với gièm pha, với ác ý, với ganh tỵ, với bon xẻn, với xảo trá, với lừa gạt, với bướng binh, với hung hăng, với ngã mạn, với cao ngạo, với đam mê, với xao lãng, với tất cả ô nhiễm, với tất cả uế hạnh, với mọi sự lo lắng, với mọi sự bực bội, với mọi sự nóng nảy, với tất cả các pháp tạo tác bất thiện. "Nhùi thấy sự viễn ly ở các xúc" là như thế. Và không bi dẫn đi bỏi các tà kiến: Đối với vi ấy, sáu mươi hai tà kiến là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. Vi ấy không bị đưa đi, không bi dẫn đi, không bị lôi di, không bị mang đi bởi tà kiến; cũng không xem tà kiến ấy là có cốt lõi và cũng không quay về lại. “V không bị dẫn đi bởi các tà kiến,, là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "'Vị không có sự dính mắc ở tương lai, không sầu muộn về quá khứ, nhìn thấy sự viễn ly ở các xúc, và không bỉ dẫn đi bởi các tà kiến."

10.5. Vỉ đã xa rời [các bát thiện pháp], không gạt gâm, không mong câu, không bon xẻn, không xấc xược, không đáng nhơm gớm, và không dính dấp đến việc nói đâm thọc. Vi đã xa rời [các bất thiện pháp], không gạt gẫm. Đã xa rM: Đã xa rời do trạng thái đã được dứt bỏ đối với luyến ái, đã xa rời do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sân hận, đã xa rời do trạng thái đã được dứt bỏ đối với si me, đã xa rời do trạng thái đã được dứt bỏ đối với giận dữ... đối với thù hằn... đối với gièm pha... đối với ác ý... đối với ganh tỵ... đối với bon xẻn... (nt).. đối với tất cả các pháp tạo tác bất thiện. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: uyà này các Tỳ-khưu, thế nào Vị Tỳ-khưu đã xa rời? Này các Tỳ-khxru? ngã mạn về bản thân của vị Tỳ-khiru này đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai. Này các Tỳ-khưu? vị Tỳ-khưu đã xa rời là như vay." uVị đã xa r&i" là như thế. Không gạt gẫm: Ba kiểu cách gạt gẫm: Kiểu cách gạt gẫm liên quan đến việc sử dụng [bôn món] vật dụng, kiêu cách gạt gâm liên quan đến các oai nghi, kiểu cách gạt gẫm liên quan đến việc nói gần nói xa. Kiêu cách gạt gâm liên quan

đên việc sử dụng [bôn món] vật dụng là kiêu cách nào? ở đây, các gia chủ thỉnh mời vị Tỳ-khưu về y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Vi ấy có ước muốn xấu xa,

bị thúc đẩy bởi ước muốn, có sự tầm cầu, do sự mong muốn được nhiều hơn vê y phục, đô ăn khát thực, chô năm ngôi, và vật dụng là thuôc men chữa bệnh; rồi từ chối y phục, từ chối đồ ăn khất thực, từ chối chỗ nằm ngồi, từ chối vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Vị ấy đã nói như sau: "Lọi ích gì cho vị Sa-môn với y phục đắt giá? Điều đúng đắn là vị Sa-môn nên nhặt các mảnh vải từ bãi tha ma, hoặc từ đống rác, hoặc từ vải bỏ của tiệm vải, rồi làm y hai lớp và mặc vào. Lợi h gì cho vị Sa-môn với đo ăn khất thực đắt giá? Điều đúng đan là vị Sa-môn nên duy trì mạng sống bằnệ vắt thức ăn do việc đi khất thực. Lợi ích gì cho vị Sa-môn với chỗ nằm ngồi đắt giá? Điều đúng đắn là vi Sa-môn nên ngụ ở gốc cây, hoặc là ngụ ở mộ địa, hoặc là ngụ ở ngoài trời. Lợi ích gì cho vi Sa- môn với vật dụng là thuốc men chữa bệnh đắt giá? Điều đúng đắn là vị Sa-môn nên chế tạo thuốc men với nước tiểu bò hoặc với mẩu cây haiĩtakí." Từ đó trở di, vị ấy mặc y thô tệ, ăn đồ ăn khất thực thô tệ, sử dụng chỗ nằm ngồi thô tệ, sử dụng vật dụng là thuốc men chữa bệnh thô tệ. Các gia chủ biết về vi ấy như vày: Sa-môn này ít ham muốn, tự biết đủ, sống tách biệt, không giao du, có sự ra sức tinh tấn, thuyết về hạnh tư khu&c"; rồi thỉnh mời [vị ấy] về y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh nhiều hơn nữa. Vị ấy đã nói như sau: “Do sự hiện diện của ba pháp, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu; do sự hiện diện của đức tin, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu; do sự hiện diện của vật thí, người thiện tín tạo ra nhiêu phước báu; do sự hiện diện của các bậc xứng đáng được cúng dường, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu. Và các người là có đức tin, có vật thí, còn tôi là người thọ nhận. Nếu tôi không thọ nhận, như vậy các người sẽ mất phần phước báu. Không có lợi ích gì cho tôi với việc này, nhưng vì lòng thương tưởng đến các người mà tôi thọ nhan." Từ đó trở đi, vị ây thọ nhận nhiêu y phục, thọ nhận nhiêu đồ ăn khất thực, thọ nhận nhiều chỗ nam ngồi, thọ nhận nhiều vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Những sự nhíu mày có hình thức như vậy là trạng thái nhíu mày, sự gạt gẫm, thái độ gạt g^m, trạng thái gạt gẫm; đây là kiểu cách gạt gẫm liên quan đến việc sử dụng [bon món] vật dụng. Kiểu cách gạt gẫm liên quan đến các oai nghi là kiểu cách nào? ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó có ước muốn xấu xa, bị thúc đẩy bởi ước muốn, mong muốn sự tôn kính [nghĩ rằng]: "Nhu vầy mọi người sẽ tôn kính ta", rồi tạo dáng di, tạo dáng dứng, tạo dáng n^ồi, tạo dáng nằm? lập nguyện rồi mới đi, lập nguyện rồi mới đứng, lập nguyện roi mới ngôi, lập nguyện roi mới năm, đi như là đã đắc định, đứng như là đã đắc định, ngồi như là đã đắc đinh, nằm như là đã đắc định, là người tham thiền giữa công chúng. Những việc tạo dáng ra vẻ nghiêm trang của các oai nghi có hình thức như vậy là biểu hiện tạo dáng, việc tạo dáng, sự nhíu mày, trạng thái nhíu mày, sự gạt gẫm, thái độ gạt gẫm, trạng thái gạt gẫm; đây là kiểu cách gạt gẫm liên quan đến các oai nghi. Kiêu cách gạt gâm liên quan đên việc nói gân nói xa là kiêu cách nào? ơ đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó có ước muốn xấu xa, bi thúc đẩy bởi ước muốn, mong muốn sự tôn kính [nghĩ rằng]: “Nhu vầy mọi người sẽ tôn kính ta", rồi

nói lời liên quan đến Thánh pháp. Nói rằng: "Vị nào mặc y như vầy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn.” Nói rang: nào mang bình bát như vầy, mang bát nhỏ bằng đồng, mang bình nước, mang đồ lọc nước, mang chìa khóa, mang dép, mang dây thắt lưng, mang day buộc, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn." Nói rằng: nào có thầy tê độ như vầy, vị ấy là Sa-mon có uy lực lớn." Nói rằng: uVị nào có thầy dạy học như vầy, có các vi đồng thầy tế độ, có các vị đồng thay dạy học, có các bạn bè, có các vi đồng quan điểm, có các vị thân thiết, có các vị thân hữu như vầy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn." Nói rằng: nào ngụ ở trú xá như vầy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn." Nói rằng: nào ngụ ở nhà một mái, nẹụ ở tòa lâu đài, ngụ ở tòa nhà dài, ngụ ở hang động, ngụ ở thạch thất, ngụ ở cóc liêu, ngụ ở nhà mái nhọn, ngụ ở chòi canh, ngụ ở ngôi nhà tron, ngụ ở căn lều, ngụ ở hội trường, ngụ ở mái che, ngụ ở gốc cây như vầy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn.^, Hoặc là vị giả nhân giả nghĩa, vị nhíu mặt nhăn mày, vi gạt gẫm lừa dối, vị tỉ tê nài rủ, thể hiện ở khuôn mặt [để người khác hiểu lầm rằng]: "Vị Sa-môn này đã đạt được các sự thể nhập an tịnh có hình thức như thế ny", rồi thuyết bài giảng thâm sâu, bí hiểm, vi tế, ẩn tàng, vô thượng ở thế gian, gắn liền với không tánh có tính chất như thế ấy. Những sự nhíu mày có hình thức như vậy là trạng thái nhíu mày, sự gạt ệẫm, thái độ gạt gẫm, trạng thái gạt gẫm; đây là kiểu cách gạt gẫm liên quan đên việc nói gần nói xa. Đối với vị nào, ba kiểu cách gạt gẫm này là đã được dứt b6, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tinh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là không gạt gẫm đã xa rời [các bất thiện pháp], không gạt gẫm" là như thế. Không mong cầu, không bon xẻn. Mong cầu: Nói đến tham ải, nghía là luyến ái, luyến ái mãnh liệt,...(nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bát thiện. Đối với vị nào, sự mong cầu, tham ái này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vi ấy được gọi là không mong cầu. Vị ấy không mong cầu các sắc, không mong cầu các thinh, các hương, các vi, các xúc, các pháp, gia tộc, đồ chúng, chỗ ngụ, lợi lộc, danh vọng, lời khen, hạnh phúc, y phục, đô ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, dục giới, sắc giới, vô sắc giới, cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, cõi hữu tưởng, cõi vô tưởng, cõi phi tưởng phi phi tưởng, cõi một uẩn, cõi bốn uẩn, cõi năm uẩn, quá khứ, vị lai, hiện tại, các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không ước muốn, không ưng thuận, không ước nguyện, không nguyện cầu. "Không mong cầu95 là như thế. Không bon xẻn: Có năm loại bon xẻn: Bon xẻn về chỗ ở, bon xẻn về gia tộc, bon xẻn về danh tiếng, bon xẻn về lợi lộc, bon xẻn về pháp; bon xẻn nào có hình thức như vậy là biểu hiện của bỏn xẻn, trạng thái của bon xẻn, sự hám lợi, keo kiệt, tính chất bủn xỉn, trạng thái bị nắm giữ của tâm, điều này được gọi là

bòn xẻn. Còn nữa, bon xẻn về uẩn cũng là bon xẻn, bon xẻn về giới cũng là bon Xẻn, bon xẻn vê xứ cũng là bon xẻn, sự năm lây, điêu này được gọi là bon xẻn. Đối với vị nào, sự bon xẻn này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tinh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là

không bon xẻn. "Không mong cầu, không bon xẻn" là như thế. Không xấc xược, không đáng nhơm gớm. Xác xược: Có ba sự xác xược: Xác xược băng thân, xác xược băng khâu, xấc xược bằng ý. Xấc xược bằng thân là việc nào? ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện sự xấc xược bằng than khi đi đến hội chúng, thể hiện sư xấc xược bằng thân khi đi đến tap thể, thể hiện sư xấc xược bằng thân khi đi đến nhà ăn, thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến nhà tắm hơi, thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến bến nước, thể hiện sự xấc xược bằng thân trong khi đi vào xóm nhà, thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đã đi vào xóm nhà. Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến hội chúng? ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến hội chúng: [Vị ấy] đụng chạm các vị Tỳ-khưu trưởng lão khi đứng, đụnậ chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chô cao hơn, ngôi trùm đâu, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến hội chúng. Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến tập thể? ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến tập thể: [Vị ấy] đi kinh hành có mang dép trong khi các vi Tỳ-khiru trưởng lão đi kinh hành không mang dép, đi kinh hành ở đường kinh hành cao hơn trong khi các ngài đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, đi kinh hành ở đường kinh hành trong khi các ngài đi kinh hành ở nền đất, đụng chạm khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, ngồi trùm dầu, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thê hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến tập thê. Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân ở lứià ăn? ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ ở nhà ăn: [Vị ấy] chen vào [chỗ] các Tỳ- khưu trưởng lão roi ngôi xuổng, xua đuôi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chô ngôi, đụng chạm khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, ngồi trùm đầu, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng thân ở nhà ăn. Thể nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân ở nhà tắm hơi? ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ ở nhà tắm hơi: [Vị ấy] đụng chạm các vị Tỳ-khưu trưởng lão khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngôi chô cao hơn, thêm củi lửa vào không hỏi [xin phép], đóng cửa nhà tắm hơi không hỏi [xin phép], vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng thân ở nhà tắm hơi.

Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân ở bến nước? ở dây, một vi [Tỳ- khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ ở bến nước: [Vi ấy] đụng chạm các vị Tỳ- khưu trưởng lão khi đi xuống, đi xuống ở phía trước, đụng chạm khi tắm, tắm ở phía trước, tắm ở phía trên, đụng chạm khi đi lên, đi lên ở phía trước, đi lên ở phía trên. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng thân ở bến nước. Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân trong khi đi vào xóm nhà? ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ trong khi đi vào xóm nhà: [Vị ấy] đụng chạm các vị Tỳ-khiru trưởng lão khi di, đi ở phía trước, vượt qua các vị Tỳ-khưu trưởng lão roi đi ở phía trước. Như vậy là thê hiện sự xấc xược bằng thân trong khi đi vào xóm nhà. Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đã đi vào xóm nhà? ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó khi đã đi vào xóm nhà, trong khi được nói rằng: “Thua ngài, xin chớ đi vo" vẫn đi vào; trong khi được nói rằng: "Thua ngài, xin chớ

dửng” vẫn đứng; trong khi được nói rang: "Thua ngài, xin chớ ng8i" vẫn ngồi; đi vào nơi không thích hợp, đứng ở nơi không thích hợp, ngồi ở nơi không thích hợp, những nội phòng bí mật và kín đáo của gia dinh, là nơi có các phụ nữ, các cô con gái, các cô con dâu, các cô thiếu nữ của gia đình đang ngồi, [vị ấy] đi vào nơi ấy một cách vội vã và xoa đầu bé trai. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đã đi vào xóm nhà. Đây là sự xấc xược bằng thân. Xấc xược bằng khẩu là việc nào? ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đo thể hiện sự xấc xược b3ng khẩu khi đi đến hội chúng, thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đi đến tập thê, thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đã đi vào xóm nhà. Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đi đến hội chúng? ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến hội chúng: Khi chưa xin phép các Tỳ-khiru trưởng lão hoặc chưa được yêu cầu mà [vị ấy] nói pháp, trả lời câu hỏi, tụng đọc Giới bổn ỤPâtimokkhă), đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đi đến hội chúng. Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đi đến tập thể? ở dây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến tập thể: Khi chưa xin phép các Tỳ-khưu trưởng lão hoặc chưa được yêu cầu mà [vị ấy] nói pháp cho các vị Tỳ-khưu đi đến tu viện, trả lời câu hỏi, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói, nói pháp cho các vị Tỳ-khưu-ni, các nam cư si, các nữ cư sĩ đi đến tu viện, trả lời câu hỏi, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đi đến ịạp the. Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đã đi vào xóm nhà? ở dây, một vi [Tỳ-khưu] nào đó khi đã đi vào xóm nhà, đã nói với người phụ nữ hoặc cô thiếu nữ như vầy: “Này cô tên thế này, này cô họ thế này, có vật gi không? Có cháo không, có thức ăn không, có đồ uổng không? Chúng tôi sẽ uông gi, chúng tôi sẽ ăn gì, chung tôi sẽ nhai gi?" Hoặc là nói lải nhải: "C6 vật gì khong?^, hoặc: “C6 sẽ bố thí cái gi?" Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đã đi vào xóm nhà. Đây là sự xấc xược bang khau.

ĐẠI DIỄN GIẢI 189

Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng ý? ở dây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc thượng lưu mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vi xuất gia từ gia tộc thượng lưu, trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc lớn mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị xuất gia từ gia tộc lớn, trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc có nhiều của cải mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị xuất gia từ gia tộc có nhiều của cải,... trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc có của cải quý giá... trong khi không phải là vị chuyên về Kinh mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị chuyên về Kinh, trong khi không phải là vị trì Luật..trong khi không phải là vi thuyết giảng pháp... trong khi không phải là vi ngụ ở rừng... trong khi không phải là vị chuyên đi khất thực... trong khi không phải là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ... frong khi không phải là vi chỉ sử dụng ba y... trong khi không phải là vị đi khất thực tuần tự theo từng nhà... trong khi không phải là vi không ăn vật thực dâng sau... trong khi không phải là vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm)... trong khi không phải là vi ngụ ở chỗ đã được chỉ định... trong khi không phải là vị có đạt sơ thiền mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị có đạt sơ thiền... (nt)... trong khi kh6ng phải là vị có đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vi có đạt Phi

tưởng phi phi tưởng xứ. Đây là sự xấc xược bằng ý. Đối với vị nào, ba sự xấc xược này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vi ấy được gọi là không xấc xược. "Không xấc xược" là như thể. Không đáng nhơm gớm: Có người đáng nhơm gớm, có người không đáng nhơm gớm. Và người nào là người đáng nhơm gớm? ở dây, một vi [Tỳ-khưu] nào đó có giới tồi, có ác pháp, có sở hành bất tịnh và đáng nghi ngờ, có hành động che giấu, không phải là Sa-môn mà tự xưng là Sa-m6n, không có Phạm hạnh mà tự xưng là có Phạm hạnh, nội tâm thôi nát, nhiễm dục vọng, có bản chất dơ bẩn; người này được gọi là người đáng nhơm gớm. Hoặc là, người có sự giận dữ, có nhiều lo âu, trong khi bi nói đen chút ít thì nổi giận, bực tức, tức giận, phản kháng, bày tỏ sự bực tức, sự sân hận và sự không bằng lòng; người này được gọi là người đáng nhơm gớm. Hoặc là, người có sự giận dữ, có sự thù hằn, gièm pha, ác v, ganh tỵ, bon xẻn, lừa gạt, xảo trá, ương ngạnh, cao ngạo, có ham muốn xấu xa, có tà kiến, bám víu vào quan điểm của mình, nắm giữ điều đã chấp nhận, khó buông bỏ; người này được gọi là người đáng nhơm gớm. Và người không đáng nhơm gớm là người nào? ở đây, vị Tỳ-khưu là vị có giới, sống thu thúc với sự thu thúc của Giới bổn (Pãtimokkha), thành tựu về hạnh kiểm và hành xứ, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành trong các điều học; người này được gọi là nẹười không đáng nhơm gớm. Hoặc là, người không có sự giận dữ, không có nhiêu lo âu, trong khi bị nói đến nhiều vẫn không nổi giận, không bực tức, không tức giận, không phản kháng, không

bày tỏ sự bực tức, sự sân hận và sự không băng lòng; người này được gọi là người không đáng nhơm gớm. Hoặc là, người không có sự giận dữ, không có sự thù hằn, không gièm pha, không ác ý, không ganh tỵ, không bon xẻn, không lừa gạt, không xảo trá, không ương ngạnh, không cao ngạo, không có ham muốn xấu xa, không có tà kiến, không bám víu vào quan điểm của minh, không nắm giữ điều đã chấp nhận, dễ buông bỏ; người này được gọi là người không đáng nhơm gớm. Tất cả phàm phu ngu si là người đáng nhơm gớm. Tám hạng Thánh nhân tính luôn phàm nhân tốt lành là những người không đáng nhơm gớm. "Không xấc xược, không đáng nhơm gớm,^ là như thế. Và không dính dấp đến việc nói đâm thọc. Việc nói đâm thọc: ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó có lời nói đâm thọc: Sau khi nghe ở chỗ này, là người nói lại ở chỗ kia nhằm chia rẽ những người này, hoặc là sau khi nghe ở chỗ kia, là người nói lại cho những người này nhằm chia rẽ những người kia; như vậy là người chia rẽ những kẻ đã được hợp nhất, là người khuyến khích những kẻ chia rẽ, là người thỏa thích phe nhóm, thích thú phe nhóm, hân hoan phe nhóm, là người nói lời tạo ra phe nhóm; điều này được gọi là việc nói đâm thọc. Thêm nữa, người đem lại việc nói đâm thọc vì hai lý do: Vì mong muốn được thương, hoặc là vì ý đinh chia rẽ. Đem lại việc nói đâm thọc vì mong muôn được thương nghĩa là thê nào? [Nghĩ răng:] “Ta sẽ được người này yêu mến, ta sẽ được quý mến, ta sẽ được tin cậy, ta sẽ trở thành thân tín, ta sẽ trở thành tâm phiic"; đem lại việc nói đâm thọc vì mong muốn được thương nghĩa là như vậy. Đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] "Làm thế nào để những người này trở thành xa lạ? trở thành riêng rẽ, trở thành phe nhóm, trở thành hai phần,

trở thành hai phía, trở thành hai nhánh, bi chia rẽ, không thể hội tụ, sống khổ sở không thoải mái?,, Đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là như vậy. Đoi với người nào, việc nói đâm thọc này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thê sanh khởi nữa, đã được thiêu đót bởi ngọn lửa trí tuệ, người ây không dính dâp, không găn b6, không găn vào, không găn liên với việc nói đâm thọc. "Và không dính dấp đến việc nói đâm thọc95 là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: ^Vịđãxa rời [các bất thiện pháp], không gạt gẫm, không mong cầu, không bon xẻn, không xấc xược, không đáng nhơm gớm, và không dính dấp đến việc nói đâm thọc.

10.6. Vi không có sự buông xuôi theo các khoái lạc, không dính dấp đến vi cao ngạo, nhuần nhuyễn và có tài biện giải, không cả tin, không lìa luyến ái. Vi không có sự buông xuôi theo các khoái lạc.

ĐẠI DIỄN GIẢI 191

Khoái lạc: Là nói đến năm loại dục. Vì lý do gì khoái lạc là nói đến năm loại dục? Phân đông chư thiên và nhân loại ước muôn, ưng thuận, ước nguyện, mong cầu, nguyện cầu năm loại dục, vì lý do ấy khoái lạc là nói đến năm loại dục. Đối với những người nào, khoái lạc tham ái này chưa được dứt bỏ, đối với những người ây tham ái ở sác từ con măt chảy tràn, chảy xuống, tuôn chảy, chảy liên tục, tham ái ở thinh từ lỗ tai... tham ái ở hương từ lỗ mũi... tham ái ở vị từ lưỡi... tham ái ở xúc từ thân... tham ái ở pháp từ ý chảy tràn, chảy xuống, tuôn chảy, chảy liên tục. Đối với những vi nào, khoái lạc tham ái này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, đối với những vị ấy tham ái ở sắc từ con mắt không chảy tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục, tham ái ở thinh từ lỗ tai... (nt)... tham ái ở pháp từ ý không chảy tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục. "Vị không có sự buông xuôi theo các khoái lạc,9 là như thế. Không dính dấp đến việc cao ngạo: Cao ngạo là việc nào? ở đây, một vị [Tỳ-khiru] nào đó khinh khi người khác theo sự sanh ra, hoặc theo dòng họ,... (nt)... hoặc theo sự việc này khác. Ngã mạn nào có hình thức như vậy là biểu hiện của ngã mạn, trạng thái của ngã mạn, sự kiêu hãnh, sự hãnh diện, Sự giương lên [như ngọn cờ], sự tự nâng lên, sự mong muôn nôi bật của tâm, việc này được gọi là cao ngạo. Đối với vị nào, cao ngạo này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy là không dính dấp, không gắn bó, không găn vào, không găn liên với việc cao ngạo. "Không dính dấp đến việc cao ngạo" là như thế. Nhuần nhuyễn và có tài biện giải. Nhuần nhuyễn: "C6 thân nghiệp nhuần nhuy&n" là nhuần nhuyễn, “c6 khẩu nghiệp nhuần nhuyễn" là nhuần nhuyễn, "c6 ý nghiệp nhuần nhuyễn" là nhuần nhuyễn, “c6 các sự thiết lập niệm nhuần nhuyễn" là nhuần nhuyễn, “c6 các chánh cân nhuân nhuyễn"... "c6 các nên tảng của thân thông nhuân nhuyễn"... “c6 các quyền nhuần nhuyễn”... “c6 các lực nhuần nhuyẫn”... “c6 các yếu tố đưa đến giác ngộ nhuần nhuyễn" là nhuần nhuyễn; "c6 đạo lộ Thánh thiện tám chi phần nhuần nhuyễn” là nhuần nhuyễn. Có tài biện giải: Có ba hạng người có tài biện giải: Có tài biện giải do pháp học,

có tài biện giải do vấn hỏi, có tài biện giải do chứng đắc. Có tài biện giải do pháp học là thế nào? ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó được học tinh thông một cách tự nhiên về Sutta, Geyya, Veyyãkarana, Gãthã, Udãna, Itỉvuttaka, Jãtakaf Abbhutadhamma, VedallaỶ nhờ vào pháp học, van đê được sáng tỏ đôi với vị ây. Đây là hạng người có tài biện giải do pháp học.

3 Xem chú thích về "Chín thể loại giáo ph9p" & trang 122. (ND)

CÓ tài biện giải do vấn hỏi là thế nào? ở dây, một vị [Tỳ-khiru] nào đó là người vấn hỏi về mục đích của bản thân, về ý nghĩa của cách thức, về tướng trạng, vê nguyên nhân và vê tính chát hợp lý hay không hợp lý; nhờ vào việc vấn hỏi, điều ấy được sáng tỏ đối với vị ấy. Đây là hạng người có tài biện giải do vấn hỏi. Có tài biện giải do chứng đắc là thế nào? ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó đạt đến bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyên, năm lực, bảy yêu tô đưa đên giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phân, bôn Thánh đạo, bôn quả vị Sa-môn, bôn tuệ phân tích, sáu thăng trí; đôi với vị ấy, ý nghĩa đã được biết, pháp đã được biết, ngôn từ đã được biết. Khi ý nghĩa đã được biết thì ý nghĩa được sáng tỏ, khi pháp đã được biết thì pháp được sáng tỏ, khi ngôn tư đã được biết thì ngôn từ được sáng tỏ, trí ở ba sự nhận biết này là tuệ phân tích về phép biện giải. Vị đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu tuệ phân tích về phép biện giải này, vị ấy được gọi là người có tài biện giải. Đối với người nào, pháp học không có, vấn hỏi không có, chứng đắc không có, đối với người ấy, cái gì sẽ được sáng tỏ? "Nhuần nhuyễn và có tài biện giải,9 là như thế. Không cả tin, không lìa luyến ái. Không cả tin: Khi pháp đã được chính bản thân biết rõ, đã được tự thân quán xét thì không cân đặt niêm tin vào bát cứ ai, vào vị Sa-môn khác, hoặc Bà-la-môn, hoặc Thiên nhân, hoặc Ma vương, hoặc Phạm thiên. Khi "tất cả các hành là vô thương" đã được chính bản thân biết rõ... (nt)... Khi "tất cả các hành là kh6”...(nt)... Khi "tất cả các pháp là vô ngã”...(nt)...Khi "v6 minh duyên cho các hành”...(nt).. Khi "sanh duyên cho lão, tử”...(nt)... Khi "do sự diệt tận của vô minh [đưa đến] sự diệt tận của các hành"...(nt)... Khi "do sự diệt tận của sanh [đưa đến] sự diệt tận của lão, tử”...(nt).. Khi "dây là khổ95... (nt)... Khi "đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ\.. (nt)... Khi "đây là các lậu hoặc”...(nt)... Khi "đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc"... (nt)... Khi "các pháp này cân được biêt r6"... (nt).. Khi "các pháp này cần được chứng ngO" đã được chính bản thân biết rõ... (nt)... Khi nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi và sự thoát ra đối với sáu xúc xứ... (nt)... Khi nhân sanh khởi... đối với năm thủ uẩn... (nt)... Khi nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi và sự thoát ra đối với bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió] đã được chính bản thân biết rõ... (nt)... Khi "điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet" đã được chính bản thân biết rõ, đã được tự thân quán xét, thì không cần đặt niềm tin vào bất cứ ai, vào vị Sa-môn khác, hoặc Bà-la-môn, hoặc Thiên nhân, hoặc Ma vương, hoặc Phạm thiên. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Này Sāriputta, ngươi có tin răng: 'Tín quyên được tu tập, được thực hành thường xuyện thì có được sự thể nhập vào bất tử, có bất tử là đích đến, co bất tử là điểm cuối cùng? Tấn quyền... Niệm quyền... Đinh quyền... Tuệ quyền được tu tập, được thực hành thương xuyên thì có được sự the nhậ^ vào bất tử, có bất tử là đích đến, có bất tử là diêm cuối chng'?” "Bạch Ngài, ve điều này quả thật không phải do niêm tin đôi vơi đức The Ton ma con đi đen [y mèm] răng: Tín quyền... Tấn quyền... Niệm quyền... Đinh quyền... Tuệ quyền được tu tập? được thực hành thường xuyên thì có được sự thể nhập vào bát tử, có bất tử là đích đến, có bất tử là điểm cuối cùng/ Bạch Ngài, nhưng đối với những người nào điều này là không được biết, không được thấy, không được hiểu, không được chứng ngộ, không được chạm đến bằng tuệ, những người ấy do niềm tin đối với những người khác mà đi đến điều ấy [ý niệm] rang: 'Tín quyền.. Tấn quyền... Niệm quyền... Định quyền... Tuệ quyền được tu tập, được thực hành thường xuyên thì có được sự thể nhập vào bất tử, có bất tử là đích đến, có bất tử là điểm cuối cùng/ Bạch Ngài, còn đối với những người nào điều này là được biết, được thấy, được hiểu, được chứng ngộ, được chạm đến bằng tuệ, không có nghi ngờ, những người ấy không có hoài nghi về điều ấy rằng: 'Tín quyền được tu tập, được thực hành thường xuyên thì có được sự thể nhập vào bất tử, có bất tử là đích đến, có bất tử là điểm cuối cùng. Tấn quyền... Niệm quyền... Định quyền... Tuệ quyền được tu tập, được thực hành thuơng xuyên thì có được sự thể nhập vào bất tử, có bất tử là đích đến, có bất tử là diêm cuối cùng/ Bạch Ngài, đối với con, quả thật điều này là được biết, được thấy, được hiểu, được chứng ngộ, được chạm đến bằng tuệ. Con không có nghi ngờ, không có hoài nghi về điều ấy rằng: 'Tín quyền... Tấn quyền... Niệm quyền... Định quyền... Tuệ quyền được tu tập, được thực hành thường xuyên thì có được sự the nhập vao bất tử, có bất tử là đích đến, có bất tử là điểm cuối cùng" "Này Sāriputta, tốt lắm, tốt lắm! Này Sāriputta, bởi vì đối với những người nào, điều này là không được biết, không được thấy, không được hiểu, không được chứng ngộ, không được chạm đến bằng tuệ? những người ấy do niềm tin đối với những người khác mà đi đến điều ấy [ý niệm] rằng: 'Tín quyền... Tuệ quyền được tu tập, được thực hành thuơng xuyên thì có được sự thể nhập vào bát tử, có bất tử la đích đến, có bất tử là điểm cuối cùng. "Người nào, không phải do niềm tin, biết sự không tạo tác [Niết-bàn], cắt đứt sự tiếp nối [tái sanh], đã tiêu diệt duyên cớ, đã buông bỏ niêm ước muôn, chính vị ây là con người tối thượng?5 Không lìa luyến ái: Tất cả phàm phu ngu si đều luyến ái. Bảy hạng Hữu học tính luôn phàm nhân tốt lành lìa luyến ái. Bậc A-la-hán chẳng những không luyến ải mà cũng không lìa luyến ái. Vị ấy đã được xa lìa luyến ái do sự cạn kiệt của luyến ải, do trạng thái đã xa lìa luyến ái, do sự cạn kiệt của sân hận, do trạng thái đã xa lìa sân hận, do sự cạn kiệt của si mê, do trạng thái đã xa lìa si mê. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,...(nt).. việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy.

194 KINH TIỂU Bộ

"Không cả tin, không lìa luyến ái" là như thế. yT\ ji Á rpl A rw-ī/\ 4-^v jT • w Vì the, đức The Ton đã noi rang: ' không có sự buông xuôi theo các khoải lạc, không dính dấp đến việc cao ngạo, nhuần nhuyễn, và có tài biện giải, không cả tin, không lìa luyến ái."

10.7. Vi học tập không vì ham muốn lợi lộc và không bực tức khi không được lợi lộc, không chổng đổi, và không thèm muốn các vỉ nếm do tham ái. Vi học tập không vì ham muốn 10 lộc và không bực tức khỉ không được lợi lộc: Thế nào là vi học tập vì ham muốn lợi lộc? "d đây, vị Tỳ-khưu nhìn thấy vi Tỳ-khưu [khác] có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bênh." Vị ấy khởi ý như vầy: "Vi điều gì mà vi Đại đức này có lợi lộc vê y phục, vật thực, chô trú ngụ, và vật dụng là thuôc men chữa bênh?" Vi ấy khởi ý như vầy: "Vj Đại đức này là vị chuyên về Kinh; vì thế, vị Đại đức này có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bênh." Vi ấy, do nhân lợi lộc, do duyên lợi lộc, vì lý do lợi lộc, vì sự phát sinh lợi lộc, trong khi làm cho thành tựu lợi lộc, vị ấy học kỹ lưỡng về Kinh. Như vậy là vị học tập vì ham muốn lợi lộc. Hoặc là, vị Tỳ-khưu nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngu, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Vị ấy khởi ý như vầy: “Vi điều gì mà vị Đại đức này có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bênh?” Vị ấy khởi ý như vầy: "Vi Đại đức này là vị trì Luật... (nt)... là vị thuyêt Pháp; vì thê, vị Đại đức này có lợi lộc vê y phục, vật thực, chỗ tru ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh.,, Vị ấy, do nhân lợi lộc, do duyên lợi lộc, vì lý do lợi lộc, vì sự phát sinh lợi lộc, trong khi làm cho thành tựu lợi lộc, vi áy học kỹ lưỡng vê Thăng pháp. Như vậy cũng là vị học tập vì ham muốn lợi lộc. Hoặc la? vị Tỳ-khưu nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Vị ấy khởi ý như vầy: "Vi điều gì mà vị Đại đức này có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bênh? Vị ấy khởi ý như vầy: “Vj Đại đức này là vị ngụ ở rừng... là vi chuyên đi khất thực... là vi chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ... là vị chỉ sử dụng ba y... là vị đi khất thực tuần tự theo từng nhà... là vị không ăn vật thực dâng sau... là vi chuyên về oai nghi ngồi (không nằm)... là vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định; vì thế, vi Đại đức này có lợi lộc về y phục, vật thực, chô trú ngụ, và vật dụng là thuôc men chữa bệnh.,, Vị ây, do nhân lợi lộc, do duyên lợi lộc, vì lý do lợi lộc, vì sự phát sinh lợi lộc, trong khi làm cho thành tựu lợi lộc, vị ấy là vị hành pháp chuyên đi khất thực... (nt)... là vị hành pháp ngụ ở chỗ đã được chỉ định. Như vậy cũng là vị học tập vì ham muốn lợi lộc. Thế nào là vi học tập không vì ham muốn lợi lộc? ở dây, vị Tỳ-khưu không do nhân lợi lộc, không do duyên lợi lộc, không vì lý do lợi lộc, không vì sự

phát sinh lợi lộc, trong khi không làm cho thành tựu lợi lộc, vi ấy học kỹ lưỡng về Kinh, học kỹ lưỡng về Luật, học kỹ lưỡng về Thắng pháp chỉ để nhắm đến mục đích huấn luyện bản thân, đến mục đích yên lặng bản thân, đến mục đích diệt tắt hoàn toàn [ô nhiễm] của bản thân. Như vậy là vi học tập không vì ham muốn lợi lộc. Hoặc là, vị Tỳ-khưu không do nhân lợi lộc, không do duyên lợi lộc, không vì lý do lợi lộc, không vì sự phát sinh lợi lộc, tronẹ khi không làm cho thành tựu lợi lộc, vi ây là vi ngụ ở rừng, là vị chuyên đi khát thực, là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, là vị chỉ sử dụng ba y, là vị đi khất thực tuần tự theo từng nhà, là vi không ăn vật thực dâng sau, là vị chuyên về oai nghi ngồi (khônệ nằm), là vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định, chỉ để nương vào sự ít ham muốn, đê nương vào sự tự biết đủ, để nương vào sự đoạn giảm [ô nhiễm], để

nương vào sự viễn ly, để nương vào sự hiện diện của các thiện pháp. Như vậy cũng là vi học tập không vì ham muốn lợi lộc. uVị học tập không vì ham muốn lợi 10c,9 là như thể. Và không bực tức khi không được lợi lộc. Thế nào là bực tức khi không được lợi lộc? ở dây, một vi [Tỵ-khmi] nào đó [nghĩ rằng]: "Tôi không đạt được gia đình, tôi không đạt được đồ chúng, tôi không đạt được chỗ ngụ, tôi không đạt được lợi lộc, tôi không đạt được danh vọng, tôi không đạt được sự khen ngợi, tôi không đạt được hạnh phúc, tôi không đạt được y phục, tôi không đạt được vật thực, tôi không đạt được chỗ ở, tôi không đạt được vật dụng là thuốc men chữa bệnh, hoặc tôi không đạt được người chăm sóc bệnh, tôi không được biết đến", rồi bực tức, tức giận, phản kháng, bày tỏ sự bực tức, sự sân hận, sự không bằng lòng. Như vậy là bực tức khi không được lợi lộc. Thế nào là không bực tức khi không được lợi lộc? ở đây, có vi Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Tôi không đạt được gia dinh, tôi không đạt được đồ chúng,... (nt)... tôi không được biết đến", rồi không bực tức, không tức giận, không phản kháng, không bày tỏ sự bực tức, sự sân hận, sự không bằng lòng. Như vậy là không bực tức khi không được lợi lộc. "Vj học tập không vì ham muốn lợi lộc và không bực tức khi không được lợi lộc^ là như thế. Không chống đối, và không thèm muốn các vi nếm do tham ái. Không chống đối: Sự tức tối nào của tâm là sự tức giận, sự thù hận, sự đối chọi, sự căm giận, sự căm hờn, sự căm ghét, sự sân hận, sự khởi sân, sự sân nộ, sự độc ác của tâm, sự khởi sân của ý5 sự giận dữ, biểu hiện giận dữ, trạng thái giận dữ, sự sân hận, biểu hiện sân hận, trạng thái sân hận, sự độc ác, biểu hiện độc ác, trạng thái độc ác, sự chống đối, sự đối chọi, sự tàn nhẫn, sự lỗ mãng, trạng thái không hoan hỷ của tâm; điều này được gọi là sự chống đối. Đối với người nào, sự chống đối này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tinh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là không chống đối.

Tham ái: Tham ái đôi với cảnh sác, tham ái đôi với cảnh thinh, tham ái đôi với cảnh khí, tham ái đối với cảnh vị, tham ái đối với cảnh xúc, tham ái đối với cảnh pháp. Vi nếm: Vị của rễ củ, vị của thân cây, vị của vỏ cây, vi của lá cây, vị của hoa, vị của trái, chua, ngọt, đắng, cay, mặn, lạt, gắt, chát, dễ chịu, khó chịu, lạnh, nóng. Có một số Sa-môn và Bà-la-môn thèm khát vị nếm, họ lang thang đó đây tâm câu các vị nêm tuyệt vời băng đâu lưỡi. Có được vi chua, họ tâm câu vị không chua; có được vị không chua, họ tam cầu vị chua. Có được vị ngọt, họ tầm cầu vi không ngọt; có được vị không ngọt, họ tầm cầu vị ngọt. Có được vị đắng, họ tầm cầu vị không đắng; có được vị không đắng, họ tầm cầu vị đắng. CÓ được vị cay, họ tâm câu vị không cay; có được vị không cay, họ tâm câu vị cay. Có được vị mặn, họ tầm cầu vi không mặn; có được vi không mặn, họ tầm cầu vị mặn. Có được vi lạt, họ tầm cầu vị không lạt; có được vị không lạt, họ tầm càu vị lạt. Có được vị gắt, họ tầm cầu vị chát; có được vị chát, họ tầm cầu vị gắt. Có được vị dễ chịu, họ tầm cầu vị khó chịu; có được vị khó chịu, họ tầm cầu vị dễ chịu. Có được vị lạnh, họ tầm cầu vi nóng; có được vị nóng, họ tầm câu vị lạnh. Khi có được vị nêm nào thì họ lại không vừa lòng với vi nêm ây, và tiếp tục tầm cầu, họ bị luyến ái ở các vị nem hợp ý, bị thèm khát, bị buộc trói, bi mê mẩn, bi gần gũi, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại. Đối với người nào, tham ái ây ở vi nêm đã được dứt bỏ, đã được trừ

tuyệt, đã được văng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ây suy xét đúng đan roi mới thọ dụng vật thực: "Không vì vui đùa, không vì đam mê, không vì việc trang sức, không vì việc điểm tô, mà chỉ để duy trì thân này, đê nuôi sông, đê ngăn sự hư hoại, đê nâng đỡ Phạm hạnh, như thê ta diệt trừ cảm thọ cũ, và sẽ không làm sanh khởi cảm thọ mới. Ta sẽ có được sự tồn tại, sự không lầm lỗi, và sự sống được thoải mAi." Giông như người bôi thuôc ở vét thương chỉ nhăm đên mục đích làm cho lành lặn, hoặc giống như người nhỏ dầu ở trục xe chỉ nhắm đến mục đích chuyên chở khôi hàng, hoặc giông như người thọ dụng thức ăn là thịt của đứa con trai chỉ nhắm đến mục đích thoát khỏi bãi sa mạc; tương tự y như thế, vị Tỳ- khưu suy xét đúng đắn rồi mới thọ dụng vật thực: "Không vì vui đùa, không vì đam mê? không vì việc trang sức, không vì việc điểm tô, mà chỉ để duy trì thân này, để nuôi sống, để ngăn sự hư hoại, để nâng đỡ Phạm hạnh, như thế ta diệt trừ cảm thọ cũ, và không làm sanh khởi cảm thọ mới. Ta sẽ có được sự tồn tại, sự không lầm lỗi, và sự sống được thoải mái"; rồi dứt bỏ, xua di, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu tham ái ở vị nếm. Nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với tham ái ở vị nếm, nên sông với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Không chống đối, và không thèm muốn các vị nếm do tham ái" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

ĐẠI DIỄN GIẢI 197

(iVi học tập không vì ham muốn lợi lộc, và không bực tức khỉ không được lợi lộc, không chống đối, và không thèm muốn các vi nếm do tham ái."

10.8. Vi hành xả, luôn luôn có niệm, ở thế gian không nghĩ [bản thân] là ngang bằng, không [nghỉ] là có sự ưu việt, không [nghĩ] là thấp kém; đoi với vi ấy, không có các sự kiêu ngạo. Vi hành xả, luôn luôn có niệm. Vị hành xả: Là vị có pháp hành xả ở sáu tình huông: Sau khi thây cảnh sác bằng mắt, không có ý ưa thích, không có ý ghét bỏ, vi hành xả sống có niệm, có sự nhận biết rõ; sau khi nghe âm thanh bằng tai,... (nt)... sau khi ngửi hương bang mũi,..(nt)... sau khi nem vi bằng lưỡi,... (nt)... sau khi xúc chạm bằng thân,...(nt)... sau khi nhận thức pháp bằng ý, không có ý ưa thích, không có ý ghét bỏ, vi hành xả sống có niệm, có sự nhận biết rõ. Sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, đối với sắc hợp ý5 [vị ấy] không khao khát, không vui mừng, không làm sanh khởi luyến ái; thân của vị ấy trụ vững, tâm của vị ấy trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Trái lại, sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, đối với sắc không hợp ý, [vi ấy] không khó chịu, không có tâm bực bội, không có ý lui sụt, không có ý tức giận; thân của vi ấy trụ vững, tâm của vị ấy trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Sau khi nghe âm thanh bằng tai,... (nt)... Sau khi ngửi hương bằng mũi,... (nt)... Sau khi nếm vi bằng lưỡi,... (nt)... Sau khi xúc chạm bằng thân,... (nt).. Sau khi nhận thức pháp bằng ý, [vi ấy] không khao khát, không vui mừng, không làm sanh khởi luyên ái; thân của vị ây trụ vững, tâm của vi ây tru ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Trái lại, sau khi nhận thức pháp bằng ý, đối với pháp không hợp ý9 [vị ấy] không khó chịu, không có tâm bực bội, không có ý lui sụt, không có ý tức giận; thân của vị ấy trụ vững, tâm của vị ây trú ở nội phân, khéo được tôn tại, khéo được giải thoát. Sau khi thây cảnh

sắc bằng mắt, đối với sắc hợp ý hay không hợp ý, thân của vi ấy trụ vững, tâm của vị ấy trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Sau khi nghe âm thanh bang tai,... (nt)... Sau khi ngửi hương bằng (nt)... Sau khi nem vị bang lưỡi,... (nt)... Sau khi xúc chạm bang thân,...(nt)... Sau khi nhận thức pháp bằng ý, đối với pháp hợp ý hay không hợp ý, thân của vi ấy trụ vững, tâm của vi ấy trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, [vị ấy] không bị luyến ái ở vật đáng luyến ái5 không bi sân hận ở vật đáng sân hận, không bị si mê ở vật đáng si mê, không bị bực tức ở vật đáng bực tức, không bi ô nhiễm ở vật đáng ô nhiễm, không bị say đắm ở vật đáng say đắm. Sau khi nghe âm thanh bằng tai,... (nt)... Sau khi nhận thức pháp bằng ý, [vi ấy] không bị luyến ái ở vật đáng luyến ái, không bị sân hận ở vật đáng sân hận, không bi si mê ở vật đáng si mê, không bị bực tức ở vật đáng bực tức, không bi ô nhiễm ở vật đáng ô nhiễm,

không bị say đắm ở vật đáng say đắm. ở điều đã được nghe chỉ là điều đã được nghe, ở điêu đã được thây chỉ là điêu đã được thây, ở điêu đã được cảm giác chỉ là điều đã được cảm giác, ở điều đã được nhận thức chỉ là điều đã được nhận thức, [vị ấy] không bị lấm nhơ ở điều đã được thấy, không bị lấm nhơ ở điều đã được nghe, không bi lấm nhơ ở điều đã được cảm giác, không bị lấm nhơ ở điều đã được nhận thức, về điều đã được thấy, [vị ấy] không có sự đến gần, không có sự xa lánh, không nương tựa, không bị trói buộc, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. Vê điêu đã được nghe, vê điêu đã được cảm giác, vê điêu đã được nhận thức, [vị ấy] không có sự đến gần, không có sự xa lánh, không nương tựa, không bị trói buộc, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. Mắt của vị A-la-hán hiện hữu, vị A-la-hán nhìn cảnh sắc bằng mắt. Mong muốn và luyến ái của vị A-la-hán không có, vị A-la-hán có tâm khéo được giải thoát. Tai của vị A-la-hán hiện hữu, vị A-la-hán nghe âm thanh bằng tai. Mong muốn và luyến ái của vị A-la-hán không có, vi A-la-hán có tâm khéo được giải thoát. Mũi của vị A-la-hán hiện hữu, vi A-la-hán ngửi hương bằng mũi. Mong muốn và luyến ái của vị A-la-hán không có, vị A-la-hán có tâm khéo được giải thoát. Lưỡi của vị A-la-hán hiện hữu, vị A-la-hán nếm vị bằng lưỡi. Mong muốn và luyến ái của vi A-la-hán không có, vi A-la-hán có tâm khéo được giải thoát. Thân của vị A-la-hán hiện hữu, vị A-la-hán xúc chạm bằng thân... (nt)... Ý của vị A-la-hán hiện hữu, vị A-la-hán nhận thức pháp bằng ý. Mong muốn và luyến ái của vị A-la-hán không có, vị A-la-hán có tâm khéo được giải thoát. Mat có sự thỏa thích ở sac, thích thú ở sāc, vui thích ở sac; mat của vị A-la- hán đã được rèn luyện, đã được bảo vệ, đã được hộ tri, đã được thu thúc; và vị ấy thuyết pháp về sự thu thúc đối với mắt. Tai có sự thỏa thích ở âm thanh... (nt)... Mũi có sự thỏa thích ở hương... Lưỡi có sự thỏa thích ở vị nếm, thích thú ở vị nếm, vui thích ở vị nếm; lưỡi của vị A-la-hán đã được rèn luyện, đã được bảo vệ, đã được hộ trì, đã được thu thúc; và vi ấy thuyết pháp về sự thu thúc đối với lưỡi. Thân có sự thỏa thích ở xúc chạm... (nt)... Ý có sự thỏa thích ở pháp, thích thú ở pháp, vui thích ở pháp; ý của vị A-la-hán đã được rèn luyện, đã được bảo vệ, đã được hộ trì, đã được thu thúc; và vi ây thuyêt pháp vê sự thu thúc đối với ý. 1. "Người ta đưa [ngựa] đã được rèn

luyện đen nơi tụ hột Đức vua cỡi lên [ngựa] đã được rèn luyện. Người đã được rèn luyện chiu đựng lời mang nhiếc là hạng nhất giữa loài người 2. Quỷ báu thay những con lừa đã được thuần hóa, những con ngựa Sindhu thuần chủng, và những con voi thuộc loài khổng tượng; người đã tự rèn luyện bản thân là quỷ báu hơn cả. 3. Bởi vì chăng phải nhờ vào những cô xe áy mà có thê đi đên nơi chưa đi

f r đên [Nỉêt-bàn]f như là nhờ vào bản thân đã khẻo được rèn luyện. Do nhờ đã được rèn luyện mà người đã được rèn luyện đi đên [Niêt-bàn]. 4. Các vị không lay động ở các trạng thái kiêu mạn, đã được thoát khỏi việc sanh ra lần nữa, đã đạt đến lãnh vực của các bậc đã được rèn luyện; các vỉ ấy là những người chiến thắng ở the gian. 5. Vị nào có các giác quan đã được tu tập, ở nội phăn, ở ngoại phân, và ở toàn the the gian, sau khỉ thau hiếu đời này và đời sau, vi đã được tu tập chờ đợi thời điểm, vị ấy là đã được huấn luyện. “ Vi hành xả9 luôn luôn có niệm. Luôn luôn: Là mọi lúc, mọi thời, thường khi, luôn khi,... (nt)... ở chặng cuối của tuổi thọ. Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,... (nt).. trên các thọ,... (nt)... trên tâm, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát pháp trên các pháp. ... (nt)... vi ấy được gọi là có niệm. hành xả? luôn luôn có niêm" là như thế. ở thế gian không nghĩ [bản thân] là ngang bằng: Không làm sanh khởi ngã mạn [nghĩ rằng]: "Ta là ngang bằng” vê xuất thân, hoặc về dòng dõi,... (nt)... hoặc về sự việc này khác. "d thế gian không nghĩ [bản thân] là ngang bng” là như thế. Không [nghĩ] là có sự ưu việt, không [nghĩ] là thấp kém. Không làm sanh khởi cao ngạo [nghĩ rằng]: “Ta là tốt hơn" về xuất thân, hoặc về dòng dõi,... (nt)... hoặc vê sự việc này khác. Không làm sanh khởi ngã mạn [nghĩ rằng]: “Ta là thua kém,, về xuất thân, hoặc về dòng dõi,... (nt)... hoặc về sự việc này khác. "Không [nghĩ] là có sự ưu việt, không [nghĩ] là thấp kém,^ là như thế. Đối vơi vi ấy, không có các sự kiêu ngạo. Đối với vi ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt. Các sự kiêu ngạo: Có bảy sự kiêu ngạo: Kiêu ngạo do luyến ái, kiêu ngạo do sân hận, kiêu ngạo do si mê, kiêu ngạo do ngã mạn, kiêu ngạo do tà kiến, kiêu ngạo do ô nhiễm, kiêu ngạo do nghiệp. Đối với vị ấy, các sự kiêu ngạo này là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. "Đối với vị ấy, không có các sự kiêu ngạo" là như thế. Y TẠ J ỉ Á __ FTT|_ Ặ FT^ A _ 4 z • _w _ Vì the, đức The Ton đã noi răng: r '"Vi hành xả, luôn luôn có niệm, ở thê gian không nghĩ [bản thân] là ngang bằng, không [nghĩ] là có sự ưu việt, không [nghĩ] là thấp kém; đổi với vi ấy, không có các sự kiêu ngạo."

10.9. Đôi với vỉ nào không có trạng thái nương tựa, sau khi đã hiêu biêt giảo pháp thì không còn nương tựa, đoi với vỉ ấy tham ái ở hữu và phỉ hữu không tìm thay. Đối với vi nào không có trạng thái nương tựa. Đối với vi nào: Đối với vi A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt. Trạng thái nương tựa: Có hai sự nương tựa: Sự nương tựa vào tham ái và sự nương tựa vào tà kiến. ... (nt)... điều này là sự nương tựa vào tham ái. ... (nt)... điều này là sự nương tưa vào tà kiến. Đối với vị ấy, sự nương tựa vào tham ái được dứt bỏ,

sự nương tựa vào tà kiến được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự nương tựa vào tham ải, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự nương tựa vào tà kiến; đối với vi ấy sự nương tựa là không c6, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lăng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. uĐối với vị nào không có trạng thái nương tựa" là như thê. Sau khi đã hiểu biết giáo pháp thì không còn nương tựa. Sau khi đã hiểu biết: Sau khi đã hiểu biết là sau khi đã biết được, sau khi đã cân nhắc, sau khi đã xác định, sau khi đã minh đinh, sau khi đã làm rõ rệt. Sau khi đã hiểu biết, sau khi đã biết được, sau khi đã cân nhắc, sau khi đã xác định, sau khi đã minh định, sau khi đã làm rõ rệt rang: "Tất cả các hành là vô thuơng", “Tất cả các hành là khổ9\ "Tất cả các phấp là vô ngỗT,...(nt).."Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet." Không còn nương tựa: Có hai sự nương tựa: Sự nương tựa vào tham ái và sự nương tựa vào tà kiến. ... (nt)... điều này là sự nương tựa vào tham ái.... (nt).. điều này là sự nương tựa vào tà kiến. Sau khi dứt bỏ sự nương tựa vào tham ái, sau khi buông bỏ sự nương tựa vào tà kiên thì không nương tựa vào mắt, không nương tựa vào tai, không nương tựa vào mũi, không nương tựa vào lưỡi, không nương tựa vào thân, không nương tựa vào ý, không nương tựa vào các sắc, các thinh, các hương, các vi, các xúc, gia tộc, đồ chúng, chỗ ngụ,... (nt)... các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không bám vào, không đến gần, không bám chặt, không hướng đến, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bi ràng buộc, sông với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Sau khi đã hiểu biết giáo pháp thì không còn nương tựa" là như thế. Đối với vi ấy tham ái ờ hữu và phi hữu không tìm thấy. Tham ái: Là tham ái cảnh sắc, tham ái cảnh thinh, tham ái cảnh khí, tham ái cảnh vị, tham ái cảnh xúc, tham ái cảnh pháp. Đối với vị ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt. ở hữu: ở hữu kiến; ờ phỉ hữu: Phi hữu kiến; ờ hữu: ớ thường kiến; ờ phi hữu: ở đoạn kiến; ờ hữu: ở sự sanh lên được lặp đi lặp lại, ở cảnh giới tái

các Sự trói buộc là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. "Đối với vị ấy các sự trói buộc không tìm thấy” là như thế. Vi ấy đã vượt qua sự vướng mắc. Sự vướng mắc: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Sự vướng mắc: Sự vướng mắc với ý nghĩa gì? uĐược trải rong^ là vướng mắc, “bao quaf9 là vướng mắc, "được lan rong^ là vướng mắc, “d6 lôi kéo theo" là vướng mắc, "n6 mang lại chất độc" là vướng mắc, "truyền bá chất độc59 là vướng mắc, "gốc rễ của chất độc" là vướng mắc, ukết quả của chất độc,9 là vướng mắc, "sự thọ dụng chất độc" là vướng mắc. Hoặc hơn nữa, "tham ái ấy là bao quát ở sắc, ở thinh, ở hương, ở vị, ở xúc, ở gia tộc, ở đồ chúng, ở chỗ ngu,... (nt).. ở các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, được trải rộng, được lan rộng" là vướng mắc. Vi ấy đã vượt qua sự vướng mắc: Vị ấy đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt qua hãn, đã vượt qua khỏi sự vướng mắc, tham ái này. uVị ấy đã vượt qua sự vướng mắc” là như

thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: “Ta nói răng vi ây là 'bậc Yên tịnh 'không trông mong vê các dục. Đôi với vi ấy, các sự trói buộc không tìm thay; vi ấy đã vượt qua sự vướng mắc,

10.11. Đôi với vỉ áy, không có con cải [và] các thú nuôi, ruộng vườn và đát đai không tìm thấy. Có bản ngã hoặc không có bản ngã đều không tồn tại ở vị ấy. Đối với vi ấy, không có con cái [và] các thú nuôi, ruộng vườn và đất đai không tìm thấy. Không: Là sự phủ đinh. Đối vói vi ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt. Con cái: Có bốn loại con cái: Con ruột là con, con nhặt được là con, con nuôi là con, học trò là con. Các thú nuôi: Dê, cừu, gà, heo, voi, bò, ngựa, lừa. Ruộng: Là ruộng lúa sāli, ruộng lúa mùa, ruộng đậu xanh, ruộng đậu māsā, ruộng lúa mạch, ruộng lúa mì, ruộng mè. Đất: Là đất nhà, đất cổng ra vào, đất phía trước nhà, đất phía sau nhà, đất vườn, đất thổ cư. Đối vói vi ấy, không có con cái [và] các thú nuôi, ruộng vườn và đất đai không tìm thấy: Đối với vị ấy, sở hữu về con cái, hoặc sở hữu về các thú nuôi, hoặc sở hữu về ruộng vườn, hoặc sở hữu về đất đai là không có, không

hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. "Đối với vi ấy, không có con cái [và] các thú nuôi, ruộng vườn và đất đai không tìm thấy" la như thế. Có băn nẹã hoặc không có băn ngã đều không tồn tại ờ vi ấy: Không có thường kiến rang: "C6 tự nga.^ ỉpiông có đoạn kiến rằng: "Không có tự ngâL” Không có điều đã được nắm lấy rằng: "C6 tự ngã.55 Không có điều cần được giải thoát rằng: "Không có tự ngâL" Người nào không có điều đã được nắm lấy thì người ấy không có điều cần được giải thoát, người nào không có điều cần được giải thoát thì người ấy không có điều đã được nam lay. Trong khi vượt qua hẳn việc nắm giữ và việc giải thoát, bậc A-la-hán vượt qua khỏi sự tiến tu và thối thất. Vi ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh]5 đã hoàn tất việc thực hành,. (nt)... việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vi ấy. "C6 bản ngã hoặc không có bản ngã đều không tồn tại ở vị ấy" là như thế.4 Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng : với vỉ âyf không có con cái [và] các thú nuôi, ruộng vườn và đát đai không tìm thấy. Có bản ngã hoặc không có bản ngã đều không tồn tại ở vỉ ấy.”

10.12. Vì việc nào mà các phàm phu, rồi các Sa-môn và các Bà-ỉa-môn có thể nói về vị ấy, việc ấy đối với VỊ ấy là không được chú trọng; vì thế, vi ấy không xao động Vỉ những lời nói [buộc tội]. Vì việc nào mà các phàm phu, rồi các Sa-môn và các Bà-la-môn có thể noi ve vi ây> Các phàm phu: "Những người sản sanh ra các ô nhiễm khác nhau" là phàm phu. "Những người có sự nhận thức sai trái về thân khác nhau chưa được phá tan" là phàm phu. "Những người tin theo nhiều vị thầy khác nhau" là phàm phu. "Những người chưa được ra khỏi mọi cảnh giới tái sanh khác nhau" là phàm phu. "Những người tạo ra các sự tạo tác khác nhau” là phàm phu. "Những người bị cuốn trôi bởi nhiều dòng lũ khác nhau" là phàm phu. "Những người bị nóng nảy bởi nhiều sự nóng nảy khác nhau" là phàm phu. "Những người bị thiêu đốt bởi nhiều sự bực bội khác nhau" là phàm phu. "Những người bi luyến ái5 bị thèm khát, bi buộc trói, bị mê

mẩn, bị gan gũi, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở năm loại dục đa dạng" là phàm phu. "Những người bị bao bọc, bi bao trùm, bị bao kín, bị che lại, bị che kín, bị đậy kín bởi năm pháp che lấp đa dạng" là phàm phu. Các Sa-môn: Bất cứ những người nào đã đi đến hạnh du sĩ, đã thành tựu hạnh du sĩ bên ngoài giáo pháp này. Các Bà-la-môn: Bất cứ những người nào xưng hô với từ "6ng"

4 Xem đoạn dịch tương tự ở trang 70. (ND)

Vì việc nào mà các phàm phu, rồi các Sa-môn và các Bà-la-môn có thể nói vê vi ây: Các phàm phu vì sự luyên ái nào mà có thê nói, vì sự sân hận nào mà có the nói, vì sự si mê nào mà có the nói, vì sự ngã mạn nào mà có thể nói, VÌ tà kiên nào mà có thê nói, vì sự phóng dật nào mà có thê nói, vì hoài nghi nào mà có thể nói, vì các pháp tiềm an nào mà có thể nói [rằng]: "Ngài là 'kẻ bị luyến ái', hoặc là 'kẻ bị sân hận\ hoặc là 'kẻ bị si mê\ hoặc là 'kẻ bi trói buộc\ hoặc là 'kẻ bị bám víu', hoặc là 'kẻ bi tán loạn', hoặc là 4kẻ không dứt khoát5, hoặc là 'kẻ cứng c6i'" Các pháp tạo tác ấy là đã được dứt bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các pháp tạo tác thì với cảnh giới tái sanh nào mà chúng có thể nói về vi ấy [rằng]: "[Ngài sẽ trở thành] 'người địa ngục\ hoặc là 'loài thú\ hoặc là 'thân phận nga quỷ\ hoặc là 'loài người\ hoặc là 'thiên nhân5, hoặc là 'người hữu sắc', hoặc là 'người vô sắc\ hoặc là 'người hữu tưởng\ hoặc là 'người vô tưởng', hoặc là 'người phi tưởng phi phi tưởng.'" Không có nhân, không có duyên, không có lý do, mà vì việc ây họ có thể nói, có thể thuyết, có thể phát ngôn, co thể giảng giải, có thể điển ta về vị ấy. "Vi việc nào mà các phàm phu, rồi các Sa-môn và các Bà-la-môn có thể nói về vi ấy" la như thế. Việc ấy đối voi vi ấy là không được chú trọng. Đối vói vi ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt. Được chú trọng: Có hai sự chú trọng: Chú trọng do tham ái và chú trọng do tà kiến.... (nt)... điều này là chú trọng do tham ái.... (nt).. điều này là chú trọng do tà kiến. Đối với vị ấy, sự chú trọng do tham ái đã được dứt b6, sự chú trọng do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự chú trọng do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự chú trọng do tà kiến; vị ấy sống, không chú trọng tham ái hoặc tà kiến, không có tham ái là ngọn cờ, không có tham ái là biểu hiện, không có tham ái là chủ đạo, không có tà kiến là ngọn cờ, không có tà kiến là biểu hiện, không có tà kiến là chủ đạo; vị ấy sống không bi vây quanh bởi tham ái hoặc bởi tà kiến. uViệc ấy đối với vị ấy là không được chú trong" là như thế. Vì thế, vi ấy không chao đảo vì những lời nói [buộc tội]. Vì thế: Bởi điều ấy, bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, vị ấy không chao đảo, không xao động, không dao động, không run rẩy, không chấn động, không rúng động vì những lời nói [buộc tội], vì những lời gièm pha, vì sự chê bai, vì sự chê trách, vì sự không nổi tiếng, vì sự không ca tụng. "Vi thế, vị ấy không chao đảo vì những lời nói [buộc t0i]" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: việc nào mà các phàm phu, roi các Sa-môn và các Bà-la-môn có thê nói về vị ấyf việc ấy đối với vi ấy là không được chủ trọng; vì thể, vi ấy không chao đảo vì những lời nói [buộc tội],"

10.13. Có sự thèm khát đã được xa lìa, không bon xẻn, bậc Hiên trí không mô tả [bản thân] là trong số những người ưu việt, không là trong số những người ngang bằng, không là trong số những người thấp kém, là vi không bỉ sắp đặt, không đi đen sự sắp đặt [bởi tham ái và tà kiến]. Có sự thèm khát đã được xa lia, không bon xẻn. Thèm khát: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt).. tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với người nào, sự thèm khát ấy là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy được gọi là không còn thèm khát. Người ấy không thèm khát ở sắc,... (nt)... không thèm khát ở các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không bị buộc trói, không bi mê mẩn, không bị gần gũi, có sự thèm khát đã được xa lìa, có sự thèm khát đã được tách lìa, có sự thèm khát đã được từ bỏ, có sự thèm khát đã được tẩy trừ, có sự thèm khát đã được giải thoát, có sự thèm khát đã được dứt bỏ, có sự thèm khát đã được buông bỏ, không còn khao khát,..(nt).. sống với trạng thái cao thượng tự thân. "Có sự thèm khát đã được xa li/ la như the. Không bon xẻn. Bon xẻn: Có năm sự bon xẻn: Bon xẻn về chỗ ở, bon xẻn về gia tộc, bon Xẻn vê lợi lộc, bon xẻn vê danh tiêng, bon xẻn vê pháp; bon xẻn có hình thức như vậy là...(nt)... sự nắm lấy được gọi là bon xẻn. Đoi với người nào, sự bon xẻn này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là không bon xẻn. “C6 sự thèm khát đã được xa lìa, không bon xEn" là như thế. Bậc Hiền trí không mô tả [bản thân] là trong số những người ưu việt, không là trong số những người ngang bằng, không là trong số những người thấp kém. Bậc Hiên trí: Bản thê hiên trí nói đên trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyên luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là bậc Hiền trí. [Bậc Hiền trí] không nói, không thuyết, không phát ngôn, không giảng giải, không diễn tả rằng: "Ta là tốt hơn", hoặc "Ta là ngang bằng", hoặc "Ta là thua k&n." "Bậc Hiền trí không mô tả [bản thân] là trong số những người ưu việt, không là trong số những người ngang bằng, không là trong số những người thấp kém" là như thế. " - " Là vi không bị sắp đặt, không đi đến sự sắp đặt [bỏi tham ái và tà kiến]. Sáp đặt: Có hai sự sáp đặt: Sự sáp đặt do tham ái và sự sáp đặt do tà kiên. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tham ái.... (nt).. điều này là sự sắp đặt do tà kiến. Đối với vi ấy, sự sắp đặt do tham ái đã được dứt bỏ, sự sắp đặt do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự sắp đặt do tham ái,

do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự sắp đặt do tà kiến; vị ấy không đi đến, không tiep cận, không đi đến gần, không năm lây, không bám víu, không chấp chặt sự săp đặt do tham ái hoặc sự sáp đặt do tà kiên. "Không đi đến sự sắp đặt [bởi tham ái và tà kiến]99 là như thế. Là vi không bi sắp đặt. Sắp đặt: Có hai sự sắp đặt: Sự sắp đặt do tham ái và sự sắp đặt do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tham ái.... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tà kiến. Đối với vị ấy, sự sắp đặt do tham ái đã được dứt bỏ, sự sắp đặt do tà kiến đã được buông bỏ. Đối với vị ấy, do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự sắp đặt do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đoi với sự sắp đặt do tà kiến, vị ấy không sắp đặt, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không

làm phát sanh ra sự sắp đặt do tham ái hoặc sự sáp đặt do tà kiên. “Là vị không bị sắp dặt, không đi đến sự sắp đặt [bởi tham ái và tà kiến]^^ là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: “C6 sự thèm khát đã được xa lìa, không bon xẻn, bậc Hiên trí không mô tả [bản thân] là trong sổ nhữnệ người ưu việt, không là trong sổ những người ngang bAng, khônệ là trong sô những người tháp kẻmf là vỉ không bỉ sáp đặt, không đi đen sự sắp đặt [bởi tham ái và tà kiến]." ĩ r \

10.14. Đôi với vi nào ở thê gian, vật sở hữu là không có, [là vị] không sâu muộn do tình trạng không có, và không đi đen [sự lam lan] ở các pháp; thật vậy, vỉ ấy được gọi là '"bậc An tịnh." Đối với v| nào ờ thế gian, vật sở hữu là không có. Đối vói vi nào: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt. Vật sở hữu là không có: Đối với vị nào, bất cứ điều gì liên quan đến sắc, liên quan đến thọ? liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến [rằng]: "Hoặc là cái này thuộc ve tôi, hoặc là cái này thuộc về những người khác" là không có, không hiện diện,... (nt)... đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. "Đối với vị nào ở thế gian, vật sở hữu là không c6" là như thế. Không sầu muộn do tình trạng không có: Không sầu muộn về vật đã bị biến đổi, hoặc là không sầu muộn khi vật bị biến đổi; [nghĩ rằng:] "Mắt của ta bị biến d6i” mà không sầu muộn; [nghĩrằng:] “Tai của ta... Mũi của ta... Lưỡi của ta... Thân của ta... Y của ta... Các săc của ta... Các thinh của ta... Các hương của ta... Các vi của ta... Các xúc của ta... Gia tộc của ta... Đồ chúng của ta... Chỗ ngụ của ta... Lợi lộc của ta... Danh vọng của ta... Lời khen của ta... Hạnh phúc của ta... Y phục của ta... Đồ ăn khất thực của ta... Chỗ nằm ngồi của ta... Vật dụng là thuốc men chữa bệnh của ta... Mẹ của ta... Cha của

ta... Anh [em] trai của ta... Chi [em] gái của ta... Con trai của ta... Con gái của ta... Bạn bè của ta... Thân hữu của ta... Thân quyến của ta... Những người cùng huyết thống của ta bi biến d6i" mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đấm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội. "Không sầu muộn do tình trạng không c6” là như vậy. Hoặc là, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi thọ khổ không có khoái lạc, mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đấm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội. Bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi bệnh ở mắt mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đấm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội. Bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi bệnh ở tai trong, bởi bệnh ở mũi, bởi bệnh ơ lưỡi, bởi bệnh ơ thân, bởi bệnh ơ đau, bởi bệnh ơ lo tai, bởi bệnh ơ miêng, bởi bệnh ở răng, bởi ho, bởi suyễn, bởi sổ mũi, bởi nhiệt, bởi cảm sốt, bởi đau bụng, bởi xây xẩm, bởi kiết lỵ, bởi đau bụng bão, bởi dịch tả, bởi phong cùi, bởi khối u, bởi bệnh chàm, bởi lao phổi, bởi động kinh, bởi mụt, bởi nhọt, bởi ghẻ ngứa, bởi sảy, bởi loét tay chân, bởi máu, bởi mật, bởi bệnh tiểu đường, bởi bệnh trĩ, bởi ghẻ lở, bởi loét hậu môn, bởi bệnh phát khởi từ mật, bởi bệnh phát khởi từ đàm, bởi bệnh phát khởi từ gió, bởi bệnh tổng hợp từ mật-đàm-gió, bởi bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, bởi bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều, bởi bệnh thuộc dạng cấp tính, bởi bệnh sanh lên vì quả của nghiệp, bởi lạnh, bởi nong, bơi

đói, bơi khát, bơi các xúc chạm với ruôi9 muôi, gio, nang va các loai bò sát, mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đấm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội. "Không sầu muộn do tình trạng không c6" còn là như vậy. Hoặc là, trong khi không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại [nghĩ rằng]: "Quả thật đã có cho ta chăng? Cái ấy quả thật không có cho ta! Quả thật sẽ có cho ta chăng? Quả thật ta không đạt được cái ấy!", mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đấm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội. "Không sầu muộn

được thuyết giảng, được phát ngôn, được giảng giải, được diễn tả là: "Bậc An tịnh, bậc Yên tịnh, bậc vắng lặng, bậc Tịch diệt, bậc Tịch tjnh." “That vậy, vị ấy được gọi là 'bậc An tjnh'" là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng: (iDoi với vị nào ở thế gian, vật sở hữu là không cỏ, [là vi] không sầu muộn do tình trạng không có, và không đi đên [sự lâm lân] ở các pháp; thật vậy, vị ẩy được gọi là 'bậc An tinh " 66Diễn giải kỉnh trước khỉ hoại I•” Phần thứ mười.

n. DIỄN GIẢI KINH CÃI CỌ VÀ TRANH CÃI (KALAHAVIVẴDASUTTANIDDESƠ)

Giờ phần "Diễn giải kinh cãi cọ và tranh c2" được nói đến: 1.1. Từ đâu phát khởi các sự cãi cọ, các sự tranh cãi, Các sự than vãn, các noi sầu muộn và thêm các sự bon xẻn, Các sự ngã mạn và cao ngạo, roi thêm các việc nói đâm thọc? Từ đâu chủng phát khởi? Nào, xin Ngài hãy nói ve điều ấy. Từ đâu phát khởi các sự cãi cọ, các sự tranh cãi. Sự cãi cọ: Theo một cách thức, sự cãi cọ và sự tranh cãi cũng y như nhau; cái nào là cãi cọ, cái ấy là tranh cãi; cái nào là tranh cãi, cái ấy là cãi cọ. Hoặc là, theo một cách thức khác nói về tranh cãi: Tranh cãi là phần đi trước của cãi cọ. Các vị vua tranh cãi với các vị vua, các Sát-đế-lỵ tranh cãi với các Sát-đế- ly, các Bà-la-môn tranh cãi với các Bà-la-môn, các gia chủ tranh cãi với các gia chủ, mẹ tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với mẹ, cha tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với cha, anh [em] trai tranh cãi với anh [em] trai, chị [em] gái tranh cãi với chi [em] gái, anh [em] trai tranh cãi với chị [em] gái, chị [em] gái tranh cãi với anh [em] trai, bạn bè tranh cãi với bạn bè; việc này là tranh cãi. Sự cãi cọ là việc nào? Các người tại gia, [trong khi tức gian] câm lây gậy gộc, thực hiện việc cãi cọ bằng thân, bằng khâu; các bậc xuất gia, trong khi vi phạm tội, thực hiện việc cãi cọ bang thân, bang khau; việc này là cãi cọ. Từ đâu phát khởi các sự cãi cọ, các sự tranh cãi: Là hỏi về nguồn gốc, hỏi về nguyên nhân, hỏi về căn nguyên, hỏi về sự xuất phát, hỏi về nguồn sanh khởi, hỏi về nguồn phát khởi, hỏi về yếu tố nuôi dưỡng, hỏi về đối tượng, hỏi ve duyên khởi, hỏi ve nhân sanh khởi của sự cãi cọ và sự tranh cãi: "Các sự cãi cọ và các sự tranh cãi phát khởi từ dâu, sanh ra từ dâu, sanh khởi từ đâu, hạ sanh từ đâu, phát sanh từ đâu, xuất hiện từ đâu, có cái gì là căn nguyên, có cái gì là nhân sanh khởi, có cái gì là mầm sanh khởi, có cái gì là nguồn sanh khởi?,, là chất vấn, là yêu cầu, là thỉnh cầu, là đặt niềm tin. “Từ đâu phát khởi các sự cãi cọ5 các sự tranh cai” là như thế. Các sự than vãn, các nỗi sầu muộn và thêm các sự bon xẻn. Sự than vãn: Là sự than van, sự than trách, sự than thở, sự than vãn, trạng thái than van,

trạng thái than trách, lời nói, nói lảm nhảm, nói huyên thuyên, nói kể lể, lối nói kể lể, trạng thái nói kể lể của người bị tác động bởi sự tổn hại về thân quyên, bi tác động bởi sự tôn hại vê của cải, bị tác động bởi sự tôn hại vì

bệnh tật? bị tác động bởi sự suy giảm về giới hạnh, bị tác động bởi sự suy giảm về kiến thức, bị gặp phải sự rủi ro này hoặc sự rủi ro khác, hoặc bị tác động bởi sự khổ này hoặc sự khổ khác. Nôi sâu muộn: Nôi sâu muộn là sự buôn râu, trạng thái buôn phiên, sự sâu muộn ở nội tâm, sự buồn thảm ở nội tâm, sự nóng nảy ở nội tâm, sự bực tức ở nội tâm, nỗi tru phiền do trạng thái bực bội của tâm, mũi tên sầu muộn của người bị tác động bởi sự tổn hại về thân quyến, bị tác động bởi sự tổn hại về của cải, bị tác động bởi sự tổn hại vì bệnh tật, bị tác động bởi sự suy giảm về giới hạnh, bị tác động bởi sự suy giảm về kiến thức, bi gặp phải sự rủi ro này hoặc sự rủi ro khác, hoặc bị tác động bởi sự khổ này hoặc sự khô khác. o 1 1 p 9 9 9 À l A 9 17 9 /X Sự bon xẻn: Có năm loại bon xẻn: Bon xẻn vê chô ở, bon xẻn vê gia tộc, bon xẻn về lợi lộc, bỏn xẻn về danh tiếng, bon xẻn về pháp. Bon xẻn có hình thức như vậy là biểu hiện của bon xẻn, trạng thái của bon xẻn, sự hám lợi, keo kiệt, tính chất bủn xỉn, trạng thái bị nắm giữ của tâm, điều này được gọi là bon xẻn. Còn nữa5 bon xẻn về uẩn cũng là bon xẻn, bon xẻn về giới cũng là bon xẻn, bon xẻn về xứ cũng là bon xẻn, sự nắm lấy được gọi là bon xẻn. "Các sự than vãn, các nỗi sầu muộn và thêm các sự bon xẻn" là như thế. Các sự ngã mạn và cao ngạo, rồi thêm các việc nói đâm thọc. Ngã mạn: ở đây một n^ười nào đó sanh khởi nệã mạn về xuất thân, về dòng dõi, về con nhà gia the, về vẻ đẹp của làn da, ve tài sản, về học vấn? về công việc, ve tài nghệ, ve kiến thức, ve sự học hỏi, ve tài biện giải, hoặc ve sự việc này khác. Cao ngạo: ở đây một người nào đó khinh khi người khác theo sự sanh ra, theo dòng họ,... (nt)... hoặc theo sự việc này khác. Việc nói đâm thọc: ở đây, một người nào đó có lời nói đâm thọc: Sau khi nghe ở chỗ này, là người nói lại ở chỗ kia nhằm chia rẽ những người này, hoặc là sau khi nghe ở chỗ kia, là người nói lại cho những người này nhằm chia rẽ những người kia; như vậy là người chia rẽ những kẻ đã được hợp nhất, là người khuyên khích những kẻ chia rẽ, là người thỏa thích phe nhóm, thích thú phe nhóm, hân hoan phe nhóm, là người nói lời tạo ra phe nhóm; điều này được gọi là việc nói đâm thọc. Thêm nữa, người đem lại việc nói đâm thọc vì hai lý do: Vì mong muốn được thương, hoặc là vì ý định chia rẽ. Đem lại việc nói đâm thọc vì mong muốn được thương nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] "Đối với người này, ta sẽ được yêu thương, ta sẽ được quý mến, ta sẽ được tin cậy, ta sẽ trở thành thân tín, ta sẽ trở thành tâm phiic." Đem lại việc nói đâm thọc vì mong muốn được thương nghĩa là như vậy. Đem lại việc nói đâm thọc vì ý đinh chia rẽ nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] "Làm thế nào để những người này trở thành xa lạ, trở thành riêng rẽ? trở thành phe nhóm, trở thành hai phần, trở thành hai phía, trở thành hai nhánh, bi chia rẽ, không thể hội tụ, sống khổ sở không thoải mái?,, Đem lại việc nói đâm thọc vì ý đinh chia rẽ nghĩa là như vậy. "Các sự ngã mạn và cao ngạo, rồi thêm các việc nói đâm thọc59 là như thế.

Từ đâu chúng phát khởi? Nào, xỉn Ngài hãy nói về điều ấy: Sự cãi cọ, sự tranh cãi, sự than vãn, nỗi sầu muộn, sự bon xẻn, sự ngã mạn, sự cao ngạo và việc nói đâm thọc; tám điều ô nhiễm này phát khởi từ đâu, sanh ra từ dâu, sanh khởi từ đâu, hạ sanh từ dâu, phát sanh từ đâu, xuất hiện từ đâu, có cái gì là căn nguyên, có cái gì là nhân sanh khởi, có cái gì là mầm sanh khởi, có cái gì là nguồn sanh khởi? [Vị ấy] hỏi về nguồn gốc, hỏi về nhân, hỏi về căn nguyên, hỏi về sự xuất phát, hỏi về nguồn sanh khởi, hỏi về nguồn phát khởi, hỏi về yếu tố nuôi dưỡng, hỏi về đối tượng, hỏi về duyên khởi, hỏi ve nhân sanh khởi của tám điều ô nhiễm này, chất vấn, yêu cầy, thỉnh cầu, đặt niềm tin. “Từ đâu chúng phát khởi? Nào, xin Ngài hãy nói về điều ấy" là như thế. Nào, xin Ngài hãy nói, hãy nêu ra, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ. "Từ đâu chúng phát khởi? Nào, xin Ngài hãy nói về điều ấy" là như thế. Vì thế, vi [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng: "Từ đâu phát khởi các sự cãi cọ, các sự tranh cãi, Các sự than vãn, các nỗi sầu muộn và thêm các sự bon xẻn, Các sự ngã mạn và cao ngạo, roi thêm các việc nói đâm thọc? Từ đâu chúng phát khởi? Nào, xin Ngài hãy nói ve điều ấy."

11.2. Từ vật được yêu mến phát khởi các sự cãi cọ, các sự tranh cãi, Các sự than vãnf các nỗi sầu muộn và thêm các sự bon xẻn, Các sự ngã mạn và cao ngạo, roi thêm các việc nói đâm thọc. Các sự cãi cọ, các sự tranh cãi là có liên quan đen sự bon xẻn. Và ở các cuộc tranh cãi đã được sanh ra, có các việc nói đâm thọc, Từ vật được yêu mến phát khỏi các sự cãi cọ, các sự tranh cãi, các sự than vãn, các nỗi sầu muộn và thêm các sự bon xẻn. Vật được yêu mến: Có hai đối tượng được yêu mến: Các chúng sanh hoặc các pháp tạo tác. Những người nào là các chúng sanh được yêu mến? ở đây, đối với người nào mà những người ấy có lòng mong muốn điều tốt đẹp, có lòng mong muốn điều lợi h, có lòng mong muốn sự thoải mái, có lòng mong muốn sự an toàn trong mối ràng buộc: Là người mẹ, hoặc người cha, hoặc anh [em] trai, hoặc chi [em] gái, hoặc con trai, hoặc con gái, hoặc các bạn bè, hoặc các thân hữu, hoặc các thân quyến, hoặc những người cùng huyết thống; những người này là các chúng sanh được yêu mến. Các pháp nào là các pháp tạo tác được yêu mến? Các sắc hợp ý9 các thinh hợp ý, các hương hợp ý, các vị hợp ý5 các xúc hợp ý; các pháp tạo tác này là được yêu mến. CÓ sự lo âu vê việc chiêm đoạt vật được yêu mên, họ gây ra cãi cọ; trong khi đang bị chiếm đoạt, họ gây ra cãi cọ; khi đã bi chiếm đoạt, họ gây ra cãi cọ. Có sự lo âu về việc biến đổi của vật được yêu mến, họ gây ra cãi cọ; trong khi vật đang bị biến đổi, họ gây ra cãi cọ; khi vật đã bi biến đổi, họ gây ra cãi cọ. Có sự lo âu về việc chiếm đoạt vật được yêu mến, họ tranh cãi; trong khi đang bi

chiếm đoạt, họ tranh cãi: khi đã bi chiếm đoạt, họ tranh cãi. Có sự lo âu về việc biến đổi của vật được yêu mến, họ tranh cãi; trong khi vật đang bị biến đổi, họ tranh cãi; khi vật đã bị biến đổi, họ tranh cãi. Có sự lo âu về việc chiếm đoạt vật được yêu mến, họ than vãn; trong khi đang bị chiếm đoạt, họ than vãn; khi đã bị chiếm đoạt, họ than vãn. Có sự lo âu về việc biến đổi của vật được yêu mến, họ than vãn; trong khi vật đang bị biến đổi, họ than vãn; khi vật đã bi biến đổi, họ than vãn. Có sự lo âu về việc chiếm đoạt vật

được yêu mến, họ sầu muộn; trong khi dang bị chiếm đoạt, họ sầu muộn; khi đã bị chiếm đoạt, họ sầu muộn. Có sự lo âu ve việc biến đổi của vật được yêu mến, họ sầu muộn; trong khi vật đang bị biến đổi, họ sầu muộn; khi vật đã bị biến đổi, họ sầu muộn. Họ bảo vệ, gìn giữ, sở hữu, chấp là của tôi? bon xẻn vật được yêu men. Các sự ngã mạn và cao ngạo, rồi thêm các việc nói đâm thọc: Nương vào vật được yêu mến, họ sanh khởi ngã mạn; nương vào vật được yêu mến, họ sanh khởi cao ch.

Vì mong muốn được thương, hoặc là vì ý định chia rẽ. Đem lại việc nói đâm thọc vì mong muốn được thương nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] "Chúng ta sẽ được người này yêu thương, chúng ta sẽ được quý mến, chúng ta sẽ được tin cậy, chúng ta sẽ trở thành thân tín, chúng ta sẽ trở thành tâm phiic"; đem lại việc nói đâm thọc vì mong muốn được thương nghĩa là như vậy. Đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là thế nào? [Nghĩ lẳng:] "Làm thế nào để những người này trở thành xa lạ, trở thành riêng rẽ, trở thành phe nhóm, trở thành hai phần, trở thành hai phía, trở thành hai nhánh, bị chia rẽ, không thể hội tụ, sống khổ sở không thoải mái?" Đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là như vậy. "Và ở các cuộc tranh cãi đã được sanh ra, có các việc nói đâm thqc" là như thế. "T J-l Á r qpl A qp A -r • w

Vì thê, đức The Ton đã noi răng: “Tít vật được yêu mến, phát khởi các sự cãi cọ, các sự tranh cãi, Các sự than vãn, các nỗi sầu muộn và thêm các sự bon xẻn, Các sự ngã mạn và cao ngạo, roi thêm các việc nói đâm thọc. Các sự cãi cọ, các sự tranh cãi là có liên quan đen sự bon xẻn. Và ở các cuộc tranh cãi đã được sanh ra, có các việc nói đâm thọc."

11.3. Vậy các vật đượcyêu mên ở thê gian có căn nguyên từ dâu, và luôn cả những ai sông ở thê gian cũng do tham, [tham ây có căn nguyên từ đâu]? Mong mỏi và sự thành tựu, những sự việc đưa đên đời sông kê tiêp của con người, có căn nguyên từ đâu? Vậy các vật được yêu mến ờ thế gian có cẳn nguyên từ đâu: Là hỏi về nguồn gốc... (nt)... hỏi về nhân sanh khởi của các vật được yêu mến: "Các vật được yêu mến phát khởi từ dâu, sanh ra từ đâu, sanh khởi từ đâu, hạ sanh từ đâu, phát sanh từ dâu, xuất hiện từ đâu, có cái gì là căn nguyên, có cái gì là nhân sanh khởi, có cái gì là mầm sanh khởi, có cái gì là nguồn sanh khởi?55 là chất vấn, yêu cầu, thỉnh cầu, đặt niềm tin. "Vậy các vật được yêu mến ở thế gian có căn nguyên tư đâu,9 là như thế. Và luôn cả những ai sống ờ thế gian cũng do tham. Và luôn cả những ai: Là các Sát-đế-lỵ? các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người. Do tham: Tức là sự tham lam, biểu hiện tham lam, trạng thái tham lam, sự luyến ái mãnh liệt, biểu hiện luyến ái mãnh liệt, trạng thái luyến ái mãnh liệt, tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Sống: Là cư xử, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

"Và luôn cả những ai sống ở thế gian cũng do tham,, là như thế. Mong mỏi và sự thành tựu có căn nguyên từ đâu: Là hỏi về nguồn gốc.. (nt)... hỏi về nhân sanh khởi của mong mỏi và sự thành tựu [của mong mỏi]: “Mong mỏi và sự thành tựu phát khởi từ đâu, sanh ra từ đâu, sanh khởi từ đâu, hạ sanh từ đâu, phát sanh từ đâu, xuất hiện từ dâu, có cái gì là căn nguyên, có cái gì là nhân sanh khởi, có cái gì là mầm sanh khởi, có cái gì là nguồn sanh khởi?,, là chất vấn, yêu cầu, thỉnh cầu, đặt niềm tin. “Mong mỏi và sự thành tựu có căn nguyên từ dâu” là như thế. Những sự việc đưa đến đời sống kế tiếp của con người: Những gì là sự nâng đỡ, là hòn đảo, là nơi nương tựa, là nơi trú ẩn, là nơi nương nhờ của con người. Con người có sự thành tựu nhờ vào sự nâng đỡ. “Những sự việc đưa đên đời sông kê tiêp của con người,, là như thê. Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng: "Vậy các vật được yêu mên ở thê gian có căn nguyên từ dâu, và luôn cả những ai sổng ở thể gian cũng do tham, [tham ấy có căn nguyên từ đau] ? Mong mỏi và sự thành tựu, những sự việc đưa đen đời song ke tiếp của con người, có căn nguyên từ đâu?"

11.4. Các vật được yêu mên ở thê gian có mong muôn là căn nguyên, và luôn cả những ai sống ở thế gian cũng do tham, [tham ấy có căn nguyên từ mong z r r r m muôn]. Mong mỏi và sự thành tựu "những sự việc đưa đên đời sông kê tiếp của con người" có căn nguyên từ dây. Các vật được yêu mến ở thế gian có mong muốn là căn nguyên. Mong muốn: Là sự mong muốn về dục, sự luyến ái về dục, niềm vui về dục, sự tham ái vê dục, sự yêu mên vê dục, sự nông nhiệt vê dục, sự mê mân vê dục, sự bám chặt vào dục, sự lôi cuốn của dục, sự gắn bó với dục, sự chấp thủ ở dục, sự che lấp do mong muốn về dục ở các dục. Thêm nữa, có năm sự mong muốn: Mong muốn tầm cau, mong muốn đạt được, mong muốn thọ dụng, mong M, .. muôn tích lũy, mong muôn ban phát. Mong muốn tầm cầu là việc nào? ở đây, một người nào đó bị dính mắc, có ý định, đã sanh khởi lòng mong muốn, rồi tầm cầu các sắc, tầm cầu các thinh... các hương... các vị... các xúc; việc này là mong muốn tàm cầu. Mong muốn đạt được là việc nào? ở đây, một người nào đó bị dính mắc, có ý đinh, đã sanh khởi lòng mong muốn, rồi đạt được các sắc, đạt được các thinh... các hương... các vị... các xúc; việc này là mong muốn đạt được. Mong muốn thọ dụng là việc nào? ở đây, một người nào đó bị dính mắc, có ý định, đã sanh khởi lòng mong muốn, rồi thọ dụng các sắc, thọ dụng các thinh... các hương... các vị... các xúc; việc này là mong muốn thọ dụng. Mong muốn tích lũy là việc nào? ở đây, một người nào đó bi dính mắc, có

ý định, đã sanh khởi lòng mong muốn, rồi thực hiện việc tích lũy tài sản [nghĩ rằng]: "Sẽ dùng vào những lúc rủi ro”; việc này là mong muốn tích lũy. Mong muốn ban phát là việc nào? ở dây, một người nào đó bị dính mắc, có ý đinh, đã sanh khởi lòng mong muốn, rồi ban phát tài sản đến các tượng phu, các mã phu, các xa phu, các cung thủ, các binh lính [nghĩ rằng]: “Những người này sẽ bảo vệ, sẽ gìn giữ, sẽ tháp tùng ta” việc này là mong muốn ban phát. Vật được yêu mến: Có hai đối tượng được yêu mến: Các chúng sanh hoặc các pháp tạo tác. ... (nt)... các chúng sanh này là được yêu mến. ... (nt)... các pháp tạo tác này là được yêu mến. Các vật được yêu mến ờ thế gian có mong

muốn là cẳn nguyên: Vật được yêu mến có mong muốn là căn nguyên, có mong muốn là nhân sanh khởi, có mong muốn là mầm sanh khởi, có mong muốn là nguồn sanh khởi. "Các vật được yêu mến ở thế gian có mong muốn là căn nguyên" là như thế. Và luôn cả những ai sống ờ thế gian cũng do tham. -r

Và luôn cả những ai: Là các Sát-đê-lỵ5 các Bà-la-môn5 các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vi xuất gia, chư thiên và loài người. Do tham: Tức là sự tham lam, biêu hiện tham lam, trạng thái tham lam, sự luyến ái mãnh liệt, biểu hiện luyến ái mãnh liệt, trạng thái luyến ái mãnh liệt, tham đăm, tham, cội nguồn của bát thiện. Sống: Là cư xử, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ. "Và luôn cả những ai sống ở thế gian cũng do tham" là như thế. Mong mỏi và sự thành tựu có cẳn nguyên từ đây: Mong mỏi nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Sự thành tựu: ở dây, một người nào đó, trong lúc tầm cầu các sắc và đạt được sắc, là có sự thành tựu về sắc; trong lúc tầm cầu các thinh... các hương... các vi... các xúc... gia tộc... đồ chúng... chỗ ngụ... lợi lộc... danh vọng... lời khen... hạnh phúc. y phục... đồ ăn khất thực... chỗ nằm ngồi... vật dụng là thuốc men chữa bệnh... Kinh... Luật... Thắng pháp... pháp của vị ngụ ở rừng... pháp của vị chuyên đi khất thực... pháp của vị chỉ mặc y may bằng vải bi quăng bỏ... pháp của vị chỉ sử dụng bay... pháp của vị đi khất thực tuần tự theo từng nhà... pháp của vi không ăn vật thực dâng sau... pháp của vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm).. pháp của vi ngụ ở chỗ đã được chỉ định... Sơ thiền... Nhi thiền... Tam thiền... Tứ thiền... sự thể nhập Không vô biên xứ... sự thể nhập Thức vô biên xứ... sự thể nhập Vô sở hữu xứ... sự thể nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ và đạt được sự thể nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ, là có sự thành tựu về sự thể nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ. "Thửa ruộng được cày với sự mong mỏi, hạt giông được gieo với sự mong

mỏi, những thương buôn là những người mang theo của cải đi biển với sự mong mỏi. Với sự mong mỏi nào mà tôi đứng [ở đây], mong rang sự mong mỏi ấy của tôi được thành tựu." Sự thành đạt do mong mỏi được gọi là sự thành tựu. Mong mỏi và sự thành tựu có căn nguyên từ đây: Mong mỏi và sự thành tựu là từ đây, có mong muốn là căn nguyên, có mong muốn là nhân sanh khởi, có mong muốn là mầm sanh khởi, có mong muốn là nguồn sanh khởi. "Mong mỏi và sự thành tựu có căn nguyên từ day" là như thế. Những sự việc đưa đến đời sống kế tiếp của con người: Những gì là sự nâng đỡ, là hòn đảo, là nơi nương náu, là nơi trú ẩn, là nơi nương nhờ của con người. Con người có sự thành tựu là sự nâng đỡ. "Những sự việc đưa đến đời sống kế tiếp của con người,, là như thế. 'T T\ji Á 4. r qp-i Á r-p A r • w Vì the, đức The Ton đã noi răng: "Các vật được yêu mên ở thê gian có mong muôn là căn nguyên, và luôn cả những ai song ở the gian cũng do tham [tham ấy có căn nguyên từ mong muốn]. Mong mỏi và sự thành tựu 'những sự việc đưa đến đời sống kế tiếp của con người'có căn nguyên từ đây."

11.5. Vậy mong muôn ở thê gian cỏ căn nguyên từ đâu? Và luôn cả các phán đoán được phát khởi từ đâu? Sự giận dữ, lời nói giả doi và noi nghỉ hoặc, Và luôn cả các pháp nào

đã được bậc Sa-môn nói đen? Vậy mong muốn ờ thế gian có căn nguyên từ đâu? Là hỏi về nguồn gốc... (nt).. hỏi về nhân sanh khởi của mong muốn: "Mong muốn phát khởi từ đâu, sanh ra từ đâu, sanh khởi từ dâu, hạ sanh từ đâu, phát sanh từ đâu, xuất hiện từ đâu, có cái gì là căn nguyên, có cái gì là nhân sanh khởi, có cái gì là mâm sanh khởi, có cải gì là nguôn sanh khởi?,, là chát vân, yêu câu? thỉnh câu, đặt niềm tin. "Vậy mong muốn ở thế gian có căn nguyên từ đâu?,, là như thế. Và luôn cả các phán đoán được phát khởi từ đâu? Là hỏi về nguồn gốc... (nt).. về nhân sanh khởi của các phán đoán: "Các phán đoán phát khởi từ đâu, sanh ra từ đâu, sanh khởi từ đâu, hạ sanh từ dâu, phát sanh từ đâu, xuất hiện từ đâu, có cái gì là căn nguyên, có cái gì là nhân sanh khởi, có cái gì là mầm sanh khởi, có cái gì là nguồn sanh khởi?,, là chất vấn, yêu cầu, thỉnh cầu, đặt niềm tin. “Và luôn cả các phán đoán được phát khởi từ đâu?59 là như thế. Sự giận dữ, lời nói giả dối và nỗi nghỉ hoặc. Sự giận dữ: Sự tức tối nào của tâm có hình thức như vậy là sự tức giận, sự thù hận? sự đối chọi, sự căm giận, sự căm hờn, sự căm ghét, sự sân hận, sự khởi

sân, sự sân nộ, sự độc ác của tâm, sự khởi sân của ý, sự giận dữ, biểu hiện giận dữ, trạng thái giận dữ, sự sân hận, biểu hiện sân hận, trạng thái sân hận, sự độc ác, biêu hiện độc ác5 trạng thái độc ác, sự chông đôi, sự đôi chọi, sự tàn nhân, sự lỗ mãng, trạng thái không hoan hỷ của tâm. Lời nói giả dối: Nói đến việc nói dối. Nỗi nghi hoặc: Nói đến sự hoài nghi. “Sịt giận dữ, lời nói giả dối và nỗi nghi hoặc" là như thế. Và luôn cả các pháp nào đã được bậc Sa-môn nói đến. Và luôn cả các pháp nào: Là những pháp đồng hành, đồng sanh, được gắn bó, được gắn liền, cùng sanh, cùng diệt, chung một nền tảng, chung một đoi tượng VƠI sự giận dữ, VƠI lơi noi gia doi va vơi noi nghi hoặc; các điêu này được gọi là "và luôn cả các pháp nào.95 Hoặc là, những ô nhiễm có bản thể khác, được tồn tại với trạng thái khác; các ô nhiễm này được gọi là "và luôn cả các pháp nào.,, Đã được bậc Sa-môn nói đến: Đã được nói, đã được phát biểu, đã được nêu ra, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn đinh, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ bởi bậc Sa-môn có điều ác xấu đã được yên lăng, bởi vi Bà-la-môn có ác pháp đã được loại trừ, bởi vị Tỳ-khưu có gốc rễ ô nhiễm đã được phá vỡ, đã được thoát khỏi sự trói buộc của tất cả gốc rễ bất thiện. "Và luôn cả các pháp nào đã được bậc Sa-môn nói đến" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: ^Vậy mong muôn ở thê gian có căn nguyên từ đâu? Và luôn cả các phán đoản được phát khởi từ đâu? Sự giận dữ, lời nói giả dôi và nôi nghi hoặc, Và luôn cả các pháp nào đã được bậc Sa-môn nói đen?"

11.6. Khoái lạc, không khoái lạc là điêu con người ở thê gian đã nói; Nương tựa vào điều ấy, mong muốn phát khởi. Sau khi nhìn thấy sự hiện hữu và không hiện hữu ở các sắc, Con người ở the gian thực hiện sự phản đoán. Khoái lạc, không khoái lạc là điều con người ờ thế gian đã nói. Khoái lạc: Là cảm thọ lạc và sự việc được ước muốn. Không khoái lạc: Là cảm thọ khổ và sự việc không được ước muốn. Là điều con người ờ thế gian đã nói: Là điều họ đã nói, điều họ thuyết, điều họ phát ngôn, điều họ giảng giải, điều họ diễn tả. "Khoái lạc, không khoái lạc là điều con người ở thế gian đã n6i" là

như thế. Nương tựa vào điều ấy, mong muốn phát khởi: Nương tựa vào khoái lạc và không khoái lạc, nương tựa vào hạnh phúc và kho đau, nương tựa vào hỷ tâm

và ưu tâm, nương tựa vào vật ước muôn và không ước muôn, nương tựa vào sự ưa chuộng và bất bình, mong muốn hiện diện, phát khởi, phát xuất, sanh ra, sanh khởi, hạ sanh, phát sanh. "Nương tựa vào điều ấy, mong muốn phát kh&i" là như thế. Sau khi nhìn thấy sự hiện hữu và không hiện hữu ờ các sắc. ở các sắc: Là bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió] và sắc liên quan đến bốn yếu tố chính. Sự hiện hữu của các sắc là việc nào? Là sự hiện hữu, sự sanh ra, sự sanh khởi, sự hạ sanh, sự phát sanh, sự xuất hiện của các sắc; việc này là sự hiện hữu của các sắc. Sự không hiện hữu của các sắc là việc nào? Là sự tiêu hoại, sự hoại diệt, sự tan rã, sự sụp đổ, trạng thái không thường còn, sự biến mất của các sắc; việc này là sự không hiện hữu của các sắc. Sau khỉ nhìn thấy sự hiện hữu và không hiện hữu ờ các sắc: Là sau khi nhìn thấy, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt sự hiện hữu và không hiện hữu ở các sắc. "Sau khi nhìn thấy sự hiện hữu và không hiện hữu ở các sắc99 là như thế. Con người ờ thế gian thực hiện sự phán đoán. Sự phán đoán: Có hai sự phán đoán: Sự phán đoán do tham ái và sự phán đoán do tà kiến. Thực hiện sự phán đoán do tham ái là thế nào? ở đây, các của cải của một người nào đó còn chưa được sanh lên thì không sanh lên, và các tài sản đã được sanh lên thì đi đến hoại diệt. Người ấy khởi ý như sau: "Bởi cách thức gì mà các của cải của ta còn chưa được sanh lên thì không sanh lên, và các tài sản đã được sanh lên thì đi đến hoại diet?" Người ấy lại khởi ý như sau: "Khi ta gắn bó với việc dể đuôi uống chất say là rượu và chất lên men, các của cải của ta còn chưa được sanh lên thì không sanh lên, và các tài sản đã được sanh lên thì đi đến hoại diệt. Khi ta gắn bó với việc lai vãng ở các đường phố vào ban đêm, các của cải của ta còn chưa được sanh lên thì không sanh lên, và các tài sản đã được sanh lên thì đi đến hoại diệt. Khi ta gắn bó với việc thăm viếng các cuộc hội hè9... Khi ta gắn bó với việc dể đuôi ở các trò cờ bạc,... Khi ta gắn bó với các bạn ác xấu, các của cải của ta còn chưa được sanh lên thì không sanh lên, và các tài sản đã được sanh lên thì đi đến hoại diệt. Khi ta gắn bó với việc lười biếng, các của cải của ta còn chưa được sanh lên thì không sanh lên, và các tài sản đã được sanh lên thì đi đến hoại diet.” Sau khi lập trí như vậy thì không thân cận với sáu đường lối làm tiêu tán của cải và thân cận với sáu đường lối đem lại của cải; thực hiện sự phán đoán do tham ái là như vậy. Hoặc là, thực hành nghề nông, hoặc nghề buôn bán, hoặc chăn trâu bí), hoặc nghề bắn cung, hoặc hầu hạ vua chúa, hoặc một nghề nghiệp nào đó; thực hiện sự phán đoán do tham ái còn là như vậy. Thực hiện sự phán đoán do tà kiến là thế nào? Khi mắt sanh lên thì biết rằng: "Tự ngã của ta sanh lên/9 Khi mắt biến mất thì biết rằng: "Tịt ngã của ta

biến mất, tự ngã của ta đã đi khỏr,; thực hiện sự phán đoán do tà kiến là như vậy. Khi tai... Khi mũi... Khi lưỡi... Khi thân... Khi sắc... Khi thinh... Khi hương.. Khi vị... Khi xúc sanh lên thì biết rằng: “Tự ngã của ta sanh lên." Khi xúc biến mất thì biết rằng: "Tự ngã của ta biến mất, tự ngã của ta đã đi kh6i"; thực hiện sự phán đoán do tà kiến, làm sanh

ra, làm sanh khởi, làm hạ sanh, làm phát sanh còn là như vậy. Con người: Là chúng sanh, đàn ông, thanh niên,... (nt)... nhân loại. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ "Con người ở thế gian thực hiện sự phán đoán,9 là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: \ r "Khoải lạc, không khoái lạc là điêu con người ở thê gian đã nói; Nương tựa vào điêu ây, mong muôn phát khởi. Sau khi nhìn thấy sự hiện hữu và không hiện hữu ở các sắc, Con người ở the gian thực hiện sự phán đoán.

11.7. Sự giận dữf lời nói giả dôi và nôi nghi hoặc, Các pháp này [sanh lên] trong khi cặp đôi1 có rmặt. Kẻ có nôi nghi hoặc nên học tập theo đường lôi của trí. Sau khi hiếu biêt, các pháp đã được bậc Sa-môn nói lên. Sự giận dữ, lời nói giả dối và nỗi nghi hoặc. Sự giận dữ: Sự tức tối nào của tâm có hình thức như vậy là sự tức giận,... (nt).. Lời nói giả dối: Nói đến việc nói dối. Nỗi nghi hoặc: Nói đến sự hoài nghi. Sự giận dữ sanh ra nương vào sự việc được ước muốn, sự giận dữ sanh ra cũng nương vào sự việc không được ước muốn. Sự nói dối sanh ra nương vào sự việc được ước muốn, sự nói dối sanh ra cũng nương vào sự việc không được ước muốn. Nỗi nghi hoặc sanh ra nương vào sự việc được ước muốn, nỗi nghi hoặc sanh ra cũng nương vào sự việc không được ước muốn. Sự giận dữ sanh ra nương vào sự việc không được ước muốn nghĩa là thế nào? Thông thường, sự giận dữ sanh ra nương vào sự việc không được ước muốn: "Nó đã làm điều bất lợi cho ta", [nghĩ vậy] giận dữ sanh ra. UNÓ đang làm điều bất lợi cho ta", [nghi vậy] giận dữ sanh ra. :N6 sẽ làm điều bất lợi cho ta”[nghĩ vậy] giận dữ sanh ra. "N6 đã làm điều bất lợi... đang làm điều bất lợi... sẽ làm điều bất lợi cho người yêu quý, hợp ý của ta”[nghĩ vậy] giận dữ sanh ra. "N6 đã làm điều có lợi... đang làm điều có

Sự giận dữ sanh ra nương vào sự việc được ước muốn nghĩa là thế nào? Người có sự lo âu về việc chiếm đoạt vật đã được chấp là của ta thì giận dữ sanh ra; trong khi đang bi chiếm đoạt, giận dữ sanh ra; khi đã bị chiếm đoạt, giận dữ sanh ra. Người có sự lo âu về việc biến đổi của vật đã được chấp là của ta thì giận dữ sanh ra; trong khi vật đang bi biến đổi, giận dữ sanh ra; khi vật đã bị biến đổi, giận dữ sanh ra; sự giận dữ sanh ra nương vào sự việc được ước muốn nghĩa là như vậy. Sự nói dối sanh ra nương vào sự việc không được ước muốn nghĩa là thế nào? ơ đây, một người nào đó bi giam câm với việc trói băng xiểng, roi cô tình nói dôi nhăm thoát khỏi sự giam câm ây;... hoặc bi giam câm với việc trói băng dây thừng, hoặc bị giam câm với việc trói băng dây xích, hoặc bị giam câm với việc trói băng dây mây, hoặc bi giam câm với việc trói băng đây leo, hoặc bị giam câm với việc giam trong hô, hoặc bị giam câm với việc giam trong hào, hoặc bị giam cầm với việc giam trong làng, trong thị trấn, trong thành phố, hay trong quôc đọ, hoặc bi giam cam vơi việc giam trong xứ sơ, roi cô tình noi dôi nhằm thoát khỏi sự giam cầm ấy; sự nói dối sanh ra nương vào sự việc không được ước muốn nghĩa là như vậy. Sự nói dối sanh ra nương vào sự việc được ước muốn nghĩa là thế nào? ở đây, một người nào đó vì nhân các sắc hợp ý rồi cố tình nói dối... vì nhân các thinh... các hương... các vị... các xúc... vì nhân y phục... vì nhân đồ ăn khất thực... vì nhân chỗ nằm ngồi... vì nhân vật dụng là thuốc men chữa bệnh hợp ý rồi cố tình nói dối; sự nói dối sanh ra nương vào sự việc được ước muốn nghĩa là như vậy. Nôi nghi

hoặc sanh ra nương vào sự việc không được ước muôn nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] 'Thải chăng ta sẽ thoát khỏi bệnh ở mắt, phải chăng ta sẽ không thoát khỏi bệnh ở mắt? Phải chăng ta sẽ thoát khỏi bệnh ở tai trong... khỏi bệnh ở mũi... khỏi bệnh ở lưỡi... khỏi bệnh ở thân... khỏi bệnh ở đầu... khỏi bềnh ở lỗ tai... khỏi bệnh ở miệng? Phải chăng ta sẽ thoát khỏi bệnh ở răng, phải chăng ta sẽ không thoát khỏi bệnh ở răng?,, Nỗi nghi hoặc sanh ra nương vào sự việc không được ước muốn nghĩa là như vậy. Nôi nghi hoặc sanh ra nương vào sự việc được ước muôn nghĩa là thê nào? [Nghĩ rằng:] 'Thải chăng ta sẽ đạt được các sắc hợp ý9 phải chăng ta sẽ không đạt được các sắc hợp ý? Phải chăng ta sẽ đạt được các thinh, các hương, các vị, các xúc, gia tộc, đồ chúng, chỗ ngụ, lợi lộc, danh vọng, lời khen, hạnh phúc, y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh hợp ý?" Nỗi nghi hoặc sanh ra nương vào sự việc được ước muốn nghĩa là uớưyưyưyưu;ựlớớưở

ĐẠI DIỄN GIẢI 221

khi thiện cảm và bất bình có mặt, trong khi đang được tìm thấy, đang c6, trong khi đang tồn tại. "Các pháp này [sanh lên] trong khi cặp đôi có māf9 là như thế. Kẻ có nỗi nghi hoặc nên học tập theo đường lối của trí: Trí cũng là đường lối của trí, đối tượng của trí cũng là đường lối của trí, các pháp sanh cùng với trí cũng là đường lối của trí. Giống như Thánh đạo là đường đi của các bậc Thánh, Thiên đạo là đường đi của chư thiên, Phạm thiên đạo là đường đi của Phạm thiên; tương tự y như thế, trí cũng là đường lối của trí, đối tượng của trí cũng là đường lối của trí, các pháp sanh cùng với trí cũng là đường lối của trí. Nên học tập: Có ba sự học tập: Học tập vê thăng giới, học tập vê thăng tâm, học tập ve thắng tuệ. Việc nào là sự học tập về thắng giới? ở đây, vi Tỳ-khưu là vị có giới, sống thu thúc với sự thu thúc của Giới bổn (Patimokkho), thành tựu về hạnh kiểm và hành xứ, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành trong các điều học. Nhóm giới nhỏ, nhóm giới lớn, giới là nền tảng, phần khởi đầu, sự . \ y y . thực hành, sự ngăn giữ, sự thu thúc, sự mở đâu, sự dân đâu nhăm chứng đạt các thiện pháp. Việc này là sự học tập về thắng giới. Việc nào là sự học tập về thắng tâm? ở đây, vị Tỳ-khưu ngay sau khi tách ly khỏi các dục..(nt).. đạt đen và trú thiền thứ tư. Việc này là sự học tập về thắng tâm. Việc nào là sự học tập về thắng tuệ? ở đây, vi Tỳ-khưu là vị có tuệ, thành tựu về tuệ hướng đến sự sanh diệt, góp phần vào sự thấu triệt cao thượng, dẫn đến việc cạn kiệt hoàn toàn của khổ. Vị ấy nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Dây là kh6",...(nt).. nhận biết đung theo thực thể rằng: :Dây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ^, nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Bây là các lậu hoặc",...(nt).. nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc.” Việc này là sự học tập về thắng tuệ. Kẻ có nỗi nghi hoặc nên học tập theo đường lối của trí: Người có nỗi nghi hoặc, có sự nghi ngờ, có sự bối rối, có sự lưỡng lự, có sự hoài nghi nên học tập về thắng giới, nên học tập về thắng tâm, nên học tập về thắng tuệ nhằm chứng đắc trí, nhằm chạm đến trí, nhằm chứng ngộ trí; trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này thì nên học tập; trong khi biết thì nên học tập; trong khi thấy thì nên học tập; trong khi quán xét lại thì nên học tập; trong khi quyết đinh tâm thì nên học tập; trong khi hướng đến đức tin thì nên học tập; trong khi ra sức tinh tấn thì nên học tập; trong khi thiết lập niệm thì nên học tập; trong khi tập trung tâm thì

nên học tập; trong khi nhận biết bằng tuệ thì nên học tập; trong khi biết rõ pháp cần được biết rõ thì nên học tập; trong khi biết toàn diện pháp cần được biết toàn diện thì nên học tập; trong khi dứt bỏ pháp cần được dứt bỏ thì nên học tập; trong khi tu tập pháp cần được tu tập thì nên học tập; trong khi

chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ thì nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng. “Kẻ có nỗi nghi hoặc nên học tập theo đường lối của trí" là như thế. Sau khi hiểu biết, các pháp đã được bậc Sa-môn nói lên. Sau khi hiểu biết: Sau khi đã hiểu biết, sau khi đã biết được, sau khi đã cân nhắc, sau khi đã xác định, sau khi đã minh định, sau khi đã làm rõ rệt thì đã được nói ra, đã được nói lên, đã được nêu ra, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ. Sau khi đã hiểu biết, sau khi đã biết được, sau khi đã cân nhắc, sau khi đã xác định, sau khi đã minh định, sau khi đã làm rõ rệt. "Tất cả các hành là vô thường,, đã được nói lên, đã được phát biêu, đã được nêu ra, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ân đinh, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ. Sau khi đã hiểu biết, sau khi đã biết được, sau khi đã cân nhắc, sau khi đã xác định, sau khi đã minh đinh, sau khi đã làm rõ rệt. uTất cả các hành là khổ55... (nt)... “Tất cả các pháp là vô ngãT...(nt)... "V6 minh duyên cho các hành"...(nt)..."Sanh duyên cho lão, tử"...(nt).."Do sự diệt tận của vô minh [đưa đến] sự diệt tận của các hành9\.. (nt)... "Do sự diệt tận của sanh [đưa đến] sự diệt tận của lão, Ệử"...(nt)... "Đây là kh8"...(nt).. "Bây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận kh6”...(nt)... "Đây là các lậu hoặc".. (nt).."Dây là sự thực hành đưa đen sự diệt tận các lậu ho/c"..."Các pháp này cần được biết ."Các pháp này cần được biết toàn diên"... "Các pháp này cân được dứt b6"..."Các pháp này cân được tu táp"..."Các pháp này cân được chứng ngO"..nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi, và sự thoát ra đôi với sáu xúc xứ, đôi với năm thủ uân, đôi với bôn yêu tô chính [dát, nước, lửa, gió]. "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet” đã được nói lên, đã được phát biểu, đã được nêu ra, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khmi, Ta thuyết giảng giáo pháp với sự biết rõ, không phải với sự không biết rõ. Này các Tỳ-khưu, Ta thuyết giảng giáo pháp có nhân duyên, không phải không có nhân duyên. Này các Tỳ-khiru, Ta thuyết giảng giáo pháp có lợi ích giải thoát, không phải không có lợi ích giải thoát. Này các Tỳ-khưu, trong khi Ta đây đang thuyết giảng giáo pháp với sự biết rõ, không phải với sự không biết rõ; trong khi Ta đây đang thuyết giảng giáo pháp có nhân duyên, không phải không có nhân duyên; trong khi Ta đây đang thuyết giảng giáo pháp có lợi ích giải thoát, không phải không có lợi ích giải thoát, lời giáo huấn của Ta nên được thực hành, lời chỉ dạy của Ta nên được thực hành. Hơn nữa, này các Tỳ- khưu, đối với các ngươi là vừa đủ để vui mừng, vừa đủ để hân hoan, vừa đủ để hài lòng rằng: 'Đức Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, giáo pháp đã khéo

được tuyên thuyết, hội chúng đã thực hành tốt đẹp.5 Và hơn nữa, trong khi bài giảng này đang được nói ra, mười ngàn thế giới2 đã rung d0ng." "Sau khi hiểu biết, các pháp đã được bậc Sa-môn nói lên" là như thế. 'T TA ji Á 4. z rpl Á rrp4.JV z • w

Vì the, đức The Ton đã noi răng:
(íSự giận dữ, lời nói giả dôi và nôi nghi hoặc,
Các pháp này [sanh lên] trong khỉ cặp đôi có mặt.
Kẻ có nỗi nghi hoặc nên học tập theo đường lối của tri.
Sau khỉ hiểu biết, các pháp đã được bậc Sa-môn nói lên.
11.8. Khoải lạc và không khoái lạc có căn nguyên từ đâu? Khi cái gì không có mặt thì hai pháp này không có mặt? \ y

Vê sự hiện hữu và không hiện hữu, điêu nào lay nghĩa? Xin Ngài hãy nói cho tôi điều ấy có căn nguyên từ đâu? Khoái lạc và không khoái lạc có căn nguyên từ đâu? Là hỏi về nguồn gốc... (nt).. hỏi về nhân sanh khởi của khoái lạc và không khoái lạc: "Khoái lạc và không khoái lạc có căn nguyên từ đâu, sanh ra từ đâu, sanh khởi từ dâu, hạ sanh từ đâu, phát sanh từ đâu, xuất hiện từ đâu, có cái gì là căn nguyên, có cái gì là nhân sanh khởi, có cái gì là mầm sanh khởi, có cái gì là nguồn sanh khởi?,, là chất vấn, yêu cầu, thỉnh cầu, đặt niềm tin. "Khoái lạc và không khoái lạc có căn nguyên từ đâu?" là như thế. Khi cái gì không có mặt thì hai pháp này không có mặt? Khi cái gì không có mặt, không được tìm thấy, không c6, không tồn tại, thì khoái lạc và không khoái lạc không có mặt, không sanh ra, không sanh khởi, không hạ sanh, không phát sanh? “Khi cái gì không có mặt thì hai pháp này không có mặt?^, là như thế. về sự hiện hữu và không hiện hữu, điều nào là ý nghĩa? Sự hiện hữu của khoái lạc và không khoái lạc là việc nào? Là sự hiện hữu, sự phát khởi, sự sanh ra, sự sanh khởi, sự hạ sanh, sự phát sanh, sự xuất hiện của khoái lạc và không khoái lạc; việc này là sự hiện hữu của khoái lạc và không khoái lạc. Sự không hiện hữu của khoái lạc và không khoái lạc là việc nào? Là sự tiêu hoại, sự hoại diệt, sự tan rã, sự sụp đổ, trạng thái không thường còn, sự biến mất của khoái lạc và không khoái lạc; việc này là sự không hiện hữu của khoái lạc và không khoái lạc. Điều nào là ý nghĩa? Điều nào là ý nghĩa tuyệt đối? “về sự hiện hữu và không hiện hữu, điều nào là ý nghĩa?59 là như thế. Xin Ngài hãy nói cho tôi điều ấy có căn nguyên từ đâu?

2 Lokadhātu (thế giới) tức là cakkavāịa (vũ trụ, thái dương hệ) (NidA. II. 383). Trung tâm của vũ trụ là núi Sineru. Xung quanh núi Sineru là 7 rặng núi có tên theo thư tự là Yugandhara, Isadhara, Karavīkā, Sudassana, Nemindhara, Vinataka và Assakanna. Thuộc về vũ trụ còn co mặt trăng, mặt trời, cõi Tam Thập Tam, cõi A-tu-la, đại địa ngục Avīci, và bốn đại lục là Jambudīpa, Aparagoyana, Pubbavideha và Utoa^ru (xem ZZPPAO (ND)

Điều ấy: Là điều mà tôi hỏi, điều mà tôi yêu cầu, điều mà tôi thỉnh cầu, điều mà tôi đặt niềm tin. Xin Ngài hãy nói: Xin Ngài hãy nói ra, hãy nói về, hãy nêu ra, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ. "Xin Ngai hãy

nói cho toi điều ấy” là như the. Có căn nguyên từ đâu? Là có cái nào là căn nguyên, có cái nào là nhân sanh khởi, có cái nào là mầm sanh khởi, có cái nào là nguồn sanh khởi? "Xin Ngài hãy nói cho tôi điều ấy có căn nguyên từ dâu?” là như thế. Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng: ^Khoải lạc và không khoái lạc có căn nguyên từ đâu? Khỉ cái gì không có mặt thì hai pháp này không có mặt? về sự hiện hữu và không hiện hữu, điều nào lay nghĩa? Xỉn Ngài hãy nói cho tôi điều ấy có căn nguyên từ đâu?"

11.9. Khoải lạc và không khoái lạc có xúc là căn nguyên. Khi xúc không có mặt thi hai pháp này không có mặt. về sự hiện hữu và không hiện hữu, điều nào là ỷ nghĩa, Ta nói cho ngài điều ấy có căn nguyên từ đây. Khoái lạc và không khoái lạc có xúc là căn nguyên: Do duyên xúc tương ưng với thọ lạc, cảm thọ lạc sanh lên. Do sự diệt tận của xúc tương ưng với chính thọ lạc ấy, cảm thọ lạc nào đã sanh lên do duyên xúc tương ưng với thọ lạc đã được cảm thọ, đã được sanh lên từ xúc ấy; cảm thọ ấy được diệt tận, được yên lặng. Do duyên xúc tương ưng với thọ kho, cảm thọ kho sanh lên. Do sự diệt tận của xúc tương ưng với chính thọ kho ấy, cảm thọ kho nào đã sanh lên do duyên xúc tương ưng với thọ khổ đã được cảm thọ, đã được sanh lên từ xúc ấy; cảm thọ ấy được diệt tận, được yên lặng. Do duyên xúc tương ưng với thọ không khổ không lạc, cảm thọ không khổ không lạc sanh lên. Do sự diệt tận của xúc tương ưng với chính thọ không khổ không lạc ấy, cảm thọ không khổ không lạc nào đã sanh lên do duyên xúc tương ưng với thọ không khổ không lạc đã được cảm thọ, đã được sanh lên từ xúc ấy; cảm thọ ấy được diệt tận, được yên lặng. Khoái lạc và không khoái lạc có xúc là căn nguyên: Khoái lạc và không khoái lạc có xúc là căn nguyên, có xúc là nhân sanh khởi, có xúc là mâm sanh khởi, có xúc là nguồn sanh khởi. "Khoái lạc và không khoái lạc có xúc là căn nguyên,, là như thế. Khi xúc không có mặt thì hai pháp này không có mặt: Khi xúc không có mặt, không được tìm thấy, không có, không tồn tại, thì khoái lạc và không khoái lạc không có mặt, không phát khởi, không sanh ra, không sanh khởi, không hạ sanh, không phát sanh, không xuất hiện. "Khi xúc không có mặt thì hai pháp này không có māf, là như thế.

ĐẠI DIỄN GIẢI 225

về sự hiện hữu và không hiện hữu, điều nào là ý nghĩa: Quan điểm về hiện hữu có xúc là căn nguyên, quan điểm về không hiện hữu cũng có xúc là căn nguyên. Điều nào là ý nghĩa: Điều nào là ý nghĩa tuyệt đối. “về sự hiện hữu và không hiện hữu, điều nào là ý nghĩa99 là như thế. Ta nói cho ngài điều ấy có căn nguyên từ đây. Điều ấy: Là điều mà ngài hỏi, điều mà ngài yêu cầu, điều mà ngài thỉnh cầu, điều mà ngài đặt niềm tin. Ta nói: Ta nói về, Ta nêu ra, Ta chỉ bảo, Ta thông bao, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ. "Ta nói cho ngài điều ấy” là như thế. Có căn nguyên từ đây: Từ đây là có xúc là căn nguyên, có xúc là nhân sanh khởi, có xúc là mầm sanh khởi, có xúc là nguồn sanh khởi. "Ta nói cho ngài điều ấy có căn nguyên từ dây" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Khoái lạc và không khoái lạc có xúc là căn nguyên. Khỉ xúc không có mặt thỉ hai pháp này không có mặt. về sự hiện hữu và không hiện hữu, điều nào lay nghĩa, Ta nói cho ngài điều ấy có căn nguyên từ đây,"

11.10. Vậy xúc ở thế gian có căn nguyên từ đâu? Và các sự sở hữu được khởi sanh từ đâu? Khi cải gì không có mặt thì không có trạng thái chấp là của ta? Khi cái gì không hiện hữu thì các xúc không xúc chạm? Vây xúc ờ thê gian có căn nguyên từ đâu? Là hỏi vê nguôn góc, hỏi vê nhân... (nt)... hỏi ve nhân sanh khởi của xúc: "Xúc có căn nguyên từ đâu, sanh ra từ đâu, sanh khởi từ dâu, hạ sanh từ dâu, phát sanh từ đâu, xuất hiện từ dâu, có cái gì là căn nguyên, có cái gì là nhân sanh khởi, có cái gì là mầm sanh khởi, có cái gì là nguồn sanh khởi?,^ là chất vấn, yêu cầu, thỉnh cầu, đặt niềm tin. uVậy xúc ở thế gian có căn nguyên từ dâu?" là như thế. Và các sự sở hữu được khởi sanh từ đâu? Là hỏi vê nguôn góc, hỏi vê nhân..(nt).. hỏi về nhân sanh khởi của các sự sở hữu: "Các sự sở hữu phát khởi từ đâu, sanh ra từ đâu, sanh khởi từ đâu, hạ sanh từ đâu, phát sanh từ đâu, xuất hiện từ đâu, có cái gì là căn nguyên, có cái gì là nhân sanh khởi, có cái gì là mầm sanh khởi, có cái gì là nguồn sanh khởi?,, là chất vấn, yêu cầu, thỉnh cầu, đặt niềm tin. "Và các sự sở hữu được khởi sanh từ đâu?,, là như thế. Khi cái gì không có mặt thì không có trạng thái chấp là của ta? Khi cái gì không có mặt, không được tìm thấy, không c6, không tôn tại, thì trạng thái chấp là của ta là không có, không có mặt, không được tìm thấy, không tồn tại,

đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. "Khi cái gì không có mặt thì không có trạng thái chấp là của ta?" là như thế. Khi cái gì không hiện hữu thì các xúc không xúc chạm? Khi cái gì không hiện hữu, không có mặt, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi thì các xúc không xúc chạm. "Khi cái gì không hiện hữu thì các xúc không xúc chạm?" là như thế. Vì thế, vi [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng: ^Vậy xúc ở the gian có căn nguyên từ đâu? Và các sự sở hữu được khởi sanh từ đâu? Khi cái gì không có mặt thì không có trạng thải chấp là của ta? Khi cái gì không hiện hữu thì các xúc không xúc chạm?"

11.11. Xúc tùy thuộc vào danh và sắc. Và các sự sở hữu có ước muốn là căn nguyên. Khi ước muốn không có mặt thì không có trạng thái chấp là của ta. Khỉ sắc không hiện hữu thì các xúc không xúc chạm. XÚC tùy thuộc vào danh và săc: Tùy thuộc vào mát và các cảnh săc? nhãn thức sanh lên; sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Mắt và các cảnh sắc là thuộc về sắc, các pháp có liên quan ngoại trừ nhãn xúc là thuộc về danh; xúc tùy thuộc vào danh và sắc là như vậy. Tùy thuộc vào tai và các cảnh thinh, nhĩ thức sanh lên; sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Tai và các cảnh thinh là thuộc vê săc? các pháp có liên quan ngoại trừ nhĩ xúc là thuộc ve danh; xúc tùy thuộc vào danh và sắc còn là như vậy. Tùy thuộc vào mũi và các cảnh khí, tỷ thức sanh lên; sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Mũi và các cảnh khí là thuộc về sắc, các pháp có liên quan ngoại trừ tỷ xúc là thuộc về danh; xúc tùy thuộc vào danh và sắc còn là như vậy. Tùy thuộc vào lưỡi và các cảnh vj, thiệt thức sanh lên; sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Lưỡi và các cảnh vị là thuộc về sắc, các pháp có liên quan ngoại trừ thiệt xúc là thuộc về danh; xúc tùy thuộc vào danh và sắc còn là như vậy. Tùy thuộc vào thân và các cảnh xúc, thân thức sanh lên; sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Thân và các cảnh xúc là thuộc về sắc, các pháp có liên quan

ngoại trừ thân xúc là thuộc về danh; xúc tùy thuộc vào danh và sắc còn là như vậy. Tùy thuộc vào ý và các cảnh pháp, ý thức sanh lên; sự gặp ệỡ của ba pháp này là xúc. sắc ý vật là thuộc về sắc, các pháp có sắc là thuộc vê sắc, các pháp có liên quan ngoại trừ ý xúc là thuộc về danh; xúc tùy thuộc vào danh và sắc còn là như vậy. Và các sự sở hữu có ước muốn là căn nguyên: Ước muốn nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn cua bất thiển.

ĐẠI DIỄN GIẢI 227

Sự sở hữu: Có hai sự sở hữu: Sự sở hữu do tham ái và sự sở hữu do tà kiến. ...(nt)... điêu này là sở hữu do tham ái.... (nt)... điêu này là sở hữu do tà kiên. Và các sự sở hữu có ước muốn ỉa cẳn nguyên: Các sự sở hữu có ước muốn là căn nguyên, có ước muốn là nhân, có ước muốn là duyên, có ước muốn là lý do, có ước muốn là nguồn sanh khởi. "Và các sự sở hữu có ước muốn là căn nguyên" là như thế. Khi ước muốn không có mặt thì không có trạng thái chấp là của ta: Ước muốn nói đến tham ái, tức là sự luyến ái5 luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đăm, tham, cội nguôn của bát thiện. Trạng thái chấp là của ta: Có hai trạng thái chấp là của ta: Trạng thái chấp là của ta do tham ái và trạng thái chấp là của ta do tà kiến.... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tham ái.... (nt)... điêu này là trạng thái chấp là của ta do tà kiến. Khi ước muốn không có mặt thì kh6ng có trạng thái chấp là của ta: Khi ước muốn không có mặt, không được tìm thây, không có, không tồn tại thì trạng thái chấp là của ta là không có, không có mặt, không được tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. "Khi ước muốn không có mặt thì không có trạng thái chấp là của ta" là như thế. Khi sắc không hiện hữu thì các xúc không xúc chạm. Sác: Bôn yêu tô chính [đát, nước, lửa, gió], và săc liên quan đên bôn yêu tố chính. Khi sắc không hiện hữu: sắc không hiện hữu với bốn hình thức: Với việc không hiện hữu do đã được biết, với việc không hiện hữu do sự xét đoán, với việc không hiện hữu do sự dứt bỏ, với việc không hiện hữu do sự vượt qua. Sắc khônệ hiện hữu với việc không hiện hữu do đã được biết nghĩa là thế nào? Vị ấy biết về sắc. Vi ấy biết và thấy rằng: "Bất cứ loại sắc nào, mọi loại sác đêu là bôn yêu tô chính [đât5 nước, lửa, gió], và sác liên quan đên bôn yêu tố chính"; sắc không hiện hữu với việc không hiện hữu do đã được biết nghĩa là như vậy. Sắc không hiện hữu với việc kh6ng hiện hữu do sự xét đoán nghĩa là thế nào? Sau khi đã được biết như vậy, vị ây xét đoán vê sác. Vi ây xét đoán là vô thường, là khổ, là cơn bệnh, là mụt ghẻ, là mũi tên, là tai ương, là tật nguyền, là không sai khiến được, là biến hoại, là tai họa, là bất hạnh, là sợ hãi, là nguy cơ, là thay đổi, là mảnh mai, là không bền, là không nơi nương náu, là không nơi trú ẩn? là không nơi nương nhờ, là trốnệ rỗng, là rỗng không, là trống không, là vô ngã, là bất lợi, là có bản chất biến đoi, là không có cốt lõi, là gốc ệác của tai ương, là kẻ giết hại, là vật hư hỏng, là có sự rò rỉ, là bị tạo tác, là moi nhử của Ma vương, là có bản chất sanh ra, là có bản chất già, là có bản chất bệnh, là có

228 KINH TIÊU BÔ

bản chất chết, là có bản chất sầu-bi-khổ-ưu-não9 là có bản chất ô nhiễm, là nhân sanh khởi, là sự tiêu hoại, là sự hứng thú, là sự bất lợi, là sự thoát ra; sắc không hiện hữu với

việc không hiện hữu do sự xét đoán nghĩa là như vậy. Sắc không hiện hữu với việc không hiện hữu do sự dứt bỏ nghĩa là thế nào? Sau khi xét đoán như vậy thì vị ấy dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự mong muốn và luyến ái ở sắc. Bởi vi, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, cái gì là sự mong muốn và luyến ái ở sắc, các ngươi hãy dứt bỏ cái ấy. Như vậy sắc ấy sẽ được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai"; sắc không hiện hữu với việc không hiện hữu do sự dứt bỏ nghĩa là như vậy. Sắc không hiện hữu với việc không hiện hữu do sự vượt qua nghĩa là thế nào? Đối với người đã đạt được bốn sự chứng đạt về vô sắc thì các sắc không còn hiện hữu, không có mặt, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi; sác không hiện hữu với việc không hiện hữu do sự vượt qua nghĩa là như vậy. Sắc không hiẹn hữu với bổn lý do này. Khi sắc không hiện hữu thì các xúc không xúc chạm: Khi sắc không hiện hữu, không có mặt, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi thì năm xúc: Nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc không xúc chạm. "Khi sắc không hiện hữu thì các xúc không xúc chạm^, là như thế. Vì the, đức Thê Ton đã noi răng: "Xúc tùy thuộc vào danh và sắc, Và các sự sở hữu có ước muôn là căn nguyên. Khỉ ước muôn không có mặt thì không có trạng thái chấp là của ta. Khỉ sắc không hiện hữu thì các xúc không xúc chạm,"

11.12. Đôi với vỉ đã thành đạt thê nào thì sác không hiện hữu? Hạnh phúc hoặc luôn cả kho đau không hiện hữu như the nào? Xỉn Ngài hãy nói cho tôi điều ấy không hiện hữu ra sao, "Chúng tôi sẽ biết điều ấy ", ỷ nghĩ của tôi đã là thế ấy. Đối với vị đã thành đạt thế nào thì sắc không hiện hữu? Đối với vị đã thành đạt thế nào: Đối với vị đã thành đạt thế nào là đối với vị đã thực hành thế nào, đoi với vi đã sinh hoạt thế nào, đối với vị đã vận hành thế nào, đối với vị đã bảo hộ thế nào, đối với vị đã hộ trì thế nào, đối với vị đã bảo dưỡng thế nào thì sắc không hiện hữu, không có mặt, đã được vượt quá, đã được vượt qua hẳn, đã được vượt qua khỏi. "Đối với vị đã thành đạt thế nào thì sắc không hiện hữu?^, là như thế. Hạnh phúc hoặc luôn cả khổ đau không hiện hữu như thế nào? Hạnh phúc và kho đau không hiện hữu, không có mặt, đã được vượt quá, đã được vượt qua hẳn, đã được vượt qua khỏi như thế nào?

ĐẠI DIỄN GIẢI 229

"Hạnh phúc hoặc luôn cả khổ đau không hiện hữu như thế nào?" là như thế. Xin Ngài hãy nói cho tôi điều ấy không hiện hữu ra sao. Điều ấy: Là điều mà tôi hỏi, điều mà tôi yêu cầu, điều mà tôi thỉnh cầu, điều mà tôi đặt niềm tin. Xin Ngài hãy nói cho tôi: Xin Ngài hãy nói ra9 hãy nói về, hãy nêu ra, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ cho tôi. "Xin Ngài hãy nói cho tôi điều ấy" là như thế. Không hiện hữu ra sao: Không hiện hữu, không có mặt, đã được vượt quá, đã được vượt qua hẳn, đã được vượt qua khỏi ra sao. "Xin Ngài hãy nói cho tôi điều ấy không hiện hữu ra sao" là như thế. "ChUng tôi sẽ biết điều ấy", ý nghĩ của tôi đã là thế ấy. Chúng tôi sẽ biết điều ấy: Chúng tôi có thể biết, chúng tôi có thể hiểu biết, chúng tôi có thể nhận thức, chún^ tôi có thể thừa nhận, chúng tôi có thể thấu triệt điều ấy. "Chúng tôi sẽ biết điêu ấy" là như thế. Ý nghĩ của tôi đã là thế ấy: Ý của tôi đã là thế ấy,

tâm của tôi đã là thế ấy, tư duy của tôi đã là thế ấy, nhận thức của tôi đã là the ấy. "Chúng tôi sẽ biết điều ấy, ý nghĩ của tôi đã là thế ấy" là như thế. Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng: '"Đối với vỉ đã thành đạt thế nào thì sắc không hiện hữu? Hạnh phúc hoặc luôn cả khô đau không hiện hữu như thê nào? Xin Ngài hãy nói cho tôi điều ấy không hiện hữu ra sao, ' _ r r

Chung toi se biêt điêu áy , y nghĩ cua toi đa la me áy.

11.13. Không phải là có tưởng do tưởng, không phải là có tưởng do tưởng sai lệch, cũng không phải là không có tưởng, không phải là có tưởng không được hiện hữu; đoi với vỉ đã thành đạt như vậy thì sắc không hiện hữu, bởi vì cải gọi là vọng tưởng có tưởng là căn nguyên. Không phải là có tưởng do tưởng, không phải là có tưởng do tưởng sai lệch: Những người có tưởng do tưởng nói đến những người tru vào tưởng bình thường, vị ấy cũng không trú vào tưởng bình thường. Những người có tưởng do tưởng sai lệch nói đến những người bị điên hoặc có tâm bị rối loạn; vị ấy không phải là người bị điên, cũng không phải là người có tâm bị rối loạn. "Không phải là có tưởng do tưởng, không phải là có tưởng do tưởng sai l^ch^ là như thế. Cũng không phải là không có tưởng, không phải là có tưởng không được hiện hữu: Những người không có tưởng nói đến những vị đã đạt đến Diệt thọ tưởng định hoặc các chúng sanh cõi vô tưởng; vị ấy không phải là người đã đạt đến Diệt thọ tưởng định, cũng không phải là chúng sanh cõi vô tưởng. Những người có tưởng không được hiện hữu nói đến những vị có sự đạt đến

230 KINH TIÊU BÔ

r 9y r r , Sự chứng đạt bôn thiên vô sác; vị ây cũng không phải là người có sự đạt đên sự chứng đạt bon thiền vô sắc. "Cũng không phải là không có tưởng, không phải là có tưởng không được hiệnhữu^lànhưtìiế. Đối vói vị đã thành đạt như vây thì sắc không hiện hữu: ở đây, vi Tỳ- khưu do sự từ bỏ lạc... (nt)... đạt đên và tru Thiên thứ tư. Khi tâm được định tĩnh, thuần tịnh, tinh khiết, không bợn nho, lìa khỏi phiền não, nhu thuận, có thê sử dụng, ôn định, đã đạt đên trạng thái vững chác như thê, vị ây đem tâm, hướng dẫn tâm nhằm mục đích đạt đến sự chứng đạt Không vô biên xứ, là vị có được đạo lộ vô sác. Đối với vi đã thành đạt như vậy: Là đối với vị đã thực hành như vậy, đối với vi đã sinh hoạt như vậy, đối với vị đã vận hành như vậy? đối với vi đã bảo hộ như vậy, đối với vị đã hộ trì như vậy, đối với vị đã bảo dưỡng như vậy thì sắc không hiện hữu, không có mặt, đã được vượt quá, đã được vượt qua hẳn, đã được vượt qua khỏi. uĐối với vị đã thành đạt như vậy thì sắc không hiện hữu" là như thế. Bỏi vì cái gọi là vọng tưởng có tưởng là căn nguyên: Vọng tưởng chính là các pháp có tên gọi là vọng tưởng; tham ái có tên gọi là vọng tưởng, tà kiến có tên gọi là vọng tưởng, ngã mạn có tên gọi là vọng tưởng, có tưởng là căn nguyên, có tưởng là nhân sanh khởi, có tưởng là mầm sanh khởi, có tưởng là nguồn sanh khởi. “Bỏi vì cái gọi là vọng tưởng có tưởng là căn nguyên^ là như thế. Vì thê, đức The Ton đã noi răng: '"Không phải là có tưởng do tưởng, không phải là có tưởng do tưởng sai lệch, cũng không phải là không có tưởng, không phải là có tưởng không được hiện hữu; đoi với vi đã thành đạt như vậy thì sắc không hiện hữu, bởi vì cải gọi là vọng tưởng có tưởng là căn nguyên.

11.14. Điều mà chủng tôi đã hỏi Ngài, Ngài đã trả lời chủng tôi. Chúng tôi hỏi Ngài điều khác, Nào, xin Ngài hãy nói về điều ấy, Có phải một sổ bậc sáng suốt ở nơi đây nói rằng sự trong sạch của hàng dạ-xoa đến chừng này là cao nh*t,3 hay là họ còn nói về điều khác so với điều này? Điều mà chún^ tôi đã hỏi NgL Ngài đã trả lời chúng tôi: Điều mà chúng tôi đã hỏi, đã yêu cầu, đã thỉnh cau, đã đặt niềm tin vào Ngài. Ngài đã trả IM chúng tôi: Là [điều mà chúng tôi hỏi] đã được trả lời, đã được nêu ra, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai m&, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ. "Biều mà chúng tôi đã hỏi Ngài, Ngài đã trả lời chúng t6i" là như thế.

3 Nói về sự chứng đạt các tầng thiền vô sắc (NỉdA. n. 359).

ĐẠI DIỄN GIẢI 231

Chúng tôi hỏi Ngài điều khác. Nào, xỉn Ngài hãy nói về điều ấy: Chúng tôi hỏi Ngài điều khác là chúng toi chất vấn Ngài điều khác, chúng toi yêu cầu Ngài điều khác, chúng tôi thỉnh cầu Ngài điều khác, chúng tôi đặt niềm tin vào Ngài điều khác, chúng tôi hỏi Ngài thêm điều nữa. Nào, xin Ngài hãy nói về điều ấy: Nào, xin Ngài hãy nói, hãy nêu ra, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở5 hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ. "Chúng tôi hỏi Ngài điều khác. Nào, xin Ngài hãy nói về điều ấy" là như thế. Có phải một số bậc sáng suốt ở n(ri đây nói rằng sự trong sạch của hàn^ dạ-xoa đến chừng này là cao nhất: Một số Sa-môn và Bà-la-môn nói, thuyêt giảng, J)hát ngôn, giảng giải, diên tả răng các sự chứng đạt vê vô sác này là cao cả, nhát hạng, thù thang, dẫn đau, toi thượng, cao quý. Của hàng dạ-xoa: Là của chúng sanh, của đàn ông5 của thanh niên, của người nam, của cá nhân, của mạng sống, của người còn sanh tử, của con người, của người đi theo nghiệp, của nhân loại. Sự trong sạch: Sự trong sạch, sự thanh tinh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi. [Một số] bậc sáng suốt ờ n(ri đây: ở đây, các vị có học thuyết sáng suốt, có học thuyết vững chắc, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá trị dựa theo quan niệm của mình. "C6 phài một sô bậc sáng suôt ở nơi đây nói răng sự trong sạch của hàng dạ-xoa đen chừng này là cao nhấf5 là như the. Hay là họ còn nói về điều khác so vơi điều này: Hay là một số Sa-môn và Bà-la-môn sau khi đã vượt quá, sau khi đã vượt qua hẳn, sau khi đã vượt qua khỏi các sự chứng đạt về vô sắc này; [các vị ấy] nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả răng có sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi của hàng dạ-xoa là sự vượt trội khác so với sự chứng đạt về vô sắc này. “Hay là họ còn nói về điều khác so với điều này" là như thế. Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng: '(Điều mà chúng tôi đã hỏi Ngài, Ngài đã trả lời chúng tôi. Chủng tôi hỏi Ngài điêu khác. Nào, xin Ngài hãy nói vê điêu ây. Có phải một sô bậc sáng suôt ở nơi đây nói rang sự trong sạch của hàng dạ-xoa đen chừng này là cao nhất, hay là họ còn nói ve điều khác so với điều này?"

11.15. Một sô bậc sáng suôt ở nơi đây nói răng sự trong sạch của hàng dạ-xoa chỉ đen chừng này là cao nhất. Trái lại, một so trong so đó nói về sự tịch diệt (đoạn kiến), trong khi tuyên bổ là thiện xảo về trạng thái không còn dư sót. Một số bậc sáng suốt ờ nơi đây nói rằng sự trong sạch của hàng dạ-xoa

chỉ đến chừng này là cao nhất: Có một số Sa-môn và Bà-la-môn theo học thuyêt vê thường kiên nói, thuyêt giảng, phát ngôn, giảng giải, diên tả răng các sự chứng đạt về vô sắc này là cao cả, nhát hạng, thù thăng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý. Của hàng dạ-xoa: Của chúng sanh, của đàn ông, của thanh niên, của người nam, của cá nhân, của mạng sống, của người còn sanh tử, của con người, của người đi theo nghiệp, của nhân loại. Sự trong sạch: Sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi. [Một số] bậc sáng suốt ờ nơi đây: ở đây, các vị có học thuyết sáng suốt, có học thuyết vững chắc, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá trị dựa theo quan niệm của mình. < r \ "Một sô bậc sáng suôt ở nơi đây nói răng sự trong sạch của hàng dạ-xoa chỉ đến chừng này là cao nhất" là như thế. Trái lại, một số trong số đó nói về sự tịch diệt (đoạn kiến), trong khi tuyên bố là thiện xảo về trạng thái không còn dư sót: Ngay trong số các Sa- môn và Bà-la-môn ấy, một số Sa-môn và Bà-la-môn theo học thuyết về đoạn kiến, khiếp sợ sự hiện hữu, thích thú sự không hiện hữu. Các vi ấy nói về sự an tịnh, sự yên tịnh, sự vang lặng, sự tịch diệt, sự tịch tinh của chúng sanh rằng: “Thua ngài, nghe nói khi nào bản thân này, do sự hoại rã của thân thể, bị hủy hoại, bị tiêu hoại, không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; cho đến chừng ấy là trạng thái không còn dư s6t.” Trong khỉ tuyên bố là thiện xảo: Là có học thuyết thiện xảo, có học thuyết sáng suốt, có học thuyết vững chắc, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá tri dựa theo quan niệm của mình. í6Trái lại, một sô trong sô đó nói vê sự tịch diệt (đoạn kiên), trong khi tuyên bố là thiện xảo về trạng thái không còn dư s6t" la như thế. X TA ii À -X <___ FT1*| y A rT^ A' - _ Vì the, đức The Ton đã noi răng: r \ "Một sô bậc sảng suôt ở nơi đây nói răng sự trong sạch của chúng sanh chỉ đến chừng này là cao nhất. Trải lại, môt số trong sổ đó nói về sự tịch diệt (đoạn kiến), trong khi tuyên bo là thiện xảo ve trạng thái không còn dư sót."

11.16. Và sau khỉ nhận biết những người này là những kẻ nương tựa,4 Sau khỉ nhận biết, bậc Hiền trí ấy có sự cân nhắc ve các sự nương tựa, Sau khỉ nhận biết, bậc đã được giải thoát không đi đến tranh cãi, Bậc sáng tri không đi đen tải sanh ở hữu và phi hữu. Và sau khi nhận biết những người này là những kẻ nương tựa.

4 Những người này nương tựa vào thường kiến hoặc đoạn kiến (NidA. II. 359).

Những người này: Những người theo tà kiến. Những kẻ nương tựa: Sau khi nhận biết là "những kẻ nương theo thường kiến", sau khi nhận biết là "những kẻ nương theo đoạn kiến", sau khi nhận biết là “những kẻ nương theo thường và đoạn kiến", sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh đinh, sau khi làm rõ rệt. “va sau khi nhận biết những người này là những kẻ nương tựa" là như thế. Sau khi nhận biết, bậc Hiền trí ấy có sự cân nhắc về các sự nương tựa. • • •/ • • Oe

Bậc Hiên trí: Bản thê hiên trí nói đên trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyên luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiên], vị ây là Hiên trí. Bậc Hiên trí sau khi nhận biết là "những kẻ nương theo thương ki&n", sau khi nhận biết là "những kẻ nương theo đoạn kiến", sau khi nhận biêt là "những kẻ nương theo thường và đoạn kiến5\ sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt. Vi ấy có sự cân nhắc: Là vị sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh. “Sau khi nhận biêt, bậc Hiên trí ây có sự cân nhác vê các sự nương tựa" là như thế. Sau khi nhận biết, bậc đã được giải thoát không đi đến tranh cãi: Sau khi nhận biết là sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt. Đã được giải thoát: Là đã được thoát khỏi, đã được giải thoát, đã khéo được giải thoát, đã được giải thoát hoàn toàn với sự giải thoát tuyệt đối không còn chấp thủ. Sau khi nhận biết, sau khi biết được, sau khi cân nhác, sau khi xác đinh, sau khi minh đinh, sau khi làm rõ rệt rang: "Tất cả các hành là vô thương”, thì đã được thoát khỏi, đã được giải thoát, đã khéo được giải thoát, đã được giải thoát hoàn toàn với sự giải thoát tuyệt đối không còn chấp thủ. Sau khi nhận biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác đinh, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là khổ9\..(nt).. "Tất cả các pháp là vô ng*',...(nt).."Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệf\ thì đã được thoát khỏi, đã được giải thoát, đã khéo được giải thoát, đã được giải thoát hoàn toàn với sự giải thoát tuyệt đối không còn chấp thủ. "Sau khi nhận biết, bậc đã được giải thoát” là như thế. Không đi đến tranh cãi: Không gây ra sự cãi cọ, không gây ra sự cãi lộn, không gây ra sự cãi vã, không gây ra sự tranh cãi, không gây ra sự gây gổ. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này Aggivessana, với tâm đã được giải thoát như vậy, vị Tỳ-khưu không nói hùa theo bất cứ ai, không tranh cãi với bất cứ ai, sử dụng ngôn từ được thông dụng ở thế gian và không bám víu [vào ngôn từ ấy]. "Sau khi nhận biết, bậc đã được giải thoát không đi đến tranh ci" là như thế. Bậc sáng trí không đi đến tái sanh ờ hữu và phi hữu.

ở hữu và phi hữu: Ổ dục giới, sắc giới, vô sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp, ở sự hiện hữu lần nữa; ở sự hiện hữu của nghiệp là dục giới, ở sự hiện hữu lần nữa là dục giới, ở sự hiện hữu của nghiệp là sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp là vô sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là vô sắc giới; ở sự hiện hữu được lặp đi lặp lại, ở cảnh giới tái sanh được lặp đi lặp lại, ở sự tiếp nối tái sanh được lặp đi lặp lại, ở sự tái sanh của bản ngã được lặp đi lặp lại; không đi đến tái sanh, không đi đến gặp gỡ, không nắm lấy, không bám víu, không chập chặt. Bậc sáng trí: Bậc sáng trí là vị sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ? có sự thông minh. uBậc sáng trí không đi đến tái sanh ở hữu và phi hữu" là như thế. Vì thê, đức Thê Tôn đã noi răng: "'Và sau khi nhận biết những người này là những kẻ nương tựa, Sau khi nhận biêt, bậc Hiên trí ây có sự cân nhác vê các sự nương tựa, Sau khỉ nhận biết, bậc đã được giải thoát không đi đen tranh cãi, Bậc sáng trí không đi đên tái sanh ở hữu và phi hữu." 6‘Diễn giải kỉnh cãi cọ và tranh ci" được đầy đủ . Phần thứ mười một

12. DIỄN GIẢI KINH SựDÀN TRẬN NHỎ (CŪLAVIYŪHASUTTANIDDESO)

Giờ phần "Diễn giải kinh sự dàn trận nh6" được nói đến: 12.1. Trong khi sông theo quan diêm riêng của từng cá nhân, nhiêu vi [tự xưng là] thiện xảo, giữ khư khư [quan điểm của mình], rồi nói khác nhau [răng]: Người nào nhận biêt như vâyt người ây đã hiếu biêt pháp. Kẻ khỉnh miệt điều này, kẻ ấy là không toàn hảo. Trong khỉ sống theo quan điểm riêng của từng cá nhân: Có một số Sa- môn và Bà-la-môn là những người theo tà kiên. Họ châp nhận, tiêp thu, năm lấy, bám víu, chấp chặt tà kiến này khác trong số sáu mươi hai tà kiến, rồi trú, cộng trú, cư trú, lưu trú theo tà kiên của riêng mình. Giông như những người tại gia tru trong các ngôi nhà, những người có tội lỗi trú trong các tội lỗi, những người có ô nhiễm trú trong các ô nhiễm; tương tự như vậy, có một số Sa-môn và Bà-la-môn là những người theo tà kiến. Họ chấp nhận, tiếp thu, nắm lấy, bám víu, chấp chặt tà kiến này khác trong số sáu mươi hai tà kiến, rồi trú, cộng trú, cư trú, lưu trú theo tà kiến của riêng mình. “Trong khi sông theo quan diêm riêng của từng cá nhân" là như thê. Nhiều vi [tự xưng là] thiện xảo, giữ khư khư [quan điểm của mình], rồi nói khác nhau. Giữ khư khư [quan điểm của mình]: Sau khi chấp nhận, sau khi tiếp thu, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt [quan điểm của mình], rồi nói khác nhau, nói khác biệt, nói cách này cách khác, nói một cách riêng biệt, nói, thuyêt giảng, phát ngôn, giảng giải, diên tả không đông nhát. Thiện xảo: Là có học thuyết thiện xảo, có học thuyết sáng suốt, có học thuyết vững chắc, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyêt rõ rệt, có học thuyêt gương mâu, có học thuyêt giá trị dựa theo quan niệm của mình. "Nhiêu vi [tự xưng là] thiện xảo, giữ khư khư [quan diêm của mình], roi nói khác nhau” là như thế. Người nào nhận biết như vầy, người ấy đã hiểu biết pháp: Người nào nhận biết pháp, quan điểm, cách thực hành, đạo lộ này, người ấy đã hiểu biết, đã thông hiểu, đã nhìn thấy, đã thấu triệt pháp. "Người nào nhận biết như vầy, người ấy đã hiểu biết pháp” là như thế.

Kẻ khinh miệt điều này, kẻ ấy là không toàn hảo: Kẻ nào khinh miệt pháp, quan diêm, cách thực hành, đạo lộ này, kẻ ây là không toàn hảo, không đây đủ, không tròn đủ9 là thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi te, nhỏ nhoi. "Kẻ khinh miệt điều này, kẻ ấy là không toàn hảo,, là như thế. Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng: “Trong khi song theo quan điếm riêng của từng cả nhân, nhiều vị [tự xưng là] thiện xảo, giữ khư khư [quan điếm của mình], rồi nói khác nhau [rang]: Người nào nhận biêt như vây, người ây đã hiêu biêt pháp. Kẻ khỉnh miệt điêu này, kẻ ấy là không toàn hẻio 9

12.2. Sau khi giữ khư khư [quan diêm của mình] như vậy, chủng tranh cãi, và đã nói rằng: Người khác là ngu si, không thiện xảo. " Vậy thì lời nói nào trong số này là chân lý, bởi vì tất cả những người này đều tuyên bổ [họ] là hiện xảo? Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, chúng tranh cãi: Sau khi chấp nhận, sau khi tiếp thu, sau khi nắm lấy5 sau khi bám víu, sau khi chấp chặt [quan điểm của mình] như vậy, chúng tranh cãi, chúng gây ra sự cãi cọ, gây ra sự cãi lộn, gây ra sự cãi vã, gây ra sự tranh cãi, gây ra sự gây gổ rằng: "Ngươi không biết Pháp và Luật này... (nt)... hoặc

ngươi hãy gỡ roi nếu ngươi có khả năng.,, “Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, chúng tranh ci" là như thế. Và đã nói rằng: “Ngirời khác là ngu si, không thiện xảo/9 "Người khác là ngu si, thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi, không thiện xảo, không có sự hiểu biết, không đạt đen kiến thức, không có trí, không có sự rành rẽ, có tuệ t8i", chúng đã nói như vậy, thuyết giảng như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy. “Và đã nói rằng: Người khác là ngu si, không thiện X*O” là như thế. Vậy thì lời nói nào trong số này là chân lý: Lời nói nào trong số các Sa- môn và Bà-la-môn này là chân lý, là đúng đắn, là thực thể, là đang xảy ra, là xác đáng, là không bị sai lệch. "Vậy thì lời nói nào trong số này là chân ly” là như thế. Bởi vì tất cả những người này đều tuyên bố [họ] là thiện xảo: Tất cả những Sa-môn và Bà-la-môn này đều là có học thuyết thiện xảo, có học thuyết sáng suôt, có học thuyêt vững chác, có học thuyêt đúng đan, có học thuyêt thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá trị dựa theo quan niệm của mình. "Bởi vì tất cả những người này đều tuyên bố [họ] là thiện x*o" là như thế. 'l T\ Ã 4- r _ Ạ FT^ y X/%/ _ r • Vì the, đức The Ton đã noi răng:

ĐẠI DIỄN GIẢI 237

"Scm khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, chủng tranh cãi, và đã nói rang: 'Người khác là ngu sif không thiện xảo.' Vậy thì lời nói nào trong sổ này là chân lýf bởi vì tất cả những người này đều tuyên bố [họ] là thiện xảo?"

12.3. Nếu kẻ không thừa nhận pháp của người khác, [Cho rằng người khác] là ngu si, là loài thú, là có tuệ thấp kém, Thì tát cả quả là những kẻ ngu sif có tuệ vô cùng tháp kém, Tất cả những người này quả đang song theo quan điếm [của mình]. Nếu kẻ không thừa nhận pháp của người khác: Trong khi không chấp thuận, trong khi không nhìn nhận, trong khi không tùy thuận, trong khi không thừa nhận, trong khi không tày hỷ pháp, quan điểm, cách thực hành, đạo lộ của người khác. "Nếu kẻ không thừa nhận pháp của người khác" là như thế. [Cho rằng^ người khác] là ngu si? là loài thu, là có tuệ thấp kém: Người khác là ngu si, thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi, có tuệ thấp hèn, có tuệ hèn kém, có tuệ thấp kém, có tuệ thấp thỏi, có tuệ tồi tệ, có tuệ nhỏ nhoi. “[Cho rằng người khác] là ngu si, là loài thú, là có tuệ thấp kém,, là như thế. Thì tất cả quả là những kẻ ngu si, có tuệ vô cùng thấp kém: Tất cả những Sa-môn và Bà-la-môn này quả là ngu si, thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi te, nhỏ nhoi, tất cả quả là có tuệ thấp hèn, có tuệ hèn kém, có tuệ thấp kém, có tuệ thấp thỏi, có tuệ tồi te, có tuệ nhỏ nhoi. "Thi tất cả quả là những kẻ ngu si, có tuệ vô cùng thấp kém,, là như thế. Tất cả những người này quả đang sống theo quan điểm [của mình]: Tất cả những Sa-môn và Bà-la-môn này quả là những người theo tà kiến. Chúng chập nhận, tiêp thu, năm lây, bám víu, chập chặt tà kiên này khác trong sô sáu mươi hai tà kiến, rồi trú, cộng trú, cư trú, lưu trú theo tà kiến của riêng mình. Giống như những người tại gia trú trong các ngôi nhà, những người có tội lỗi trú trong các tội lỗi, những người có ô nhiễm trú trong các ô nhiễm, tương tự như vậy, tất cả những Sa-môn và Bà-la-môn này quả là những người theo tà kiến. ... (nt)... rồi tru, cộng trú, cư trú, lưu tru theo tà kiến của riêng mình. "Tất cả những người này quả đang sống theo quan điểm [của

mình]59 là như thế. Vì the, đức The Tôn đã noi răng:

1 Theo cấu trúc văn phạm của 2 dộng kệ đầu: "Kẻ không thừa nhận pháp của người khác” và các từ "ngu si", “loài thú", "c6 tuệ thấp kém" đều là chủ cách, số ít, nên “kẻ không thừa nhận pháp của người khác" quả 4tlà kẻ ngu, là loài thú, là có tuệ tháp kém.^, Tuy nhiên, lời giải thích ở trên có phan khác biệt; vì để phù hợp với lời giải thích ấy mà cụm từ ở trong ngoặc vuông [cho rằng người khác] đã được thêm vào. (ND)

L

“Nêu kẻ không thừa nhận pháp của người khác,
[Cho rằng người khác] là ngu si, là loài thủ, là có tuệ thấp kémf
Thì tất cả quả là những kẻ ngu si, có tuệ vô cùng thấp kém,
Tất cả những người này quả đang sống theo quan điểm [của minh]."

12.4. Và nếu do quan điểm của mình, những kẻ không trong trắng Trở nên có tuệ thanh khiết, thiện xảo, có sự nhận thức, Thì không ai trong số họ là có tuệ hoàn toàn thấp kém, Bởi vì quan điểm của họ đã được thâu nhận cũng là như the ấy. Và nếu do quan điểm của mình, những kẻ không trong trắng: Do quan điểm của mình, do sự chấp nhận của mình, do sự ưa thích của mình, do quan niệm của mình, những kẻ không là người trong trắng, là người không trong trang, không thuần khiết, có ô nhiễm. “Và nếu do quan điểm của mình, những kẻ không trong tiing” là như thế. Trở nên có tuệ thanh khiết, thiện xảo, có sự nhận thức. Có tuệ thanh khiết: Là có tuệ trong sạch, có tuệ hoàn toàn trong sạch, có tuệ trong trắng, có tuệ thuần khiết. Hoặc là, có sự thấy trong sạch, có sự thấy thanh tịnh, có sự thấy hoàn toàn trong sạch, có sự thấy trong trắng, có sự thấy thuần Idiiết. "Cố tuệ thanh khiết” là như thế. Thiện xảo: Thiện xảo là sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh. "Trò nên có tuệ thanh khiết, thiện xảo” là như thế. Có sự nhận thức: Có sự nhận thức là sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh. uTrở nên có tuệ thanh khiết, thiện xảo, có sự nhận thức" là như thế. Thì không ai trong số họ là có tuệ hoàn toàn thấp kém: Không có ai trong số các Sa-môn và Bà-la-môn ấy là có tuệ thấp hèn, có tuệ hèn kém, có tuệ tìiấp kém, có tuệ thấp thỏi, có tuệ tồi tệ, có tuệ nhỏ nhoi; toàn bộ tất cả [các vị ấy] đều có tuệ nhất hạng, có tuệ thù thắng, có tuệ dẫn dầu, có tuệ tối thượng, có tuệ cao quý. "Thi không ai trong số họ là có tuệ hoàn toàn thấp kém,9 là như thế. Bởi vì quan điểm của họ đã được thâu nhận cũng là như thế ấy: Quan điểm của các Sa-môn và Bà-la-môn ấy là được thâu nhận, được thọ trì, được nắm lấy, được bám víu, được chấp chặt, được bám chặt, được hướng đến là như thế ấy. “Bởi vì quan điểm của họ đã được thâu nhận cũng là như thế ấy" là như thế. Vì the, đức The Tôn đã noi răng: “Và nêu do quan diêm của mình, những kẻ không trong trăng Trở nên có tuệ thanh khiết, thiện xảo, có sự nhận thức, Thỉ không ai trong số họ là có tuệ hoàn toàn thấp kém, Bởi vì quan điểm của họ đã được thâu nhận cũng là như thế ấy,"

12.5. Nhưng Ta không nói rằng: í(Điều ấy là bản thể thật9\ Là điêu mà các kẻ ngu đã nói đôi chọi lân nhau. Chủng đã tạo lập quan điểm riêng của từng cá nhân là chân ly; Chính vì điều ấy, chúng xem người khác là "kẻ ngu si." Nhưng Ta không nói rằng: wĐiều ấy là bản thể thật.95 Không: Là sự phủ định. Điều ấy: Là sáu mươi hai tà kiến. Không có việc Ta nói, Ta nêu ra5 Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn đinh, Ta khai mở, Ta chia sẻ? Ta làm rõ? Ta bày tỏ rằng: "Điều ấy là đúng đắn, là thực thể, là đang xảy ra, là xác đáng, là không bị sai iech." "Nhưng Ta không nói rằng: Điều ấy là bản thể thát" là như thế. Là điều mà các kẻ ngu đã nói đối chọi lẫn nhau. Đối chọi: Là hai người, hai người gây nên sự cãi cọ, hai người gây nên sự cãi lộn, hai người gây nên cuộc nói chuyện nhảm nhí, hai người gây nên sự tranh cãi, hai người gây nên sự tranh tụng, hai người tranh luận, hai người chuyện trò. Chúng đã nói như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy [đoi chọi] lẫn nhau là ngu si, là thấp hèn, là hèn kém, là thấp kém, là thấp thỏi, là tồi tệ5 là nhỏ nhoi. "Là điều mà các kẻ ngu đã nói đối chọi lẫn nhau" là như thế. Chúng đã tạo lập quan điểm riêng của từng cá nhân là chân lý: Chúng đã tạo lập quan điểm riêng của từng cá nhân là chân lý rằng: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại";.. (nt).."Thế giới là không thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là ro dại";..(nt)... "Chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại." "Chúng đã tạo lập quan điểm riêng của từng cá nhân là chân ly" là như thế. Chính vì điều ấy, chúng xem người khác là wkẻ ngu si." Vì điều ấy: Vì điều ấy là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, chúng đánh giá, nhìn thấy, nhận thấy, quan sát, suy xét, khảo sát người khác là ngu si, là thấp hèn, là hèn kém, là thấp kém, là thấp thỏi, là tồi tệ, là nhỏ nhoi. "Chính vì điều ấy5 chúng xem người khác là 'kẻ ngu si'" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Nhưng Ta không nói rằng: 'Điều ấy là bản thể thật", Là điều mà các kẻ ngu đã nói đối chọi lẫn nhau. Chủng đã tạo lập quan diêm riêng của từng cá nhân là chân ly; Chỉnh vì điều ấy, chúng xem người khác là 'kẻ ngu si'"

\ r ?

12.6. Diêu mà một sô kẻ đã nói: ífLà chân ỉ'ỷ, là bản thê thQt", Những kẻ khác đã nói điều ấy: "Ld rong không, là sai trái " Sau khỉ giữ khư khư [quan điếm của mình] như vậy, họ tranh cãi. Vĩ sao các vị Sa-môn nói không đong nhất? Điều mà một số kẻ đã nói: í4Là chân lý, là bản thể thật95: Giáo pháp, quan điểm, cách thực hành, đạo lộ nào mà một so Sa-môn và Bà-la-môn đã nói như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy [rằng]: "Diều này là đúng đắn, là thực thể, là đang xảy ra5 là xác đáng, là khòng bị sai lệch.^, "Diều mà một số kẻ đã nói: 'Là chân lý, là bản thể thát'" là như thế. Những kẻ khác đã nói điều ấy: uLà rỗng không, là sai tráp Một số Sa-môn và Bà-la-môn đã nói như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy về giáo pháp, quan điểm, cách thực hành, đạo lộ ấy rang: "Diều ấy là rỗng không, điều ấy là sai trái, điều ấy là không xảy ra, điều ấy là không thật, điều ấy là khòng xác đáng.99 "Những kẻ khác đã nói điều ấy: 'Là rỗng không, là sai trái'" là như

thế. Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, họ tranh cãi: Sau khi chấp nhận, sau khi tiếp thu, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt [quan điểm của mình] như vậy, họ tranh cãi, họ gây ra sự cãi cọ5 gây ra sự cãi lộn, gây ra sự cãi vã, gây ra sự tranh cãi, gây ra sự gây gổ rằng: "Ngươi không biết Pháp và Luật này... (nt)... hoặc ngươi hãy gỡ rối nếu ngươi có khả năng?5 "Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, họ tranh cãf, là như thế. Vì sao các vi Sa-môn nói không đồng nhất? Vì sao: Là vì điều gi, bởi lý do gì, bởi nhân gì, bởi duyên gì, bởi căn nguyên gì, bởi nhân sanh khởi gì, bởi mầm sanh khởi gi, bởi nguồn sanh khởi gi, họ nói không đong nhất, nói khác nhau, nói khác biệt, nói cách này cách khác, họ nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả một cách riêng biệt. "Vi sao các vị Sa-môn nói không đồng nhất?" là như thế. Vì thế, vi [Phật] do thần thông biển hóa ra đã hỏi rằng: "Điều mà một số kẻ đã nỏi: 'Là chân ỉý, là bản thể thật \ Những kẻ khác đã nói điều ẩy: 'Là rỗng không, là sai trải.' Sau khỉ giữ khư khư [quan điểm của mình] như vây, họ tranh cãi. y ỉ Vì sao các vị Sa-môn nói không đông nhát?"

12.7. Bởi vì chân lỷ chỉ có một, không có cái thứ hai, Trong khi nhận biết ve điều ấyf loài người sẽ không tranh cãi. Chủng tự mình ke le ve các sự thật khác nhau; Vì thế, các vỉ Sa-môn nói không đồng nhất, Bởi vì chân lý chỉ có một, không có cái thứ hai: Một chân lý nói đến sự

diệt khổ, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Hoặc là, một chân lý nói đến chân lý về đạo lộ, chân lý về lối dẫn dắt ra khỏi, sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần tức là: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. "Bởi vì chân lý chỉ có một, không có cái thứ hai" là như thế. Trong khỉ nhận biết về điều ấy, loài người sẽ không tranh cãi. Ve điêu áy: Ve chan ly áy- Loài người: Là tên gọi cho chúng sanh. Trong khi nhận biêt: Trong khi nhận biêt, trong khi nhận thức, trong khi thừa nhận, trong khi thâu triệt chân lý ây, chúng sẽ không gây ra sự cãi cọ, sẽ không gây ra sự cãi lộn, sẽ không gây ra sự cãi vã5 sẽ không gây ra sự tranh cãi, sẽ không gay ra sự gay go, chung sẽ dứt bo, sẽ xua đi, sẽ lam cham dứt, sẽ làm cho không còn hiện hữu sự cãi cọ, sự cãi lộn, sự cãi vã, sự tranh cãi, sự gây gổ. "Trong khi nhận biết về điều ấy, loài người sẽ không tranh câd" là như thế. Chúng tự mình kể lể về các chân lý khác nhau: Chúng tự mình kể lể, nói, thuyêt giảng, phát ngôn, giảng giải, diên tả vê các chân lý khác nhau. Chúng tự mình kể lể, nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả về các chân lý khác nhau rằng: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rô dại." Chúng tự mình kê lê5 nói, thuyêt giảng, phát ngôn, giảng giải, diên tả về các chân lý khác nhau rằng: "Thế giới là không thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý5 điều khác là rồ dại.,, "Chúng tự mình kể lể về các chân lý khác nhau" là như thế. Vì thế, các vi Sa-môn nói không đồng nhất Vì thế: Là do điều ấy, bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, chúng nói không đong nhất, nói khác nhau, nói khác biệt,

nói cách này cách khác, chúng nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả một cách riêng biệt. “Vi thế, các vị Sa-môn nói không đồng nhất” là như thế. X Ty_ _ r JL r J1 _ Ạ A ỉ fTi L \ —N _ M 5

Vì the, đức The Ton đã noi rang:
"Bởi vì chân ly chỉ có một, không có cải thứ nhĩ,
Trong khi nhận biêt vê điêu âyf loài người sẽ không tranh cãi.
Chúng tự mình ke lẹ ve các chân lỷ khác nhau;
Vĩ thếf các vỉ Sa-môn nói không đong nhất."
242 KINH TIÊU Bộ

12.8. Nhưng vì sao họ, những nhà biện luận tuyên bổ [mình] là thiện xảo, lại nói về các chân lý khác nhau? Phải chăng các chân ly đã được nghe là có nhiều và khác nhau? Hay là các vị ấy theo đuổi sự suy tư [của riêng mình]? Nhưng vì sao họ lại nói về các chân lý khác nhau? Vì sao: Là vì điều gì, bởi lý do gì9 bởi nhân gì, bởi duyên gì, bởi căn nguyên gì, họ nói khác nhau về các chân lý, họ nói về các loại khác biệt, họ nói cách này cách khác, họ nói? thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả nhiều cách riêng biệt. "Nhưng vì sao họ lại nói về các chân lý khác nhau?" là như thế. Những nhà biện luận tuyên bố [mình] là thiện xảo. Tuyên bố: "Họ phát biểu dứt khoát" cũng là tuyên bố. Hoặc là, họ phát biểu, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả quan điểm riêng của từng cá nhân. Họ phát biểu, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả rằng: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại.” Họ phát biểu, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả rằng: "Thế giới là không thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại.,, Những nhà biện luận thiện xảo: Là những người có học thuyết thiện xảo, r r r r : r , CÓ học thuyêt sáng suôt, có học thuyêt vững chác, có học thuyêt đúng đan, có học thuyết thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá trị dựa theo quan niệm của mình. "Những nhà biện luận tuyên bố [mình] là thiện xảo” là như thế. Phải chăng các chân lý đã được nghe là có nhiều và khác nhau? Phải chăng các chân lý đã được nghe là có nhiều, khác nhau, nhiều loại khác biệt, các loại này loại khác, nhiều loại riêng biệt? 'Thải chăng các chân lý đã được nghe là có nhiều và khác nhau?,, là như thế. Hay là các vị ấy theo đuổi sự suy tư [của riêng mình]? Hay là họ bị đưa di, bị dẫn đi, bị lôi đi, bị mang đi bởi sự suy tư, bởi sự suy tầm, bởi sự tư duy. "Hay là các vị ấy theo đuổi sự suy tư [của riêng mình]?,, là như vậy. Hoặc là, họ nói, họ thuyết giảng, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả về điều đã thu thập được do sự suy tư, về điều đã đeo đuổi với sự thẩm xét, về điều phát hiện của bản thân. "Hay là các vị ây theo đuôi sự suy tư [của riêng mình]?^, còn là như vậy. Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng: “Nhưng vì sao họf những nhà biện luận tuyên bổ [mình] là thiện xảo, lại nói vê các chân ly khác nhau? Phải chăng các chân ly đã được nghe là có nhiêu và khác nhau? Hay là các vi ấy theo đuôi sự suy tư [của riêng mình]?"

ĐẠI DIỄN GIẢI 243

12.9. Đương nhiên là không có nhiêu chân ly khác nhau và thường còn ở thê gian, ngoại trừ [các chân ly] do tưởng [tạo ra]. Và sau khỉ xếp đặt sự suy tư ve các quan điểm [do chúng tạo ra]f chúng đã nói ve hai pháp là: Đủng và sau Đương nhiên là không có nhiều chân lý khác nhau: Đương nhiên là không có các chân lý nhiều loại, khác nhau, nhiều loại khác biệt, các loại này loại khác, nhiều loại riêng biệt. "Đương nhiên là không có nhiều chân lý khác nhau" là như thế. Và thường còn ờ thế gian, ngoại trừ [các chân lý] do tưởng [tạo ra]: Ngoại trừ việc nắm bắt thường xuyên do tưởng, chỉ có một chân lý ở thế gian được thuyết giảng, được phát ngôn, được giảng giải, được diễn tả là sự diệt kho, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Hoặc là, một chân lỵ nói đến chân lỵ về đạo lộ, chân lý về lối dẫn dắt ra khỏi, sự thực hành đưa đen sự diệt tận khổ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần tức là: Chánh kiến,... (nt)... chánh định. "Và thường còn ở thế gian, ngoại trừ [các chân lý] do tưởng [tạo ra]" là như thế. Và sau khi xếp đặt sự suy tư về các quan điểm [do chúng tạo ra], chúng đã nói về hai pháp là: Đúng và sai: Sau khi suy tư, sau khi suy tầm, sau khi tư duy về sự suy tư, về sự suy tầm, về sự tư duy, chúng làm sanh ra, làm sanh khởi, làm hạ sanh, làm phát sanh các quan điểm; sau khi làm sanh ra, sau khi làm sanh khởi, sau khi làm hạ sanh, sau khi làm phát sanh các quan điểm, [rồi cho rằng:] “Cha tôi là đúng, của anh là sai”, chúng đã nói như vậy, thuyết giảng như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy. “Và sau khi xép đặt sự suy tư vê các quan diêm [do chúng tạo ra], chúng đã nói về hai pháp là: Đúng và sai" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: '"Đương nhiên là không có nhiều chân ly khác nhau và thường còn ở the gian, ngoại trừ [các chân lý] do tưởng [tạo ra]. Và sau khỉ xếp đặt sự suy tư ve các quan điểm [do chủng tạo ra]f chủng đã nói ve hai pháp là: Đúng và sai.

12.10. Liên quan đên điêu đã được thây, đên điêu đã được nghe, đên giới và phạn sự, hoặc đen điều đã được cảm giác, sau khi nương tựa vào những điều này, roi có sự coi khinh [người khác], sau khi ỷ vào các sự phản đoán, trong lúc hớn hở [kẻ áy] đã nói rang: ^Ngườỉ khác là ngu si, là không thiện xảo." Liên quan đến điều đã được thấy, đến điều đã được nghe, đến giói và phận sự, hoặc đến điều đã được cảm giác, sau khi nương tựa vào những điều này, rồi có sự coi khinh [người khác]: Sau khi nương tựa, sau khi dựa

r 1 Ắ r r 1 r vào, sau khi năm lây, sau khi bám víu, sau khi châp chặt vào điêu đã được thây hoặc sự trong sạch do điều đã được thấy, vào điều đã được nghe hoặc sự trong sạch do điều đã được nghe, vào giới hoặc sự trong sạch do giới, vào phận sự hoặc sự trong sạch do phận sự, vào điều đã được cảm giác hoặc sự trong sạch do điều đã được cảm giác. "Liên quan đên điêu đã được thây, đến điều đã được nghe, đến giới và phận sự, hoặc đen điều đã được cảm giAc” là như thế. Sau khi nương tựa vào những điều này, rồi có sự coi khinh [người khác]: "Kẻ không kính nể" là có sự coi khinh. Hoặc là, "kẻ làm sanh ra sự ưu phin" cũng có sự coi khinh. . r 5 r r -r • x 4 -í ĩ a "Liên quan đên điêu đã được thây, đên điêu đã được nghe, đên giới và phận sự, hoặc đên điều đã được

cảm giác, sau khi nương tựa vào những điêu này, rồi có sự coi khinh [người khác],, là như thế. Sau khi ỷ vào các sự phán đoán, trong lúc hớn hở: Các sự phán đoán nói đên sáu mươi hai quan điểm sai trái. Sau khi ỷ vào, sau khi thiêt lập, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt vào sự phán đoán theo quan điểm sai trái, vào quan điểm sai trái của sự phán đoán. "Sau khi ỷ vào các sự phán đoán,9 lànhưthế. Trong lúc hớn hở: Là trở nên vui sướng, vui vẻ, thích thú, hoan hỷ5 có tâm tư được trọn vẹn. Hoặc là, nhe răng trong lúc [cười] hớn hở. "Sau khi ỷ vào các sự phán đoán, trong lúc hớn hb" là như thế. [Kẻ ấy] đã nói rằng: ốíNgười khác là ngu si? là không thiện xảo": "Người khác là ngu si, thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi, không thiện xảo, không có sự hiểu biết, không đạt đến kiến thức, không có trí, không có sự rành rẽ, không có sự thông minh, có tuệ tồf\ [kẻ ấy] đã nói như vậy, thuyết giảng như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy. “[Kẻ ấy] đã nói rằng: 'Người khác là ngu si? là không thiện xảo9,9 là như thế. yTA ji Á r rr-s-l Á r-p z w Vì thê, đức The Tôn đã noi răng: "Liên quan đến điều đã được thấy, đến điều đã được nghe, đến giới và phận sự, hoặc đen điều đã được cảm giác, sau khỉ nương tựa vào những điều này, roi có sự coi khỉnh [người khác], sau khỉ ỷ vào các sự phán đoán, trong lúc hớn hở, [kẻ ấy] đã nói rang: 'Người khác là ngu si, là không thiện xảo.

12.11. Bởi chính ly do nào mà kẻ ấy đánh giá người khác là "ngu si", Thì bởi ly do ấy kẻ ẩy đã nói về bản thân là ^thiện xảo." Kẻ ấy, trong khỉ tự mình tuyên bổ chỉnh mình là thiện xảo, Rồi khỉnh thường người khác và phát biểu chỉnh điều ấy. Bỏi chính lý do nào mà kẻ ấy đánh giá người khác là "ngu si" Bởi chính nhân nào, duyên nào, lý do nào, nguồn sanh khởi nào mà kẻ ây đánh giá, nhìn thây, nhận thây, quan sát, suy xét, khảo sát người khác là ngu si, là thấp hèn5 là hen kem, là thấp kém, là thấp thỏi, là tồi tệ, là nhỏ nhoi.

ĐẠI DIỄN GIẢI 245

"Bởi chính lý do nào mà kẻ ấy đánh giá người khác là 'ngu si'" là như thế. Thì bởi lý do ấy kẻ ấy đã nói về bản thân là ^thiện xảo?5 Bản thân: Đe cập đến mình. Kẻ ấy bởi chính nhân nào, duyên nào, lý do nào, nguồn sanh khởi nào đã nói về mình rằng: "Ta là thiện xảo, sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh." "Thi bởi lý do ấy kẻ ấy đã nói về bản thân là 'thiện x*o"' là như thế. Kẻ ấy, trong khi tự mình tuyên bố chính mình là thiện xảo: Tự chính mình [tuyên bô] vê mình là có học thuyêt thiện xảo, có học thuyêt sáng sướt, có học thuyết vững chắc, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá trị dựa theo quan niệm của mình. "Kẻ ấy, trong khi tự mình tuyên bố chính mình là thiện xo" là như thế. Rồi khỉnh thường người khác và phát biểu chính điều ấy: “Kẻ không kính nể" là khinh thường người khác. Hoặc là, "kẻ làm sanh ra sự ưu phiền" cũng là khinh thường người khác. Phát biểu chính điều ấy: Phát biểu về chính tà kiến ấy rằng: "Nhu vậy thì người này là người có tà kiến, có cái nhìn sai iech." "Rồi khinh thường người khác và phát biểu chính điều ấy" là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng: ^Bởi chỉnh lỷ do nào mà kẻ ấy đánh giá người khác là 'ngu si', Thì bởi ly do ấy kẻ ấy đã nói về bản thân là 'thiện xảo \ Kẻ ấy, trong khỉ tự mình tuyên bố chính mình là thiện

xảo, Roi khỉnh thường người khác và phát biểu chính điều ấy. “

12.12. Với quan điểm vượt quá giới hạn, kẻ ấy được thỏa mãn, Bi say đắm Vỉ ngã mạn, có sự tự cao là toàn vẹn, Roi tự chính mình đăng quang cho mình bang tâm ỷ; Chính quan điểm ấy của kẻ ấy đã được thâu nhận như the, Với quan điểm vượt quá giới hạn, kẻ ấy được thỏa mãn: Các quan điểm vượt quá giới hạn nói đến sáu mươi hai tà kiến. Vì lý do gì mà các quan điểm vượt quá giới hạn là nói đến sáu mươi hai tà kiến? Tất cả các quan điểm ấy là vượt quá lý lẽ, vượt quá đặc tính, vượt quá nen tảng; vì lý do ấy mà các quan điểm vượt quá giới hạn là nói đến sáu mươi hai tà kiến; tất cả các ngoại đạo đều có quan điểm vượt quá giới hạn. Vì lý do gì mà tất cả các ngoại đạo đều được gọi là có quan điểm vượt quá giới hạn? Chúng sau khi vượt quá, sau khi vượt qua hẳn, sau khi vượt qua khỏi lẫn nhau, thì làm sanh ra, làm sanh khởi, làm hạ sanh, làm phát sanh ra các tà kiến; vì lý do ấy mà các ngoại đạo đều được gọi là có quan điểm vượt quá giới hạn.

2 Dịch theo sự hiệu đính của Tam tạng Thái Lan và PTS. (ND)

Với quan điểm vượt quá giới hạn, kẻ ấy được thỏa mãn: Nhờ vào quan điểm vượt quá giới hạn, [kẻ ấy] được thỏa mãn, được toàn vẹn, không thiếu sót. "Với quan điểm vượt quá giới hạn, kẻ ấy được thỏa mãn,9 là như thế. Bi say đắm vì ngã mạn, có sự tự cao là toàn vẹn: Bi say đắm, bị xao lãng, bị điên cuồng, bị say đắm thái quá bởi tà kiến, bởi sự ngã mạn do tà kiến của mình. say đắm vì ngã mạn" là như thế. Có sự tự cao là toàn vẹn: Có sự tự cao là toàn vẹn, có sự tự cao là đầy đủ? có sự tự cao là không thiếu sót. say đắm vì ngã mạn, có sự tự cao là toàn vẹn^, là như thế. Rồi tự chính mình đăng quang cho mình bằng tâm ý: Tự chính mình đăng quang cho bản thân bằng tâm rằng: "Ta là thiện xảo, sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.^^ > \ r "R6i tự chính mình đăng quang cho mình băng tâm V" là như thê. Chính quan điểm ấy của kẻ ấy đã được thâu nhận như thế: Quan điểm ây của kẻ ây là đã được thâu nhận, đã được thọ trì, đã được năm lây, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến như thế. “Chính quan điểm ấy của kẻ ấy đã được thâu nhận như thế" là như thế. •T TA ji Á 4. < rpl Ấ qpr • w

Vì the, đức The Ton đa noi rang: “Với quan diêm vượt quá giới hạn, kẻ ây được thỏa mãn, Bi say đam vì ngã mạn, có sự tự cao là toàn vẹn, Rồi tự chỉnh mình đăng quang cho mình bằng tâm ỷ; : 2 E r r

Chính quan diêm ây của kẻ ây đã được thâu nhận như thê."

12.13. Bởi vĩ, nếu do lời nói củakẻ khác mà trở thành thấp kém, Thì bản thân [kẻ nói], do điều ấy [cũng] trở thành có tuệ thấp kem. Còn nêu do tự mình mà trở thành người thông hiêuf sáng trí, Thì không có bất cứ người nào là kẻ ngu trong số các vị Sa-môn. Bỏi vì, nếu do IM nói của kẻ khác mà trử thành thấp kém: Nếu do lời nói, do việc nói5 bởi lý do bị chê bai, bởi lý do bị chê trách, bởi lý do bị gièm pha của kẻ khác, mà người khác trở thành ngu si, thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi. uBởi vì5 nếu do lời nói của kẻ khác mà trở thành thấp kém" là như thế. Thì bản thân [kẻ nói], do

điều ấy [cũng] trở thành có tuệ thấp kém: Kẻ ấy, cũng do chính điều ấy, trở thành có tuệ ngu si, có tuệ thấp hèn, có tuệ hèn kém, có tuệ thấp kém, có tuệ thấp thỏi, có tuệ tồi tệ, có tuệ nhỏ nhoi. "Thì bản thân [kẻ nói], do điều ấy [cũng] trở thành có tuệ thấp kém" là như thế.

3 Do việc kẻ khác cũng khmh chê lại người này như vậy (SnA. II. 256).

Còn nếu do tự mình mà trở thành người thông hiểu, sáng trí: Còn nếu do tự mình mà trở thành người thông hiêu5 sáng trí, sáng suôt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ5 có sự thông minh. "Còn nếu do tự mình mà trở thành người thông hiểu, sáng trí" là như thế. Thì không có bất cứ người nào là kẻ ngu trong số các vi Sa-môn: Thì trong số các vị Sa-môn, không có người nào là ngu si, thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ5 nhỏ nhoi, toàn bộ tất cả [các vi ấy] đều có tuệ nhất hạng, có tuệ thù thắng, có tuệ dẫn đầu, có tuệ tối thượng, có tuệ cao quý. "Thi không có bất cứ người nào là kẻ ngu trong số các vị Sa-m6n" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Bởi vì, nếu do lời nói của kẻ khác mà trở thành thấp kem, Thì bản thân [kẻ nói], do điêu ây [cũng] trở thành có tuệ tháp kém. Còn nếu do tự mình mà trở thành người thông hiểu, sáng trí, Thì không có bất cứ người nào là kẻ ngu trong sổ các vi Sa-môn."

12.14. Những kẻ nào thuyết vê pháp khác so với điêu này, Những kẻ ây bỉ thát bại vê [đạo lộ] trong sạch; chủng không toàn hảo. Những kẻ ngoại đạo cũng nói như vậy theo nhiều cách khác nhau, Bởi vì chúng bi nhiêm nặng do sự luyên ái với quan diêm của mình. Những kẻ nào thuyết về pháp khác so vói điều này, những kẻ ấy bi thất bại về [đạo lộ] trong sạch; chúng không toàn hảo: Những kẻ nào thuyết về pháp, quan diêm, cách thực hành, đạo lộ khác so với điêu này, những kẻ ây bị mất mát, bi thất bại, bị lầm lỡ, bi rơi khỏi đạo lộ trong sạch, đạo lộ thanh tinh, đạo lộ hoàn toàn trong sạch, đạo lộ trong trắng, đạo lộ thuần khiết, bị thất bại do không hiểu biết. Chúng không toàn hảo: Chúng không được đầy đủ, chúng không được toàn vẹn5 chúng là thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi. "Những kẻ nào thuyêt vê pháp khác so với điêu này, những kẻ ây bị thát bại về [đạo lộ] trong sạch; chúng không toàn ho" là như thế. Những kẻ ngoại đạo cũng nói như vậy theo nhiều cách khác nhau: Ngoại đạo nói đến tà kiến. Những kẻ ngoại đạo: Nói đến những kẻ theo tà kiến. Vô số kẻ ngoại đạo nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả vô số tà kiến. "Những kẻ ngoại đạo cũng nói như vậy theo nhiều cách khác nhau" là như thế. Bởi vì chúng bi nhiễm nặng do sự luyến ái với quan điểm của mình: Chúng bị luyến ái, bi luyến ái nặng bởi quan điểm, bởi sự luyến ái với quan điểm của mình.

"Bởi vì chúng bị nhiễm nặng do sự luyến ái với quan điểm của mình,, là như thế. y TA A ji Á rpl np A 4-JV r • W Vì thê, đức The Ton đã noi răng: “Những kẻ nào thuyêt vê pháp khác so với điêu này, Những kẻ ây bị thát bại vê [đạo lộ] trong sạch; chủng không toàn hảo. Những kẻ ngoại đạo cũng nói như vậy theo nhiều cách khác nhau, Bởi vì chủng bỉ nhiễm nặng do sự luyến ái với quan điếm của mình."

12.15. “Chi nơi đây có sự trong sạch ", chủng nói như thê ây; Chúng đã nói sự thanh tịnh không có ở các giảo pháp khác. Những kẻ n^oaỉ đạo cũng đã gay dựng như vậy theo kiếu cách riêng về đường loi của mình, trong khỉ nói một cách chắc chan ve điều ẩy. “Chí nơi đây có sự trong sạch", chúng nói như thê ây: Chúng nói, thuyêt giảng, phát ngôn, giảng giải, diên tả vê sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi ở nơi đây. Chúng nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả về sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi ở nơi đây rằng: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại." Chúng nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả về sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi ở nơi đây răng: "Thê giới là không thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại." "'Chí nơi đây có sự trong sạch\ chúng nói như thê ây” là như thê. Chúng đã nói sự thanh tịnh không có ờ các giáo pháp khác: Chúng quăng bỏ5 ném bỏ, vát bỏ tát cả các học thuyêt khác ngoại trừ bậc Đạo sư, giáo ly, tập thể, quan điểm, lối thực hành, đạo lộ của bản thân, rồi đã nói như vầy: "Bậc Đạo sư ấy không là đấng Toàn tri, pháp không khéo được thuyết giảng, tập thể không thực hành tốt đẹp, quan điểm không tốt lành, lối thực hành không khéo được quy đinh, đạo lộ không dẫn dắt ra khỏi; ở đây không có sự trong sạch, hay sự thanh tịnh, hay sự hoàn toàn trong sạch, hay sự thoát khỏi, hay sự giải thoát, hay sự hoàn toàn thoát khỏi; ở đây không có những người được trong sạch, hay được thanh tịnh, hay được hoàn toàn trong sạch, hay được thoát khỏi, hay được giải thoát, hay được hoàn toàn thoát khỏi; họ tháp hèn, hèn kém, tháp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi"; chúng thuyết giảng như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy. "Chúng đã nói sự thanh tịnh không có ở các giáo pháp khác^, là như thế. Những kẻ ngo đao cũng đã gầy dựng như vây theo kiểu cách riêng: Ngoại đạo nói đên tà kiến. Những kẻ ngoại đạo nói đen những kẻ theo tà kiến. Những kẻ ngoại đạo khác biệt đã gầy dựng, đã thiết lập, đã bám vào, đã đến gần, đã bám chặt, đã hướng đến những tà kiến khác biệt nhau.

ĐẠI DIỄN GIẢI 249

“Những kẻ ngoại đạo cũng đã gầy dựng như vậy theo kiểu cách riêng" là như thế. về đường lối của mình, trong khỉ nói một cách chắc chắn về điều ấy: Pháp là đường lối của mình, quan điểm là đường lối của mình, lối thực hành là đường lối của mình, đạo lộ là đường lối của mình; chúng có lời nói chắc chắn, có lời nói vững chắc, có lời nói vững mạnh, có lời nói kiên đinh về đường lối của mình. "Vê đường lôi của mình, trong khi nói một cách chác chăn vê điêu là như thế. y J\.*1 Ắ 4. Z ryi-Ể Ổ rpi r • W Vì thê, đức Thê Tôn đã noi răng: r “'Chi nơi đây có sự trong sạchchủng nói như thê ây; Chủng đã nói sự thanh tịnh không có ở các giáo pháp khác. Những kẻ ngoại đạo cũng đã gây dựng như vậy theo kiêu cách riêng về đường lối của mình, trong khỉ nói một cách chắc chắn về điều ấy,"

12.16. Và trong khỉ nói một cách chắc chắn về đường lối của mình, r 7

Người nào khác ở đó mà kẻ ây có thê đánh giả là "ngu si"? Kẻ ây tự chỉnh mình đem lại sự gây gôf Trong khỉ nói người khác là ngu si, là có pháp không trong sạch. Và trong khi nói một cách chắc chắn về đường lối của mình: Pháp là đường lối của mình, quan điểm là đường lối của mình, lối thực hành là đường lối của mình, đạo lộ là đường lối của mình; chúng có lời nói chắc chăn, có lời nói vững chác, có lời nói vững mạnh, có lời nói kiên định vê đường lối của mình. “Và trong khi nói một cách chắc chắn về đường lối của mình,, là như thế. Người nào khác ờ đó mà kẻ ấy có thể đánh giá là "ngu si” ở đó: ở quan điểm của mình, ở sự chấp nhận của mình, ở sự ưa thích của mình, ở quan niệm của mình, [kẻ áy] có thê đánh giá người nào, có thê nhìn thây người nào, có thê nhận thây người nào, có thê quan sát người nào, có thê suy xét người nào, có thể khảo sát người nào khác là thấp hèn, là hèn kém, là thấp kém, là thấp thỏi, là tồi tệ, là nhỏ nhoi. "Người nào khác ở đó mà kẻ ấy có thể đánh giá là 'ngu si'?" là như thế. Kẻ ấy tự chính mình đem lại sự gây gổ, trong khỉ nói người khác là ngu si, là có pháp không trong sạch: "Người khác là ngu si, thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi te, nhỏ nhoi, có pháp không trong sạch, có pháp không thanh tịnh, có pháp không hoàn toàn trong sạch, có pháp không trong trắng", trong khi nói như vậy, trong khi thuyết giảng như vậy, trong khi phát ngôn như vậy, trong khi giảng giải như vậy, trong khi diễn tả như vậy, tự chính mình có thê đem lại, có thê đem lại trọn vẹn, có thê mang đên, có thê mang đên trọn vẹn,

CÓ thể kéo đến, có thể kéo đến trọn vẹn, có thể nắm lấy, có thể bám víu, có thể chập chặt vào sự cãi cọ, sự cãi lộn, sự cãi vã, sự tranh cãi5 sự gây gô. “Kẻ ấy tự chính mình đem lại sự gây gổ? trong khi nói người khác là ngu si, là có pháp không trong sạch” là như thê. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: 'Và trong khi nói một cách chác chăn vê đường lôi của mình, Người nào khác ở đó mà kẻ ấy có the đánh giá là 'ngu sỉ"? Kẻ ấy tự chỉnh mình đem lại sự gây gổ, Trong khi nói người khác là ngu si, là có pháp không trong sạch."

12.17. Sau khỉ đứng vững ở sự phán đoán, sau khỉ tự mình ước lượng, Kẻ ấy đi đến sự tranh cãi còn ở phía trước ở thế gian, Sau khi từ bỏ tất cả các sự phản đoán, Con người không tạo ra sự gây go ở the gian, Sau khi dưng vững ờ sự phán đoán, sau khi tự mình ước lượng: Các sự phán đoán nói đên sáu mươi hai tà kiên. Sau khi đứng vững ở quan điểm của sự phán đoán, sau khi thiết lập, sau khi nắm lay, sau khi bám víu, sau khi chấp chát. "Sau khi đứng vững ở sự phán đoán" là như thế. Sau khi tự mình ước lượng: Sau khi tự mình ước lượng, sau khi xác định. Sau khi tự mình ước lượng, sau khi xác định rằng: "Bậc Đạo sư này là đấng Toàn tri"; sau khi tự mình ước lượng, sau khi xác định rằng: 4íGiáo pháp này khéo được thuyêt giảng, tập thê này đã thực hành tót đẹp, quan diêm này là tót lành, lối thực hành này đã khéo được quy đinh, đạo lộ này dẫn dắt ra kh6i." "Sau khi đứng vững ở sự phán đoán, sau khi tự mình ước lượng,, là như thế. Kẻ ấy đi đến sự tranh cãi còn ờ phía trước ờ thế gian. Còn ờ phía trước: Nói đến thời vị lai. Trừ ra sự tranh luận còn ở phía trước của bản thân, kẻ ấy tự chính mình tiếp cận, đi đến gần, nắm lấy, bám víu, chấp chặt sự cãi cọ, sự cãi lộn, sự cãi vã, sự tranh

cãi, sự gây gổ. uKẻ ấy đi đến sự tranh cãi còn ở phía trước ở thế gian" là như vậy. Hoặc là, với sự tranh luận khác còn ở phía trước, kẻ ấy gây ra sư cãi cọ, gây ra sự cãi lộn, gây ra sự cãi v,gây ra sự tranh cãi, gây ra sự gây rằng: "Ngươi không biết Pháp và Luật này... (nt)... hoặc ngươi hãy gỡ roi nêu ngươi có khả nng." "Kẻ ấy đi đến sự tranh cãi còn ở phía trước ở thế gian,, còn là như vậy. Sau khi từ bỏ tất cả các sự phán đoán: Các sự phán đoán nói đến sáu mươi hai tà kiến; sau khi từ bỏ, sau khi phế bỏ, sau khi buông bỏ, sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu tất cả các sự phán đoán từ sự phán đoán về quan điểm. "Sau khi từ bỏ tất cả các sự phán đoán,, là như thế. Con người không tạo ra sự gây gổ ờ thế gian: Không gây ra sự cãi cọ, không gây ra sự cãi lộn, không gây ra sự cãi vã, không gây ra sự tranh cãi,

không gây ra sự gây gổ. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này Aggivessana, với tâm đã được giải thoát như vậy, vị Tỳ-khưu không nói hùa theo bất cứ ai, không tranh cãi với bất cứ ai, sử dụng ngôn từ được thông dụng ở thế gian và không bám víu [vào ngôn từ ấy].,, Con ngườĩ: Là chúng sanh, đàn ông, thanh niên, người nam, cá nhân, mạng sống, người còn sanh tử, con người, người đi theo nghiệp, nhân loại. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ. 9 r r

"Con người không tạo ra sự gây gô ở thê gian,, là như thê. Vì the, đức Thê Ton đã noi răng: "Sau khỉ đứng vững ở sự phản đoán, sau khi tự mình ước lượng, , , * "r

Kẻ ây đi đên sự tranh cãi còn ở phía trước ở thê gian. Sau khi từ bỏ tất cả các sự phán đoản, Con người không tạo ra sự gây go ở the gian." ốéDiễn giải kỉnh sự dàn trận nhỏw được đầy đủ - Phần thứ mười hai.

13. DIỄN GIẢI KINH SựDÀN TRẬN LỚN (MAHĀVmJHASUTTANIDDESO)

Giờ phần "Diễn giải kinh sự dàn trận lớn" được nói đến: 13.1. Bát cứ những người nào, trong khỉ sông theo quan diêm [riêng của cả nhân], tranh cãi rang: "Chi điều này là chân lýfĩ, phải chăng tất cả những người ấy đều mang lại sự chê bai, hay họ cũng đạt được sự khen ngợi về việc ấy? Bất cứ những người nào, trong khi sống theo quan điểm [riêng của cá nhân]. Bất cứ những người nào: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ "ye kecV này là lối nói của sự bao gôm. Trong khi sống theo quan điểm [riêng của cá nhân]: Có một số Sa-môn và Bà-la-môn là những người theo tà kiên. Các vị ây chập nhận, tiêp thu, năm lấy, bám víu, chấp chặt tà kiến này khác trong số sáu mươi hai tà kiến, rồi trú, cộng trú, cư trú, lưu trú theo tà kiến của riêng mình. Giống như những người tại gia trú trong các ngôi nhà, những người có tội lỗi trú trong các tội lỗi, những người có ô nhiễm trú trong các ô nhiễm, tương tự như vậy? có một số... (nt)... lưu trú theo tà kiến của riêng mình. “Bất cứ những người nào, trong khi sống theo quan điểm [riêng của cá nhân],, là như thế. - Tranh cãi rằng: ^Chỉ điều nay là chân ly” Họ nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả rằng: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại.,, Họ

nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả rằng: “Thế giới là không thường còn5... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại.” "Tranh cãi rằng: 'Chỉ điều này là chân ly”' là như thế. Phải chăng tất cả những người ấy đều mang lại sự chê bai: Có phải tất cả các Sa-môn và Bà-la-môn ây đêu đi đên sự chê bai, đêu đi đên sự chê trách, đều đi đến sự không nổi tiếng; có phải tất cả đều bị chê bai, tất cả đều bi chê trách, tất cả đều khòng được noi tiếng? "Phải chăng tất cả những người ấy đều mang lại sự chê bai" là như thế.

ĐẠI DIỄN GIẢI 253

Hay họ cũng đạt được sự khen ngợi vê việc ây? Vê việc ây? do quan diêm của mình, do sự chập nhận của mình, do sự ưa thích của mình, do quan niệm của mình, họ đạt được, họ tiếp nhận, họ đạt đến, họ tìm thấy sự ca ngợi, sự khen ngợi, sự nổi tiếng, sự ca tụng. "Hay họ cũng đạt được sự khen ngợi về việc ấy?” là như thế. Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng: “Bdt cứ những người nào, trong khỉ sông theo quan diêm [riêng của cá nhanj, tranh cãi răng: 'Chí điêu này là chân lyphải chăng tát cả những người ây đêu mang lại sự chê bai, hay họ cũng đạt được sự khen ngợi vê việc ây?"

13.2. Bởi vì việc [ca ngợi] này là ít ỏi, không đủ để đưa đến sự yên lặng. Ta nói đen hai kết quả của sự tranh cãi. Và sau khỉ nhìn thay như vậy thì không nên tạo ra sự tranh cãi, trong khỉ nhận thấy vùng đất không tranh cãi là an toàn [Niết-bàn]. Bởi vì việc [ca ngợi] này là ít ỏi, không đủ để đưa đến sự yên lặng. Bỏi vì việc [ca ngợi] này la ít ỏi: Việc này là ít ỏi, việc này là thấp kém, việc này là chút ít, việc này là thấp thỏi, việc này là tồi tệ, việc này là nhỏ nhoi. "Bởi vì việc [ca ngợi] này là ít ỏr là như thế. Không đủ để đưa đến sự yên lặng: Là không đủ để đưa đến sự yên lặng của luyến ái, để đưa đến sự yên lặng của sân hận, để đưa đến sự yên lặng của si mê, để đưa đến sự yên lặng, sự an tịnh, sự vắng lặng, sự tịch diệt, sự buông bỏ, sự tịch tịnh của giận dữ, của thù hằn, của gièm pha, của ác ý? của ganh ty, của bon xẻn, của xảo trá, của lừa gạt, của bướng bỉnh, của hung hăng, của ngã mạn, của cao ngạo, của đam mê? của xao lãng, của tất cả ô nhiễm, của tất cả uế hạnh, của mọi sự lo lắng, của mọi sự bực bội, của mọi sự nóng nảy, của tất cả các pháp tạo tác bất thiện. "Bởi vì việc [ca ngợi] này là ít ỏi, không đủ để đưa đến sự yên lặng" là như thế. Ta nói đến hai kết quả của sự tranh cãi: Ta nói, Ta nêu ra, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: "Đối với sự cãi cọ về quan điểm, đối với sự cãi lộn về quan điểm, đối với sự cãi vã về quan diêm, đoi vơi sự tranh cãi ve quan diêm, đoi vơi sự gay go ve quan diêm, có hai kết quả: Là chiến thắng và thất bại, là lợi lộc và không lợi lộc, là danh vọng và không danh vọng, là chê bai và ca ngợi, là hạnh phúc và khô đau, là hỷ tâm và ưu tâm, là ưa thích và không ưa thích, là ưa chuộng và bát binh, là hưng phấn và chán nản, là chiều chuộng và chống đối. Hoặc là, việc làm ấy dẫn đến địa ngục, dẫn đến loài thú, dẫn đến thân phận nga quy." "Ta nói đến hai kết quả của sự tranh câd" là như thế. Và sau khi nhìn thấy như vậy thì không nên tạo ra sự tranh cãi. Và sau khi nhìn thấy như vậy: Sau khi nhìn thấy, sau khi nhìn xem, sau

khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt sự bất lợi này ở các sự cãi cọ vê quan diêm, ở các sự cãi lộn vê quan diêm, ở các sự cãi vã vê quan diêm, ở các sự tranh cãi vê quan diêm, ở các sự gây gô vê quan diêm. "Va sau khi nhìn thấy như v là như thế. Thì không nên tạo ra sự tranh cãi: Là không nên tạo ra sự cãi cọ, không nên tạo ra sự cãi lộn, không nên tạo ra sự cãi vã, không nên tạo ra sự tranh cãi, không nên tạo ra sự gây go; nên dứt bỏ, nên xua di, nên làm cham dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự cãi cọ, sự cãi lộn, sự cãi vã, sự tranh cãi, sự gây gổ; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự cãi cọ, với sự cãi lộn, với sự cãi vã, với sự tranh cãi, với sự gây gổ; nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. “Và sau khi nhìn thấy như vậy thì không nên tạo ra sự tranh cãi,, là như thế. Trong khỉ nhận thấy vùnẹ đất không tranh cãi là an toàn [Niết-ban]: Vùng đất không tranh cãi nói đen bất tử, Niết-bàn5 tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Trong khi nhìn thấy, trong khi nhận thấy, trong khi quan sát, trong khi suy xét, trong khi khảo sát vùng đất không tranh cãi này là an toàn, là nơi nương tựa, là nơi trú ẩn, là nơi nương nhờ, là nơi không sợ hãi, là bất hoại, là bất tử, la Niết-bàn. "Trong khi nhận thấy vùng đất không tranh cãi là an toàn [Niết-ban]” là như thế. Vi the, đức The Ton đa noi rang: "'Bởi vì việc [ca ngợi] này là ít ỏi, không đủ đê đưa đên sự yên lặng. Ta nói đen hai kết quả của sự tranh cãi. Và sau khỉ nhìn thay như vậy thì không nên tạo ra sự tranh cãi, trong khi nhận thấy vùng đất không tranh cãi là an toàn [Niết-bàn]."

13.3. Bát cứ những quy ước nào được sanh ra từ sô đông, bậc đã hỉêu biêt không tiếp cận tất cả những điều ấy. Trong khi không thể hiện sự chấp nhận ở điêu đã được thây, ở điêu đã được nghe, vi ây không có sự vướng bận, tại sao lại đi đen với sự vướng bận? Bất cứ những quy ước nào được sanh ra từ số đông. Bất cứ những [quy ước] nào: Là tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ "yā kãcT' này là lối nói của sự bao gồm. Những quy ước: Những quy ước nói đên sáu mươi hai tà kiên là những quy ước về quan điểm. Được sanh ra từ số đông: "Các quy ước được tạo ra bởi các phàm nhân.^, "Được sanh ra bởi số đông,5 là như thế, hoặc ucác quy ước được tạo ra bởi số đông gồm nhiều người khác nhau." "Được sanh ra bởi số d6ng” là như thế.

"Bất cứ những quy ước nào được sanh ra từ số d6ng" là như thế. Bậc đã hiểu biết không tiếp cận tất cả những điều ấy: Bậc đã hiểu biết, người đã đạt đến kiến thức, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh không đi đến, không tiếp cận, không đi đến gần, không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt toàn bộ tất cả những quy ước ve quan điểm ấy. "Bậc đã hiểu biết không tiếp cận tất cả những điều ấy" là như thế. Vi ấy không có sự vướng bận, tại sao lại đi đến với sự vướng bận? Sự vướng bận: Có hai sự vướng bận: Sự vướng bận do tham ái và sự vướng bận do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự vướng bận do tham ái. ... (nt)... điều này là sự vướng bận do tà kiến. Đôi với vi ấy, sự vướng bận do

tham ái đã được dứt bỏ, sự vướng bận do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự vướng bận do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự vướnẹ bận do ta kiến, là người không có sự vướng bận; vị ấy có thể tiếp cận, đi đến gan, nắm lấy, bám víu, chấp chặt vào sắc gì, [nghĩ rằng]: “Tụ* ngã của ta” có thể tiếp cận, đi đến gần, nắm lấy, bám víu, chấp chặt vào thọ gì,... tưởng gi, ... các hành gì, ... thức gì, ... cảnh giới tái sanh gì, ... sự tái sanh gì? ... sự nối liền tái sanh gì, ... sự hiện hữu gì5 .. sự luân hồi gi,. sự luân chuyển gì? ấy, không có sự vướng bận, tại sao lại đi đến với sự vướng ban?" là như thế. Trong khi không thể hiện sự chấp nhân ờ điều đã được thấy, ờ điều đã được nghe: Trong khi không tạo nên sự châp nhận, trong khi không tạo nên sự mong muốn, trong khi không tạo nên sự yêu thương, trong khi không tạo nên sự luyến ái ở điều đã được thấy hoặc ở sự trong sạch do điều đã được thấy, ở điều đã được nghe hoặc ở sự trong sạch do điều đã được nghe, trong khi không làm sanh ra, trong khi không làm sanh khởi, trong khi không làm hạ sanh, trong khi không làm phát sanh. "Trong khi không thể hiện sự chấp nhận ở điều đã được thấy, ở điều đã được nghe" là như thế. Vì the, đức Thê Tôn đã noi răng: “Bdt cứ những quy ước nào được sanh ra từ sô đông, bậc đã hiểu biêt không tiếp cận tất cả những điều ấy. Trong khi không thể hiện sự chấp nhận ở điều đã được thấy, ở điều đã được nghe, vị ấy không có sự vướng bận, tại sao lại đi đen với sự vướng bận?"

13.4. Những kẻ chủ trương giới là tối thượng đã nói sự trong sạch là do sự tự che ngự. Sau khỉ thọ trì phận sự, họ duy trì [nghĩ rang]: (iChung ta hãy học tập ở lãnh vực này thôi, roi sẽ có sự trong sạch ”; họ bị dân dát đên hữu trong khi tuyên bo [mình] là thiện xảo. Những kẻ chủ trương giới ỉa tối thượng đã nói sự trong sạch là do sự tự chế ngự: Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết cho rằng giới là tối

thượng. Các vị ấy đã nói, phát biểu, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do giới, chỉ do sự thu thúc, chỉ do sự phòng hộ, chỉ do sự không vi phạm. Người con trai của Samanamundikā đã nói như vầy: "Này ông thợ mộc, ta tuyên bố rằng một người nam được thành tựu bốn pháp là người có thiện pháp đầy đủ, có thiện pháp tối thắng, là vi Sa-môn đã đạt được sự chứng đạt tối thượng, không bi đánh bại. Với bốn pháp nào? Này ông thợ mộc, ở đây là không làm việc ác bằng thân, không nói lời nói ác, không tư duy ý nghĩ ác, không nuôi mạng theo lối nuôi mạng ác xấu. Này Ông thợ mộc, ta tuyên bô răng một người nam được thành tựu bôn pháp này là người có thiện pháp đây đủ, có thiện pháp tôi thăng, là vị Sa-môn đã đạt được sự chứng đạt tối thượng, không bị đánh bại." Tương tự như vậy5 có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết cho rằng giới là tối thượng. Các vị ấy đã nói, phát biểu, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả sự trong sạch, sự thanh tinh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do giới, chỉ do sự thu thúc, chỉ do sự phòng hộ, chỉ do sự không vi phạm. "Những kẻ chủ trương giới là tối thượng đã nói sự trong sạch là do sự tự chếngự^lanhưthế. Sau khi thọ trì phận sự, họ duy trì. Phận sự: Sau khi nhận lấy, sau khi thọ trì, sau khi nhận lấy cho mình, sau khi thọ trì cho minh,

sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt hạnh loài voi, hoặc hạnh loài ngựa, hoặc hạnh loài bò, hoặc hạnh loài chó, hoặc hạnh loài quạ, hoặc hạnh thần tài, hoặc hạnh thần sức mạnh, hoặc hạnh thần Punnabhaddā, hoặc hạnh thần Manibhaddā, hoặc hạnh của lửa, hoặc hạnh loài rồng, hoặc hạnh linh điểu, hoặc hạnh dạ-xoa, hoặc hạnh a-tu-la, hoặc hạnh càn- thát-bà, hoặc hạnh đại vương, hoặc hạnh mặt trăng, hoặc hạnh mặt trời, hoặc hạnh Thiên vương, hoặc hạnh Phạm thiên, hoặc hạnh thiên nhân, hoặc hạnh [lễ bái theo] phương hướng, họ đã duy trì, đã thiết lập, đã bám vào, đã đến gần, đã bám chặt, đã hướng đen. "Sau khi thọ trì phận sự, họ duy tri" là như thế. Chúng ta hãy học tập ờ lãnh vực này thôi, rồi sẽ có sự trong sạch. ở lãnh vực này: ở quan điểm của mình, ở sự chấp nhận của mình, ở sự ưa thích của mình, ở quan niệm của mình. Chúng ta hãy học tập: Chúng ta hãy học tập, hãy hành xử, hãy hành theo, hãy thọ trì và vận dụng. "Chúng ta hãy học tập ở lãnh vực này th6i" là như thế. Rồi sẽ có sự trong sạch: Rồi sẽ có sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi. "Chúng ta hãy học tập ở lãnh vực này thôi, roi sẽ có sự trong sạch" là như thê. Họ bi dẫn dắt đến hữu trong khi tuyên bố [mình] là thiện xảo.

ĐẠI DIỄN GIẢI 257

Họ bị dẫn dắt đến hữu: Họ bị dẫn dắt đến hữu là họ đến gần hữu, bám chặt hữu, hương đến hữu. "Hẹ)bị dẩn dắt đến hữu" là như thế. Trong khi tuyên bố [mình] là thiện xảo: Là có học thuyết thiện xảo, có học thuyêt sáng suôt, có học thuyêt vững chác, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá trị dựa theo quan niệm của mình. “Hq bi dẫn dắt đến hữu trong khi tuyên bố [mình] là thiện xo" là như thế. v TA ji Á 4- A ỉ rpil Á rp/X w Vì the, đức The Ton đã noi rang: “Những kẻ chủ trương giới là toi thượng đã nói sự trong sạch là do sự tự che ngự. Sau khi thọ trì phận sự, họ duy trì [nghĩ rang]: 'Chúnệ ta hãy học tập ở lãnh vực này thôi, roi sẽ có sự trong sạchhọ bỉ dân dát đên hữu trong khi tuyên bo [mình] là thiện xảo,"

13.5. Nếu đã lìa khỏi giới và phận sựf kẻ ấy run rẩy sau khi thất bại về hành động; kẻ ấy tham muốn và ước nguyện sự trong sạch, ví như người bỉ thất lạc với đoàn lữ hành trong khi song xa nhà. Nếu đã lìa khỏi giới và phận sự: Lìa khỏi giới và phận sự bởi hai lý do: Lìa khỏi do sự can ngăn của người khác, hoặc là trong khi không thành tựu rồi lìa khỏi. Lìa khỏi do sự can ngăn của người khác là thế nào? Người khác can ngăn răng: Đạo sư ấy không là đang Toàn tri, pháp không khéo được thuyết giảng, tập thể không thực hành tốt đẹp, quan điểm không tốt lành, lối thực hành không khéo được quy định, đạo lộ không dẫn dắt ra khỏi; ở đây không có sự trong sạch, hay sự thanh tịnh, hay sự hoàn toàn trong sạch, hay sự thoát khỏi, hay sự giải thoát, hay sự hoàn toàn thoát khỏi; ở đây không có những người được trong sạch, hay được thanh tịnh, hay được hoàn toàn trong sạch, hay được thoát khỏi, hay được giải thoát, hay được hoàn toàn thoát khỏi; họ là tháp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi.,, "Người khác can ngàn" là như vậy. Trong khi bị can ngăn như vậy rồi lìa khỏi vị Đạo su, lìa khỏi giáo lý, lìa khỏi tập thể, lìa khỏi quan điểm, lìa khỏi lối thực hành, lìa khỏi đạo lộ. "Lìa khỏi do

sự can ngăn của người khác" là như vậy. Trong khi không thành tựu rồi lìa khỏi là thê nào? Trong khi không thành tựu giới roi lìa khỏi giới, trong khi không thành tựu phận sự rồi lìa khỏi phận sự, trong khi không thành tựu giới và phận sự rồi lìa khỏi giới và phận SỊT. "Trong khi không thành tựu rồi lìa kh6i" là như vậy. "Nếu đã lìa khỏi giới và phận SỊT" là như thế. Kẻ ấy run rẩy sau khi thất bại về hành động. Kẻ ấy run rẩy: "Ta bi mất mát, ta bi thất bại, ta bị lầm lỡ, ta bị rơi khỏi giới, hoặc phận sự, hay giới và phận sự; ta bi thất bại do không hiểu biếr\ [nghĩ vậy] kẻ ấy run rẩy, chan động, rúng đọng. "Kẻ ấy run rẩy" là như thế. Sau khi thất bại về hành động: "Ta bị mất mát, ta bị thất bại, ta bị lầm lỡ,

ta bị rơi khỏi phúc hành, hoặc phi phúc hành, hoặc bất động hành;1 ta bị thất bại do không hiểu biết", [nghĩ vậy] kẻ ấy run rẩy, chấn động, rúng động. "Kẻ ấy run rẩy sau khi thất bại về hành động^, là như thế. Kẻ ấy tham muốn và ước nguyện sự trong sạch. Kẻ ấy tham muốn: Là tham muốn giới, hoặc tham muốn phận sự, hoặc tham muốn giới và phận SỊT, khởi tham muốn, nguyện cầu. "Kẻ ấy tham muốn,, là như thế. Và ước nguyện sự trong sạch: Là ước nguyện sự trong sạch về giới, hoặc ước nguyện sự trong sạch vê phận sự, hoặc ước nguyện sự trong sạch vê giới và phận sự, mong cầu, nguyện cầu. "Kẻ ấy tham muốn và ước nguyện sự trong sạch" là như thế. Ví như người bi thất lạc với đoàn lữ hành trong khi sống xa nhà: Giống như người nam, trong lúc rời khỏi nhà sống cùng đoàn lữ hành và bị rớt lại phía sau đoàn lữ hành, thì: Hoặc là đuổi theo đoàn lữ hành ấy, hoặc là trở về lại nhà của mình; tương tự y như thế, kẻ theo tà kiến ấy nắm lấy vị Đạo sư ấy hoặc là nắm lấy vi Đạo sư khác, nắm lấy giáo lý ấy hoặc là nắm lấy giáo lý khác, nắm lây tập thê ây hoặc là năm lây tập thê khác, năm lây quan diêm ây hoặc là năm lấy quan điểm khác, nắm lấy lối thực hành ấy, hoặc là nắm lấy lối thực hành khác, nắm lấy đạo lộ ấy hoặc là nắm lấy đạo lộ khác, bám víu, chấp chặt. "Ví như người bị thất lạc với đoàn lữ hành trong khi sống xa nhà,9 là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Nêu đã lìa khỏi giới và phận sự, kẻ ây run rây sau khi thát bại vê hành động; kẻ ây tham muôn và ước nguyện sự trong sạch, vỉ như người bi thát lạc với đoàn lữ hành trong khi song xa nhà."

13.6. Và sau khi đã dứt bỏ tất cả giới và phận sự, Cùng hành động có tội hoặc không có tội ấy, Trong khi không ước nguyện "s/ trong sạch hay không trong sạch ", Đã xa lảnh, vi ây sông, không năm bát sự an tinh [do tà kiên]. Và sau khi đã dứt bỏ tất cả giới và phận sự: Sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua di, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu tất cả các sự trong sạch do giới; sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua di, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu tất cả các sự trong sạch do phận sự; sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua di, sau khi làm châm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu tát cả các sự trong sạch do giới và phận sự. "Và sau khi đã dứt bỏ tất cả giới và phận SỊT" là như thế.

Xem chú thích về "phúc hành, phi phúc hành, bất động hành>, ở trang 77. (ND)

Cùng hành động có tội hoặc không có tội ấy: Hành động có tội nói đến pháp đen với quả thành tựu đen; hành động không có tội nói đến pháp trắng với quả thành tựu trắng. Sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua di, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu hành động có tội và hành động không có tội. "Cùng hành động có tội hoặc không có tội ấy" là như thế. Trong khi không ước nguyện usự trong sạch hay không trong sạch.” Sự không trong sạch: Ước nguyện sự không trong sạch là ước nguyện các pháp bất thiện. Sự trong sạch: Ước nguyện sự trong sạch là ước nguyện năm loại dục. Ước nguyện sự không trong sạch là ước nguyện các pháp bất thiện, ước nguyện năm loại dục; ước nguyện sự trong sạch là ước nguyện . . *

sáu mươi hai tà kiên; ước nguyện sự không trong sạch là ước nguyện các pháp bất thiện, ước nguyện năm loại dục, ước nguyện sáu mươi hai tà kiến; ước nguyện sự trong sạch là ước nguyện các pháp thiện liên quan đến Tam giới; ước nguyện sự không trong sạch là ước nguyện các pháp bất thiện, ước nguyện năm loại dục, ước nguyện sáu mươi hai tà kiến, ước nguyện các pháp thiện liên quan đến Tam giới; ước nguyện sự trong sạch là các phàm phu tốt lành ước nguyện sự nhập vào dòng Thánh, các bậc Hữu học ước nguyện pháp tột đỉnh là phẩm vi A-la-hán; khi đã đạt được phẩm vị A-la-hán, bậc A-la-hán không còn ước nguyện các pháp bất thiện, cũng không ước nguyện năm loại dục, cũng không ước nguyện sáu mươi hai tà kiến, cũng không ước nguyện các pháp thiện liên quan đến Tam giới, cũng không ước nguyện sự nhập vào dòng Thánh, cũng không ước nguyện pháp tột đỉnh là phẩm vị A-la-hán. Trong khi vượt qua hẳn sự ước nguyện, bậc A-la-hán đã vượt qua khỏi sự tiến tu và thối thất, vi ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành, đã vượt khỏi việc sanh-lão-tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đôi với vị ây. "Trong khi không ước nguyện 4 sự trong sạch hay không trong S0ch"' là như thế. Đã xa lánh, vi ấy sống, không nắm bắt sự an tinh [do tà kiến]. Đã xa lánh: Đã xa lánh, đã tránh khỏi, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã rời ra, đã thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự trong sạch và không trong sạch, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. Vị ấy sống: Vị ấy sống, tru ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng. "Đã xa lánh, vị ấy sống^ là như thế. Không nắm bắt sự an tinh [do tà kiến]: Các sự an tịnh nói đến sáu mươi hai tà kiến; trong khi không nắm lấy, trong khi không bám víu, trong khi không chấp chặt các sự an tịnh do tà kiến. uĐã xa lánh, vị ấy sống, không nắm bắt sự an tịnh [do tà kiến],, là như thế.

260 KINH TIỂU Bộ

Ty J Ạw_
_ rri-l rr^ A
/ ! N\ _ _
4

Vì the, đức The Ton đã noi răng:

"'Và sau khỉ đã dứt bỏ tất cả giới và phận sự,
Cùng hành động có tội hoặc không có tội ấy,
Trong khỉ không ước nguyện 'sự trong sạch hay không trong sạch

Đã xa lảnh, vỉ áy sông, không năm bát sự an tỉnh [do tà kiên]."
13.7. Sau khỉ nương tựa vào điều đã bi chán ghét ấy [khổ hạnh], hoặc vào điều đã được thay, vào điều đã được nghe, hoặc vào điều đã được cảm giác, những kẻ chủ trương luân hoi hướng thượng ke le ve sự trong sạch, họ chưa xa lìa tham ải ở hữu và phỉ hữu. Sau khi nương tựa vào điều đã bi chán ghét ấy [khổ hạnh]: Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết chán ghét khổ hạnh, có chủ trương chán ghét khổ hạnh, đã nương tựa, đã nương nhờ, đã bám vào, đã đến gần, đã bám chặt, đã hướng đến sự chán ghét khổ hạnh. "Sau khi nương tựa vào điều đã bị chán ghét ấy [khổ hạnh]" là như thế. Hoặc vào điều đã được thấy, vào điều đã được nghe, hoặc vào điều đã được cảm giác: Sau khi nương tựa, sau khi dựa vào, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt vào điều đã được thấy hoặc sự trong sạch do điều đã được thay, vào điều đã được nghe hoặc sự trong sạch do điều đã được nghe, vào điều đã được cảm giác hoặc sự trong sạch do điều đã được cảm giác. "Hoặc vào điều đã được thấy, vào điều đã được nghe, hoặc vào điều đã được cảm giSc" là như thế. Những kẻ chủ trương luân hồi hướng thượng kể lể về sự trong sạch: Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết luân hồi hướng thượng. Các Sa- môn và Bà-la-môn có học thuyết luân hồi hướng thượng ấy là các vi nào? Các Sa-môn và Bà-la-môn nào là các vi tin vào sự trong sạch tột cùng, các vị tin rằng sự trong sạch do luân hồi, các vi theo quan điểm không hành động, các vị có học thuyết thường còn, các vị này là các Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết luân hồi hướng thượng. Các vị ấy kể lể, nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là thông qua sự tái sanh luân hồi. “Những kẻ chủ trương luân hồi hướng thượng kể lể về sự trong sách" là như thế. Chúng chưa xa lìa tham ái ờ hữu và phi hữu. Tham ái: Ái cảnh sắc, ái cảnh thinh, ái cảnh khí, ái cảnh vị, ái cảnh xúc, ái cảnh pháp. ở hữu và phi hữu: ở dục giới, sắc giới, vô sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp, ở sự hiện hữu lần nữa; ở sự hiện hữu của nghiệp là dục giới, ở sự hiện hữu lần nữa là dục giới, ở sự hiện hữu của nghiệp là sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp là vô sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là vô sắc giới; ở sự

hiện hữu được lặp đi lặp lại, ở cảnh giới tái sanh được lặp đi lặp lại, ở sự tiếp nối tái sanh được lặp đi lặp lại, ở sự sanh ra của bản ngã được lặp đi lặp lại, [các vị ấy] có tham ái chưa được xa lìa, có tham ái chưa được tách lìa, có tham ái chưa được từ bỏ9 có tham ái chưa được tẩy trừ, có tham ái chưa được giải thoát, có tham ái chưa được dứt bỏ, có tham ái chưa được buông bỏ. "Chúng chưa xa lìa tham ái ở hữu và phi hữu" là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng: ífSau khi nương tựa vào điều đã bi chán ghét ấy [khổ hạnh], hoặc vào điều đã được thấy, vào điều đã được nghe, hoặc vào điều đã được cảm giác, những kẻ chủ trương luân hồi hướng thượng kể lể về sự trong sạch, chủng chưa xa lìa tham ải ở hữu và phỉ hữu."

13.8. Bởi vìf người trong khỉ ước nguyện thì có các sự tham muốn, Thậm chỉ còn có sự run sợ về các điều đã được xếp đặt. ở đây, đối với vi nào tử và sanh là không có, Vỉ ây CÓ thê run rây vì cải gì, có thê tham muôn vê cái gì? Bỏi vì, ngiròĩ trong khi ước nguyện

thì có các sự tham muốn: Ước nẹuyện nói đen tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đam, tham, cội nguồn của bất thiện. Người trong khỉ ước nguyện: Đối với người đang ước nguyện, đối với n^ười đang ước muốn, đối với người đang ưng thuận, đối với người đang mong câu, đối với người đang nguyện câu. "Bỏd vì, người trong khi ước nguyện^ là như thế. Các sự tham muốn: Tham muốn nói đến tham ải, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. "Bởi vì, người trong khi ước nguyện thì có các sự tham mu6n" là như thế. Thâm chí còn có sự run sợ về các điều đã được xếp đặt. Sự xếp đặt: Có hai sự xếp đặt: xếp đặt do tham ái và xếp đặt do tà kiến.... (nt)... điều này là xếp đặt do tham ái.... (nt)... điều này là xếp đặt do tà kiến. Thậm chí còn có sự run sợ vê các điêu đã được xép đặt: Có sự lo âu ...M A • 'm i a M . í vê việc chiêm đoạt vật đã được xép đặt nên chúng run rây, trong khi đang bị chiêm đoạt chúng run rây, khi đã bị chiêm đoạt chúng run rây; có sự lo âu vê việc biên đôi của vật đã được xép đặt nên chúng run rây, trong khi vật đang bị biến đổi chúng run rẩy, khi vật đã bi biến đổi chúng run rẩy, chúng run sợ, chúng rúng động. "Tham chí còn có sự run sợ về các điều đã được xếp đặf? là như thế. ở đây, đối với vi nào tử và sanh là không có. Đoi với vị nào: Đôi với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt; đôi với vị ấy sự ra đi, sự đi đến, sự ra đi và đi đến, thời điểm [từ trần], cảnh giới tái sanh,

hữu và phi hữu, sự tử vong, sự tái sanh, sự hạ sanh, sự tan rã, sự sanh-già-chết là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. “d dây, đối với vị nào tử và sanh là không c6” là như thế. Vị ấy có thể run rẩy vì cái gì9 có thể tham muốn về cái gì? Vị ấy có thể run rẩy bởi sự luyến ái gi, có thể run rẩy bởi sự san hận gi, có thể run rẩy bởi sự si mê gi, có thể run rẩy bởi sự ngã mạn gcó thê run rây bởi tà kiến gì, có thể run rẩy bởi sự phóng dật gì, có thể run rây bởi hoài nghi gì, có thể run rẩy bởi các pháp tiềm an gì, [nghĩ rằng]: "C6 phải ta là 'kẻ bi luyến ái\ hoặc là 'kẻ bi sân hận\ hoặc là 'kẻ bị si mê\ hoặc là 'kẻ bị trói buộc\ hoặc là ckẻ bị bám víu', hoặc là 'kẻ bi tán loạn9, hoặc là 'kẻ không dứt khoát\ hoặc là 'kẻ cứng coi9?59 Các pháp tạo tác ấy là đã được dứt bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các pháp tạo tác, thì do điều gì vi ấy có thể run ray về cảnh giới tái sanh, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở thành 'người địa ngục', hoặc là 'loài thú\ hoặc là 'thân phận nga quỷ\ hoặc là 'loài người\ hoặc là 'thiên nhân\ hoặc là 'người hữu sắc', hoặc là 'người vô sắc\ hoặc là 'người hữu tưởng', hoặc là 'người vô tưởng', hoặc là 'người phi tưởng phi phi tưởng9Không có nhân, không có duyên, khônẹ có lý do, mà bởi điêu ấy vi áy có thê run rây, run sợ, rúng động. ấy có the run rẩy vì cái gi?” là như thế. Có thể tham muốn về cái gi: Hoặc là có thể tham muốn về chỗ nào, có thể tham muốn về điều gì, có thể tham muốn, có thể khởi tham muốn, có thể nguyện cầu về nơi nào. "Vi ấy có thể run rẩy vì cái gì, có thể tham muốn về cái gi?" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: “Bởi Vỉ, người trong khi ước nguyện thỉ có các sự tham muốn, Thậm chí còn có sự run sợ về các điều đã được xếp đặt. ở đầy, đối với vị nào tử và sanh là không có, Vị ây CÓ thê run rây vì cải gì, có thê tham muôn vê cải gì?"

13.9. Pháp nào mà một sổ vỉ đã nói là ^tổi thằng \ Trải lại, những vi khác đã nỏi về pháp ấy là "thấp hèn ”; Vậy trong số những vi này, lời nói nao là sự thật, Bởi vì tất cả các vi này đều tuyên bo [mình] là thiện xảo? Pháp nào mà một số vi đã nói là 6ítối thắng” Giáo pháp, quan điểm, cách thực hành, đạo lộ nào mà một số Sa-môn và Bà-la-môn đã nói như vầy, thuyết như vây, phát ngôn như vây, giảng giải như vây, diên tả như vây: "Điêu này là tối thắng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quy." 'Tháp nào mà một số vi đã nói là 'tối thắng'" là như thế. Trái lại, những vi khác đã nói về pháp ấy là thấp hèn: Một số Sa-môn và

Bà-la-môn đã nói như vầy, thuyết như vầy, phát ngôn như vầy, giảng giải như vầy, diễn tả như vầy về giáo pháp, về quan điểm, về cách thực hành, về đạo lộ ấy rằng: "Điều ấy là thấp hèn, điêu ấy là hèn kém, điều ấy là thấp kém, điều ấy là thấp thỏi, điều ấy là toi tệ, điều ấy là nhỏ nhoi." "Trái lại, những vị khác đã nói về pháp ấy là 'thấp h©n'" là như thế. Vậy trong số những vi này, lời nói nào ỉa sự thật: Trong số các Sa-môn và Bà-la-môn này, lời nói nào là sự thật, là đúng đắn, là thực thể, là đang xảy ra, là chính xác, là không bi sai lệch. "Vậy trong số những vị này, lời nói nào là sự thát" là như thế. Bỏi vì tất cả các vi này đều tuyên bố [mình] là thiện xảo: Toàn bộ tất cả các Sa-môn và Bà-la-môn này đều có học thuyết thiện xảo, có học thuyết sáng suốt, có học thuyết vững chắc, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá trị dựa theo quan niệm của mình. "Bởi vì tất cả các vị này đều tuyên bố [mình] là thiện xảo" là như thế. Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng: '"Pháp nào mà một sô vi đã nói là 'tôi thăng: Trái lại, những vi khác đã nói vê pháp ây là 'tháp hèn ; Vậy trong sổ những vi này, lời nói nào là sự thật, 9 m ọ r y A 1 n ĩ y D Bởi vì tát cả các vi này đêu tuyên bô [mình] là thiện xảo?"

13.10. Chủng đã tuyên bổ pháp của chính mình là hoàn hảo, Hơn nữa, chủng đã tuyên bổ pháp của người khác là thấp hèn. Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vây, chúng tranh cãi, Và đã tuyên bổ quan điểm riêng của từng cả nhân là chân lỷ. Chúng đã tuyên bố pháp của chính mình là hoàn hảo: Một số Sa-môn và Bà-la-môn đã nói như vây, thuyêt như vây, phát ngôn như vây, giảng giải như vầy, diễn tả như vầy về giáo pháp, về quan điểm, về cách thực hành, về đạo lộ của chính mình rằng: "Biều này là đầy đủ, hoàn hảo, không thiếu s6t." "Chúng đã tuyên bố pháp của chính mình là hoàn ho" là như vậy. Hơn nữa, chúng đã tuyên bố pháp của người khác là thấp hèn: Một số Sa-môn và Bà-la-môn đã nói như vầy, thuyết như vầy, phát ngôn như vầy, giảng giải như vầy, diễn tả như vầy về giáo pháp, về quan điểm, về cách thực hành, vê đạo lộ của người khác rằng: “Biều ấy là thấp hèn, điều ấy là hèn kém, điều ấy là thấp kém, điều ấy là thấp thỏi, điều ấy là tồi tệ, điều ấy là nhỏ nhoi." "Hơn nữa, chúng đã tuyên bố pháp của người khác là thấp hèn,9 là như thế. Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, chúng tranh cãi: Sau khi chấp nhận, sau khi tiếp thu, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt như vậy, chúng tranh cãi, thực hiện sự cãi cọ, thực hiện sự cãi lộn,

thực hiện sự cãi vã, thực hiện sự tranh cãi, thực hiện sự gây gổ rằng: "Nguôi không biết Pháp và Luật này... (nt).. hoặc ngươi hãy gỡ rối nếu ngươi có khả nang?5 "Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, chúng tranh ci" là như thế. Và đã tuyên bố quan điểm riêng của từng cá nhân là chân lý: Chúng đã tuyên bố quan điểm riêng của từng cá nhân là chân lý rằng: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý5 điều khác là rồ dại"; chúng đã tuyên bố quan điểm riêng của từng cá nhân là chân lý rằng: "Thế giới là không thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý5 điều khác là rồ dại." uVà đã tuyên bố quan điểm riêng của từng cá nhân là chân ly" là như thế. Vì the, đức The Tôn đã noi răng: Chúng đã tuyên bo pháp của chỉnh mình là hoàn hảo, Hơn nữa, chủng đã tuyên bô pháp của người khác là tháp hèn. Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, chúng tranh cãi, z 9

Và đã tuyên bô quan diêm riêng của từng cả nhân là chân ly."

13.11. Nếu là thấp hèn do việc bị khinh miệt của người khác, Thì không có pháp nào là đặc biệt trong sổ các pháp, Bởi vì so đông tuyên bo pháp của người khác là thấp hèn, Trong khi nói một cách chắc chan ve [pháp] của chính mình. Nếu là thấp hèn do việc bi khinh miệt của người khác: Nếu bởi lý do bị khinh miệt, bởi lý do bị chê bai, bởi lý do bi chê trách, bởi lý do bi gièm pha của người khác, mà kẻ khác trở thành ngu si, thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi te, nhỏ nhoi. “Nếu là thấp hèn do việc bị khinh miệt của người khác” là như thế. Thì không có pháp nào là đặc biệt trong sô các pháp: Thì trong sô các pháp, không có pháp nào là cao cả, nhát hạng, thù thăng, dân dâu, tối thượng, cao quý. "Thi không có pháp nào là đặc biệt trong số các pháp” là như thế. Bởi vì số đông tuyên bổ pháp của người khác là thấp hèn: Nhiều người tuyên bố, gièm pha, chê bai, chê trách pháp của nhiều người là thấp hèn, là hèn kém, là thấp kém, là thấp thỏi, là toi te, là nhỏ nhoi; nhiều người tuyên bố, gièm pha, chê bai, chê trách pháp của một người là thấp hèn, là hèn kém, là thấp kém, là thấp thỏi, là tồi tệ, là nhỏ nhoi; một người tuyên bố, gièm pha, chê bai, chê trách pháp của nhiều người là thấp hèn, là hèn kém, là thấp kém, là thấp thỏi, là tồi tệ, là nhỏ nhoi; một người tuyên bố, gi©m pha, chê bai, chê trách pháp của một người là thấp hèn, là hèn kém, là tháp kém, là thấp thỏi, là tồi tệ, là nhỏ nhoi.

ĐẠI DIỄN GIẢI 265

"Bởi vì số đông tuyên bố pháp của người khác là thấp hèn,, là như thế. Trong khi nói một cách chắc chắn về [pháp] của chính mình: Pháp là o • 7x A M •r L Ze đường lôi của mình, quan diêm là đường lôi của mình, lôi thực hành là đường lối của mình, đạo lộ là đường lối của mình; chúng có lời nói chắc chắn, có lời nói vững chắc, có lời nói vững mạnh, có lời nói kiên đinh về đường lối của mình. "Trong khi nói một cách chắc chắn về [pháp] của chính minh" là như thế. x TẠ Ạ4_ J *1 FT^I _ Ạf TIA _ / • \ w __ Vì the, đức The Ton đã noi rang: “Nhu là thấp hèn do việc bỉ khinh miệt của người khác, Thì không có pháp nào là đặc biệt trong sổ các pháp, Bởi vì so đông tuyên bo pháp của người khác là thấp hèn, Trong khi nói một cách chác chăn vê [pháp] của chính mình,"

13.12. Hơn nữa, việc tôn vinh pháp của chính mình sẽ là như thế ấy, Giống như cách chúng ngợi khen đường lối của mình. Toàn bộ tất cả các học thuyết có thể là đủng đắn, Bởi vì sự trong sạch của chủng chỉ liên quan đen cá nhân. Hơn nữa, việc tôn vinh pháp của chính mình sẽ là như thế ấy: Việc tôn vinh pháp của chính mình là việc nào? Họ trọng vọng, cung kính, sùng bái, tôn vinh bậc Đạo sư của mình răng: uBậc Đạo sư này là đang Toàn tri" việc này là việc tôn vinh pháp của chính mình. Họ trọng vọng, cung kính, sùng bái, tôn vinh giáo lý của mình,... tập thể của minh,... quan điểm của mình,... lối thực 5 ĩ hành của mình,... đạo lộ của mình răng: "Bạo lộ này dân dát ra khỏf,; việc này là việc tôn vinh pháp của chính mình. Hơn nữa, việc tôn vinh pháp của chính mình sẽ là như thế ấy: Việc tôn vinh pháp của chính mình là như thế, là đúng đắn, là đang xảy ra, là chính xác, là không bị sai lệch. "Hơn nữa, việc tôn vinh pháp của chính mình sẽ là như thế ấy" là như thế. Giống như cách chúng ngợi khen đường lối của mình: Pháp là đường lối của mình, quan điểm là đường lối của mình, lối thực hành là đường lối của mình, đạo lộ là đường lối của mình; chúng ca ngợi, khen ngợi, tán dương, ca tụng đường lối của mình. "Giống như cách chúng ngợi khen đường lối của minh" là như thế. Toàn bộ tất cả các học thuyết có thể là đúng đắn: Toàn bộ tất cả các học thuyết có thể là như thế, là đúng đắn, là đang xảy ra, là chính xác, là không bị sai lệch. "Toàn bộ tất cả các học thuyết có thể là đúng đắn" là như thế. Bởi vì sự trong sạch của chúng chỉ liên quan đến cá nhân: Sự trong sạch, sự thanh tinh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi của các Sa-môn và Bà-la-môn ấy chỉ liên quan đến cá nhân.

"Bởi VÌ Sự trong sạch của chúng chỉ liên quan đến cá ĩlhân^^ là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Hơn nữa, việc tôn vinh pháp của chỉnh mình sẽ là như thế ấy, Giống như cách chủng ngợi khen đường lối của mình. Toàn bộ tát cả các học thuyêt có thê là đúng đan, Bởi vì sự trong sạch của chúng chỉ liên quan đen cá nhân."

13.13. Đổi với vị Bà-la-mônf không có việc bỉ dẫn dắt bởi người khác sau khi suy xét điều đã được nắm bắt trong số các pháp [tà kiến], Do điều ấy, vị Bà-la-môn vượt lên trên các sự tranh cãi, bởi vì vi Bà-ỉa-môn không nhìn thây học thuyêt khác là tôi thăng. Đối với vi Bà-la-môii, không có việc bi dẫn dắt bởi người khác. Không: Là sự phủ định. Vi Bà-la-môn: Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ bảy pháp:... (nt)... Không nương nhờ, tự tại, vị ấy được gọi là Bà-la-môn. Đối với vỉ Bà-la-môn, không có việc bi dẫn dắt bỏi người khác: Đối với vị Bà-la-môn? không có trạng thái bị dẫn dát bởi người khác; vi Bà-la-môn không bị dẫn dắt bởi người khác, không phụ thuộc người khác, không trông cậy ngưòd khác, không đi đến sự bị trói buộc với người khác, vị biết, vị thấy, không bị mê muội, có sự nhận biết rõ, có niệm. Đối với vị Bà-la-môn, không có trạng thái bị dẫn dắt bởi người khác [để hiểu] rằng: "Tất cả các hành là vô thuơng"; vi Bà-la-môn không bị dẫn dắt bởi người khác, không phụ thuộc người khác, không trông cậy người khác, không đi đến sự bị trói buộc với người khác, vi biết, vị thấy, không bị mê muội, có sự nhận biết rõ, có niệm. Đối với vị Bà- la-môn, không có trạng thái bi dẫn dắt bởi người khác [để hiểu] rằng: "Tất cả các hành là kh8"... (nt)... "Điều gì có bản tánh được sanh

lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet"; vị Bà-la-môn không bi dẫn dắt bởi người khác, không phụ thuộc người khác, không trông cậy người khác, không đi đến sự bi trói buộc với người khác, vi biêt, vi thấy, không bị mê muội, có sự nhận biết rõ, có niệm. uĐối với vị Bà-la-môn, không có việc bi dẫn dắt bởi người khác,9 là như thế. Sau khi suy xét điều đã được nắm bắt trong số các pháp. Trong số các pháp: Là trong số sáu mươi hai tà kiến. Sau khi suy xét: Sau khi đã suy xét, sau khi đã suy cứu, sau khi đã suy gẫm, sau khi đã suy nghiệm, sau khi đã cân nhắc, sau khi đã xác đinh, sau khi đã minh định, sau khi đã làm rõ rệt, sự nắm lấy có giới hạn, sự nắm lấy từng phần, sự nắm lấy phần quan trọng nhất, sự nắm lấy một khối, sự nắm lấy theo số lượng, sự nắm lấy tổng thể rằng: "Diều này là sự thật, là đúng đắn, là thực thể, là đang xảy ra, là xác đáng, là không bị sai lệch,5; điều đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến như

thế là không có, không hiện diện, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ? đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tinh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. “Sau khi suy xét điều đã được nắm bắt trong số các pháp [tà kiến]" là như thế. Do điều ấy, vi Bà-ỉa-môn vượt lên trên các sự tranh cãi. Do điều ấy: Do điều ấy là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, vi Bà-la-môn vượt lên trên, vượt quá, vượt qua hẳn, vượt qua khỏi các sự cãi cọ về quan điểm, các sự cãi lộn về quan điểm, các sự cãi vã về quan 7 : • y ,• ' M £ diêm, các sự tranh cãi vê quan diêm, các sự gây gô vê quan diêm. "Do điều ấy, vi Bà-la-môn vượt lên trên các sự tranh ci" là như thế. Bởi vì vi Bà-la-môn không nhìn thấy học thuyết khác là tối thắng: Vị Bà-la-môn không nhìn thấy, không nhận thấy, không quan sát, không suy xét, không khảo sát bậc Đạo sư khác, giáo lý khác, táp thể khác, quan điểm khác, lối thực hành khác, đạo lộ khác là pháp cao cả, nhát hạng, thù thắng, dẫn dầu, tối thượng, cao quý; ngoại trừ các sự thiết lập niệm, ngoại trừ các chánh cần, ngoại trừ các nền tảng của thần thông, ngoại trừ các quyền, ngoại trừ các lực, ngoại trừ các yếu tố đưa đến giác ngộ, ngoại trừ đạo lộ Thánh thiện tám chi phần. "Bởi vì vị Bà-la-môn không nhìn thấy học thuyết khác là tối thắng,, là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: ^Đối với vỉ Bà-ỉa-môn, không có việc bị dẫn dắt bởi người khác sau khi suy xét điều đã được nam bắt trong so các pháp [tà kiến]. Do điều ẩy, vi Bà-la-môn vượt lên trên các sự tranh cãi, bởi Vỉ vi Bà4a-môn không nhìn thấy học thuyết khác là tối thắng."

13.14. [Nói rằng:] “T6i biết, tôi thấy điều ấy chắc chắn là như thế"', Một số tin rằng sự trong sạch là do việc thấy. Nêu đã nhìn thấy, điều gì có được cho bản thân với việc [thấy] ấy? Sau khi bỏ qua, chủng nói về sự trong sạch theo cách khác. Tôi biết, tôi thấy điều ấy chắc chắn là như thế. Tôi biết: Tôi biết bằng trí nhận biết tâm của người khác, hoặc tôi biết bằng trí nhớ lại các kiếp sống quá khứ. Tôi thấy: Tôi thấy bằng nhục nhãn, hoặc tôi thấy bằng thiên nhãn. Điều ấy chắc chắn là như thế: Điều ấy là đúng đắn, là đang xảy ra, là xác đáng, là không bi sai lệch. "Tôi biết, tôi thấy điều ấy chắc chắn là như thế" là như thế. Một số tin rằng sự trong sạch là do việc thấy: Một số Sa-môn và Bà-la-môn tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự

giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do việc thấy. Một số Sa-môn và

Bà-la-môn tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do việc thấy rằng: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại.,, Một số Sa-môn và Bà-la-môn tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do việc thấy rang: "Thế giới là không thường còn5... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại" "Một số tin rằng sự trong sạch là do việc thấy" là như thế. Nếu đã nhìn thấy, điều gì có được cho bản thân vơi việc [thấy] ấy? Đã nhìn thấy: Đã nhìn thấy bằnẹ trí nhận biết tâm của người khác, hoặc đã nhìn thấy bằng trí nhớ lại các kiếp sống quá khứ, hoặc đã nhìn thấy bằng nhục nhãn, hoặc đã nhìn thấy bằng thiên nhãn. “Nếu đã nhìn thấy" là như thế. Điều gì có được cho bản thân với việc [thấy] ấy? Với việc nhìn thấy ấy của vị ấy thì đã làm được gì? Không có sự biết toàn diện về khổ, không có sự dứt bỏ tập, không có sự tu tập đạo, không có sự dứt bỏ do đoạn trừ luyến ái, không có sự dứt bỏ do đoạn trừ sân hận, không có sự dứt bỏ do đoạn trừ si mê, không có sự dứt bỏ do đoạn trừ các ô nhiễm, không có sự bẻ gãy vòng quay luân hồi. "Nếu đã nhìn thấy, điều gì có được cho bản thân với việc [thấy] ấy?" là như thế. Sau khi bỏ qua, chúng nói về sự trong sạch theo cách khác: Những kẻ ngoại đạo ấy, sau khi đã vượt quá, sau khi đã vượt qua hẳn, sau khi đã vượt qua khỏi đạo lộ trong sạch, đạo lộ thanh tịnh, đạo lộ hoàn toàn trong sạch, đạo lộ trong trăng, đạo lộ thuẫn khiêt, chúng nói, thuyêt giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả ve sự trong sạch, sự thanh tinh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi, ngoại trừ các sự thiết lập niệm, ngoại trừ các chánh cần, ngoại trừ các nền tảng của thần thông, ngoại trừ các quyên, ngoại trừ các lực, ngoại trừ các yêu tô đưa đên giác ngộ, ngoại trừ đạo lộ Thánh thiện tám chi phan. "Sau khi bỏ qua, chúng nói ve sự trong sạch theo cách khác^ là như vậy. Hoặc là, chư Phật, chư Thinh văn của đức Phật và chư Phật Độc Giác, .• 9 4 o • : sau khi đã vượt quá, sau khi đã vượt qua han, sau khi đã vượt qua khỏi đạo lộ không trong sạch, đạo lộ không thanh tinh, đạo lộ không hoàn toàn trong sạch, đạo lộ không trong trắng, đạo lộ không thuần khiết của những kẻ ngoại đạo ấy, các Ngài nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả về sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi do bốn sự thiết lập niệm, do bốn chánh cần, do bốn nền tảng của thần thông, do năm quyền, do năm lực, do bảy yếu to đưa đến giác ngộ, do đạo lộ Thánh thiện tám chi phần.

"Sau khi bỏ qua, chúng nói về sự trong sạch theo cách khác,9 còn là như vậy.

Y T rpl Á Ay s u rin w
Vì the, đức The Ton đã noi răng:
x z r y r r r

"[N6i răng:] 'Tôi biêt, tôi thây điêu ây chác chăn là như thê
Một sô tin răng sự trong sạch là do việc thây.
Nêu đã nhìn thay, điều gì có được cho bản thân với việc [thay] ấy?
y
Sau khi bỏ qua, chủng nói vê sự trong sạch theo cách khác'

13.15. Một người, trong khi nhìn, sẽ nhìn thấy danh và sắc, Hoặc sau khỉ nhìn thây thì sẽ biêt chỉ môi chúng mà thôi. Hãy đe người ấy nhìn nhiều hay ít theo ỷ thích, Các bậc thiện xảo hẳn nhiên không nói sự trong sạch là do điều ấy. Một người, trong khi nhìn, sẽ nhìn thấy danh và sắc: Một nẸười trong khi nhìn bằng trí nhận biết tâm của người khác, hoặc trong khi nhìn băng trí nhớ lại các kiếp sống quá khứ, hoặc trong khi nhìn bằng nhục nhãn, hoặc trong khi nhìn bằng thiên nhãn thì nhìn thấy danh và sắc là thường còn, là hạnh phúc, là tự ngã, không nhìn thấy nhân sanh khởi, hoặc sự biến hoại, hoặc sự hứng thú, hoặc sự bất lợi, hoặc sự thoát ra đối với các pháp ấy. "Một người, trong khi nhìn, sẽ nhìn thấy danh và sắc" là như thế. Hoặc sau khỉ nhìn thấy thì sẽ biết chỉ mỗi chúng mà thôi. Sau khi nhìn thây: Sau khi nhìn bang trí nhận biêt tâm của người khác, hoặc sau khi nhìn bằng trí nhớ lại các kiếp song quá khứ, hoặc sau khi nhìn bằng nhục nhãn, hoặc sau khi nhìn bằng thiên nhãn, sau khi nhìn thấy danh và sắc thì sẽ được biết chúng là thường còn, là hạnh phúc, là tự ngã, sẽ không được biết nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi, hoặc sự thoát ra đoi với các pháp ấy. "Hoặc sau khi nhìn thấy thì sẽ biết chỉ mỗi chúng mà th6i" là như thế. Hãy để người ấy nhìn nhiều hay ít theo ý thích: Trong khi nhìn thấy danh và sắc nhiều hay ít tùy theo ý thích là thường còn, là hạnh phúc, là tự ngã. "Hãy để người ấy nhìn nhiều hay ít theo ý thích" là như thế. Các bậc thiện xảo hẳn nhiên không nói sự trong sạch là do điều ấy. Các bậc thiện xảo: Là các bậc thiện xảo về uẩn, thiện xảo về giới, thiện xảo về xứ, thiện xảo về pháp tùy thuận sanh khởi, thiện xảo về sự thiết lập niệm, thiện xảo về chánh cần, thiện xảo về nền tảng của thần thông, thiện xảo về quyền, thiện xảo về lực, thiện xảo về giác chi, thiện xảo về Bạo, thiện xảo về Quả, thiện xảo về Niết-bàn; các bậc thiện xảo ấy không nói, không thuyết giảng, không phát ngôn, không giảng giải, không diễn tả về sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do việc thấy danh và sắc bằng trí nhận biết tâm của người khác, hoặc bằng trí nhớ lại các kiếp sống quá khứ, hoặc bằng nhục nhãn, hoặc bằng thiên nhãn.

"Các bậc thiện xảo hẳn nhiên không nói sự trong sạch là do điều ấy" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: í(Một người, trong khỉ nhìn, sẽ nhìn thấy danh và sắc, Hoặc sau khi nhìn thây thì sẽ biêt chỉ môi chúng mà thôi. Hãy để người ấy nhìn nhiều hay ít theo ỷ thích, Các bậc thiện xảo hẳn nhiên không nói sự trong sạch là do điều ấy."

13.16. Kẻ chấp chặt vào học thuyết quả thật không dễ hướng dẫn, Kẻ đang chủ trọng quan điểm đã được xếp đặt. Nương tựa vào cải gì thì nói điều tốt đẹp về cải ấyf Với lời tuyên bổ về sự trong sạch, kẻ ấy đã nhìn thấy thực thể ở nơi ấy. Kẻ chấp chặt vào học

thuyết quả thật không dễ hướng dẫn: Kẻ chấp chặt vào học thuyết rằng: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại." Kẻ chấp chặt vào học thuyết rằng: "Thế giới là không thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý? điều khác là rồ d@i." Quả thật không dễ hướng dẫn: Kẻ chấp chặt vào học thuyết là khó hướng dẫn, khó làm cho hiểu được, khó làm cho lưu tâm, khó giúp cho thấy, khó tạo được niềm tin. uKẻ chấp chặt vào học thuyết quả thật không dễ hướng dan,9 là như thế. Kẻ đang chú trọng quan diêm đã được xép đặt: Kẻ ây sông, chú trọng quan điểm đã được sắp dặt, đã được xếp đặt, đã được tạo tác, đã được thành lập, có quan điểm là ngọn cờ, có quan điểm là biểu hiện, có quan điểm là chủ đạo, rr e 9

kẻ ây sông, được vây quanh bởi quan diêm. uKẻ đang chú trọng quan diêm đã được xép dặt" là như thê. Nương tựa vào cái gì thì nói điều tốt đẹp về cái ấy. Nương tựa vào cái gì: Nương tựa, nương nhờ, bám vào, đến gần, bám chặt, hướng đến bậc Đạo sư nào, giáo lý nào, tập thể nào, quan điểm nào, lối thực hành nào, đạo lộ nào. "Nuông tựa vào cái gi" là như thế. về cái ấy: về quan điểm của mình, về sự chấp nhận của mình, về sự ưa thích của mình, về quan niệm của mình. Nói điều tốt đẹp: Nói lời tốt đẹp, nói lời lịch sự, nói lời sáng suốt, nói lời vững chắc, nói lời đúng đắn, nói lời thực tiễn, nói lời rõ rệt, nói lời gương mẫu, nói lời giá tri dựa theo quan niệm của mình. "Nương tựa vào cái gì thì nói điều tốt đẹp về cái ấy" là như thế. Với lời tuyên bố về sự trong sạch, kẻ ấy đã nhìn thấy thực thể ờ Ì(ri ấy: Với lời tuyên bố về sự trong sạch, với lời tuyên bố về sự thanh tịnh, với lời

tuyên bô vê sự hoàn toàn trong sạch, với lời tuyên bô vê sự thuân khiêt; hoặc là với sự thấy trong sạch, với sự thấy thanh tịnh, với sự thấy hoàn toàn trong sạch, với sự thây trong trăng, với sự thây thuân khiêt. "Với lời tuyên bô vê sự trong sạch' là như thế? ở nơi ấy: ở quan điểm của mình, ở sự chấp nhận của mình, ở sự ưa thích của mình, ở quan niệm của mình, kẻ ấy đã nhìn thấy, đã nhận thấy, đã nhìn xem, đã thấu triệt thực thể, sự đúng đắn, việc đang xảy ra, sự xác dáng, sự không bị sai lệch. uVới lời tuyên bố về sự trong sạch, kẻ ấy đã nhìn thấy thực thể ở nơi ấy" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Kẻ chấp chặt vào học thuyết quả thật không dễ hướng dẫn, Kẻ đang chú trọng quan điểm đã được xếp đặt. Nương tựa vào cái gì thì nói điều tốt đẹp về cái ấy, Với lời tuyên bô vê sự trong sạch, kẻ ây đã nhìn thây thực thê ở nơi ây, "

13.17. Sau khi cân nhăcf vi Bà-la-môn không tiêp cận sự sáp đặt [do tham ái hoặc tà kiến], không có sự hùa theo tà kiến, cũng không có sự trói buộc [sanh ra] do các loại trí. Và vị ấy, sau khỉ biết các quy ước được sanh ra từ số đông, thì hành xả, còn những kẻ khác tiếp thu. r Sau khi cân nhác, vi Bà-la-môn không tiêp cận sự săp đặt [do tham ái hoặc tà kiến]. Không: Là sự phủ định. Vi Bà-la-môn: Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ bảy pháp:... (nt)... Không nương nhờ, tự tại, vi ấy được gọi là Bà-la-môn. Sắp đặt: Có hai sự sắp đặt: Sự sắp đặt do tham ái và sự sắp đặt do tà kiến. ... (nt)... điêu này là sự săp đặt do tham ái. ... (nt)... điêu này là sự săp đặt do tà kiến. Sự cân nhắc: Nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Sau khỉ cân

nhắc, vi Bà-ỉa-môn không tiếp cận sự sắp đặt [do tham ái hoặc tà kiến]: Vị Bà-la-môn, sau khi cân nhắc, sau khi biết được, sau khi suy xét, sau khi xác định, sau khi minh đinh, sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là vô thuơng", “Tất cả các hành là khổ,\... (nt).. "Biều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệf\ sau khi cân nhắc, sau khi biết được, sau khi suy xét, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt, [vị ấy] không đi đến, không tiếp cận, không đi đến gần, không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt sự sắp đặt do tham ái hoặc sự sắp đặt do tà kiến.

“Sau khi cân nhắc, vị Bà-la-môn không tiếp cận sự sắp đặt [do tham ái hoặc tà kiến]" là như thế. Không có sự hùa theo tà kiến, cũng không có sự trói buộc [sanh ra] do các loại trí: Đối với vi ấy, sáu mươi hai tà kiến là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. Vi ấy không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bi lôi di, không bị mang đi bởi tà kiên, cũng không xem tà kiên ây là có cót lõi, và cũng không quay vê lại. "Không có sự hùa theo tà kiên,^ là như thê. Cũng không có sự trói buộc [sanh ra] do các loại trí: Là không tạo lập, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh ra sự trói buộc vào tham ái hoặc sự trói buộc vào tà kiến do trí của tám sự chứng đạt [vê thiên], hoặc do trí của năm thăng trí, hoặc do trí sái quây. "Không có sự hùa theo tà kiến, cũng không có sự trói buộc [sanh ra] do các loại trí" là như thế. Và vi ấy, sau khi biết các quy ước được sanh ra từ số đông. Sau khi biết: Sau khi nhận biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt. Sau khi nhận biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác đinh, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là vô thường.,, Sau khi nhận biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là kh6”,...nt.. "Diều gì có bản tánh được sanh lên, toan bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet." "Và vị ấy, sau khi biết" là như thế. Các quy ước: Nói đên các quy ước vê quan diêm là sáu mươi hai tà kiên. Được sanh ra từ số đông: "Các quy ước ấy được tạo ra bởi các phàm nhan", "được sanh ra bởi sô d6ng” là như thê; hoặc là "các quy ước ây được tạo ra bởi số đông gồm nhiều người khác nhau,,^ "Được sanh ra từ số đông" là như thế. "Và vi ấy, sau khi biết các quy ước được sanh ra từ số d6ng" là như thế. Thì hành xả9 còn những kẻ khác tiếp thu: Những kẻ khác nắm lấy, bám víu, chấp chặt do tác động của tham ái, do tác động của tà kiến; bậc A-la-hán hành xả, không năm lây, không bám víu, không châp chặt. "Thi hành xả, còn những kẻ khác tiếp thu" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Sau khi / cân nhác, vỉ Bà-la-môn r không 2tỉêp cận sự sáp đặt [do tham ải hoặc tà kiên], không có sự hùa theo tà kiên, cũng không có sự trói buộc [sanh ra] do các loại trí. Và vị ấyf sau khỉ biết các quy ước được sanh ra từ so đông, thì hành xả, còn những kẻ khác tiếp thu."

13.18. Sau khỉ thảo gỡ các sự trói buộc ở nơi thế gian này, bậc Hiền trí Không hùa theo phe nhóm ở các cuộc tranh cãi đã được sanh lên. An tịnh giữa những người không an

tỉnh, vị ấy hành xả, Không tiếp thu, còn những kẻ khác tiếp thu, Sau khi tháo gở các sự trói buộc ờ nơi thế gian này, bậc Hiền trí. Các sự trói buộc: Có bốn sự trói buộc: Tham đắm là sự trói buộc về thân, tức giận là sự trói buộc về thân, sự bám víu vào giới và phận sự là sự trói buộc về thân, sự chấp chặt "chỉ điều này là chân ly" là sự trói buộc về thân. Sự luyến ái, tham đắm vào quan điểm của mình là sự trói buộc về thân. Sự tức tối, không băng lòng, tức giận đôi với các học thuyêt của kẻ khác là sự trói buộc vê thân. Có kẻ bám víu vào giới, hoặc phận sự, hoặc giới và phận sự của bản thân; sự bám víu vào giới và phận sự là sự trói buộc về thân. Quan điểm của bản thân có sự chấp chặt "chi điêu này là chân ly" là sự trói buộc về thân. Sau khi tháo gỡ: Sau khi cởi bỏ hoặc sau khi tháo gỡ các sự trói buộc; hoặc là sau khi tháo rời hay sau khi tháo gỡ các sự trói buộc, các vật bị buộc trói. các vật bi buộc ràng, các vật bi cột chặt, các vật bi cột kỹ, các vật bi cột chằng chịt, các vật bị máng vào, các vật bị vướng vào, các vật bi giữ lại, các sự trói chặt. Giống như những người thực hiện sự tháo gỡ5 phá vỡ cái kiệu khiêng, hoặc cỗ xe, hoặc xe tải, hoặc cỗ xe kéo liền lặn; tương tự như vậy, sau khi cởi bỏ hoặc sau khi tháo gỡ các sự trói buộc, hoặc là sau khi tháo rời, hay sau khi tháo gỡ các sự trói buộc, các vật bị buộc trói, các vật bi buộc ràng, các vật bị cột chặt, các vật bị cột kỹ, các vật bi cột chằng chịt, các vật bị máng vào, các vật bi vướng vào, các vật bị giữ lại, các sự trói chặt. Bậc Hiên trí: Bản thê hiên trí nói đên trí,... (nt).. đã vượt qua sự quyên luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là bậc Hiền trí. ở nơi này: ở quan điểm này,... (nt)... ở thế giới loài người này. "Sau khi tháo gỡ các sự trói buộc ở nơi thế gian này, bậc Hiền trí" là như thế. Không hùa theo phe nhóm ờ các cuộc tranh cãi đã được sanh lên: Khi cuộc tranh cãi đã sanh lên, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện giữa những người thiên vị vì mong muốn, giữa những người thiên vi vì sân hận, giữa những người thiên vị vì sợ hãi, giữa những người thiên vị vì si mê, vị ấy không đi đến sự thiên vị vì ưa thích, không đi đến sự thiên vị vì sân hận, không đi đến sự thiên vị vì sợ hãi, không đi đến sự thiên vị vì si mê, không đi đến do tác động của luyến ái, không đi đến do tác động của sân hận, không đi đến do tác động của si mê, không đi đến do tác động của ngã mạn, không đi đến do tác động của tà kiên, không đi đên do tác động của phóng dật, không đi đên do tác động của hoài nghi, không đi đến do tác động của pháp tiềm ẩn, không bị đưa đi, không bị dẫn di, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi các pháp có tính chất phe nhóm.

274 KINH TIÊU Bộ

"Không hùa theo phe nhóm ở các cuộc tranh cãi đã được sanh 10n" là như thế. An tịnh giữa những người không an tinh, vi ấy hành xả. An tịnh: Trạng thái được an tịnh của luyến ái là an tịnh, trạng thái được an tịnh của sân hận là an tịnh, trạng thái được an tịnh của si mê là an tinh,... (nt)... trạng thái được an tịnh, trạng thái được yên lặng, trạng thái được vắng lặng, trạng thái được thiêu hủy, trạng thái được tịch diệt, trạng thái được tách lìa, trạng thái được tịch tinh của tất cả các pháp tạo tác bất thiện là an tịnh, yên tịnh, vắng lặng, tịch diệt, tịch tịnh. "An tjnh" là như thế. Giữa những người không an tinh: Giữa những người không an tịnh, giữa những người không yên tịnh, giữa những người không vắng lặng, giữa những người không tịch diệt, giữa những người không tịch tịnh. "An tịnh giữa những người không an tịnh,, là như thê. Vi ấy

hành xả: Bậc A-la-hán có pháp hành xả ở sáu tình huống: Sau khi thây cảnh sác băng măt, khống có ý ưa thích, không có ý ghét bỏ, hành xả, vị ây sông, có niệm, có sự nhận biêt rõ; sau khi nghe âm thanh băng tai,... (nt). vị có bản thân đã được tu tập, đã được huân luyện chờ đợi thời diêm. “An tịnh giữa những người không an tịnh, vị ấy hành x“ là như thế. Không tiếp thu, còn những kẻ khác tiếp thu: Những kẻ khác nắm lấy, bám víu, chấp chặt do tác động của tham ái, do tác độn^ của tà kiến; bậc A-la- hán hành xả, không nắm lấy, không bám víu, không châp chặt. uKhông tiếp thu, còn những kẻ khác tiếp thu” là như thế. XT\ J1 Ạ 4- - -r • _ N r-r^l Ạ FT1 _ A

Vì the, đức The Ton đã noi răng: "Sau khỉ tháo gỡ các sự trói buộc ở nơi thế gian này, bậc Hiền tri không hùa theo phe nhóm ở các cuộc tranh cãi đã được sanh lên. Vị ấy hành xả, an tinh giữa những người không an tinh, không tiếp thu, còn những kẻ khác tiếp thu,"

13.19. Sau khỉ từ bỏ các lậu hoặc trước đây, không tạo ra những lậu hoặc mới, không là người đi theo sự [tác độnệ của] mong muốn, cũng không phải là kẻ chấp chặt vào học thuyết; vi ấy đã được giải thoát khỏi các tà kiên, là bậc sảng trí, không bị lâm nhơ ở thê gian, không có sự chê trách bản thân. Sau khi từ bỏ các lậu hoặc trước đây, không tạo ra những lậu hoặc mới: Các lậu hoặc trước đây nói đến sắc-thọ-tưởng-hành-thức thuộc quá khứ. Những ô nhiễm nào sanh lên liên quan đến các hành thuộc quá khứ, sau khi từ bỏ, sau khi phế bỏ5 sau khi buông bỏ, sau khi dứt bỏ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm ấy. "Sau khi từ bỏ các lậu hoặc trước đây^ là như thế. Không tạo ra những lậu hoặc mói: Những lậu hoặc mới nói đến sắc-thọ- tưởng-hành-thức thuộc vị lai. Trong khi không tạo nên sự mong muốn, trong

khi không tạo nên sự yêu thương, trong khi không tạo nên, trong khi không làm sanh ra, trong khi không làm sanh khởi, trong khi không làm hạ sanh, trong khi không làm phát sanh ra sự luyến ái liên quan đến các hành thuộc vi lai. "Sau khi từ bỏ các lậu hoặc trước đây, không tạo ra những lậu hoặc m&i" là như thế. Không là người đi theo sự [tác động của] mong muốn, cũng không phải là kẻ chấp chặt vào học thuyết: Vị ấy không đi đến sự thiên vị vì ưa thích, không đi đến sự thiên vị vì sân hận, không đi đến sự thiên vị vì sợ hãi, không đi đến sự thiên vi vì si mê, không đi đến do tác động của luyến ái, không đi đến do tác động của sân hận, không đi đến do tác động của si mê, không đi đến do tác động của ngã mạn, không đi đến do tác động của tà kiến, không đi đến do tác động của phóng dật, không đi đến do tác động của hoài nghi, không đi đến do tác động của pháp tiềm ẩn, không bị đưa đi, không bị dẫn di, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi các pháp có tính chất phe nhóm. '"Không là người đi theo sự [tác động của] mong muốn,, là như thế. Cũng không phải là kẻ chấp chặt vào học thuyết: Kẻ chấp chặt vào học thuyết rằng: "Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại.”...(nt)... Kẻ chấp chặt vào học thuyết rằng: "Chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại. "Không là người đi theo sự [tác động của] mong muốn, cũng không phải

là kẻ chấp chạt vào học thuyết" là như thế. Vi ấy đã được giải thoát khỏi các tà kiến, là bậc sáng trí: Đối với vị ấy, sáu mươi hai tà kiến là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; vị ấy đã được thoát khỏi các tà kiến, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. Bậc sáng trí: Bậc sáng trí là người sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh. ấy đã được giải thoát khỏi các tà kiến, là bậc sáng trí" là như thế. Không bi lấm nhơ ờ thế gian, không có sự chê trách bản thân. Lấm nhơ: Có hai sự lấm nhơ: Lấm nhơ do tham ái và lấm nhơ do tà kiến.... r • ỉ e jF (nt)... điêu này là lâm nhơ do tham ái.... (nt)... điêu này là lâm nhơ do tà kiên. Đối với vị ấy, sự lấm nhơ do tham ái đã được dứt bỏ, sự lấm nhơ do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự lấm nhơ do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự lấm nhơ do tà kiến, vị không bi vấy bẩn không bị lấm nhơ ở thế gian của khổ cảnh, không bị lấm nhơ ở thế gian của loài người, không bị lấm nhơ ở thế gian của chư thiên, không bị lấm nhơ ở thế gian của các uẩn, không bị lấm nhơ ở thế gian của các giới, không bị lấm nhơ ở thế gian của các xứ, không bi nhiễm bẩn, không vấy bẩn, [là người] đã không bi

lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bi vấy bẩn, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Không bi lấm nhơ ở thế gian" là như thế. Không có sự chê trách bản thân: Chê trách bản thân bởi hai lý do: Do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm. Thế nào là chê trách bản thân do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm? Chê trách bản thân rằng: "Ta đã làm uế hạnh về thân, ta đã không làm thiện hạnh về thân." Chê trách bản thân rằng: “Ta đã làm uế hạnh về khẩu..:'Ta đã làm uế hạnh về y."Ta đã giết hại sinh mạng... "Ta đã thực hành tà kiến, ta đã không thực hành chánh kiến"; như vậy là chê trách bản thân do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm. Hoặc là, chê trách bản thân rằng: “Ta không phải là người thực hành đầy đủ các giới.,, Chê trách bản thân rằng: “Ta là người có các giác quan không được gìn giữ."..."Ta là người không biết chừng mực về vật thựrc." "Ta không luyện tập về tỉnh thức.” .. "Ta không có niệm và sư nhận biết rõ/9 ..."Bốn sự thiết lập niệm chưa được ta tu tāp?9... "Bốn chánh cần chưa được ta tu tap"."Bốn nen tảng của thần thông chưa được ta tu tap" ... '"Năm quyền chưa được ta tu tấp y ... "Năm lực chưa được ta tu táp•"..."Bảy yếu tố đưa đến giác ngộ chưa được ta tu tập?9... "Đạo lộ Thánh thiện tám chi phần chưa được ta tu tập."."Kh6 chưa được ta biết toàn diên.” ... "Tập chưa được ta dứt bỏ?9 ... "Đạo chưa được ta tu tập.,, ... "Diệt chưa được ta chứng ngO” như vậy là chê trách bản thân do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm. Trong khi không tạo nên, trong khi không làm sanh ra, trong khi không làm sanh khởi, trong khi không làm hạ sanh, trong khi không làm phát sanh ra nghiệp đã làm có sự chê trách bản thân như vậy, thì không có sự chê trách bản thân. "Không bị lấm nhơ ở thế gian, không có sự chê trách bản thân^ là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng: “Sau khi từ bỏ các lậu hoặc trước dây, không tạo ra những lậu hoặc mới, không là người đi theo sự [tác động của] mong muốn, cũng không phải là kẻ chấp chặt vào học thuyết; vị ấy đã được giải thoát

khỏi các tà kiến, là bậc sáng trí, không bỉ lấm nhơ ở the gian, không có sự chê trách bản thân."

13.20. Vỉ ây là người diệt đạo binh ở tát cả các pháp, ở bát cứ điêu gì đã được thay, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác. Vỉ ấy, cỏ gánh nặng đã được đặt xuống, là bậc Hiền tri đã được thoát ra khỏi, không chịu sự sắp đặt, không phải kiêng chừa, không có ước nguyện^ [đức The Tôn nói vậy], Vị ấy là ngườĩ diệt đạo binh ờ tất cả các pháp, ờ bất cứ điều gì đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác: Đạo binh nói đến đạo binh của Ma vương; uế hạnh về thân là đạo binh của Ma vương, uế hạnh về khẩu là đạo binh của Ma vương, uế hạnh về ý là đạo binh của Ma vương; sự luyến ái, sân hận, si mê, giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bon xẻn, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm,

tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện là đạo binh của Ma vương. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: 1. “Cdc dục là đạo binh thứ nhất của ngươi, thứ nhì nỏi đen sự không thích thủ, thứ ba của ngươi là đói và khát, thứ tư gọi là tham ái. y r 2. Thứ năm của ngươi là dã dượi và buôn ngủ, thứ sáu gọi là sự khiêp đảm, thứ bảy của ngươi là hoài nghi, thứ tám của ngươi là gièm pha, bướng bỉnh. 3. Lợi lộc, sự nổi tiếng, sự trọng vọng, và danh vọng nào đã đạt được một cách sai trải, kẻ nào đê cao bản thân và khỉ dê những người khác. 4. Này Namucī, chúng là đạo binh của ngươi, là quân xung kích của Hắc ám. Kẻ khiêp nhược không chiên thăng nó, và vị đã chiên thăng thì đạt được sự an lạc," Khi nào tất cả các đạo binh của Ma vương và tất cả các ô nhiễm có hành động đoi kháng đã bị đánh bại ya đã bị khuất phục, đã bi đo vỡ, đã bị tan rã, không còn hiện diện, nhờ vào bốn Thánh đạo, vị ấy được gọi là người diệt đạo binh. Vị ấy là người diệt đạo binh ở điều đã được thấy, người diệt đạo binh ở điều đã được nghe, ở điều đã được cảm giác, ở điều đã được nhận thức. ấy là người diệt đạo binh [ô nhiễm] ở tất cả các pháp, ở bất cứ điều gì đã được thay, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác" là như thế. Vi ấy, có gánh nặng đã được đặt xuống, là bậc Hiền trí đã được thoát ra khoi. Gánh nặng: Có ba gánh nặng: Gánh nặng các uẩn, gánh nặng ô nhiễm, gánh nặng các hành. Gánh nặng các uẩn là cái nào? sắc, thọ, tưởng, các hành, thức ở sự nối liền tái sanh; cái này là gánh nặng các uẩn. Gánh năng ô nhiễm là cái nào? Luyên ái, sân hận, si mê,... (nt)... tát cả các pháp tạo tác bát thiện; cái này là gánh nặng ô nhiễm. Gánh nặng các hành là cái nào? Phúc hành, phi phúc hành, bất động hành;2 cái này là gánh nặng các hành. Khi nào gánh nặng các uẩn, gánh nặng ô nhiễm và gánh nặng các hành được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lia, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bi làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; vị ấy được gọi là có gánh năng đã được đặt xuống, có gánh nặng đã được bỏ xuống, có gánh nặng đã được để xuống, có gánh nặng đã được buông xuồng, có gánh nặng đã được quăng xuồng, có gánh nặng đã được tịch tịnh. Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết, sự chọn lựa, sự khám phá, sự chọn lựa pháp, sự quan sát, sự suy xét, sự phân biệt, sự thông thái, sự thông thạo, sự khôn khéo, sự thông suốt, sự cân nhắc, sự khảo sát, sự hiểu biết rộng rãi,

sự thông minh, pháp dẫn đầu, sự thấy rõ, sự nhận biết rõ, vật xuyên thủng, tuệ, tuệ quyền, tuệ lực, tuệ là vũ khí, tuệ là lâu đài, tuệ là

2 Xem chú thích về "phiíc hành, phi phúc hành, bất động hành,, ở trang 77. (ND)

ánh sáng, tuệ là hào quang, tuệ là cây đèn, tuệ là báu vật, sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến; được thành tựu với trí ấy, bậc Hiền trí đạt đến bản thể hiền trí. Ba hiền trí hạnh: Hiền trí hạnh về thân, hiền trí hạnh về khẩu, hiền trí hạnh ve y. Hiền trí hạnh về thân là điều nào? Sự dứt bỏ ba loại uế hạnh về thân là hiền trí hạnh về thân, ba loại thiện hạnh về thân là hiền trí hạnh về thân, trí ở đối tượng thân là hiền trí hạnh về than, sự biết toàn diện về thân là hiền trí hạnh về thân, đạo đồng hành với sự biết toàn diện là hiền trí hạnh về thân, sự dứt bỏ mong muôn và luyên ái ở thân là hiên trí hạnh vê thân, sự chứng đạt tứ thiên có sự diệt của thân hành là hiền trí hạnh về thân; điều này là hiền trí hạnh về thân. Hiền trí hạnh về khẩu là điều nào? Sự dứt bỏ bốn loại uế hạnh về khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, bốn loại thiện hạrứi về khẩu là hiền trí hạnh về khẩii, trí ở đối tượng khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, sự biết toàn diện về khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, đạo đồng hành với sự biết toàn diện là hiền trí hạnh về khẩu, sự dứt bỏ mong muốn và luyến ái ở khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, sự chứng đạt nhị thiền có sự diệt của khẩu hành là hiền trí hạnh về khẩu; điều này là hiên trí hạnh vê khâu. Hiền trí hạnh về ý là điều nào? Sự dứt bỏ ba loại uế hạnh về ý là hiền trí hạnh về ý, ba loại thiện hạnh về ý là hiền trí hạnh về ý, trí ở đối tượng tâm là hiền trí hạnh về ý, sự biết toàn diện về tâm là hiền trí hạnh về ý, đạo đồnệ hành với sự biết toàn diện là hiền trí hạnh về ý, sự dứt bỏ mong muốn và luyến ái ở tâm là hiền trí hạnh về ý, sự chứng đạt Diệt thọ tưởng có sự diệt của tâm hành là hiền trí hạnh về ý; điêu này là hiền trí hạnh về ý. 5. [Chư Phật] đã nói về bậc Hiền trí về thân, bậc Hiền trí về khẩu, bậc Hiền trí ve ỷ, bậc không còn lậu hoặc, bậc Hiền trí thành tựu hiền trí hạnh là bậc có sự dứt bỏ tất cả. 6. [Chư Phật] đã nói về bậc Hiền trí về thân, bậc Hiền trí về khẩu, bậc Hiền tri ve ỷ, bậc không còn lậu hoặc, bậc Hiền trí thành tựu hiền trí hạnh là bậc có điều ác đã được rửa sạch. Được thành tựu ba pháp hiên trí hạnh này là sáu hạng hiên trí: Các bậc Hiên trí tại gia, các bậc Hiền trí xuất gia, các bậc Hiền trí Hữu học, các bậc Hiền trí Vô học, các bậc Hiền trí Độc Giác, các bậc Hiền trí của các bậc Hiền trí. Các bậc Hiên trí tại gia là các hạng nào? Những người tại gia đã thây Niêt- bàn? đã nhận thức giáo pháp, là các bậc Hiền trí tại gia. Các bậc Hiền trí xuất gia là các hạng nào? Những người xuất gia đã thấy Niết-bàn, đã nhận thức giáo pháp, là các bậc Hiền trí xuất gia. Bảy hạng Hữu học là các bậc Hiền trí Hữu học. Các vi A-la-hán là các bậc Hiền trí Vô học. Các vi Phật Độc Giác là các bạc Hiền tri Độc Giác. Các đức Như Lai, A-la-hán Chánh Đang Giác là các bậc Hiền trí của các bậc Hiền trí.

7. Không phải do trạng thải im lặng mà kẻ có bộ dạnệ khờ khạo, ngu dốt trở thành bậc Hiền trí. Nhưng người nào, tựa như người cam lay cái cân rồi chọn lấy vật quỷ giá, là người sáng suốt. 8. Người lánh xa han các điêu ác, người ây là bậc Hiên trí; do việc ây

người ấy trở thành bậc Hiền trí. Người nào hiểu rõ cả hai thế giới (nội tâm và ngoại cảnh), do việc ấy được gọi là bậc Hiền trí 9. Vi biết được bản chất của những kẻ xấu và của những người tốt, nội phần và ngoại phần, ở tất cả thế gian, vỉ được tôn vinh bởi chư thiên và nhân loại, vi đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến]; vỉ ấy là bậc Hiền trí Đã được thoát khỏi: Bậc Hiền trí có tâm đã được thoát khỏi, đã được giải thoát, đã khéo được giải thoát khỏi sự luyến ái, có tâm khỏi sự sân hận, có tâm đã được thoát khỏi, đã được giải thoát, đã khéo được giải thoát khỏi sự si mê,... (nt)... có tâm đã được thoát khỏi, đã được giải thoát, đã khéo được giải thoát khỏi tất cả các pháp tạo tác bất thiện. "Vi ây, có gánh nặng đã được đặt xuồng, là bậc Hiên trí đã được thoát ra kh6i" la như the. Không chiu sự sắp đặt, không phải kiêng chừa, không có ước nguyện, [đức Thế Tôn nói y ấy]. Sắp đặt: Có hai sự sắp đặt: Sự sắp đặt do tham ái và sự sắp đặt do tà kiến. ... (ní).. điều này là sự sắp đặt do tham ái.... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tà kiến. Đối với vị ấy, sự sắp đặt do tham ái đã được dứt bỏ, sự sắp đặt do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự sắp đặt do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự sắp đặt do tà kiến, vị ấy không sắp đặt, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh ra sự sắp đặt do tham ái hoặc sự sắp đặt do tà kiến. uKhông chịu sự sắp đặt^ là như the. Không phải kiêng chừa: Tất cả phàm nhân ngu si bị luyến ái; tất cả các bậc Hữu học, tính luôn phàm nhân tót lành thì tránh khỏi, xa lánh, tránh xa [luyến ái] nhằm đạt đến pháp chưa đạt đến, nham chứng đắc pháp chưa chứng đắc, nhằm chứng ngộ pháp chưa chứng ngộ; vị A-la-hán là đã tránh khỏi, đã xa lánh, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Không chịu sự sắp đặt, không phải kiêng chừa" là nhu thế. Không có ước nguyện. Ước nguyện: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt).. tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với vị nào, sự ước nguyện tham ái ấy là đã được dứt bỏ9 đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; vi ấy được gọi là không có ước nguyện.

280 KINH TIỂU BÔ

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. Thêm nữa, “vj có luyến ái đã được phá v&" là đức Thế Tôn; uvị có sân hận đã được phá là đức Thế Tôn; có si mê đã được phá vỡ là đức Thế Tôn; có ngã mạn đã được phá võr” là đức Thế Tôn; "vj có tà kiến đã được phá v" là đức Thế Tôn; "vj có cây gai đã được phá v&" là đức Thế Tôn; có ô nhiễm đã được phá v" là đức Thế Tôn; đã phân phát, đã phân chia, đã phân phối Pháp bo” là đức Thế Tôn; thực hiện sự chấm dứt các hữu" là đức Thế Tôn; "vị có thân đã được tu tập, có giới đã được tu táp, có tâm đã được tu tập? có tuệ đã được tu táp” là đức Thế Tôn; "vj đã thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ tru ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tjnh” là đức Thế Tôn; “vj có dự phần hoặc sở hữu về y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bênh” là đức Thê Tôn; "vi có dự phân hoặc sở hữu vê vi của mục dích, vê vị của pháp, về vị của giải thoát, về thắng giới, về thắng tâm, về thắng tue” là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn thiền, về

bốn vô lượng [tâm], về bốn sự thể nhập vô sắc" là đức Thế Ton; "vj có dự phần hoặc sở hữu về tám giải thoát, về tám thắng xứ [của thiền], về chín sự thể nhập và an trú theo tuần tự" là đức Thế Tôn; có dự phần hoặc sở hữu về mười sự tu tập về tưởng, về mười sự thể nhập các đề mục kasiụa. về định niệm hơi thở vào hơi thở ra, về sự thể nhập các đề mục tử thi" là đức Thế Ton; có dự phần hoặc sở hữu về bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần" là đức Thế Tôn; có dự phần hoặc sở hữu về mười Như Lai lực, về bốn pháp tự tin, về bốn tuệ phân tích, về sáu thắng trí, về sáu pháp của đức Phát" là đức Thế Tôn. Tên gọi “Thế T6n” này không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh [em] trai tạo ra, không do chị [em] gái tạo ra, không do bạn bè hoặc thân hữu tạo ra, không do các thân quyến và những người cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra, sự tận cùng của giải thoát này là sự quy đinh thuộc vê chư Phật Thê Tôn do sự đạt được, do sự chứng ngộ trí Toàn tri ở cội cây Bồ-đề? tức là "dức Thế Tôn?9 "Không chịu sự sắp dặt, không phải kiêng chừa, không có ước nguyện, [đức Thế Tôn nói vay]" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Vị ấy là người diệt đạo bỉnh ở tất cả các pháp, ở bất cứ điều gì đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác. Vỉ ấyf có gánh nặng đã được đặt xuồng, là bậc Hiên trí đã được thoát ra khỏi, không chiu sự sáp đặt, không phải kiêng chừa, không có ước nguyện ", [đức The Tôn nói vậy]. “Diễn giải kinh sự dàn trận lớn55 được đầy đủ - Phần thứ mười ba.

ĐẠI DIỄN GIẢI 281

14. DIỄN GIẢI KINH MÔT CÁCH NHANH CHÓNG (TUVATAKASUTTANIDDESO)

Giờ phần "Diễn giải kinh một cách nhanh ch6ng" được nói đến: 14.1. Tôi hỏi Ngài, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời, Bậc Đại An sĩ vê sự viên ly và vị thê an tịnh. Sau khi nhìn thấy như thế nào, vị Tỳ-khưu được tịch diệt, Không còn chập thủ bát cứ cái gì ở thê gian? Tôi hỏi Ngài, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời. Câu hỏi: Có ba loại câu hỏi: Cau hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy, câu hỏi để trao đổi điều đã thấy, câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn. Câu hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy là loại nào? Thông thường, đối với tướng trạng chưa được biết, chưa được thấy, chưa được cân nhắc, chưa được xác định, chưa được rõ rệt, chưa được minh định thì người ta hỏi câu hỏi để biết, để thấy, để cân nhắc, để xác định, để phân biệt về điều ấy. Đây là câu hỏi để làm sáng tỏ điêu chưa thây. Câu hỏi để trao đỗi điều đã thấy là loại nào? Thông thường, đối với tướng trạng đã được biết, đã được thấy, đã được cân nhắc, đã được xác đinh, đã được rõ rệt, đã được minh định thì người ta hỏi câu hỏi nhăm mục đích trao đổi cùng với các vi sáng suốt khác. Đây la câu hỏi để trao đổi điều đã thấy. Câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn là loại nào? Thông thường, người bị rơi vào sự ngờ vực, bi rơi vào sự nhầm lẫn, bị sanh lên sự lưỡng lự rằng: 'Thải chăng như vây là đúng, phải chăng là không đúng, là cái gì dây, là thê nào dây?" Người ấy hỏi câu hỏi nhằm mục đích cắt đứt sự nhầm lẫn. Đây là câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn. Đây là ba loại câu hỏi. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi của loài người, câu hỏi của phi nhân, câu hỏi của vị [Phật] đã được hóa hiện ra. Câu hỏi của loài người là loại nào? Loài người đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu

hỏi: Các vị Tỳ-khiru hỏi, các vị Tỳ-khưu-ni hỏi, các nam cư sĩ hỏi, các nữ cư sĩ hỏi, các vị vua hỏi, các vị Sát-đế-lỵ hỏi, các vị Bà-la-môn hỏi, các thương buôn hỏi, các kẻ nô lệ hỏi, các người tại gia hỏi, các vi xuất gia hỏi. Đây là câu hỏi của loài người. Câu hỏi của phi nhân là loại nào? Các phi nhân đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi: Các loài rồng hỏi, các loài linh điểu hỏi, các dạ-xoa hỏi, các

a-tu-la hỏi, các càn-thát-bà hỏi, các vi Đại Thiên vương hỏi? các Thiên chủ hỏi, các Phạm thiên hỏi, các thiên nhân hỏi. Đây là câu hỏi của phi nhân. Câu hỏi của vi [Phật] do thần thông biến hóa ra là loại nào? Đức Thế Tôn hóa hiện ra hình dáng [vị Phật] được tạo thành bởi ý, có tất cả các bộ phận thân thể lớn nhỏ, có giác quan không bi khiếm khuyết. Vị [Phật] do thần thông biến hóa ra ấy đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi, đức Thế Tôn trả lời. Đây là câu hỏi của vi [Phật] đã được hóa hiện ra. Đây là ba loại câu hỏi. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích của bản thân, câu hỏi về lợi ích của người khác, câu hỏi về lợi ích của cả hai. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích trong đời này, câu hỏi về lợi ích trong đời sau, câu hỏi về lợi ích tối thượng. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích của sự không tội lỗi, câu hỏi về lợi ích của sự không ô nhiễm, câu hỏi về lợi ích của sự trong sạch. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về quá khứ, câu hỏi về vi lai, câu hỏi về hiện tại. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về nội phân, câu hỏi vê ngoại phân, câu hỏi vê nội phân và ngoại phân. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về thiện, câu hỏi về bất thiện, câu hỏi về vô ký. Còn CO ba loại cau hỏi khác nữa: Cau hỏi ve uân, cau hoi ve giới, câu nỏi vê xứ. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về thiết lập niệm, câu hỏi về chánh cần, câu hỏi về nền tảng của thần thông. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi vê quyên, câu hỏi vê lực, câu hỏi vê giác chi. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về Đạo, câu hỏi về Quả, câu hỏi về Niết-bàn. Tôi hỏi Ngài: Tôi hỏi Ngài, tôi yêu cầu Ngài, tôi thỉnh cầu Ngài, tôi đặt niềm tin ở Ngài, xin Ngài hãy thuyết giảng cho tôi. "T6i hỏi Ngài" là như thế. Đấng Quyến Thuộc Của Mặt TrM: Mặt trời nói đến Thái Dương. Thái Dương là Gotama theo dòng tộc, đức Thế Tôn cũng là Gotama theo dòng tộc. Đức Thế Tôn là bà con trong dòng tộc, là quyến thuộc trong dòng tộc của Thái Dương; vì thế, đức Phật là quyến thuộc của mặt trời. “T6i hỏi Ngài, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Tròd" là như thế. Bậc Đại Ẩn sĩ về sự viễn ly và vi thế an tịnh. Sự viễn ly: Có ba sự viễn ly: Viễn ly về thân, viễn ly về tâm, viễn ly về mầm tái sanh. Thế nào là viễn lỵ về thân? ở dây, vi Tỳ-khưu thân cận chỗ tru ngụ tách biệt, khu rừng rậm, gốc cây, sườn núi, thung lũng, khe núi, bãi tha ma, khu rừng thưa, đồng trống, đống rơm, và sống tách biệt về thân. Vi ấy đi một mình, đứng một mình, ngồi một mình, nằm một mình, đi vào làng để khất thực một mình, đi trở vê một mình, ngôi nơi văng vẻ một minh, quyêt định kinh hành một mình, thực hành, tru ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡiig một mình. Đay là viễn ly ve thân. Thế nào là viễn ly về tâm? Đối với vị thể nhập Sơ thiền, tâm được tách biệt

khỏi các pháp che lấp. Đối với vi thể nhập Nhị thiền, tâm được tách biệt khỏi tầm và tứ. Đối với vị thể nhập Tam thiền, tâm được tách biệt khỏi hỷ. Đối với vi thể nhập Tứ thiền, tâm được tách biệt khỏi lạc và khổ. Đối với vi thể nhập Không vo biên xứ, tâm được tách biệt khỏi sắc tưởng, bất bình tưởng, dị biệt tưởng. Đối với vị thể nhập Thức vô biên xứ, tâm được tách biệt khỏi Không vô biên xứ tưởng. Đối với vị thể nhập Vô sở hữu xứ, tâm được tách biệt khỏi Thức vô biên xứ tưởng. Đối với vị thể nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ? tâm được tách biệt khỏi Vô sở hữu xứ tưởng. Đối với vị Nhập lưu, tâm được tách biệt khỏi sự nhận thức sai trái về thân, sự hoài nghi, sự bám víu vào giới và phận SỊT, tà kiến tiềm ẩn, hoài nghi tiềm ẩn, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đối với vị Nhất lai, tâm được tách biệt khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ân có tính chát thô thiên, và các phiên não cộng trú với môi pháp ây. Đôi với vị Bất lai, tâm được tách biệt khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất vi tế, và các phiên não cộng trú với môi pháp ây. Đôi với vi A-la-hán, tâm được tách biêt khỏi ai sác, ai vo sác, ngã mạn, phong dạt, vo minh, ngã mạn tiêm ân, hữu ái tiêm ân5 vô minh tiêm ân, các phiên não cộng trú với môi pháp ây, và mọi , . . • -ị /XA ” hiện tướng ở bên ngoài. Đây là viên ly vê tâm. Thế nào là viễn ly về mầm tái sanh? Mầm tái saiýi nói đến các ô nhiễm, các uẩn và các hành. Viễn ly về mầm tái sanh nói đến bất tử^Niết-bàn, là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Đây là viễn ly về mầm tái sanh. Viễn ly về thân là đối với các vị có thân đã lui về nơi ẩn dật, đã thích thú trong việc xuất ly; viễn ly về tâm là đối với các vị có tâm hoàn toàn trong sạch, đã đạt đên sự trong trăng tuyệt đôi; và viên ly vê mâm tái sanh là đôi với các cá nhân không còn mầm tái sanh, đã đạt đến việc lìa khỏi các pháp tạo tác. An tinh: Theo một khía cạnh, an tịnh và vị thê an tịnh cũng y như nhau, đều là bất tử, Niết-bàn, là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: thế này là an tinh, vị thế này là hảo hạng, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn." Hoặc là, theo một khía cạnh khác, các pháp nào vận hành đưa • ỉ r ĩ r r r s * r

đên việc chứng đăc sự an tinh, đưa đên việc chạm đên sự an tịnh, đưa đên việc chứng ngộ sự an tinh, như là: Bôn sự thiêt lập niệm, bôn chánh cân, bôn nên tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần. Các pháp này gọi là vị thế an tịnh, vị thế nương tựa, vị thế trú ẩn, vi thế nương nhờ, vị thế không sợ hãi, vi thế bất hoại, vi thế bất tư, vị thế Niết-bàn.

Bậc Đại Ẩn Sĩ: Đức Thế Tôn là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu giới uẩn lớn lao” là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu định uẩn lớn lao, ...tuệ uẩn lớn lao, ... giải thoát uẩn lớn lao, ... giải thoát tri kiến uẩn lớn lao” là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự phá tan khối tăm tối lớn lao, sự phá vỡ

điều trái khuấy lớn lao, sự nhô lên mũi tên tham ái lớn lao, sự tháo tung môi roi răm tà kiên lớn lao, sự xô ngã ngọn cờ ngã mạn lớn lao, sự vắng lặng pháp tạo tác lớn lao, sự thoát khỏi dòng lũ lớn lao, sự quăng bỏ gánh nặng lớn lao, sự cắt đứt vòng quay luân hồi lớn lao, việc dập tắt sự nóng nảy lớn lao, việc tịch tịnh sự bực bội lớn lao, việc nâng lên ngọn cờ giáo pháp lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. tcVị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu các sự thiết lập niệm lớn lao, ... các chánh cần lớn lao, ... các nên tảng của thân thông lớn lao,... các quyên lớn lao,... các lực lớn lao,... các yếu tố đưa đến giác ngộ lớn lao,... đạo lộ Thánh thiện tám chi phần lớn lao, ... chân lý tuyệt đối lớn lao, bất tử, Niết-bàn^ là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị được tầm cầu, được tìm tòi, được tìm kiếm bởi các chúng sanh có uy lực lớn lao [hỏi rằng]: Đức Phật ngự ở đâu? Đức Thế Tôn ngự ở đâu? Chúa của chư thiên ngự ở đâu? Đấng Nhân Ngmi ngự ở đâu?^, là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Bậc Đại Ẩn Sĩ về sự viễn ly và vi thế an tinh^, là như thế. Sau khi nhìn thấy như thế nào, vi Tỳ-khưu được tịch diệt? Sau khi nhìn thấy, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xét đoán, sau khi phân biệt, sau khi làm rõ rệt như thế nào mà [vị Tỳ-khưu] dập tắt luyến ái, dập tắt sân hận, dập tắt si mê, dập tắt, làm an tịnh, làm yên tinh, làm vắng lặng, làm tịch tịnh *5 J Sự giận dữ, thù hăn5 gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bon xẻn, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê? xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện của bản thân? Vị Tỳ-khưu: Là vị Tỳ-khưu phàm nhân tốt lành hoặc vi Tỳ-khưu là bậc Hữu học. “Sau khi nhìn thấy như thế nào, vị Tỳ-khưu được tịch diet?” là như thế. Không còn chấp thủ bất cứ cái gì ờ thế gian: Trong khi không chấp thủ, trong khi không nắm lấy, trong khi không bám víu, trong khi không chấp chặt đối với bốn thu^ ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ. Bất cứ cái gì: Bất cứ cái gì liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức. "Không còn chấp thủ bất cứ cái gì ở thế gian" là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng:

ĐẠI DIỄN GIẢI 285

hỏi Ngài, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời, x y ỉ Bậc Đại An Sĩ vê sự viên ly và vi thê an tịnh. Sau khỉ nhìn thấy như thế nào, vỉ Tỳ-khưu được tịch diệt, Không còn chấp thủ bất cứ cải gì ở thế gian?"

14.2. Đức Thế Tôn nói: '"Nên chặn đứng toàn bộ gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng và [ngã mạn] 'tôi là9nhờ vào tri tuệ. Bất cứ những tham ải nào thuộc nội phan đe loại trừ chủng, nên học tập, luôn luôn có niệm." Đức Thế Tôn nói: Nên chặn đứng toàn bộ gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng và [ngã mạn]t6i là5 nhờ vào trí tuệ: Vọng tưởng chính là các pháp có tên gọi là vọng tưởng; tham ái có tên gọi là vọng tưởng, tà kiến có tên gọi là vọng tưởng. Gốc rễ của vọng tưởng tham ái là điều nào? Vô minh là gốc rê, tác ý không đúng đường lôi là góc rê5 ngã mạn vê bản thân là góc rê, không hổ thẹn [tội lỗi] là gốc rễ, không ghê sợ [tội lỗi] là gốc rễ, phóng dật là gốc rễ; điều này là gốc rễ của vọng tưởng tham ái. Gốc rễ của vọng tưởng tà kiến là điều nào? Vô minh là gốc rễ, tác ý không dìing đường lối là gốc rễ, ngã mạn về bản thân là gốc rễ, không hổ thẹn [tội

lỗi] là góc rễ, không ghê sợ [tội lỗi] là gốc rê, phóng dật là góc rê; điêu này là góc rê của vọng tưởng tà kiên. Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. Thêm nữa, "vj có luyến ái đã được phá v&" là đức Thế Tôn; "vj có sân hận đã được phá vỡ,9 là đức Thế Tôn; “vj có si mê đã được phá vỡy là đức Thế Tôn; “vj có ngã mạn đã được phá v& là đức Thế Tôn; “vj có tà kiến đã được phá v&" là đức Thế Tôn; “vi có cây gai đã được phá v&" là đức Thế Tôn; "vị có ô nhiễm đã được phá v" là đức Thế Tôn; đã phân phát, đã phân chia, đã phân phối Pháp bảo,9 là đức Thế Tôn; "vj thực hiện sự chấm dứt các hữu,, là đức Thế Tôn; có thân đã được tu táp" là đức Thế Tôn; có giới đã được tu tập, có tâm đã được tu tập, có tuệ đã được tu táp” là đức Thế Tôn; “vj đã thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh^ là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi và vật dụng là thuốc men chữa bênh” là đức Thế Tôn; có dự phần hoặc sở hữu về vi của mục dích, về vị của pháp, vê vị của giải thoát, vê thăng giới, vê thăng tâm, vê thăng tue” là đức Thế Tôn; uvị có dự phần hoặc sở hữu về bốn thiền, về bốn vô lượng [tâm], về bốn sự thể nhập vô sác" là đức Thể Tôn; có dự phần hoặc sở hữu về tám giải thoát, vê tám thăng xứ [của thiên], vê chín sự thê nhập và an trú theo tuân tự" là đức Thế Tôn; "vị có dự phần hoặc sở hữu về mười sự tu tập về tưởng, về mười sự thể nhập các đề mục kasỉụa. về định niệm hơi thở vào hơi thở ra, về sự thể nhập các đề mục tử thi" là đức Thế Tôn; “vi có dự phần hoặc sở hữu về bốn Sự thiêt lập niệm, bôn chánh cân, bôn nên tảng của thân thông, năm quyên, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phn” là đức Thế Tôn; có dự phần hoặc sở hữu về mười Như Lai lực, về bốn pháp tự tin, về

bốn tuệ phân tích, về sáu thắng trí, về sáu pháp của đức Phát" là đức Thế Tôn. Tên gọi “Thế T6n" này không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh [em] trai tạo ra, không do chị [em] gái tạo ra, không do bạn bè hoặc thân hữu tạo ra, không do các thân quyến và những người cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra, sự tận cùng của giải thoát này là sự quy định thuộc về chư Phật Thế Tôn do sự đạt được, do sự chứng ngộ trí Toàn tri ở cội cây Bồ-đề? tức là "dức Thế T6ĩi." "Dức Thế Tôn nói: Gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng^, là như thế. Nên chặn đứng toàn bộ... [ngã mạn] í6tôi làw nhờ vào trí tuệ. Trí tuệ: Được gọi là tuệ; tuệ là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Tôi là: Ngã mạn "tôi ỉềC\ mong muốn "tôi là", sự tiềm ẩn "t6i là", ở sắc; ngã mạn "t6i là”, mong muốn "t6i là", sự tiềm ẩn "t6i 12” ở thọ;... ở tưởng;... ở các hành;... ở thức. "Bức Thế Tôn nói: Gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng" là như thế. Nên chặn đứng toàn bộ... [ngã mạn] 6ítôi là” nhờ vào trí tuệ: Nen ngăn cản, nên chặn đứng, nên làm tịch diệt, nên làm vắng lặng, nên làm biến hoại, nên làm tịch tịnh toàn bộ gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng và ngã mạn "t6i là^ nhờ vào trí tuệ. "Bức Thế Tôn nói: Nên chặn đứng toàn bộ gốc rễ của cái được gọi là vọng txrởng và [ngã mạn] 'tôi là' nhờ vào trí tue” là như thế. Bất cứ những tham ái nào thuộc nội phần. Bất cứ điều gì: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ "yd kãcV này là lối nói của sự bao gồm. Tham ái: Tham ái về cảnh sắc,... (nt)... tham ái về cảnh pháp. Nội

phần: Tham ái ấy có sự sanh lên ở nội phần. "Nội phần,9 là như thế. Hoặc là, nội phần nói đến tâm5 tức là tâm, ý5 ý thức, trái tim, chất xám; ý? ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, từ đó ý thức giới sanh lên. Tham ái ấy là đồng hành, đồng sanh, được gắn bó, được gắn liền, cùng sanh, cùng diệt, chung một nền tảng, chung mọt đoi tượng với tam. "Nội phan,, còn là như thế. “Bất cứ những tham ái nào thuộc nội phần,9 là như thế. Đe loại trừ chúng, nên học tập, luôn luôn có niệm. Luôn luôn: Luôn luôn là mọi lúc, mọi thời, thường khi, luôn khi, thường xuyên, liên tục, không gián đoạn, tiếp noi liên tục, sanh lên tuần tự [như sóng nước], không lưa thưa, không đứt khoảng, không ngừng lại, được liền lặn, trước bữa ăn, sau bữa ăn5 vào canh đau, vào canh giữa, vào canh cuối, vào hậu bán nguyệt, vào tiền bán nguyệt, vào mùa mưa, vào mùa lạnh, vào mùa nóng, ở chặng đầu của tuổi thọ, ở chặng giữa của tuổi thọ, ở chặng cuối của tuổi thọ. Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm

ở việc quan sát thân trên thân,...(nt).. trên các thọ,... (nt)... trên tâm, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát pháp trên các pháp. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do lánh xa thất niệm, có niệm do trạng thái đã thực hành các pháp cần phải thực hành đối với niệm, có niệm do trạng thái đã tiêu diệt các pháp đối nghịch với niệm, có niệm do trạng thái không lơ là đối với các pháp ấn chứng của niệm. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do trạng thái đã thành tựu về niệm, có niệm do trạng thái đã trú ở niệm, có niệm do trạng thái quen thuộc với niệm, có niệm do trạng thái không thối thất đối với niệm. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do trạng thái tự tại, có niệm do trạng thái được yên lặng, có niệm do trạng thái được an tinh, có niệm do trạng thái đã thành tựu pháp của bậc chân nhân. Có niệm do tùy niệm Phật, có niệm do tùy niệm Pháp, có niệm do tùy niệm Tăng, có niệm do tùy niệm giới, có niệm do tùy niệm xả thí, có niệm do tùy niệm thiên, có niệm do niệm hơi thở vào hơi thở ra, có niệm do tùy niệm sự chết, có niệm do niệm đặt ở thân, có niệm do tùy niệm Niết-bàn. Niệm là sự tùy niệm, niệm hiện tiền; niệm là trạng thái ghi nhớ, trạng thái ghi nhận, trạng thái không lơ là, trạng thái không quên lãng; niệm là niệm quyền, niệm lực, chánh niệm, niệm giác chi, con đường độc đạo; điều này được gọi là niệm. Người đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu niệm này, người ây được gọi là có niệm. Nên học tập: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắn^ tuệ. Việc nào là sự học tập về thắng giới? ở đây, vị Tỳ-khiru là vị có giới, sống thu thúc với sự thu thúc của Giới bổn (Pātimokkha), thành tựu về hạnh kiểm và hành xứ, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành trong các điều học. Nhóm giới nhỏ, nhóm giới lớn, giới là nền tảng, phần khởi dầu, sự thực hành, sự ngăn giữ, sự thu thúc, sự mở đầu, sự dẫn đầu nhằm chứng đạt các thiện pháp. Việc này là sự học tập về thắng giới. Việc nào là sự học tập về thắng tâm? ở đây, vị Tỳ-khim ngay sau khi tách lỵ khỏi các dục, tách ly khỏi các bất thiện pháp, đạt đến và trú thiền thứ nhất, có tâm có tứ, có hỷ lạc sanh lên do sự tách ly; do sự văn̂ lặng của tâm và tứ, đạt đến và trú thiền thứ nhì, có sự tĩnh lặng thuộc nội phân, có trạng thái chuyên nhất của tâm, không tầm không tứ, có hỷ lạc sanh len do định; do sự không còn luyến ái ở hỷ, an tru xả, có niệm và có sự nhận biết rõ, và

cảm nhận lạc bang thân, đó là điều mà các bậc Thánh gọi là: "C6 xả, có niệm, có sự tru vào l@c", đạt đến và tru thiền thứ ba; và do sự từ bỏ lạc, do sự từ bỏ khổ [ở thân], do sự biên mát của hỷ tâm và ưu phiên [đã có] ngay trước đó, đạt đên và trú thiên thứ tư, có sự thanh tinh của xả và niệm, không kho không lạc. Việc này là sự học tập về thắng tâm* Việc nào là sự học tập về thắng tuệ? ở dây, vị Tỳ-khưu là vi có tuệ, thành tựu về tuệ hướng đến sự sanh diệt, g6p phần vào sự thấu triệt cao thượng, dẫn đen việc cạn kiệt hoàn toàn của khổ. Vi ấy nhận biết đúng theo thực thể rằng:

"Đây là kh6", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là nhân sanh khổ9\ nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Dây là sự diệt tận khổ,9, nhận biết đúng theo thực thể rằnẹ: "Bây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận kh6”, nhận biết đúng theo thực the rằng: "Dây là các lậu hoặc^ nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Bây là nhân sanh các lậu hoặc^, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Dây là sự diệt tận các lậu hoāc9\ nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoác." Việc này là sự học tập về thắng tuệ. Đe loại trừ chúng, nên học tập, luôn luôn có nỉệm: Nên học tập về thắng giới, nên học tập về thắng tâm, nên học tập về thắng tuệ nhằm loại bỏ, nhằm bài trừ, nhằm dứt bỏ, nhằm làm vắng lặng, nhằm buông bỏ, nhằm tịch tịnh các tham ái ấy. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này thì nên học tập; trong khi biết thì nên học tập; trong khi thấy thì nên học tập; trong khi quán xét lại thì nên học tập; trong khi quyết định tâm thì nên học tập; trong khi hướng đến đức tin thì nên học tập; trong khi ra sức tinh tấn thì nên học tập; trong khi thiết lập niệm thì nên học tập; trong khi tập trưng tâm thì nên học tập; trong khi nhận biêt bằng tuệ thì nên học tập; trong khi biết rõ pháp cần được biết rõ thì nên học tập; trong khi biết toàn diện pháp cần được biêt toàn diện thì nên học tập; trong khi dứt bỏ pháp cần được dứt bỏ thì nên học tập; trong khi tu tập pháp cần được tu tập thì nên học tập; trong khi chứng ngộ pháp can được chứng ngộ thì nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng. "Bể loại trừ chúng, nên học tập, luôn luôn có niệm,, là như thế. Ã ĩ. • l 4 ĩ FTl-i _ .
F-B-1 A _. .w Vì the, đức The Ton đa nói răng: Đức Thế Tôn nói: '"Nên chặn đứng toàn bộ gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng và [ngã mạn] 'tôi là 'nhờ vào trí tuệ. Bất cứ những tham ái nào thuộc nội phần đe loại trừ chúng, nên học tập, luôn luôn có niệm.”

14.3. Bất cứ pháp [đức tỉnh] nào có thể biết rô Thuộc nội phần [nơi bản thân] hay là thuộc ngoại phần [nơi người khác], Không vì điều ấy mà thể hiện sự ngang tàng, Bởi vì điều ấy không được các bậc thiện nhân gọi là sự tịch diệt. Bất cứ pháp [đức tính] nào có thể biết rõ thuộc nội phần [nơi bản thân]: Nên nhận biết bất cứ đức tính nào của bản thân, là các pháp thiện hay là các pháp vô ký. Các điều nào là đức tính của bản thân? Ta xuất gia từ gia tộc thượng lưu; hoặc là, ta xuất gia từ gia tộc có nhiều của cải; hoặc là, ta xuất gia từ gia tộc có của cải quý giá; hoặc là, ta được biết tiếng, có danh vọng trong số các hàng tại gia và xuất gia; hoặc là, ta có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh; hoặc là, ta là vị chuyên về Kinh; hoặc là, ta có sự ghi nhớ về Luật; hoặc là, ta là vị thuyết Pháp; hoặc là, ta là vị ngụ ở rừng; hoặc là, ta là vi chuyên đi khất thực; hoặc là, ta là vị chỉ mặc y may bàng vải bị quăng bỏ; hoặc

là, ta là vị chỉ sử dụng ba y; hoặc là, ta là vị đi khất thực tuần tự theo từng nhà; hoặc là, ta là vị không ăn vật thực dâng sau; hoặc là, ta là

vị chuyên về oai nghi ngồi (khôĩiệ nằm); hoặc là, ta là vi ngụ ở chỗ đã được chỉ đinh; hoặc là, ta là '"vi đạt Sơ thiMn" hoặc là, ta là "'vị đạt Nhị thiền" hoặc là, ta là "vị đạt Tam thiền"; hoặc là, ta là đạt Tứ thiền"; hoặc là, ta là "vị đạt sự thể nhập Không vô biên xứ'; hoặc là, ta là "vi đạt sự thể nhạp Thức vô biên xư, ...sự the nhập Vô sở hữu xứ, ...sự the nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ"; các điều này là các đức tính của bản thân. Nên nhận biết, nên hiểu biết, nên nhận thức, nên thừa nhận, nên thấu triệt bất cứ đức tính nào của bản thân. "Bất cứ pháp (đức tính) nào có thể biết rõ thuộc nội phần [nơi bản thân]" là như thế. Hay là thuộc n^oại phân [nơi người khác]: Các đức tính ây là của vị thây tê độ hoặc của vị thây dạy học. "Hay là thuộc ngoại phần [nơi người khác],, là như thế. Không vì điều ấy mà thể hiện sự ngang tàng: Không nên thể hiện sự ngang tàng, không nên thể hiện sự bướng bỉnh, không nên thể hiện sự ngã mạn, không nên thể hiện sự kiêu hãnh, không nên thể hiện sự hãnh diện vì đức tính của bản thân hoặc vì đức tính của những người khác, không vì điều ấy mà sanh ra ngã mạn, không vì điều ấy mà trở nên ương ngạnh, ương bướng, ngẩng cao đầu. "Không vì điều ấy mà thể hiện sự ngang tầng" là như thế. Bởi vì điều ấy không được các bậc thiện nhân gọi là sự tịch diệt: Các bậc thiện nhân, các bậc an tinh, các bậc chân nhân, các vi Phật, các vị Thinh văn cua đức Phật, các vi Phật Độc Giác không nói, không phát biểu, khòng nêu ra, không chỉ bảo, không thông báo, không ấn định, không khai mở, không chia sẻ, không làm rõ? không bày tỏ rằng: "Biểu ấy là sự tịch diet." uBởi vì điều ấy không được các bậc thiện nhân gọi là sự tịch diệt,9 là như thế. Vì thê, đức Thê Tôn đã noi răng: "B&t cứ pháp [đức tính] nào có thể biết rõ Thuộc nội phần [nơi bản thân] hay là thuộc ngoại phần [nơi người khác], Không vì điều ấy mà the hiện sự ngang tàng, Bởi vì điều ấy không được các bậc thiện nhân gọi là sự tịch diệt,"

14.4. Không nên vì việc ây mà nghĩ răng [bản thân] là tót hơn, Kém thua, hoặc thậm chí là tương đương. Bị tác động bởi nhiều hình thức, Trong khỉ sắp xếp ve bản thân, không nên dừng lại [ở điều ấy]. Không nên vì viec ấy mà nghi rằng [bản thân] là tốt hơn: Không nên sanh khởi cao ngạo răng: "Ta là tót hơn" vê xuât thân, về dòng dõi, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, về công việc, về tài nghệ, về kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác. "Không nên vì việc ấy mà nghĩ rằng [bản thân] là tốt hơn,, là như thế.

Kém thua, hoặc thâm chí là tương đương: Không nên sanh khởi tự ti rằng: "Ta là thua kSm" vê xuất thân, vê dòng dõi,... (nt).. hoặc về sự việc này khác. Khônệ nên sanh khởi ngã mạn rằng: "Ta là ngang bằng,9 về xuất thân, về dòng dõi, vê con nhà gia the, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, về công việc, về tài nghệ, về kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác. "Kém thua, hoặc thậm chí là tương đương,, là như thế. Bi tác động bởi nhiều hình thức: Bi tác động, bị chế ngự, bị xâm

nhập, bị sở hữu bởi những kiêu cách theo nhiêu loại. “Bi tác động bởi nhiều hình thiìc" là như thế. Trong khi sắp xếp về bản thân, không nên dừng lại [ở điều ấy]: Bản thân nói đến tự ngã. Trong khi sắp đặt, trong khi sắp xếp, trong khi đi đến việc sắp xếp về bản thân (như là: "Ta xuất gia từ gia tộc thượng lưu", V.V..), không nên dừng lại [ở điều ấy]. "Trong khi sắp xếp về bản thân, không nên dừng lại [ở điều ấy]” là như thế. x Tỵ À A r- rTM- Ạ ÍTI \ _ g' r ! N _ Vì the, đức The Tôn đã noi răng: ^Không nên vì việc ấy mà nghĩ rằng [bản thân] là tốt hơn, Kém thua, hoặc thậm chí là tương đương. Bi tác động bởi nhiều hình thức, Trong khỉ sáp xép vê bản thân, không nên dừng lại [ở điêu ây].

14.5. Nên làm yên tịnh ngay ở nội tâm, Vi Tỳ-khim không nên tìm kiếm sự an tịnh bằng [đạo lộ] khác, Đoi với vỉ đã được yên tinh ở nội tâm, Điều nam giữ là không có, từ đâu có điều được rời bỏ? Nên làm yên tinh ngay ờ nội tâm: Nên làm yên lặng luyến ái, nên làm yên lăng sân hận; nên làm yên lặng si mê, nên làm yên lặng; nên làm yên tịnh, nên làm vắng lặng; nên làm tịch diệt, nên làm tịch tịnh sự giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bon xẻn, xảo trá, lừa gạt, bướng binh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện ở nội tâm. "Nên làm yên tịnh ngay ở nội tâm,, là như thế. Vi Tỳ-khưu không nên tìm kiếm sự an tinh bằng [đạo lộ] khác: Không nên tìm kiếm, không nên tìm tòi, không nên tầm cầu sự an tịnh, sự yên tịnh, sự vắng lặng, sự tịch diệt, sự tịch tịnh bằng [đạo lộ] khác, bằng đạo lộ không trong sạch, bằng cách thực hành sai trái, bằng đường lối không dẫn dắt ra khỏi, ngoại trừ các sự thiết lập niệm; ngoại trừ các chánh cần, ngoại trừ các nền tảng của thần thông, ngoại trừ các quyền, ngoại trừ các lực, ngoại trừ các yếu tố đưa đến giác ngộ, ngoại trừ đạo lộ Thánh thiện tám chi phần. Tỳ-khưu không nên tìm kiếm sự an tịnh bằng [đạo lộ] khấc" là như thế.

ĐẠI DIỄN GIẢI 291

Đối với vị đã được yên tinh ờ nội tâm: Đối với vị đã được an tịnh luyến ái, đối với vi đã được an tịnh sân hận, đối với vị đã được an tịnh si mê,... (nt)... đôi với vi đã được an tịnh, đã được yên tịnh, đã được văng lặng, đã được tịch diệt, đã được tịch tịnh tất cả các pháp tạo tác bất thiện ở nội tâm. "Đối với vị đã được yên tịnh ở nội tâm" là như thế. Điều nắm giữ là không có, từ đâu có điều được ròi bỏ? Không có: Là sự phủ định. Không có ngã kiến rằng: WCÓ tự ngã.w Không có đoạn kiến rằng: “Kh6ng có tự ngâL” Không có điều đã được nắm lấy rằng: “C6 tự ngâL" Không có điều cần được giải thoát rằng: "Kh6ng có tự ngâL” Người nào không có điều đã được nắm lấy thì người ấy không có điều cần được giải thoát, người nào không có điêu cân được giải thoát thì người ây không có điều đã được nắm lấy. Trong khi vượt qua hẳn việc nắm giữ và việc giải thoát, bậc A-la-hán vượt qua khỏi sự tiên tu và thôi thát. Vị ây đã trải qua cuộc sông [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,... (nt).. việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy. "Điều nắm giữ là không c6, từ đâu có điều được rời b6?” là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Nên làm yên tinh ngay ở nội tâm, Vỉ Tỳ-khưu không nên tìm kiếm sự an tinh bằng [đạo lộ] khác, Đoi với vi đã được yên tịnh ở nội tâm, Điều nắm giữ là không có, từ đâu có điều được rời bỏ?"

14.6. Giống như ở phần giữa của biển cả Là đứng yên, sóng biển không được sanh ra, y Tương tự như vây, nên trâm tĩnh, không dục vọng, Vị Tỳ-khtru không nên tạo ra [thái độ] kiêu ngạo ở bất cứ đâu. Giống như ờ phần giữa của biển cả là đứng yên, sóng biển không được sanh ra: Biển cả là sâu thẳm với độ sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần. Bốn vạn do-tuần ở phần dưới, nước rung động bởi các loài cá và rùa. Bốn vạn do-tuần ở phân trên, nước rung động bởi các cơn gió. Bôn ngàn do-tuân ở phân giữa, nước không rung động, không lay động, không dao động, không run ray, không chấn động, không rung động; biển cả là không bị di động, không bị đụng chạm, không bị dao động, không bị loạn động, không bi quay cuồng, được vắng lặng; tại nơi ấy sóng biển không được sanh ra, biển cả là đứng yên. "Giống như ở phần giữa của biển cả là đứng yên, sóng biển không được sanh ra" là như vậy. Hoặc là, ở bên trong của bảy ngọn núi có bảy đại dương Sĩdantarã; tại nơi ấy nước không rung động, không lay động, không dao động, không run rẩy, không

1 Là 7 ngọn núi của dãy Hy-mã-lạp có tên theo thứ tự là Yùgandhara, Isadhara, Karavīkā, Sudassana, Nemindhara, Vinataka và Assakanna (xem DPPN). (ND)

chấn động, không rúng động; đại dương là không bị di động, không bị đụng chạm, không bi dao động, không bị loạn động, không bị quay cuồng, được vắng lặng; tại nơi ấy sóng biển không được sanh ra, biển cả là đứng yên. "Giông như ở phân giữa của biên cả là đứng yên, sóng biên không được sanh ra" còn là như vậy. Tương tự như vậy, nên trầm tĩnh, không dục vọng. Tương tự như vậy: Là phương thức của sự so sánh. Trầm tĩnh: Là không rung động vì lợi lộc, không rung động vì không lợi lộc, không rung động vì danh vọng, không rung động vì không danh vọng, không rung động vì lời khen, không rung động vì lời chê, không rung động vì hạnh phúc, không rung động vì khổ đau, không lay động, không dao động, không run rẩy, không chấn động, không rúng động. "Tương tự như vậy, nên trầm tinh" là như thế. Không dục vọng: Dục vọng nói đên tham ái, tức là sự luyên ái, luyên ái mãnh liệt,... (nt)... tham đăm, tham, cội nguôn của bát thiện. Đôi với người nào dục vọng tham ái ấy đã được dứt bỏ9 đã được cắt lìa, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là không dục vọng. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với dục vọng mà trở thành không dục vọng. Người ấy không xao động vì lợi lộc, không xao động vì không lợi lộc, không xao động vì danh vọng, không xao động vì không danh vọng, không xao động vì lời khen, không xao động vì lời chê, không xao động vì hạnh phúc, không xao động vì kho đau, không dao động, không run rẩy, không chấn động, không rúng động. "Tương tự như vậy, nên trâm tĩnh, không dục vọng^, là như thê. Vị Tỳ-khưu không nên tạo ra [thái độ] kiêu ngạo ở bất cứ dâu. Kiêu ngạo: Có bảy sự kiêu ngạo. Không nên tạo ra, không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh ra [thái độ] kiêu ngạo do luyến ải, kiêu ngạo do sân hận, kiêu ngạo do si mê9 kiêu ngạo do ngã mạn, kiêu ngạo do tà kiến, kiêu ngạo do ô nhiễm, kiêu ngạo do nghiệp. ở bất cứ đâu: ở bất cứ đâu là ở bất cứ nơi nào, ở một nơi nào đó, ở bên trong, hoặc ở bên ngoài, hoặc ở bên trong và

bên ngoài. Tỳ-khưu không nên tạo ra [thái độ] kiêu ngạo ở bất cứ dâu" là như thế. 'T T\ ji Á J rpl Á rp /\ w Vì thê, đức The Tôn đã noi răng: r \ 9

^Giông như ở phân giữa của biên cả
Là đứng yên, sóng biển không được sanh ra,
Tương tự như vậy, nên tram tĩnh, không dục vọng,
Vi Ty-khīm không nên tạo ra [thái độ] kiêu ngạo ở bất cứ đâu. ‘‘
ĐẠI DIỄN GIẢI 293

14.7. Bậc có mắt được mở ra đã nói về Pháp thực chứng, có sự loại trừ các hiếm họa, Thưa Ngài Đại dức, xỉn Ngài hãy nói ve đường loi thực hành, Ve giới giải thoát và luôn cả ve định nữa. Bậc có mắt được mở ra đã nói về. Đã nói về: Là đã được trả lời, đã được nêu ra, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ. "Đã nói về,9 là như thế. Bậc có mắt được mở ra: Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với năm loại mắt: Có mắt được mở ra với nhục nhãn, có mắt được mở ra với thiên nhãn, có mắt được mở ra với tuệ nhãn, có mắt được mở ra với Phật nhãn, và có mắt được mở ra với toàn nhãn. Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với nhục nhãn nghĩa là thế nào? ở nhục nhãn của đức The Tôn hiện hữu năm màu sắc: Màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu đen và màu trắng. Và các lông mi của đức Thế Tôn: Nơi nào các lông mi mọc, màu xanh ở nơi ấy là màu xanh tuyền, duyên dáng, đáng nhìn, như là hoa của cây ummâ. Phần bên ngoài xung quanh nơi ấy có màu vàng, là màu vàng tuyền, màu của kim loại vàng, duyên dáng, đáng nhìn, như là hoa của cây kanikāra. Hai bên đuôi mắt của đức The Tôn có màu đỏ, là màu đỏ tuyền, duyên dáng, đáng nhìn, như là màu của loài mối cánh. Chính giữa [hai con mắt] có màu đen, là màu đen tuyền, không sần sùi, bóng láng, duyên dáng, đáng nhìn, như là màu trái addāritthaka. Phần bên ngoài xung quanh nơi ấy có màu trắng, là màu trắng tuyền, trắng tinh, trắng sáng, duyên dáng, đáng nhìn, như là ngôi sao osadhĩ. Nhục nhãn tự nhiên ấy, nương ở kim thân, đã được sanh lên do hạnh nghiệp tốt đẹp trong thời quá khứ; thông qua nó, đức Thế Tôn nhìn thấy xung quanh một do-tuần5 ban ngày và luôn cả ban đêm. Ngay cả vào lúc tối tăm hội đủ bốn yếu tố: Mặt trời đã lặn xuống, vào ngày trai giới thuộc hạ huyền [đêm cuối tháng âm lịch], nơi khu rừng già sâu thẳm và có đám mây đen lớn trỗi dậy; ngay cả vào lúc toi tăm hội đủ bon yếu to có hình thức như the, Ngài cũng vẫn nhìn thây xung quanh một do-tuân. ơ nơi nào dâu có vách tường, cánh cửa, tường thành, ngọn núi, bụi rậm, hoặc dây leo, cũng không là sự ngăn trở việc nhìn thấy các hình thể. Nếu sau khi làm dấu một hạt mè rồi ném vào cỗ xe chở hạt mè, Ngài vân có thê nhặt lên chính hạt mè ây. Nhục nhãn tự nhiên của đức Thế Tôn là thanh tịnh như vậy. Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với nhục nhãn nghĩa là như vậy. Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với thiên nhãn nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn, với thiên nhãn thanh tịnh vượt trội loài người, nhìn thấy các chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹf)đẽ, xấu xí, sung sướng, [hay] đau khổ, Ngài biết được rằng các chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng: "Quả vậy, những chúng sanh đang hiện hữu này có uế hạnh về thân, có uê hạnh vê khâu, có uế hạnh về y, vu không các bậc Thánh, theo tà kiên, tán

thành các hành động do tà kiến. Những kẻ ấy, khi tan rã thân xác và chết đi, bị sanh vào đọa xứ, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục. Trái lại, những chúng sanh đang hiện hữu này có thiện hạnh vê thân, có thiện hạnh về khẩu, có thiện hạnh về ý, không vu khống các bậc Thánh, theo chánh kiến, tán thành các hành động do chánh kiến. Những người ấy, khi tan rã thân xác và chết đi, được sanh vào chốn an vui, cõi trời, thế gian [này].^, Như thế, bằng thiên nhãn thanh tinh vượt trội loài người, Ngài nhìn thấy các chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ5 xấu xí, sung sướng, [hay] đau khổ, Ngài biết được rằng các chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng. Và trong khi mong muốn, đức Thế Tôn có thể nhìn thấy một thế giới/ có thể nhìn thấy hai thế giới, có thể nhìn thấy ba thế gi&i, có thể nhìn thấy bốn thế giới, có thể nhìn thấy năm thế giới, có thể nhìn thay mười thế giới, có thể nhìn thấy hai mươi thế giới, có thể nhìn thấy ba mươi thế giới, có thể nhìn thấy bốn mươi thế giới, có thể nhìn thấy năm mươi thế giới, có thể nhìn thấy nhất thiên (tức tiểu thế giới), có thể nhìn thấy^nhị thiên (tức trung thế giới), có thể nhìn thấy tam thiên (tức đại thiên thế giới). Hơn nữa, Ngài mong muốn đến chừng nào thì Ngài có thể nhìn thấy đến chừng ấy. Thiên nhãn của đức Thế Tôn là thanh tinh như vậy. Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với thiên nhãn nghĩa là như vậy. Đức Thế Tôn có mắt được mở ra vói tuệ nhãn nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn là bậc có tuệ vĩ đại, có tuệ rộng lớn, có tuệ vi tiếu, có tuệ tốc hành, có tuệ săc bén, có tuệ thâu suôt, là bậc thiện xảo trong việc chia chẻ băng tuệ, bậc có trí đã được phát triên5 đã đạt đên tuệ phân tích, đã đạt được bôn pháp tự tin, có sự duy trì mười lực, là bậc Nhân Ngưu, bậc Nhân Su, bậc Nhân Tượng, bậc Nhân Kiệt, bậc Nhân Đạo, bậc có trí vô biên, có oai lực vô biên, có danh vọng vô biên, giàu có [về trí tuệ], có tài sản lớn [về trí tuệ], sở hữu tài sản [về trí tuệ], là bậc Hướng Đạo, bậc Hướng Dần, bậc Đoạn Nghi, bậc Truyền Đạt, bậc Truyền Thụ, bậc Khơi Mở? bậc Khởi Tín. Chính đức Thế Tôn ấy là vị làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi, là vi làm sanh ra đạo lộ chưa được sanh ra, là vi tuyên thuyết đạo lộ chưa được tuyên thuyết, là Vị biết về đạo lộ, là vị hiểu rõ về đạo lộ9 là vị rành rẽ về đạo lộ. Và hơn nữa, những người đi theo đạo lộ, là các đệ tử của Ngài, hiện nay đang an tru và sau này sẽ thành tựu [đạo lộ ấy]. Chinh đức Thế Tôn ấy biết [đúng bản thể] điều cần phải biết, thấy [đúng bản thể] điều cần phải thấy, là bậc có bản thể của mắt, có bản thể của trí, có bản

2 Xem chú thích về ^Lokadhãtư (Thế giới) ở trang 223. (ND) 3 Nhất thiên (tiểu thế giới), nhị thiên (trung thế giới), tam thiên (đai thiên thế giới): a/ l .000 lần (sahassī, nhāt thiển) thế giới (lokadhātu) là một tiểu thề giới (cūlanika lokadhātu). b/1.000,1n tiểu thế giới 1.000 x l .000 hay 1.000 lũy thừa hai (dvisahassī, nhỉ thiên) của thế giai là một trung thế giới (mcyjhimakā lokadhātu). , c/ Theo cách tính trên, 1.000 lũy thưa ba (tisahassī, tam thiên) của thế giới và nhiều ngàn lần hơn nữa thì được gọi là đại thiên thế giới. Và thế gian bao gồm kotisatasahassacakkavāla (10.000.000 x 100.000 vũ trụ) được nhìn thấy (NỉdA. II. 383). ở đây, nhị thiên, tam thiên, đại thiên nên được hiểu theo nghĩa lũy thừa, nghĩa là 1.000 lũy thừa hại, 1.000 lũy thừa ba, và 1.000 lũy thừa của các sổ lớn hơn 3, chứ không phải la hai ngàn, ba ngàn, nhiều ngàn như nghĩa thông thường.

thể của pháp, có bản thể của Phạm thiên, là vi công bố, vi tuyên thuyết, vi chỉ dẫn mục đích, vị ban cho bất tử, bậc Pháp Chủ, đức Như Lai. Đối với đức Thế Tôn ấy, không có việc không biết, không thấy, không hiểu rõ, không chứng ngộ, không chạm đến bằng tuệ. Tất cả các pháp liên quan đến quá khứ, tương lai, hiện tại, với mọi biêu hiện, đêu đi đên phạm vi ở trong tâm trí tuệ của đức Phật Thế Tôn. Bất cứ điều gì có thể biết, nghĩa là có pháp cần phải biết, có lợi ích cho mình, hoặc có lợi ích cho người khác, hoặc có lợi ích cho cả hai, hoặc có lợi ích liên quan đời này, hoặc có lợi ích liên quan đời sau, hoặc có lợi ích hời hợt, hoặc có lợi ích thâm sâu? hoặc có lợi ích được giấu kín, hoặc có lợi ích được che đậy, hoặc có lợi ích tiềm tàng, hoặc có lợi ích hiển hiện, hoặc có lợi ích không tội lỗi, hoặc có lọi h không ô nhiễm, hoặc có lợi ích trong sạch, hoặc có lợi ích là lợi ích tối thượng, tất cả [các] điều ấy đều vận hành ở bên trong trí của đức Phật. Tất cả thân nghiệp của đức Phật Thế Tôn đều vận hành theo trí, tất cả khẩu nghiệp ... tất cả ý nghiệp của đức Phật Thế Tôn đều vận hành theo trí. Đức Phật Thế Tôn có trí không bị chướng ngại về quá khứ, ... về vị lai, có trí không bị chướng ngại về hiện tại. Điều-có-thể-biết là chừng nào thì trí là chừng ấy, trí là chừng nào thì điều-có-thể-biết là chừng ấy. Trí có điều-có-thể-biết là giới hạn, điều-có-thể-biết có trí là giới hạn; vượt qua điều-có-thể-biết thì trí không vận hành, vượt qua trí thì không có hành trình của điều-có-thể-biết; các pháp ấy có sự xác lập ệiới hạn tương xứng với nhau. Giống như hai nắp đậy của cái hộp được gắn liên đúng đắn, nắp đậy bên dưới không lệch nắp trên, nắp đậy bên trên không lệch nắp dưới, chỉỉng có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau; tương tự như vậy, điều-có-thể-biêt và trí của đức Phật Thế Tôn có sự xác lập gi&i hạn tương xứng với nhau. Điều-có-thể-biết là chừng nào thì trí là chừng ay5 trí là chừng nào thì điều-có-thể-biết là chừng ấy. Trí có điều-có-thể-biết là giới hạn, điều-có-thể-biết có trí là giới hạn; vượt qua điều-có-thể-biết thì trí khônệ vận hành, vượt qua trí thì không có hành trình của điều-có-thể-biết; các pháp ấy có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau. Trí của đức Phật Thế Tôn vận hành ở tất cả các pháp. Tất cả các ph^R được gắn liền với sự hướng tâm, được gắn liền với sự mong muốn, được gan liền với sự chú tam, được gắn liền với sự khởi tâm của đức Phật Thế Tôn. Trí của đức Phật Thế Tôn vận hành ở tất cả chúng sanh. Đức Thế Tôn biết tính tình, biết tiềm năng, biết nết hạnh, biết khuynh hướng của tất cả chúng sanh. Ngài nhận biết các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bi vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiên được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, có khả năng và không có khả năng. Thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dối Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người, chuyên vận ở bên trong trí của đức Phật. Giống như bất cứ những loài cá và rùa nào, thậm chí luôn cả cá ông và cá voi, chuyển vận ở bên trong đại dương; tương tự như vậy, thế gian tính luôn

cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la- môn? các hạng chư thiên và loài người, chuyển vận ở bên trong trí của đức Phật. Giống như bất

cứ những loài có cánh nào, thậm chí luôn cả loài nhân điểu là loài linh thú, chuyển vận ở phạm vi thuộc bau trời; tương tự như vậy, những vị nào tương đương với vị Sāriputta ve tuệ5 những vị ấy cũng chuyển vận ở phạm vi thuộc Phật trí; Phật trí thâm nhập tuệ của chư thiên và loài người, ngự tri và trụ lại. Những vị Sát-đế-lỵ sáng suốt, những vị Bà-la-môn sáng suốt, những gia chủ sáng suốt, những vị Sa-môn sáng suốt, tinh tế, quen thuộc với học thuyết của những người khác như người cung thủ có thể bắn trúng cọng tóc, nghĩ rằng họ hành xử với sự thành tựu của tuệ trong khi bẻ đôi các tà kiến. Sau khi chuẩn bị các câu hỏi, họ đi đến gặp đức Như Lai rồi hỏi các điều bí mật và đã được che giấu. Được đức Thế Tôn giảng giải và trả lời, các câu hỏi ấy trở nên rõ ràng. Những người ấy đều quy thuận với đức Thế Tôn. Khi ấy, chính đức Thế Tôn, trong trường hợp ấy, chói sáng rực rỡ; điều ấy là nhờ vào tuệ. Đức Thế Tôn có mát được mở ra với tuệ nhãn nghĩa là như vậy. Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với Phật nhãn nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn, trong khi dùng Phật nhãn quán xét thế gian, đã nhìn thấy các chúng sanh có tầm nhìn bi vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, [đã nhìn thấy] một số chúng sanh đang sống có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác, một số chúng sanh đang sống không có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác. Cũng giống như ở hồ sen xanh hoặc ở hồ sen hồng hoặc ở hồ sen trắng, có một số sen xanh, hoặc sen hông, hoặc sen trăng được sanh ra ở trong nước, được phát triên ở trong nước, không vươn ra khỏi nước, và được nuôi dưỡng chìm ở bên trong [nước]; có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, sống ngang bằng mặt nước; và có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, vươn lên khỏi nước, và tồn tại không bị vấy bẩn bởi nước; tươiií như vậy, đức Thế Tôn trong khi dùng Phật nhãn quán xét thế gian đã nhìn thấy các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, [đã nhìn thấy] một số chúng sanh đang sống có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác, một số chúng sanh đang sống không có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác. Đức Thế Tôn biết rằng: "Người này có tánh luyến ái, người này có tánh sân, người này có tánh si, người này có tánh tầm, người này có tánh tín, người này có tánh giác.,, Đối với người có tánh luyến ái, đức Thế Tôn thuyết bài giảng về

đề mục tử thi. Đối với người có tánh sân5 đức Thế Tôn chỉ dạy sự tu tập về tâm từ. Đối với người có tánh si, đức Thế Tôn dạy bảo việc đọc tụng, việc vấn hỏi, việc lắng nghe giáo pháp lúc hợp thời, việc bàn luận giáo pháp lúc hợp thời, việc cộng trú với vị thầy. Đối với người có tánh tầm, đức Thế Tôn chỉ dạy về niệm hơi thở vào hơi thở ra. Đối với người có tánh tín, đức Thế Tôn chỉ dạy về biểu hiện đem lại sự thành tín: Sự giác ngộ tốt đẹp của đức Phật, tính chất tốt đẹp của giáo pháp, sự hành trì tót đẹp của chúng

Tăng và các giới của bản thân. Đối với người có tánh giác, đức Thế Tôn chỉ dạy về ấn chứng của pháp minh sát: Biêu hiện của vô thường, biêu hiện của khô, biêu hiện của vô ngã. 1. ^Gỉông như người đứng ở đỉnh của ngọn núi đá, cũnệ giông như người có the nhìn thay dân chủng ở xung quanh, tương tự như the ấy, bạch đang Khôn Ngoan, bạch đang Toàn Nhãn, sau khi bước lên tòa lâu đài làm bang giảo pháp, xỉn bậc đã xa lìa sau muộn hãy quan sát chủng sanh bỉ rơi vào sau muộn, bỉ ngự trị bởi sanh và già." Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với Phật nhãn nghĩa là như vậy. Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với toàn nhãn nghĩa là thế nào? Toàn nhãn noi đen trí toàn giác. Đức The Ton đã tiên đen, đã tiên gân, đã đen gan, đã tiên vào, đã đạt đen, đã đầy đủ, đã thành tựu với trí toàn giác. 2. ^Đôỉ với Ngài, không có bát cứ điêu gi ở nơi đây là không được nhìn thay, không được nhận thức, hoặc không thế biết được. Điều nào có the biết được, Ngài đã biết rõ tất cả; vì thế đức Như Lai là bậc Toàn Nhãn." Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với toàn nhãn nghĩa là như vậy. "Bậc có mắt được mở ra đã nói về,9 là như thế. Pháp thực chứng có sự loại trừ các hiểm họa. Pháp thực chứng: Pháp không do nghe lời đồn đãi, không do nghe nói như thế, không do sự truyền thừa, không do sự thành tựu của việc thu thập kiến thức, không do nhân suy nghĩ, không do nhân suy luận, không do suy đoán theo biểu hiện, không do sự suy xét và chấp nhận về quan điểm, đã được chính bản thân biết rõ, đã được tự thân quán xét. 'Tháp thực chứng" là như thế. Có sự loại trừ các hiểm họa. Các hiểm họa: Có hai loại hiểm họa: Hiểm họa hiển hiện và hiểm họa khuất lấp. Các điều nào là hiểm họa hiển hiện? Các con sư tử, hổ, báo, gấu, chó rừng, chó sói, trâu rừng, voi, rắn, bò cạp, rết, hoặc có thể là các kẻ cướp hay những kẻ tàn bạo có hành động gây sự hoặc chưa có hành động gây sự, bệnh ở mắt, bệnh ở tai trong, bệnh ở mũi, bệnh ở lưỡi, bệnh ở thân, bệnh ở đầu, bệnh ở lỗ tai, bệnh ơ miêng, bệnh ơ răng, ho, suyễn, so mũi, nhiệt, cam sót, đau bụng, xây xẩm, kiết ly, đau bụng bão, dịch tả, phong cùi, khối u, bệnh chàm, lao phoi, động kinh, mụt, nhọt, ghẻ ngứa, sảy, loét tay chân, máu và mật, bệnh tiểu đường, bệnh t ghẻ lở, loét hậu môn, bệnh phát khởi từ mật, bệnh phát khởi

từ đàm, bệnh phát khởi từ gió, bệnh tông hợp do mật-đàm-gió, bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều, bệnh thuộc dạng cấp tính, bệnh sanh lên vì quả của nghiệp, lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiêu tiên, các xúc chạm vơi ru6i, muôi, gio, năng va các loai bo sát, hoặc là như the; các điều này được gọi là hiểm họa hiển hiện. Các điều nào là hiểm họa khuất lấp? uế hạnh về thân, uế hạnh về khẩu, uế hạnh về ý, pháp che lấp "mong muốn về dục", pháp che lấp "sân han", pháp che lấp udã dượi buồn ngủ9\ pháp che lấp "phóng dật va hối hận,\ pháp che lấp "hoài nghi", sự luyến ái, sân hận, si mê, giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bon xẻn, xảo trá, lừa gạt, bướng bính, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê5 xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện; các điều này được gọi là hiểm họa khuất láp. Các hiểm họa: Các hiểm họa với ý nghĩa gì? Các hiểm họa bởi vì "chúng áp chế", các hiểm họa bởi vì "chúng đưa đến sự suy giảm,\ các hiểm họa bởi vì "noi ầy là chỗ trú." Các hiểm họa bởi vì "chúng áp ghế" nghĩa là thế nào? Các hiểm họa ấy khống chế, áp chế, ngự trị, đè bẹp, trấn áp, chà

đạp cá nhân ấy. Các hiểm họa bởi VI "chung áp chếnghía là như vậy. Các hiêm họa bởi vì "chúng đưa đên sự suy giảm" nghĩa là thê nào? Các hiểm họa ấy đưa đến sự nguy hiểm, đến sự suy giảm đối với các thiện pháp. Đối với các thiện pháp nào? Đối với sự thực hành dúng đắn, đối với sự thực hành phù hợp, đối với sự thực hành không trái ngược, đoi với sự thực hành đưa đến lợi ích, đoi với sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, đoi với việc làm đầy đủ các giới, đối với việc phòng vệ các giác quan, đôi với việc biết chừng mực về vật thực, đối với sự luyện tập về tỉnh thức, đối với niệm và sự nhận biết rõ, đối với sự chuyên cần tu tập về bốn sự thiết lập niệm, đối với sự chuyên cần tu táp về bốn chánh cần,... ve bốn nền tảng của thần thông,... về năm quyền,... ve năm lực,... về bảy yếu tố đưa đến giác ngộ,... về đạo lộ Thánh thiện tám chi phan, chúng đưa đen sự nguy hiểm, đen sự suy giảm đoi với các thiện pháp này. Các hiểm họa bởi vì "chúng đưa đến sự suy giảm,, nghĩa là như vậy. Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ tru,, nghĩa là thế nào? Các ác bất thiện pháp này sanh lên ở nơi ấy thì có bản ngã [của người ấy] là nơi nương tựa. Giống như các sinh vật "c6 hang là chỗ trú" thì ngụ ở hang, các sinh vật có "nước là chỗ trú^, thì ngụ ở nước, các sinh vật "c6 rừng là chỗ trú,, thì ngụ ở rừng, các sinh vật t6có cây cối là chỗ trú" thì ngụ ở cây cối; tương tự như vậy, các ác bất thiện pháp này sanh lên ở nơi ấy thì có bản ngã [của người ấy] là nơi nương tựa. Các hiểm họa bởi vì "noi ấy là chỗ trú" còn là như vậy. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khmi, vị Tỳ-khưu có học trò, có thầy dạy học, sống khổ sở không thoải mái. Và này các Tỳ-khưu, the nào là vi Tỳ-khiru có học trò, có thay

dạy học, sống khổ sở không thoải mái? Này các Tỳ-khiru, ở đây, đối với vị Tỳ- khưu? sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, các ác bất thiện pháp nào có sự di chuyển [ở các đối tượng] và có sự tư duy đưa đến sự ràng buộc sanh khởi đến vị ấy, các ác bất thiện pháp ấy trú ngụ, chiếm ngự bên trong vi ấy; vì thế, được gọi là 'có học trò9. Chúng chi phối vi ấy, 'các ác bất thiện pháp chi phối vị ấy'; vì thế, được gọi là 'có thây dạy học\ Và thêm nữa, này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu5 sau khi nghe âm thanh bàng tai,... sau khi ngửi hương bằng mũi,... sau khi nếm vị bằng lưỡi,... sau khi xúc chạm bằng thân,... sau khi nhận thức pháp bang ý5 các ác bất thiện pháp nào có sự di chuyển [ở các đoi tượng] và có sự tư duy đưa đến sự ràng buộc sanh khởi đên vị ây? các ác bát thiện pháp ây trú ngụ, chiếm ngự bên trong vi ấy; vì thế, được gọi là 'có học trò\ Chúng chi phối vi ấy, 'các ác bất thiện pháp chi phối vị ấy'; vì thế, được gọi là 'có thầy dạy học\ Này các Tỳ-khưu, quả là như vậy, vị Tỳ-khxru có học trò, có thầy dạy học, sống kho sở không thoải m4i." Các hiểm họa bởi vì "noi ấy là chỗ trú" còn là như vậy. Bởi vì điêu nay đã được đức The Tôn noi đen: "Này các Tỳ-khmi9 có ba pháp này là các vết nhơ bên trong, các kẻ thù bên trong, các đối thủ bên trong, các kẻ giết chóc bên trong, các kẻ đối nghịch bên trong. Ba pháp nào? Này các Tỳ-khiru, tham là vết nhơ bên trong, kẻ thù bên trong, đối thủ bên trong, kẻ giết chóc bên trong, kẻ đối nghịch bên trong. Này các Tỳ-khim? sân... (nt)... Này các Tỳ-khưu, si là vét nhơ bên trong, kẻ thù bên trong, đối thủ bên trong, kẻ giết chóc bên trong, kẻ đối nghịch bên trong.^, 5 r 3. “Tham là sự sanh ra điêu không lợi ích, tham là sự roi loạn của tâm. Người đời không thâu hiêu sự nguy hiểm ây đã được sanh ra từ bên trong. 4. Người bỉ khởi tham khônệ biết được điều lợi

ích, người bị khởi tham không nhìn thây ly lẽ. Tham không chê người nào, lúc ây có sự mù quảng tôi tăm hiện diện. 5. Sân là sự sanh ra điều không lợi ích, sân là sự rổi loạn của tâm. Người đời không thau hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong. 6. Người bi nóng giận không biết được điều lợi ích, người bi nóng giận không nhìn thấy ly lẽ Sự nóng giận khổng chế người nào, lúc ẩy có sự mù quảng tối tăm hiện diện. 7. Sỉ là sự sanh ra điều không lợi ỉchf sỉ là sự rối loạn của tâm. Người đời không thấu hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong, 8. Người bi si mê không biêt được điêu lợi ích, người bi si mê không nhìn thấy ly lẽ. Si khổng chế người nào, lúc ấy có sự mù quáng tối tăm hiện diện." Các hiểm họa bởi vì "noi ấy là chỗ trú" còn là như vậy. Bơi vì điêu nay đã được đức The Ton noi đen: "Tâu Đại vương, quả thật có ba pháp này được sanh lên thuộc nội phần; chúng sanh lên đem đên sự bất lợi, sự khô đau, sự sống không thoải mái cho

con người. Ba pháp nào? Tham, tâu Đại vương, quả thật là pháp được sanh lên thuộc nội phân; nó sanh lên đem đên sự bát lợi, sự khô đau, sự sông không thoải mái cho con người. Sân, tâu Đại vương, quả thật... (nt)... Si, tâu Đại vương, quả thật là pháp được sanh lên thuộc nội phân; nó sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Tâu Đại vương, quả thật ba pháp này được sanh lên thuộc nội phần, chúng sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ dàu, sự sống không thoải mái cho con người.,, 9. “Tham, sân và si hiện hữu ở bản thân, hãm hại người có tâm ỷ xấu xa, tựa như việc kết trải hãm hại cây tre." Các hiểm họa bởi vì "noi ấy là chỗ trú" còn là như vậy. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: 10. í(Luyến ái, sân hân và si mê có căn nguyên từ nơi [bản ngã] này. Ghét, thương, sự rởn lông sanh lên từ nơi [bản ngã] này. Sự suy tư của tâm có nguồn sanh khởi từ nơi [bản ngã] này, tựa như những bẻ trai buông lơi con quạ [bỉ cột chân bởi sợi chỉ dài]." Các hiểm họa bởi vì "noi ấy là chỗ trú" còn là như vậy. Có sự loại trừ các hiểm họa: Sự loại trừ các hiểm họa là sự dứt bỏ các hiểm họa, sự vắng lặng các hiểm họa, sự buông bỏ các hiểm họa, sự tịch tịnh các hiểm họa, bất tử* Niết-bàn. 'Tháp thực chứng có sự loại trừ các hiểm hqa" là như thế. Thưa Ngài Đại đức, xin Ngài hãy nói về đường lối thực hành. Xin Ngài hãy nói về đường lối thực hành: Xin Ngài hãy nói, hãy nêu ra, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ về sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, việc làm đầy đủ các giới, việc phòng vệ các giác quan, việc biết chừng mực về vật thực, sự luyện tập về tỉnh thức, niệm và sự nhận biết rõ, bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn và đường lối thực hành đưa đến Niết-bàn. "Xin Ngài hãy nói về đường lối thực hành,, là như thế. Thưa Ngài Đại đức: Vị [Phật] đã được hóa hiện ấy xưng hô với đức Phật Thế Tôn. Hoặc là pháp nào mà Ngài đã nêu ra, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn định, đã khai mở5 đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày t6, mọi điều ấy là tốt đẹp, tốt lành, thiện, không bi chê trách, nên được thực hành. "Thua Ngài Đại đức, xin Ngài hãy nói về đường lối thực hanh” là như thế. về giới giải thoát và luôn cả về định nữa. về giới giải thoát: Giới là nền tảng, phần

khởi dầu, sự thực hành, sự ngăn giữ, sự thu thúc, sự mở đầu, sự dẫn đầu nhằm chứng đạt các thiện pháp.

ĐẠI DIỄN GIẢI 301

Và luôn cả vê đinh nữa: Là sự ôn định, sự đứng vững, sự kiên đinh, sự không rối loạn, sự không tán loạn, trạng thái tâm ý không bị phân tán, sự vắng lặng, định quyền, định lực, chánh định của tâm. “về giới giải thoát và luôn cả về định nữa" là như thế. Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng: y “BQc cỏ mát được mở ra đã nói vê Pháp thực chứng, có sự loại trừ các hiếm họa. Thưa Ngài Đại đức, xin Ngài hãy nói về đường lối thực hành, Vê giới giải thoát và luôn cả vê định nữa. ‘‘

14.8. Không nên buông thả với đôi mắtf Nên che đậy lô tai đôi với chuyện làng xóm, Khôn^ nên thèm muốn ở các vi nếm, ' F \ \ \ r r Và không nên châp là của ta vê bát cứ thứ gì ở thê gian. Không nên buông thả với đôi mắt: Buông thả con mắt là thế nào? ở đây, một vị Tỳ-khưu nào đó buông thả con mát, có trạng thái buôĩiệ thả ở mát [nghĩ rằiig]: "Nên thấy điều chưa thấy, nên bỏ qua điều đã thấy", roi từ tu viện này đến tu viện khác, từ vườn hoa này đến vườn hoa khác, từ ngôi làng này đến ngôi làng khác, từ thị trấn này đến thị trấn khác, từ thành phố này đến thành phố khác, từ quốc độ này đến quốc độ khác, từ xứ sở này đến xứ sở khác, đeo đuổi cuộc du hành lâu dài, cuộc du hành bát định đê nhìn ngăm cảnh săc; buông thả con măt là như vậy. Hoặc là, vị Tỳ-khưu, khi đã vào đên xóm nhà, khi đi dọc theo con đường thì đi không thu thúc: Vi ấy vừa đi vừa nhìn voi, nhìn ngựa, nhìn xe, nhìn người đi bộ. nhìn các phụ nữ, nhìn các nam nhân, nhìn các cậu trai, nhìn các cô gái. nhìn các cửa tiệm, nhìn mặt tiên của các căn nhà, nhìn lên, nhìn xuông, nhìn xem hướng chính hướng phụ; buông thả con mắt còn là như vậy. Hoặc là, vị Tỳ-khưu, sau khi nhìn thây cảnh săc băng mát, có sự năm giữ hình tướng, có sự nắm giữ chi tiết. Do nguyên nhân nào mà vị ấy, trong khi sống, có nhãn quyền kh6ng được thu thúc, khiến các sự tham đắm, ưu phiền, các ác bất thiện pháp có the xâm nhập, vị ấy không thực hành sự thu thúc đối với nguyên nhân ấy, không hộ trì nhãn quyền, không tiến hành sự thu thúc ở nhãn quyên; buông thả con măt còn là như vậy. Hoặc hơn nữa, giông như một sô Tôn giả Sa-môn và Bà-la-môn, sau khi thọ thực các bữa ăn được bố thí do đức tin, các vị ấy lại sống, đeo đuổi việc xem trình diễn có hình thức như vầy: Tức là múa, hát, đờn, vũ hội, nghe kể chuyện, vỗ tay theo nhịp, đánh chiêng, đánh trốnệ, biểu diễn thời trang, trò chơi với banh sắt, trò tung hứng tre, lễ bốc mộ, đau voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò mộng, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừu, đấu gà, đấu chim cút, đấu gậy, đánh bốc, đấu vật, tập trận, dàn quân, đóng quân, xem sự điều quân, hoặc là như the; buông thả con mắt còn là như vậy.

302 KINH TIỂU Bộ

Không buông thả con mắt là thế nào? ở đây, một vị Tỵ-khưu nào đó không buông thả con măt5 không có trạng thái buông thả ở mát [không nghĩ rằng]: "Nên thấy điều chưa thấy, nên bỏ qua điều đã thấy”rồi không từ tu viện này đến tu viện khác, không từ vườn hoa này đến vườn hoa khác, không từ ngôi làng này đen ngôi làng khác, không từ thị trấn này đen thị tran khác, không từ thành phố này đến thành phố khác, không từ

quốc độ này đến quốc độ khác, không từ xứ sở này đến xứ sở khác, không đeo đuổi cuộc du hành lâu dài, cuộc du hành bất định để nhìn ngắm cảnh sắc; không buông thả con mắt là như vậy. Hoặc là, vị Tỳ-khưu, khi đã vào đến xóm nhà, khi đi dọc theo con đường thì đi thu thúc: Vị ấy đi mà không nhìn voi, không nhìn ngựa, không nhìn xe, không nhìn người đi bộ? không nhìn các phụ nữ, không nhìn các nam nhân, không nhìn các cậu trai, không nhìn các cô gái, không nhìn các cửa tiệm, không nhìn mặt tiền của các căn nhà, không nhìn lên, không nhìn xuống, không nhìn xem hướng chính hướng phụ; không buông thả con mắt còn là như vậy. Hoặc là, vị Tỳ-khưu, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, không có sự nắm giữ hình tướng, không có sự nắm giữ chi tiết. Do nguyên nhân nào mà vị ấy, trong khi sống, có nhãn quyền không được thu thúc, khiến các sự tham đắm, ưu phiền, các ác bất thiện pháp có the xâm nhập. Vị ấy thực hành sự thu thúc đối với việc ấy, hộ trì nhãn quyền, tiến hành sự thu thúc ở nhãn quyền; không buông thả con mắt còn là như vậy. Hoặc hơn nữa, giống như một số Tôn giả Sa-môn và Bà-la-môn? sau khi thọ thực các bữa ăn được bố thí do đức tin, các vị ấy lại sống, đeo đuổi việc xem trình diễn có hình thức như vầy: Tức là múa5 hát, dơn, vũ hội, nghe kể chuyện,... (nt).. xem sự điều quân, hoặc là như thế. Vị ấy tránh xa việc xem trình diễn có hình thức như thế ấy; không buông thả con mắt còn là như vậy. Không nên buông thả voi đôi mắt: Nên dứt bỏ? nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu trạng thái buông thả ở mắt. Nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với trạng thái buông thả ở mắt, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Không nên buông thả với đôi mắt" là như thế. Nên che đậy lỗ tai đối với chuyện làng xóm: Chuyện làng xóm nói đến ba mươi hai việc nói chuyện phù phiếm, như là: Câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về trộm cướp, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, câu chuyện hãi hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về thức ăn, câu chuyện về thức uống, câu chuyện về vải vóc, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện ve thân quyến, câu chuyện ve làng xóm, câu chuyện ve thi tứ, câu chuyện ve phố phường, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về đàn ông, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện về đường xá, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại nói về hiện

ĐẠI DIỄN GIẢI 303

r A \

trạng của thê giới, nói vê hiện trạng của đại dương, câu chuyện vê sự hiện hữu và không hiện hữu, hoặc là như thê. Nên che đậy lỗ tai đối với chuyện làng xóm: Nên che đậy lỗ tai đối với chuyện làng xóm, nên khống chế, nên ngăn chặn, nên bảo vệ, nên gìn giữ, nên đóng lại, nên cắt đứt. "Nên che đậy lỗ tai đối với chuyện làng xóm,, là như thế. Không nên thèm muốn ờ các vi nếm. Vi nem: Vị cua re củ5 vị cua than cay, vị cua vo cay, vị cua la cay, vị cua hoa, vị của trái, chua, ngọt, đắng, cay, mặn, nhạt, gắt, chát, dễ chịu, khó chiu, lạnh, nóng. Có một số Sa-môn và Bà-la-môn thèm khát vi nếm, họ lang thang đó đây tâm câu các vị nêm tuyệt vời băng đâu lưỡi. Có được vị chua, họ tâm câu

vị không chua; có được vi không chua, họ tầm cầu vị chua. ... (nt)... có được vị lạnh, họ tầm cầu vị nóng; có được vi nóng, họ tầm cầu vị lạnh. Khi có được vị nếm nào thì họ lại không vừa lòng với vi nếm ấy và tiếp tục tầm cầu, họ bi luyến ái ở các vị nếm hợp y, bị thèm khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bị gần gũi, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại. Đối với vi nào, tham ái này ở vị nếm đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt,... (nt)... đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy suy xét đúng đắn rồi mới thọ dụng vật thực: "Không vì vui đùa,... (nt)... sự không lầm lỗi, và sự sống được thoải mái." Giống như người bôi thuốc ở vết thương chỉ nhắm đến mục đích làm cho lành lặn, hoặc giống như người nhỏ dầu ở trục xe chỉ nhắm đến mục đích chuyên chở khối hàng, hoặc giống như người thọ dụng thức ăn là thịt của đứa con trai chỉ nhắm đen mục đích thoát khỏi bãi sa mạc, tương tự y như the, vị Tỳ- khưu suy xét đúng đắn rồi mới thọ dụng vật thực: "Không vì vui đùa,... (nt)... sự không lầm lỗi, và sự sống được thoải Nên dứt bỏ5 nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu tham ái ở vị nếm. Nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với tham ái ở vi nếm, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Không nên thèm muốn ở các vị nếm^, là như thế. Và không nên chấp là của ta về bất cứ thứ gì ờ thế gian. Trạng thái chấp là của ta: Có hai trạng thái chấp là của ta: Trạng thái chấp là của ta do tham ái và trạng thái chấp là của ta do tà kiến.... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tham ái. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tà kiến. Sau khi dứt bỏ trạng thái chấp là của ta do tham ái, sau khi buông bỏ trạng thái chấp là của ta do tà kiến, không nên chấp mắt là của ta, không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt; không nên chấp tai, mũi, lưỡi, thân, các sắc, các thinh, các hương, các vị, các xúc, gia tộc, đồ chúng, chỗ ngụ, lợi lộc, danh vọng, lời khen, hạnh phúc, y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, dục giới, sắc giới, vô sắc giới, cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, cõi hữu tưởng, cõi vô tưởng, cõi phi tưởng phi phi tưởng, cõi

một uân, cõi bôn uân, cõi năm uân, quá khứ, vị lai, hiện tại, các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức là của ta, không nên năm lây, không nên bám víu, không nên chap chặt. Bất cứ cái gì: Bất cứ cái gì liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh,...(nt)... ở thế gian của các xứ. "Và không nên chấp là của ta về bất cứ thứ gì ở thế gian" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: ^Không nên buông thả với đôi matf Nên che đậy lỗ tai đổi với chuyện làng xóm, r r Không nên thèm muôn ở các vị nêm 9 y f r r Và không nên chấp là của ta vê bát cứ thứ gỉ ở thê gian."

14.9. Khi nào bỉ xúc chạm bởi xúc [bất hạnh], Vị Tỳ-khưu không nên thể hiện sự than vãn ve bất cứ điều gỉ, Không nên tham đam sự hiện hữu, Và không nên rúng động vì các sự khiếp đảm. Khi nào bi xúc chạm bỏi xúc [bất hạnh]. XÚC Xúc do bệnh. [Vi Tỳ-khưu] có thê bị xúc chạm, bị chê ngự, bị xâm nhập, bi sở hữu bởi xúc do bệnh; có thể bi xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bi sở hữu bởi xúc do bệnh ở mắt; bị xúc chạm, bị chế ngu, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi xúc do bệnh ở tai trong, do bệnh ở mũi,

do bệnh ở lưỡi, do bệnh ở thân, do bệnh ở đầu, do bệnh ở lỗ tai, do bệnh ở miệng, do bệnh ở răng, do ho, do suyễn, do sổ mũi, do nhiệt, do cảm sốt, do đau bụng, do xây xẩm, do kiết ly, do đau bụng bão, do dịch tả? do phong cùi, do khối u, do bệnh chàm, do lao phổi, do động kinh, do mụt, do nhọt, do ghẻ ngứa, do sảy, do loét tay chân, do máu, do mật, do bệnh tiểu đường, do bệnh trĩ, do ghẻ lở5 do loét hậu môn, do bệnh phát khởi từ mật, do bệnh phát khởi từ đàm, do bệnh phát khởi từ gió, do bệnh tổng hợp từ mật-đàm-gió? do bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, do bệnh sanh lên vì bôn oai nghi không đông đêu, do bệnh thuộc dạng cáp tính, do bệnh sanh lên vì quả của nghiệp, do lạnh, do nóng, do đói, do khát, do đại tiện, do tiểu tiện, bởi các xúc chạm với ruồi, muỗi, gi6, nắng và các loài bò sát. “Khi nào bi xúc chạm bởi xúc [bất hạnh]59 là như thế. Vi Tỳ-khưu không nên thể hiện sự than vãn về bất cứ điều gì: Không nên tạo ra, không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khỏi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh ra sự than van, sự than trách, sự than thở, sự than vãn, trạng thái than van, trạng thái than trách, lời nói, nói lảm nhảm, nói huyên thuyên, nói kể lể, lối nói kể le, trạng thái nói kể lể. Bất cứ điều gì: Là ở bất cứ đâu, về bất cứ điều gi, ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần.

ĐẠI DIỄN GIẢI 305

"Vj Tỳ-khưu không nên thể hiện sự than vãn về bất cứ điều gi" là như thế. Không nên tham đắm sự hiện hữu: Không nên tham muốn dục hữu, không nên tham muốn sắc hữu, không nên tham muốn vô sắc hữu, không nên khởi tham muốn, không nên tham đắm. "Không nên tham đắm sự hiện hữu” là như thế. r Và không nên rúng động vì các sự khiêp đảm. Sự khiếp đảm: Sự sợ hãi và sự khiếp đảm cũng y như nhau, với cùng một biểu hiện. Bởi vì, điều này đã được đức Thế Tôn đe cập đến: 'Thải chăng là điều này, là sự sợ hãi và khiếp đảm ấy đang đến?" Đối tượng bên ngoài đã được nói đến là: Các con sư tử, hổ, báo, gấu, chó rừng, chó sói, trâu rừng, ngựa, voi, rắn, bò cạp, rết, hoặc có thể là các kẻ cướp, hay những kẻ tàn bạo có hành động gây sự hoặc chưa có hành động gây sự. Theo một kiểu cách khác, sự sợ hãi được nói đến là sự sợ hãi, trạng thái sợ hãi, trạng thái kinh hãi, sự rởn lông, sự hốt hoảng, sự khiếp sợ có nguồn sanh khởi ở tâm, thuộc nội phần: Sợ hãi sự sanh, sợ hãi sự già, sợ hãi sự bệnh, sợ hãi sự chết, sợ hãi vua chúa, sợ hãi kẻ trộm, sợ hãi lửa, sợ hãi nước, sợ hãi sự chỉ trích của bản thân, sợ hãi sự chỉ trích của người khác, sợ hãi hình phạt, sợ hãi khổ cảnh, sợ hãi sóng nước, sợ hãi cá sấu, sợ hãi xoáy nước, sợ hãi cá dữ, sợ hãi về sinh kế, sợ hãi sự quở trách, sợ hãi do sự nhút nhát ở tập thể, sợ hãi do sự say sưa, sợ hãi do khổ cảnh; trạng thái sợ hãi, trạng thái kinh hãi, sự rởn lông, sự hốt hoảng, sự khiếp sợ của tâm. r r

Và không nên rúng dQng vì các sự khiêp đảm: Sau khi nhìn thây, hoặc sau khi nghe nhiều điều khiêp đảm, thì không nên run rây, không nên chấn động, không nên rúng động, không nên run sợ5 không nên khiếp sợ, không nên hoảng sợ, không nên sợ hãi, không nên rơi vào sự kinh sợ, nên có tánh không nhút nhát, không kinh hãi, không sợ sệt, không trôn chạy, [vị Tỳ-khiru] nên sống, có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rởn lông đã được xa lìa. "Và không nên rúng động vì các sự khiếp đảm" là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng: “Khi nào bị xúc chạm bởi xúc [bất hạnh], Vị

Tỳ-khưu không nên the hiện sự than vãn ve bất cứ điều gỉ, Không nên tham đắm sự hiện hữu, Và không nên rủng động vì các sự khiếp đảm."

14.10. Đối với các thức ănf rồi đối với các thức uống, Đổi với các vật thực nhai, roi đoi với các loại vải vóc, Sau khi nhận được, không nên tạo ra sự cất giữ, Và không nên hoảng sợ trong khi không nhận được chúng. Đối vơi các thức ăn, rồi đối vói các thức uống, đối vói các vật thực nhai, rồi đối vói các loại vải vóc. Đối với các thức ăn: Là cơm, cháo chua, bánh bột, cá, thịt.

Đối vói các thức uống: Có tám loại thức uống: Nước xoài, nước mận, nước chuối hột, nước chuối kh6ng hột, nước mật ong, nước nho, nước ngó sen, nước dâu. Còn có tám loại thức uông khác nữa: Nước trái kosamba, nước táo ta, nước táo, nước bơ lỏng, nước dầu ăn, nước sữa, nước cháo, nước rau cải. Đối với các vật thực nhai: Bột là vật thực nhai, bánh là vật thực nhai, rễ cây là vật thực nhai, vỏ cây là vật thực nhai, lá cây là vật thực nhai, bông hoa là vật thực nhai, trái cây là vật thực nhai. Đối với các loại vải vóc: Có sáu loại y: Loại bằng sợi lanh, loại bằnệ bông vải, loại bằng tơ lụa, loại bằng sợi len, loại bằng gai thô, loại bằng chỉ bo. "Đối với các thức ăn, rồi đối với các thức uống, đối với các vật thực nhai, rồi đối với các loại vải v6c" là như thế. Sau khỉ nhận được, không nên tạo ra sự cất giữ. Sau khi nhận được: Sau khi nhận được là sau khi đạt được, sau khi đạt đến, sau khi tìm thấy, sau khi tiếp nhận không do gạt gẫm, không do tán phét, không do gợi ý, không do lừa bịp, không do việc thèm muốn lợi lộc bằng lợi lộc, không do việc cho củi [gỗ], không do việc cho tre, không do việc cho lá, không do việc cho bông hoa, không do việc cho trái cây, không do việc cho cây cọ rửa, không do việc cho bột tắm, không do việc cho đất sét, không do việc cho gỗ chà răng, không do việc cho nước súc miệng, không do việc nịnh hót, không do việc tâng bốc, không do việc chiều chuộng, không do việc nói lén sau lưng, không nhờ vào khoa địa lý, không nhờ vào kiến thức thế tục, không nhờ vào khoa bói tướng, không nhờ vào khoa chiêm tinh, không do việc đi làm sứ giả, không do việc đi theo sự sai bảo, không do việc chuyển tin bằng đôi chân, không do công việc thầy thuốc, không do công việc xây dựng, không do thức ăn đổi thức ăn5 không do phát sanh bởi quà cáp; sau khi nhận được, sau khi đạt được, sau khi đạt đến, sau khi tìm thấy, sau khi tiếp nhận đúng theo pháp, một cách ngay thẳng. "Sau khi nhận được" là như thế. Không nên tạo ra sự cất giữ: Không nên tạo ra, không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh ra sự cất giữ thức ăn, sự cất ^iữ thức uống, sự cất giữ vải vóc, sự cất giữ xe thuyền, sự cất giữ chỗ nằm, sự cát giữ vật thơm, sự cát giữ tài vật. "Sau khi nhận được, không nên tạo ra sự cất giữ" là như thế. Và không nên hoảng sợ trong khỉ không nhận được chúng [nghĩ rằng:] "Tôi không đạt được thức ăn, tôi không đạt được thức uống, tôi không đạt được vải vóc, tôi không đạt được gia đình, tôi không đạt được đồ chúng, tôi không đạt được chỗ ngụ, tôi không đạt được lợi lộc, tôi không đạt được danh vọng, tôi không đạt được sự khen ngợi, tôi không đạt được hạnh phúc, tôi không đạt được y phục, tôi không đạt được vật thực, tôi không đạt được chỗ ở, tôi không đạt được vật dụng là thuốc men chữa bệnh, hoặc tôi không đạt được người chăm sóc bệnh,

tôi không được biết đến,, thì không nên run sợ, không nên khiếp sợ, không nên hoảng sợ, không nên sợ hãi, không nên rơi vào sự kinh sợ, nên có

tánh không nhút nhát, không kinh hãi, không sợ sệt, không trốn chạy, [vị Tỳkhiru] nên sống, có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ? có sự rởn lông đã được xa lìa. "Và không nên hoảng sợ trong khi không nhận được chúng,^ là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: ^Đôi với các thức ănf roi đôi với các thức uông, Đối với các vật thực nhai, roi đổi với các loại vải vóc, Sau khi nhận được, không nên tạo ra sự cất giữ, Và không nên hoảng sợ trong khi không nhận được chúng." y

14.11. Nên là vị có thiên chứng, không nên buông thả bàn chân [đi đó đây], Nên xa lánh trạng thải hối hận, khôn^ nên xao lãng, Và ở những chô ngôi, ở những chô năm, ở những nơi có ít tiếng động, vi Tỳ-khiru nên cư trủ. Nên là vị có thiền chứng, không nên buông thả bàn chân [đi đó đây]. Có thiền chứng: Là có thiền chứng với sơ thiền, có thiền chứnẹ với nhị thiền, có thiền chứng với tam thiền, có thiền chứng với tứ thiền, có thiển chứng với thiền có tầm có tứ, có thiền chứng với thiền không có tầm chỉ có tứ, có thiền chứng với thiền không có tầm không có tứ, có thiền chứng với thiền có hỷ, có thiền chứng với thiền không có hỷ5 có thiền chứng với thiền đồng hành với hỷ, có thiền chứng với thiền đồng hành với khoái lạc, có thiền chứng với thiền đồng hành với lạc, có thiền chứng với thiền đồng hành với xả, có thiền chứng với thiền không tánh, có thiền chứng với thiền vô tướng, có thiền chứng với thiền vô nguyện, có thiền chứng với thiền hợp thế, có thiền chứng với thiền xuất thế, thích thú với thiền, gắn bó với trạng thái đơn độc, chú trọng mục đích của mình. "C6 thiền chứng,, la như thế. Không nên buông thả bàn chân [đi đó đây]: Buông thả bàn chân là thế nào? ở đây, một vi Tỳ-khưu nào đó buông thả bàn chân, có trạng thái buông thả ở bàn chân, từ tu viện này đến tu viện khác, từ vườn hoa này đến vườn hoa khác, từ ngôi làng này đến ngôi làng khác, từ thi trấn này đến thi trấn khác, từ thành phố này đến thành phố khác, từ quốc độ này đến quốc độ khác, từ xứ sở này đên xứ sở khác, vị ây sông, đeo đuôi cuộc du hành lâu dài, cuộc du hành bất định; buông thả bàn chân là như vậy. Hoặc là, vi Tỳ-khưu, thậm chí ở bên trong tu viện của hội chúng, cũng buông thả bàn chân, có trạng thái buông thả ở bàn chân, không phải vì sự lợi ích là nguyên nhân, không phải vì công việc là nguyên nhân, bị phóng túng, có tâm không được vắng lăng, rồi từ gian phòng này đi đến gian phòng khác, từ trú xá này đi đến trú xá khác, từ nhà một mái này đi đến nhà một mái khác, từ tòa lâu đài này đi đến tòa lâu đài khác, từ tòa nhà dài này đi đen tòa nhà dài khác, từ hang động này đi đen hang động khác, từ thạch thất này đến ứiạch thất khác, từ cóc liêu này đi đến cốc liêu khác, từ nhà mái nhọn này đi đến nhà mái nhọn khác, từ chòi canh này đi đến chòi canh

khác, từ ngôi nhà tròn này đi đến ngôi nhà tròn khác, từ căn lều này đi đến căn lều khác, từ nhà kho này đến nhà kho khác, từ hội trường này đi đến hội trường khác, từ mái che này đi đen mái che khác, từ gốc cây này đi đen gốc cây khác. Hoặc nữa, các vị

Tỳ-khưu ngồi nơi nào thì [vị ấy] đi đến nơi ấy, tại đó trở thành người thứ hai của một vi, trở thành người thứ ba của hai vị, trở thành người thứ tư của ba vị, tại đó nói huyên thuyên, việc nói nhảm nhí như là: Chuyện về vua chúa, chuyện về trộm cướp, chuyện về đại thần, chuyện về binh lính, chuyện hãi hùng, chuyện về chiến tranh, chuyện về thức ăn, chuyện về thức uông, chuyện về vải vóc, chuyện về xe cộ, chuyện về giường nằm, chuyện về vòng hoa, chuyện về hương liệu, chuyện về thân quyến, chuyện về làng xóm, chuyện về thị tứ, chuyện về thành phố, chuyện về CIuốc độ, chuyện về đàn bà? chuyện về đàn ông, chuyện vê vị anh hùng, chuyện vê đường xá, chuyện tại chô lây nước, chuyện về người đã chết, các chuyện tạp thoại nói về hiện trạng của thế giới, nói về hiện trạng của đại dương, chuyện về sự hiện hữu và không hiện hữu là như vầy, hoặc là như thế; buông thả bàn chân còn là như vậy. Không nên buông thả bàn chân: Nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu trạng thái buông thả ở bàn chân. Nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với việc buông thả bàn chân, nên trú ngụ, nên thực hành, nên cư xử, nên sinh hoạt, nên vận hành, nên bảo hộ, nên hộ trì, nên bảo dưỡng với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. Nên có sự thích thú trong việc thiền tịnh, được thích thú trong việc thiền tịnh, gan bó với sự vắng lặng của tâm thuộc nội phần, có thiền không bị xa rời, thành tựu minh sát, là nẹười gia tăng việc ngụ ở các ngôi nhà trống vắng, chứng thiền, thích thú với thiền, gan bó với trạng thái đơn độc, chú trọng mục đích của mình. "Nen là vị có thiền chứng, không nên buông thả bàn chân [đi đó dây]" là như thế. Nên xa lánh trạng thái hối hận, không nên xao lãng. Hối hận: Vẻ bối rối ở bàn tay cũng là hối hận, vẻ bối rối ở bàn chân cũng là hoi hận, vẻ bối roi ở bàn tay và bàn chân cũng là hoi hận, lam tưởng là được phép trong việc không được phép, lầm tưởng là không được phép trong việc được phép, lầm tưởng là có tội ở việc vô tội, lầm tưởng là vô tội ở việc có tội. Việc nào có hình thức là sự hôi hận, biêu hiện hôi hận, trạng thái hôi hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý, việc này gọi là hối hận. Thêm nữa, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do hai nguyên nhân: Do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm. Thế nào là sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên dọ trạng thái đã làm và do trạng thái không làm? [Nghĩ rằng:] 64Ta đã làm uế hạnh về thân, ta đã không làm thiện hạnh về thân", sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên; "ta đã làm uế hạnh về khẩu, ta đã không làm thiện hạnh về khẩu"sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên; "ta đã làm uế hạnh về ý, ta

đã không làm thiện hạnh về ý\... (nt).."ta đã giết hại sinh mạng, ta đã không tránh xa sự giết hại sinh mạng"sự hối hận,... (nt)... sự bối rối của ý sanh lên; "ta đã trộm cắp,..."ta đã tà hạnh trong các dục,... "ta đã nói doi,... "ta đã nói đâm thọc,... "ta đã nói thô lỗ5... "ta đã nói nhảm nhí,... "ta đã hành động tham đắm,... "ta đã hành động sân hận,... uta đã thực hành tà kiến, ta đã không thực hành chánh kiOn"sự hôi hận, sự ăn năn của tâm, sự bôi roi của ý sanh lên. Như vậy là sự hôi hận, sự ăn năn của tâm, sự bôi roi của ý sanh lên do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm. Hoặc là, [nghĩ rằng:] "Ta không phải là người thực hành đầy đủ các gi&i", sự hối hận, sự ăn năn

của tâm, sự bối rối của ý sanh lên; "ta là người có các giác quan không được gìn giữ",... "ta là người không biết chừng mực vê vật thực9\..; “ta không luyện tập về tỉnh thức",..."ta không đầy đủ niệm và sự nhận biết rõ9\... ubốn sự thiết lập niệm chưa được ta tu tập5\... "bốn chánh cần chưa được ta tu tập”,... 6íbốn nền tảng của thần thông chưa được ta tu tập,\... "năm quyền chưa được ta tu tập",...unăm lực chưa được ta tu tap",• “bảy yếu tố đưa đến giác ngộ chưa được ta tu tập,\... "dạo lộ Thánh thiện tám chi phần chưa được ta tu tap",..."kh6 chưa được ta biết toàn diên”,... "táp chưa được ta dứt ."đạo chưa được ta tu tập^... "diệt chưa được ta chứng ngO”, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên. Nên xa lánh trạng thái hối hận: Nên tránh khỏi, nên xa lánh, nên tránh xa trạng thái hối hận; nên dứt bỏ, nên xua di, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu trạng thái hối hận; nên tránh khỏi, nên xa lánh, nên tránh xa, nên đi ra ngoài, nên rời nên thoát khỏi, không bi ràng buộc với trạng thái hối hận, nên sônệ với tâm đã được làm trò thành không còn giới hạn. "Nên xa lánh trạng thái hoi hận,, là như thế. Không nên xao lãng: Nên là người có sự thực hành nghiêm trang, có sự thực hành liên tục, có sự thực hành không ngừng nghỉ, có thói quen không biếng nhác, không buông bỏ mong muốn, không buông bỏ bổn phận trong các thiện pháp, [nghĩ rằng:] "Khi nào ta có thể làm đầy đủ giới uẩn chưa được đầy đủ, hoặc có thể bảo vệ giới uẩn đã được đầy đủ tại chỗ kia tại chỗ nọ bằng trí tuệ?^ Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự tinh tấn, sự gắng sức, sự ráng sức, sự dõng mãnh, sự không thoi chí, niệm, sự nhận biết rõ5 sự nhiệt tâm, sự cần mẫn, sự quyết tâm, sự chuyên cần, sự không xao lãng trong các thiện pháp, [nghĩ rằng:] "Khi nào ta có thể lam đầy đủ định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn chưa được đầy dh?... (nt).."Khi nào ta có thể biết toàn diện về khổ chưa được biết toàn diện, hoặc có thể dứt bỏ các ô nhiễm chưa được dứt bỏ, hoặc tu tập đạo chưa được tu tập, hoặc chứng ngộ diệt chưa được chứng ngO?” Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự tinh tấn, sự gắng sức, sự ráng sức, sự dõng mãnh, sự không thối chí, niệm, sự nhận biết rõ, sự nhiệt tâm, sự cân mân, sự quyêt tâm, sự chuyên cân, sự không xao lãng trong các thiện pháp.

uNên xa lánh trạng thái hối hận, không nên xao lâtag" là như thế. Và ờ những chỗ ngồi, ờ những chỗ nằm, ờ những nơi có ít tiếng động, vi Tỳ-khưu nên cư trú. Và: Là sự nối liền các câu văn,... (nt)... Chỗ ngồi: Nói đến nơi nào vị ấy ngồi xuống, là cái giường, cái ghế, nệm, thảm dan, tấm da thú? thảm cỏ, thảm lá, thảm rơm. Chỗ nằm: Nói đến chỗ ngụ: Trú xá, nhà một mái, tòa lâu đài, tòa nhà dài, hang động. "Và ở những chỗ ngồi, ở những chỗ nằm,, là như thế. ở những nơi có ít tiếng động, vi Tỳ-khưu nên cư trú: Nên thực hành, nên cư xử, nên trú ngụ, nên sinh hoạt, nên vận hành, nên bảo hộ, nên hộ trì, nên bảo dưỡng ở các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh. “Và ở những chỗ ngồi. ở những chỗ nằm. ở những nơi có ít tiếng động. vi Tỳ-khini nên cư trú,, là như thế. Vì the, đức The Tôn đã noi răng: "Nên là vi có thiền chứng, không nên buông thả bàn chân [đi đó đây], Nên xa lảnh trạng thái hổi hận, không nên xao lãng, Và ở những chỗ ngồi, ở những chỗ nằm, ơ những nơi có ít tiêng động, vị Tỳ-khưu nên cư trú." 2

14.12. Không nên thực hiện nhiêu việc ngủ nghỉ. Nên thân cận sự tỉnh thức, có sự nhiệt tâm. Nên dứt bỏ han sự uể oải, xảo trả, cười cợt, đùa giỡn, việc đôi lứa, cùng với việc trang điểm. Không nên thực hiện nhiều việc ngủ nghỉ: Sau khi phân chia đêm và ngày thành sáu phần, nên thức năm phần, nên nằm xuống một phần. uKhông nên thực hiện nhiều việc ngủ nghí" là như thế. Nên thân cân sự tỉnh thức, có sự nhiệt tâm: ở đây, vị Tỳ-khưu, vào ban ngày làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bang việc kinh hành, bằng việc nệồi; vào ban đêm trong canh đầu làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở băng việc kinh hành, bằng việc ngồi; vào ban đêm trong canh giữa áp dụng thế nằm của sư tử bằng sườn bên phải, đặt bàn chân chồng lên bàn chân, có niệm, có sự nhận biết rõ, chú tâm đến ý tưởng của việc thức dậy; vào ban đêm trong canh cuối sau khi thức dậy, làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bằng việc kinh hành, bằng việc ngồi. Nên thân cận sự tỉnh thức: Nên thân cận, nên gần gũi, nên phục vụ, nên phục dịch, nên kề cận, nên thực hiện sự tỉnh thức. "Nên thân cận sự tỉnh thức” là như thế. Có sự nhiệt tâm: Sự nhiệt tâm nói đến sự tinh tấn, là pháp thuộc về tâm, là sự ra sức tinh tấn, sự cố gắng, sự nỗ lực, sự siêng năng, sự tinh tấn, sự gắng sức,

Sự ráng sức, sự dõng mãnh, nghị lực, trạng thái không lơi lỏng sự nỗ lực, trạng thái không buông bỏ sự mong muốn, trạng thái không buông bỏ trách nhiệm, sự đề cao trách nhiệm, sự tinh tấn, tấn quyền, tấn lực, chánh tinh tấn. Người đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu sự nhiệt tâm này, người ấy được gọi là có sự nhiệt tâm. "Nên thân cận sự tỉnh thức, có sự nhiệt tâm" là như thế. Nên dứt bỏ hẳn sự uể oải, xảo trá, cười cợt, đùa giỡn, việc đôi lứa, cùng với việc trang điểm. Sự uể oải: Sự uể oải, biểu hiện uể oải, trạng thái tâm uể oải, sự lười biếng, biểu hiện lười biếng, trạng thái lười biếng; điều này được gọi là sự uể oải. Xảo trá: Xảo trá nói đến hành vi tráo trở. ở đây một vi [Tỳ-khmi] nào đó sau khi làm uế hạnh bằng thân, sau khi làm uế hạnh bằng lời nói, sau khi làm uế hạnh bằng ý, vì nguyên nhân che đậy việc ấy, định liệu ước muốn xấu xa: [Vị ấy] ước muốn rằng: "Chớ ai biết về tôr\ suy tư rằng: "Chớ ai biết về t6i", nói lời rằng: "Chớ ai biết về t6i", nỗ lực bằng thân rằng: "Chớ ai biết về t6i." Việc xảo trá nào có hình thức như vậy là trang thái xảo trá, sự cố tình không nhớ, sự tráo trở, gian lận, thay đổi, tránh né, cất giấu, che giấu, che đậy, che lấp, không phơi bày, không làm rõ, khéo che đậy, việc làm ác; điều này được gọi là xảo trá. Cười cợt: ở đây một vị [Tỳ-khưu] nào đó cười quá trớn, hở cả răng. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, điều này là việc làm trẻ con trong Luật của bậc Thánh, tức là việc cười quá trớn, hở cả răng?5 Đùa giỡn: Có hai sự đùa giỡn: Đùa giỡn vê thân và đùa giỡn vê khâu. Những việc nào là đùa giỡn về thân? Họ chơi đùa với các con voi, họ chơi đùa với các con ngựa, họ chơi đùa với các cỗ xe, họ chơi đùa với các cây cung, họ tiêu khiển cờ tám ô vuông, họ tiêu khiển cờ mười ô vuông, họ chơi với bàn cờ tưởng tượng ở trên không, họ chơi trò nhảy cóc, họ chơi lối rút quân cờ, họ chơi ném xúc xăc? họ chơi đánh khăng, họ chơi trò đoán hình vẽ băng tay, họ chơi trái cầu, họ chơi trò thổi kèn bằng lá cây, họ chơi trò kéo cày, họ chơi trò nhào lộn, họ chơi chong chóng, họ chơi trò đo lường, họ chơi trò đua xe, họ chơi bắn cung, họ chơi trò đố chữ, họ chơi trò đoán ý, họ chơi trò nhái điệu bộ; đây là

sự đùa giỡn về thân. Những việc nào là đùa giỡn về khẩu? Nhại tiếng trống bằng miệng, làm nhạc trống bằng miệng, làm tiếng trống vỗ bằng miệng, huýt sáo bằng miệng, đánh trống miệng, làm tiếng trốnệ daddarĩ bằng miệng, diễn kịch, reo hò, ca hát, cười giỡn; đây là sự đùa giỡn vê khẩu. Pháp đôi lứa: Nghĩa là việc làm không tốt đẹp, việc làm của các dân lâng, việc làm của những người thấp kém, là xấu xa, có kết cuộc phải dùng nước tẩy rửa, là việc bí mật, là việc két hợp của hai người, theo từng cặp. Vì lý do gì mà được gọi là pháp đôi lứa? Khi cả hai bị luyến ái, bị luyến ái nặng, bị nhiễm dục, bi khởi dục, có tâm bị khuất phục, cả hai là tương tự nhau về bản thể; vì lý do ấy mà được gọi là pháp đôi lứa. Giống như hai người gây nên sự cãi cọ được gọi là tay đôi, hai người gây nên sự cãi lộn, hai người gây nên cuộc nói

chuyện nhảm nhí, hai người gây nên sự tranh cãi, hai người gây nên sự tranh tụng, hai người tranh luận, hai người chuyện trò được gọi là tay đôi. Tương tự như vậy, khi cả hai bị luyến ái, bị luyến ái nặng, bị nhiễm dục, bị khởi dục, có tâm bị khuất phục, cả hai là tương tự nhau về bản thể; vì lý do ấy mà được gọi là phấp đôi lưa. Việc trang điểm: Có hai sự trang điểm: Có sự trang điểm của người tại gia, có sự trang điểm của bậc xuất gia. Việc trang điểm của người tại gia là các việc nào? Đầu tóc, bộ râu, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, đồ trang sức, vật tô điểm, vải vóc, áo khoác, khăn đội đầu, việc kỳ cọ, việc đấm bóp, việc cho người tắm rửa, vật đập v6, gương soi, việc tô măt, vật tâm hoa thơm, phân thoa ở mặt, việc bôi dầu ở mặt, vật buộc cánh tay, nơ thắt ở đầu, gậy chống, ống cây, thanh gươm, dù che, giày dép sặc sỡ, khăn bịt dầu, ngọc ma-ni, cây phất trần, [quấn] các tấm vải trắng có đường biên rộng, hoặc là như thế; điều này là việc trang điểm của người tại gia. Việc trang điểm của bậc xuất gia là các việc nào? Việc trang hoàng y phục, việc trang hoàng bình bát, việc trang hoàng chỗ nằm ngồi, việc trang hoàng, trang điểm, tiêu khiển, giải trí, trạng thái mong muốn, bản tính mong muôn, hành động tô diêm, trạng thái tô diêm đôi với các phân bên ngoài của cơ thể hôi thối này hoặc các vật dụng; điều này là việc trang điểm của người xuất gia. Nên dứt bỏ hẳn sự uể oải, xảo trá, cười cợt, đùa giỡn, việc đôi lứa, cùng với việc trang diêm: Nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm châm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự uể oải, xảo trá, cười cợt, đùa giỡn, việc đôi lứa, cùng với việc trang điểm luôn cả vật phụ tùng, luôn cả vật có liên quan, luôn cả vật dụng. "Nên dứt bỏ hẳn sự uể oải, xảo trá, cười cợt, đùa giỡn, việc đôi lứa, cùng với việc trang điểm" là như thế. v Tỵ ai Ắ m rp-l Á rqp A w Vì thê, đức Thê Ton đã noi răng: y "'Không nên thực hiện nhiêu việc ngủ nghỉ. Nên thân cận sự tỉnh thức, có sự nhiệt tâm. Nên dứt bỏ han sự uê oải, xảo trả, cười cợt, đùa giỡn, việc đôi lứa, cùng với việc trang điểm."

14.13. Không nên luyện tập chú thuật, giải mộng, xem tướng và luôn cả chiêm tỉnh. Người đệ tử thành tín không nên phục vụ việc giải đoản tiếng thú kêu, việc thụ thai và việc chữa bệnh. Không nên luyện tập chú thuật, giải mộng, xem tướng và luôn cả chiêm tinh: Các nhà bùa chú ứng dụng chú thuật ở thành pho bi bao vây hoặc ở cuộc chiến đang diễn ra, họ làm sanh lên tai họa, họ làm sanh lên bất hạnh, họ làm sanh lên bệnh tật, họ gây ra dịch sốt, họ gây ra dịch cương thi, họ gây ra bệnh dịch tả, họ gây ra

bệnh kiết lỵ ở đội quân đối địch, ở những kẻ đối nghịch, ở những kẻ thù địch; các nhà bùa chú ứng dụng chú thuật là như vậy. Những người giải mộng giải thích vê giác mơ: "Người mơ vào buôi sáng thì

kết quả là như vầy. Người mơ vào buổi trưa thì kết quả là như vầy. Người mơ vào buổi tối thì kết quả là như vầy. Người mơ vào canh đầu... Người mơ vào canh giữa... Người mơ vào canh cuối... Người mơ lúc nằm nghiêng bên phải... Người mơ lúc nằm nghiêng bên trái... Người mơ lúc nằm ngửa... Người mơ lúc nằm sấp... Người mơ thấy mặt trăng, người mơ thấy mặt trời, người mơ thấy đại dương, người mơ thấy núi chúa Sineru, người mơ thấy voi, người mơ thấy ngựa, người mơ thấy cỗ xe, người mơ thấy người lính, người mơ thấy đoàn quân, người mơ thấy khu vườn đáng yêu, người mơ thấy cánh rừng đáng yêu, người mơ thấy vùng đất đáng yêu, người mơ thấy hồ nước đáng yêu thì kết quả là như vy"; những người giải mộng giải thích về giấc mơ là như vậy. Những người xem tướng giải thích về tướng mạo: "Tướng của ngọc ma-ni, tướng của cây gậy, tướng của vải vóc, tướng của thanh gươm, tướng của mũi tên, tướng của cây cung, tướng của vũ khí, tướng của đàn bà, tướng của đàn ông, tướng của thiếu nữ, tướng của thiếu niên, tướng của tớ gái, tướng của tôi trai, tướng của voi, tướng của ngựa, tướng của trâu, tướng của bò mộng, tướng của bò đực, tướng của dê, tướng của cừu, tướng của gà, tướng của chim cút9 tướng của kỳ đà, tướng của bông tai, tướng của rùa, tướng của nai, hoặc là như thế" những người xem tướng giải thích ve tướng mạo là như vậy. Những nhà chiêm tinh giải thích về tinh tú: "C6 hai mươi tám thời điểm tốt (tính theo thời diêm xuât hiện của các vì tinh tú). Nên tiên hành việc nhập gia vào thời điểm tốt này, nên gắn đồ trang sức vào thời điểm tốt này, nên làm lễ cưới vào thời điểm tốt này, nên gieo hạt giống vào thời điểm tốt này, nên đi đến sống chung vào thời điểm tốt này"; những nhà chiêm tinh giải thích về tinh tú là như vậy. Không nên luyện tập chú thuật, giải mộng, xem tướng và luôn cả chiêm tỉnh: Không nên luyện tập, không nên thực hành, không nên hành theo, không nên thọ trì và vận dụng chú thuật, giải mộng, xem tướng và luôn cả chiêm tinh; hoặc là không nên nắm lấy, không nên duy trì, không nên tiếp nhận, không nên ứng dụng. "Không nên luyện tập chú thuật, giải mộng, xem tướng và luôn cả chiêm tinh" là như thế. Người đệ tử thành tín không nên phục vụ việc giải đoán tiếng thú kêu, việc • chữa bệnh. • thụ• thai và việc Tiếng thú kêu: Nói đến tiếng kêu của loài thu. Các nhà giải đoán tiếng thú kêu giải thích về tiếng kêu của loài thú: Họ biết tiếng kêu, tiếng gọi của các loài chim hoặc của các loài bốn chân; các nhà giải đoán tiếng thú kêu giải thích về tiếng kêu của loài thú là như thế. Việc thụ thai: Những người hỗ trợ việc thụ thai làm cho thành tựu bào thai. Bào thai không thành lập bởi hai lý do: Bởi các vi sinh vật hoặc bởi các sự rối loạn của gió. Họ cho thuốc để diệt trừ các vi sinh vật hoặc các sự rối loạn của gió; những người hỗ trợ việc thụ thai làm cho thành tựu bào thai là như vậy.

Việc chữa bệnh: Có năm cách chữa bệnh: Thuật châm kim, thuật mổ xẻ, thuật chữa bệnh về cơ thể, thuật trừ tà, thuật chữa bệnh trẻ em. Người đệ tử thành tín: Là người

đệ tử thành tín với đức Phật, người đệ tử thành tín với Giáo pháp, người đệ tử thành tín với Tăng chúng; người ấy thành tín với đức Thế Tôn, hoặc đức Thế Tôn thừa nhận con người ấy. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khiru, những vi Tỳ-khưu nào là gạt gẫm, ương ngạnh, nói nhiều, lừa đảo, khoác lác, không định tĩnh, này các Tỳ-khưu5 đối với Ta, các vi Tỳ-khiru ấy không phải là những người đệ tử thành tín. Và này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy là đã lìa khỏi Pháp và Luật này; các vi Tỳ-khxxu ấy không đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Và này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu nào là không gạt gẫm, không nói nhiều, sáng trí, không ương ngạnh, khéo định tĩnh, này các Tỳ-khưu, đối với Ta, các vi Tỳ-khưu ấy là những người đệ tử thành tín. Và này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy là không lìa khỏi Pháp và Luật này; các vị Tỳ-khưu ấy đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. 1. Những kẻ gạt gẫm, ương ngạnh, nói nhiều, lừa đảo, khoác lác, không định tĩnh, những người ấy không tiến triển trong giảo pháp đã được đấng Chánh Đang Giác chỉ bảo. L y 2. Các vỉ không gạt gâm, không nói nhiêu, sáng trí, không ương ngạnh, khéo đinh tĩnh, thật vậy các vị ấy tiến triển trong giáo pháp đã được đang Chánh Đắng Giác thuyết giảng." Người đệ tử thành tín không nên phục vụ việc giải đoán tiếng thú kêu, việc thụ thai và việc chữa bệnh: Người đệ tử thành tín không nên phục vụ, không nên phục dịch, không nên kề cận, không nên thực hiện, không nên thực hành, không nên hành theo, không nên thọ trì và vận dụng việc giải đoán tiếng thú kêu, việc thụ thai và việc chữa bệnh; hoặc là không nên nắm lấy, không nên tiếp thu, không nên tiếp nhận, không nên suy xét, không nên ứng dụng. "Người đệ tử thành tín không nên phục vụ việc giải đoán tiếng thú kêu, việc thụ thai và viec chữa bênh" là như the. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Không nên luyện tập chú thuật, giải mộng, xem tướng và luôn cả chiêm tinh. Người đệ tử thành tín không nên phục vụ việc giải đoán tiếng thủ kêu, việc thụ thai và việc chữa bệnh."

14.14. Không nên chấn động vì sự chê bai, vỉ Tỳ-khưu khi được ca ngợi không nên kiêu hãnh, nên xua đuổi sự tham lam cùng với sự bon xẻn, sự giận dữ và việc nói đâm thọc. Không nên chấn động vì sự chê bai: ở dây, một số người nào đó chê bai vị Tỳ-khun: Họ chê bai, chê trách, gièm pha về xuất thân, về dòng dối, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, về công việc, về tài nghệ, về

kiên thức, vê sự học hỏi, vê tài biện giải, hoặc vê sự việc này khác. Khi bi chê bai, bị chê trách, bị gièm pha, [vị ấy] không nên run rẩy, không nên chấn động, không nên rúng động, không nên run sợ, không nên khiếp sợ, không nên hoảng sợ5 không nên sợ hãi, không nên rơi vào sự kinh sợ vì sự chê bai, vì sự chê trách, vì sự gièm pha, vì sự không nổi tiếng, vì sự không ca tụng; nên có tánh không nhút nhát, không kinh hãi, không sợ sệt, không trốn chạy, nên sống có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rởn lông đã được xa lìa. "Không nên chấn động vì sự chê bai" là như thế. Vi Tỳ-khưu khi được ca ngợi không nên kiêu hãnh: ở đây, một số người nào đó ca ngợi vị Tỳ-khưu: Họ ca ngợi, khen ngợi, tán dương, ca tụng về xuất thân, về dòng dõi, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, ve cong việc, ve tai nghẹ, ve kiên thức, ve sự

học hoi, ve tai biện giai, hoặc ve sự việc này khác. Khi được ca ngợi, được khen ngợi, được tán dương, được ca tụng, do sự ca ngợi, do sự khen ngợi, do sự nổi tiếng, do sự ca tụng, [vị ấy] không nên thể hiện sự kiêu hãnh, không nên thể hiện sự hãnh diện, không nên thể hiện sự ngã mạn, không nên thể hiện sự bướng bỉnh, do điều ấy không nên sanh ra ngã mạn, do điều ấy không nên ương ngạnh, ương bướng, ngẩng cao đầu. Tỳ-khưu khi được ca ngợi không nên kiêu hnh" là như thế. Nên xua đuổi sự tham lam cùng với sự bon xẻn, sự giận dữ và việc nói đâm thọc. Sự tham lam: Sự tham lam, biêu hiện tham lam, trạng thái tham lam, sự luyến ái mãnh liệt, biểu hiện luyến ái mãnh liệt, trạng thái luyến ái mãnh liệt, tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Sự bon xẻn: Có năm loại bon xẻn: Bon xẻn về chỗ (nt).. sự nắm lấy được gọi là bon xẻn. Sự giận dữ: Là sự tức tối của tâm, sự tức giận, sự thù hận, sự đối chọi, sự căm giận, sự căm hờn, sự căm ghét, sự sân hận, sự khởi sân, sự sân nộ, sự độc ác của tâm, sự khởi sân của y, sự giận dữ, biểu hiện giận dữ, trạng thái giận dữ, sự sân hận, biểu hiện sân hận, trạng thái sân hận, sự độc ác, biểu hiện độc ác, trạng thái độc ác, sự chống đối, sự đối chọi, sự tàn nhẫn, sự lỗ mãng, trạng thái không hoan hỷ của tâm. Việc nói đâm thọc: ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó có lời nói đâm thọc: Sau khi nghe ở chỗ này, là người nói lại ở chỗ kia nham chia rẽ những người này, hoặc là sau khi nghe ở chỗ kia, là người nói lại cho những người này nhằm chia rẽ những người kia; như vậy là người chia rẽ những kẻ đã được hợp nhất, là người khuyến khích những kẻ chia rẽ, là người thỏa thích phe nhóm, thích thú phe nhóm, hân hoan phe nhóm, là người nói lời tạo ra phe nhóm; điều này được gọi là việc nói đâm thọc. Thêm nữa, người đem lại việc nói đâm thọc vì hai lý do: Vì mong muốn được thương, hoặc là vì ý định chia rẽ. Đem lại việc nói đâm thọc vì mong muốn được thương nghĩa là thế nào?

316 KINH TIỂU Bỏ

[Nghĩ răng:] "Ta sẽ được người này yêu mên, ta sẽ được quý mên, ta sẽ được tin cậy, ta sẽ trở thành thân tín, ta sẽ trở thành tâm phhc"; đem lại việc nói đâm thọc vì mong muốn được thương nghĩa là như vậy. Đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] "Làm thế nào để những người này trở thành xa lạ, trở thành riêng rẽ, trở thành phe nhóm, trở thành hai phần, trở thành hai phía, trở thành hai nhánh, bị chia rẽ, không thể hội tụ, sống khổ sở không thoải mái?^, Đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là như vậy. Nên xua đuổi sự tham lam cùng với sự bon xẻn, sự giận dữ và việc nói đâm thọc: Nên đuổi đi, nên xua đuổi, nên dứt bỏ, nên xua đi5 nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự tham lam, sự bon xẻn, sự giận dữ và việc nói đâm thọc. "Nên xua đuổi sự tham lam cùng với sự bon xẻn, sự giận dữ và việc nói đâm thQC" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Không nên chân động vì sự chê bai, vị Tỳ-khim khi được ca ngợi không nên kiêu hãnh, nên xua đuổi sự tham lam cùng với sự bon xẻn, sự giận dữ và việc nói đâm thqc."

14.15. Không nên tham dự việc mua bán, Vị Tỳ-khưu không nên tạo sự chê trách ở bất cứ nơi nào, Và không nên bỉ ràng buộc vào làng xóm, Không nên tỉ tê với người [thê tục] vì mong muôn lợi lộc. Không nên tham dự việc mua bán: Các việc mua bán là bị cấm đoán ở Luật, các việc ấy không được ám chỉ đến trong ý nghĩa này. Thế nào là

tham dự việc mua bán? Vị [Tỳ-khưu] trao đôi bình bát, y, hoặc bát cứ vật dụng nào khác với năm hạng người [đồng đạo]4 trong khi thực hiện sự tráo trở hoặc mong muốn lợi nhuận; tham dự việc mua bán nghĩa là như vậy. Thế nào là không tham dự việc mua bán? Vị [Tỳ-khưu] trao đổi bình bát, y, hoặc bất cứ vật dụng nào khác với năm hạng người [đồng đạo] trong khi không thực hiện sự tráo trở hoặc không mong muốn lợi nhuận; không tham dự việc mua bán nghĩa là như vậy. Không nên tham dự việc mua bán: Không nên tham dự, không nên tham gia việc mua bán; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu việc mua bán; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với việc mua bán, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Không nên tham dự việc mua bán,, là như thế.

4 Năm hạng người đồng đạo: Tỳ-khưu, Tỳ-khiru-ni, nữ tu tập sự, Sa-di, Sa-di-ni (NỉdA. II. 418).

ĐẠI DIỄN GIẢI 317

Vi Tỳ-khưu không nên tạo sự chê trách ờ bất cứ noi nào: Các ô nhiễm gây nên sự chê trách là các ô nhiễm nào? Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có thần lực, có thiên nhãn, biết được tâm người khác. Các vị ấy nhìn thấy từ đàng xa, và không được nhìn thấy mặc dầu ở gần bên; các vị ấy nhận biết tâm bằng tâm. Các vị thiên nhân cũng có thần lực, có thiên nhãn. Các vị ấy nhìn thấy từ đàng xa, và không được nhìn thấy mặc dầu ở gần bên; các vị ấy nhận biết tâm bằng tâm. Họ có thể chê trách do [tác động của] các ô nhiễm thô thiển, hoặc do các ô nhiễm trung bình, hoặc do các ô nhiễm vi tế. ô nhiễm thô thiển là các ô nhiêm nào? Uê hạnh vê thân, uê hạnh vê khâu, uê hạnh vê ý; các điêu này được gọi là ô nhiễm thô thiển, ô nhiễm trung bình là các ô nhiễm nào? Sự suy tư về dục, suy tư ve sân hận, suy tư ve hãm hại; các điều này được gọi là ô nhiễm trung bình, ô nhiễm vi tế là các ô nhiễm nào? Sự suy tư về thân quyến, suy tư vê xứ sở, suy tư vê việc [hành xác đê được] bát tử, suy tư liên quan đến sự trắc ẩn đối với người khác, suy tư liên quan đen lợi lộc5 sự trọng vọng và sự nổi tiếng, suy tư liên quan đến việc không bị khi dễ; các điều này được gọi là ô nhiễm vi tê. Không nên chê trách, không nên thực hiện việc chê trách do [tác động của] các ô nhiễm thô thiển, hoặc do các ô nhiễm trung bình, hoặc do các ô nhiễm vi tế ấy; không nên tạo ra, không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh ra các ô nhiễm gây nên sự chê trách; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm cham dứt, nên làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm gây nên sự chê trách; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bi ràng buộc với các ô nhiễm gây nên sự chê trách, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. ở bất cứ nơi nào: ở bất cứ đâu, về bất cư điều gì5 ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần. Tỳ-khưu không nên tạo sự chê trách ở bất cứ nơi nào" là như thế. Và không nên bi ràng buộc vào làng xóm: Dính mắc vào làng xóm là thế nào? ở đây, vị Tỳ-khưu sống gắn bó với hàng tại gia ở làng xóm: Cùng vui, cùng buồn, hạnh phúc khi họ hạnh phúc, đau khổ khi họ đau khổ, tự mình tham gia hợp tác khi có các công việc can phải làm. Dính mắc vào làng xóm là như vậy. Hoặc là, vị Tỳ-khiru vào buổi sáng

quấn y [nội], rồi cầm lấy bình bát và y đi vào làng hoặc thị trấn để khất thực, với thân không được hộ trì, với khẩu không được hộ tri, với tâm không được hộ trì, với niệm không được thiết lập, với các giác quan không được thu thúc. Vị ấy dính mắc vào chỗ này chỗ khác, nắm lấy cảnh này cảnh khác, bị trói buộc vào nơi này nơi khác, đạt đến sự bất hạnh và tổn hại ở nơi này nơi khác. Dính mắc vào làng xóm còn là như vậy. Không dính mắc vào làng xóm là thế nào? ở đây, vị Tỳ-khưu sống không gắn bó với hàng tại gia ở làng xóm: Không cùng vui, không cùng buồn, không hạnh phúc khi họ hạnh phúc, không đau khổ khi họ đau khổ, không tự mình tham gia hợp tác khi có các công việc cần phải làm. Không dính mắc vào làng xóm là như vậy. Hoặc là, vị Tỳ-khưu vào buổi sáng quấn y [nội], rồi cầm lấy

bình bát và y đi vào làng hoặc thị trấn để khất thực, với thân được hộ trì, với khẩu được hộ trì, với tâm được hộ trì, với niệm được thiết lập, với các giác quan được thu thúc. Vị ấy không dính mắc vào chỗ này chỗ khác, không nắm lấy cảnh này cảnh khác, không bị trói buộc vào nơi này nơi khác, không đạt đến sự bất hạnh và tổn hại ở nơi này nơi khác. Không dính mắc vào làng xóm còn là như vậy. Và không nên bị ràng buộc vào làng xóm: Không nên dính mắc, không nên nắm lấy, không nên bi trói buộc, không nên bi giữ lại ở làng xóm; nên là người không thèm khát, khống bị buộc trói, không bi mê mẩn, không bị gần gũi, có sự thèm khát đã được xa lìa, có sự thèm khát đã được tách lia, có sự thèm khát đã được từ bỏ,... (nt)... nên sống với trạng thái cao thượng tự thân. “Và không nên bị ràng buộc vào làng x6m” là như thế. Không nên tỉ tê với người [thế tục] vì mong muốn lợi lộc: Việc tỉ tê là việc nào? Là nói lơi chào đón, nói lời tỉ tê, nói lời tỉ tê khôn khéo, nói lời tâng bốc, nói lời tâng bốc khôn khéo, nói lời ràng buộc, nói lời ràng buộc khôn khéo, nói lời khoa trương, nói lời khoa trương khôn khéo, nói lời đường mật? nói lời nịnh hót, nói lời ngon ngọt, nói lời bợ đồ, nói lời đâm thọc đối với những người khác của kẻ nương tựa vào lợi lộc, vào sự trọng vọng, và sự nổi tiếng của kẻ có ước muốn xấu xa, của kẻ bi thúc đẩy bởi ước muốn, của kẻ xem trọng tài vật, của kẻ chú trọng về pháp thế gian đối với những người khác. Việc nói lời mềm mỏng, nói lời diu dàng, nói lời dễ dãi, nói lời không thô lỗ trong trường hợp ấy được gọi là tỉ tê. Thêm nữa, kẻ nói tỉ tê với ngươi [thế tục] bởi vì hai lý do: Hoặc là nói tỉ tê với người [thế tục] bằnệ cách hạ thấp bản thân và nâng cao người khác, hoặc là nói tỉ tê với người [thê tục] bằng cách nâng cao bản thân và hạ thấp người khác. Nói tỉ tê với người [thê tục] băng cách hạ tháp bản thân và nâng cao người khác nghĩa là thế nào? [Nói rằng:] "Các người có nhiều sự hỗ trợ cho tôi. Nương tựa vào các người tôi có được y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Có những người khác nương theo các người, trong khi nhìn thấy các người, cũng suy nghĩ đê bố thí hoặc làm cho tôi. Ngay cả tên gọi trước đây của mẹ cha đặt, tên ây của tôi cũng đã không còn. Nhờ vào các người, tôi được biết là vị thường tới lui với gia đình của người nam nọ9 là vị thường tới lui với gia đình của người nữ kia." Nói tỉ tê với người [thế tục] bằng cách hạ thấp bản thân và nâng cao người khác nghĩa là như vậy. Nói tỉ tê với người [thế tục] bằng cách nâng cao bản thân và hạ thấp người khác nghĩa là thế nào? "Tôi có nhiều sự hỗ trợ cho các người. Sau khi đến với tôi, các người đã đi đến nương

nhờ đức Phật, đã đi đến nương nhờ giáo pháp, đã đi đến nương nhờ Tăng chúng, đã tránh xa việc giết hại sinh mạng, đã tránh xa việc lấy vật không được cho, đã tránh xa hành vi sai trái trong các dục, đã tránh xa việc nói dôi, đã tránh xa trường hợp dê đuôi uông chát say là rượu và chất lên men. Tôi ban bố việc chỉ bảo cho các người, tôi ban bố sự hỏi han, tôi

nói vê ngày trai giới, tôi chú nguyện việc xây dựng. Vậy mà ngược lại, các vi lại bỏ rơi tôi, các vị trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường các vị khác.,, Nói tỉ tê với người [thế tục] bằng cách nâng cao bản thân và hạ thấp người khác nghĩa là như vậy. Không nên tỉ tê với người [thế tục] vì mong muốn lợi lộc: Do nhân lợi lộc, do duyên lợi lộc, vì lý do lợi lộc, vì sự phát sinh lợi lộc, trong khi làm cho thành tựu lợi lộc, không nên tỉ tê với người [thế tục]; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu việc tỉ tê; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với việc tỉ tê, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Không nên tỉ tê với người [thế tục] vì mong muốn lợi lộc,9 là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng: iKhong nên tham dự việc mua bản, Vị Tỳ-khưu không nên tạo sự chê trách ở bất cứ nơi nào, Và không nên bi ràng buộc vào làng xóm, Không nên tỉ tê với người [thê tục] vì mong muôn lợi lộc."

14.16. Và vị Tỳ-khưu không nên là kẻ nói khoe khoang, Và không nên nói lời nói ảm chỉ [liên quan bon món vật dụng], Không nên học tập loi cư xử xấc xược, Không nên nói ra ngôn từ đưa đen sự cãi vã. Và vi Tỳ-khưu không nên là kẻ nói khoe khoang: ở đây, một vị [Tỳ- khiru] nào đó là có sự khoe khoang, có sự phô trương. Vi ấy khoe khoang, phô trương rằng: "Toi thành tựu về giói", hoặc "t6i thành tựu về phận sự5\ hoặc "tôi thành tựu về giới và phận sự"; khoe khoang, phô trương về xuất thân, về dòng dõi, vê con nhà gia thê, vê vẻ đẹp của làn da, vê tài sản, vê học vân, vê công việc, về tài nghệ, về kiến thức, về sự học hỏi? về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác rằng: "T6i xuất gia từ gia tộc thượng lưu", hoặc "tôi xuất gia từ gia tộc có nhiều của cảr\ hoặc "tôi xuất gia từ gia tộc có của cải quý gia", hoặc "tôi là vị chuyên về Kinh", hoặc "t6i là vị trì Luậf\ hoặc "tôi là vị thuyết pháp", hoặc "tôi là vi ngụ ở rừng",...nt..• hoặc utôi đạt sự the nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ." Không nên khoe khoang, khônệ nên phô trương như vậy; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm cham dứt, nên khiến cho không còn hiện hữu việc khoe khoang; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bi ràng buộc với sự khoe khoang, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. uVà vị Tỳ-khưu không nên là kẻ nói khoe khoang" là như thế. Và không nên nói lòi nói ám chỉ [liên quan bốn món vật dụng]: Việc nói ám chỉ là việc nao? ở đây, một vi [Tỳ-khiru] nào đó nói lời nói ám chỉ về y, nói lời nói ám chỉ về đồ ăn khất thực, nói lời nói ám chỉ về chỗ nằm ngồi, nói lời nói

ám chỉ về vật dụng là thuốc men chữa bệnh; điều này gọi là lời nói ám chỉ. Hoặc là, vì nguyên nhân y phục, vì nguyên nhân đồ ăn khất thực, vì nguyên nhân chỗ năm ngôi,

vì nguyên nhân vật dụng là thuôc men chữa bệnh, [vị áy] nói sự thật, nói điều dối trá, nói đâm thọc, nói không đâm thọc, nói thô lỗ, nói không thô lỗ, nói nhảm nhí, nói không nhảm nhí, nói lời khôn khéo; điều này cũng gọi là lời nói ám chỉ. Hoặc là, vị có tâm tịnh tín chỉ bảo giáo pháp cho những người khác rằng: "O, quả thật họ nên lắng nghe giáo pháp của ta, sau khi lắng nghe họ nên tịnh tín vào giáo pháp, và họ nên bày tỏ biểu hiện của người đã được tịnh tín ở ta"; điều này cũng gọi là lời nói ám chỉ. Và không nên nói lời nói ám chỉ [liên quan bốn món vật dụng]: Thậm chí ở lời chỉ bảo giáo pháp, không nên nói, không nên thuyết, không nên phát ngôn, không nên giảng giải, không nên diễn tả lời nói ám chỉ; nên dứt bỏ9 nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu lời nói ám chỉ; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với lời nói ám chi, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Và không nên nói lời nói ám chỉ [liên quan bốn món vật dụng]^ là như thế. Không nên học tập lối cư xử xấc xược. Sự xác xược: Có ba sự xác xược: Xác xược băng thân, xác xược băng khâu, xấc xược bằng ý. Xấc xược bằng thân là việc nào? ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến hội chúng, thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến tập thể, thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến nhà ăn, thể hiện sự xác xược băng thân khi đi đên nhà tăm hơi, thê hiện sự xác xược băng thân khi đi đến bến nước, thể hiện sự xấc xược bằng thân trong khi đi vào xóm nhà, thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đã đi vào xóm nhà. Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến hội chúng? ở dây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến hội chúng: Đối với các vị Tỳ-khưu trưởng lão, [vi ấy] đụng chạm khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, ngồi trùm đầu, đứng nói, vung vây cánh tay khi nói. Như vậy là thê hiện sự xác xược băng thân khi đi đến hội chúng. Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến tập thể? ở đây, một vị [Tỳ-khiru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến tập thể: Đối với các vị Tỳ- khưu trưởng lão, [vị ấy] đi kinh hành có mang dép trong khi các ngài đi kinh hành không mang dép, đi kinh hành ở đường kinh hành cao hơn trong khi các ngài đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, đi kinh hành ở đường kinh hành trong khi các ngài đi kinh hành ở nền đất, đụng chạm khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, ngồi trùm dầu, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến tập thể.

ĐẠI DIỄN GIẢI 321

Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến nhà ăn? ở dây, một vi [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thai độ vô lễ khi đi đến nhà ăn: [Vị ấy] chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống, xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngồi, đụng chạm khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, ngồi trùm đầu, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến nhà ăn. Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến nhà tắm hơi? ở đây5 một vị [Tỳ-khiru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến nhà tắm hơi: Đối výi các vị Tỳ-khưu trưởng lão, [vị ấy] đụn^ chạm khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngôi ở phía trước, ngôi chỗ cao hơn, thêm củi lửa vào không hỏi [xin phép],

đóng cửa nhà tắm hơi không hỏi [xin phép], vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến nhà tắm hơi. Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đì đến bến nước? ở dây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến bến nước: Đối với các vị Tỳ-khưu trưởng lão, J vị ấy] đụng chạm khi đi xuống, đi xuống ở phía trước, đụng chạm khi tăm, tăm ở phía trước, tăm ở phía trên, đụng chạm khi đi lên, đi lên ở phía trước, đi lên ở phía trên. Như vậy là the hiện sự xấc xược bằng thân khi đi đến bến nước. Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân trong khi đi vào xóm nhà? ở dây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ trong khi đi vào xóm nhà: [Vị ấy] đụng chạm các vị Tỳ-khxru trưởng lão khi đi, đi ở phía trước, vượt qua rồi đi ở phía trước các vị Tỳ-khmi trưởng lão. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng thân trong khi đi vào xóm nhà. Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng thân khi đã đi vào xóm nhà? ở đây, một vi [Tỳ-khưu] nào đó khi đã đi vào xóm nhà, trong khi được nói rang: "Thua ngài, xin chớ đi vào,, vẫn đi vào; tronẹ khi được nói rằng: "Thím ngài, xin chớ dưng" vẫn đứng; trong khi được nói rang: "Thua ngài, xin chớ ngồi,? vẫn ngồi; đi vào nơi không thích hợp, đứng ở nơi không thích hợp, ngôi ở nơi không thích hợp, những nội phòng bí mật và kín đáo của gia đình, là nơi có các phụ nữ, các cô con gái, các cô con dâu, các cô thiếu nữ của gia đình đang ngồi, [vị ấy] đi vào nơi ấy một cách vội vã và xoa đầu bé trai. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bang thân khi đã đi vào xóm nhà. Đây là sự xấc xược bang thân. Xấc xược bằng khẩu là việc nào? ở dây, một vi [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện sự xấc xược bằn^ khẩu khi đi đến hội chúng, thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đi đến tập thê, thể hiện sự xác xược băng khâu khi đã đi vào xóm nhà. Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đi đến hội chúng? ở dây, một vị [Tỳ-khiru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến hội chúng: Khi chưa xin phép các Tỳ-khưu trưởng lão hoặc chưa được yêu cầu mà [vi ấy] nói pháp, trả lời câu hỏi, tụng đọc Giới bổn (Patimokkho), đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đi đến hội chúng. Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đi đến tập thể? ở dây, một

vị [Tỳ-khưu] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến tập thể: Khi chưa xin phép các Tỳ-khưu trưởng lão hoặc chưa được yêu cầu mà [vị ấy] nói pháp cho các vị Tỳ-khưu đi đến tu viện, trả lời câu hỏi, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói, nói pháp cho các vi Tỳ-khưu-ni, các nam cư sĩ, các nữ cư sĩ đi đến tu viện, trả lời câu hỏi, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đi đến hội chúng. Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đã đi vào xóm nhà? ở dây, một vị [Tỳ-khiru] nào đó khi đã đi vào xóm nhà, đã nói với người phụ nữ hoặc cô thiếu nữ như vầy: "Này cô tên thế này, này cô họ thế này, có vật gì không, có cháo không, có thức ăn không, có đồ uống không, chúng tôi sẽ uống gi, chúng tôi sẽ ăn gì, chung tôi sẽ nhai gi?" Hoặc là nói lải nhải: "C6 vật gì không?59 Hoặc: "C6 sẽ bố thí cái gi?" Như vậy là thể hiện sự xấc xược bằng khẩu khi đã đi vào xóm nhà. Đây là sự xấc xược bằng khẩu. Thế nào là thể hiện sự xấc xược bằng ý? ở đây, một vi [Tỳ-khưu] nào đó trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc thượng lưu mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị xuất gia từ gia tộc thượng lưu, trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc lớn

mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vi xuất gia từ gia tộc lớn, trong khi được xuất gia kh6ng phải từ gia tộc có nhiều của cải mà có tâm làm ra vẻ bản thân giông như vị xuất gia từ gia tộc có nhiều của cải, trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc có của cải quý giá..., trong khi không phải là vị chuyên về Kinh mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị chuyên về Kinh, trong khi không phải là vị trì Luật..., trong khi không phải là vị thuyết giảng pháp..., trong khi không phải là vị ngụ ở rừng..., trong khi không phải là vị chuyên đi khát thực..., trong khi không phải là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ..., trong khi không phải là vi chỉ sử dụng ba y...trong khi không phải là vị đi khất thực tuần tự theo từng nhà..., trong khi không phải là vị không ăn vật thực dâng sau..., trong khi không phải là vi chuyên về oai nghi ngồi (không nằm)...trong khi không phải là vi ngụ ở chỗ đã được chỉ định..., trong khi không phải là vị có đạt sơ thiền mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị có đạt sơ thiền..(nt)... trong khi khônẹ phải là vị có đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ mà có tâm làm ra vẻ bản thân giông như vị có đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đây là sự xấc xược bằng ý. Không nên học tập lối cư xử xấc xược: Không nên học tập, không nên thực hành, không nên hành xử, không nên hành theo, không nên thọ trì và vận dụng lối cư xử xấc xược; nên dứt bỏ, nên xua di, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu lôi cư xử xác xược; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bi ràng buộc với lối cư xử xấc xược, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Không nên học tập lối cư xử xấc xugc" là như thế. Không nên nói ra ngôn từ đưa đến sự cãi vã: Ngôn từ đưa đến sự cãi vã là loại nào? ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó là người nói ngôn từ có hình thức

như vầy: "Ngươi không biết Pháp và Luật này,..(nt).. hoặc ngươi hãy gỡ rối nếu ngươi có khả năng.^, Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này Moggallâna, khi có ngôn từ đưa đến sự cãi vã, việc nhiều lời là điều mong đợi. Khi có nhiều lời, Jsẽ có] sự phóng dật, đối với người bị phóng dật [sẽ có] sự không thu thúc, đôi với người không thu thúc, tâm [sẽ] xa lìa định.55 Không nên nói ra ngôn từ đưa đến sự cãi vã: Không nên thuyết, không nên phát ngôn, không nên giảng giải, không nên diễn tả ngôn tư đưa đến sự cãi vã; nên dứt bỏ, nên xua di, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu ngôn từ đưa đến sự cãi vã; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với ngôn từ đưa đến sự cãi vã, nên song với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Không nên nói ra ngôn từ đưa đến sự cãi vâT là như thế. Vì the, đức The Tôn đã noi răng: "Và vi Tỳ-khưu không nên là kẻ nói khoe khoang, Và không nên nói lời nói ảm chỉr [liên quan bon món vật dụng], Không nên học tập lôi cư xử xác xược, Không nên nói ra ngôn từ đưa đen sự cãi vã.

14.17. Không nên bi lôi kẻo vào việc nói lời dối trả, không nên cố tình thực hiện các sự lừa gạt, và không nên khinh khi người khác về sự sinh sống, về sự nhận thức, vê giới và phận sự. Không nên bi lôi kéo vào việc nói lời dối trá. Việc nói lời dối trá: Nói đến việc nói dối. ở đây, một vi [Tỳ-khưu] nào đó đi đến cuộc hội họp hoặc đi đến tập thể... (nt)... vì nguyên nhân về chút ít vật chất đã cố tình nói dối; việc này được gọi là việc nói lời

doi trá. Thêm nữa, với ba biểu hiện này thì việc nói dối được hình thành: Ngay trước đó, vị nàỵ khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối tra^, đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta n6i"; việc nói dối được hình thành với ba biểu hiện này. Thêm nữa, với bon biểu hiên,... (nt)... với năm biêu hiện,..(nt)... với sáu biêu hiện,... (nt)... với bảy biêu hiện,..(nt)... với tám biểu hiện thì việc nói dối được hình thành: Ngay trước đó, vị này khởi ỷ rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rang]: "Ta đang nói điều doi trú", đã nói xong [biết rằng]: uĐiều dối trá đã được ta n6i", đã che giấu quan điểm, đã che giau điều chấp nhận, đã che giấu điều ưa thích, đã che giau ý tưởng, đã che giâu sự việc; việc nói dôi được hình thành với tám biêu hiện này. Không nên bi lôi kéo vào việc nói lòi dối trá: Không nên bi đưa di, không nên bị dẫn di, không nên bị lôi di, không nên bị mang đi trong việc nói lời doi trá; nên dứt bỏ, nên xua di, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu việc nói lời dối trá; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với việc nói lời dối trá, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

"Không nên bị lôi kéo vào việc nói lời dối trá” là như thế. Không nên cố tình thực hiện các sự lừa gạt: Sự lừa gạt là việc nào? ở đây, một vi [Tỳ-khưu] nào đó là lừa gạt, lừa dối. ở người ấy có sự lừa gạt, biểu hiện lừa gạt, trạng thái lừa gạt, biểu hiện thô tháo, trạng thái thô tháo, biểu hiện gian dối, trạng thái gian dối; điều này gọi là sự lừa gạt. Không nên cô tình thực hiện các sự lừa gạt: Sau khi có sự cô tình, [sau khi có sự nhận biết mình] không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên lảm phát sanh ra sự lừa gạt; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự lừa gạt; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự lừa gạt, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Không nên cố tình thực hiện các sự lừa gạt" là như thế. Và không nên khinh khi người khác vê sự sinh sông, vê sự nhận thức, về giới và phận sự. Và: Từ "atha" này là sự nối liền các câu văn..(ĩit).. tính chất tuần tự của các câu văn. ở dây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó, trong khi sống cuộc sống khốn khó, khinh khi vị khác đang sống cuộc sống cao sang rằng: "Tại sao người này lại có cuộc sống đầy đủ, thọ thực mọi thứ như là: Mầm giống từ rễ, mầm giống từ thân, mầm giống từ mắt chồi, mầm giống từ phần ngọn, mầm giống từ hạt là loại thứ năm, với hàm răng búa tạ như quầnẹ sáng của tia chớp mà còn có danh xưng là Sa-môn?59 Vị ấy, do cuộc sông khôn khó ây? khinh khi vị khác đang sống cuộc sống cao sang. ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó, trong khi sống cuộc sống cao sang, khinh khi vi khác đang sống cuộc sốnệ khốn khó rằng: "Tại sao người này lại ít phước, ít kẻ hộ độ, không có lợi lộc vê y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bênh?" Vị ấy, do cuộc sống cao sang ấy, khinh khi vị khác đang sống cuộc sống khốn khó. ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó được thành tựu về tuệ. Vị ấy trả lời câu hỏi khi được chất vấn. Vị ấy suy nghĩ như vầy: “Ta được thành tựu về tuệ, còn những vị khác không được thành tựu về tixệy Vị ấy, do sự thành tựu về tuệ ấy, khinh khi vị khác, ở đây, một vị [Tỳ- khưu] nào đó được thành tựu vê giới, sông thu thúc với sự thu thúc của Giới bôn (Pãtỉmokkhă). thành tựu về hạnh

kiểm và hành xứ, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành trong các điều học. Vị ấy suy nghĩ như vầy: "Ta được thành tựu về giới, còn những vị Tỳ-khxru khác có giới tồi, có ác pháp.” Vị ấy, do sự thành tựu về giới ấy, khinh khi vị khác. ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó được thành tựu về phận sự: Là vị ngụ ở rừng, hoặc là vị ngụ ở gốc cây, hoặc là vi chuyên đi khất thực, hoặc là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ? hoặc là vị chỉ sử dụng ba y, hoặc là vị đi khất thực tuần tự theo từng nhà, hoặc là vi không ăn vật thực dâng sau, hoặc là vị chuyên ve oai nghi ngồi (không nằm), là vị ở chỗ đã được chỉ đinh. Vị ấy suy nghĩ như vầy: “Ta được thành tựu về phận sự, còn những vị khác không thành tựu về phận sự.^, Vị ấy, do sự thành tựu về phận sự ấy, khinh khi vị khác.

ĐẠI DIỄN GIẢI 325

Và không nên khinh khi người khác về sự sinh sống, về sự nhận thức, về giới và phận sư: Do cuộc sống khốn khó, hoặc do cuộc sống cao sang, hoặc do sự thành tựu vê tuệ, hoặc do sự thành tựu vê giới, hoặc do sự thành tựu về phận sự, không nên khinh khi, không nên khi dễ người khác; không vì điều ấy mà sanh ra ngã mạn, không vì điều ấy mà trở nên ương ngạnh, ương bướng, ngẩng cao đầu. "Và không nên khinh khi người khác về sự sinh sống, về sự nhận thức, về giới và phận sự" là như the. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Không nên bi lôi kéo vào việc nói lời dối trá, không nên cố tình thực hiện các sự lừa gạt, và không nên khinh khi người khác về sự sinh sống, về sự nhận thức, ve giới và phận sựy A

14.18. Bỉ bôi nhọ sau khỉ nghe nhiêu lời nói Của các vị Sa-mônf của những kẻ phàm phu, Không nên đáp trả lại những kẻ ấy một cách thô lỗ, Bởi vì các bậc an tinh không the hiện sự phản kháng. Bi bôi nhọ sau khi nghe nhiêu lời nói của các vi Sa-môn9 của những kẻ phàm phu. Bi bôi nhọ: Bị bôi nhọ là bị mắng nhiếc, bị đụng chạm, bi khinh bỉ, bị chê trách, bị gièm pha. Các vi Sa-môn: Bất cứ những vị nào đã đi đến hạnh du si, đã thành tựu hạnh du sĩ bên ngoài giáo pháp này. Lời nói của những kẻ phàm phu: Các Sát-đê-lỵ9 các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người; những người ấy sỉ vả, chê bai, gây khó chiu, gây bực minh, gây tổn hại, hãm hại, quây rối, ức hiếp, hủy hoại, phá hại, hoặc gây nên sự phá hại bằng nhiều lời nói không đáng mong, không đáng muốn, không đáng mến; sau khi nghe, sau khi lắng nghe, sau khi tiếp thu, sau khi tiếp nhận, sau khi suy xét nhiều lời nói không đáng mong, không đáng muốn, không đáng mến của những người ấy. bôi nhọ sau khi nghe nhiều lời nói của các vị Sa-môn, của những kẻ phàm phu" là như thế. Không nên đáp trả lại những kẻ ấy một cách thô lỗ. Một cách thô lỗ: Một cách thô lỗ là một cách thô bạo. Không nên đáp trả lại: Không nên nói lại, không nên sỉ vả lại người đang sỉ vả? không nên chọc giận lại người đang chọc giận, không nên cãi lộn với người đang cãi lộn, không nên tạo ra sự cãi cọ? không nên tạo ra sự cãi lộn, không nên tạo ra sự cãi vã, không nên tạo ra sự tranh cãi, không nên tạo ra sự gây gổ; nên dứt bỏ, nên xua di, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện

326 KINH TIỂU Bộ

hữu sự cãi cọ, cãi lộn, tranh luận, tranh cãi, gây gô; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự cãi cọ, cãi lộn, tranh luận, tranh cãi, gây gổ, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Không nên đáp trả lại những kẻ ấy một cách thô 16" là như thế. Bởi vì các bậc an tinh không thể hiện sự phản kháng. Các bậc an tinh: Trạng thái được an tịnh của luyến ái là an tịnh, trạng thái được an tịnh, trạng thái được yên lặng, trạng thái được vắng lặng, trạng thái được thiêu hủy, trạng thái được tịch diệt, trạng thái được tách lìa; trạng thái được tịch tịnh của sân hận, của si mê, của giận dữ, của thù hằn... (ní).. của tất cả các pháp tạo tác bất thiện là an tịnh, yên tịnh, vắng lặng, tịch diệt, tịch tịnh. uAn tmh,9 là như thế. Bởi vì các bậc an tinh không thể hiện sự phăn kháng: Các bậc an tinh không the hiện, không làm sanh ra, khônẹ làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh sự phản kháng, sự đoi kháng, sự gây gổ, sự chống báng. uBởi vì các bậc an tịnh không thể hiện sự phản kháng,9 là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng: “Bbôi nhọ sau khỉ nghe nhiều lời nói Của các vi Sa-mônf của những kẻ phàm phu, Không nên đáp trả lại những kẻ ẩy một cách thô lỗf Bởi Vỉ các bậc an tinh không the hiện sự phản khảng."

14.19. Và sau khỉ hiểu thông giảo pháp này Trong khỉ suy gẫm, vị Tỷ-khưu nên học tập, luôn luôn có niệm, Sau khi biết được sự diệt tắt là "(m tinh ", Không nên xao lãng vê lời giảo huân của đức Gotama. Và sau khi hiểu thông giáo pháp này. Này: Là điều đã được nêu ra, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ. Sau khi hiểu thông giáo pháp: Sau khi biết, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt. uVà sau khi hiểu thông giáo pháp này99 là như vậy. Hoặc là, sau khi hiểu thông, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác đinh, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt giáo pháp là đúng đắn, là sai trái, là đúng đường lối, là sai đường lối, là có tội lỗi, là không có tội lỗi, là thấp kém, là cao quý, là đen, là trắng, là bi người hiểu biết chê trách, là được người hiểu biết khen nẹợi. "Và sau khi hiểu thông giáo pháp này" còn là như vậy. Hoặc là, sau khi hiêu thông, sau khi biêt được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt giáo pháp là sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, việc làm đầy đủ các

giới, việc phòng vệ các giác quan, việc biết chừng mực về vật thực, sự luyện tập về tỉnh thức, niệm và sự nhận biết rõ, bốn sự thiết lậj)niệm, bốn chánh càn, bon nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn và sự thực hành đưa đến Niết-bàn. uVà sau khi hiểu thông giáo pháp ny" còn là như vậy. Trong khi suy gẫm, vị Tỳ-khưu nên học tập, luôn luôn có niệm. Trong khi suy gẫm: Là đang suy gẫm, đang suy nghiệm, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh định, đang làm rõ rệt. Đang suy gẫm, đang suy nghiệm, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh định, đang làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là vô thương”;...(nt)... "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh

hoại diệt.,, Tỳ-khưu9 trong khi suy gẫm" là như thế. Luôn luôn: Luôn luôn là mọi lúc, mọi thời,... (nt).. ở chặng cuối của tuổi thọ. Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân... (nt).. người ấy được gọi là có niệm. Nên học táp: Có ba sự học tập: Học tập vê thăng giới^ học tập vê thăng tâm, học tập vê thăng tuệ. ... (nt)... việc này là sự học tập vê thắng tuệ. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này thì nên học tập;... (nt).. nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng. "Trong khi suy gẫm, vị Tỳ-khưu nên học tập, luôn luôn có niêm" là như thế. Sau khỉ biết được sự diệt tắt là "an t]nh" Sau khi biết được sự diệt tắt của luyến ái là "an tịnh95, sau khi biết được sự diệt tắt của sân hận... của si mê... (nt)... của tát cả các pháp tạo tác bát thiện là "an tjnh", sau khi nhận biêt, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt. "Sau khi biết được sự diệt tắt là 'an tjnh'" là như thế. Không nên xao lãng về lòi giáo huấn của đức Gotama: về lời giáo huấn của đức Gotama, về lời giáo huấn của đức Phật, về lời giáo huấn của đấng Chiến Thắng, về lời giáo huấn của đức Như Lai, về lời giáo huấn của vị Chúa của chư thiên, về lời giáo huấn của bậc A-la-hán. Không nên xao lãng: Là nên có sự thực hành nghiêm trang, có sự thực hành liên tục, có sự thực hành không ngừng nghỉ, có thói quen không biếng nhác, không buông bỏ mong muốn, không buông bỏ bổn phận trong các thiện pháp, [nghĩ rằng:] "Khi nào ta có thể làm đầy đủ hoặc giới uẩn chưa được đầy đủ,...(Ịit).. hoặc định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn chưa được đầy đủ? Khi nào ta có thể biết toàn diện về kho chưa được biết toàn diện, hoặc có thể dứt bỏ các ô nhiễm chưa được dứt b6, hoặc tu tập đạo chưa được tu tập, hoặc chứng ngộ diệt chưa được chứng ng?" Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự tinh tấn, sự gắng sức, sự ráng sức, sự dõng mãnh, sự không thối chí, niệm, sự nhận biết rõ, sự nhiệt tâm, sự cần mẫn, sự quyết tâm, sự chuyên cần, sự không xao lãng trong các thiện pháp.

"Không nên xao lãng về lời giáo huấn của đức Gotama" là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi rang: “Vét sau khi hiểu thông giáo pháp này, Trong khỉ suy gam, vị Tỳ-khưu nên học tập, luôn luôn có niệm, Sau khi biết được sự diệt tắt là 'an tịnh Không nên xao lãng ve lời giáo huấn của đức Gotama. “

14.20. "Bởi vì, vi ây là người chiên thăng, bậc không bị ngự tri, vỉ đã nhìn thay pháp thực chứng, không do nghe lời đon đãi. Chỉnh vì the, luôn luôn không xao lãng, trong lúc kỉnh lễf nên học tập theo ở lời giáo huấn của m _ rril _ Ậ rrt Ả >> r m rT77 Ả FT1 - R-- 7 đức The Ton ây [đức The Ton nói vạy]. Bởi vì, vi ấy là người chiến thắng, bậc không bỉ ngự tri. Người chiến thắng: Người chiến thắng các sắc, người chiến thắng các thinh, người chiến thắng các hương, người chiến thắng các vi, người chiến thắng các xúc, người chiên thắng các pháp, không bị ngự trị bởi bất cứ ô nhiễm nào; vị đã ngự trị các ác bất thiện pháp hạ liệt ấy, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai. "Bởi vì, vị ây là người chiên thăng, bậc không bị ngự trị" là như thê. Vi đã nhìn thấy pháp thực chứng, không do nghe lỉri đồn đãi. Pháp thực chứng: [Vị ấy] đã nhìn thấy, đã nhìn xem, đã nhận thấy, đã

thấu triệt pháp đã được chính bản thân biết rõ, đã được tự thân quán xét, không do nghe lời đon đãi, không do nghe nói như the, không do sự truyền thừa, không do sự thành tựu của việc thu thập kiến thức, không do nhân suy nghĩ, không do nhân suy luận, không do suy đoán theo biểu hiện, không do sự suy xét và chấp nhận về quan điểm. đã nhìn thấy pháp thực chứng, không do nghe lời đồn dâd" là như thế. Chính vì thế,... ờ lời giáo huấn của đức Thế Tôn ấy. Vì thế: Vì thế là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy. ở lời giáo huấn của đức Thế Tôn ấy: ở lời giáo huấn của đức Thế Tôn ấy là ở lời ệiáo huấn của đức Gotama, ở lời giáo huấn của đức Phật, ở lời giáo huấn của đang Chiến Thắng, ở lời giáo huấn của đức Như Lai, ở lời giáo huấn của vị Chúa của chư thiên, ở lời giáo huân của bậc A-la-hán. "Chính vi thế,... ở lời giáo huấn của đức Thế Tôn ấy" là như thế. Luôn luôn không xao lãng, trong lúc kính lễ, nên học tập theo [đức Thế Tôn nói vậy]. Không xao lãng: Là có sự thực hành nghiêm trang,... (nt)... sự không xao lãng trong các thiện pháp. Luôn luôn: Luôn luôn là mọi lúc, mọi thời,... (nt)... ở chặng cuối của tuổi thọ.

ĐẠI DIỄN GIẢI 329

Trong lúc kính lễ: Trong lúc đang kính lễ bằng thân, hoặc đang kính lễ bằng khẩu, hoặc đang kính lễ bằng tâm, hoặc đang kính lễ bằng hành động thuận theo đạo lý, hoặc đang kính lễ bằng sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, hoặc đang thể hiện sự trọng vọng, đang thể hiện sự kính trọng, đang sùng bái, đang cúng dường, đang nể nang. Nên học tập theo: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắng tuệ. ... (nt)... việc này là sự học tập về thắng tuệ. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này thì nên học tập;... (nt)... trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ thì nên học tập, nên thực hành, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng. Đức Thế Tôn: Là tò xưng hô với sự tôn kính.... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ? tức là "dức Thế T6n." "Luôn luôn không xao lãng, trong lúc kính lễ, nên học tập theo [đức Thế Tôn nói vay]" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Bởi Vỉ, vị ấy là người chiến thắnệf bậc không bỉ ngự tri, vị đã nhìn thấy pháp thực chứng, không do nghe lời đôn đãi. Chính vì thê, luôn luôn không xao lãng, trong lúc kính ỈẬ nên học tập theo ở lời giáo huấn của đức Thế Tôn ấy " [đức Tne Ton nói vãyj. ĔÍDiễn giải kinh một cách nhanh chóng55 được đầy đủ - Phần thứ mười bốn.

330 KINH TIỂU Bộ

15. DIỄN GIẢI KINH UẾ HẠNH CỦABẢN THÂN (ATTADANDASUTTANIDDESO)

Giờ phần "Diễn giải kinh uế hạnh của bản thân,, được nói đến: 15.1. Sự sợ hãi sanh lên do uế hạnh của bản thân.1* Các ngươi hãy nhìn xem loài người đang gây ga Ta sẽ thuật lại trạng thải chan động Đúng theo sự việc đã làm cho Ta bi chan động, Sự sợ hãi sanh lên do uế hạnh của bản thân. uế hạnh: Có ba uế hạnh: uế hạnh về thân, uế hạnh về khẩu, uế hạnh về ý. Ba loại hành động xâu xa của thân là uê hạnh vê thân, bôn loại hành động xâu xa của khẩu là uế hạnh về khẩu, ba loại hành động xấu xa của ý là uế hạnh về ý. Sự sợ hãi: Có hai sự sợ hãi: Sợ hãi liên quan đời này và sợ hãi liên quan đời sau. Sợ hãi liên quan đời này là việc nào? ở đây, một người nào đó làm hành động xấu

xa bằng thân, làm hành động xấu xa bằng khẩu, làm hành động xấu xa bằng ý? giết hại mạng sống, lấy vật không được cho, đột nhập gia cư5 mang đi vật cướp được, làm kẻ đạo tặc, dửng cướp dọc đường, đi đến với vợ người khác, nói lời dối trá. Dân chúng sau khi bát lấy kẻ ấy rồi trình lên đức vua: "Tâu bệ hạ, gã trộm cướp này là kẻ làm điều tội lỗi. Đoi với kẻ này, xin ngài hãy ẹiáng hình phạt theo ý muốn?5 Đức vua mắng nhiếc kẻ ấy. Kẻ ấy, do duyên mang nhiếc, khởi lên sự sợ hãi, cảm thọ khô mi. Sự sợ hãi, khô ưu này do đâu mà xảy đên cho kẻ ấy? Do uế hạnh của bản thân mà việc ấy đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện. Chỉ với chừng ấy, đức vua không được vui. Đức vua ra lệnh giam cầm kẻ ấy với việc trói bang xiềng, hoặc trói bằng dây thừng, hoặc trói bằng dây xích, hoặc trói bằng dây mây, hoặc trói bang dây leo, hoặc với việc giam trong ho, hoặc giam trong hào, hoặc giam trong làng, hoặc giam trong thị trấn, hoặc giam trong thành phô, hoặc giam trong quôc độ, hoặc giam trong xứ sở, thậm chí còn khuyên bảo rằng: "Ngươi không được phép ra khỏi nơi nSy." Kẻ ấy, do duyên giam cầm, cảm thọ khổ ưu. Sự sợ hãi, kho ưu này do đâu mà xảy đến cho kẻ áy? Do uế hạnh của bản thân mà việc ấy đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện.

1 Attadandā được dịch làhạnh của bản than" căn cứ vào lời giải thích của Chủ giải'. "Attadandābhayam jātam attano duccaritakāranā jāiarn^ (SnA. II. 566; NidA. II. 423) và ^dandātiduccaritd" (Sdd.). Tựa đề cua bài kinh đã được ghi theo ý nghía ấy. (ND)

ĐẠI DIỄN GIẢI 331

Chỉ với chừng ấy, đức vua không được vui. Đức vua ra lệnh đem lại tài sản của kẻ ấy: Một trăm, một ngàn, hoặc một trăm ngàn. Kẻ ấy, do duyên mất mát tài sản, cảm thọ khổ ưu. Sự sợ hãi, khổ ưu này do đâu mà xảy đến cho kẻ ấy? Do uế hạnh của bản thân mà việc ấy đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện. Chỉ với chừng ấy, đức vua không được vui. Đức vua ra lệnh thực hiện nhiều loại hình phạt ở thân đối với kẻ ấy: Đánh bằng các cây roi, đánh bằng các dây mây, đánh bằng các gậy ngắn, chặt bàn tay, chặt bàn chân, chặt bàn tay và bàn chân, căt tai, xẻo mũi, căt tai và xẻo mũi, Ịđập vỡ đâu] làm thành như hũ cháo chua, lột da đầu, đốt lửa ở miệng, thiêu song, đốt cháy ở bàn tay, lột da thành sợi, lột da thành đống để ở chân, kéo căng thân người ở trên đát, xiên da thịt bằng lưỡi câu, khoét thịt thành đồng tiền, chà xát với chất kiềm, quay tròn ở trên thập tự giá, đánh cho nhừ tử, rưới bằng dầu sôi, cho những con chó găm, đặt trên giáo nhọn lúc còn sống, chặt đầu bằng gươm. Kẻ ấy, do duyên các hình phạt ở thân, cảm thọ khổ ưu. Sự sợ hãi, khổ ưu này do đâu mà xảy đến cho kẻ áy? Do uế hạnh của bản thân mà việc ấy đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện. Đức vua là chúa tể của bốn hình phạt này. Kẻ ấy, với nghiệp của mình, do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, bị sanh vào chốn bất hạnh, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục. Những người giữ địa ngục cho thực hiện hình phạt "trói buộc năm cách" đối với kẻ ây: Họ dùng cọc sắt đã được đốt nóng đóng vào ở bàn tay, họ dùng cọc sắt đã được đốt nóng đóng vào ở bàn tay thứ hai, họ dùng cọc sắt đã được đốt nóng đóng vào ở bàn chân, họ dùng cọc sắt đã được đốt nóng đóng vào ở bàn chân thứ hai, họ dùng cọc sắt đã được đốt nong đóng vào ở giữa ngực. Kẻ ấy, ở tại nơi ấy, cảm

nhận các thọ khổ, nhức nhối, sắc bén; nhung kẻ ây không thể chết đi chừng nào ác nghiệp ấy còn chưa chấm dứt. Sự sợ hãi, khổ ưu này do đâu mà xảy đến cho kẻ ấy? Do uế hạnh của bản thân mà việc ấy đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện. Những người giữ địa ngục bát kẻ ây năm xuông và dùng những cái rìu băm nát. Kẻ ấy, ở tại nơi ấy, cảm nhận các thọ khổ, sắc bén; nhức nhối; nhưng kẻ ấy không the chết đi chừng nào ác nghiệp ấy còn chưa chấm dứt. Những người giữ địa ngục nắm lấy kẻ ấy, chân phía trên đầu phía dưới và dùng những cái búa băm nát. Những người giữ địa ngục cột kẻ ấy vào cỗ xe rồi cho kéo tới kéo lui ở trên đất đã được đốt cháy, sáng rực, đỏ rực. ... (nt)... Những người giữ địa ngục bắt kẻ ấy trèo lên, trèo xuống ở ngọn núi than hừng to lớn đã được đốt cháy, sáng rực, đỏ rực.... (nt)... Những ngườd giữ địa ngục nắm lấy kẻ ấy, chân phía trên đầu phía dưới, rồi ném vào chảo đồng đã được đốt nóng, đốt cháy, sáng rực, đỏ rực. Kẻ ấy, ở tại nơi ấy, bị nung nấu ở bọt nước sôi sục. Kẻ ấy, ở tại nơi ấy, trong khi bị nung nấu ở bọt nước sôi sục, lúc thì nổi lên trên, lúc thì chìm xuống dưới, lúc thì trôi ngang. Kẻ ấy, ở tại nơi ấy, cảm nhận các thọ khổ, sắc bén, nhức nhối; nhimg kẻ ấy không thể chết đi chừng nào ác nghiệp ấy còn chưa chấm dứt. Sự sợ hãi, khổ ưu này do đâu mà xảy đến cho kẻ ấy? Do uế hạnh

của bản thân mà việc ấy đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện. Những người giữ địa ngục ném kẻ ấy vào đại địa ngục. Quả vậy, đại địa ngục ấy là: 1. [Đại địa ngục] có bon góc, \ có bonr cửa lớn Được chia thành các phân cân đôi, Được bao quanh bằng tường sắt, Được đậy lại bang mái sắt. 2. Nên của [đại đỉa ngục] làm băng săтf Được thiêu đót, cháy r với\ lửa ngọn, Luôn luôn tỏa kháp và tôn tạiy Xung quanh một trăm do-tuân. 3. [Các đại địa ngục] có sự đót nóng khô sở, ghê rợn, có ngọn lửa khó lại gan, có hình dạng làm rởn lông, ghê rợn, gây ra sự sợ hãi, khó chịu} 4. Khối lửa được phát khởi ở bức tường hướng Đông, trong khỉ thiêu đốt những kẻ có ác nghiệp, đi đến chạm vào [khối lửa] ở hướng Tây. 5. Khôi lửa được phát khởi ở bức tường hướng Tây, trong khỉ thiêu đót những kẻ có ác nghiệp, đi đến chạm vào [khối lửa] ở hướng Đông. r r r 6. Khôi lửa được phát khởi ở bức tường hướng Bác, trong khỉ thiêu đót những kẻ có ác nghiệp, đi đen chạm vào [khoi lửa] ở hướng Nam. r ỉ 7. Khôi lửa được phát khởi ở bức tường hướng Nam, trong khỉ thiêu đót những kẻ có ác nghiệp, đi đên chạm vào [khôi lửa] ở hướng Bác. 8. Khôi lửa khủng khiêpphátxuất từ bên dưới, trong khỉ thiêu đót những kẻ có ác nghiệp, đi đến chạm vào [khoi lửa] ở mái che [bên trên]. L r ỉ r 9. Khôi lửa khủng khiêp phát xuất từ mải che, trong khi thiêu đót những kẻ có ác nghiệp, đi đến chạm vào [khối lửa] ở mặt đất [bên dưới], r r 10. Cái chảo sát đã được đót cháy, nóng đỏ, sảng chói như thê nào thì đỉa ngục Avīci, ở bên dưới, bên trên và bên hông là như vậy, 11. ơ nơi ây, những chủng sanh vô cùng hung dữ, đã gây ra trọng tội, có hành động cực kỳ ác độc, bị nung nấu và không thể chết đi. 12. Thân thể của họ, những cư dân ở địa ngục, giống như ngọn lửa. Hãy r y ÍT-

nhìn xem tính chát vững bên của nghiệp, không như tro, không như bụi. 13. Họ chạy vê hướng Đông, roi từ đó chạy vê hướng Tầy. Họ chạy vê hướng Bắc, rồi từ đó họ chạy ve hướng Nam, 14. Họ chạy đên bát cứ hướng nào, cánh cửa hướng ây đêu được đóng

lại. Với niềm mong mỏi được thoát ra, các chủng sanh ấy có sự tìm kiếm lối thoát. 15. Họ không thê đi ra khỏi nơi ây bởi vĩ nghiệp duyên, khi ác nghiệp của họ đã tạo có nhiều và còn chưa trả xong.

2 Bẩn sanh "An sĩ Sañkicca" (Sañkicccyātakarri), số 530, TTPV, tập 33, trang 275, câu kệ 3483. (ND)

Sự SỢ hãi, khổ ưu này do đâu mà xảy đến cho kẻ ấy? Do uế hạnh của bản thân mà việc ấy đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện. Những khổ đau ở địa ngục, những khổ đau ở loài thú, những khổ đau ở thân phận nga quỷ, những khổ đau ở cõi người, những khổ đau ấy do đâu đã được sanh ra, do đâu đã được sanh khởi, do đâu đã được hạ sanh, do đâu đã được phát sanh, do đâu đã được xuất hiện? Do uế hạnh của bản thân mà chúng đã được sanh ra, đã được sanh khởi, đã được hạ sanh, đã được phát sanh, đã được xuất hiện. "Sự sợ hãi sanh lên do uế hạnh của bản thân" là như thế. Các ngươi hãy nhìn xem loài người đang gây gô: Này các Sát-đê-lỵ, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người, các ngươi hãy nhìn xem, hãy nhận thấy, hãy quan sát, hãy suy xét, hãy khảo sát loài người đang gây gô, loài người đang cãi cọ, loài người đang chốnệ đối, loài người đang đối chọi, loài người đang hằn học, loài người đang thù han, loài người đang căm hờn, loài người đang thù hận. uCác ngươi hãy nhìn xem loài người đang gây g6" là như thế. Ta sẽ thuật lại trạng thái chấn động: Trạng thái chấn động là sự hốt hoảng, sự khiếp sợ, sự sợ hãi, sự hành hạ, sự đụng chạm, sự bất hạnh, sự nguy cơ. Ta sẽ thuật lại: Ta sẽ giải bày, Ta sẽ nêu ra, Ta sẽ chỉ bảo, Ta sẽ thông báo, Ta sẽ ấn định, Ta sẽ khai mở? Ta sẽ chia sẻ, Ta sẽ làm rõ, Ta sẽ bày tỏ. “Ta sẽ thuật lại trạng thái chấn động" là như thế. r Đúng theo sự việc đã làm cho Ta bi chân động: Đúng theo sự việc đã làm cho chính bản thân Ta bị chấn động, bị hốt hoảng, bi đưa đến trạng thái chấn động. ẾÍĐúng theo sự việc đã làm cho Ta bi chấn dOng" là như thế. y T\ ii Á ^4. r rpl Á rp/\ r• w Vì thê, đức The Tôn đã noi răng: ^Sựsợ hãi sanh lên do uế hạnh của bản thăn, Các ngươi hãy nhìn xem loài người đang gây gô, Ta sẽ thuật lại trạng thái chan động Đủng theo sự việc đã làm cho Ta bi chấn động,

15.2. Sau khi nhìn thấy nhân loại đang chao động tựa như những con cả ở chỗ ít nước, sau khỉ nhìn thấy chủng chổng đối lẫn nhau, sự sợ hãi đã tiến đến Ta. Sau khi nhìn thấy nhân loại đang chao động. Nhân loại: Là từ gọi chúng sanh. Nhân loại đang chao động với sự chao động bởi tham ái, đang chao động với sự chao động bởi tà kiến, đang chao động với sự chao động bởi ô nhiễm, đang chao động với sự chao động bởi uế hạnh, đang chao động với sự chao động bởi sự ra sức, đang chao động với sự

chao động bởi nghiệp quả; kẻ bị luyến ái đang chao động bởi luyến ái, kẻ bi sân hận đang chao động bởi sân hận, kẻ bị si mê đang chao động bởi si mê, kẻ bị trói buộc đang chao động bởi ngã mạn, kẻ bi tán loạn đang chao động bởi sự phóng dật, kẻ không dứt khoát đang chao động bởi hoài nghi, kẻ cứng cỏi đang chao động bởi các pháp tiềm ẩn,

đang chao động bởi lợi lộc, đang chao động bởi không lợi lộc, đang chao động bởi danh vọng, đang chao động bởi không danh vọng, đang chao động bởi lời khen, đang chao động bởi tiếng chê, đang chao động bởi hạnh phúc, đang chao động bởi khô đau, đang chao động bởi sanh, đang chao động bởi già, dang chao động bởi bệnh, đang chao động bởi chết, đang chao động bởi sầu-bi-khô-iru-não9 đang chao động bởi khô ở địa ngục, đang chao động bởi khổ ở loài thú9 đang chao động bởi khổ ở thân phận nga quỷ, đang chao động bởi khổ của loài người,... bởi khổ bắt nệuồn từ việc nhập thai,... bởi khô băt nguôn từ việc trụ thai,... bởi khô bát nguôn từ việc ra khỏi thai,... bởi kho gắn liền sau khi sanh ra,... bởi khổ do kẻ khác áp đặt sau khi sanh ra5... bởi khổ do sự ra sức của bản thân,... bởi khổ do sự ra sức của kẻ khác,... bởi khổ do [thọ] khổ,... bởi khổ do pháp tạo tác,... bởi khổ do sự biến đổi?... bởi khổ do bệnh ở mắt,.. do bệnh ở tai trong,... do bệnh ở mũi,... do bệnh ở lưỡi,... do bệnh ở thân,... do bệnh ở đầu,... do bệnh ở lỗ tai,... do bệnh ở miệng,... do bệnh ở răng,... bởi ho,... bởi suyễn,... bởi sổ mũi,... bởi nhiệt,... bởi cảm sốt,... bởi đau bụng,.. bởi xây xẩm,... bởi kiết ly,... bởi đau bụng bão,... bởi dịch bởi phong cùi,... bởi khối u,... bởi bệnh chàm,... bởi lao phổi,... bởi động kinh,... bởi mụt,... bởi nhọt,... bởi ghẻ ngứa,... bởi sảy,... bởi loét tay chân,.. bởi máu,... bởi mật,... bởi bệnh tiểu đường,... bởi bệnh trĩ?... bởi ghẻ lở5... bởi loét hậu mônv.. bởi bệnh phát khởi từ mật,... bởi bệnh phát khởi từ dàm,. bởi bệnh phát khởi từ gió,... bởi bệnh tổng hợp do mật-đàm-gió,... bởi bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết,... bởi bệnh sanh lên vì bôn oai nghi không đông đêu,... bởi bệnh thuộc dạng cáp tính,... bởi bệnh sanh lên vì quả của nghiệp,... bởi lạnh,... bởi nóng,... bởi đói,... bởi khát,... bởi đại tiện,... bởi tiểu tiện,... bởi khổ do sự xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát,.. bởi khổ do cái chết của mẹ,.. bởi khổ do cái chết của cha,... bởi kho do cái chết của anh [em] trai,... bởi kho do cái chết của chị [em] gái,... bởi khổ do cái chết của con trai,... bởi khổ do cái chết của con gái,.. bởi khổ do cái chết của thân quyến,... bởi khổ do sự tổn hại về của cải,... bởi khổ do sự tôn hại vì bệnh tật,... bởi khô do sự tôn hại vê giới, đang chao động bởi khô do sự tổn hại về kiến thức, đang lay động, đang xáo động, đang run rẩy, đang chấn động, đang rúng động. Sau khi nhìn thây: Sau khi nhìn thây, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhác, sau khi xác định, sau khi minh đinh, sau khi làm rõ rệt. "Sau khi nhìn thấy nhân loại đang chao động" là như thế. Tựa như những con cá ờ chỗ ít nước: Giống như những con cá ở chỗ ít nước, ở chỗ kiệt nước, trong khi bi những con quạ, những con diều hâu, những

con cò tấn công, tha di, rỉa rói, chúng chao động, lay động, xáo động, run rẩy, chấn động, rúng động; tương tự như vậy, nhân loại chao độnẹ do sự chao động bởi tham ái... (nt).. chao động bởi khổ do sự tổn hại về kiên thức, lay động, xáo động, run rẩy, chấn động, rúng động. "Tựa như những con cá ở chỗ ít nuGc" là như thế. Chúng chống đối lẫn nhau: Chúng sanh chống đối, đối chọi, hằn học, thù hằn, căm hờn, thù hận lẫn nhau: Các vị vua tranh cãi với các vị vua, các Sát-đế- ly tranh cãi với các Sát-đê-ly, các Bà-la-môn tranh cãi với các Bà-la-môn, các gia chủ tranh cãi với các gia chủ, mẹ tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với mẹ, cha tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với cha, anh [em] trai tranh cãi với anh [em] trai, chị [em] gái tranh cãi với chi [em]

gái, anh [em] trai tranh cãi với chi em] ệấi9 chi [em] gái tranh cãi với anh [em] trai, bạn bè tranh cãi với bạn bè. Tại nơi ây, chúng đạt đến sự cãi cọ, sự cãi vã? sự tranh cãi, rồi công kích lẫn nhau bằng những bàn tay, công kích lẫn nhau bằng những cục đất, công kích lẫn nhau bằng những gậy gộc, công kích lẫn nhau băng những ẹươm dao. Tại nơi ấy, chúng đi đến cái chết, thậm chí sự khổ đau kề cận cái chét. "Chúng chống đối lẫn nhau" là như thế. Sau khi nhìn thấy, sự sự hãi đã tiến đến Ta. Sau khi nhìn thấy: Sau khi nhìn thấy, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt, sự sợ hãi, sự hành hạ? sự đụng chạm, sự bất hạnh, sự nguy cơ đã tiến đến. “Sau khi nhìn thấy, sự sợ hãi đã tiến đến Ta" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: r “Sau khi nhìn thây nhân loại đang chao động tựa như những con cá ở chô ít nước, sau khỉ nhìn thấy chúng chống đối lẫn nhau, sự sợ hãi đã tiến đến Ta,"

15.3. Toàn bộ thế giới là không có cốt lõi, Tất cả các phương đều bi chuyển động. Trong khỉ ước muốn chỗ trú ngụ cho bản thân, Ta đã không nhìn thay [một nơi nào là] không bỉ áp chế. Toàn bộ thế giới là không có cốt lõi. Thế giới: Thế giới địa ngục, thế giới loài thú, thế giới nga quỷ, thế giới loài người, thế giới chư thiên, thế giới của các uẩn, thế giới của các giới, thế giới của các xứ, thế giới này, thế giới khác, thế giới Phạm thiên, thế giới chư thiên; đây gọi là thế giới. The giới địa ngục là khônệ có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi so với cái cốt lõi được gọi là cót lõi thường còn, hoặc so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi an lạc, hoặc so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nệhĩa bền vững, hoặc theo nghĩa trường tồn, hoặc so với tình trạng không bị biên đổi. Thế giới loài thú... Thế giới nga quỷ... Thế giới loài người... Thế giới chư thiên... Thế giới của các

Uẩn... Thế gi&i của các giới... Thế giới của các xứ... Thế giới này... Thế giới khác... Thế giới Phạm thiên.. Thế giới chư thiên là không có cốt lõi, là thiếu mát cót lõi, là rời xa cót lõi so với cái cót lõi được gọi là cót lõi thường còn, hoặc so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi an lạc, hoặc so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghía bền vững, hoặc theo nghĩa trường tồn, hoặc so với tình trạng không bị biên đổi. Giống như cây sậy là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như cây đu đủ là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như cây sung là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như cây san hô là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như cây pâribhaddaka là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như bọt nước là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lối, là rời xa cốt lõi; giống như bong bóng nước là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cót lõi; gi6ng như ảo ảnh là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giong như thân cây chuối là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như xảo thuật là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lối, là rời xa cốt lõi; tương tự như vậy, thế giới địa ngục là không có cốt lõi5 là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi thường còn, hoặc so với cái cót lõi được gọi là cót lõi an lạc, hoặc so với cái cót lõi được gọi là cốt lõi tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chắc, hoặc theo nghĩa trường tồn,

hoặc so với tình trạng không bị biến đổi. Thế giới loài thú... Thế giới nga quỷ... Thế giới loài người... Thế giới chư thiên là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi thường còn, hoặc so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi an lạc, hoặc so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chắc, hoặc theo nghĩa trường tồn, hoặc so với tình trạng không bị biến đổi. Thế giới của các uẩn... Thế giới của các giới... Thế giới của các xứ... Thế giới này... Thế giới khác... Thế giới Phạm thiên... Thế giới chư thiên là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi so với cái cót lõi được gọi là cót lõi thường còn, hoặc so với cái cót lõi được gọi là cốt lõi an lạc, hoặc so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chắc, hoặc theo nghĩa trường tồn, hoặc so với tình trạng không bị biến đổi. "Toàn bộ thế giới là không có cốt I6i" là như thế. Tất cả các phương đều bỉ chuyển động: Các pháp tạo tác nào ở phương Đông, chúng đều bị di động, bị chuyển động, bị dao động, bị đụng chạm bởi tính chất vô thường, bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bi ngự tri bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, được thiết lập ở khổ, là không nơi nương náu, không nơi trú ẩn, không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ. Các pháp tạo tác nào ở phương Tây... Các pháp tạo tác nào ở phương Bắc... Các pháp tạo tác nào ở phương Nam... Các pháp tạo tác nào ở phương Đông

Nam... Các pháp tạo tác nào ở phương Tây Bắc... Các pháp tạo tác nào ở phương Đông Băc... Các pháp tạo tác nào ở phương Tây Nam... Các pháp tạo tác nào ở phương dưới... Các pháp tạo tác nào ở phương trên... Các pháp tạo tác nào ở mười phương, chúng đều bị di động, bi chuyển động, bị dao động, bi đụng chạm bởi tính chất vô thường, bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bị ngự trị bởi bệnh, bi hành hạ bởi chết, được thiết lập ở khổ, là không nơi nương náu, là không nơi trú ẩn, là không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ. Và điều này cũng đã được nói đến: 1. "'Mặc dâu cung điện ây của Ngài rực sáng,r Trong khỉ đang chiêu sảng ở phương Bác. Sau khi nhìn thây khuyết tật ở săcf luôn luôn bỉ biên động, Vĩ thể, bậc Thiện trí không vui thích ở sắc." . r r 2. "Thê gian bỉ hành hạ bởi chêtf bi bao trùm bởi già, Bị đâm vào bởi mũi tên tham ảif luôn luôn cháy âm ỉ bởi ước muốn." 3. ^Toàn bộ thế giới bỉ đốt cháy, toàn bộ thế giới bị bốc khói, Toàn bộ thế giới bỉ phát cháy, toàn bộ thế giới bị lay động." "Tát cả các phương đêu bỉ chuyên động " là như thê. Trong khi ước muốn chỗ trú ngụ cho bản thân: Trong khi ước muốn, trong khi ưng thuận, trong khi ước nguyện, trong khi mong cau, trong khi nguyện cầu chỗ trú ngụ, nơi nương náu, nơi trú ẩn, nơi nương nhờ, đích đến, lối đi khác. "Trong khi ước muốn chỗ tru ngụ cho bản thân" là như thế. Ta đã không nhìn thấy [một nơi nào là] không bi áp chế: Ta chỉ nhìn thấy sự bị áp bức, Ta đã không nhìn thấy sự không bị áp bức. Mọi trạng thái trẻ trung bị sự già áp che, mọi trạng thái khỏe mạnh bi bệnh hoạn áp che, mọi sự sống bị cái chết áp chế, mọi lợi lộc bị không lợi lộc áp chế, mọi danh vọng bị không danh vọng áp che, mọi sự khen ngợi bị sự chê bai áp che, mọi hạnh phúc bi khô đau áp chê. 4. "Lọi lộc và không lợi lộc, không danh vọng và danh vọng, Khen ngợi và chê bai, hạnh phúc và kho đau, Các pháp này ở nơi loài người là vô thường, Không trường tồn, có tánh chất biến đổi." "Ta đã không

nhìn thấy [một nơi nào là] không bi áp chế" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: Toan bọ the giới là không co cót loi, Tát cả các phương đêu bỉ chuyên động. Trong khi ước muốn cho trú ngụ cho bản thân, Ta đã không nhìn thay [một nơi nào là] không bi áp che, “

L ĩ r 15.4. Nhưng sau khỉ nhìn thay chúng chông chọi ở giai đoạn két thúc, sự không ưa thích đã khởi lên ở Ta, Và ở đây, Ta đã nhìn thấy mũi tên khó có the nhìn thay đã được cam vào trái tim (tâm thức). Chúng chống chọi ờ giai đoạn kết thúc. ở giai đoạn kết thúc: Sự già kết thúc mọi trạng thái trẻ trung, bệnh hoạn két thúc mọi trạng thái khỏe mạnh, cái chét két thúc mọi sự sông, không lợi lộc kết thúc mọi lợi lộc, kh6ng danh vọng kết thúc mọi danh vọng, sự chê bai kết thúc mọi sự khen ngợi, khô đau két thúc mọi hạnh phúc. "ơ giai đoạn két thúc" là như thế. Chúng chông chọi: Các chúng sanh có sự ham muôn trạng thái trẻ trung đối chọi với sự già, các chúng sanh có sự ham muốn trạng thái khỏe mạnh đối chọi với bệnh hoạn, các chúng sanh có sự ham muốn sự sống đối chọi với cái chết, các chúng sanh có sự ham muốn lợi lộc đối chọi với không lợi lộc, các chúng sanh có sự ham muốn danh vọng đoi chọi với không danh vọng, các chúng sanh có sự ham muốn sự khen ngợi đối chọi với sự chê bai, các chúng sanh có sự ham muốn hạnh phúc đối chọi với khổ đau; chúng hằn học, thù hằn, căm hờn, thù hận. "Chúng chống chọi ở giai đoạn kết thúc" là như thế. Sau khi nhìn thấy, sự không ưa thích đã khối lên ở Ta. Sau khi nhìn thấy: Sau khi nhìn thấy, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt. "Sau khi nhìn thấy" là như thế. Sư không ưa thích [đã khởi lên] ờ Ta: Sự không ưa thích, sự không thích thú, biểu hiện không thích thú, trạng thái ngao ngán, sự chán ngấy đã khởi lên. "Sau khi nhìn thấy, sự không ưa thích đã khởi lên ở Ta” là như thế. Và ờ dây, Ta đã nhìn thấy mũi tên. r 9 y y Và: Từ "athd' này là sự nôi liên các câu văn... (nt)... tính chát tuân tự của các câu văn. ở đây: ở các chúng sanh. Mũi tên: Có bảy mũi tên: Mũi tên luyến ái, mũi tên sân hận, mũi tên si mê, mũi tên ngã mạn, mũi tên tà kiến, mũi tên sầu muộn, mũi tên nghi hoặc. Ta đã nhìn thấy: Ta đã nhìn xem, Ta đã nhìn thấy, Ta đã nhận thấy, Ta đã thấu triệt. “Và ở đây, Ta đã nhìn thấy mũi tên,, là như thế. Khó có thể nhìn thấy đã được cắm vào trái tim (tâm thức). Khó có thể nhìn thấy: Khó nhìn thấy, khó nhận thấy, khó nhìn xem, khó hiểu biết, khó thấu hiểu, khó thấu triệt. "Khó có thể nhìn thấy" là như thế. Đã được cắm vào trái tim: Trái tim nói đến tâm; tâm tức là ý, ý thức, trói tim, chất xám; ý9 ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn; từ đó ý thức giới sanh lên; đã

được cắm vào trái tim, đã được nương vào trái tim, đã được cắm vào tâm, đã được nương vào tâm, là đồng hành, đồng sanh, được gắn bó, được gắn liền, cùng sanh, cùng diệt, chung một nên tảng, chung một đôi tượng với tâm. uKhó có thể nhìn thấy đã được cắm vào trái tim (tâm thiìc)” là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: “Nhưng sau khỉ nhìn thấy chủng chống chọi ở giai đoạn kết thúc, sự khônệ ưa thích đã khởi lên ở Ta. Và ở đây, Ta đã nhìn thấy mũi tên khó có thể nhìn thay đã được cam vào trái tỉm (tâm thức)." r y 15.5. Kẻ đã bị mũi tên đâm vào chạy kháp tát cả các phương [luân

hôi kháp các cõi], sau khỉ đã nhổ chính mũi tên ấy lên thì không chạy, [và] không chìm xuống. Kẻ đã bi mũi tên đâm vào chạy khắp tất cả các phương. Mũi tên: Có bảy mũi tên: Mũi tên luyến ái, mũi tên sân hận, mũi tên si mê, mũi tên ngã mạn, mũi tên tà kiến, mũi tên sầu muộn, mũi tên nghi hoặc. Mũi tên luyên ái là cái nào? Sự luyên ái, luyên ái mãnh liệt, sự say đăm, sự chiều chuộng, niềm vui, niềm vui và luyến ái, sự luyến ái mãnh liệt của tâm... (nt)... tham đắm, tham, eội nguồn của bất thiện; cái này là mũi tên luyến ái. Mũi tên sân hận là cái nào? [Nghĩ rằng:] CÍNo đã làm điều bất lợi cho ta", tức tối sanh khởi; [nghĩ rằng:] "Nó đang làm điều bất lợi cho ta", tức tối sanh khởi; [nghĩ rằng:] UNÓ sẽ làm điều bất lợi cho ta", tức tối sanh khởi... (nt)... sự tàn nhẫn, sự lỗ mãng, trạng thái không hoan hỷ của tâm; cái này là mũi tên sân hận. Mũi tên si mê la cái nào? Sự không biết về khổ... (nt)... sự không biết về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ, sự không biết về điểm khởi đầu, sự không biết về điểm kết thúc, sự không biết về điểm khởi đầu và điểm kết thúc, sự không biết về các pháp tùy thuận duyên khởi này; sự không nhìn thấy nào có hình thức như vậy là sự không chứng ngộ, không thấu hiểu, không giác ngộ, không thấu triệt, không thu thập, không thâm nhập, không xem xét, không quán xét, không làm cho thấy rõ, không trong sáng, trạng thái ngu si, sự si mê, sự mê ám, sự mê muội, vô minh, sự lôi cuốn vào vô minh, sự gắn bó với vô minh, sự tiềm ẩn của vô minh, sự ngự trị của vô minh, sự ngăn trở của vô minh, si mê là gốc rễ của bất thiện; cái này là mũi tên si mê. Mũi tên ngã mạn la cái nào? [Nghĩ rằng:] uIa là tốt hơn,, là ngã mạn, [nghĩ rằng:] "Ta là ngang bằng,9 là ngã mạn, [nghĩ rằng:] "Ta là thua kém,9 là ngã mạn; ngã mạn nào có hình thức như vậy là biểu hiện của ngã mạn, trạng thái của ngã mạn, sự kiêu hãnh, sự hãnh diện, sự giương lên [như ngọn cờ], sự tự nâng lên, sự mong muốn nổi bật của tâm; cái này là mũi tên ngã mạn. Mũi tên tà kiến là cái nào? Thân kiến có hai mươi nền tảng, tà kiến có mười nên tảng, hữu biên kiên có mười nên tảng, quan diêm nào có hình thức như vậy là sự đi đến tà kiến, có sự nắm giữ của tà kiên, có sự hiêm trở của tà kiến, có sự

bóp méo của tà kiến, có sự xáo động của tà kiến, có sự ràng buộc của tà kiến, là sự nắm lấy, sự chấp nhận, sự chấp chặt, sự bám víu, con đường xấu, con đường sai trái, bản thể sai trái, ngoại giáo, sự nắm lấy đường lối trái nghịch, sự nắm lấy điều sai lệch, sự nắm lấy điều trái khuấy, sự nắm lấy điều sai trái, sự nắm lấy điều không xác đáng cho là xác đáng, cho đến sáu mươi hai tà kiến; cái này là mũi tên tà kiến. Mũi tên sâu muộn là cái nào? Sự sâu muộn, sự buôn râu, trạng thái buôn phiền, sự sầu muộn ở nội tâm, sự buồn thảm ở nội tâm, sự nóng nảy ở nội tâm, sự bực tức ở nội tâm, sự bực bội của tâm, nỗi ưu phiền của người bị tác động bởi sự tổn hại về thân quyến, bị tác động bởi sự tổn hại về của cải, bị tác động bởi sự tổn hại vì bệnh tật, bị tác động bởi sự suy giảm về giới hạnh, bị tác động bởi Sự suy giảm vê kiên thức, bị gặp phải sự rủi ro nay hoặc sự rủi ro khác, hoặc bị tác động bởi sự khổ này hoặc sự khổ khác; cái này là mũi tên sầu muộn. Mũi tên nghi hoặc là cái nào? Nghi ngờ về khổ, nghi ngờ về nhân sanh khổ, nghi ngờ về sự diệt tận khổ, nghi ngờ về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ, nghi ngờ vê diêm khởi đâu? nghi ngờ vê diêm két thúc, nghi ngờ vê diêm khởi đâu và điểm kết thúc, nghi ngờ về các pháp tùy thuận duyên khởi này; sự nghi ngờ nào có hình thức như vậy là

biểu hiện nghi ngờ, trạng thái nghi ngờ, sự nhầm lẫn, sự hoài nghi, sự lưỡng lự, sự phân vân, sự ngờ vực, sự không nắm chắc, sự không quyết đinh, sự không quả quyết, sự không thể xác quyết, trạng thái sửng sốt, sự bối rối của tâm; cái này là mũi tên nghi hoặc. Kẻ đã bi mũi tên đâm vào chạy kháp tát cả các phương: Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bi xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bi sở hữu bởi mũi tên luyến ái [sẽ] làm hành động xấu xa bằng thân, làm hành động xấu xa bằng khẩu, làm hành động xấu xa bằng ý, giết hại mạng sống, lấy vật không được cho, đột nhập gia cư, mang đi vật cướp được, làm kẻ đạo tặc, đứng cướp dọc đường, đi đen với vợ người khác, nói

chim, đi đến lối đi của loài chuột, đi đến lối đi khe núi? đi đến lối đi vịn vào lau sậy. Trong khi tầm cầu mà không đạt được thì cảm thọ khổ ưu phát xuất từ việc không có lợi lộc. Trong khi tầm cầu mà đạt được, do đã đạt được mà cảm thọ khổ ưu phát xuất từ việc bảo vệ [nghĩ rằng] "Làm cách nào để các vị vua không có thể lấy đi, các kẻ trộm cướp không thể mang đi, lửa không thể thiêu cháy, nước không thể cuốn đi, những kẻ thừa tự không được yêu mến không thể lấy đi các của cải của ta?" Trong khi được kẻ ây bảo vệ, gìn giữ như vậy, các của cải ấy bi hư hoại. Kẻ ấy cảm thọ khổ ưu phát xuất từ việc xa lìa. Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bi xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên luyến ái [sẽ] chạy, chạy khắp, chạy vội, di chuyển đó đây còn là như vậy. Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bi xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên sân hận, bởi mũi tên si mê, bởi mũi tên ngã mạn [sẽ] làm hành động xấu xa bằng thân, làm hành động xấu xa bằng khẩu, làm hành động xấu xa bằng ý, giết hại mạng sống, lấy vật không được cho, đột nhập gia cư, mang đi vật cướp được, làm kẻ đạo tặc, đứng cướp dọc đường, đi đến với vợ người khác, nói lời doi trá. Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bi chế ngự, bi xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên ngã mạn [sẽ] chạy, chạy khắp, chạy vội? di chuyển đó đây là như vậy. r Kẻ bị đâm vào, bi xuyên thủng, bi xúc chạm, bị chê ngự, bi xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên tà kiến [sẽ] trở thành người tu lõa thể, có hành vi phóng túng, liếm tay cho sạch, [khi đi khất thực] không đi đến khi được mời đi đến, không dừng lại khi được mời dừng lại, không nhận vật thực được mang đến, hoặc được chỉ đinh, không ưng thuận sự mời thỉnh. Kẻ ấy không thọ nhận [vật thực] lây từ miệng nôi, không thọ nhận từ miệng thau chậu, không thọ nhận [vật thực] đưa qua ngưỡng cửa, hoặc đưa qua cây gậy, hoặc đưa qua cái chày, không nhận [vật thực] từ hai người đang ăn, từ người nữ mang thai, từ người nữ đang cho con bú, từ người nữ ở trong lòng người nam, hoặc từ những sự quyên góp, không nhận [vật thực] ở nơi có con chó châu chực, ở nơi có nhiêu ruồi bu, không thọ nhận thịt, cá, không uống rượu, chất say, chất lên men. Kẻ ấy nhận vật thực ở một nhà và ăn chỉ một vắt, nhận vật thực ở hai nhà và ăn chỉ hai vát,... (nt)... nhận vật thực ở bảy nhà và ăn chỉ bảy vát. Kẻ ây nuôi sống chỉ với một chén, nuôi sống chỉ với hai chén,...(nt).. nuôi sống chỉ với bảy chén. Kẻ ấy thọ thực một ngày một bữa, thọ thực hai ngày một bữa, thọ thực bảy ngày một bữa. Với hình thức như vậy, kẻ ấy sống gắn bó và đeo đuổi việc thọ dụng thức ăn theo phương thức nửa tháng một lần. Kẻ bi đâm vào, bị xuyên thủng, bi xúc chạm, bị chế ngu, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên tà kiến [sẽ] chạy, chạy khắp, chạy vội, di chuyển đó đây là như vậy. Hoặc là, bi đâm vào,

bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bi xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên tà kiến, kẻ ấy trở thành người ăn rau, hoặc trở thành người ăn hạt kê, hoặc trở thành người ăn lúa dại, hoặc trở thành người ăn da vụn, hoặc trở thành người ăn rêu, hoặc trở thành người ăn cám, hoặc frở thành người ăn

bọt nước cơm, hoặc trở thành người ăn bột vừng, hoặc trở thành người ăn hạt mè, hoặc trở thành người ăn cỏ, hoặc trở thành người ăn phân bò, hoặc nuôi song với thức ăn là rễ và trái cây ở trong rừng, với thực phẩm là trái cây rụng xuống. Kẻ ấy mặc các loại vải sợi gai, mặc các loại vải sợi gai pha tạp, mặc các tấm vải quấn tử thi, mặc các tấm vải bi quăng bỏ, mặc các loại vỏ cây, mặc các tấm da sơn dương, mặc các tấm da báo, mặc y phục sợi cỏ kusa, mặc y phục sợi vỏ cây, mặc y phục vỏ bào của gỗ, mặc mền kết bằng sợi tóc, mặc mền kết bằng lông đuôi thú, mặc y phục kết bàng lông chim cú, là người theo hạnh nhổ râu tóc, s6ng gắn bó và đeo đuổi việc nhổ râu tóc. Kẻ ấy trở thành người theo hạnh đứng thang, chối từ chỗ ngồi, trở thành người theo hạnh ngồi chò hỏ5 gắn bó và đeo đuổi việc tinh tấn ngồi chò hỏ9 trở thành người đi đứng ở thảm cắm chông, sáp xép việc năm ơ tham căm chông, săp xép việc năm ơ van go, săp xép việc nằm ở mô đất cứng, trở thành người nằm một bên hông, có thân thể đầy bụi bám và chất dơ, trở thành người theo hạnh sống ngoài trời, ngụ ở chỗ đã nhận được, trở thành người theo hạnh ăn phân, găn bó và đeo đuôi việc thọ dụng phân, trở thành người theo hạnh không uống nước lạnh, gắn bó và đeo đuổi việc không uống nước lạnh, sống gắn bó và đeo đuổi việc lội xuống nước tắm một đêm ba lần. Với hình thức như vậy theo nhiều cách, kẻ ấy sống gắn bó và đeo đuổi việc khổ hạnh và hành hạ thân the. Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên tà kiến [sẽ] chạy, chạy khắp, chạy vội, di chuyển đó đây là như vậy. Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủnệ, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên sâu muộn [sẽ] sâu muộn, mệt mỏi, than vãn, đấm ngực khóc lóc, đi đến sự mê muội. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này Bà-la-môn, vào thời quá khứ, ở ngay tại Sāvatthi này, một người đàn bà nọ có mẹ đã qua đời. Do việc qua đời của mẹ9 người đàn bà này bi điên, có tâm bị tán loạn, đã đi từ đường pho này đen đuờng phố khác, từ ngã tư này đến ngã tư khác, và đã nói như vầy: 'ông có nhìn thây mẹ của tôi không? Ông có nhìn thấy mẹ của tôi không?9 Này Bà-la-môn, vào thời quá khứ, ở ngay

Này Bà-la-môn, vào thời quá khứ, ở ngay tại Sāvatthi này, một người đàn ông nọ có cha đã qua dời, có anh [em] trai đã qua đời, có chị [em] gái đã qua đời, có con trai đã qua đời, có con gái đã qua đời, có người vợ đã qua đời. Do việc qua đời của vợ? người đàn ông này bị điên, có tâm bị tán loạn, đã đi tò đường phố này đến đường phố khác, từ ngã tư này đến ngã tư khác, và đã nói như vầy: 'Ông có nhìn thấy vợ của tôi không? Ông có nhìn thấy vợ của tôi không?5 Này Bà-la-môn, vào thời quá khứ, ở ngay tại Sāvatthi này, một người đàn bà nọ đã đi đến thăm nhà bà con. Những người bà con ấy có ý muốn chia cắt người chồng với cô ấy rồi gả cô ấy cho một người khác. Nhưng cô ấy không muốn gã đàn ông kia. Khi ấy, người đàn bà ấy đã nói với chồng điều này: 'Này phu

quân, những người bà con này có ý muốn chia cắt chàng với thiếp rồi gả thiếp cho một người khác. Cả hai chúng ta hãy chết đi/ Khi áy, người đàn ông ấy đã chặt người đàn bà ấy làm hai rồi tự vẫn, [nghĩ rằng:] 'Cả hai chúng ta sẽ chung sống sau khi chết/" Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên sầu muộn [sẽ] chạy, chạy khắp, chạy vội, di chuyển đó đây là như vậy. Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên nghi hoặc [sẽ] bị rơi vào ngờ vực, bị rơi vào nhầm lẫn, bị sanh lên sự lưỡng lự rằng: 'Thải chăng ta đã hiện hữu trong thời quá khứ? Phải chăng ta đã không hiện hữu trong thời quá khứ? Ta đã là cái gì trong thời quá khứ? Ta đã hiện hữu trong thời quá khứ như thế nào? Ta đã trở thành cái gì và đã trở thành cái gì trong thời quá khứ? Phải chăng ta sẽ hiện hữu trong thời vị lai? Phải chăng ta sẽ không hiện hữu trong thời vi lai? Ta sẽ là cái gì trong thời vị lai? Ta sẽ hiện hữu trong thời vị lai như thế nào? Ta sẽ trở thành cái gì, rồi sẽ trở thành cái gì trong thời vi lai?" Hoặc bây giờ, có sự nghi hoặc liên quan đến thời hiện tại rằng: 'Thải chăng ta hiện hữu? Phải chăng ta không hiện hữu? Ta là cái gì? Ta hiện hữu như thế nào? Ta là chúng sanh từ đâu đến? Ta đây sẽ đi dâu?" Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị che ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên nghi hoặc [sẽ] chạy, chạy khắp, chạy vội, di chuyển đó đây là như vậy. Trong khi tạo tác ra những mũi tên ấy, kẻ tạo tác ra những mũi tên ấy chạy đến hướng Đông, chạy đến hướng Tây, chạy đến hướng Bắc, chạy đến hướng Nam do tác động của việc tạo tác ra mũi tên. Các việc tạo tác ra mũi tên ấy là chưa được dứt bỏ; do trạng thái chưa được dứt bỏ của các việc tạo tác ra mũi tên, mà [sẽ] chạy đến cảnh giới tái sanh, chạy đến địa ngục, chạy đến loài thú, chạy đến thân phận nga quỷ, chạy đến thế giới loài người, chạy đến thế giới chư thiên, chạy, chạy khắp, chạy vội, di chuyển đó đây từ cảnh giới tái sanh này đen cảnh giới tái sanh khác, từ sự tái sanh này đến sự tái sanh khác, từ sự noi liền tái sanh này đến sự nối liền tái sanh khác, từ sự hiện hữu này đến sự hiện hữu khác, từ sự luân hồi này đến sự luân hồi khác, từ sự luân chuyển này đến sự luân chuyển khác.

ÍCKẻ đã bị mũi tên đâm vào chạy khắp tất cả các phương" là như vậy. Sau khi đã nhổ chính mũi tên ấy lên thì không chạy, [và] không chìm xuống: Sau khi nhổ lên, sau khi kéo ra, sau khi lấy lên, sau khi lấy ra, sau khi rút lên, sau khi rút ra, sau khi dứt bỏ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu chính mũi tên luyến ái, mũi tên sân hận, mũi tên si mê5 mũi tên ngã mạn, mũi tên tà kiến, mũi tên sầu muộn, mũi tên nghi hoặc ấy thì chẳng những không chạy đến hướng Đông, mà còn không chạy đến hướng Tây, không chạy đến hướng Bắc, không chạy đến hướng Nam. Các việc tạo tác ra mũi tên ấy là đã được dứt bỏ; do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các việc tạo tác ra mũi tên, mà không chạy đến cảnh giới tái sanh, không chạy đến địa ngục, không chạy đến loài thú, không chạy đến thân phận nga quỷ, không chạy đến thế giới loài người, không chạy đến thế giới chư thiên, không chạy, không chạy khắp, không chạy vội, không di chuyển đó đây từ cảnh giới tái sanh này đến cảnh giới tái sanh khác,... từ sự tái sanh này đến sự tái sanh khác,.. từ sự nôi liên tái sanh này đên sự nôi liên tái sanh khác,... từ sự hiện hữu này đến sự hiện hữu khác,... từ sự luân hồi này đến sự luân hồi khác,... từ sự luân chuyển này đến sự luân chuyển khác. "Sau khi

đã nhổ chính mũi tên ấy lên thì không chạlà như thế. Không chìm xuống: Không chìm xuống dòng lũ [ngũ] dục, không chìm xuống dòng lũ của hữu, không chìm xuống dòng lũ tà kiến, không chìm xuống dòng lũ vô minh, không chìm hẳn xuống, không chìm đắm, không đi đến, không đi xuống. “Sau khi đã nhổ chính mũi tên ấy lên thì không chạy, [và] không chìm xu6ng" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Kẻ đã bị mũi tên đăm vào chạy khắp tất cả các phương [luân hồi khắp các cõi], sau khi đã nhổ chính mũi tên ấy lên thì không chạy, [và] không chìm xuống.

15.6. ơ nơi ây, các môn học tập được truyền tụng,
Những sự trói buộc nào ở the gian,
Thì không nên quan tâm đen chủng.
Sau khỉ thấu suốt các dục về mọi phương diện,
Nên học tập về sự diệt tắt cho bản thân.
ở noi ấy, các môn học tập được truyền tụng, những sự trói buộc nào ờ thế gian.
Các môn học tập:
ĐẠI DIỄN GIẢI 345

giảng giải, được diễn tả. Hoặc là, được đọc tụng: Được nắm lấy, được tiếp thu, được duy trì, được tiếp nhận, được suy xét nhằm việc đạt được các sự trói buộc. Các sự trói buộc nói đến năm loại dục: Các sắc được nhận thức bởi mắt là đáng mong, đáng muốn, đáng mến, đáng yêu, liên hệ đến dục, gợi tình.3 Vì lý do gì năm loại dục được gọi là các sự trói buộc? Phần lớn chư thiên và nhân loại ước muốn, ưng thuận, ước nguyện, mong cầu, nguyện cầu năm loại dục; vì lý do đó, năm loại dục được gọi là các sự trói buộc. ở thế gian: ở thế gian của loài người. "ơ nơi ây, các môn học tập được truyên tụng, những sự trói buộc nào ở thê gian” là như the. Thì không nên quan tâm đến chúng: Không nên quan tâm đến các môn học tập ây hoặc năm loại dục ây, không nên nghiêng theo chúng, không nên chiều theo chúng, không nên xuôi theo chúng, không nên hướng đến chúng, không nên xem chúng là chủ đạo. "Thi không nên quan tâm đến chiìng" là như thế. Sau khi thấu suốt các dục về mọi phương diện. Sau khi thấu suốt: Sau khi thấu triệt; sau khi thấu triệt rằng: "Tất cả các hành là vô thuơng”sau khi thấu triệt rằng: "Tất cả các hành là kh6",...(nt)... sau khi thấu triệt rằng: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet^ về mọi phương diện: Là tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, từ "sabbaso" này là lối nói của sự bao gồm. Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục.... y e * 5 • (nt)... Các điêu này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điêu này được gọi là ô nhiễm dục. "Sau khi thấu suốt các dục về mọi phương diện,, là như thế. Nên học tập về sự diệt tắt cho bản thân. Học tập: Có ba sự học tập: Học tập vê thăng giới, học tập vê thăng tâm, học tập vê thăng tuệ.... (nt)... việc này là sự học tập vê thăng tuệ. Sự diệt tắt

3Nên thêm vào “các thinh được nhận thức bởi tai... (như trên)... các hương được nhận thức bởi mũi, các vị được nhận thức bởi lưỡi, các xúc được nhận thúc bởi than là đáng mong, đáng muốn, đáng mến, đáng yêu, liên hệ đến dục, gọri tinh" như ở văn bản Miến Điện. Các văn bản Sri Lanka, Thai Lan, PTS của Anh quốc chỉ đơn giản như đã được

trình bày ở trên. (ND)

ĐẠI DIÊN GIẢI 347

việc nói đâm thọc này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là người có việc nói đâm thọc đã được trống vắng, có việc nói đâm thọc đã được tách biệt, có việc nói đâm thọc đã được tách rời. "Không xảo trá, việc nói đâm thọc không còn nữa" là như thế. Không giận dữ, bậc Hiên trí có thê vượt khỏi hãn sự xâu xa của tham [và] sự keo kiệt: Bởi vì "không giận dữ" đã được nói đến thì sự giận dữ cũng nên được nói đến. Sự giận dữ sanh lên theo mười biểu hiện, [nghĩ rằng:] "N6 đã làm điều bất lợi cho ta”giận dữ sanh khởi;... (nt)... Đối với người nào, sự giận dữ ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tinh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là có sự "không giận dữ." Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự giận dữ thì có sự "không giận dữ." Do trạng thái đã biết toàn diện về nền tảng của sự giận dữ thì có sự "không giận dữ.^, Do trạng thái đã chặt đứt nhân của sự giận dư thì có sự "khòng giận dư.,, Tham: Sự tham lam? biêu hiên tham lam, trạng thái tham lam,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Sự keo kiệt: Nói đên năm loại bon xẻn: Bon xẻn vê chô .(nt) ...sự năm lấy được gọi là bon xẻn. Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vi ấy là hiền trí. Không giận dữ, bậc Hiền trí có thể vượt khỏi hẳn sự xấu xa của tham [và] sự keo kiệt: Bậc Hiền trí đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi sự xấu xa của tham và sự keo kiệt. "Không giận dữ, bậc Hiền trí có thể vượt khỏi hẳn sự xấu xa của tham [và] sự keo kiệt9 là như thế* Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: ^Nên chân thật, không xấc xược, khôn^ xảo trả, việc nói đâm thọc không còn nữa, không giận dữ, bậc Hiên trí có thê vượt khỏi han sự xâu xa của tham [và] sự keo kiệt." r r 15.8. Người có tâm ỷ hướng Niêt-bàn nên khác phục trạng thái ngủ gà ngủ gật, sự uể oải, sự dã dượi, không nên cộng trủ với sự xao lãng, không nên trụ lại ở sự cao ngạo. Nên khắc phục trạng thái ngủ gà ngủ gật9 sự uể oải, sự dã dượi. Trạng thái ngủ gà ngủ gật: Là trạng thái không sẵn sàng của thân, trạng thái không thích ứng, sự ngừng lại, sự trì trệ, sự bế tắc ở bên trong, sự buồn ngủ, sự ngủ gục, sự mơ màng, sự ngủ, biểu hiện ngủ, trạng thái ngủ. Sự ue oai: La sự ue oai, biêu hiên ue oai, sự mẹt mỏi, sự thụ động, sự lờ đờ, biểu hiện lờ đờ, trạng thái lờ đờ.

348 KINH TIÊU BÔ

Sự dã dượi: Là trạng thái không sẵn sàng của tâm, trạng thái không thích ứng, sự chây lười, sự biếng nhác, sự lười biếng, biểu hiện lười biếng, trạng thái lười biếng, sự dã dượi, biểu hiện dã dượi, trạng thái dã dượi của tâm. Nên khắc phục trạng thái ngủ gà ngủ gật, sự uể oải, sự dã dượi: Nên khắc phục, nên khắc chế, nên áp chế, nên ngự tri, nên đè bẹp, nên trấn áp, nên chà đạp trạng thái ngủ gà ngủ gật, sự uể oải và sự dã dượi. uNên khác phục trạng thái ngủ gà ngủ gật, sự uê oải, sự dã dượi,, là như thê. Không nên cộng trú với sự xao lãng. Sự xao lãng cần được nói đến: Là sự buông thả hoặc sự buôiiệ xuôi trong việc buông thả của tâm ở uế hạnh vê thân, ở uê hạnh vê khâu, ở uê hạnh vê

ý, hoặc ở năm loại dục, hoặc là trạng thái thực hành không nghiêm trang, trạng thái thực hành không liên tục, trạng thái thực hành không ổn định, có thói quen biếng nhác, trạng thái buông bỏ mong muốn, trạng thái buông bỏ bổn phận, sự không tập luyện, sự không tu tập, sự không làm thường xuyên, sự không quyết tâm, sự không chuyên cần, sự xao lãng trong việc tu tập các thiện pháp; sự xao lãng nào có hình thức như vậy là biểu hiện xao lãng, trạng thái xao lãng; việc này được gọi là sự xao lãng. Không nên cộng trú với sự xao lãng: Không nên trú, không nên cộng trú, không nên cư trú, không nên lưu trú với sự xao lãng; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự xao lãng; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự xao lãng, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Không nên cộng tru với sự xao lng" là như thế. Không nên trụ lại ờ sự cao ngạo. Sự cao ngạo: ở đây, một người nào đó khinh khi người khác theo sự sanh ra, hoặc theo dòng họ,... (nt)... hoặc theo sự việc này khác. Ngã mạn nào có hình thức như vậy là biểu hiện của ngã mạn, trạng thái của ngã mạn, sự kiêu hãnh, sự hãnh diện, sự giương lên [như ngọn cờ], sự tự nâng lên, sự mong muốn nổi bật của tâm; điều này được gọi là cao ngạo. Không nên trụ lại ờ sự cao ngạo: Không nên trụ lại, không nên trụ vững trong sự cao ngạo; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm cham dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự cao ngạo; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra5 thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự cao ngạo, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Không nên trụ lại ở sự cao ngạo" là như thế. Người có tâm ý hướng Niết-bàn: ở đây, một người nào đó trong khi bố thí vật thí, trong khi thọ trì giới, trong khi thực hành trai giới, trong khi xếp đặt nước uống nước rửa, trong khi quét dọn phòng ốc, trong khi đảnh lễ bảo tháp, trong khi treo hương thơm và vòng hoa ở bảo điện, trong khi nhiễu quanh bảo điện, trong khi tạo tác bất cứ pháp tạo tác thiện nào liên quan đến tam giới,

không vì nguyên nhân là cảnh giới tái sanh, không vì nguyên nhân là sự tái sanh, không vì nguyên nhân là sự nối liền tái sanh, không vì nguyên nhân là sự hiện hữu, không vì nguyên nhân là sự luân hồi, không vì nguyên nhân là sự xoay vần, tạo tác mọi việc ấy với ý nghĩa lìa khỏi sự ràng buộc, nghiêng về Niết-bàn, chiều theo Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn; ngươi có tâm ý hướng Niết- bàn là như vậy. Hoặc là, sau khi đưa tâm ra khỏi nhân tố của tất cả các pháp tạo tác, [vị ấy] đem tâm vào nhân tố bất tử [biết rằng]: uCái này là an tinh, cái này là hảo hạng, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàĩi.” Người có tâm ý hướng Niết-bàn còn là như vậy. 1. “Cdc bậc sảng suốt không bổ thỉ các vật thỉ Vỉ nguyên nhân an lạc ở sự tiếp noi tải sanh đe sanh ra lan nữa, nhưng các vi ấy tự nguyện bo thỉ các vật thỉ vì sự cạn kiệt hoàn toàn các mầm tái sanh để không sanh ra lần nữa. 2. Các bậc sáng suốt không tu tập các tâng thiên vì nguyên nhân an lạc ở sự tiếp nổi tái sanh để sanh ra lần nữa, rứiưng các vị ấy tự nguyện tu tập các tầng thiền vì sự cạn kiệt hoàn toàn các mầm tái sanh để không sanh ra lần nữa. 3. Trong khỉ mong mỏi sự tịch diệt, các vỉ ấy bổ thỉ với tâm nghiêng theo điều ấy, hướng đến điều ấy. Giống như các con sông tiến đến gần biển cả, các vị ấy có

Niết-bàn là mục tiêu chỉnh yếu." "Người có tâm ý hướng Niết-bAn” là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng: r r "Người có tâm ỷ hướng Niêt-bàn nên khác phục trạng thái ngủ gà ngủ gật, sự uê oải, sự dã dượi, không nên cộng trủ với sự xao lãng, không nên trụ lại ở sự cao ngạo."

15.9. Không nên bi lôi kéo vào việc nói lời dổi trá, Không nên tạo ra sự yêu mến ở sắc, Và nên biêt toàn diện vê ngã mạn, Nên hành xử tránh xa sự vội vàng. Không nên bi lôi kéo vào việc nói IM dối trá: Việc nói lời dối trá đề cập đến việc nói dối. ở đây, một người nào đó đi đến hiệp hội, hoặc đi đến tập the, hoặc đi đến giữa thân quyến, hoặc đi đến ýýữa giữa đoàn thể, hoặc đi đến giữa

350 KINH TIÊU Bộ

Không nên bi lôi kéo vào việc nói lòi dối trá: Không nên

ĐẠIDIỄNGIẢI^ 351

(nt)... hoặc về sự việc này khác. Ngã mạn nào có hình thức như vậy là biểu hiện của ngã mạn, trạng thái của ngã mạn, sự kiêu hãnh, sự hãnh diện, sự giương lên [như ngọn cờ], sự tự nâng lên, sự mong muốn nổi bật của tâm, điều này được gọi là ngã mạn. Và nên biêt toàn diện vê ngã mạn: Nên biêt toàn diện vê ngã mạn với ba trường hợp biết toàn diện: Biết toàn diện về điều đã được biết, biêt toàn diện về sự xét đoán, biết toàn diện về sự dứt bỏ. Biết toàn diện về điều đã được biết là những gì? Biết về ngã mạn: Biết rằng, thấy rằng: "Cái này là ngã mạn theo một loại: Là sự kiêu hãnh của tâm. Cái này là ngã mạn theo hai loại: Ngã mạn do tâng bóc bản thân và ngã mạn do khinh bỉ người khác. ... (nt)... Cái này là ngã mạn theo mười loại: ơ đây, một n^ười nào đó sanh khởi ngã mạn về xuất thân, hoặc vê dòng dõi,... (nt).. hoặc vê sự việc này khác,,; điều này là sự biết toàn diện về điều đã được biết. Biết toàn diện về sự xét đoán là những gì? Sau khi thực hiện điều đã được biết như thế thì xét đoán về ngã mạn: Xét đoán là vô thường, là khổ,... (nt)... là không phải sự thoát ra;4 điều này là sự biết toàn diện về sự xét đoán. Biết toàn diện về sự dứt bỏ là những gì? Sau khi xét đoán như vậy thì dứt bỏ; xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu ngã mạn; điều này là sự biêt toàn diện về sự dứt bỏ. Và nên biết toàn diện về ngã mạn: Nên biết toàn diện về ngã mạn với ba trường hợp biết toàn diện này. uVà nên biết toàn diện về ngã mạn" là như thế. Nên hành xử tránh xa sự vội vàng: Hành vi vội vàng là việc nào? Hành vi luyến ái của kẻ bi luyến ái là hành vi vội vàng, hành vi sân hận của kẻ bị sân hận là hành vi vội vàng, hành vi si mê của kẻ bị si mê là hành vi vội vàng, hành vi ngã mạn của kẻ bị trói buộc là hành vi vội vàng, hành vi tà kiến của kẻ bi bám víu là hành vi vội vàng, hành vi phóng dật của kẻ bị tán loạn là hành vi vội vàng, hành vi hoài nghi của kẻ không dứt khoát là hành vi vội vàng, hành vi tiềm an của kẻ cứng cỏi là hành vi vội vàng; việc này là hành vi vội vàng. Nên hành xử tránh xa sự vội vàng: Nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bi ràng buộc với hành vi vội vàng, nên an trú, nên thực hành, nên cư xử, nên sinh hoạt, nên vận hành, nên bảo hộ, nên hộ trì, nên bảo dưỡng với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. uNên hành xử tránh xa sự vội vàng" là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng: "Không nên bi lôi kẻo vào việc

nỏi lời dổi trả, Không nên tạo ra sự yêu mên ở săc, Và nên biêt toàn diện vê ngã mạn, Nên hành xử tránh xa sự vội vàng,"

4 Văn bản Miến Điện và PTS ghi ^nỉssaranato là sự thot ra.” (ND)

15.10. Không nên thích thú cái cũ [ngũ uẩn quả khư], Không nên tạo ra sự chấp nhận cái mới [ngũ uẩn hiện tại], Trong khi [cái gì] đang bỉ tiêu hoại, Không nên sâu muộn, Không nên phụ thuộc vào sự lôi cuốn. Không nên thích thú cái cũ [ngũ uẩn quá khứ]. Cái cũ: Nói đến các sắc-thọ-tưởng-hành-thức thuộc quá khứ. Không nên thích thú, không nên tán thưởng, không nên bám chặt các hành thuộc quá khứ do tác động của tham ái5 do tác động của tà kiên; nên dứt bỏ? nên xua di, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự thích thú? sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt. "Không nên thích thú cái cũ [ngũ uẩn quá khứ],, là như thế. Không nên tạo ra sự châp nhận cái mói [ngũ uân hiện tại]. Cái mới: Nói đến các sắc-thọ-tưởng-hành-thức thuộc hiện tại. Không nên tạo ra sự chấp nhận, không nên tạo ra sự mong muốn, không nên tạo ra sự yêu thương, không nên tạo ra sự luyến ái5 không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh các hành thuộc hiện tại do tác động của tham ái, do tác động của tà kiên. "Không nên tạo ra sự châp nhận cái mới [ngũ uân hiện t@i]" là như thê. Trong khỉ [cái gì] đang bi tiêu hoại, không nên sầu muộn: Trong khi [cái gì] đang bị tiêu hoại, đang bị giảm thiêu, đang bị suy giảm, không còn hiện hữu, đang bị đi mất, đang bị biến mất, thì không nên sâu muộn, không nên mệt mỏi, không nên bám víu, không nên than vãn5 không nên đấm ngực khóc lóc, không nên đi đến sự mê muội. Trong khi mắt đang bị tiêu hoại, đang bi giảm thiểu, đang bị suy giảm, không còn hiện hữu, đang bị đi mất, đang bị biến mất,... trong khi tai... mũi... lưỡi... thân... sác... thinh... hương... vị... xúc... gia tộc... đồ chúng... chỗ ngụ... lợi lộc... danh vọng... lời khen... hạnh phúc... y phục... đồ ăn khất thực... chỗ nằm ngồi... vật dụng là thuốc men chữa bệnh đang bị tiêu hoại, đang bi giảm thiểu, đang bị suy giảm, không còn hiện hữu, đang bị đi mất, đang bi biến mát thì không nên sâu muộn, không nên mệt mỏi, không nên bám víu, không nên than vãn, không nên đâm ngực khóc lóc, không nên đi đến sự mê muội. "Trong khi [cái gì] đang bị tiêu hoại, không nên sầu muộn^, là như thế. Không nên phụ thuộc vào sự lôi cuốn. Sự lôi cuôn: Nói đên tham ái, tức là sự luyên ái, luyên ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bát thiện. Vì lý do gì mà lôi cuốn được gọi là tham ái? Do tham ái, [chúng sanh] lôi kéo, lôi theo, năm lấy, bám víu, chấp chặt vào sắc, [chúng sanh] lôi kéo, lôi theo, nắm lấy, bám víu, chấp chặt vào thọ... tưởng... các hành... thức... cảnh giới tái sanh... sự tái sanh... sự nối liền tái sanh... sự hiện hữu... sự luân hồi... sự luân chuyển; vì lý do ấy mà lôi cuốn được gọi là tham ái.

Không nên phụ thuộc vào sự lôi cuốn: Không nên nương tựa tham ái, nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu tham ái; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với tham ái, nên

sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Không nên phụ thuộc vào sự lôi cuốn95 là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng: "'Không nên thích thủ cái cũ [ngũ uẩn quá khứ], r Không nên tạo ra sự châp nhận cái mới [ngũ uăn hiện tại], Trong khi [cái gì] đang bi tiêu hoại, không nên sầu muộn, Không nên phụ thuộc vào sự lôi cuốn."

15.11. Ta nói thèm khát là "'dòng lũ lớn ", Ta nói tham muốn là dòng nước mạnh, [Sự bám vào] đối tượng là sự chan động, Dục là bãi lay khó vượt qua được. Ta nói thèm khát là í6dòng lũ lớn" Thèm khát nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Dòng lũ lớn nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Ta nói thèm khát là 6ídòng lũ lớn" Ta nói về, Ta nêu ra, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ9 Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: "Thèm khát là 'dòng lũ lớn.3 "Ta nói thèm khát là Mòng lũ lớn'" là như thế. Ta nói tham muốn là dòng nước mạnh: Dòng nước mạnh nói đến tham ái, tức là sự luyên ái, luyên ái mãnh liệt,... (nt)... tham đăm9 tham, cội nguôn của bất thiện. Tham muốn nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... r y L-í • .

(nt)... tham đăm, tham, cội nguôn của bát thiện. Ta nói tham muốn là dòng nước mạnh: Ta nói về, Ta nêu ra5... (nt)... Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: "Tham muốn là dòng nước mạnh.,, "Ta nói tham muốn là dòng nước mạnh,, là như thế. [Sự bám vào] đối tượng là sự chấn động: [Sự bám vào] đối tượng nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bát thiện. Sự chân động nói đên tham ái, tức là sự luyên ái, luyên ái mãnh liệt,... (nt).. tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. "[Sự bám vào] đối tượng là sự chấn động,9 là như thế. Dục là bãi lây khó vượt qua được: Dục là bãi lây, dục là vũng bùn, dục là ô nhiễm, dục là đầm lầy, dục là sự vướng bận khó vượt qua, khó vượt trội, khó vượt lên, khó vượt khỏi, khó vượt qua hẳn, khó vượt qua khỏi. "Dục là bãi lầy khó vượt qua được" là như thế.

ĐẠI DIỄN GIẢI 355

"Vj ấy quả thật được gọi là bậc 'An tjnh'" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Trong khi không chệch khỏi sự thật, bậc Hiền tríf vi

à

356 KINH TIỂU BỒ _____

lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; cho đến như thế [vi ấy] sống, tru ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng chân chánh ở thế gian. Khi nào phúc hành, phi phúc hành và bất động hành5 được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bi làm cho không còn hiện hữu, không còn điêu kiện sanh khởi trong tương lai; cho đên như thê [vị áy] sông, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng chân chánh ở thế gian. ấy, trong khi cư xử chân chánh ở thế gian" là như thế. Không mong cầu đối với bất cứ người nào ờ noi đây: Mong cầu nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối

với vị nào, sự mong cầu tham ái này là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vang lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy không mong cầu đoi với bất cứ vị Sát-đê-lỵ, hoặc vị Bà-la-môn, hoặc thương buôn, hoặc kẻ nô lệ, hoặc người tại gia, hoặc vị xuất gia, hoặc vị trời, hoặc người nhân loại nào ở nơi đây. "Không mong cầu đối với bất cứ người nào ở nơi đây59 là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng: (íQuả thật, vị ây là bậc đã hỉêu biêt, vỉ ây là bậc đã đạt được sự thông hiêu; sau khi biết được giáo pháp, vị ấy khôn^ nương tựa [vào tham ái và tà kiến]. Vị ây, trong khi cư xử chân chảnh ở thê gian, không mong câu đôi với bát cứ người nào ở nơi đây.''

15.14. ở đâyf vi nào vượt qua các dục, Sự quyển luyến ở thế gian khó vượt qua được, Vỉ ấy không sau muộn, không ưu tưf Có dòng chảy đã được cắt dứt, không còn sự trói buộc. ở đây, vi nào vượt qua các dục, sự quyến luyến ờ thế gian khó vượt qua được. Vị nào: Vi nào là nệười như thê, được găn bó như thê, được định đặt như thế, có biểu hiện như the, đã đạt đến địa vi ấy, đã thành tựu phẩm chất ấy, hoặc là vi Sát-đế-lỵ, hoặc là vi Bà-la-môn, hoặc là thương nhân, hoặc là kẻ nô lệ, hoặc là người tại gia, hoặc là vị xuất gia, hoặc là vị thiên nhân, hoặc là người nhân loại. Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục.... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục. Sự quyến luyến: Có bảy sự quyến luyến: Quyến luyến do luyến ái, quyến luyến do sân hận, quyến luyến do si mê, quyến luyến do ngã mạn, quyến luyến do tà kiến, quyến luyến do ô nhiễm, quyến luyến do uế hạnh.

5 Xem chú thích về "phúc hành, phi phúc hành, bất động hành" ở trang 77. (ND)

ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thê gian của các uân, ở thê gian của các giới, ở thế gian của các xứ. Sự quyến luyến ờ thế gian khó vượt qua được: Vi nào đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt qua hãn, đã vượt qua khỏi các dục và các sự quyến luyến ở thế gian [là các pháp] khó vượt qua, khó vượt trội, khó vượt lên, khó vượt khỏi, khó vượt qua han, khó vượt qua khỏi. "O đây, vi nào vượt qua các dục, sự quyên luyên ở thê gian khó vượt qua được" là như thế. Vị ấy không sầu muộn, không mi tư: [Vị ấy] không sầu muộn về vật đã bị biến đổi; không sầu muộn khi vật bị biến đổi; [nghĩ rằng:] “Mắt của ta bị biến đổr5 mà không sầu muộn; [nghirằng:] "Tai của ta... "Mũi của ta... "Lưỡi của ta..."Thân của ta... "Các săc của ta... uCác thinh của ta... "Các hương của ta... uCác vị của ta... "Các xúc của ta..."Gia tộc của ta... 66ĐỒ chúng của ta... "Chỗ ngụ của ta... "Lọi lộc của ta..."Danh vọng của ta... "Lời khen của ta... "Hạnh phúc của ta... "Y phục của ta... "Đồ ăn khất thực của ta... uChỗ nằm ngồi của ta... "Vật dụng là thuốc men chữa bệnh của ta... "Mẹ của ta... "Cha của ta... "Anh [em] trai của ta... "Chị [em] gái của ta... "Con trai của ta... "Con gái của ta... "Bạn bè của ta... "Thân hữu của ta.."Thân quyến của ta... "Những người cùng huyết thống của ta bị biến d6i" mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đâm ngực khóc lóc, không đi đên sự mê muội, "không sầu muộn,, là như thế. Không ưu tư: Không tru tư là không có ưu tư, không nhận xét, không suy xét, không suy gẫm; hoặc là không bị sanh, không bị già, không bị chết, không từ trần, không sanh ra; "không ưu tư" là

như thế. "Vị ấy không sầu muộn, không ưu tư" là như thế. Có dòng chảy đã được cắt dứt, không còn sự trói buộc: Dòng chảy nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với vị nào, dònệ chảy tham ái ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt,... (nt)... đã được thiêu đót bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là có dòng chảy đã được căt đứt. r Không còn sự trói buộc: Là sự trói buộc của luyên ái. sự trói buộc của sân hận, sự trói buộc của si mê, sự trói buộc của ngã mạn, sự trói buộc của tà kiến, sự trói buộc của ô nhiễm, sự trói buộc của uế hạnh. Đối với vị nào, các sự trói buộc này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt,... (nt)... đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; vị ấy được gọi là không còn sự trói buộc. "C6 dòng chảy đã được cắt đứt, không còn sự trói buOc" là như thế. Vì thê, đức The Ton đã noi răng: Í(Ở đây, vi nào vượt qua các dục, Sự quyến luyến ở the gian khó vượt qua được, Vỉ ây không sâu muộn, không ưu tưf Có dòng chảy đã được cắt dứt, không còn sự trói buộc."

tịnh; ngươi sẽ sông, sẽ trú ngụ, sẽ sinh hoạt, sẽ vận hành, sẽ bảo hộ, sẽ hộ trì, sề bao dưỡng?9 "Nguôi sẽ sống, được yên tinh" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: ^Điêu nào trước đây [quả khứ], ngươi hãy làm khô héo điêu ây. Chớ có sự vướng bận sanh khởi đến ngươi sau này [vỉ lai]. Nêu ngươi không nắm lấy [điều gì] ở khoảng giữa [hiện tại], ngươi sẽ song, được yên tinh." r 15.16. Đôi với vi nào không có vật đã được chập là của ta Liên quan đến danh và sắc về mọi phương diện, Và [là vỉ] không sầu muộn do tình trạng không có, Vi ấy quả thật không bi thua thiệt ở the gian, Đối vói vi nào không có vật đã được chấp là của ta liên

than vãn, không đấm ngực khóc 16c, không đi đến sự mê muội. "Và [là vị] không sầu muộn do tình trạng không c6" là như vậy. Hoặc là, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi tình trạng không có, bởi cảm thọ khổ, mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đấm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội. "Và [là vi] không sầu muộn do tình trạng không c6" còn là như vậy. Hoặc là, bi xúc chạm, bi chế ngự, bị xâm nhập, bi sở hữu bởi xúc do bệnh ở mắt... (nt).. bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đấm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội. "Và [là vị] không sầu muộn do tình trạng không c6" còn là như vậy. Hoặc là, trong khi không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại [nghĩ rằng]: 6íQuả thật đã có cho ta chăng? Cái ấy quả thật không có cho ta! Quả thật sẽ có cho ta chăng? Quả thật ta không đạt được cái ấy!", mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đấm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội. "Và [là vi] không sầu muộn do tình trạng không c6" còn là như vậy. Vị ấy quả thật không bi thua thiệt ờ thế gian: Đối với vị nào, có bất cứ điều gì liên quan đến sắc, liên quan đến thọ5 liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến [rằng]: "Hoặc là cái này thuộc về tôi, hoặc là cái này thuộc vê những người khác", đôi với vi ây, có sự mát mát. Bởi vì, điều này cũng đã được nói đến: 1. "Khi cỗ xe và ngựa, ngọc ma-ni và bông

tai bi mất mát, L r Khi con và vợ bi mát mát tương tụy như thê, Khi tất cả của cải không còn được sử dụng, 2 A Tại sao Ngài không buôn bực ở thời diêm sâu muộn? 2. Các của cải rời bỏ con người trước (của cải bỉ mất mát lúc còn sống), Hoặc con người lìa bỏ các của cải trước (chết không đem theo của cải). Này kẻ mong muốn ngũ dục, các của cải không được trường tồn, Vì thế, Ta không sau muộn ở thời điểm sầu muộn. \ \ r 3. Mặt trăng mọc lên, tròn dân roi lại khuyết. Mặt trời sau khi lặn xuống thì biên mát. Này Sattuka, các pháp thế gian đã được Ta nhận biết; Vì the, Ta không sau muộn ở thời điểm sau muộn.ĩĩ7 Đối với vị nào, không có bất cứ điều gì liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến [rằng]: "Hoặc là cái này thuộc về tôi, hoặc là cái này thuộc về những người khác9\ đối với vi ấy, không có sự mất mát. Bởi vì, điều này cũng đã được nói7*

7 Bắn sanh t6Bông tai ngọc ma-ni" {Manikundalajātakam), số 351, TTPV, tập 32, trang 207, câu kệ 709,710. (ND) “

khổ uẩn này." "Đối với vi nào không có [ý nghĩ]: 'Cái này thuộc về tôi\ hoặc '[cái này] thuộc về những người khác9 về bất cứ điều gi" còn là như vậy. Bởi vi, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: f L 1. "Nguôi hãy xem xét thê giới là trông không, Này Mogharāja, hãy luôn luôn có niệm, Sau khi nhổ lên tà kiến về tự ngã, Như vậy có thê vượt qua sự chét. Người đang xem xét the giới như vây, Thần chết không nhìn thấy [người ấy]. ” uĐối với vi nào không có [ý nghĩ]: 'Cái này thuộc về tôi\ hoặc 6[cái này] thuộc vê những người khác9 vê bát cứ điêu gi" còn là như vậy. Bởi vì, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khu*u? cái gì không thuộc về các ngươi, các ngươi hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các ngươi dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các ngươi. Và này các Tỳ-khưu, cái gì không thuộc về các ngươi? Này các Tỳ-khưu, sắc không thuộc vê các ngươi, các ngươi hãy dứt bỏ nó. Cái ây, khi được các ngươi dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các ngươi. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức không thuộc về các ngươi, các ngươi hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các ngươi dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các ngươi. Này các Tỳ-khưu5 các ngươi nghĩ gì vê điêu ây, là việc người ta có thê mang đi c6, củi, cành, lá ở khu rừng Jeta này, hoặc có thê đót cháy chúng, hoặc có thể hành xử chúng tùy theo nhu cầu? Thậm chí ý nghĩ như vầy có thể khởi lên ở các ngươi rằng: 'Có phải người ta mang chúng ta di, hoặc đốt cháy chúng ta, hoặc hành xử chúng ta tùy theo nhu cầu kh6ng'?" "Bạch Ngài, điều này không đúng/9 "Điều ấy có nguyên nhân là gi?" "Bạch Ngài, bởi vì cái ấy [cỏ, củi, cành, lá] không phải là tự ngã của chúng con hoặc thuộc về tự ngã của chúng con." "Này các Tỳ-khưu, tương tự y như thế, cái gì không thuộc về các ngươi, các ngươi hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các ngươi dứt bỏ? sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các ngươi. Và này các Tỳ-khưu, cái gì không thuộc về các ngươi? Này các Tỳ-khưu, sắc không thuộc về các ngươi, các ngươi hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các ngươi dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các ngươi. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức không thuộc vê các ngươi, các ngươi hãy

dứt bỏ nó. Cái ây, khi được các ngươi dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các ngươi?9 "Đối với vi nào không có [ý nghĩ]: 'Cái này thuộc về tôi\ hoặc '[cái này] thuộc về những người khác9 về bất cứ điều gi" còn là như vậy. Bởi vđiều này cũng đã được nói đến: 2. “Này trưởng làng, đổi với người đang nhìn thấy đúng theo bản thể sự sanh lên của các pháp một cách rô rệt, sự liên tục của các hành một cách rõ rệt thì không có sự sợ hãi

ĐẠI DIÊN GIẢI 363

3. Khi nào băng trí tuệ nhìn thây thê gian giông như cỏ và củi thì không ước nguyện bất cứ điều gì khác, ngoại trừ sự không còn nối liền tải sanh." "Đối với vị nào không có [ý nghĩ]: 'Cái này thuộc về tôi\ hoặc '[cái này] thuộc về những người khác9 về bất cứ điều gi" còn là như vậy. Tỳ-khiru-ni Vajirā đã nói với Ma vương ác độc điều này: 4. “Này Ma vương, sao ngươi khăng định là 'chủng sanh'? Phải chăng đó là tà kiến của ngươi? Cái này thuần tủy là sự chồng chất của các hành, ơ đây, chủng sanh không được tìm thấy. 5. Giông y như việc ráp chung lại các bộ phận thì có tiêng gọi là 'cô xe'; tương tự như vậy, khỉ các uẩn hiện diện thì có sự công nhận là 'con người \ 6. Bởi vĩ chỉ có kho được hình thành, Khổ tồn tại và tiêu hoại Không gì khác ngoại trừ kho được hình thành Không cải gì khác ngoài khô được diệt tận, "Đối với vị nào không có [ý nghĩ]: 'Cái này thuộc về tôi\ hoặc 6[cái này] thuộc về những người khác9 về bất cứ điều gi" còn là như vậy. "Này các Tỳ-khưu? tương tư y như thế, vi Tỳ-khưu quán sát sắc đến luôn cả tiến trình của sắc, quán sát thọ... tưởng... các hành... thức đến luôn cả tiến trình của thức. Trong khi vị ây đang quán sát săc đên luôn cả tiên trình của săc, trong khi đang quán sát thọ... tưởng... các hành... thức đến luôn cả tiến trình của thức, ý niệm về 'tôi9 hay 'thuộc về tôi9 hay 'tôi là' đều không khởi lên ở vị ấy.” "Đối với vị nào không có [ý nghĩ]: :Cái này thuộc về tôi\ hoặc '[cái này] thuộc về những người khác' về bất cứ điều gi" còn là như vậy. Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: "Bạch Ngài, 'thế giới là trống không, thế giới là trống kh6nglà điều được nói đến. Bạch Ngài, về phương diện nào thì được gọi là: 'The giới là trống không9?55 "Này Ānanda, bởi vì quả thật là trống không với tự ngã hoặc với cái thuộc về tự ngã; vì thế được gọi là: 'Thế giới là ướng không/ Và này Ānanda, cái gì là trống không với tự ngã hoặc với cái thuộc về tự ngã? Này Ānanda, mắt là trống không với tự ngã hoặc với cái thuộc về tự ngã. Các sắc là trống không... Nhãn thức là trống không... Nhãn xúc là trống không... Cảm thọ nào sanh lên do duyên nhãn xúc, dầu là lạc, hay là khổ, hay là không khổ không lạc; cảm thọ ấy cũng là trống không. Tai là trống không... Các thinh la trống không... Mũi là trống không... Các hương là trống không... Lưỡi là trống không... Các vị là trống không... Thân là trong không... Các xúc là trống không... Ý là trống không... Các pháp là trống không... Ý thức là trống không... Ý xúc là trống không... Cảm thọ nào sanh lên do duyên ý xúc, dầu là lạc, hay là khổ, hay là không khổ không lạc, cảm thọ ấy cũng là trống không với tự ngã hoặc với cái thuộc về tự ngã. Này Ānanda, bởi vì quả

ĐẠI DIỄN GIẢI 365

Sắc, ở thinh,... (nt)... không thèm khát ở các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không bị buộc trói, không bị mê mẩn, không bị gần gũi,

có sự thèm khát đã được xa lìa, có sự thèm khát đã được tách lia, có sự thèm khát đã được từ bỏ, có sự thèm khát đã được tẩy trừ, có sự thèm khát đã được giải thoát, có sự thèm khát đã được dứt bỏ, có sự thèm khát đã được buông bỏ, có sự luyến ái đã được xa lìa, có sự luyến ái đã được tách lìa, có sự luyến ái đã được từ bỏ, có sự luyến ái đã được tẩy trừ, có sự luyến ái đã được giải thoát, có sự luyến ái đã được dứt bỏ, có sự luyến ái đã được buông bỏ, không còn khao khát, được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân. "Không ganh ghét, không thèm khát" là như thế. Không dục vọng, bình đẳng ờ mọi noi. Dục vọng: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt).. tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với vị nào, dục vọng tham ái ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt,... (nt)... đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là không dục vọng. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với dục vọng mà trở thành không dục vọng. Vị ấy không xao động vì lợi lộc, không xao động vì không lợi lộc, không xao động vì danh vọng, không xao động vì không danh vọng, không xao động vì lời khen, không xao động vì lời chê, không xao động vì hạnh phúc, không xao động vì kho đau, không dao động, không run rẩy, không chấn động, không rúng động. "Không dục vQĩig" là như thế. Bình đẳng ờ mọi nơi: Mọi nơi nói đến mười hai xứ: Mắt và các sắc,... (nt)... ý và các pháp. Khi nào sự mong muốn và luyến ái ở các xứ thuộc nội phân và ngoại phân được dứt bỏ, có rê đã được căt lìa, như cây thót nót đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; vi ấy được gọi là bình đẳng ở mọi nơi. Vị ấy tự tại ở tất cả các nơi, trung dung ở tất cả các nơi, hành xả ở tất cả các nơi. "Không dục vọng, bình đẳng ở mọi ĩiod" là như thế. uKhông ganh ghét, không thèm khát, không dục vọng, bình đẳng ở mọi nơi,^ là như thế. Điều ấy là sự lợi ích mà Ta nói, khi được hỏi về vị không lay động: Khi được hỏi về người không lay động, khi được vấn, được yêu cầu, được thỉnh cầu, được đặt niềm tin, Ta nói về bốn điều lợi ích này; Ta nói, Ta nêu ra,..(nt)... Ta bày tỏ rằng: ấy không ganh ghét, không thèm khát, không dục vọng, bình đẳng ở mọi nai?9 "Điều ấy là sự lợi ích mà Ta nói, khi được hỏi về vị không lay động95 là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng: Không ganh ghét, không thèm khát, Không dục vọng, bình đang ở mọi nơi,

Điều ấy là sự lợi ích mà Ta nói, y Khỉ được hỏi vê vi không lay động. r 15.19. Đôi với vi không dục vọng, đang nhận thức, Thì không có bất cứ sự tích lũy nghiệp nào. Vi ấy đã tránh xa khỏi sự tạo nghiệp, Nhìn thấy an toàn ở mọi nơi. Đối với vi không dục vọng, đang nhận thức: Dục vọng nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với vi nào, dục vọng tham ái ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt,... (nt)... đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là không dục vọng. Do trạng thái đã được dứt bỏ đôi với dục vọng mà trở thành không dục vọng. Vị ấy không xao động vì lợi lộc, không xao động vì không lợi lộc, không xao động vì danh vọng, không xao động vì không danh vọng, không xao động vì lời khen, không xao động vì lời chê, không xao động vì hạnh phúc, không xao động vì khổ đau, không dao động, không run rẩy, không chấn động, không rúng động. uĐối với vi không dục vQĩig" là như thế.8 Đang nhận thức: Đang hiêu biêt, đang nhận

biết, đang nhận thức, đang thừa nhận, đang thấu triệt. Đối với vị đang hiểu biết, đang nhận biết, đang nhận thức, đang thừa nhận, đang thấu triệt rằng: “Tất cả các hành là vô thường,,; đối với vị đanẹ hiểu biết, đang nhận biết, đang nhận thức, đang thừa nhận, đang thấu triệt rang: "Tất cả các hành là kh6"...(lít)... "Biều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.^, "Đối với vị không dục vọng, đang nhận thúrc" là như thế. Thì không có bất cứ sự tích lũy nghiệp nào: Các sự tích lũy nghiệp nói đến phúc hành, phi phúc hành và bất động hành.9 Khi nào phúc hành, phi phúc hành và bất động hành được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thót nót đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho kh6ng còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; cho đến như the thì các sự tích lũy nghiệp là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tinh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. “Thi không có bất cứ sự tích lũy nghiệp no" là như thế. Vi ấy đã tránh xa khỏi sự tạo nghiệp: Sự tạo nghiệp nói đến phúc hành, phi phúc hành và bất động hành. Khi nào phúc hành, phi phúc hành và bất động hành được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai, cho đến như thế nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi,

8 Dịch theo văn bản PãIi của Tam tạng Miến Điện, Thái Lan và PTS. (ND) 9 Xem chú thích về "phúc hành, phi phúc hành, bất động hành" & trang 77. (ND)

không bị ràng buộc với khởi đầu, với sự tạo nghiệp, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. ấy đã tránh xa khỏi sự tạo nghiep" là như thế. Nhìn thấy an toàn ờ mọi noi: Luyến ái là nhân tố gây ra sợ hãi, sân hận là nhân tố ệẫỵ ra sợ hãi, si mê là nhân tố gây ra sợ hãi,... (nt)... các ô nhiễm là các nhân tô ệây ra sợ hãi. Do trạng thái đã được dứt bỏ đôi với nhân tố gây ra sợ hãi là luyên ái... (nt)... Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các nhân tố gây ra sợ hãi là các ô nhiễm, vị ấy nhìn thấy an toàn ở mọi nơi, nhìn thấy không sợ hãi ở mọi nơi, nhìn thấy không tai họa ở mọi nơi, nhìn thấy không bất hạnh ở mọi nơi, nhìn thấy không nguy hiêm ở mọi nơi. "Nhiu thấy an toàn ở mọi noi" là như thế. - f \ Vì the, đức The Ton đã noi răng: ^Đối với vi không dục vọng, đang nhận thức, Thì không có bất cứ sự tích lũy nghiệp nào. Vi ấy đã tránh xa khỏi sự tạo nghiệp, Nhìn thấy an toàn ở mọi nơi."

15.20. "Bậc Hiền trí không mô tả [bản thân] là trong sổ những người ngang bằng, không là trong số những người thấp kém, không là trong sổ những người ưu việt. Được an tinh, đã xa lìa sự bon xẻn, vi ấy không nam giữ, không rời bỏ " [đức Thế Tôn nói vậy]. Bậc Hiền trí không mô tả [bản thân] là trong số những người ngang bằng, không là trong số những người thấp kém, không là trong số những người ưu việt. Bản thể hiền trí: Nói đến trí, tức là tuệ, sự nhận biết... (nt).. đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là hiền trí. Bậc Hiền trí không mô tả, không thuyết, không phát ngôn, không giảng giải, không diễn tả rằng: “Ta là ngang bằng9\ hoặc "ta là tốt hơn", hoặc "ta là thua k6m." "Bậc Hiên trí không mô tả [bản thân] là trong sô những người ngang băng, không là trong số những người thấp kém, không là trong số những

người ưu viet"ià như the. Được an tịnh, vi ấy đã xa lìa sự bon xẻn. An

dứt bỏ, đã được trừ tuyệt,... (nt)... đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; vị ấy được gọi là có sự bon xẻn đã được xa lìa, có sự bon xẻn đã được tách lìa, có sự bon xẻn đã được từ bỏ, có sự bon xẻn đã được tẩy trừ, có sự bon xẻn đã được giải thoát, có sự bon xẻn đã được dứt bỏ, có sự bon xẻn

16. DIỄN GIẢI KINH VỀ SĀRIPUTTA (SĀRIPUTTASUTTANIDDESO)

Giờ phần "Diễn giải kinh về sāriputta" được nói đến: 16.1. Từ đây trở về trước, con chưa từng được thấy, [Đại đức Sāriputta đã nói thế ấy] Hoặc chưa từng được nghe của bất cứ người nào. Bậc Đạo Sư, vi có giọng nói êm diu như thế, Bậc Có Đồ Chúng, đã đi đến từ cõi trời Tusitā. Từ đây trở về trước, con chưa từng được thấy: Từ đây trở về trước, đức Thế Tôn ấy chưa được thấy trước đây bởi chính con bằng con mắt này, bởi bản ngã này; vào lúc đức Thế Tôn, sau khi trải qua [an cư] mùa mưa ở cung trời Tam Thập Tam, tại gốc cây san hô9 nơi bảo tọa của đức trời Sakka, được tháp tùng bởi hội chúng chư thiên, đã ngự xuống thành Sañkassa bằng cầu thang làm bang ngọc ma-ni [đặt] ở chính giữa; cảnh tượng này trước đây chưa được nhìn thấy. "Từ đây trở về trước, con chưa từng được thấy" là như thế. Đại đức Sāriputta đã nói thế ấy. Thế ấy: Từ "iccã" này là sự nối liền các câu văn? sự kết hợp các câu văn, y r Sự làm đây đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm5 trạng thái trau chuôi từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn. Đại đức: Từ "āyasmā" này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng. Sāriputta: Là tên của vi Trưởng lão ây, là sự ân định, sự chỉ đinh, sự quy định, sự diễn tả, tên gọi, sự đặt tên, sự định danh, từ mô tả, tên hiệu, từ kêu gọi. "Bại đức Sāriputta đã nói thế ấy" là như thế. Hoặc chưa từng được nghe của bất cứ người nào. Chưa tùng: Là sự phủ định. Hoặc: Từ "udã" này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đây đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuôt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn. Của bất cứ người nào: Của bất cứ ai, của vị Sát-đế-ly, hoặc của vị Bà-la-môn,

1 Pandukambalasilāyain: Dịch sát nghĩa là "& tảng đá phủ tấm mền màu cam,,. (ND)

hoặc của thương buôn, hoặc của kẻ nô lệ, hoặc của người tại gia, hoặc của vị xuất gia, hoặc của vi trời, hoặc của người nhân loại. là "Hoặc chưa từng được nghe của bất cứ người nào" là như thế. Bậc

Bậc Có Đồ Chúng, đã đi đến từ cõi trM Tusitā: Đức Thế Tôn, sau khi lìa khỏi hội chúng Tusitā, có niệm, có sự nhận biết rõ, đã ngự xuống vào thai bào của người mẹ. uBậc có đồ chúng, đã đi đến từ cõi trời Tusitā" là như vậy. Hoặc là, chư thiên được gọi là Tusitā; các vị ấy vui sướng, vừa lòng, hoan hỷ, vui mừng, sanh tâm phỉ lạc; Ngài đã đi đến vị

thế của bậc có đồ chúng từ thế giới chư thiên. uBậc có đồ chúng, đã đi đến từ cõi trời Tusitā^ còn là như vậy. Hoặc là, các vi A-la-hán được gọi là Tusitā; các vị ấy vui sướng, vừa lòng, hoan hỷ, có tâm tư hoàn mãn; Ngài đã đi đến vị thế của bậc có đồ chúng của các vi A-la- hán. "Bậc có đồ chúng, đã đi đến từ cõi trời Tusitā95 còn là như vậy. Bậc Có Đồ Chúng: Đức Thế Tôn là bậc Có Đồ Chúng; Thầy của đồ chiing" là bậc có đồ chúng; ubậc Đạo Sư của đồ chiing" là bậc có đồ chúng; chăm nom đồ chiing" là bậc có đồ chúng; giáo huấn đồ chúng59 là bậc có đồ chúng; "vị chỉ dạy đồ chung59 là bậc có đồ chúng; tự tin tiếp cận đồ chúng^, là bậc có đồ chúng; "(tói với Ngài, đồ chúng lắng nghe, lóng tai nghe, thiết lập tâm mong muốn hiểu biết" là bậc có đồ chúng; đưa đồ chúng ra khỏi bát thiện pháp và sách tấn thiện pháp" là bậc có đô chúng; vị có đồ chúng Tỳ-khiru là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng Tỳ-khưu-ni là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng nam cư sĩ là bậc có đồ chúng; vi có đồ chúng nữ cư sĩ là bậc có đồ chúng; vị có đô chúng vua chúa là bậc có đô chúng; vị có đô chúng Sát-đê-lỵ... vị có đồ chúng Bà-la-môn... vị có đồ chúng thương buôn... vị có đồ chúng nô lệ... vị có đồ chúng chư thiên... vị có đồ chúng Phạm thiên là bậc có đồ chúng; vi có hội chúng là bậc có đồ chúng, là vị Thầy của đồ chúng. Đã đi đến: Đã đi đến, đã đi đến gần, đã tiến đến gần, đã đạt đến thành Sañkassa. uBậc có đồ chúng, đã đi đến từ cõi trời Tusitā" là như thế. Vì thế, Trưởng lão Sāriputta đã nói rằng: "Từ đây trở về trước, con chưa từng được thấy, [Đại đức Sāriputta đã nói thế ấy] Hoặc chưa từng được nghe của bất cứ người nào, Bậc Đạo Sưf vi có giọng nói êm diu như the, Bậc Có Đồ Chủng, đã đi đến từ cõi trời Tusitā.

16.2 Đối với thế gian có cả chư thiên, Bậc Hữu Nhãn được nhìn thấy là như thế. Sau khỉ xua đì tất cả tăm tối, Chỉ một mình, Ngài đã đạt đến sự khoái cảm. Đối với thế gian có cả chư thiên: Đối với thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. uĐối với thế gian có cả chư thiên" là như thế.

Bậc Hữu Nhãn được nhìn thấy là như thế: Chư thiên nhìn thấy đức Thế Tôn ngồi ở cung trời Tam Thập, tại gốc cây san hô, nơi bảo tọa của đức trời Sakka đang thuyết pháp như thế nào, loài người nhìn thấy như thế ấy; loài người nhìn thây như thê nào, chư thiên nhìn thây như thê ây; Ngài được nhìn thấy giữa chư thiên như thế nào, Ngài được nhìn thấy giữa loài người như thế ấy; Ngài được nhìn thấy giữa loài người như thế nào, Ngài được rpiìn thấy giữa chư thiên như thế ấy. "Bậc Hữu Nhãn được nhìn thấy là như tha" là như vậy. Hoặc ngược lại, giong như một số Tôn giả Sa-môn và Bà-la-môn, không rèn luyện, được nhìn thấy có vẻ đã được rèn luyện; không an tinh, được nhìn thấy có vẻ đã được an tinh; không yên tịnh, được nhìn thấy có vẻ đã được yên tinh; không tịch tịnh, được nhìn thấy có vẻ đã được tịch tịnh. 1. '"Tựa như bông tai làm bằng đất sét là đồ giả mạof Tựa như một nửa tiền bằng đồng được phủ lên lớp vàng, Chủng song ở the gian, được che đậy dưới lớp vỏ bọc, Bên trong thì không trong sạch, bên ngoài thì sáng rỡ. Đức Thế Tôn được nhìn thấy không là như vậy. ỉ \ 9

Đức Thê Tôn, theo sự thật, với sự đúng đan, băĩiẸ thực thê, với sự xác đáng, với sự khônệ bị sai lệch, với sự đúng theo bản the; đã được rèn luyện, Ngài được nhìn thấy với

sắc thái đã được rèn luyện; đã được an tịnh, Ngài được nhìn thấy với sắc thái đã được an tịnh; đã được yên tịnh, Ngài được nhìn thấy với sắc thái đã được yên tịnh; đã được tịch tịnh, Ngài được nhìn thấy với sắc thái đã được tịch tinh; và chư Phật Thế Tôn có các oai nghi không phải sắp đặt [trước], các Ngài đã thành tựu về nguyện vọng. "Bậc Hữu Nhãn được nhìn thấy là như thế" còn la như vậy. Hoặc là, đức Thế Tôn có thanh danh, đã đạt đến danh thơm và tiếng tốt như thế này, như thế khác, và còn hơn thế nữa ở cõi rồng, ở cõi linh điểu, ở cõi dạ-xoa, ở cõi a-tu-la9 ở cõi càn-thát-bà9 ở cõi Tứ Đại Thiên Vương, ở cõi trời Đế-thích, ở cõi Phạm thiên và ở cõi chư thiên. "Bậc Hữu Nhãn được nhìn thấy là như thế" còn là như vậy. Hoặc là, đức Thế Tôn đã được thành tựu mười lực, bốn pháp tự tin, bốn tuệ phân tích, sáu thắng trí, sáu pháp của vị Phật; Ngài được nhìn thấy, được biết, được nhận biết do oai lực, do năng lực, do đức hạnh, do sự tinh tấn và do tuệ. 2. “Những người tốt tỏa sáng ở nơi xa, ví như núi Hy-mã-ịap. Những kẻ xấu ở đây [vân] không được nhìn thây, giông như những mũi tên được băn ra vào ban đêm, ‘‘ "Bậc Hữu Nhãn được nhìn thấy là như thế" còn là như vậy. Bậc Hữu Nhãn: Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với năm loại nhãn [con mắt]: Bậc Hữu Nhãn với nhục nhãn, bậc Hữu Nhãn với thiên nhãn,

mọc, màu xanh

nhìn thây nhị thiên tức trung thê giới, co thê nhìn thây tam thiên tức đại thiên thế giới. Hơn nữa, Ngài mong muốn đến chừng nào thì Ngài có thể nhìn thấy đến chừng ấy. Thiên nhãn của đức Thế Tôn là thanh tinh như vậy. Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với thiên nhãn nghĩa là như vậy. Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với tuệ nhãn nghĩa là thế nào? Đức Thế Ton là bậc có tuệ vĩ đại, có tuệ rộng lớn, có tuệ vi tiếu, có tuệ tốc hành, có tuệ sắc bén, có tuệ thấu suốt, là bậc thiện xảo trong việc chia chẻ bằng tuệ, bậc có trí đã được phát triển, đã đạt đến tuệ phân tích, đã đạt được bốn pháp tự tin, có sự duy trì mười lực, là bậc Nhân Ngưu, bậc Nhân Sư, bậc Nhân Tượng, bậc Nhân Kiệt, bậc Nhân Đạo, bậc có trí vô biên, có oai lực vô biên, có danh vọng vô biên, giàu có [về trí tuệ], có tài sản lớn [về trí tuệ], sở hữu tài sản [về trí tuệ], là bậc Hướng Đạo, bậc Hướng Dan, bậc Đoạn Nghi, bậc Truyền Bạt, bậc Truyền

Chính đức Thế Tôn ấy là vi làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi, là vị làm sanh ra đạo lộ chưa được sanh ra, là vi tuyên thuyết đạo lộ chưa được tuyên thuyết, là vị biết về đạo lộ, là vi hiểu rõ về đạo lộ, là vị rành rẽ về đạo lộ. Và hơn nữa, những người đi theo đạo lộ, là các đệ tử của Ngài, hiện nay đang an tru và sau này sẽ thành tựu [đạo lộ ấy]. Chính đức Thế Tôn ấy biết [đúng bản thể] điều cần phải biết, thấy [đúng bản thể] điều cần phải thấy, là bậc có bản thể của mắt, có bản thể của trí, có bản thể của pháp, có bản thể của Phạm thiên, là vị công bố, vị tuyên thuyết, vị chỉ dẫn mục đích, vị ban cho bất tử, bậc Pháp Chu, đức Như Lai. Đối với đức Thế Tôn ấy, không co việc không biết, không thấy, không hiểu rõ, không chứng ngộ, không chạm đến bằng tuệ. Tất cả các pháp liên quan đến quá khứ, tương lai, hiện tại, với mọi biểu hiện, đều đi đen

phạm vi ở trong tam trí tuệ của đức Phật Thế Tôn. Bất cứ điều gì có thể biết, nghĩa là có pháp cần phải biết, có lợi ích cho minh, hoặc có lợi ích cho người khác, hoặc có lợi ích cho cả hai, hoặc có lợi ích liên quan đời này, hoặc có lợi ích liên quan đời sau, hoặc có lợi ích hời hợt, hoặc có lợi ích thâm sâu, hoặc có lợi ích được giấu kín, hoặc có lợi ích được che đậy, hoặc có lợi ích tiềm tàng, hoặc có lợi ích

cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, [đã nhìn thấy] một số chúng sanh đang sống có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác, một

thây, không được nhận thức, hoặc không thê biêt được. Điêu nào cỏ thê biêt được, Ngài đã biết rõ tất cả; vì thế đức Như Lai là bậc Toàn Nhãn. “ Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với toàn nhãn nghĩa là như vậy. "Bậc Hữu Nhãn được nhìn thấy là như thế" là như thế. Sau khi xua đi tát cả tăm toi: Sau khi xóa đi, sau khi đuôi đi, sau khi từ bỏ, sau khi dứt bỏ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu tất cả sự tăm tối bởi luyến ái, sự tăm tối bởi sân hận, sự tăm tối bởi si mê, sự tăm tối bởi ngã mạn, sự tăm tối bởi tà kiến, sự tăm tối bởi ô nhiễm, sự tăm tối bởi uế hạnh, sự tạo ra tăm tối, sự làm cho mù mắt, sự tạo ra vô trí, sự diệt tận tuệ, đem đến sự buồn phiền, không vận hành đến Niết-bàn. “Sau khi xua đi tất cả tăm t6i” là như thế. Chỉ một mình, Ngài đã đạt đến sự khoái cảm: Đức Thế Tôn là một mình, một mình theo quy định của đời sống xuất gia, một mình với ý nghĩa không người thứ hai, một mình với ý nghĩa dứt bỏ tham ái, một mình "c6 luyến ái đã được xa lìa hoàn toàn", một mình "c6 sân hận đã được xa lìa hoàn toàn", một mình "c6 si mê đã được xa lìa hoàn toàn", một mình "hoàn toàn không còn ô nhiễm,\ một mình "đã đi con đường độc dạo", một mình "đã giác ngộ quả vị Chánh đẳng giác vô thượng.^^ uMột ìrdnh" la như thế. Đức Thế Tôn là một mình theo quy định của đời sống xuất gia nghĩa là thế nào? Đức The Tôn, trong lúc đang còn thanh xuân, có tóc đen nhánh của tuổi trẻ, được thành tựu tuổi thanh niên tốt lành, vào giai đoạn đầu của tuổi thọ, trong khi mẹ và cha không mong muốn, với khuôn mặt đầy nước mắt, đang khóc lóc, đang than van; Ngài, sau khi cắt đứt mọi sự vướng bận của đời sống tại gia, sau khi cắt đứt sự vướng bận về vợ con, sau khi cắt đứt sự viiớng bận về thân quyến, [sau khi cắt đứt sự vướng bận về bạn bè và thân hữu,] sau khi cắt đứt sự vướng bận về việc tích trữ, sau khi cạo bỏ râu tóc; khoác lên các tấm vải màu casa, rời nhà xuất gia sống không nhà, sau khi đi đến trạng thái không có gì, một mình sống, tru ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ tri, bảo dưỡng. Đức Thế Tôn là một mình theo quy định của đời sống xuất gia nghĩa là như vậy. Đức Thế Tôn là một mình với ý nghĩa không người thứ hai nghĩa là thế nào? Trong khi đã được xuất gia như vậy, Ngài một mình thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tinh. Ngài sống một mình, đi một mình, đứng một mình, nằm một mình, đi vào làng để khất thực một mình, đi trở về một minh, ngồi nơi vắng vẻ một mình, quyết định kinh hành một mình, sống, tru ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ? hộ trì, bảo

dưỡng một mình. Đức Thế Tôn là một mình với ý nghĩa không người thứ hai nghĩa là như vậy. Đức Thế Tôn là một mình với ý nghĩa dứt bỏ tham ái nghĩa là thế nào? Ngài

4 Đoạn này được thêm vào theo các tạng Miến Điện, Thái Lan và PTS; tạng Tích Lan không có. (ND)

một mình như vậy, không người thứ hai, trong khi sống không bị xao lãĩiậ, có nhiệt tâm, có bản tánh cương quyết, ở bờ sông Nerañjarā, nơi gốc cây Bô-đề, trong khi đang nỗ lực sự nỗ lực vĩ dại, sau khi đã phá tan Ma vương, Thần chết, Hắc ám, thân quyến của những kẻ bị xao lãng, cùng với đạo quân binh; Ngài đã dứt bỏ, đã xua đi, đã làm chấm dứt, đã làm cho không còn hiện hữu sự vướng mắc là mạng lưới tham ái. 5. Í(CÓ tham ái là bạn lữ, trong khỉ luân chuyên một thời gian dài đên cõi này và cõi khác, con người không vượt qua được luân hoi, r ĩ r y 6. Sau khi biêt được sự bát lợi như vầy, [biêt được] tham ái là n^uôn sanh khởi của kho, vi Tỳ-khưu, có tham ải đã được xa lìa, không có sự nam giữ, có niệm, nên ra đi du phương." Đức Thế Tôn là một

được biết toàn diên", đã giác ngộ rằng:... cần được dứt bỏ... cần được tu tập... cân được chứng ngO", đã giác ngộ vê nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi, và sự thoát ra của sáu xúc xứ; đã giác ngộ về nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi, và sự thoát ra năm thủ uẩn; đã giác ĩiệộ về nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi và sự thoát ra bốn yểu tố chính [đất, nước, lửa, gió]; đã giác ngộ rằng: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.^^ Hoác là, điều gì có thể giác ngộ [bởi Sơ đạo], có thể giác ngộ [bởi Nhị đạo], có thể giác ngộ [bởi Tam đạo], có thể giác ngộ [bởi Tứ đạo], có thể chứng đăc? có thể chạm đến, có thể chứng ngộ, Ngài đã giác ngộ [Sơ dạo], đã giác ngộ [Nhị dạo], đã giác ngộ [Tam đạo], đã giác ngộ [Tứ đạo], đã giác ngộ đúng đắn, đã chứng đắc, đã chạm đến, đã chứng ngộ toàn bộ điều ấy nhờ vào trí giác ngộ ấy. Đức Thế Tôn là vi một mình uđã giác ngộ quả vị Chánh đẳng giác vô thượng" nghĩa là như vậy. Đã đạt đến sự khoái cảm. Sự khoái cảm: Khoái cảm của việc xuất gia, khoái cảm của sự viễn ly, khoái cảm của sự yên tịnh, khoái cảm của sự giác ngộ. Đã đạt đến: Đã chứng đắc, đã chạm đến, đã chứng ngộ. "Chí một minh, Ngài đã đạt đến sự khoái cảm,9 là như thế. Vì thế, Trưởng lão Sāriputta đã nói rằng: ^Đối với the gian có cả chư thiên, Bậc Hữu Nhãn được nhìn thay là như the. Sau khi xua đi tất cả tăm tối, r Chỉ một mình, Ngài đã đạt đên sự khoái cảm,

16.3. Với ỷ đinh [hỏi] câu hỏi cho số đông đã được gắn bó ở nơi này, con đã đi đen gặp Ngài, đức Phật, bậc Không Nương Nhờ, đang Tự Tại, vi Không Gạt Gầm, bậc Có Đồ Chúng đã đi đến, Ngài, đức Phật, bậc Không Nương Nhờ, đấng Tự Tại. Đức Phật: Vị ấy là đức Thế Tôn, đấng Tự Chủ, vị không có thầy, đã tự mình giác ngộ hoàn toàn các sự thật về các pháp chưa từng được nghe trước đây. Ngài đã đạt được trạng thái toàn tri về các pháp ấy và đã đạt được bản thể năng lực về các lực. Đức Phật: Với ý nghĩa gì là đức Phật? đã giác ngộ các chân lý" là đức Phật. uVị đã giúp cho chúng sanh giác ngộ,, là đức Phật. Do trạng thái toàn tri là đức Phật. Do trạng thái nhìn thấy tất cả là đức Phật. Do

trạng thái không bị người khác dẫn dắt là đức Phật. Do trạng thái nở rộ [các đức hạnh] là đức Phật. Do được công nhận đã cạn kiệt các lậu hoặc là đức Phật. Do được công nhận

5 Bốn động từ bujjhati, anubujjhati, patibr^jjhqti và sambiijjhati có cùng một gốc động từ là ^Ibudh, có nghĩa là ugiác ngộ,9, được thêm vào các tiếp đầu ngữ anu, pati, sam để tạorthành ba động từ khác với ý nghĩa đã được thay đổi ít nhiều. Ý nghĩa cua bốn động từ trên đã được viết theo sự giải thích của Chủ giải (NidA. ii. 440). (ND) '

không có tùy phiền não là đức Phật. "Vị có luyến ái đã được xa lìa hoàn toàn,, là đức Phật. "Vị có sân hận đã được xa lìa hoàn toàn" là đức Phật. có si mê đã được xa lìa hoàn toàn" là đức Phật. "Vị hoàn toàn không con ồ nhiễm,, là đức Phật. "Vị đã đi con đường độc dạo" là đức Phật. độc nhất đã giác ngộ quả vị Chánh đẳng giác vô thượng^ là đức Phật. Do trạng thái đã phá tan sự không giác ngộ là đức Phật. Do việc đạt được sự giác ngộ là đức Phật. “Dức Phậf\ tên gọi này không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh [em] trai tạo ra, không do chị [em] gái tạo ra, không do bạn bè hoặc thân hữu tạo ra, không do các thân quyến và những người cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra. Sự tận cùng của giải thoát này là sự quy đinh thuộc về chư Phật Thế Tôn, do sự đạt được, do sự chứng ngộ trí Toàn tri ở cội cây Bồ-đề, tức là "đức Phật.,, "Ngài, đức Phát" là như the. Bậc Không Nương Nhờ: Có hai sự nương tựa: Nương tựa vào tham ái và nương tựa vào tà kiến. Việc nào là nương tựa vào tham ái? Cho đến vật đã được tạo lập ranh

nhận thức; không nương tựa, không bám vào, không đến gần, không bám chặt, không hướnẸ đên, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sông với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. “Ngài, đức Phật, bậc không nương nhờ,, là như thế. Đấng Tự Tại: Đức Thế Tôn là đấng Tự Tại với năm biểu hiệu: Tự tại về đối tượng ước muôn và không ước muôn, tự tại với ý nghĩa uđã từ b6”tự tại với ý nghĩa "đã vượt qua", tự tại với ý nghĩa "đã giải thoáf\ tự tại với việc diễn giải điêu ấy. Đức Thế Tôn tự tại về đối tượng ước muốn và không ước muốn n^hĩa là thế nào? Đức Thế Tôn là tự tại về lợi lộc, tự tại về không lợi lộc, tự tại ve danh vọng, tự tại về không danh vọng, tự tại về lời khen, tự tại về lời chê, tự tại về hạnh phúc, tự tại về khổ đau; nếu người ta thoa một cánh tay với dầu thơm, nếu nệười ta đẽo một cánh tay với cái rìu thì không có luyến ái về điều ấy, không có bát bình về điều ấy, Ngài đã lìa bỏ sự ưa chuộng và bất bình, đã vượt qua khỏi sự hưng phan và chán nản, đã vượt qua han sự chiều chuộng và chống đoi; đức Thế Tôn tự tại vê đối tượng ước muôn và không ước muốn nghĩa là như vậy. Đức Thế Tôn tự tại với ý nghĩa uđã từ b0” nghĩa là thế nào? Đối với đức Thế Tôn, sự luyến ái đã được từ bỏ, đã được tẩy trừ, đã được giải thoát, đã được dứt bỏ, đã được buông bỏ; sự sân hận, si mê5 giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác v, ganh ty, bon xẻn, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê? xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất

cả các pháp tạo tác bất thiện đã được từ bỏ, đã được tẩy trừ, đã được giải thoát, đã được dứt bỏ, đã được buông bỏ; đức Thế Tôn tự tại với ý nghĩa CẾđã từ b6" nghĩa là như vậy. Đức Thế Tôn tự tại với ý nghĩa ÍCđã vượt qua" nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn đã vượt qua dòng lũ [ngũ] dục, đã vượt qua dòng lũ của hữu, đã vượt qua dòng lũ tà kiến, đã vượt qua dòng lũ vô minh, đã vượt qua mọi nẻo đường luân hồi, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi. Ngài đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành, đã hoàn mãn cuộc hành trình, đã hoàn mãn hướng đi, đã đi đến điểm cuối cùng, đã hộ trì Phạm hạnh, đã đạt đến kiến tối thượng, đã tu tập đạo lộ, đã dứt bỏ ô nhiễm, đã thấu triệt sự không thể thay đổi, đã chứng ngộ diệt đế. Đối với Ngài, khổ đã được biết toàn diện, tập đã được dứt bỏ, đạo đã được tu tập, diệt đã được chứng ngộ. Điều cần được biết rõ đã được biết rõ, điều cần được biết toàn diện đã được biết toàn diện, điều cần được dứt bỏ đã được dứt bỏ, điều cần được tu tập đã được tu tập, điều cần được chứng ngộ đã được chứng ngộ. Ngài đã hất tung rào chắn [vô minh], đã san lấp mương rãnh [luân hồi tái sanh], đã nhổ lên cột trụ [tham ái], không còn chốt cửa, là Thánh thiện, đã hạ xuống ngọn cờ [ngã mạn], đã đặt xuống gánh nặng, đã tháo khỏi ách, đã dứt bỏ hẳn ngũ dục, đã thành tựu sáu căn, có một sự bảo hộ [niệm], có bốn sự nâng đỡ, đã xua đi sự độc đoán, có sự tầm càu đã được hoàn toàn cởi bỏ, có

tâm tư không bị xáo trộn, có thân hành đã được an tịnh, có tâm khéo được giải thoát, có tuệ khéo được giải thoát, toàn hảo, đã được hoàn mãn, là con người tối thượng, con người tột đỉnh, đã đạt được sự thành đạt tột đỉnh. Ngài không tích lũy [nghiệp] cũng không loại trừ, tồn tại sau khi đã loại trừ [ô nhiễm]; không dứt bỏ [ô nhiễm] cũng không chấp thủ, tồn tại sau khi đã dứt bỏ; không tự kết nối [tham ái] cũng không tháo gỡ, tồn tại sau khi đã tháo gỡ; không dập tắt [lửa phiền não] cũng kh6ng đốt cháy, tồn tại sau khi đã dập tắt; tồn tại với trạng thái đã được thành tựu về giới uẩn của bậc Vô học, tồn tại với trạng thái đã được thành tựu về đinh uẩn của bậc Vô học, tồn tại với trạng thái đã được thành tựu về tuệ uẩn của bậc Vô học, ton tại với trạng thái đã được thành tựu về giải thoát uẩn của bậc Vô học, tồn tại với trạng thái đã được thành tựu về giải thoát tri kiến uẩn của bậc Vô học; ton tại sau khi đã thấu suốt chân lý, tồn tại sau khi đã vượt qua dục vọng, ton tại sau khi đã tran áp lửa phiền não, tồn tại do không đi vòng quanh [ở luân hồi], tồn tại sau khi đã thọ trì lời giảng, tồn tại do thân cận với giải thoát, tồn tại với sự thanh tinh của từ, tồn tại với sự thanh tinh của bi, tồn tại với sự thanh tịnh của hỷ, tồn tại với sự thanh tịnh của xả, tồn tại với sự thanh tinh tột cùng, tồn tại với sự thanh tịnh của trạng thái không còn tham ái, tà kiến và ngã mạn, tồn tại với trạng thái đã được giải thoát, tồn tại với trạng thái đã được hài lòng, tồn tại trong giai đoạn cuối của các uẩn, tồn tại trong giai đoạn cuối của các giới, tồn tại trong giai đoạn cuối của các xứ, tồn tại trong giai đoạn cuối của cảnh giới tái sanh, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự tái sanh, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự nối liền tái sanh, tồn tại trong giai đoạn cuối của kiếp song, tồn tại trong giai đoạn cuối của luân hồi, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự luân chuyển, tồn tại trong kiếp sống cuối cùng, tồn tại trong thân xác cuối cùng. Với việc duy trì thân xác cuối cùng là đức Thê Tôn. ^Đổi với vị ấy,

sự hiện hữu này là cuối cùng, Thân xác này là sau chót, Việc sanh tử luân hồi, Việc hiện hữu lần nữa không có đối với vỉ ấy." Đức Thế Tôn tự tại với ý nghĩa "dãi vượt qua" nghĩa là như vậy. Đức Thế Tôn tự tại với ý nghĩa "đã giải thoát" nghĩa là thế nào? Đối với đức Thế Tôn, tâm đã được thoát khỏi, đã được giải thoát, đã khéo được giải thoát khỏi sự luyến ái; tâm đã được thoát khỏi, đã được giải thoát, đã khéo được giải thoát khỏi sự sân hận... khỏi sự si mê... khỏi sự giận dữ... khỏi sự thù hằn.. khỏi sự gièm pha... khỏi sự ác ý... khỏi sự ganh tỵ... khỏi sự bon xẻn... khỏi sự xảo trá... khỏi sự lừa gạt... khỏi sự bướng bỉnh... khỏi sự hung hăng... khỏi sự ngã mạn... khỏi sự cao ngạo... khỏi sự đam mê... khỏi sự xao lãng... khỏi tất cả ô nhiễm... khỏi tất cả uế hạnh... khỏi mọi sự lo lắng... khỏi mọi sự bực bội. khỏi mọi sự nóng nảy... khỏi tất cả các pháp tạo tác bất thiện; đức Thế Tôn tự tại với ý nghĩa uđã giải thoát" nghĩa là như vậy.

ĐẠI DIỄN GIẢI 383

Đức Thế Tôn tự tại với việc diễn giải điều ấy nghía là thế nào? Đức Thế Tôn khi giới hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều áy rằng: "Ta có gi&i"; khi tín hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: "Ta có tín"; khi tan hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: "Ta có tấn^,; khi niệm hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: "Ta có niệm^,; khi định hiện diện, tự tại với việc diễn ẹiải điều ấy rằng: "Ta định tinh"; khi tuệ hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều áy rằng: "Ta có tuệ,5; khi minh hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: "Ta có ba minh^,; khi thắng trí hiện diện, tự tại với việc diễn ệiải điều ấy rằng: "Ta có sáu thắng trí", đức Thế Tôn tự tại với việc diễn giải điêu ấy nghĩa là như vậy. "Ngài, đức Phật, bậc Không Nương Nhờ, đấng Tự Tại" là như thế. Vi Không Gạt Gầm, bậc Có Đồ Chúng đã đi đến. Không gạt gẫm: Có ba kiểu cách gạt gẫm: Kiểu cách gạt gẫm liên quan đen việc sử dụng [bon món] vật dụng, kiểu cách gạt gẫm liên quan đen các oai nghi, kiểu cách gạt gẫm liên quan đến việc nói gần nói xa. Kiêu cách gạt gâm liên quan đên việc sử dụng [bôn món] vật dụng là kiêu cách nào? ở đây, các gia chủ thỉnh mời vi Tỳ-khmi về y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Vị ấy có ước muốn xấu xa, bị thúc đẩy bởi ước muốn, có sự tầm cầu, do sự mong muốn được nhiều hơn về y phục, đô ăn khát thực, chô năm ngôi, và vật dụng là thuôc men chữa bệnh, roi từ chối y phục, từ chối đồ ăn khất thực, từ chối chỗ nằm ngồi, từ chối vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Vị ấy đã nói như sau: uLợi ích gì cho vị Sa-môn với y phục đắt giá? Điều đúng đắn là vi Sa-môn nên nhặt các mảnh vải từ bãi tha ma, hoặc từ đong rác, hoặc từ vải bỏ của tiệm vải, rồi làm y hai lớp và mặc vào. Lợi ích gì cho vị Sa-môn với đô ăn khát thực đát giá? Điêu đúng đan là vi Sa-môn nên duy trì mạng sống bằng vắt thức ăn do việc đi khất thực. Lợi ích gì cho vị Sa-môn với chỗ nằm ngồi đắt giá? Điều đúng đắn là vi Sa-môn nên ngụ ở gốc cây, hoặc là ngụ ở mộ địa, hoặc là ngụ ở ngoài trời. Lợi ích gì cho vi Sa-môn với vật dung là thuốc men chữa bệnh đắt giá? Điều đúng đắn là vị Sa-môn nên chế tạo thuốc men với nước tiểu bò hoặc với mẩu cây harítakí." Từ đó trở đi, vị ấy mặc y thô tệ, ăn đồ ăn khất thực thô tệ, sử dụng chỗ nằm ngồi thô tệ, sử dụng vật dụng là thuốc men chữa bệnh thô tệ. Các gia chủ biết về vi ấy như vầy: Sa-môn này ít ham muôn, tự biêt đủ, sông tách biệt, không giao du, có sự ra sức tinh tấn, thuyết về hạnh từ khước,\ rồi thỉnh mời [vị ấy] về y phục, đồ ăn khất thực, chỗ năm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh nhiều hơn

nữa. Vị ấy đã nói như sau: "Do sự hiện diện của ba pháp, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu; do sự hiện diện của đức tin, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu; do sự hiện diện của vật thí, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu; do sự hiện diện của các bậc xứng đáng được cúng dường, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu. Và các người là có đức tin, có vật thí, còn tôi là người thọ nhận. Nếu tôi không thọ nhận, như vậy các người sẽ mất phần phước báu. Không có

lợi ích gì cho tôi với việc này, nhung vì lòng thương tưởng đến các n^ười mà tôi thọ nhan." Từ đó trở đi, vị ấy thọ lýiận nhiều y phục, thọ nhận nhiêu đồ ăn khất thực, thọ nhận nhiều chỗ nam ngồi, thọ nhận nhiều vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Những sự nhíu mày có hình thđGGGààÀGẪGGÀÖàGàâàGòủnạnă<GDãỊÍVờẹsGGGuuảG

được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vì thế đức Phật là vị không gạt gẫm. "Vi không gạt gm" là như thế. Bậc Có Đồ Chúng đã đi đến. Bậc Có Đồ Chúng: Đức Thế Tôn là bậc Co Đồ Chúng; thầy của đồ chilng" là bậc có đồ chúng; "bậc Đạo Sư của đồ chúng,, là bậc có đồ chúng; "vị chăm nom đồ chúng,, la bậc có đồ chúng; "vị giáo huấn đồ chūn^g" là bậc có đồ chúng; chỉ dạy đồ chung^ là bậc có đồ chúng; tự tin tiếp cận đồ chiiíig" là bậc có đồ chúng; "đối với Ngài, đồ chúng lắng nghe, lóng tai nghe, thiết láp tâm mong muốn hiểu biết" là bậc có đồ chúng; đưa đo chúng ra khỏi bát thiện pháp và sách tấn thiên pháp" là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng Tỳ-khưu là bậc có đồ chúng; vi có đồ chúng Tỳ-khưu-ni là bậc có đồ chúng; vi có đồ chúng nam cư sĩ là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng nữ cư sĩ là bậc có đồ chúng; vi có đồ chúng vua chúa là bậc có đồ chúng; vi có đồ chúng Sát-đế-lỵ là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng Bà-la-môn là bậc có đồ chúng; vi có đồ chúng thương buôn là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng nô lệ là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng chư thiên là bậc có đo chúng; vi có đo chúng Phạm thiên là bậc có đồ chúng; vi có hội chúng là bậc có đồ chúng, là vị thầy của đồ chúng. Đã đi đến: Đã đi đến, đã đi đến gần, đã tiến đến gần, đã đạt đến thành Sañkassa. Không Gạt Gam, bậc Có Đồ Chúng đã đi đến" là như thế. Cho số đông đã được gắn bó ờ noi này. Cho số đông: Là cho số đông các Sát-đế-lỵ9 các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô le, các người tại gia, các bậc xuất gia, chư thiên và loài người. Đã được gắn bó: Những người tùy tùng, những người hầu cận, những người học trò đã được gắn bó. “Cho số đông đã được gắn bó ở nơi này” là như thế. Với ý đinh [hỏi] câu hỏi9 con đã đi đến: Là nguôi có nhu cầu với câu hỏi, con đã đi đên; có ý muốn hỏi câu hỏi, con đã đi đên; có ý muốn nghe câu hỏi, con đã đi đến. "'Với ý định [hỏiỊ câu hỏi, con đã đi đến" là như vậy. Hoặc là, có sự đi đến, sự tiến đến, sự đen gan, sự ngồi gần của những người có nhu càu về câu hỏi, của những người có ý muốn hỏi câu hỏi, của những người có ý muốn nghe câu hỏi. "Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến" còn là như vậy. Hoặc là, Ngài có sự hiểu biết về câu hỏi, Ngài cũng có năng lực, Ngài có khả năng để thuyết giảng, đe giải thích điều được hỏi bởi con, Ngài hãy dời di gánh nặng này. "Vói ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến^, còn là như vậy. Vì thế, Trưởng lão Sāriputta đã nói rằng: ^Với ỷ đinh [hỏi] câu hỏi cho

sổ đông đã được gắn bó ở nơi này, con đã đi đen gặp Ngài, đức Phật, bậc Không Nương Nhờ, đang Tự Tại, vi Không Gạt Gầm, bậc Có Đồ Chúng đa đi đến. ‘

r 16.4. Đói với v/ Tỳ-khưu đang nhơm gớm [sanh, già, bệnh, chét, V.V..J đang thân cận cho ngoi trong vang, gốc cây, hoặc mộ đỉa, hoặc ở các hang động của những ngọn núi. Đối với vị Tỳ-khưu đang nhòm gớm. Đối với vi Tỳ-khưu: Đối với vị Tỳ-khưu phàm nhân tốt lành hoặc đối với vị Tỳ-khiru là bạc Hữu học. Đang nhòm gớm: Đang nhơm gớm với sanh, đang nhơm gớm với già,... với bệnh,... với chết,... với các nỗi sầu-bi-khổ-ưu-não; đang nhơm gớm với khổ ở địa ngục, với khổ ở loài thú, với khổ ở thân phận ngạ quỷ, với khổ của loài người, với khổ bắt nguôn từ việc nhập thai, với khô bát nguôn từ việc trụ thai, vơi khổ bắt nguồn từ việc ra khỏi thai, với khổ gắn liền sau khi sanh ra, với khổ do kẻ khác áp đặt sau khi sanh ra, với kho do sự ra sức của bản thân, với khổ do sự ra sức của kẻ khác, với khổ do fthọ] khổ, với khổ do pháp tạo tác, với khổ do sự biến đổi; với khổ do bệnh ở mát, với khổ do bệnh ở tai trong, với khổ do bệnh ở mũi, với khổ do bệnh ở lưỡi, với khổ do bệnh ở thân, với khổ do bệnh ở đầu, với khổ do bệnh ở lỗ tai, với khổ do bệnh ở miệng, với khổ do bệnh ở rng, với

Gốc cây, hoặc mộ địa: Gốc cây chỉ là gốc cây; mộ địa chỉ là mộ địa. uGốc cây, hoặc mộ dja" là như thế. Hoặc ờ các hang động của những ngọn núi: Ngọn núi chỉ là ngọn núi; hốc núi chỉ là hốc núi; hang núi chỉ là hang núi; những chỗ bên trong ngọn núi được gọi là các vùng bụng của ngọn núi. “Hoặc ở các hang động của những ngọn nhi" là như thế. Vì thế, Trưởng lão Sāriputta đã nói rằng: r "Đôi với vi Tỳ-khưu đang nhơm gớm [sanh, giàf bệnh, chét, V.V..J đang thân cận chỗ ngoi trổng vang, gốc cây, hoặc mộ địa, hoặc ở các hang động của những ngọn núi."

16.5. ở những chỗ trủ ngụ cao thấp, cỏ bao nhiêu sự khiếp đảm ở nơi ấy mà vi Tỳ-khưu không nên run rẩy bởi chúng ở chô nằm ngồi không tiếng động? ở những chỗ trú ngụ cao thấp. ở những chỗ cao thấp: ở những chỗ cao thấp là ở những chỗ thấp kém hoặc cao sang, ở những cho tốt đẹp hoặc xấu xa. Chỗ trú ngụ: Nói đến tru xá, nhà một mái, tòa lâu đài, tòa nhà dài, hang động. "d những chỗ trú ngụ cao thấp" là như thế. Có bao nhiêu sự khiếp đảm ờ noi ấy. Kuvanto: Là đang la lớn, đang kêu la, đang thét lên, đang tạo ra âm thanh. Hoặc là, kĩvanío: Là có bao nhiêu, ước lượng bao nhiêu, xác định bao nhiêu, nhiều đến bao nhiêu các sự khiếp đảm ấy? Là các con sư tử, hổ, báo, gấu, chó rừng, chó sói, trâu rừng, voi, rắn, bò cạp, rết, hoặc có thể là các kẻ cướp hay những kẻ tàn bạo có hành động gây sự hoặc chưa có hành động gây sự. "C6 bao nhiêu sự khiếp đảm ở nơi y" là như thế. Mà vi Tỳ-khưu không nên run rẩy bởi chúng. Bởi chúng: Bởi những sự khiêp đảm ây; sau khi nhìn thây hoặc sau khi nghe được các sự khiếp đảm thì không nên run rây, không nên chấn động, không nên rúng động, không nên run sợ, không nên khiếp sợ, không nên hoảng sợ, không nên sợ hãi, không nên rơi vào sự kinh sợ; nên có tánh kh6ng nhút nhát, không kinh hãi, không sợ sệt, không trôn chạy, [vị Tỳ-khiru] nên sông có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rởn lông đã được

xa lìa. “Mà vị Tỳ-khiru không nên run rẩy bởi chúng99 là như thế. ở chỗ nằm ngồi không tiếng động: Là ở tru xứ có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bâu không gian văng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiên tịnh. “d chỗ nằm ngồi không tiếng động,9 là như thế. Vì thế, Trưởng lão Sāriputta đã nói rằng: “ở những chỗ tru ngụ cao thấp, có bao nhiêu sự khiếp đảm ở nơi ấy mà vi Tỳ-khim không nên run rẩy bởi chủng ở chô nằm ngồi không tiếng động?"

r r r 16.6. Đôi với vỉ đang đi đên khu vực chưa từng đi đênf Có bao nhiêu hiếm họa ở thế gian Mà vị Tỳ-khưu cần khắc phục chúng ở các chỗ nằm ngồi xa vắng? Có bao nhiêu hiểm họa ờ thế gian. Có bao nhiêu: Có bao nhiêu là ước lượng bao nhiêu, xác đinh bao nhiêu, nhiêu đên bao nhiêu các hiêm họa ây? Có hai loại hiêm họa: Hiêm họa hiên hiện và hiêm họa khuất lâp. Các điều nào là hiểm họa hiển hiện? Các con sư tử, hổ, báo, gấu, chó rừng, chó sói, trâu rưng, voi, rắn, bò cạp, rết, hoặc có thể là các kẻ cướp hay những kẻ tàn bạo có hành động gây sự hoặc chưa có hành động gây sự; bệnh ở mắt, bệnh ở tai trong, bệnh ở mũi, bệnh ở lưỡi, bệnh ở thân, bệnh ở dầu, bệnh ở lỗ tai, bệnh ở miệng, bệnh ở răng, ho, suyên, sô mũi, nhiệt, cảm sót, đau bụng, xây xẩm, kiết ly, đau bụng bão, dịch tả, phong cùi, khối u, bệnh chàm, lao phổi, động kinh, mụt, nhọt, ghẻ ngứa, sảy, loét tay chân, máu và mật, bệnh tiểu đường, bệnh trĩ, ghẻ lở5 loét hậu môn, bệnh phát khởi từ mật, bệnh phát khởi từ đàm... (nt)... lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, các xúc chạm với ruồi, muôi, gió, năng và các loài bò sát. Các điêu này được gọi là hiêm họa hiên hiện. Các điều nào là hiểm họa khuất lấp? uế hạnh về thân, uế hạnh về khẩu, uế hạnh vê ý, pháp che lâp "mong muôn vê dục9\ pháp che lâp "sân hận,\ pháp che lấp "dã dượi buồn ngiỉ", pháp che lấp "phóng dật và hối han", pháp che lấp “hoài nghi”sự luyến ái, sân, si mê? giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bon xẻn, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngãi mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lăng, mọi sự bực bội, mọi sự nónẹ nảy, tát cả các pháp tạo tác bát thiện. Các điêu này được gọi là hiêm họa khuất lấp. Các hiểm họa: Các hiểm họa với ý nghĩa gì? Các hiểm họa bởi vì "chúng áp chế", các hiểm họa bởi vì "chúng đưa đến sự suy giảm,,5 các hiểm họa bởi VI "nơi áy là chỗ trú.” Các hiểm họa bởi vì "chúng áp ghế" nghĩa là thế nào? Các hiểm họa ấy khống chế, áp chế, ngự tri, đè bẹp, trấn áp, chà đạp cá nhân ấy. Các hiểm họa bởi VI "chung áp chế^ nghía là như vậy. Các hiêm họa bởi vì "chúng đưa đên sự suy giảm" nghĩa là thê nào? Các hiểm họa ấy đưa đến sự nguy hiểm, đến sự suy giảm đối với các thiện pháp. Đối với các thiện pháp nào? Đối với sự thực hành đúng đắn, đối với sự thực hành phù hợp, đối với sự thực hành không trái ngược, đối với sự thực hành không đối chọi, đối với sự thực hành đưa đến lợi ích, đối với sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, đối với việc làm đầy đủ các giới, đối với việc phòng vệ các giác quan, đoi với việc biết chừng mực ve vật thực, đoi với sự luyện tập về tỉnh thức, đoi với niệm và sự nhận biết rõ, đoi với sự chuyên cần tu tập bốn sự thiêt lập niệm, đôi với sự chuyên cân tu tập bôn chánh cân,... bôn nên tảng của

thần thông,... năm quyền,năm lực,... bảy yếu tố đưa đến giác ng&... đạo lộ Thánh thiện tám chi phần; chúng đưa đến sự nguy hiểm, đến sự suy giảm đối với các thiện pháp này. Các hiểm họa bởi vì "chúng đưa đến sự suy giảm" nghĩa là như vậy. Các hiểm họa bởi vì "noi ấy là chỗ trú" nghĩa là thế nào? Các ác bất thiện pháp này sanh lên ở nơi ây thì có bản ngã [của người áy] là nơi nương tựa. Giống như các sinh vật "c6 hang là chỗ trú" thì ngụ ở hang, các sinh vật có "nước là chỗ trú,, thì ngụ ở nước, các sinh vật "c6 rừng là chỗ trú" thì ngụ ở rừng, các sinh vật "có cây cối là chỗ trú" thì ngụ ở cây cối; tương tự như vậy, các ác bát thiện pháp này sanh lên ở nơi ây thì có bản ngã [của người áy] là nơi nương tựa. Các hiểm họa bởi vì "noi ấy là chỗ trú" còn là như vậy. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, vị

390 KINH TIỂU BÔ

1. “Tham là sự sanh ra điều không lợi ích, tham là sự rối loạn của tâm. Người đời không thâu hiêu sự nguy hiêm ây đã được sanh ra từ bên trong. 2.

ĐẠI DIỄNGIẢI^ 391

lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Khu vực ấy trước đây chưa đi đến, khu vực ấy đã không được đi đến trước đây trong thời gian dài này. r y 5

9. ^Giông như người mang cái bát dâu được chứa đây ngang tới miệng đi vòng quanh, người đang ước nguyệt khu vực trước đây chưa đi đến [Niết-bàn] nên hộ trì tâm của mình như vây." Đối với vị đang tiến đến, đang đi đến, đang tiến về khu vực trước đây chưa đi đến. "Đối với vị đang đi đến khu vực chưa từng đi đến" là như thế. Mà vi Tỳ-khưu cần khắc phục chúng* Chúng: Những hiêm họa mà vị [Tỳ-khưu] cân khác phục, cân ngự trị5 cân đè bẹp, cần trấn áp, cần chà đạp. “Mà vị Tỳ-khưu cần khắc phục chiing“ là như thế. ở các chỗ nằm ngồi xa vắng: ở nơi cuối cùng, ở nơi xa vắng, ở vùng ranh giới, hoặc ở rìa của núi dá, hoặc ở mép rừng, hoặc ở cuối sông, hoặc ở bờ nước, nơi không được cày bừa, không được gieo hạt, ở trú xứ vượt qua khỏi mép rừng không người lai vãng. "d các chỗ nằm ngồi xa v*ng" là như thế. Vì thế, Trưởng lão Sāriputta đã nói rằng: ỉ r r ^Đôi với vị đang? đi đên khu vực r chưa từng đi đên, CÓ bao nhiêu hiêm họa ở thê gian Mà vị Tỳ-khưu cần khắc phục chúng ơ các chô năm ngôi xa văng?" r ./.c 16.7. Đôi với vi này, cách thức nói năng nên là như thê nào? Đôi với vị này, hành xứ ở đây nên là như thê nào? Đổi với vị Tỳ-khưu có bản tánh cương quyết, Giới và phận sự [của vi này] nên là như thế nào? Đổi với vị này, cách thức nói năng nên là như thế nào? Là hỏi về sự thanh tinh của khẩu rằng: "Nên có cách thức nói năng như thế nào, được tồn tại thế nào, có kiểu cách gì, có biểu hiện gi?" Sự thanh tịnh của khẩu là thế nào? ở dây, vi Tỳ-khưu sau khi dứt bỏ việc nói dối, là người tránh xa việc nói dối, có lời nói chân thật, liên quan đến sự thật, chắc chắn, đáng tin, không dối gạt thế gian; sau khi dứt bỏ lời nói đâm thọc, là người tránh xa lời nói đâm thọc; sau khi nghe ở chỗ này, không là người nói lại ở chỗ kia nhằm chia rẽ những người này, hoặc là sau khi nghe ở chỗ kia, không là người nói lại cho những người này nhằm chia rẽ những người kia; như vậy là người kết hợp những kẻ đã bị chia rẽ, là người khuyến khích những kẻ hòa hợp, là người thỏa thích việc hợp nhất, thích thú việc hợp nhất, hân hoan việc hợp

nhất, là người nói lời tạo ra sự hợp

6 Bẩn sanh "Cái bát dầu" (Telapattcỳâtakarrỉ), số 96, TTPV, tập 32, trang 41, câu kệ 96. (ND)

nhất; sau khi dứt bỏ lời nói thô lỗ, là người tránh xa lời nói thô lỗ; lời nói nào là dịu ngọt, êm tai, đáng yêu, đi vào tim, tao nhã, làm đẹp lòng nhiều người, làm hợp ý nhiều người, là người nói lời có hình thức như thế. Sau khi dứt bỏ việc nói nhảm nhí, là người tránh xa việc nói nhảm nhí, là ngườd nói đúng thời, nói về sự thật, nói về mục dích, nói về Pháp, nói về Luật, là người nói lời có giá trị, hợp thời, có lý lẽ, có chủ đê, liên quan đên mục đích. Là người được thành tựu bốn thiện hạnh về khẩu, [vị ấy] nói lời nói tránh xa bốn sự sai trái, là vi đã tránh khỏi ba mươi hai việc nói phù phiếm, đã xa lánh, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã được rời ra5 đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, song với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. Là người nói vê mười đê tài nói chuyện, như là nói về ít ham muốn, nói về sự tự biết đủ, nói về viễn ly, nói về không giao du, nói về sự ra sức tinh tấn, nói về giới, nói về đinh, nói về tuệ, nói về giải thoát, nói vê sự biêt và thây vê giải thoát, nói vê sự thiêt lập niệm, nói vê chánh cân, nói vê nên tảng của thân thông, nói vê quyên, nói vê lực, nói vê yêu tô đưa đên giác ngộ, nói về Đạo, nói về Quả, nói về Niết-bàn; là người đã kiềm chế ở lời nói, đã cố sức, đã kiềm giữ, đã bảo vệ, đã gìn giữ, đã hộ trì, đã thu thúc. í6Đổi với vị này, cách thức nói năng nên là như thế nào?" là như thế. Đối với vi này, hành xứ ờ đây nên là như thế nào? Là hỏi về hành xứ rằng: "Nên có hành xứ như thế nào, được tồn tại thế nào, có kiểu cách gì, có biểu hiện gi?" Có nơi là hành xứ, có nơi là không phải hành xứ. Nơi không phải hành xứ là nơi nào? ở đây, một vị [Tỳ"khưu] nào đó có kỹ nữ là hành xứ, hoặc có góa phụ là hành xứ, hoặc có gái lỡ thời là hành xứ, hoặc có người vô căn là hành xứ, hoặc có Tỳ-khưu-ni là hành xứ, hoặc có quán rượu là hành xứ, sống gắn bó với các vị vua, với các quan đại thần của vua, với các ngoại đạo, với các đệ tử của ngoại đạo bang sự kết giao không thích hợp. Hoặc hơn nữa, những gia đình nào là không có đức tin, không tịnh tín, không như là giếng nước, là những kẻ sỉ vả, là những kẻ chê bai, là những kẻ không mong muốn điều tốt dẹp, không mong muốn điều lợi ích, không mong muốn sự thoải mái, không mong muốn sự an toàn trong mối ràng buộc đối với các vi Tỳ-khưu, đôi với các vị Tỳ-khiru-ni, đôi với các cận sự nam, đôi với các cận sự nữ; vi ấy phục vụ, thân cận, gần gũi các gia đình có hình thức như thế. Điều này được gọi là ùiông phải hành xứ. Hoặc là, khi đã vào đến xóm nhà, lúc đi theo con đường, vị [Tỳ-khưu] đi không thu thúc: Vị ây vừa đi vừa nhìn voi, nhìn ngựa, nhìn xe, nhìn người đi bộ, nhìn các phụ nữ, nhìn các nam nhân, nhìn các cô gái, nhìn các cậu trai, nhìn các cửa tiệm, nhìn mặt tiền của các căn nhà, nhìn lên, nhìn xuống, nhìn xem hướng chính hướng phụ. Điều này được gọi là không phải hành xứ. Hoặc là, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, vị ấy có sự nắm giữ hình tướng, có sự nam giữ chi tiết. Do nguyên nhân nào mà vị ấy... (nt)... có ý quyên không được thu thúc trong khi sông, khiên các sự tham đắm, ưu phiền, các ác bất thiện pháp có thể xâm nhập; vị ấy không thực hành sự thu thúc đối

với nguyên nhân ấy, không hộ trì nhãn quyền, không tiến hành sự thu thúc ở ý quyền. Điều này được gọi là không phải hành xứ. Hoặc hơn nữa, một số Tôn giả Sa-môn và Bà-la-môn, sau khi thọ thực các bữa ăn được bố thí do đức tin, các vị ấy lại sống, đeo đuổi việc xem trình diễn có hình thức như vầy: Tức là múa, hát, đờn, vũ hội, nghe kể chuyện, vỗ tay theo nhịp, đánh chiêng, đánh trống, biểu diễn thời trang, trò chơi với banh sắt, trò tung hứng tre, lê bóc mộ, đâu voi, đâu ngựa, đâu trâu, đâu bò mộng, đâu bò đực, đấu dê, đấu cừu, đấu gà, đấu chim cút, đấu gậy, đánh bốc, đấu vật, tập trận, dàn quân, đóng quân, xem sự điều quân, hoặc là như thạẽởửệàTìèỄHàxxTửệậ?àyãôôàq?ệãẩựôôà

Điều này được gọi là hành xứ. Hoặc hơn nữa, một số Tôn giả Sa-môn và Bà- la-môn5 sau khi thọ thực các bữa ăn được bố thí do đức tin, rồi sống không đeo đuổi việc xem trình diễn có hình thức như vầy; tức là múa, hát, dờn,...(nt)... xem sự điều quân, hoặc là như thế. Vị ấy tránh xa việc xem trình diễn có hình thức như thế ẩy. Điều này được gọi là hành xứ. Bốn sự thiết lập niệm cũng là hành xứ. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, các ngươi hãy du hành ở hành xứ, ở lãnh vực thuộc về người cha của mình. Này các Tỳ-khưu, đối với người đang du hành ở hành xứ, ở lãnh vực thuộc về người cha của mình, Ma vương sẽ không có được cơ hội, Ma vương sẽ không có được đối tượng. Và này các Tỳ-khưu5 đối với vị Tỳ- khưu, cái gì là hành xứ, là lãnh vực thuộc về người cha của mình? Tức là bốn sự thiết lập niệm. Bốn là gì? Này các Tỳ-khưu, ở đây vị Tỳ-khiru sống có sự quan sát thân trên thân,... (nt)... trên các thọ,... (nt)... trên tâm, sống có sự quan sát pháp trên các pháp, có nhiệt tâm, có sự nhận biết rõ rệt, có niệm, sau khi đã loại trừ tham đắm và ưu phiền ở thế gian. Này các Tỳ-khxru, đối với vị Tỳ-khưu, nơi này là hành xứ, là lãnh vực thuộc về người cha của mình. Điều này cũng được gọi là hành xứ. Nên là vị thành tựu hành xứ tương tự như thế này.,, uĐối với vị này, hành xứ ở đây nên là như thế nào?" là như thế. Giới và phận sự nên là như thế nào? Nên là vị có giới và phận sự như thế nào? Là hỏi về sự thanh tinh của giới và phận sự được tồn tại thế nào, có kiểu cách gì, có biểu hiện gì? Sự thanh tịnh của giới và phận sự là việc gì? Có việc là giới và còn là phận sự, có việc là phận sự mà không phải là gi&i. Việc nào là giới và còn là phận sự? ơ dây, vi Tỳ-khưu là người có giới, sông thu thúc với sự thu thúc trong Giới bổn (Pâtỉmokkhă), thành tựu về hạnh kiểm và hành xứ, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành trong các điều học. Việc nào, trong trường hợp ấy5 là sự tự chế ngự, sự thu thúc, sự không vi phạm, việc này là giới. Cái nào là sự thọ trì, cái ấy là phận sự. Giới với ý nghĩa thu thúc, phận sự với ý nghĩa thọ trì. Việc này được gọi là giới và còn là phận sự. Việc nào là phận sự mà không phải là giới? Tám pháp từ khước: Pháp của vị ngụ ở rừng, pháp của vi chuyên đi khát thực, pháp của vi chỉ mặc y may băng vải bi quăng bỏ, pháp của vị chỉ sử dụng ba y, pháp của vị đi khát thực tuần tự theo từng nhà, pháp của vi không ăn vật

Vị ra sức và xác định tâm răng: "Khi mũi tên tham ái chưa được nhô lên, ta sẽ không ăn, ta sẽ không uống, ta không đi ra khỏi trú xá, ta cũng sẽ không nằm xuống một bên hông,5; việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy cũng được gọi là phận sự mà không phải là giới. Vi ra sức và xác định tâm rằng: “Ta sẽ không lìa khỏi tư thế kiết-già này cho đến khi nào tâm của ta còn chưa giải thoát khỏi các lậu hoặc không còn chấp thủ” việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy được gọi là phận sự mà không phải là giới. Vị ra sức và xác đinh tâm rằng: "Ta sẽ không đứng dậy khỏi chỗ ngồi, ta sẽ không bước khỏi đường kinh hành, ta sẽ không rời khỏi trú xá, ta sẽ không rời khỏi nhà một mái, ta sẽ không rời khỏi tòa lâu đài, ta sẽ không rời khỏi tòa nhà dài, ta sẽ không rời khỏi hang động, ta sẽ không rời khỏi thạch thất, ta sẽ không rời khỏi cốc liêu, ta sẽ không rời khỏi nhà mái nhọn, ta sẽ không rời khỏi chòi canh, ta sẽ không rời khỏi ngôi nhà tròn, ta sẽ không rời khỏi căn lều, ta sẽ không rời khỏi hội trường, ta sẽ không rời khỏi mái che, ta sẽ không rời khỏi gốc cây này cho đến khi nào tâm của ta còn chưa giải thoát khỏi các lậu hoặc không còn chấp thủ^,; việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy được gọi là phận sự mà không phải là giới. Vi ra sức và xác định tâm rằng: "Ta sẽ đem lại, ta sẽ hoàn tất, ta sẽ chứng đắc, ta sẽ chạm đến, ta sẽ chứng ngộ Thánh pháp ngay trong buổi sáng này"; việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy được gọi là phận sự mà không phải là giới. Vị ra sức và xác định tâm rằng: "Ta sẽ đem lại, ta sẽ hoàn tất, ta sẽ chứng đắc, ta sẽ chạm đến, ta sẽ chứng ngộ Thánh pháp ngay trong buổi trưa... trong buổi chiều... trước bữa ăn... sau bữa ăn... vào canh đầu.. vào canh giữa... vào canh cuối... vào hậu bán nguyệt... vào tiền bán nguyệt... vào mùa mưa... vào mùa lạnh... vào mùa nóng... ở chặng đau của tuổi thọ... ở chặng giữa của tuổi thọ... ở chặng cuối của tuổi thọ này” việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy cũng được gọi là phận sự mà không phải là giới. Điều này là sự thanh tịnh của giới và phận sự. Nên là vị thành tựu sự thanh tịnh của giới và phận sự như the này. “Giới và phận sự nên là như thế nào?,^ là như thế. X,.. ,7, L Đoi với vị Tỳ-khưu có bản tánh cương quyết. Đối với vi có bản tánh cương quyết: Đối với vị có sự ra sức tinh tấn, có sự dõng mãnh, có sự nỗ lực vững chãi, không buông bỏ mong muốn, không buông bỏ bổn phận trong các thiện pháp. Hoặc là, đối với vị tự mình đã dấn thân, vì mục đích của việc ấy mà vị [Tỳ-khưu] đã dấn thân [nhằm thấu triệt] về mục đích của bản thân [A-la-hán quả], về cách thức [Thánh đạo], về tướng trạng, về nguyên nhân, về tính chất hợp lý hay không hợp lý; đối với vi tự mình đã dấn thân [nhằm thấu triệt]: “Tất cả các hành là vô thương^,; đối với vị tự mình đã dấn thân [nhằm thấu triệt]: 'Tất cả các hành là kh6"; đối với vị tự mình đã dấn thân [nhằm thấu triệt]: "Tất cả các pháp là vô ng"đối với vị tự mình đã dấn thân [nhằm thấu triệt]: “V6 minh duyên cho các hành“.. (nt)... đối với vi tự mình đã dấn thân [nhằm thấu triệt]: “Sanh duyên cho lão, tử"; đối với vị

tự mình đã dấn thân [nhằm thấu triệt]: “Do sự diệt tận của vô minh [đưa đến] sự diệt tận của các hành”;..(nt)... đối với vị tự mình đã dấn thân [nhằm thấu triệt]: "Do sụ* diệt tận của sanh [đưa đến] sự diệt tận của lão, tử^; đối với vi tự mình đã dấn thân [nhằm thấu triệt]: "Dây là kh6"...(nt)..đối với vị tự mình đã dấn thân [nhằm thấu triệt]: "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ,9; đối với vị tự mình đã dấn than

[nhằm thấu triệt]: "Đây là các lậu hoặc"... (nt)... đối với vị tự mình đã dấn thân [nhằm thấu triệt]: "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc^; đối với vị tự mình đã dấn thân [nhằm thấu triệt]: "Các pháp này cần được biết..(nt)... đối với vị tự mình đã dấn thân [nhằm thấu triệt]: “Các pháp này cần được chứng DgO"; đối với vị tự mình đã dấn thân [nhằm thấu triệt] nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi, sự thoát ra đối với sáu xúc xứ; đối với vị tự mình đã dấn thân [nhằm thấu ứiệt] nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi, sự thoát ra đối với năm thủ uẩn;... (nt).. đối với bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió]; đối với vị tự mình đã dấn thân [nhằm thấu triệt]: "Điều gì có bản tánh được sanh lên? toàn bộ điều ấy đều có ban tánh hoại diệt. Đối vói vi Tỳ-khưu: Đối với vị Tỳ-khưu phàm nhân tốt lành, hoặc đối với vị Tỳ-khưu là bậc Hữu học. "Đối với vị Tỳ-khưu có bản tánh cương quyết” là như thế. Vì thế, Trưởng lão Sāriputta đã nói rằng: ^Đối với vỉ này, cách thức nói năng nên là như thế nào? Đối với vỉ này, hành xứ ở đây nên là như the nào? Đoi với vị Tỳ-khưu có bản tánh cương quyết, giới và phận sự [của vỉ này] nên là như the nào?"

16.8 Vỉ ấy sau khỉ thọ trì việc học tập gì, Mới có sự chuyên nhất [của tâm], chỉn chan, có niệm, Có the loại bỏ bụi bặm [ô nhiễm] của bản thân, Vỉ như người thợ kim hoàn có thế loại bỏ cảu ban của bạc? Vi ấy sau khi thọ trì việc học tập gì: Vị ấy sau khi nhận lấy, sau khi thọ trì, sau khi nhận lấy cho mình, sau khi thọ trì cho mình, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt việc học tập gì. "Vị ấy sau khi thọ trì việc học tập gi" là như thế. Mới có sự chuyên nhất [của tâm], chín chắn, có niệm. Có sự chuyên nhất: Có tâm được nhất điểm, có tâm không bị tản mạn, có tâm ý không bi phân tán, có sự vắng lặng, có định quyền, có định (nt)... có chánh đinh. Chín chắn: Chín chắn là sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh. Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,... (nt)... trên các thọ,... (nt)... trên tâm, có niệm

trong khi tu tập sự thiết lập niệm trên việc quan sát pháp ở các pháp; vi ấy được gọi la có niệm. "Có niệm,^ là như thế. Vi ấy sau khi thọ trì việc học tập gì: Là hỏi đến việc học tập về thắng giới. Có sự chuyên nhất: Là hỏi đến việc học tập về thắng tâm. Chín chắn: Là hỏi đến việc học tập về thắng tuệ. Có niệm: • Là hỏi về sự• thanh tịnh. • ấy sau khi thọ trì việc học tập gì, mới có sự chuyên nhất [của tâm], chín chắn, có em" là như thế. Có thể loại bỏ bụi bặm [ô nhiễm] của bản thân, ví như người thợ kim hoàn có thể loại bỏ cáu bẩn của bạc: Người thợ kim hoàn nói đến người thợ vang; bạc noi đến vàng. Giống như người thợ vàng loại ra, loại trừ, loại bỏ cáu bẩn thô thiển của vàng; loại ra, loại trừ, loại bỏ cáu bẩn hạng trung của vàng; loại ra, loại trừ, loại bỏ cáu bẩn vi tế cùa vàng; tương tự như vậy, vị Tỳ-khiru loại ra, loại trừ, loại bỏ, dứt bỏ, xua đi, làm châm dứt, làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm thô thiển của bản thân; ... các ô nhiễm trung bình của bản thân; loại ra, loại trừ, loại bỏ, dứt bỏ, xua đi, làm châm dứt, làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm vi tế của bản thân. Hoặc là, vị Tỳ-khưu loại ra, loại trừ, loại bỏ, dứt bỏ, xua di, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu bụi bặm luyến ái, bụi bặm sân hận, bụi bặm si mê, bụi bặm ngã mạn, bụi bặm tà kiến, bụi bặm do ô

nhiễm, bụi bặm do uế hạnh, sự tạo ra tăm tối, sự làm cho mù mắt, sự tạo ra vô trí, sự diệt tận tuệ, đem đến sự buồn phiền, không vận hành đến Niết-bàn. Hoặc là, vi ấy loại ra, loại trừ, loại bỏ, dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu tà kiến nhờ vào chánh kiến... tà tư duy nhờ vào chánh tư duy... tà ngữ nhờ vào chánh ngữ... tà nghiệp nhờ vào chánh nghiệp... tà mạng nhờ vào chánh mạng... tà tinh tấn nhờ vào chánh tinh tấn... tà niệm nhờ vào chánh niệm... tà định nhờ vào chánh định... tà trí nhờ vào chánh trí... loại ra, loại trừ, loại bỏ, dứt bỏ, xua di, làm cham dứt, làm cho không còn hiện hữu tà giải thoát nhờ vào chánh giải thoát. Hoặc là, vi ấy loại ra, loại trừ, loại bỏ? dứt bỏ5 xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu tát cả ô nhiêm, tát cả uê hạnh, mọi sự lo lăng, mọi sự bực bội, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện nhờ vào đạo lộ Thánh thiện tám chi phần. "Có thể loại bỏ bụi bặm [ô nhiễm] của bản thân, ví như người thợ kim hoàn có thể loại bỏ cáu bẩn của b" là như thế. Vì thế, Trưởng lão Sāriputta đã nói rằng: r "Vị ây sau khỉ thọ trì việc học tập gì, : r

Mới có sự chuyên nhát [của tâm], chỉn chăn, có niệm, Có thế loại bỏ bụi bặm [ô nhiễm] của bản thân, Ví như người thợ kim hoàn có thê loại bỏ cáu bân của bạc?"

16.9. [Đức Phật nói: (iNay Sāriputta] Ta sẽ tuyên thuyết cho ngươi về điều ấy theo như Ta nhận biết, Tức là sự thoải mải [an trú] dành cho vị nhơm gớm [sanh, già, Cho vỉ thật sự đang thăn cận chỗ ngồi nằm trống vắng, Có sự mong muốn quả vỉ giác ngộ thuận theo giảo pháp," Tức là sự thoải mái [an trú] dành cho vi nhòm gớm. Dành cho vi nhòm gớm: Dành cho vị đang nhơm gớm với sanh,... với già,... với bệnh,... với chết,... với các sự sầu-bi-khổ-iru-não; dành cho vi đang nhơm gớm với khổ do sự tổn hại ve kiến thức, dành cho vị đang bị phiền phức, dành cho vi đang chán nản. "Dành cho vi nhơm gớm" là như thế. Tức là sự thoải mái: Điều gì là sự thoải mái, là sự an trú thoải mái, Ta sẽ thuyết về điều ấy. Sự an trú thoải mái là điều nào? Sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, việc làm đầy đủ các giới, việc phòng vệ các giác quan, việc biết chừng mực về vật thực, sự luyện tập về tỉnh thức, niệm và sự nhận biết rõ, bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thân thông, năm quyên, năm lực, bảy yêu tô đưa đên ệiác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn và sự thực hành đưa đên Niêt-bàn; điều này là sự an trú thoải mái. "Tức là sự thoải mái [an tru] dành cho vị nhơm gớm,, là như thế. Sāriputta: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Trưởng lão ấy bằng tên. Đức Thế Tôn: Là từ ximg hô với sự tôn kính. Thêm nữa, “vj có luyến ái đã được phá v" là đức Thế Tôn; "vj có sân hận đã được phá v&" là đức Thế Tôn; có si mê đã được phá vỡy là đức Thế Tôn; “vj có ngã mạn đã được phá v&” là đức Thế Tôn; “vj có tà kiến đã được phá v'là đức Thế Tôn; có cây gai đã được phá v&" là đức Thế Tôn; uvị có ô nhiễm đã được phá v&" là đức Thế Tôn; đã phân phát, đã phân chia, đã phân^hối Pháp bảo" là đức Thế Tôn; "vị thực hiện sự chấm dứt các hữu" là đức The Tôn; “vj có thân đã được tu tập, có giới đã được tu tập, có tâm đã được tu tập, có tuệ đã được tu tập” là đức Thế Tôn; đã thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ tru ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích

hợp cho việc thiền tjnh" là đức Thế Tôn; có dự phần hoặc sở hữu về y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh95 là đức Thế Tôn; "vj có dự phần hoặc sở hữu về vị của mục đích, về vị củaj)háp, về vị của giải thoát, về thắng giới, về thắng tâm, về thắng tuệ,9 là đức The Tôn; uvị có dự phần hoặc sở hữu ve bốn thiền, về bốn vô lượng [tâm], về bốn sự thể nhập vo sc" là đức Thế Ton; có dự phần hoặc sở hữu về tám giải thoát, về tám thắng xứ [của thiền], về chín sự thể nhập và an trú theo tuần "là đức Thế Tôn; "vj có dự phần hoặc sở hữu về mười sự tu tập về tưởng, về mười sự thể nhập các đề mục kasina. về định niệm hơi thở vào hơi thở ra, về sự thể nhập các đề mục tử thi" là đức Thế Tôn; "vj có dự phần hoặc sở hữu về bốn sự thiet

lập niệm, bôn chánh cân, bôn nên tảng của thân thông, năm quyên, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần" là đức Thế Tôn; "vj có dự phần hoặc sở hữu về mười Như Lai lực, về bôn pháp tự tin, về bốn tuệ phân tích, về sáu thắng trí, về sáu pháp của đức Phật59 là đức Thế Tôn. Tên gọi "Thế T6rT này không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh [em] trai tạo ra, không do chị [em] gái tạo ra, không do bạn bè hoặc thân hữu tạo ra, không do các thân quyến và những người cùng huyết thống tạo ra? không do các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra, sự tận cùng của giải thoát này là sự quy đinh thuộc ve chư Phật The Tôn do sự đạt được, do sự chứng ngộ trí Toàn tri ở cội cây Bồ-đề, tức là "đức Thế T6n." "Bức Thế Tôn đã nói rằng: Này Sāriputta^^ là như thế. Cho vi thật sự đang thân cận cho ngôi năm trông văng: Chô ngôi nói đến nơi nào vị ấy ngôi xuống, là cái ệiường, cái ghê, nệm, thảm đan, tâm da thú, thảm cỏ, thảm lá, thảm rơm. Chỗ năm nói đên chô ngụ: Trú xá, nhà một mái, tòa lâu đài, tòa nhà dài, hang động. Chô năm ngôi ây là trông văng, tách biệt, tách rời với việc thấy các cảnh sắc không thích hợp, với việc nghe các âm thanh không thích họp,... (nt).. là trống vắng, tách biệt, tách rời với năm loại dục không thích hợp; đối với vị dang phục vụ, đang phục dịch, đang kề cận, đang sử dụng chỗ ngoi nằm tách biệt ấy. "Cho vị thật sự đang thân cận chô ngôi năm trông văng,, là như thê. [Cho vi] có sự mong muốn quả vi giác ngộ thuận theo giáo pháp. Quả vi giác ngộ: Nói đến trí [ở bốn đạo], tuệ, tuệ ạuyền, tuệ lực,... (nt)... trạch pháp giác chi, sự thẩm xét, sự thấy rõ, chánh kiến ở bốn đạo. Dành cho vị đang giác ngộ [Sơ dạo], đang giác ngO [Nhi đạo], đang giác ngộ [Tam đạo], đang giác ngộ [Tứ đạo], đang chứng đăc, đang chạm đến, đang chứng ngộ quả vị giác ngộ ấy. "[Cho vị] có sự mong muốn quả vị giác ngộ,5 là như thế. Thuận theo giáo pháp: Những thuận pháp đưa đến giác ngộ là những pháp nào? Sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, việc làm đầy đủ các giới, việc phòng vệ các giác quan, việc biết chừng mực về vật thực, sự luyện tập về tỉnh thức, niệm và sự nhận biết rõ; các pháp này là những thuận pháp đưa đến giác ngộ. Hoặc là, sự thấy rõ các phần trước đó đối với bôn đạo; các pháp này gọi là những thuận pháp đưa đên giác ngộ. "C6 sự mong muốn quả vị giác ngộ thuận theo giáo pháp" là như thế. Ta sẽ tuyên thuyết cho ngươi về điều ấy theo như Ta nhận biết. Điều ấy: Là thuận pháp đưa đến giác ngộ. Ta sẽ tuyên thuyết: Ta sẽ tuyên thuyết, Ta sẽ nêu ra, Ta sẽ chỉ bảo, Ta sẽ thông báo, Ta sẽ ấn định, Ta sẽ khai mở, Ta sẽ chia sẻ, Ta sẽ làm rõ, Ta sẽ bày tỏ.

Theo như Ta nhận biết: Theo như Ta nhận biết là theo như Ta đang nhận biết, đang hiểu biết, đang nhận thức, đang thừa nhận, đang thấu triệt, không do

nghe lời đồn đãi, không do nghe nói như thế, không do sự truyền thừa, không do sự thành tựu của việc thu thập kiên thức, không do nhân suy nghĩ, không do nhân suy luận, không do suy đoán theo biểu hiện, không do sự suy xét và chấp nhận về quan điểm, Ta sẽ thuyết giảng cho ngươi pháp đã được chính bản thân biết rõ, đã được tự thân quán xét. “Ta sẽ tuyên thuyết cho ngươi về điều ấy theo như Ta nhận biết” là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng: [Đức Phật• nói: "Này / Sāriputta] r r Ta sẽ tuyên thuyết cho ngươi vê điêu áy theo như Ta nhận biêt, Tức là sự thoải mải [an trú] dành cho vỉ nhơm gớm [sanh, già, Cho vi thật sự đang thân cận cho ngoi nam trong vang, Có sự mong muốn quả vị giác ngộ thuận theo giáo pháp.

16.10. Vị Tỳ-khưu, sảng trí, có niệm, sông trong khuôn khô, không nên sợ hãi đoi với năm điều sợ hãi: Đoi với các loài nhặng và loài mòng, đoi với các loài bò trườn, đoi với các sự va chạm với con người, đoi với các loài bon chân. Vi sáng trí không nên sợ hãi đôi với năm điêu sợ hãi. Vi sáng trí: Vị sáng trí, sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh, anh hùng thì không nên sợ hãi, không nên run sợ, không nên kinh sợ, không nên khiếp sợ, không nên hoảng sợ, không nên rơi vào sự kinh sợ đối với năm điều sợ hãi; nên có tánh không nhút nhát, không kinh hãi, không sợ sệt, không trốn chạy, nên sống có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rởn lông đã được xa lìa. sáng trí không nên sợ hãi đối với năm điều sợ hi” là như thế. Vi Tỳ-khưu có niệm, sống trong khuôn khổ. Vi Tỳ-khưu: Là vi Tỳ-khưu phàm nhân tốt lành hoặc vị Tỳ-khưu là bậc Hữu học. Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,...(nt)... trên các thọ?... (nt)... trên tâm, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát pháp trên các pháp; vị ấy được gọi là có niệm. Sống trong khuôn khổ: Có bốn khuôn khổ: Khuôn khổ của sự thu thúc về giới, khuôn khổ của sự thu thúc các giác quan, khuôn khổ của việc biết chừng mực về vật thực, khuôn khổ của sự luyện tập về tỉnh thức. Khuôn khổ của sự thu thúc về giới là điều gì? ở đây, vị Tỳ-khưu là vi có giới, sông thu thúc với sự thu thúc của Giới bôn (JPātimokkhā), thành tựu vê hạnh kiểm và hành xứ, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành trong các điều học. Trong khi quán xét trạng thái ghê tởm ở nội tâm, vị ấy sống

1 i Ả 7 , .'•q H . A trong khuôn khô của sự thu thúc vê giới ở nội tâm, không phá vỡ ranh giới; điêu này là khuôn khổ của sự thu thúc về giới. Khuôn khổ của sự thu thúc các giác quan là điều gì? ở đây, vi Tỳ-khưu? . M r y . r , r • , sau khi nhìn thây cảnh sác băng mát, vị ây không có sự năm giữ hình tướng, không có sự năm giữ chi tiêt. Do nguyên nhân nào mà vị ây... (nt)... tiên hành sự thu thúc ở nhãn quyền. Sau khi nghe âm thanh bằng tai,... (nt)... Sau khi ngửi hương băng mũi,... (nt)... Sau khi nêm vi băng lưỡi,(nt)... Sau khi xúc chạm bằng thân,...(nt).. Sau khi nhận thức pháp bằng

ý, vị ấy không có sự năm giữ hình tướng, không có sự năm giữ chi tiêt. Do nguyên nhân nào mà vị ấy, trong khi sống, có nhãn quyền không được thu thúc, khiến các sự tham đắm, mi phiền, các ác bất thiện pháp có thể xâm nhập; vị ấy thực hành sự thu thúc đối với nguyên nhân ây, hộ trì nhãn quyên, tiên hành sự thu thúc ở ý quyên. Trong khi quán xét bài giảng vê "Bi cháy rực", vị ây sông trong khuôn khô của sự thu thúc các giác quan thuộc nội phần, không phá vỡ ranh giới; điều này là khuôn khổ của sự thu thúc các giác quan. Khuôn khổ của việc biết chừng mực về vật thực là điều gì? ở đây, vị Tỳ- khưu suy xét đúng đắn rồi mới thọ dụng vật thực: "Không vì vui đùa, không vì đam mê, không vì việc trang sức, không vì việc diêm tô, mà chỉ đê duy trì thân này, để nuôi sống, để ngăn sự hư hoại, để nâng đỡ Phạm hạnh, như thế ta diệt trừ cảm thọ cũ và không làm sanh khởi cảm thọ mới. Ta sẽ có được sự tồn tại, sự không lầm lỗi và sự sống được thoải mái.^, Trong khi quán xét ví dụ về việc nhỏ dầu ở trục xe, việc bôi thuốc ở vết thương và thịt của đứa con trai; vị ấy sống trong khuôn khổ của việc biết chừng mực về vật thực, không phá vỡ ranh giới; điêu này là khuôn khô của việc biêt chừng mực vê vật thực. Khuôn khổ của sự luyện tập về tỉnh thức là điều gì? ở đây, vị Tỳ-khưu vào ban ngày làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bằng việc kinh hành, 5 y băng việc ngôi; vào ban đêm trong canh đâu làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bằng việc kinh hành, bằng việc ngồi; vào ban đêm trong canh giữa áp dụng thế nằm của sư tử bằng sườn bên phải, đặt bàn chân chồng lên bàn chân, có niệm, có sự nhận biêt rõ? chú tâm đên ý tưởng của việc thức dậy; vào ban đêm trong canh cuối sau khi thức dậy, làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bằng việc kinh hành, bằng việc ngồi. Trong khi quán xét việc an tru một đêm làm người hiên, vị ây sông trong khuôn khô của sự luyện tập vê tỉnh thức, không phá vỡ ranh giới; điêu này là khuôn khô của sự luyện tập vê tỉnh thức. "Vị Tỳ-khiru có niệm, sống trong khuôn kh6“ là như thế. Đối vói các loài nhặng và loài mòng, đối với các loài bò trườn. Loài nhặng: Nói đến các con ruồi nâu. Loài mòng: Nói đến tất cả các loài ruồi. Vì lý do gì mà loài mòng là nói đến

7 Xem Tạng Luật, Đại phẩm l, TTPV, tập 4, trang 73. (ND)

tát cả các loài ruồi? Chúng bay lên đáp xuông roi căn; vì lý do ây9 loài mòng là nói đến tất cả các loài ruồi. Các loài bò trườn: Nói đến loài rắn. "Đối với các loài nhặng và loài mòng, đối với các loài bò trườn" là như thế. Đối với các sự va chạm với con ngirời, đối với các loài bổn chân: Các sự va chạm với con người nói đen có the là các kẻ cướp, hoặc là những kẻ tàn bạo có hành động gây sự hoặc chưa có hành động gây sự. Chúng có thể hỏi vị Tỳ-khiru câu hỏi, hoặc có thể lên án học thuyết, có thể sỉ vả, có thể chê bai, có thê gây khó chịu, có thê gây bực minh, có thê gây tôn hại, có thê hãm hại, có thể quấy rối, có thể ức hiếp, có thể hủy hoại, có thể phá hại, hoặc có thể gây nên sự phá hại. Bất cứ sự phá hại nào từ con người là sự va chạm với con người. Đối với các loài bốn chân: Là các con sư tử, hổ, báo, gấu, chó rừng, chó sói, trâu rừng, voi. Chúng có the chà đạp vị Tỳ-khiru, có the nhai nghiến, có the gây tổn hại, có thể hãm hại, có thể quấy rối, có thể ức hiếp, có thể hủy hoại, co thê phá hại, hoặc có thể gây nên sự phá hại. Sự phá hại từ

loài bốn chân là bất cứ sự sợ hãi nào do loài bon chân [tạo ra]. uĐối với các sự va chạm với con người, đối với các loài bốn chan" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: “ Tỳ-khưu, sáng trí, có niệm, sống trong khuôn khổ, không nên sợ hãi đối với năm điều sợ hãi: Đối với các loài nhặng và loài mòng, đối với các loài bò trườn, đoi với các sự va chạm với con người, đoi với các loài bon chân."

16.11. Cũng không nên kinh sợ đổi với những kẻ theo các giáo phái khác, ngay cả sau khỉ nhìn thấy nhiêu điêu khiếp đảm của họ. Và vi tầm cầu điều tốt đẹp còn phải khắc phục những hiểm họa khác nữa. Cũng không nên kinh sợ đối vói những kẻ theo các giáo phái khác, ngay cả sau khi nhìn thấy nhiều điều khiếp đăm của họ: Những kẻ theo các giáo phái khác nói đến những người nào không tịnh tín với đức Phật, Giáo pháp và Tăng chúng, trừ ra bảy hạng người đồng đạo. Họ có thể hỏi vị Tỳ-khưu câu hỏi, hoặc có thể lên án học thuyết, có thể sỉ vả, có thể chê bai, có thể gây khó chịu, eo thê gây bực mình, có thê gây tôn hại, có thê hãm hại, có thê quây roi, có thể ức hiếp, có thể hủy hoại, có thể phá hại, hoặc có thể gây nên sự phá hại. Sau khi nhìn thấy, hoặc sau khi nghe nhiều điều khiếp đảm của họ thì không nên run rẩy, không nên chấn động, không nên rúng động, không nên run sợ, không nên kinh SỢT, không nên khiếp sợ, không nên hoảng sợ, không nên sợ hãi, không nên rơi vào sự kinh SỢT, nên có tánh không nhút nhát, không kinh hãi, không sợ sệt? không trốn chạy; [vị Tỳ-khưu] nên sống có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rởn lông đã được xa lìa. "Cũng không nên kinh sợ đối với những kẻ theo các giáo phái khác, ngay cả sau khi nhìn thấy nhiều điều khiếp đảm của h" là như thế.

ĐẠI DIỄN GIẢI 403

Và vi tầm cầu điều tốt đẹp còn phải khắc phục những hiểm họa khác nữa: Và còn có những việc khác nữa cần phải được kiềm chế, cần phải được ngự trị, cần phải được đè bẹp, cần phải được trấn áp, cần phải được chà đạp. Những hiểm họa: Có hai loại hiểm họa: Hiểm họa hiển hiện và hiểm họa khuất lấp.... (nt).. Các hiểm họa bởi vì "noi ấy là chỗ trú" còn là như vậy. Vi tầm cầu điều tốt đẹp: Có những hiểm họa cần phải được kiềm chế, cần phải được ngự tri, cần phải được đè bẹp, cần phải được trấn áp, cần phải được chà đạp bởi vi đang tầm cầu, bởi vị đang tìm tòi, bởi vi đang tìm kiếm sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích,..(nt)... đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn và sự thực hành đưa đến Niết-bàn. "Và vị tầm cầu điều tốt đẹp còn phải khắc phục những hiểm họa khác nữa,, là như thế. -TT\ J1 Á rp-l Ấ rp/\ r • w Vì the, đức The Tôn đã noi răng: “Cang không nên kinh sợ đổi với những kẻ theo các giáo phái khác, ngay cả sau khi nhìn thấy nhiều điều khiếp đảm của họ, Và vị tầm cầu điều tốt đẹp còn phải khắc phục những hiểm họa khác nữa."

16.12. Bỉ tác động bởi sự xúc chạm của bệnh tật, của cơn đói, Nên chiu đựng sự lạnh, rồi sự nóng. Bi tác động bởi những việc ấy theo nhiều cách, vi ấy, bậc không trủ xứ, Nên the hiện sự no lực tỉnh tan một cách vững chãi. Bi tác động bởi sự xúc chạm của bệnh tật, của cơn đói: Sự xúc chạm của bệnh tật nói đến sự xúc chạm của cơn bệnh. Có thể là bị xúc chạm, bị chế ngự, bi xâm nhập. bi sở hữu bởi sự xúc chạm của cơn bệnh;

có thể là bi xúc chạm. bi chế ngự, bị xâm nhập, bi sở hữu bởi cơn bệnh ở mắt; có thể là bi xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi cơn bệnh ở tai;... bởi cơn bệnh ở mũi;.. bởi cơn bệnh ở lưỡi;... bởi cơn bệnh ở thân;.. bởi các sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát. Cơn đói: Nói đên sự thiêu ăn. Có thê là bị xúc chạm, bị chê ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi sự thiếu ăn. "B j tác động bởi sự xúc chạm của bệnh tật, của cơn d6i" là như thế. Nên chiu đựng sự lạnh, rồi sự nóng. Sự lạnh: Bị lạnh là bởi hai lý do: Bi lạnh do tác động của sự rối loạn của thủy đại ở bên trong [cơ thể], hoặc bi lạnh do tác động của thời tiết ở bên ngoài. Sự nóng: Bị nóng bởi hai lý do: Bị nóng do tác động của sự rối loạn của hỏa đại ở bên trong [cơ thể], hoặc bị nóng do tác động của thời tiết ở bên ngoài. “Sịt nong, rồi sự lạnh55 là như thế. Nên chịu đựng: Nên kham nhân đôi với sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát,

các Sự XÚC chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát; nên là người có bản tánh chịu đựng đối với các lối nói lăng mạ công kích, đối với các cảm thọ khổ đau, sắc bén, khốc liệt, nhức nhối, không thích thú, không hợp ý, chết người, thuộc về cơ thể đã sanh khởi. uNên chiu đựng sự lạnh, rồi sự n6ng" là như thế. Bị tác động bỏi những việc ây theo nhiêu cách, vi ây, bậc không trú xứ. Vị ấy, bỏi những việc ấy: Là bi xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bi sở hữu bởi sự xúc chạm của cơn bệnh, bởi cơn đói, bởi sự lạnh và bởi sự nóng. ấy, bi tác động bởi những việc ấy" là như thế. Theo nhiêu cách: Là bi xúc chạm, bi chê ngự, bị xâm nhập, bi sở hữu bởi những biểu hiện theo nhiều cách thức. ấy, bi tác động bởi những việc ấy theo nhiều cWch“ là như thế. Bậc không trú xứ: Là vi không tạo ra cơ hội cho tâm thức đồng sanh với các sự tạo tác. "Bậc không tru xứ" là như thế. Hoặc là, vị không tạo ra cơ hội cho uế hạnh về thân, uế hạnh về khẩu, uế hạnh về ý. C6Bậc không trú xứ" còn là như thế. tác động bởi những việc ấy theo nhiều cách, vi ấy, bậc không trú xứ" là như thế. Nên thể hiện sự nỗ lực tinh tấn một cách vững chãi: Sự nỗ lực tinh tấn nói đến: 'Tháp thuộc về tâm, sự ra sức tinh tấn, sự cố gắng, sự ra sức, sự siêng năng, sự tinh tấn, sự gắng sức, sự ráng sức, sự không thối chí, sự dõng mãnh, nghi lực, trạng thái không lơi lỏng sự nỗ lực, trạng thái không buông bỏ sự mong muốn, trạng thái không buông bỏ trách nhiệm, sự duy trì trách nhiệm, sự tinh tấn, tấn quyền, tấn lực, chánh tinh tấn.^, Nên thể hiện sự nỗ lực tinh tấn một cách vững chãi: Nên thể hiện sự nỗ lực tinh tân một cách vững chãi là nên thê hiện một cách chác chăn, nên có sự thọ trì vững chãi, nên có sự thọ trì đứng vững. uNên thể hiện sự nỗ lực tinh tấn một cách vững chãi" là như thế. Vì thê, đức Thê Ton đã noi răng: “Btác động bởi sự xúc chạm của bệnh tật, của cơn đói, Nên chiu đựng sự lạnh, rồi sự nóng. Bỉ tác động bởi những việc ấy theo nhiều cách, vỉ ẩy, bậc không trú xứ, Nên thể hiện sự no lực tinh tấn một cách vững chãi." r r

16.13. Không nên thực hiện việc trộm cáp, không nên nói lời dôi trá, Nên tiếp xúc với các loài yếu đuối hay mạnh bạo bằng từ tâm, Khi nào nhận biết được trạng thải bi khuấy động của tâm, Nên xua đi [nghĩ rằng]: (ÍNÓ là phe cánh của Hắc ảm." Không nên thực hiện việc trộm cắp, không nên nói IM dối trá.

Không nên thực hiện việc trộm cắp: ở đây, vị Tỳ-khiru sau khi dứt bỏ việc lấy vật không được cho, nên tránh xa việc lấy vật không được cho, là người nhận lấy vật đã được cho, là người có sự mong đợi vật được cho, nên sống với bản thân có trạng thái trong sạch, không trộm cắp. "Không nên thực hiện việc trộm cắp" là như thế. Không nên nói IM dối trá: ở đây, vị Tỳ-khưu sau khi dứt bỏ việc nói lời dối trá, nên tránh xa việc nói lời dối trá, là người có lời nói chân thật, liên quan đến sự thật, chắc chắn, đáng tin, không lường gạt thế gian. "Không nên thực hiện việc trộm cắp, không nên nói lời dối trá" là như thế. Nên tiếp xúc với các loài yếu đuối hay mạnh bạo bằng từ tâm. Từ tâm: Là sự thân thiện đối với chúng sanh, biểu hiện thân thiện, trạng thái thân thiện, sự trác ân, biêu hiện trác ân, trạng thái trác ân, sự tìm kiêm lợi ích, lòng thương tưởng, sự không tức giận, không độc ác, không sân, cội nguồn của thiện. Các loài yếu đuối: Những hạng nào có khát vọng, có tham ái chưa được dứt bỏ, và những hạng nào có sự sợ hãi và khiếp đảm chưa được dứt bỏ. Vì lý do gì được gọi là yêu đuôi? Chúng run sợ, khiêp sợ, hoảng sợ, sợ hãi, rơi vào sự kinh sợ; vì lý do ấy được gọi là yếu đuối. Mạnh bạo: Những hạng nào có khát vọng, có tham ái đã được dứt bỏ, và những hạng nào có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ. Vì lý do gì được gọi là mạnh bạo? Chúng không run sợ, không khiếp sợ, không hoảng sợ, không sợ hãi, không rơi vào sự kinh sợ; vì lý do ấy được gọi là mạnh bạo. Nên tiếp xúc vói các loài yếu đuối hay mạnh bạo bằng từ tâm: Nên tiếp xúc, nên lan tỏa đên các loài yêu đuôi hay mạnh bạo băng từ tâm, nên lan tỏa với tâm ý bao la, vĩ đại, không đo lường được, không thù oán, không độc ác, đồng hành với từ ái, rồi an trú. "Nên tiêp xúc với các loài yêu đuôi hay mạnh bạo băng từ tâm,, là như thê. Khỉ nào nhận biết được trạng thái bi khuấy động của tâm. Khỉ nào: Là vào lúc. Của tâm: Tức là tâm, ý, ý thức, trái tim, chát xám; ý, ý xứ, ý quyên, thức, thức uẩn, từ đó ý thức giới sanh lên. Do uế hạnh về thân, tâm bị khuấy động, bị khuấy rối, bị di động, bị đụng chạm, bị dao động, bi chao đảo, không được vắng lặng; do uế hạnh về khẩu... do uế hạnh về ý... do luyến ái... do sân hận. do si mê... do giận dữ... do thù hằn... do gièm pha... do ác ý... do ganh tỵ... do bỏn xẻn... do xảo trá... do lừa gạt... do bướng bỉnh... do hung hăng... do ngã mạn... do cao ngạo.. do đam mê... do xao lãng... do tất cả ô nhiễm... do tất cả uê hạnh... do mọi sự lo lăng... do mọi sự bực bội... do mọi sự nóng nảy... do tất cả các pháp tạo tác bất thiện; tâm bị khuấy động, bị khuấy rối, bi di động, bị đụng chạm, bi dao động, bị chao đảo, không được vắng lặng.

406 KINH TIỂU BÔ

Khi nào nhận biết được trạng thái bỉ khuấy động của tâm: Nên biết, nên hiểu biết, nên nhận thức, nên thừa nhận, nên thấu triệt tình trạng bi khuấy động của tâm. “Khi nào nhận biết được trạng thái bi khuấy động của tâm,, là như thế. Nên xua đi [nghĩ rằng]: 6N6 là phe cánh của Hắc ám?5 Hắc ám: Tức là Ma vương, kẻ có nghiệp đen, chúa tể [về dục], kẻ làm cho chấm dứt, không cho giải thoát, thân quyến của xao lãng. Nó là phe cánh của Hắc ám, [nghĩ rằng:] “N6 là phe cánh của Ma vương, cạm bẫy của Ma vương, lưỡi câu của Ma vương, miếng mồi của Ma vương, lãnh địa của Ma vương, mồi nhử của Ma vương, hành xứ của Ma vương, sự trói buộc của Ma vương", rồi nên dứt bỏ, nên xua di, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu. "Nên xua đi [nghĩ rằng]: Nó là phe cánh của Hắc ám^ là như vậy. Hoặc l nó là phe cánh của Hắc ám?

[nghĩ rằng:] "N6 là phe cánh của Ma vương, phần bất thiện, nguyên do của khổ, có kết quả khổ, dẫn đến địa ngục, dẫn đến loài thú, dẫn đến thân phận nga quỷ99, rồi nên dứt bỏ, nên xua di, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu. "Nên xua đi [nghĩ rằng]: Nó là phe cánh của Hắc ám,, còn là như vậy. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: í(Không nên thực hiện việc trộm cắp, không nên nói lời doi trả, Nên tiêp xúc với các loài yêu đuôi hay mạnh bạo băng từ tâm, z p 1 1 /n ọ Khỉ nào nhận biêt được y trạngA thải bi khuây động của tâm, Nên xua đi [nghĩ răng]: 'Nó là phe cảnh của Hác ảm, ‘‘

16.14. Không nên rơi vào quyên lực của sự giận dữ và cao ngạo. Sau khi đào lên gốc re của chủng roi, nên đứng vững. Và trong khi khắc phục vật được yêu mến hoặc không được yêu mếnf nên chế ngự chúng một cách chắc chắn. Không nên rơi vào quyền lực của sự gỉận dữ và cao ngạo. Sự giận dữ: "Là sự tức tối, sự tức giận của tâm,..(nt).. sự tàn nhẫn, sự lỗ mãng, trạng thái không hoan hỷ của tâm.” Cao ngạo: “d đây, một vi [Tỳ-khưu] nào đó khinh khi người khác dựa vào sự xuất thân, dựa vào dòng dõi,... (nt)... hoặc dựa vào sự việc này khác7, Không nên r(ri vào quyền lực cúa sự giận dữ và cao ngạo: Không nên rơi vào quyền lực của sự giận dữ và của sự cao ngạo; nên dứt bỏ? nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự giận dữ và sự cao ngạo. "Không nên rơi vào quyền lực của sự giận dữ và cao ngạo” là như thế. Sau khỉ đào lên gốc rễ của chúng rồi, nên đứng vững: Gốc rễ của giận dữ là điêu nào? Vô minh là góc rê, tác ý không đúng đường lôi là góc rê, ngã mạn về bản thân là gốc rễ, không hổ thẹn [tội lỗi] là gốc rễ, không ghê sợ [tội lỗi] là gốc rễ, phóng dật là gốc rễ; điều này là gốc rễ của giận dữ. Gốc rễ của cao ngạo

là điều nào? Vô minh là gốc rễ, tác ý không đúng đường lối là gốc rễ, ngã mạn về bản thân là gốc rễ, không hổ thẹn [tội lỗi] là gốc rễ, không ghê sợ [tội lỗi] là gốc rễ, phóng dật là gốc rễ; điều này là gốc rễ của cao ngạo. Sau khi đào lên gốc rễ của chúng rồi, nên đứng vững: Sau khi đào lên, sau khi nâng lên, sau khi nâng bổng, sau khi bứng lên, sau khi bứng lên hẳn, sau khi dứt bỏ, sau khi xua đi, sau khi làm châm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu gốc rễ của sự giận dữ và của sự cao ngạo, nên đứng vững, nên trụ vững. "Sau khi đào lên gốc rễ của chúng rồi, nên đứng vững,, là như thế. Và trong khi khắc phục vật được yêu mến hoặc không được yêu mến, nên chế ngự chúng một cách chắc chắn. Và: Từ "atha" này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuân tự của các câu văn. Được yêu mến: Có hai đối tượng được yêu mến: Các chúng sanh hoặc các pháp tạo tác. Những người nào là các chúng sanh được yêu men? ở đây là những người nào có lòng mong muốn điều tốt đẹp, có lòng mong muốn điều lợi ích, có lòng mong muốn sự thoải mái, có lòng mong muôn sự an toàn trong mối ràng buộc đối với kẻ ấy: Là người mẹ, hoặc người cha, hoặc anh [em] trai, hoặc chi [em] gái, hoặc con trai, hoặc con gái, hoặc các bạn bè, hoặc các thân hữu, hoặc các thân quyến, hoặc những người cùng huyết thống; những người này là các chúng sanh được yêu mến. Các pháp nào là các pháp tạo tác được yêu mến? Các sắc hợp ý, các thinh... các hương... các

vị... các xúc hợp ý; các pháp này là các pháp tạo tác được yêu mến. Không được yêu men: Có hai đôi tượng không được yêu mên: Các chúng sanh hoặc các pháp tạo tác. Những người nào là các chúng sanh kh6ng được yêu mến? ơ đây là những người nào không có lòng mong muôn sự tân hóa, không có lòng mong muôn điều lợi ích, không có lòng mong muốn sự thoải mái, không có lònệ mong muốn sự an toàn trong mối ràng buộc đối với kẻ ấy, có lòng mong muôn đoạt lấy mạng sống [của kẻ ấy]; những người này là các chúng sanh kh6ng được yêu mến. Các pháp nào là các pháp tạo tác không được yêu mến? Các sác không hợp ý? các thinh... các hương... các vị... các xúc không hợp ý; các pháp này là các pháp tạo tác không được yêu mến. Một cách chắc chắn: Cụm từ "addhā"này là lời nói nhất định, lời nói không ngờ vực, lời nói không nghi ngờ, lời nói không hai nghĩa, lời nói không gây ra sự lưỡng lự, lời nói bảo đảm, lời nói không sai trái, lời nói khẳng đinh. Và trong khi khắc phục vật được yêu mến hoặc không được yêu mến, nên ngự trị chúng một cách chắc chắn: Đối với vật được yêu mến hoặc không được yêu mên, có khoái lạc hoặc khônẹ khoái lạc, có hạnh phúc hoặc khổ đau, có hỷ tâm hoặc ưu tâm, được ước muôn hoặc không được ước muốn, trong khi khắc phục thì nên ngự tri; hoặc trong khi ngự trị thì nên khắc phục.

"Và trong khi khắc phục vật được yêu mến hoặc không được yêu mến, nên ngự trị chúng một cách chắc chắn,, là như thế. y TA A ji Á rpl Á rp/X r • w Vì thê, đức Thê Tôn đã noi răng: "Không nên rơi vào quyền lực của sự giận dữ và cao ngạo, sau khi đào lên gốc rễ của chủng rồi, nên đứng vững. Và trong khi khắc phục vật được yêu mến hoặc không được yêu mến, nên ngự trị chủng một cách chắc chắn."

16.15. Sau khỉ chủ trọng về tuệ, với sự hoan hỷ về thiện pháp, Nên đè nén các hiếm họa ấy, . 1r 1 1 Ỹ r Nên không chê sự không ưa thích ở chô trú ngụ xa văng, Nên khống che bon pháp tạo nên sự than vãn. Sau khi chú trọng về tuệ, với sự hoan hỷ về thiện pháp. Tuệ: Tuệ là sự nhận biết, sự chọn lựa, sự khám phá, sự chọn lựa pháp,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Sau khi chú trọng về tuệ: ở đây, một vi [Tỳ-khưu] nào đó, sau khi chú trọn^ về tuệ, sống có tuệ là ngọn cờ, có tuệ là biểu hiện, có tuệ là chủ đạo, có nhiêu sự chọn lựa, có nhiều sự khám phá, có nhiều sự xem xét, có nhiều sự tìm tòi, trú vào điều đã được làm rõ rệt, rồi đi theo nó5 phát triển theo nó? xem trọng nó, nghiêng theo nó? chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến n6, xem nó là chủ đạo. “Sau khi chú trọng về tue” là như vậy. Hoặc là, trong khi đi, vị ấy nhận biết: "Tôi di"; hoặc khi đúng, vị ấy nhận biết: "Tôi đứng,9; hoặc khi ngồi xuống, vị ấy lửiận biết: "Tôi ngồi xu§ng”; hoặc trong khi nằm, vi ấy nhận biết: "Tôi đang nằm” hoặc thân của vị ấy được sử dụng như thế nào thì nhận biết nó như thế ấy. "Sau khi chú trọng về tuệ" còn là như vậy. Hoặc là, vị ấy có sự thực hành việc nhận biết rõ trong khi đi tới đi lui, có sự thực hành việc nhận biết rõ khi nhìn qua nhìn lại, có sự thực hành việc nhận biết rõ khi co tay duỗi tay, có sự thực hành việc nhận biết rõ trong việc mang y hai lớp, bình bát, y phục, có sự thực hành việc nhận biết rõ khi ăn uống nhai nếm, có sự thực hành việc nhận biết rõ ở hành động đại tiện tiểu tiện, có sự thực hành việc nhận biết rõ khi di, khi đứng, khi ngồi, khi ngủ, khi thức, khi nói, khi im lặng. "Sau khi chú trọng về

tue" còn là như vậy. Với sự hoan hỷ về thiên pháp: Hỷ và hân hoan sanh lên do năng lực tùy niệm Phật là "sự hoan hỷ về thiện pháp", hỷ và hân hoan sanh lên do năng lực tùy niệm Pháp... do năng lực tùy niệm Tăng.. do năng lực tùy niệm giới... do năng lực tùy niệm xả thí... do năng lực tùy niệm thiên... do năng lực niệm hơi thở vào hơi thở ra... do năng lực niệm sự chét... do năng lực niệm đặt ở thân... do năng lực tùy niệm Niết-bàn là "sự hoan hỷ về thiện pháp.,, "Sau khi chú trọng vê tuệ, với sự hoan hỷ vê thiện pháp59 là như thê. Nên đè nén các hiểm họa ấy. Các hiểm họa: Có hai loại hiểm họa: Hiểm họa hiển hiện và hiểm họa

khuất lấp. ... (nt).. các điều này được gọi là hiểm họa hiển hiện. ... (nt).. các điêu này được gọi là hiêm họa khuất lấp.... (nt)... Các hiểm họa bởi vì "noi ấy là chỗ tini" la như vậy. Nên đè nén các hiểm họa ấy: Nên đè nén, nên ngự trị, nên đè bẹp, nên trấn áp, nên chà đạp các hiểm họa ấy. "Nên đè nén các hiểm họa ấy" là như vậy. Nên khống chế sự không ưa thích ờ chỗ trú ngụ xa vắng. Sự không ưa thích: Sự không ưa thích, biểu hiện không ưa thích, sự không thích thú, biểu hiện không thích thú, sự không hài lòng, sự chán ngấy. ơ cho trú ngụ xa văng: Hoặc ở những chô năm ngôi xa văng, thì nên khống chế, nên ngự trị, nên đè bẹp, nên trấn áp, nên chà đạp sự không ưa thích những pháp này pháp khác. "Nên không chê sự không ưa thích ở chô tru ngụ xa văng,5 là như thê. Nên khống chế bốn pháp tạo nên sự than vãn: Nên khống chế, nên áp chế, nên ngự trị, nên đè bẹp5 nên trấn áp, nên chà đạp bốn pháp sẽ tạo ra sự than vãn. "Nên khống chế bốn pháp tạo nên sự than vãn" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Sau khỉ chủ trọng vê tuệ, ỉvới sự hoan hỷ vê thiện pháp, 9

Nên đè nén các hỉêm họa ây, Nên khổng chế sự không ưa thích ở chỗ trủ ngụ xa vắng, Nên khống chế bổn pháp tạo nên sự than vãn."

16.16. i(Vāy ta sẽ ăn gỉ? Hoặc ta sẽ ăn ở đâu? Có thật chăng ta đã ngủ khổ sở? Hôm nay, ta sẽ ngủ ở đâu?" Vi Hữu học, không có sự vương vấn nhà ởf Nên loại bỏ những suy tư có tỉnh chất than vãn này. Vậy ta sẽ ăn gì? Hoặc ta sẽ ăn ờ đâu? Vậy ta sẽ ăn gì? [Nghĩ rằng:] "Tôi sẽ thọ vật thực gì, cơm, hay cháo chua, hay banh bột, hay cá, hay thịt?" uVậy ta sẽ ăn gi?" la như thế. Hoặc ta sẽ ăn ờ đâu? [Nghĩ rằng:] "Tôi sẽ thọ thực ở đâu, ở gia đình Sát- đế-lỵ, hoặc ở gia đình Bà-la-môn, hoặc ở gia đình thương buôn, hoặc ở gia đình nô íẹr "Vậy ta sẽ ăn gì? Hoặc ta sẽ ăn ở dâu?" là như thế. Có thật chăng ta đã ngủ khổ sở? Hôm nay, ta sẽ ngủ ờ đâu? [Nghĩ rằng:] uĐêm nay, tôi đã ngủ một cách khổ sở trên tâm ván, hoặc ở chiếc chiếu ngắn, hoặc ở mảnh da thú, hoặc ở thảm cỏ, hoặc ở thảm lá, hoặc ở thảm rơm. Đêm tới, tôi sẽ ngủ một cách sung sướng ở giường, hay ở ghế, hay ở nệm, hay ở cái gối, hay ở trú xá, hay ở nhà một mái, hay ở tòa lâu đài, hay ở tòa nhà dài, hay ở hang d0ng?"

"C6 thật chăng ta đã ngủ khổ sở? Hôm nay, ta sẽ ngủ ở dâu?" là như thế. Những suy tư có tính chất than vãn này. Những suy tư này: Hai suy tư liên quan đến đồ ăn khất thực, hai suy tư liên quan đến chỗ nằm ngồi. Có tính chất than vãn: Có tính chất kể lể, có tính

chất than vãn. “Những suy tư có tính chất than vãn này” là như vậy. Vi Hữu học, không có sự vương vấn nhà ở, nên loại bỏ. Vi Hữu học: Vì lý do gì được gọi là Hữu học? học tập^ là Hữu học. Và học tập gì? Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắng tuệ. Học tập về thắng giới là việc nào?... (nt)... việc này là sự học tập về thắng tuệ. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này, vị ấy học tập; trong khi biết... (nt)trong khi thấy... (nt)trong khi quán xét lại... (nt)trong khi quyết định tâm, vi ấy học tập; trong khi hướng đến đức tin, vi ấy học tập; trong khi ra sức tinh tấn... (nt)...; trong khi thiết lập niệm... (nt)...;trong khi tập trung tâm... (nt)...; trong khi nhận biết bằng tuệ, vi ấy học tập; tronẹ khi biết rõ pháp cần được biết rõ, vị ấy học tập; trong khi biết toàn diện pháp cân được biết toàn diện... (nt)trong khi dứt bỏ pháp cần được dứt bỏ... (nt)...;trong khi tu tập pháp cần được tu tập... (nt)...;trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ, vị ấy học tập, hành xử, hành theo, thọ trì và học tập. Vì lý do ấy, vị ấy được gọi là Hữu học. Vi Hữu học nên học tập về thắng giới, nên học tập về thắng tâm, nên học tập về thắng tuệ nhằm loại bỏ, nhằm bài trừ, nhằm dứt bỏ, nhằm làm vắng lặng, nhằm buông bỏ, nhằm tịch tinh. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này thì nên học tập; trong khi biết,... (nt)... trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ thì nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng. uVị Hữu học nên loại bo,9 là như thế. Không có sự vương vấn nhà ở: Thế nào là có sự vương vấn nhà ở? ở đây, một vị nào đó có sự vướng bận về gia tộc,... (nt).. vướng bận về đồ chúng,.. (nt)... vướng bận về chỗ ngụ,... (nt)... vướnệ bận về y phục,... (nt)... vướng bận về đồ ăn khất thực,... (nt)... vướng bận vê chỗ năm ngồi, có sự vướng bận về vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Có sự vương vấn nhà ở là như vậy. Thế nào là có sự không vương vấn nhà ở? ở đây, vị Tỳ-khưu không có sự vướng bận về gia tộc,... (nt)... không vướng bận về đồ chúng,...(nt).. không vướng bận về chỗ ngụ,... (nt)... không vướng bận về y phục,... (nt)... không vướng bận về đồ ăn khất thực,... (nt)... không vướng bận về chỗ nằm ngồi,... (nt)... có sự không vướng bận về vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Có sự không vương vấn nhà ở là như vậy. 1. “Cdc vi đã đi đến Magadha, đã đi đến Kosala, Còn một sô vỉ ở lãnh địa xứ Vajjī, Tựa như những con nai di chuyên không có sự quyên luyên, Các vi Tỳ-khưu sông không có sự vương vân.

ĐẠI DIỄNGIẢie411

2. Lành thay, người có tánh hạnh, lành thay việc đã khéo thực hành, Cuộc sống không nhà luôn luôn là tốt đẹp, Việc học hỏi ve ỷ nghĩa, hành động cung kỉnh, Điêu ây là đời sông Sa-môn của vị không sở hữu vật gì Hữu học, không có sự vương vấn nhà ở, nên loại b6” là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: ^'Vậy ta sẽ ăn gì? Hoặc ta sẽ ăn ở đau? Có thật chăng ta đã ngủ kho sở? Hôm nạy, ta sẽ ngủ ở đâu? Vị Hữu học, không có sự vương vấn nhà ở, nên loại bỏ Những suy tư có tính chất than vãn này"

16.17. Sau khi đạt được vật thực vày phục lúc đúng thời, Vỉ ẩy nên biết chừng mực ở đây, với mục đích vừa lòng. Vi ấy được bảo vệ về các điều ấy, có đời song kiềm chế ở trong làng, Dầu cho bi xúc phạm, không nên nói lời nói thô lỗ. Sau khi đạt được vật thực và y phục lúc đúng thòi. Vật thực: Cơm, cháo chua, bánh bột, cá, thịt. Y phục: Có sáu loại y: Loại bằng sợi lanh, loại bằng bông vải, loại bằng tơ lụa, loại bằng sợi len, loại

bằng gai thô và loại bằng chỉ bố. Sau khi đạt được vật thực và y phục lúc đúng thời: Sau khi nhận được y, sau khi nhận được đồ ăn khất thực không do gạt gẫm, không do tán phét, không do gợi y, không do lừa bịp, không do việc thèm muốn lợi lộc bằng lợi lộc, không do việc cho củi [gỗ], không do việc cho tre, không do việc cho lá, không do việc cho bông hoa, không do việc cho trái cây, không do việc cho cây cọ rửa, không do việc cho bột tắm, không do việc cho đất sét, không do việc cho gỗ chà răng, không do việc cho nước súc miệng, không do việc nịnh hót, không do việc tâng bốc, không do việc chiều chuộng, không do việc nói lén sau lưng, không nhờ vào khoa địa lý, không nhờ vào kiến thức thế tục, không nhờ vào khoa bói tướng, không nhờ vào khoa chiêm tinh, không do việc đi làm sứ giả, không do việc đi theo sự sai bo, không do việc chuyển tin bằng đôi chân, không do công việc thầy thuốc, không do thức ăn đổi thức ăn, không do phát sanh bởi quà cáp, sau khi đạt được, sau khi nhận được, sau khi đạt đến, sau khi tìm thấy, sau khi tiếp nhận đúng theo pháp, một cách ngay thẳng. “Sau khi đạt được vật thực và y phục lúc đúng th&i" là như thế. Vị ấy nên biết chừng mực ờ đây, vối mục đích vừa lòng. Vi ấy nên biết chừng mực: Nên biết chừng mực bởi hai lý do: Trong lúc thọ nhận hoặc trong lúc thọ dụng. Thế nào là biết chừng mực trong lúc thọ nhận? Trong khi được bố thí chỉ chút ít, vi [Tỳ-khưu] thọ nhận vì lòng trắc ẩn đến hàng tại gia, vì sự hộ trì đến hàng tại gia, vì lòng thương tưởng đến hàng tại gia. Trong khi được bố thí nhiều, vi [Tỳ-khưu] thọ nhận y để bảo dưỡng thân

thể, thọ nhận vật thực để bảo dưỡng cái bụng. Như vậy là biết chừng mực trong lúc thọ nhận. Thê nào là biêt chừng mực trong lúc thọ dụng? Vi [Tỳ-khưu] sử dụng y phục sau khi đã suy xét đúng đắn rằng: Chỉ nhằm đê diệt trừ sự lạnh, để diệt trừ sự nóng, để diệt trừ các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, chỉ nhằm mục đích che đậy sự hổ thẹn vì lõa lồ. Vị [Tỳ-khưu] sử dụng đồ ăn khất thực sau khi đã suy xét đúng đắn rằng: Không phải để chơi giỡn, không phải vì đam mê, không phải đê tô diêm, không phải đê trang sức, mà chỉ nhăm để duy trì, để nuôi dưỡng thân thể này, để ngăn ngừa sự ton hại, để hỗ trợ sự thực hành Phạm hạnh, [nghĩ rằng:Ị "Như vầy ta tiêu diệt cảm thọ cũ, sẽ không làm sanh lên cảm thọ mới và sự sông còn, sự khôn^ bị chê trách, và sự cư trú thoải mái sẽ có đến ta." Vi [Tỳ~khưu] sử dụng chỗ nam ngồi sau khi đã suy xét đúng đắn rằng: Chỉ nhằm đê diệt trừ sự lạnh, để diệt trừ sự nóng, để diệt trừ các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, chỉ nhằm mục đích xua đi các hiểm họa của thời tiết, nhằm mục đích vui thích trong việc thiền tịnh. Vi [Ty-khiru] sử dụng vật dụng là thuốc men chữa bệnh sau khi đã suy xét đúnệ đắn rằng: Chỉ nhằm để diệt trừ cảm thọ [khổ] do các căn bệnh đã phát khởi, đe hoàn toàn không còn đau đớn. Như vậy là biết chừng mực trong lúc thọ dụng. Vi ấy nên biết chừng mực: Bởi hai lý do này, nên nhận biết, nên hiểu biết, nên thừa nhận, nên thấu triệt sự chừng mực. "Vị ấy nên biết chừng mực,^ là như thế. ở dây, với mục đích vừa lòng: Vị Tỳ-khưu trong giáo pháp này tự biết đủ với bất luận y nào dầu tốt hay xấu, có lời ca ngợi về sự tự biết đủ với bất luân y nào dầu tốt hay xấu, và không vì nguyên nhân về y mà đạt đến sự tầm cầu sai trái, không phù hợp; khi không nhận được y thì không băn khoăn, và khi đã nhận được y thì thọ dụng, không bị vướng mắc, không bi mê mẩn, không bị phạm tội,

có sự nhìn thây điêu bát lợi, có tuệ vê sự buông xả. Và hơn nữa, do sự tự biết đủ với bất luận y nào dầu tốt hay xấu ấy, cũng không tâng bốc bản thân, không khinh bỉ vị khác. Bởi vì, vị khôn khéo, không biếng nhác, có sự nhận biết rõ, có niệm trong trường hợp ấy nói đến vị Tỳ-khưu đã đứng vào dòng dõi của các bậc Thánh được biết tiếng là cao thượng từ thời xa xưa. Va thêm nữa, vị Tỳ-ldiưu tự biết đủ với bất luận đồ ăn khất thực nào dầu tốt hay xấu, có lời ca ngợi về sự tự biết đủ với bất luận đồ ăn khất thực nào dầu tốt hay xấu, và không vì nguyên nhân về đồ ăn khất thực mà đạt đến sự tầm cầu sai trái, không phù hợp; khi không nhận được đô ăn khất thực thì không băn khoăn, và khi đã nhận được đồ ăn khất thực thì thọ dụng, không bi vướng mắc, không bị mê mẩn, không bị phạm tội, có sự nhìn thấy điều bất lợi, có tuệ về sự buônậ xả. Và hơn nữa, do sự tự biết đủ với bất luận đồ ăn khất thực nào dầu tốt hay xấu ấy, cũng không tâng bốc bản thân, không khinh bỉ vị khác. Bởi vì, vị khôn khéo, không biếng nhác, có sự nhận biết rõ, có niệm trong trường hợp ấy nói đên vị Tỳ-khưu đã đứng vào dòng dõi của các bậc Thánh được biết tiếng là cao thượng từ thời xa xưa.

Và thêm nữa, vị Tỳ-khưu tự biết đủ với bất luận chỗ nằm ngồi nào dầu tốt hay xấu, có lời ca ngợi về sự tự biết đủ với bất luận chỗ nằm ngồi nào dầu tốt hay xâu, và không vì nguyên nhân vê chô năm Íig6i mà đạt đên sự tâm câu sai trái, không phù hợp; khi không nhận được chỗ năm ngồi thì không băn khoăn, và khi đã nhận được chỗ nằm ngồi thì thọ dung, không bi vướng mắc, không bi mê mân, không bị phạm tội, có sự nhìn thây điêu bát lợi, có tuệ vê sự buông xả. Và hơn nữa, do sự tự biết đủ với bất luận chỗ nam ngoi nào dầu tốt hay xấu ấy, cũng không tâng bốc bản thân, không khinh bỉ vi khác. Bởi vì, vi khôn khéo, không biếng nhác, có sự nhận biết rõ, có niệm trong trường hợp ấy nói đến vi Tỳ-khưu đã đứng vào dòng dõi của các bậc Thánh được biết tiếng là cao thượng từ thời xa xưa. Và thêm nữa, vi Tỳ-khmi tự biết đủ với bất luận vật dụng là thuốc men chữa bệnh nào dầu tốt hay xấu, có lời ca ngợi về sự tự biết đủ với bất luận vật dụng là thuốc men chữa bệnh nào dầu tốt hay xấu, và không vì nguyên nhân về vật dụng là thuốc men chữa bệnh mà đạt đến sự tầm cầu sai trái, không phù hợp; khi không nhận được vật dụng là thuốc men chữa bệnh thì không băn khoăn, và khi đã nhận được vật dụng là thuốc men chữa bệnh thì thọ dụng, không bị vướng mắc, không bi mê mẩn, không bị phạm tội, có sự nhìn thấy điều bất lợi, có tuệ về sự buông xả. Và hơn nữa, do sự tự biết đủ với bất luận vật dụng là thuốc men chữa bệnh nào dầu tốt hay xấu ấy, cũng không tâng bốc bản thân, không khinh bỉ vị khác. Bởi vì, vi khôn khéo, không biếng nhác, có sự nhận biết rõ, có niệm trong trường hợp ấy nói đến vi Tỳ-khưu đã đứng vào dòng dõi của các bậc Thánh được biết tiếng là cao thượng từ thời xa xưa. ấy nên biết chừng mực ở dây, với mục đích vừa lòng99 là như thế. Vi ấy được bảo vệ về các điều ấy, có đòi sống kiềm chế ờ trong làng. Vi ấy được bảo vệ về các điều ấy: Đã được bảo vệ, đã được gìn giữ, đã được hộ trì, đã được thu thúc về y phục, về đồ ăn khất thực, về chỗ nằm ngồi, về vật dụng là thuốc men chữa bệnh, “vj ấy được bảo vệ về các điều ấy" là như vậy. Hoặc là, đã được bảo vệ, đã được gìn giữ, đã được hộ trì, đã được thu thúc về các xứ. "Vj ấy được bảo vệ về các điều ấy" còn là như vậy. Sống kiềm chế ờ trong làng: Đã kiềm chế, có bản thân đã được kiềm chế, có bản thân đã được

kiềm giữ, đã được bảo vệ, đã được gìn giữ, đã được hộ trì, đã được thu thúc ở trong làng. "Vi ấy được bảo vệ về các điều ấy, có đời sống kiềm chế ở trong làng" là như thế. Dầu cho bị xúc phạm, không nên nói lòi nói thô lỗ: Bị xúc phạm, bi mắng nhiếc, bi khinh bỉ, bị đụng chạm, bị chê trách, bị gièm pha, không nên nói lại, không nên đáp lại một cách thô 16, một cách thô bạo, không nên sỉ vả lại người đang sỉ vả, không nên chọc giận lại người đang chọc giận, không nên cãi lộn với người đang cãi lộn, không nên tạo ra sự cãi cọ, không nên tạo ra sự cãi lộn, không nên tạo ra sự cãi vã9 không nên tạo ra sự tranh cãi, không nên tạo ra sự

gây gổ; nên dứt bỏ, nên xua di, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự cãi cọ, sự cãi lộn, sự cãi vã? sự tranh cãi, sự gây gổ. Nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự cãi cọ, cãi lộn, tranh luận, tranh cãi, gây gổ, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Dầu cho bị xúc phạm, không nên nói lời nói thô 16" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: ííSau khỉ đạt được vật thực vày phục lúc đúng thời, Vỉ ấy nên biết chừng mực ở đây, với mục đích vừa lòng. Vỉ ây được bảo vệ vê các điêu âyt có đời sông kiêm chê ở trong làng, Dầu cho bi xúc phạm, không nên nói lời nói thô lỗ."

16.18. Có mắt nhìn xuống và không buông thả bàn chân [đi đó đây], Nên găn bó với việc tham thiên, nên cỏ nhiêu tỉnh thức, Sau khi no lực ve hành xả, có bản thăn đinh tĩnh, Nên cắt đứt cho trú của sự suy nghĩ và [nên cắt đứt] sự hoi hận, Có mắt nhìn xuống và không buông thả bàn chân [đi đó đây]: Có mắt buông lung là thế nào? ở đây, một vị Tỳ-khưu nào đó buông thả con mắt, có trạng thái buông thả ở mắt [nghĩ rằng]: "Nên thấy điều chưa thấy, nên bỏ qua điều đã thấy"; rồi từ tu viện này đến tu viện khác, từ vườn hoa này đến vườn hoa khác, từ ngôi làng này đên ngôi làng khác, tư thi trân này đên thi trân khác, từ thành phố này đến thành phố khác, từ quốc độ này đến quốc độ khác, từ xứ sở này đến xứ sở khác, đeo đuổi cuộc du hành lâu dài, cuộc du hành bất định để nhìn ngăm cảnh sác; có mát buông lung là như vậy. Hoặc là, vi Tỳ-khưu, khi đã vào đến xóm nhà, khi đi dọc theo con đường thì đi không thu thúc: Vị ấy vừa đi vừa nhìn voi, nhìn ngựa, nhìn xe, nhìn người đi bộ, nhìn các phụ nữ, nhìn các nam nhân, nhìn các cậu trai, nhìn các cô gái, nhìn các cửa tiệm, nhìn mặt tiền của các căn nhà, nhìn lên, nhìn xuống, nhìn xem hướng chính hướng phụ; có mắt buông lung còn là như vậy. Hoặc là? vi Tỳ-khưu, sau khi nhìn thây cảnh sác băng mát, có sự năm giữ hình tướng, có sự nắm giữ chi tiết. Do nguyên nhân nào mà vi ấy, trong khi sống, có nhãn quyền không được thu thúc, khiến các sự tham đắm, ưu phiền, các ác bất thiện pháp có thể xâm nhập, vị ấy không thực hành sự thu thúc đối với nguyên nhân ấy, không hộ trì nhãn quyền, không tiến hành sự thu thúc ở nhãn quyền; có mắt buông lung còn là như vậy. Hoặc hơn nữa, giống như một số Tôn giả Sa-môn và Bà-la-môn, sau khi thọ thực các bữa ăn được bố thí do đức tin, các vị ấy lại sống, đeo đuổi việc xem trình diễn có hình thức như vầy: Tức là múa, hát, đờn, vũ hội, nghe kể chuyện, vỗ tay theo nhịp, đánh chiêng, đánh trống, biểu diễn thời trang, trò chơi với banh sát, trò tung hứng tre, lê bóc mộ, đâu voi, đâu ngựa, đâu trâu, đâu bò

mộng, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừu, đấu gà, đấu chim cút, đấu gậy, đánh bốc, đấu vật, tập trận, dàn quân, đóng quân, xem sự điều quân, hoặc là như thế; có mắt buông lung còn là như vậy. Không có mắt buông lung là thế nào? ở đây, một vị Tỳ-khưu nào đó không buông thả con mắt, không có trạng thái buông thả ở mắt [không nghĩ rằng]: "Nên thấy điều chưa thấy, nên bỏ qua điều đã thấy"; rồi không từ tu viện này đến tu viện khác, không từ vườn hoa này đến vườn hoa khác, không từ ngôi làng này đến ngôi làng khác, không từ thị trấn này đến thị trấn khác, không từ thành phố này đến thành phố khác, không từ quốc độ này đến quốc độ khác, không từ xứ sở này đên xứ sở khác, không đeo đuôi cuộc du hành lâu dài, cuộc du hành bất đinh để nhìn ngắm cảnh sắc; không có mắt buông lung là như vậy. Hoặc là, vị Ty-khưu, khi đã vào đến xóm nhà, khi đi dọc theo con đường thì đi thu thúc: Vi ấy đi mà không nhìn voi,... (nt)... không nhìn xem hướng chính hướng phụ; không có mắt buông lung còn là như vậy. Hoặc là, vị Tỳ-khưu? sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, không có sự nắm giữ hình tướng,... (nt)... không tiến hành sự thu thúc ở nhãn quyền; không có mắt buông lung còn là như vậy. Hoặc hơn nữa, giông như một sô Tôn giả Sa-môn và Bà-la-môn, sau khi thọ thực các bữa ăn được bố thí do đức tin,... (nt)... xem sự điều quân, hoặc là như thế. Vi ấy tránh xa việc đeo đuổi để xem trình diễn có hình thức như thế ây; không có mát buông lung còn là như vậy. “C6 măt nhìn xu6ng" là như thê. Và không buông thả bàn chân: Buông thả bàn chân là thế nào? ở đây, một vị Tỳ-khmi nào đó buông thả bàn chân, có trạng thái buông thả ở bàn chân, từ tu viện này đến tu viện khác,... (nt)... đeo đuổi cuộc du hành lâu dài, cuộc 9 r r

du hành bát định đê nhìn ngăm cảnh sác; buông thả bàn chân là như vậy. Hoặc là, vị Tỳ-khưu, thậm chí ở bên trong tu viện của hội chúng, cũng buông thả bàn chân, có trạng thái buông thả ở bàn chân, không phải vì sự lợi ích là nguyên nhân, không phải vì công việc là nguyên nhân, bị phóng túng, có tâm không được vắng lặng, rồi từ gian phòng này đi đến gian phòng khác, từ tru xá này... (nt)... chuyện về sự hiện hữu và không hiện hữu là như vầy, hoặc là như thế; buông thả bàn chân còn là như vậy. Và không buông thả bàn chân: Nên dứt bỏ, nên xua di, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu trạng thái buông thả ở bàn chân; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với việc buông thả bàn chân, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn; nên có sự thích thú trong việc thiền tinh, được thích thú trong việc thiền tịnh, gan bó với sự vắng lặng của tâm thuộc nội phần, có thiền không bi xa rời, thành tựu minh sát, là người gia tăng việc ngụ ở các ngôi nhà trống vắng, chứng thiền, thích thú với thiền, gắn bó với trạng thái đơn độc, chú trọng mục đích của mình.

"C6 mắt nhìn xuống và không buông thả bàn chân [đi đó dây]" là như thế. Nên gắn bó với việc tham thiền, nên có nhiều tỉnh thức. Nên gắn bó với việc tham thiền: Gắn bó với việc tham thiền vì hai lý do: Gắn bó, gắn vào, gắn chặt, gắn liền với việc làm sanh khởi sơ thiền chưa được sanh khởi; gắn bó, gắn vào, gắn chặt, gắn liền với việc làm sanh

khởi nhị thiền, tam thiền, tứ thiền chưa được sanh khởi; gắn bó với việc tham thiền là như vậy. Hoặc là, luyện tập, tu tập, thực hành thường xuyên sơ thiền đã được sanh khởi; luyện tập, tu tập, thực hành thường xuyên nhị thiền, tam thiền, tứ thiền đã được sanh khởi; gắn bó với việc tham thiền còn là như vậy. Nên có nhiều tỉnh thức: ở đây, vị Tỳ-khưu, vào ban ngày làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bằng việc kinh hành, bằng việc ngồi; vào ban đêm trong canh đầu làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bằng việc kinh hành, bằng việc ngồi; vào ban đêm trong canh giữa áp dụng thế nằm của sư tử bằng sườn bên phải, đặt bàn chân chồng lên bàn chân, có niệm, có sự nhận biết rõ, chú tâm đến ý tưởng của việc thức dậy; vào ban đêm trong canh cuối sau khi thức dậy, làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bằng việc kinh hành, bằng việc ngôi. uNên gắn bó với việc tham thiền, nên có nhiều tỉnh thức,9 là như thế. Sau khi nỗ lực về hành xả9 có bản thân định tĩnh. Hành xả: Là sự hành xả, biêu hiện của hành xả, biêu hiện của hành xả vượt trội, trạng thái bình đẳng của tâm, trạng thái an tịnh của tâm, trạng thái trung dung của tâm ở tứ thiên. Có bản thân đinh tĩnh: Là sự ổn định, sự đứng vững, sự kiên định, sự không rối loạn, sự không tán loạn, trạng thái tâm ý không bị phân tán, sự vắng lặng, định quyền, định lực, chánh định của tâm. Sau khi nỗ lực về hành xả, có bản thân đinh tĩnh: Có tâm được nhất điểm, có tâm không bị tán loạn, có tâm ý không bị phân tán dựa trên nền tảng của sự hành xả ở tứ thiền. “Sau khi nỗ lực về hành xả, có bản thân định tinh” là như thế. Nên cắt đứt chỗ trú của sự suy nghĩ và [nên cắt đứt] sự hối hận. Sự suy nghĩ: Có chín sự suy tư: Suy tư về dục; suy tư về sân hận; suy tư về hãm hại; suy tư về thân quyến; suy tư về xứ sở; suy tư về chư thiên; suy tư liên quan đến sự trắc ẩn đối với người khác; suy tư liên quan đến lợi lộc, sự trọng vọng và sự nổi tiếng; suy tư liên quan đến việc không bị khi dễ. Các việc này gọi là chín sự suy tư. Sự nghĩ tưởng về dục là chỗ trú của các suy tư về dục, sự nghĩ tưởng về sân hận là chỗ trú của các suy tư về sân hận, sự nghĩ tưởng về hãm hại là chỗ trú của các suy tư về hãm hại. Hoặc là, vô minh là chỗ trú, tác ý không đúng đường lối là chỗ tru, ngã mạn về bản thân là chỗ trú, không hổ thẹn [tội lỗi] là chỗ trú, không ghê sợ [tội lỗi] là chỗ tru, phóng dật là chỗ trú của các suy nghĩ, của các suy tư, của các tư duy.

ĐẠI DIỄN GIẢI 417

Sự hối hận: Vẻ bối rối ở bàn tay cũng là hối hận, vẻ bối rối ở bàn chân cũng là hoi hận, vẻ bối rối ở bàn tay và bàn chân cũng là hối hận, lầm tưởng là được phép trong việc không được phép, lầm tưởng là không được phép trong việc được phép, lầm tưởng là có tội ở việc vô tội, làm tưởng là vô tội ở việc có tội. Sự hối hận nào có hình thức như vậy là biểu hiện hối hận, trạng thái hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý? việc này gọi là hối hận. Thêm nữa, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do hai nguyên nhân: Do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm. Thế nào là sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do trạng thái đã làm và do trạng thái không làm? Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: uTa đã làm uế hạnh về thân, ta đã không làm thiện hạnh về th2n.” Sự hôi hận, sự ăn năn của tâm, sự bôi roi của ý sanh lên răng: “Ta đã làm uê hạnh về khẩu,..."Ta đã làm uế hạnh về .."Ta đã giết hại sinh mạng, ta đã không tránh xa sự giết hại sinh mạng.99 Sự hối

hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: "Ta đã trộm cắp,..."Ta đã tà hạnh trong các dục,.."Ta đã nói dối,.."Ta đã nói đâm thọc5... “Ta đã nói thô 16, ta đã khôn^ tránh xa việc nói thô lỗ,... uTa đã nói nhảm nhí,... “Ta đã hành động tham đam,... uTa đã hanh động sân hận,... "Ta đã thực hành tà kiến, ta đã không thực hành chánh kiến.^, Như vậy là sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm. Hoặc là? sự hôi hận, sự ăn năn của tâm, sự bôi roi của ý sanh lên răng: "Ta không phải là người thực hành đầy đủ các giới?9 Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: "Ta là người có các giác quan không được gìn giữ.” ..."Ta là người không biết chừng mực về vật thực?9 ... "Ta chưa luyện tập về tỉnh thức."."Ta chưa đầy đủ niệm và sự nhận biết rõ?9... "Bốn sự thiết lập niệm chưa được ta tu táp." ... uBốn chánh cần chưa được ta tu tap." ... "Bốn nen tảng của thần thông chưa được ta tu tập.59... "Năm quyền chưa được ta tu tap.".."Nm lực chưa được ta tu tập."..."Bảy yếu tố đưa đến giác ngộ chưa được ta tu tập.55 .."Dạo lộ Thánh thiện tám chi phần chưa được ta tu tập.,, .. "Khổ chưa được ta biết toàn diện.,,... "Tập chưa được ta dứt b6."..."Đạo chưa được ta tu tap." ... "Diệt chưa được ta chứng ngộ?9 Nên cắt đứt chỗ trú của sự suy nghĩ và [nên cắt đứt] sự hối hận: Nên cắt dứt, nên cắt, nên cắt rời, nên cắt lìa, nên dứt bỏ, nên xua di, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự suy nghĩ, chỗ trú của sự suy nghĩ và sự hoi hận. "Nên cắt đứt chỗ trú của sự suy nghĩ và [nên cắt đứt] sự hối hận^, là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: “C6 mát nhìn xuống vày không buông \ thả bàn chân [đi đó đây], A

Nên găn bó với việc tham thiên, nên có nhiêu tỉnh thức, Sau khi no lực ve hành xả, có bản thân định tĩnh, Nên cát đứt chô trủ của sự suy nghĩ và [nên cát đứt] sự hôi hận,"

418 KINH TIÊU Bộ

16.19. Bi quở trách bởi những lời nói, vi [Tỳ-khưu] có niệm nên hoan hỷ. Nên phá vỡ sự cứng cỏi đối với các VỊ đồng Phạm hạnh. Nên thốt lên lời nói tốt lành, [lời nói] không vượt quá giới hạn. Không nên suy nghĩ ve chuyện phiếm luận của những người [khác], Bi quở trách bỏi những IM nói, vi [Tỳ-khưu] có nỉệm nên hoan hỷ. Bi quở trách: Các vi thây tê độ, hoặc các vị thây dạy học, hoặc các vị đông thầy tế độ, hoặc các vị đồng thầy dạy học, hoặc các bạn bè, hoặc các vị đồng quan điểm, hoặc các vị thân thiêt, hoặc các vị thân hữu quở trách rằng: “Nầy Đại dức, đối với ông điều này là không phù hợp, đối với ông điều này là không được đạt đến, đối với ông điêu này là không thích hợp, đối với ông điều này là không hợp với bản tánh." [Vi ấy] nên thiết lập niệm, roi nên vui thích, nên thích thú, nên vui mừng, nên tùy hỷ, nên ước muốn, nên ưng thuận, nên ước nguyện, nên mong câu, nên nguyện câu sự quở trách ây. Cũng giông như người nữ hoặc ngưòd nam còn trẻ, ở tuổi thanh niên, ưa thích trang điểm, vừa mới gội dầu, sau khi nhận được tràng hoa sen, hoặc tràn^ hoa nhài, hoặc tràng hoa đủ loại, nên thọ lãnh bằng hai tay và đặt lên ở đỉnh đau, rồi nên vui thích, nên thích thú, nên vui mừng, nên tùy hỷ, nên ước muốn, nên ưng thuận, nên ước nguyện, nên mong cầu, nên nguyện cầu. Tương tự như vậy, [vi ấy] nên thiết lập niệm, rồi nên vui thích, nên thích thú, nên vui mừng, nên tùy hỷ, nên ước muốn, nên img thuận, nên ước nguyện, nên mong cầu, nên nguyện cầu sự quở trách ấy. 1. ^Nên nhận biết người thông minh, có sự nhìn thấy

được lỗi lầm, có lời nói khiển trách, như là người chỉ ra những của cải chôn giấu [cho mình]; nên giao thiệp với người sáng suốt như thế ấy. Đổi với người giao thiệp với vỉ như thế ấy, thi trở nên tốt hơn, không có xấu hơn." 2. "'Người [nào] có thể giáo giới, có thể chỉ dạy, có thể ngăn cản điều không tốt lành, thật vậy đổi với những người tốt thì người ấy được yêu mến, đổi với những người xấu thì không được yêu mến." "Bị quở trách bởi những lời nói, vi [Tỳ-khiru] có niệm nên hoan hy" là như thế. Nên phá vỡ sự cứng cỏi đối vói các v| đồng Phạm hạnh. Các vi đồng Phạm hạnh: Là những vi có chung hành sự, có chung việc đọc tụng [Giới bổn (Pātimokkhaṃ, có sự học tập giống nhau. Nên phá vỡ sự cứng cỏi đối với các vi đồng Phạm hạnh: Nên phá vỡ trạng thái tâm hằn học, bản tánh cứng cỏi đối với các vị đồng Phạm hạnh; nên phá vỡ năm sự cứng cỏi của tâm; nên phá vỡ ba sự cứng cỏi của tâm; nên đập vỡ, nên phá vỡ, nên đập tan sự cứng cỏi do tham ái, sự cứng cỏi do sân hận, sự cứng cỏi do si mê.

8 Xem chú thích về4'Năm sự cứng cỏi của tâm,, ở trang 55. (ND) 9 Ba sự cứng cỏi cua tam: Sự cứng cỏi cua luyên ái, sự cứng cỏi cua san hận, sự cứng cỏi của si mê (xem trang 55). (ND)

"Nên phá vỡ sự cứng cỏi đối với các vi đồng Phạm hạnh" là như thế. Nên thốt lên lòi nói tốt lành, [lòi nói] không vượt quá giói hạn: Nên thốt ra lời nói được khởi lên từ trí tuệ. Nên thốt ra, nên thốt lên lời nói liên hệ đến mục đích, liên hệ đến giáo pháp, hợp thời, có lý lẽ, có cơ sở. uNên thốt lên lời nói tốt lành" là như thế. [Lòi nói] không vượt quá giới hạn. Giới han: Có hai giới hạn: Giới hạn về thời điểm và giới hạn về luân lý. Giới hạn về thời điểm là gì? Không nên nói lời nói không phải thời, không nên nói lời nói không phải lúc, không nên nói lời nói không phải thời không phải lúc, không nên nói lời nói không hợp thời, không nên nói lời nói không hợp lúc, không nên nói lời nói không hợp thời không hợp lúc. 3. ^Thậí vây, kẻ nào khi thời điểm chưa đến mà thốt lên [lời nói] không phải lúc, kẻ ấy bi giết chết nằm dài, tựa như chim cu con." Điều này là giới hạn về thời điểm. Giới hạn về luân lý là gì? Khi bị luyến ái không nên nói lời nói, khi bị sân hận không nên nói lời nói, khi bi si mê không nên nói lời nói, không nên nói lời nói dối, không nên nói lời nói đâm thọc, không nên nói lời nói thô lỗ, không nên nói lời nói nhảm nhí, không nên nói, không nên thuyết, không nên phát ngôn, không nên giảng giải, không nên diên tả; điêu này là giới hạn vê luân lý. uNên thốt lên lời nói tốt lành, [lời nói] không vượt quá giới hạn,, là như thế. Không nên suy nghĩ về chuyện phiếm luận của những người [khác]. Những người [khác]: Là các Sát-đê-lỵ, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người. Không nên suy nghi, không nên làm sanh khởi sự suy nghĩ, không nên làm sanh khởi tâm, không nên làm sanh khởi sự suy tam, không nên làm sanh khởi sự chú tâm về lời buộc tội, về lời gièm pha, về sự chê bai, về sự chê trách, về sự không nổi tiếng, về sự không ca tụng, về sự hư hỏng về giới, hoặc về sự hư hỏng vê hạnh kiêm, hoặc vê sự hư hỏng vê quan diêm, hoặc vê sự hư hỏng về nuôi mạng. uKhông nên suy nghĩ vê chuyện phiêm luận của những người [khác]55 là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng: "Bi quở trách bởi những lời nói, vị [Tỳ-khưu] có niệm nên hoan hỷ. Nên

phả vỡ sự cứng cỏi đôi với các vị đông Phạm hạnh. Nên thốt lên lời nói tốt lành, [lời nói] không vượt quả giới hạn. Không nên suy nghĩ về chuyện phiếm luận của những người [khác]."

10 Bổn sanh 'Kokka" (Kokãlikcỳãtakam), số 331, TTPV, tập 32, trang 189, câu kê 628. (ND)

16.20. Và hơn thế nữa, có năm loại bụi bặm ở thế gian; đối với chúng, vị có niệm nên học tập để dẹp bỏ. Nên khổng chế sự luyến ái ở các sắc, ở các thinh, rồi ở các vi, ở các hương, ở các xúc. Và hon thế nữa, có năm loại bụi bặm ờ thế gian.

y Từ "atha" này là sự nôi liên các câu văn, sự két hợp các câu văn, * sự Và: làm đây đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chát tuân tự của các câu văn. Có năm loại bụi bặm: [Luyến ái ở] sắc là bụi bặm, [luyến ái ở] thinh là bụi bặm, [luyến ái ở] hương là bụi bặm, [luyến ái ở] vị là bụi bặm, [luyến ái ở] xúc là bụi bặm. 1. Luyến ái là bụi bặm, nhưng không phải nói đen bụi đất, Từ "b.i bặm " này là tên gọi của luyến ái. Các vi sáng suốt, sau khỉ dứt bỏ hẳn bụi bặm này, Các vị ây sông trong giáo pháp của bậc đã tách lìa bụi bặm. 2. Sân hận là bụi bặm, nhưng không phải nói đến bụi đất, Từ "bụi bặm " này là tên gọi của sân hận. ? o -t ọ Các vỉ sáng suôt, sau khỉ dứt bỏ hãn bụi bặm này, Các vị ấy sống trong giáo pháp của bậc đã tách lìa bụi bặm, r r 3. Si mê là bụi bặm, nhưng không phải nói đên bụi đát, Từ ^bụỉ bặm " này là tên gọi của si mê, Các vi sáng suốt, sau khỉ dứt bỏ hẳn bụi bặm này, Các vỉ ấy sổng trong giáo pháp của bậc đã tách lìa bụi bặm. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ. "Và hơn thế nữa, có năm loại bụi bặm ở thế gian^, là như thế. Đối với chúng, vi có niệm nên học tập để dẹp bỏ. Đôi vói chúng: Là đôi với sự luyên ái ở sác, đôi với sự luyên ái ở thinh, đối với sự luyến ái ở hương, đối với sự luyến ái ở vị, đối với sự luyến ái ở xúc. Vi có niệm: Niệm là sự tùy niệm, niệm hiện tiền; niệm là trạng thái ghi nhớ, trạng thái ghi nhận, trạng thái không lơ là, trạng thái không quên lãng; niệm là niệm quyền, niệm lực, chánh niệm, niệm giác chi, con đường độc đạo; điều này được gọi là niệm. Người đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu niệm này, người ấy được gọi là có niệm. Nên học tập: Có ba sự học tập: Học tập vê thăng giới, học tập vê thăng tâm, học tập về thắng tuệ. Việc nào là sự học tập về thắng giới?..(nt)... Việc này là sự học tập về thắng tuệ. Đối với chúng, vị có niệm nên học tập để dẹp bỏ: Nệười có niệm nên học tập về thắng giới, nên học tập về thắng tâm, nên học tập vê thắng tuệ nhằm loại

A A r y y bỏ, nhăm bài trừ, nhăm dứt bỏ, nhăm làm văng lặng, nhăm buông bỏ, nhăm tịch tinh đối với chúng: Đối với sự luyến ái ở sắc, đối với sự luyến ái ở thinh, đối với sự luyến ái ở hương, đối với sự luyến ái ở vị9 đối với sự luyến ái ở xúc. Trong khi hướng tâm đen ba sự học tập này thì nên học tập; trong khi biết thì nên học tập;... (nt)... trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ thì nên học tập, nên hành xử, nên hành theo,

nên thọ trì và vận dụng. "Đối với chúng, vị có niệm nên học tập để dẹp b6" là như thế. Nên khống chế sự luyến ái ờ các sắc, ờ các thinh, rồi ờ các vi, ờ các hương, ờ các xúc: Nên khống chế, nên áp chế, nên ngự trị, nên đè bẹp, nên trấn áp, nên chà đạp sự luyến ái ở các sắc, ở các thinh, ở các vị? ở các hương, ở các xúc. uNên khống chế sự luyến ái ở các sắc, ở các thinh, rồi ở các vị, ở các hương, ở các xúc" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: fíVà hơn thế nữa, có năm loại bụi bặm ở thế gian; đổi với chúng, vị có niệm nên học tập đe dẹp bỏ, ỉ ĩên khống che sự luyến ái ở các sắc, ở các thinh, roi ở các vỉ, ở các hương, ở các xúc."

16.21. Tỳ-khưu có niệm, có tâm khéo được giải thoát, nên loại bỏ sự mong muốn ở các pháp ấy. Vỉ ấyf đủng thời điếm, trong khi suy xét toàn diện một cách đúng đan ve giáo pháp, có trạng thái chuyên nhất [của tâm], vị ấy có thể diệt trừ sự tăm tối 9ĩf [đức Thế Tôn nói vậy], Nên loại bỏ sự mong muốn ờ các pháp ấy. ở các [pháp] ấy: ở các sắc, ở các thinh, ở các vị, ở các hương, ở các xúc. Sự mong muốn: Là sự mong muốn về dục, sự luyến ái về dục, niềm vui về dục, sự tham ái về dục, sự yêu mến về dục, sự nồng nhiệt về dục, sự mê mẩn về dục, sự bám chặt vào dục, sự lôi cuốn của dục, sự gắn bó với dục, sự chấp thủ ở dục,... (nt)... sự che lấp do mong muốn ở các dục. Nên loại bỏ sự mong muốn ờ các pháp ấy: Nên loại bỏ, nên dẹp hẳn, nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự mong muốn ở các pháp ấy. "Nên loại bỏ sự mong muốn ở các pháp ấy" là như thế. Vi Tỳ-khưu có niệm, có tâm khéo được giải thoát Vi Tỳ-khưu: Là vị Tỳ-khưu phàm nhân tốt lành hoặc vị Tỳ-khiru là bậc Hữu học. Có niệm: Niệm là sự tùy niệm,... (nt).. chánh niệm? niệm giác chi, con đường độc đạo; điều này được gọi là niệm. Người đã tiến đến niệm này,... (nt).. người ấy được gọi là có niệm. Vi Tỳ-khưu có niệm, có tâm khéo được giải thoát: Đối với vi thể nhập Sơ

thiền, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi các pháp che lấp. Đối với vị thể nhập Nhi thiền, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi tam và tứ. Đối với vị thể nhập Tam thiền, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi hỷ. Đối với vi thể nhập Tứ thiền, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi lạc và khổ. Đối với vị thể nhập Khôn^ vô biên xứ, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi sắc tưởng, bất bình tưởng, dị biệt tưởng. Đối với vi thể nhập Thức vô biên xứ, tâm... (nt)... khỏi Không vô biên xứ tưởng. Đối với vi thể nhập Vô sở hữu xứ, tâm... (nt)... khỏi Thức vô biên xứ tưởng. Đối với vị thể nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi Vô sở hữu xứ tưởng. Đối với vị Nhập lưu, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi sự nhận thức sai trái về thân, sự hoài nghi, sự bám víu vào giới và phận sự, tà kiến tiềm ẩn, hoài nghi tiềm ẩn, và các phiền não cộng tru với mỗi pháp ấy. Đối với vi Nhất lai, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất thô thiển, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đối với vị Bất lai, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất vi

tế, và các phiền não cộng tru với mỗi pháp ấy. Đối với vị A-la-hán, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, ngã mạn tiềm ẩn, hữu ái tiềm ẩn, vô minh tiềm ẩn, các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy, và mọi hiện tướng ở bên ngoài. Tỳ-khưu có niệm, có tâm khéo được giải thoát" là như thế. Vi ấy, đúng thời điểm, trong khi suy xét toàn diện một cách đúng đắn về giáo pháp. Đúng thời điểm: Khi tâm bi phóng túng là thời điểm của [tu tập] định, khi tâm đã được định tĩnh là thời điểm của minh sát. 1. Vị nô lực tâm vào thời diêm [này] và kiêm chê tâm vào thời diêm khác, khích lệ tâm đủng thời điểm, tập trung tâm vào thời điểm [thích hợp], hành xả đúng thời điểm, vi hành giả ấy là người rành rẽ về thời điểm. 2. Việc nỗ lực là vào thời điểm nào? Việc kiềm chế là vào thời điểm nào? Thời điểm cần khích lệ là vào thời điểm nào? Và thời điểm của vắng lặng là thời điểm như the nào? Làm the nào giúp cho các hành giả nhìn thay thời điểm hành xả của tâm? 3. Khi tâm bị lui sụt là [thời diêm của] việc nô lực, nhưng khi tâm bi phóng tủng là [thời điểm của] việc kiềm chế, khi tâm đi đến sự không hứng thú, vào khi ây nên khích lệ tâm. 4. Vào lúc tâm đã được khích lệ, không bi lui sụt, không bỉ phóng túng, thời diêm ây là của sự vắng lặng và của ấn chứng, tâm thích thú ở bên trong [của đê mục].

5. Theo đúng phương thức này, vào lúc [tâm] được đinh tĩnh, sau khi nhận biết tâm đã được định tĩnh, nên hành xả tâm vào khi ấy. 6. Vị sảnệ trí, hiểu rõ về thời điểm, biết về thời điểm, rành rẽ về thời điểm nên suy xét an chứng của tâm đủng thời điểm, thuận theo thời điểm. Vi ấy, đúng thời điểm, trong khi suy xét toàn diện một cách đúng đắn về giáo pháp: Trong khi suy xét toàn diện một cách đúng đắn về giáo pháp rằng: "Tát cả các hành là vô thuơng"; trong khi suy xét toàn diện một cách đúng đắn về giáo pháp rằng: "Tất cả các hành là kh6"; trong khi suy xét toàn diện một cách đúng đắn về giáo pháp rằng: "Tất cả các pháp là vô ngâT...(nt)... trong khi suy xét toàn diện một cách đúng đắn về giáo pháp rằng: "Biều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.^, "Vj ấy, đúng thời điểm, trong khi suy xét toàn diện một cách đúng đắn về giáo pháp95 là như thế. Có trạng thái chuyên nhất [của tâm], vi ấy có thể diệt trừ sự tăm tối, [dức Thế Ton nói vậy]. Có trạng thái chuyên nhất [của tâm]: Có tâm được nhất điểm, có tam không bị tản mạn, có tâm ý không bi phân tán, có sự vắng lặng, có tuệ quyền, có tuệ lực, có chánh định. “C6 trạng thái chuyên nhất [của tâm],, là như the. Vị ấy có thể diệt trừ sư tăm tối: Là có thể tiêu diệt, có thể diệt trừ, có thể dứt bỏ, có thể xua di, có the làm chấm dứt, có thể làm cho không còn hiện hữu tất cả sự tăm tối bởi luyến ái, sự tăm tối bởi sân hận, sự tăm tối bởi si mê, sự tăm tối bởi tà kiến, sự tăm tối bởi ngã mạn, sự tăm tối bởi ô nhiễm, sự tăm tối bởi uê hạnh, sự tạo ra tăm tôi, sự làm cho mù mát, sự tạo ra vô trí, sự diệt tận tuệ, đem đến sự buồn phiền, không vận hành đến Niết-bàn. Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. Thêm nữa, "vj có luyến ái đã được phá v&" là đức Thế Tôn; “vj có sân hận đã được phá v&” là đức Thế Tôn; có si mê đã được phá vỡy là đức Thế Tôn; “vj có ngã mạn đã được phá v&” là đức Thế Tôn; có tà kiến đã được phá v&” là đức Thế Tôn; "vi có cây gai đã được phá v&” là đức Thế Tôn; “vi có ô nhiễm đã được phá v&” là đức Thế Tôn; “vj đã phân phát, đã phân chia, đã phânj>hối Pháp bảo59 là đức Thế Tôn; uvị thực hiện sự chấm dứt các hữu,, là đức The

Tôn; có thân đã được tu tập, có giới đã được tu tập, có tâm đã được tu tập, có tuệ đã được tu táp" là đức Thế Tôn; đã thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ tru ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh,, là đức Thế Tôn; "vj có dự phần hoặc sở hữu về y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bênh" là đức Thế Tôn; có dự phần hoặc sở hữu về vị của mục đích, về vị của Pháp, về vị của giải thoát, về thắng ệiới, về thắng tâm, về thắng tue" là đức Thế Tôn; "vị có dự phân hoặc sở hữu vê bôn thiên, vê bôn vô lượng [tâm], về bốn sự thể nhập vo sac^ là đức Thế Ton; "vj có dự phần hoặc sở hữu về tám giải thoát, về tám thắng xứ [của thiền], về chín sự thể nhập và an tru theo tuần tự" là đức Thế

Tôn; "vi có dự phân hoặc sở hữu vê mười sự tu tập vê tưởng, vê mười sự thê nhập các đề mục kasina, về định niệm hơi thở vào hơi thở ra, về sự thể nhập các đề mục tử thi" là đức Thế Ton; "vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn sự thiet lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phn" là đức Thế Tôn; "vj có dự phần hoặc sở hữu về mười Như Lai lực, về bon pháp tự tin, về bốn tuệ phân tích, về sáu thắng trí, về sáu pháp của đức Phát" là đức Thế Tôn. Tên gọi "Thế Tôn95 này không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh [em] trai tạo ra, không do chi [em] gái tạo ra, không do bạn bè hoặc thân hữu tạo ra, không do các thân quyến và những người cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra? sự tận cùng của giải thoát này là sự quy định thuộc về chư Phật Thế Tôn do sự đạt được, do sự chứng ngộ trí Toàn tri ở cội cây Bồ-đề, tức là "dức Thế T6n." "C6 trạng thái chuyên nhất [của tâm], vi ấy có thể diệt trừ sự tăm tối, [đức Thế Tôn nỏivậyỴ là ïïhư thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: : Tỳ-khim co niệm, có tâm khẻo được giải thoát, nên loại bỏ sự mong muốn ở các pháp ấy. Vi ấy, đủng thời điếm, trong khỉ suy xét toàn diện một cách đủng đan ve giáo pháp, có trạng thải chuyên nhất [của tâm], vi ấy có the diệt trừ sự tăm tối", [đức Thế Tôn nói vậy]. "Diễn giải kỉnh về Sāriputtaṃ được đầy đủ Phần thứ mười sáu. ĐẠI DIỄN GIẢI ĐƯỢC CHẤM DỨT.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.